

STEPHEN KING

DẶM XANH

BEST-
SELLER

THE

GREEN MILE



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

STEPHEN KING

DẶM XANH



Nguyễn Thu Hương dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

LỜI GIỚI THIỆU

"THE GREEN MILE"- DẶM XANH là tác phẩm được đánh giá là xuất sắc nhất của Stephen King, một nhà văn nổi tiếng với những câu chuyện hình sự, kinh dị; người được báo chí và độc giả mệnh danh là "Ông vua kinh dị" (King of Horror). Tác phẩm này đã được giải thưởng Bram Stoker năm 1997 cho thể loại tiểu thuyết xuất sắc nhất.

Nội dung sách gồm sáu phần được nối kết với nhau qua lời tường thuật của viên quản giáo trưởng trại tử tù khi đã già. Câu chuyện xoay quanh các tù nhân chờ ngày lên ghế điện và các quản giáo có nhiệm vụ canh giữ họ trong những ngày cuối đời. Trong số các tử tù có John Coffey, một người da đen to lớn có năng lực siêu nhiên. Anh bị kết án tử hình vì tội đã bắt cóc và sát hại hai bé gái sinh đôi của ông bà Detterrick. Điều trớ trêu là John Coffey không phải là thủ phạm. Anh đã bị bắt khi đang cố gắng cứu sống hai đứa trẻ và bị kết án tử hình vì tội ác do kẻ khác gây ra...

Lồng trong câu chuyện dữ dội ở trại tử tù là những mối quan hệ đầy nhân bản giữa người và người. Các quản giáo, dù biết tù nhân của mình đã phạm phải những tội ác tày trời và sắp phải trả giá cho tội ác ấy là bản án tử hình, nhưng vẫn cố gắng trấn an họ trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, cố làm sao cho họ

được chết không đau đớn. Từng trang sách toát lên tình yêu thương của tác giả đối với nhân vật của mình khiến người đọc, dù bị lôi cuốn bởi bối cảnh khắc nghiệt của câu chuyện, vẫn cảm thấy xúc động mạnh mẽ.

Có thể nói **"THE GREEN MILE"** - **DẶM XANH** là một trong những tiểu thuyết gây tiếng vang lớn của Stephen King, không chỉ bởi cốt truyện đầy kịch tính mà còn bởi phong cách hành văn đặc biệt của ông: lôi cuốn, đơn giản và sâu sắc. Cuốn tiểu thuyết đề cập đến những vấn đề nhức nhối trong xã hội Mỹ hiện nay: sự kỳ thị chủng tộc, những tù nhân bị kết án tử hình oan. Đó cũng là điều nhắc nhở cảnh báo đối với lương tri của mỗi con người.

"THE GREEN MILE" cũng đã được chuyển thể và dựng thành phim với nam diễn viên Tom Hanks (người đã hai lần đoạt giải Oscar nam diễn viên chính xuất sắc nhất trong phim **"Philadelphia"** và **"Forest Gump"**) đóng vai viên quản giáo trưởng trại tử tù Paul Edgecombe. Phim đã có ở Việt Nam với tựa đề **"Quản giáo và tử tù"**.

Với những thành công trên, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu **"THE GREEN MILE"** - **DẶM XANH** cùng bạn đọc. Cảm ơn sự đón nhận và phê bình sách của các bạn.

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

phần 1

*Cái chết
của
hai cô bé*

1

Câu chuyện xảy ra vào năm 1932, khi nhà tù tiểu bang còn ở Cold Mountain và chiếc ghế điện cũng ở nơi ấy.

Đĩ nhiên những tù nhân thường kể các câu chuyện khôi hài về chiếc ghế, giống như người ta luôn cười cợt về những chuyện làm cho họ sợ nhưng không thể nào thoát khỏi nỗi ám ảnh của chúng. Họ gọi chiếc ghế điện ấy là “Già Sparky” hoặc “Juicy vĩ đại”. Họ cười cợt về cách tính dòng điện và về giám đốc nhà tù Moores. Vào dịp lễ Tạ ơn năm ấy, ông ta đã phải tự nấu lấy bữa ăn tối, bởi vì bà vợ Melinda của ông yếu đến nỗi không thể nào làm được.

Nhưng đối với những người phải ngồi trên chiếc ghế ấy thì những câu chuyện đùa cợt sẽ sớm qua đi. Trong thời gian làm việc ở Cold Mountain, tôi đã tham gia bảy mươi tám cuộc hành hình (một con số tôi không thể nào quên được, tôi sẽ còn nhớ đến nó cả trong phút lâm chung), và tôi nghĩ phần lớn những người này chỉ chợt hiểu điều gì sẽ xảy ra khi những khớp xương của họ bị cột chặt vào hai chân bằng gỗ sồi của “Già Sparky”. Sau đó là sự nhận thức (người ta nhìn thấy nỗi kinh hoàng trong đôi mắt họ) rằng đôi chân của họ đã chấm dứt sứ mạng rồi. Máu vẫn còn chảy trong huyết quản của họ, các bắp thịt vẫn còn mạnh mẽ, nhưng tất cả đã kết thúc. Họ sẽ không bao giờ còn được đi dạo trên các cánh đồng hoặc

khieu vũ thâu đêm với các cô gái trong dịp hội hè nữa.

Những người khách của "*Già Sparky*" nhận biết cái chết sắp đến từ dưới khớp xương ống chân trở lên. Sau khi đã thăm thì những lời nói (thường là rồi rắm) lần cuối, một cái mũ chụp lớn màu đen bằng vải lụa sẽ được chụp lên đầu của họ. Hình như chiếc mũ chụp được dành cho người bị hành hình, nhưng tôi vẫn luôn nghĩ rằng nó dành cho chúng tôi, để chúng tôi không phải nhìn thấy nỗi kinh hoàng trong đôi mắt của tội nhân, khi họ chợt nhận ra rằng sẽ phải chết với hai đầu gối bị cột chặt và bẻ gập lại.

Không có cái chết như thế ở Cold Mountain mà chỉ có ở khu E, một trại giam nằm biệt lập với bốn trại khác. Nó chỉ lớn bằng một phần tư so với các trại kia và được làm bằng gạch thay vì bằng gỗ, với một mái nhà bằng sắt trần trụi giống như tròng mắt nhìn trôn trời lên bầu trời của một người trong cơn mê sảng. Trong trại E có sáu xà lim. Chúng được phân bố mỗi bên ba buồng chạy dọc theo một hành lang rộng ở giữa. Mỗi xà lim rộng gần gấp đôi so với các xà lim ở bốn trại kia. Đó là các buồng giam dành cho từng tù nhân riêng rẽ. Quả là quá tiện nghi đối với một nhà tù (đặc biệt là trong những năm ba mươi), thế nhưng các cai tù ở đây rất muốn đổi chỗ làm sang bốn trại giam kia, quý vị cứ tin đúng là như thế.

Trong những năm tôi còn làm quản giáo ở khu E, chưa bao giờ cả sáu xà lim đều có "khách". Người ta phải cảm ơn Thượng Đế về những ân huệ nho nhỏ như thế. Lúc đông nhất là bốn xà lim chứa bốn tù nhân, kể cả da trắng và da đen (ở Cold Mountain không có sự phân biệt chủng tộc, màu da giữa những người sắp chết) và lúc đó, khu giam giữ tử tù trở thành một địa ngục thu nhỏ.

Có một người phụ nữ trong buồng giam, Beverly

McCall. Cô ta da đen và rất đẹp, đẹp như nguồn tội lỗi mà người ta cứ muốn lao vào. Cô ta đã chịu đựng suốt sáu năm trời việc bị chồng đánh đập, nhưng không chịu đựng được dù chỉ một ngày khi biết hắn ngoại tình. Vào buổi tối khi phát hiện ra mình đã bị lừa dối, cô ta lẳng lặng chờ, chờ cho đến khi gã Lester McCall tội nghiệp trở về sau cuộc vui với bạn bè (và có lẽ với tình nhân mới của hắn), chờ cho đến khi nghe tiếng chân của chồng bước qua cửa hiệu cắt tóc lên cầu thang để vào phòng ở; cô ta chờ cho đến lúc hắn đang cởi bỏ chiếc áo măng tô và đâm một nhát dao chí tử để xem lòng dạ phản bội của hắn. Và cô ta đã làm việc ấy bằng một trong các con dao cạo của chồng.

Hai đêm trước khi phải ngồi vào vòng tay của “*Già Sparky*”, cô ta gọi tôi đến trước buồng giam và nói rằng mình đã được một vị thần từ Châu Phi - nguồn gốc của cô ta - đến thăm. Ngài đã khuyên cô ta hãy từ bỏ cái tên của cuộc đời nô lệ và chết dưới cái tên tự do của mình : Matuomi. Lời cầu xin của cô ta là hãy ghi tên trên giấy chứng tử của mình là Beverly Matuomi. Tôi đồ rằng không có vị thần linh nào nói cho cô ta bất cứ cái tên nào, hoặc một ý niệm để cô ta có thể nhớ lại. Dù sao thì tôi cũng nói “*Vâng, O.K., được rồi!*” Một trong vô số điều người ta học được khi làm cai tù là đừng bao giờ từ chối bất cứ điều gì với những kẻ đã bị kết án tử hình nếu không thật cần thiết. Trong trường hợp của Beverly Matuomi thì điều ấy cũng không có ý nghĩa gì. Vào ba giờ chiều ngày hôm sau, ngài Thống đốc bang đã gọi điện thoại đến để ra lệnh ân xá, chuyển án tử hình thành tù chung thân ở nhà tù dành cho phụ nữ Grassy Valley Penal Facility. Tôi vui mừng khi nhìn thấy cái mỉm cười tròn trĩnh của Bevs rẽ sang trái để đi ra ngoài thay vì rẽ phải để đến với chiếc ghế điện, tôi có thể đoán chắc với quý vị điều đó.

Ba mươi lăm năm sau hoặc hơn thế – ít nhất phải là ba

mười lăm năm – tôi đã thấy lại cái tên này trên một tờ báo, dưới tấm ảnh của một phụ nữ da đen có gương mặt thon gầy, tóc bạc trắng và đeo kính gọng đôi mắt. Đó là Beverly. Bà ta đã sống mười năm cuối đời trong tự do và đã cứu thư viện của thị trấn nhỏ Raines Falls khỏi bị đóng cửa, trong lời cáo phó ghi như thế. Beverly cũng đã dạy lớp giáo lý ngày chủ nhật và rất được yêu mến ở thị trấn xa xăm ấy. “**NGƯỜI NỮ QUẢN THƯ THƯ VIỆN ĐÃ QUA ĐỜI VÌ MỘT CON ĐAU TIM**”, tit bài báo như thế và chỉ đến dòng cuối của bài báo, như được vô tình thêm vào, là dòng chữ “*đã từng thụ án hai mươi năm tù về tội giết người.*”

Chỉ có đôi mắt to, long lanh ẩn phía sau cặp kính gọng đôi mắt thanh lịch là vẫn thế. Đó là đôi mắt của một người đàn bà, dù đã bảy mươi tuổi, vẫn sẵn sàng chop lấy con dao cạo đang cắm trong ca nước khử trùng khi bị thôi thúc. Người ta có thể nhận ra một kẻ sát nhân, ngay cả lúc họ từ già cỗi đời khi đang là một thủ thư già ở một thị trấn nhỏ bị lãng quên. Có thể nhận biết họ khi người ta đã phải canh giữ một số lớn kẻ sát nhân như tôi. Chỉ có một lần tôi hoài nghi về ý nghĩa công việc của mình và chính vì thế tôi viết lại câu chuyện này.

Hành lang rộng chạy dài giữa khu E được trải bằng loại vải sơn lát sàn màu xanh lá úa nhạt nhợt. Do đó, ở các khu khác người ta gọi là “*Chặng Đường Cuối*”, còn ở Cold Mountain gọi là “Green Mile” – “*Dặm Đường Xanh*” hay “*Dặm Xanh*”. Tôi độ chừng rằng chiều dài của nó đo từ nam đến bắc, từ đầu đến cuối, là sáu mươi bước. Đầu tiên là phòng ngoài khá rộng, tạm gọi là tiền sảnh, cuối hành lang là một ngã ba hình chữ T. Rẽ trái có nghĩa là sống, nếu ta gọi những gì diễn ra trên khoảng sân dưới ánh nắng hiu hắt ấy là cuộc sống. Có nhiều người đã rẽ trái, đã sống nhiều năm liền như thế. Ở đó, những tên trộm, những kẻ đốt nhà, những tên

hiếp dâm nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ của chúng, đi dạo theo cách của chúng và thực hiện những cuộc mua bán nhỏ nhỏ theo kiểu của chúng.

Nhưng rõ phải là một cái gì đó khác hẳn. Trước tiên, người ta sẽ bước vào văn phòng (nơi thăm trải sàn cũng mang màu xanh lá úa, tôi đã định cho thay nhưng mãi vẫn không thực hiện được) và đến trước bàn viết của tôi. Phía sau, bên trái của bàn viết là quốc kỳ nước Mỹ, bên phải là cờ của tiểu bang. Sau đây có hai cánh cửa, một dẫn đến nhà vệ sinh nhỏ mà tôi và các quân giáo khu E (thỉnh thoảng cả giám đốc Moores) sử dụng, cánh cửa kia dẫn đến một nơi tương tự như nhà kho. Ở đó, cuộc đời sẽ kết thúc khi người ta bước vào *Dặm Xanh*.

Đó là một cánh cửa nhỏ. Tôi đã phải cúi thấp đầu khi đi qua đó, còn John Coffey thậm chí phải ngồi bệt xuống và trượt đi. Sau đó người ta sẽ thấy một đầu cầu thang hẹp. Xuống ba bậc thang bằng xi măng là một căn phòng có lát ván sàn. Đó là một căn phòng ẩm ướt với mái sắt như mái của khu E. Vào mùa đông, ở trong ấy lạnh đến nỗi người ta có thể nhìn thấy cả hơi thở của mình, còn mùa hè thì lại ngột ngạt, nóng bức. Trong buổi hành hình Elmer Manfred – vào tháng bảy hoặc tháng tám năm 1930, tôi nghĩ là khoảng đó – đã có chín nhân chứng ngất xỉu. Bên phải của nhà kho là cuộc sống. Ở đó có các dụng cụ để lao động (tất cả đều ở trên giá và bị xích lại chắc chắn, làm như đấy là vũ khí thay vì cuốc và xẻng), vài thùng, bao đựng hạt giống để gieo trồng ở trên khu vườn của nhà tù, các thùng các-tông chứa giấy vệ sinh, nhiều pa-lét để phơi, vật đúc của xưởng cơ khí nhà tù, thậm chí có cả vòi để đánh dấu sân chơi bóng rổ và bóng đá. Các tù nhân chơi trên một khu vực được gọi là đồng cỏ. Ở Cold Mountain, người ta rất vui khi được chơi như thế trong những buổi chiều thu muộn.

Phía bên trái, lại là cái chết. Chiếc ghế điện được gọi là

“Già Sparky” ấy được bắt chặt trên một cái bục bằng gỗ ở góc hướng đông nam của nhà kho. Chiếc ghế có các chân bằng gỗ sồi chắc chắn, hai cánh tay rộng đã từng hút những giọt mồ hôi hoảng sợ của hàng trăm người toát ra trong giây phút cuối của cuộc đời họ. Chiếc mũ bằng kim loại treo phía sau lưng ghế như mũ của con rô-bốt trong loạt truyện tranh của Buck Rogers. Một sợi dây cáp nối từ chiếc mũ xuyên qua tường ở phía sau chiếc ghế. Bên cạnh ghế có đặt một cái xô mạ kẽm. Khi nhìn vào trong đó, người ta thấy một miếng bọt biển hình tròn lấp vừa khớp với chỗ lõm trong chiếc mũ. Trước khi tội nhân bị hành hình, nó sẽ được nhúng vào một dung dịch muối để tăng khả năng dẫn điện từ dây cáp điện đến não của kẻ bị kết án tử hình.

2

1932 là năm của John Coffey. Các chi tiết được đăng tải đầy trên báo và người nào quan tâm đến câu chuyện ấy đều có thể đọc được. Người nào đó có nhiều năng lượng hơn là một cụ già đang chờ đợi sự kết thúc của cuộc đời trong một nhà dưỡng lão ở Georgia.

Tôi nhớ lại, đó là một mùa thu nóng bức. Quả thực rất nóng bức. Tháng mười cũng như tháng tám. Và bà vợ của vị giám đốc nhà tù, Melinda, phải vào bệnh viện ở Indianola. Mùa thu năm ấy, tôi bị căn bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu tồi tệ nhất trong cuộc đời mình. Tôi không đến nỗi phải vào

bệnh viện nhưng mỗi lần đi tiểu tôi chỉ muốn chết đi cho xong. Đó là mùa thu của Delacroix, một người Pháp có cái đầu bị hói gần hết và là mùa thu của một con chuột. Người đàn ông ấy đã đến vào mùa hè và bày trò vui với cái trục chi bằng gỗ. Nhưng chủ yếu đó là mùa thu mà John Coffey đến trại E, bị kết án tử hình vì tội hãm hiếp và sát hại hai cô bé sinh đôi nhà Detterick.

Ở trại tử tù, mỗi một ca trực có bốn đến năm quản giáo, nhưng phần nhiều trong số đó là quản giáo từ các trại khác tăng cường. Biên chế của khu E ngoài tôi ra là Dean Stanton, Harry Terwilliger và Brutus Howell. Các quản giáo gọi anh ta là “Brutal” – “Kẻ tàn nhẫn” - nhưng đó thật sự chỉ là lời nói đùa, vì trái ngược với thân hình cao lớn, lực lưỡng, anh ta thậm chí không làm hại đến cả một con ruồi, nếu như không cần thiết. Đến bây giờ thì ba người đều đã chết, kể cả Percy Wetmore, kẻ thật sự tàn nhẫn và lại ngu ngốc nữa. Percy không có gì cần phải làm ở khu E, nơi mà một kẻ độc ác bẩm sinh không thể giúp ích được gì và đôi khi lại gây nguy hiểm nữa. Nhưng hắn có người cô là vợ của ngài thống đốc tiểu bang. Thế là hắn có mặt ở trại tử tù.

Chính Percy Wetmore là người đã áp giải Coffey đến khu E với tiếng quát tháo ầm ỹ. Có lẽ hắn rất thích thú khi hò hét: *“Một xác chết biết đi! Một xác chết biết đi đang đến!”*

Thời tiết nóng như bản lề của các cánh cửa. Cánh cửa dẫn vào khu trại giam được mở ra, để một luồng ánh sáng tràn vào và người đàn ông cao lớn xuất hiện. Đây là người cao lớn nhất mà tôi đã từng thấy, ngoại trừ các vận động viên bóng rổ trên vô tuyến truyền hình. Gã mang còng tay, còn đôi chân thì bị xích lại với nhau bằng sợi xích sắt nặng nề, khuỷa lỏng xoảng như các đồng xu bị rơi xuống đất, theo từng bước chân của gã trên hành lang màu xanh lá dẫn đến xà lim.

Percy Wetmore đi một bên Coffey, còn anh chàng gầy gò Harry Terwillger đi bên kia. Hai người trông giống như hai đứa trẻ đang áp tải một con gấu to lớn vừa săn bắt được. Thậm chí Brutus Howell so với Coffey cũng giống như một đứa trẻ, tuy Brutus cao hơn một mét tám mươi mốt, lại lực lưỡng. Anh ta đã từng là cầu thủ tiền vệ của một đội bóng đá và đã định theo nghề cầu thủ chuyên nghiệp cho đến khi bị tống cổ đi và quay trở lại nhà tù Cold Mountain.

John Coffey là một người da đen, như phần lớn phạm nhân tạm lưu lại một thời gian ở trại E trước khi chết trong vòng tay của *"Già Sparky"*. Gã cao phải đến hai mét, không nhanh nhẹn như những vận động viên chơi bóng rổ thường thấy trên vô tuyến truyền hình, nhưng vai rộng và người cuộn cuộn bắp thịt. Người ta đã đưa cho gã bộ quần áo lớn nhất của nhà tù, tuy vậy, cái quần vẫn ngắn cùn cộn để lộ bắp chân đầy sẹo, chiếc áo phanh ra vì không thể che nổi bộ ngực rộng của gã, còn tay áo cũng quá ngắn. Bàn tay to lớn của gã cầm một chiếc mũ. Có vẻ như gã có thể dễ dàng dứt đứt sợi dây xích như chúng ta làm với sợi dây buộc gói quà Giáng Sinh, nhưng khi quý vị nhìn vào gương mặt của gã, quý vị biết là gã sẽ không làm chuyện đó. Trông gã không ngu ngốc, mặc dù Percy nghĩ như thế và đã gọi gã là thằng ngốc. Gã chỉ có vẻ như một người bị lạc đường. Gã đưa mắt nhìn quanh như cố nghĩ xem mình đang ở đâu, thậm chí, mình là ai. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là trông gã như anh chàng da đen khổng lồ Samson sau khi bị nàng Dalida cạo đầu bằng đôi bàn tay bạc tình của nàng và vì thế, đã tước hết mọi niềm vui của hắn.

"Một xác chết biết đi!" Percy vừa hô to vừa lôi cái còng tay của con người to như gấu này, làm như là hắn có thể buộc Coffey phải đi nếu như gã không muốn bước tới nữa. Harry không nói gì, nhưng trông anh ta có vẻ khó chịu.

"Xác chết biết đi!"

– Đủ rồi! – Tôi nói. Tôi đang ở trong xà lim dành sẵn cho Coffey và ngồi trên tấm ván dùng làm giường. Dĩ nhiên tôi đã biết trước là người tù ấy sắp đến và đang chờ để đón hắn, đồng thời nhận lấy trách nhiệm giám sát hắn, nhưng tôi không ngờ hắn to lớn đến thế. Percy nhìn tôi với ánh mắt như ngầm bảo mọi người đều biết đó là một thằng khốn nạn (dĩ nhiên ngoại trừ chính tên tù mới bị áp giải đến, kẻ chỉ biết cường hiếp và sát hại trẻ con thôi), nhưng hắn không nói gì.

Cả ba đứng ngoài cửa buồng giam đang để mở. Tôi gật đầu với Harry khi anh ta nói: “Sếp có chắc là định ngồi trong đó một mình với nó không?” – Tôi chưa bao giờ thấy Harry có vẻ căng thẳng như thế, ngay cả khi các tù nhân nổi loạn vào khoảng sáu hoặc bảy năm về trước. Lúc đó, anh ta vẫn vững vàng sát cánh bên tôi và không hề dao động, thậm chí khi nghe tin đồn trong số tù nhân nổi loạn ấy một vài tên có vũ khí trong tay. Nhưng lúc này, giọng anh ta có vẻ căng thẳng.

– Tôi sẽ gặp khó khăn gì với anh không, anh bạn to xác? – Tôi hỏi và vẫn ngồi trên tấm ván, cố giữ vẻ bình tĩnh, không để lộ cơn đau đang hành hạ mình. Chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu không phải quá tồi tệ, nhưng tôi có thể đoán chắc với quý vị rằng tôi không thể cảm thấy dễ chịu như đang nghỉ ngơi ngoài bãi biển được.

Coffey chậm chậm lắc đầu, một lần sang trái, một lần sang phải, rồi trở lại vị trí cũ. Khi ánh mắt của gã bắt gặp tôi, gã không rời mắt khỏi tôi nữa.

Harry giữ một kẹp giấy tờ với hồ sơ của Coffey trên tay.

– Hãy đưa cho hắn! – Tôi nói với Harry. – Đưa tận tay hắn!

Harry làm theo. Tên tù nhân to lớn cầm lấy như một người mộng du.

– Bây giờ thì hãy đem đến đây cho tôi, anh bạn to xác!

– Tôi nói và Coffey ngoan ngoãn vâng lời. Tiếng xích sắt khua loảng xoảng. Hắn phải cúi thấp người mới có thể bước vào xà lim được.

Tôi nhìn gã từ đầu đến chân để xác định kích thước của gã là thật chứ không phải là ảo giác. Đúng vậy, phải đến hai mét, chỉ hơn kém một hai xăng-ti-mét thôi. Hồ sơ ghi rằng gã nặng một trăm ba mươi kí lô, nhưng tôi cho rằng đó là một sự ước đoán khá xa sự thật, gã phải nặng đến một trăm năm mươi ký. Trong mục “*Vết sẹo và các đặc điểm nhận dạng*” là hàng chữ viết nhỏ li ti như kiến bò của Magnusson ở phòng lục sự: “*Rất nhiều*”.

Tôi ngược nhìn lên. Coffey đã đứng lùi sang một bên và Harry đang đứng ngoài hành lang, trước xà lim của Delacroix. Hắn là tù nhân duy nhất ở trại E khi Coffey bị áp giải đến. Del là một người gầy gò với cái đầu bị hói gần hết và nét mặt lo lắng như của một viên kế toán biết rằng sự gian dối của mình sắp bị phát hiện. Một con chuột ngoan ngoãn ngồi trên vai hắn.

Percy Wetmore đứng tựa lưng vào khung cửa xà lim của John Coffey. Percy đã rút cây dùi cui với cái cán được trang trí đặc biệt ra và đang dùng nó vỗ vỗ vào lòng bàn tay trái, làm như là hắn đang chơi với món đồ chơi yêu thích. Lúc ấy không hiểu sao tôi cảm thấy rất khó chịu với cảnh tượng Percy đứng thơ thẩn ở đó.

Có thể do cái nóng khác thường vào mùa thu năm ấy, có thể do chúng nhiễm trùng đường tiết niệu đang đốt nóng bụng dưới của tôi và chiếc quần lót bằng nỉ làm tôi ngứa ngáy khó chịu, cũng có thể do tôi cho rằng tên tù da đen mà nhà nước buộc chúng tôi phải canh giữ chờ ngày thi hành án tử hình là một tên điên động và hẳn nhiên là Percy đang rất muốn dùng dùi cui để “dạy dỗ” hắn. Hình như là do tất cả

những điều đó gộp lại khiến tôi khó chịu. Dù sao thì trong một lúc tôi đã quên mất mối quen biết đầy thế lực của Percy.

– Percy! – Tôi nói. – Bên kia người ta đang dời bệnh xá đấy!

– Có Bill Dodge đang trông coi việc dời mà.

– Tôi biết thế! Hãy sang bên ấy và giúp đỡ ông ta! – Tôi ra lệnh.

– Đó không phải là nhiệm vụ của tôi! – Percy cãi lại. Thăng ngục bị thịt dằn dện này mới là nhiệm vụ của tôi!

Hắn ghê tởm những người to lớn. Hắn không gầy gò như Harry, nhưng nhỏ con. Một thằng lùn luôn khiêu khích người khác, đặc biệt là khi tất cả lợi thế đều ở về phía hắn. Và thật đáng tởm với mái tóc bóng láng của hắn. Hầu như hắn không rời tay khỏi mái tóc.

– Thế thì nhiệm vụ của anh đã xong! – Tôi nói. – Hãy đi qua bệnh xá!

Hắn trẻ môi bướng bỉnh. Bill Dodge và đội của ông ta đang khuôn các thùng các-tông, nệm trải giường và thậm chí phải vác cả những cái giường nữa. Toàn bộ bệnh xá và trại giam được dời sang khu nhà trệt ở phía tây. Trời nóng bức, công việc nặng nhọc. Dĩ nhiên là Percy Wetmore muốn trốn tránh.

– Họ có đủ người rồi. – Hắn nói.

– Thế thì hãy sang bên ấy và chỉ cần đứng xem họ làm việc! – Tôi cao giọng nói.

Tôi nhìn thấy Harry co người lại và làm ra vẻ không biết. Nếu ngài thống đốc có ra lệnh cho giám đốc Moores tổng cổ tôi chỉ vì tôi đã nhổ sai một cái lông thì Hal Moores sẽ chọn ai thay thế chỗ của tôi? Percy chăng? Thật đúng là chuyện khôi hài.

– Tôi không cần biết anh sẽ làm gì, Percy! Chỉ cần anh

cút khỏi đây!

Trong thoáng chốc tôi nghĩ rằng hấn sẽ tỏ thái độ ương bướng và sẽ gây khó khăn, trong suốt thời gian đó Coffey vẫn đứng yên như một chiếc đồng hồ hồng lớn nhất thế giới, nhưng Percy đã nhét dùi cui có cái cán trang trí hoa mỹ vào bao, một món đồ ngu ngốc của một gã hợm hĩnh, và nghênh ngang bước dọc theo hành lang ra ngoài.

Tôi không còn nhớ vào ngày hôm ấy quần áo nào đang trực nơi bực canh – tôi cho rằng một người từ đội khác tăng cường – nhưng có lẽ Percy không thích vẻ mặt của anh ta, bởi vì hấn đã quát lên khi đi ngang đó:

– Hãy bỏ cái kiểu cười ngu ngốc của mày đi, nếu không tao sẽ lấy cút rửa mặt cho mày đấy!

Có tiếng chìa khóa khua loảng xoảng. Cánh cửa mở ra để lọt một chùm tia nắng từ ngoài sân tràn vào hành lang. Sau đó, Percy Wetmore mất dạng, ít nhất cũng được một lúc. Con chuột của Delacroix bò từ vai này sang vai kia của gã người Pháp nhỏ con, bộ ria của nó rung rung.

– Im lặng, Mr. Jingles! – Delacroix nói và con chuột dừng lại trên vai gã, dường như nó đã hiểu ý của gã. – Ấy⁽¹⁾ ngồi yên lặng! – Giọng của Delacroix nói từ “yên lặng” nghe như “yên ặng”.

– Còn mày thì nằm xuống đi, Del! – Tôi nói một cách cộc cằn. – Chuyện này không liên quan gì đến mày!

Delacroix vâng lời. Hấn đã cưỡng hiếp một phụ nữ trẻ rồi giết chết cô ấy. Sau đó hấn đem xác của nạn nhân vào cái chái bên hông nhà, dùng xăng đổ lên rồi châm lửa đốt nhằm phi tang tội lỗi, theo như cái đầu điên khùng của hấn đã nghĩ ra. Ngọn lửa bắt sang căn nhà lớn gây nên đám cháy dữ dội và thiêu

(1) *Tạm dịch như thế, bởi vì Delacroix nói giọng tiếng Anh.*

chết thêm sáu mạng người, trong đó có hai em bé.

Đó là lần phạm pháp duy nhất của hắn, còn bây giờ hắn chỉ là một gã đàn ông rụt rè với gương mặt lo lắng, cái đầu hói gần hết, chỉ còn một ít tóc quanh chỗ hói thưa rử xuống đến cổ áo.

Sắp đến ngày hắn phải lên ghế điện và cái gì thôi thúc hắn hành động điên khùng như thế thì cũng thoát ra khỏi đầu óc hắn rồi. Lúc này, hắn đã nằm xuống tấm ván và để cho con chuột vừa chạy trên cánh tay, vừa kêu “chít chít”.

Một điều có thể nói chắc chắn: “*Già Sparky*” không bao giờ đốt cháy được những gì ẩn trong đầu của các tên tội phạm. Thứ chất độc chúng đã tiêm nhiễm không bao giờ bị hủy diệt. Nó chỉ truyền từ người này sang người khác và nếu chúng tôi có giết cái vỏ bọc linh hồn chúng, thì cái vỏ ấy thực ra đã không còn sống từ lâu.

Tôi lại hướng sự chú ý của mình sang gã khổng lồ.

– Nếu tôi bảo Harry tháo xích và còng cho anh, anh sẽ cư xử tốt chứ?

Hắn gật đầu. Cái gật đầu cũng gật cục như cái lắc đầu của hắn: cúi xuống, ngược lên và trở về vị trí cũ. Hắn nhìn tôi với ánh mắt lạ lùng. Có một cái gì như là sự phiêu diêu, nhưng điều đó không làm cho tôi cảm thấy tin cậy ở hắn. Tôi cong ngón tay ra hiệu Harry bước vào và mở xích cho hắn. Lúc này Harry không còn có vẻ lo ngại, căng thẳng, ngay cả khi anh ta quỳ trước đôi chân to như cột nhà của Coffey. Điều đó khiến tôi bình tâm đôi chút. Chính Percy là kẻ đã làm Harry căng thẳng và tôi tin vào bản năng của anh ta. Tôi tin vào bản năng của các quản giáo dưới quyền của tôi ở trại E, ngoại trừ Percy.

Thường thì tôi phải có một bài “*diễn thuyết*” ngắn gọn dành cho tù nhân mới đến khu E, nhưng đối với Coffey tôi lại

ngắn ngủi, bởi vì gã có vẻ bất thường, không chỉ bởi kích thước to lớn lạ lùng của gã.

Khi Harry đã tháo xích xong và bước lùi lại (trong thời gian mở xích, Coffey vẫn đứng bất động, im lặng như một bức tượng bằng gỗ), tôi nhìn lên kẻ mà mình sắp phải canh giữ, gõ ngón tay vào tập hồ sơ và hỏi:

– Anh có thể nói chứ, anh bạn?

– Vâng, thưa ông chủ, tôi nói được. – Hấn nói. Giọng nói của hấn trầm trầm như vang lên từ lồng ngực. Nó khiến tôi nhớ đến tiếng nổ đều đều của động cơ máy kéo. Giọng hấn không hấn là giọng của người miền Nam, nhưng cách nói của hấn là của người miền Nam. Sau này tôi mới nhận biết điều đó, hình như hấn có xuất xứ từ miền Nam. Giọng nói không có vẻ như của kẻ vô học, nhưng cũng không phải là có học. Trong giọng nói cũng như trong nhiều vấn đề khác, hấn là một điều bí ẩn. Nhưng điều khiến tôi băn khoăn hơn cả là đôi mắt của hấn. Trong đó là sự lơ đãng bình yên, làm như linh hồn của hấn đang ở một nơi xa, rất xa.

– Tên anh là John Coffey?

– Vâng, thưa ông chủ, giống như một loại thức uống, nhưng viết khác.

– Anh có thể đánh vần được à? Đọc và viết được chứ?

– Chỉ mỗi tên của tôi thôi, thưa ông chủ! – Hấn nói với vẻ nghiêm trang.

Tôi thở dài và nói ngắn gọn “bài diễn văn” của mình. Tôi đã tin rằng hấn sẽ không gây rắc rối. Về điểm này thì tôi vừa đúng, vừa sai.

– Tên tôi là Paul Edgecombe, – Tôi nói. – Tôi là giám thị trưởng trại E – là sếp của các quản giáo. Nếu anh cần gì ở tôi, có thể nói tên tôi và đề nghị được gặp. Nếu như tôi không có ở đây, anh có thể nói với ông này. Ông ấy tên là

Harry Terwilliger. Anh cũng có thể hỏi ông Stanton hoặc ông Howell. Anh hiểu rồi chứ?

Hắn lại gật đầu.

– Đây là một nơi yên tĩnh, anh bạn to lớn ạ, không giống như các khu khác của nhà tù. Ở đây chỉ có anh và Delacroix ở bên kia. Anh sẽ không phải làm việc. Anh chỉ cần ngồi trong này. Như thế anh sẽ có thời gian để suy gẫm.

Đối với phần lớn tử tù thì quá nhiều thời gian là đằng khác, nhưng tôi không nói ra điều ấy.

– Vào buổi tối chúng tôi sẽ mở ra-đi-ô, nếu như mọi việc đều ổn. Anh thích nghe ra-đi-ô chứ?

Hắn gật đầu, nhưng có vẻ ngần ngừ, làm như hắn không biết chắc ra-đi-ô là gì. Sau này tôi mới biết đúng là như thế. Coffey có biết các sự vật mà hắn đã nhìn thấy hoặc tiếp xúc nhưng lại quên chúng ngay. Hắn biết các nhân vật chính trong chương trình *“Những cô gái ngày chủ nhật của chúng ta”*, nhưng chỉ có thể nhớ lại loáng thoáng nội dung của nó.

– Nếu anh cư xử tốt và ăn các thức ăn đã được chuẩn bị thì anh sẽ không bị nhốt vào phòng biệt giam đằng kia và cũng không bị trói trong áo trấn lột. Buổi chiều, từ bốn đến sáu giờ, anh sẽ được đi dạo trong sân, ngoại trừ các ngày thứ bảy, khi các tù nhân khác chơi bóng đá. Anh có thể gặp người đến thăm vào buổi chiều ngày chủ nhật, nếu như anh còn có người nào muốn đến thăm. Sẽ có ai đến thăm anh chứ, Coffey?

Hắn lắc đầu.

– Tôi không có ai cả, thưa ông chủ. – Hắn nói.

– Thế còn luật sư của anh?

– Tôi tin là tôi không bao giờ gặp ông ta nữa. Cái người đã được chỉ cho tôi.

– Một luật sư chỉ định à?

Hắn gật đầu.

– Tôi tin rằng ông ta không thể tìm được con đường qua núi để đến đây.

Tôi nhìn hắn chăm chú hơn xem hắn có nói đùa hay không, nhưng hình như không phải thế. Và sự thật là tôi không thể chờ đợi điều gì khác. Không có ai kháng án cho những người như John Coffey, nhất là trong thời kỳ này. Các luật sư bận bịu suốt ngày ở tòa án – hai hay ba vụ – và quên đi các thân chủ còn ở trên cũi đời này, cho đến khi báo chí đăng tin có một cái tên nào đó cần một ít điện năng vào lúc nửa đêm. Nhưng một người đàn ông có vợ con hoặc bạn bè và vui mừng chờ đợi cuộc thăm viếng ngày chủ nhật thì dễ giữ kỷ luật hơn, nếu như hắn có vấn đề. Hình như đối với Coffey sẽ không có vấn đề. Điều đó rất tốt, bởi vì hắn to khủng khiếp.

Tôi ngồi không yên trên giường và sau đó tự nhủ rằng có thể tôi sẽ cảm thấy dễ chịu hơn ở bụng dưới nếu đứng dậy, và tôi làm như thế.

Coffey cung kính bước lùi lại tránh chỗ cho tôi và khoanh hai tay lại.

– Thời gian của anh ở đây có thể nhẹ nhàng hoặc nặng nề, anh bạn ạ. Điều đó phụ thuộc hoàn toàn vào anh. Tôi đến đây để nói cho anh biết rằng anh có thể làm cho công việc của chúng tôi dễ dàng hơn. Kết thúc như thế nào thì sự sống mới sẽ bắt đầu như thế ấy. Chúng tôi sẽ đối xử với anh đúng như những gì anh xứng đáng được hưởng. Anh có điều gì muốn hỏi không?

– Các ông chủ có để đèn sáng trong giờ ngủ không? –
Hắn bật hỏi, làm như chỉ chờ có cơ hội này.

Tôi nhấp nháy mắt nhìn hắn. Những người mới đến trại E đã đặt cho tôi nhiều câu hỏi kỳ quặc, thậm chí một tên còn hỏi về kích thước bộ ngực của vợ tôi, nhưng chưa có ai hỏi

như thế.

Coffey cười với vẻ ngượng ngùng, hình như hắn biết trước rằng chúng tôi sẽ cho hắn là một thằng ngốc, nhưng không thể làm khác được.

– Bởi vì nhiều khi tôi có sợ bóng tối một chút. – Hắn nói. – Đây là một nơi xa lạ.

Tôi nhìn hắn, cái gã khổng lồ này, và cảm thấy xúc động. Đôi khi người ta tự hỏi không hiểu con quỷ nào đã nhập vào người họ, dẫn đến việc họ có thể nhúng tay vào tội ác man rợ như thế.

– Có, ở đây tương đối sáng, suốt cả đêm – Tôi nói – Một nửa số đèn dọc theo Mile được để sáng từ chín giờ tối đến năm giờ sáng.

Sau đó tôi nhận thấy hắn không hiểu được những gì tôi nói. Hắn không thể phân biệt *Dặm Xanh* với lớp bùn của Mississippi, và tôi giải thích thêm:

– Ngoài hành lang.

Hắn gật đầu nhẹ nhõm. Tôi không rõ hắn có hiểu “hành lang” là gì không, nhưng hắn có thể nhìn thấy các bóng đèn 200W ở trong các lồng sắt.

Sau đó tôi đã làm một điều mà tôi chưa bao giờ làm đối với một tù nhân: chìa tay ra cho hắn bắt. Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao. Có thể bởi vì hắn sợ ánh sáng. Có lẽ Herry Terwilliger đang tròn mắt nhìn tôi, tôi dám đoán chắc như thế. Coffey nắm lấy bàn tay tôi với vẻ dịu dàng đáng ngạc nhiên. Bàn tay tôi nằm lọt thõm trong bàn tay của hắn. Thế là xong, tôi đã có thêm một con ruồi trong cái bẫy tử thần của mình. Chúng tôi đã hoàn tất thủ tục ban đầu.

Tôi rời khỏi xà lim. Harry đẩy cánh cửa kéo lại và khóa bằng hai ống khóa. Coffey đứng tần ngần một lúc, như không biết cần phải làm gì, đoạn hắn ngồi xuống tấm ván, vòng hai

bàn tay to lớn ôm lấy đầu gối, đầu cúi gục xuống như một người đang đau khổ hoặc đang cầu nguyện. Sau đó hắn nói gì đó bằng giọng nói gần như-của-người-miền-Nam. Tôi nghe rõ ràng và cảm thấy ớn lạnh dọc sống lưng, mặc dù lúc ấy tôi không biết nhiều về những hành vi của hắn. Người ta không cần phải biết một người nào đó đã làm gì để có thể cho hắn ăn và chăm sóc hắn cho đến khi hắn phải đền tội.

– Tôi không thể làm gì được, thưa ông chủ! – Hắn nói – Tôi cố giữ lại, nhưng tất cả đã quá muộn!

3

– Anh sẽ bị phiền phức với Percy đấy. – Harry nói, khi chúng tôi đi dọc theo hành lang để đến văn phòng của tôi. Dean Stanton – tạm gọi là người thứ ba trong đội quân giáo của tôi, trong thực tế thì chúng tôi không có sự phân chia cấp bậc như thế, nếu không thì có lẽ Percy Wetmore đã dùng mối quan hệ của hắn để chen vào – đang ngồi sau bàn viết của tôi và ghi chép các hồ sơ sổ sách theo đúng qui định, một công việc hình như tôi không bao giờ có thời gian để làm.

Anh ta hầu như không ngẩng đầu lên khi chúng tôi bước vào, chỉ khẽ nhấc kính lên rồi lại chăm chú vào công việc viết lách của mình.

– Tôi đã gặp phiền phức với thằng khốn đó từ ngày nó bước vào đây. – Tôi nói, trong lúc thận trọng mở khay quần và khẽ rung mình. – Cậu có nghe nó quát tháo như thế nào khi áp giải tên tù to lớn ấy vào đây không?

– Không thể nào không nghe được. – Harry đáp. – Tôi cũng ở đó mà, anh biết đấy.

– Tôi đang ở trong toa lét và cũng nghe rất rõ. – Dean nói. Anh ta kéo một tờ giấy lại gần, giơ nó lên soi dưới ánh sáng và tôi có thể nhìn thấy ngoài các hàng chữ được đánh máy ra còn có quảng cà phê của đầy ly in trên ấy. Dean vò tờ giấy và vứt nó vào sọt rác, nói tiếp, – Chắc hẳn nó học được từ các tạp chí yêu thích đấy.

Percy là độc giả trung thành của tạp chí *"Argosy, Stag and Men's Adventure"*. Hình như mỗi số là một câu chuyện về nhà tù và Percy đọc nó say mê như một người đang làm công việc nghiên cứu. Có vẻ như hắn muốn từ đó tìm ra cái cách mà hắn phải thực hành. Hắn tin là có thể tìm thấy những lời chỉ dẫn ở trong đó.

Tôi đã nhận hắn về trại E từ bốn tháng nay. Hắn đến chỗ chúng tôi vài ngày sau cuộc hành hình Anthomy Ray, một tên giết người bằng rìu – và hắn chưa tham gia vào một cuộc hành hình nào, trừ một lần quan sát từ phòng điều khiển.

– Nó quen biết những người có thể lực. – Harry nói. – Nó có các mối quan hệ. Anh sẽ phải chịu trách nhiệm về tội đã tống cổ nó ra khỏi trại và sẽ gay go hơn cho anh, bởi vì anh đòi hỏi nó làm việc nghiêm chỉnh.

– Tôi không đòi hỏi điều đó. – Tôi nói. Sự thực đúng như thế, nhưng trong thâm tâm tôi đã hy vọng. Bill Dodge không phải là người cho phép kẻ khác khoanh tay đứng nhìn trong khi đội mình phải làm việc nặng nhọc. – Trong lúc này tôi chỉ quan tâm đến cái tên khổng lồ đó. Liệu chúng ta có gặp khó khăn gì với nó không?

Harry quả quyết lắc đầu.

– Nó ngoan ngoãn như một con cừu khi ra trước tòa án cũng như lúc còn bị giam ở hạt Trapingpus – Dean nói. Anh

ta nhắc cái kính lên và bắt đầu dùng vạt áo lau chùi nó. – Dĩ nhiên là nó đã phải mang một đồng dây xích, nhưng nó cũng có thể gây rắc rối nếu nó muốn, tôi cuộc là như thế. Đối với nó chỉ còn có một vấn đề mà thôi.

– Tôi biết, – Mặc dù tôi không nghĩ đến vấn đề gì cả. Đơn giản là tôi ghét cái vẻ Dean Stanton tỏ ra thông thái.

– Đúng thế, – Tôi đồng tình. – một gã khổng lồ.

– Thế thì có lẽ chúng ta phải chỉnh cho “*Già Sparky*” ở mức cao nhất để vừa với cái móng vuốt của Coffey.

Tôi lơ đãng nói:

– Anh đừng bận tâm về chuyện đó. Chiếc ghế điện sẽ làm cho mọi độ lớn đều bé lại.

Dean lấy tay chà chà sống mũi, chỗ cái kính để lại hai đốm đỏ đỏ:

– Ờ, sự thật quả có như thế.

Tôi hỏi:

– Có ai trong số các anh biết là nó từ đâu đến, trước khi nó.... xuất hiện ở Tefton? Đó là Tefton, đúng không?

– Đúng vậy, – Dean trả lời. – Tefton, miệt dưới của hạt Trapingus. Hình như không có ai biết đến nó trước khi nó xuất hiện ở đó và những gì nó đã làm. Anh có thể biết thêm chút ít về nó từ các tờ báo trong thư viện của nhà tù, nếu như anh quan tâm thực sự, chắc là thư viện sẽ không dời trước tuần sau đâu.

– Có lẽ tôi sẽ đến xem qua.

Tôi nói và vào buổi trưa đã làm thế thật.

Thư viện của nhà tù ở khu nhà sẽ là xưởng ô tô của nhà tù – dù sao đó cũng là dự tính. Lại một người nào đó sẽ kiếm được một món tiền bồi trơn, nhưng chúng tôi đang ở vào thời kỳ khủng hoảng và tôi không đại gì nói ra suy nghĩ của mình, giống như tôi phải cảm miệng không được nói về thằng

Percy, nhưng đôi khi thật không thể nào kiềm chế được. Xưởng ô tô đã không bao giờ hình thành. Vào đầu năm sau, nhà tù sẽ được dời về Brighton, cách nơi đây gần một trăm kí-lô-mét. Lại một vụ làm ăn ở trong hậu trường, tôi cho là như thế. Lại tiền bôi trơn, nhưng không phải dành cho tôi.

Bộ phận quản lý đã được dời về tòa nhà mới nằm ở hướng Đông của cái sân. Bệnh xá đang được dời (không hiểu cái đầu nào đã nảy ra sáng kiến chuyển bệnh xá lên tầng hai. Lại một điều bí ẩn của cuộc sống!).

Trong thư viện còn có một số tài liệu, không nhiều lắm, nhưng ít ra người ta cũng chưa dọn dẹp để đem đi. Đó là khu nhà cũ làm bằng gỗ nằm chen giữa trại A và trại B. Phía sau trại là nhà vệ sinh và cả thư viện phảng phất mùi nước tiểu. Hình như đó là lý do duy nhất cho việc dời chuyển. Thư viện có hình chữ L và không lớn hơn phòng làm việc của tôi bao nhiêu. Tôi nhìn quanh tìm một cây quạt máy, nhưng tất cả đã bị gỡ rồi.

Nhiệt độ phải lên đến 40°C và tôi cảm thấy tiếng gõ nóng bỏng ở bụng dưới khi tôi ngồi xuống. Giống như một cái răng đang sưng lên nhức nhối. Tôi biết sự so sánh này không đúng lắm. Trong lúc phải đi tiểu trước khi vào thư viện, tôi nhận thấy sự việc còn tồi tệ hơn.

Chỉ có một người ở trong thư viện. Đó là người thợ đốt lò già, gầy còm tên Gibbons. Ông ta đang thiu thiu ngủ ở góc phòng với quyển truyện phiêu lưu miền Viễn Tây đặt trong lòng và chiếc mũ úp trên mặt. Có lẽ cái nóng cũng như tiếng chân đi thành thịch kèm theo tiếng chửi thề từ bệnh xá vọng sang không hề quấy rầy ông ta (ở bên đó phải nóng hơn ít nhất là mười độ và tôi hy vọng là Percy sẽ được ném mùi khở sở).

Tôi không quấy rầy Gibbons mà đi sang phần rề của chữ L, nơi các báo và tạp chí được lưu giữ. Tôi sợ rằng tất cả

đã được dọn đi cùng với các cây quạt máy, nhưng may mắn là không phải thế. Rất dễ tìm tin tức về sự việc xảy ra với hai cô bé sinh đôi nhà Detterick. Chúng được đưa lên hàng tít lớn trên trang đầu của các báo từ khi xảy ra tội ác vào tháng sáu cho đến ngày xử án vào tháng bảy. Đạo ấy các vụ án được xử nhanh hơn.

Tôi nhanh chóng quên đi cái nóng, tiếng chân dậm thình thịch và tiếng ngáy của ông già Gibbons. Ý nghĩ về hai bé gái mới lên chín với mái tóc vàng loăn xoăn và nụ cười tươi tắn đáng yêu trong mối liên hệ với một thằng Coffey to lớn, đen trùi trùi thật khó chịu, nhưng không thể lãng tránh. Cứ theo kích thước khổng lồ của nó thì người ta có thể dễ dàng hình dung nó có thể nuốt chửng bọn trẻ như những tên hung thần trong truyện cổ tích.

Những gì nó đã làm thậm chí còn tồi tệ hơn và điều may mắn cho nó là người ta đã không giết chết nó ngay bên bờ sông ấy, nếu như có thể nói việc phải đến *Dặm Xanh* và ngồi lên ghế điện là may mắn.

4

Loại cây vua ở miền Nam là cây bông vải đã bị tước ngôi từ bảy mươi năm trước sự kiện này và không bao giờ khôi phục ngôi vị được nữa, nhưng trong những năm ba mươi nó đã hồi sinh được ít nhiều. Tuy không còn những đồn điền

bông vải bao la nữa, nhưng có khoảng ba mươi hoặc bốn mươi nông trại khá phát đạt ở miền Nam của bang. Klaus Detterick có một nông trại như thế. Theo tiêu chuẩn của những năm năm mươi thì người ta sẽ xếp ông ta vào loại trên đối nghèo một bậc, nhưng vào những năm ba mươi thì ông ta được xem là giàu có, bởi vì ông ta có thể thanh toán các hóa đơn bằng tiền mặt vào mỗi cuối tháng và có thể nhìn thẳng vào mắt của ngài giám đốc ngân hàng, nếu như hai người tình cờ gặp nhau ngoài phố. Căn nhà ở nông trại sạch sẽ và đủ tiện nghi. Ngoài bông vải, họ còn nuôi gà và mấy con bò. Klaus Detterick và vợ có ba người con: Howard, một cậu bé hình như mười hai tuổi và hai cô bé sinh đôi Cora và Kathe.

Vào một buổi tối đầu tháng sáu năm nay, hai cô bé xin phép bố mẹ được ngủ ngoài hàng hiên bên hông nhà và ông bà Detterick đồng ý. Đối với chúng, đó là một trò chơi phiêu lưu mạo hiểm. Lúc trước chín giờ tối một chút, khi tia sáng cuối cùng trên bầu trời vừa lặn tắt, người mẹ bước ra và hôn chúc hai cô bé ngủ ngon. Bà chỉ gặp lại hai cô con gái của mình khi chúng nằm trong quan tài và người khâm liệm đang cố sửa sang lại để những vết thương của chúng bớt kinh khủng.

Những gia đình ở nông thôn thường đi ngủ sớm – “Khi gà vừa lên chuồng” – mẹ tôi thường hay nói vậy – và ngủ rất say. Có lẽ Klaus, Marjorie và Howie Detterick đã ngủ say như thế trong đêm khi hai đứa bé biến mất; nếu không, hẳn Klaus đã thức giấc khi nghe tiếng sủa của Bowser, một con chó giữ nhà to lớn. Nhưng trong đêm ấy Bowser đã không sủa, không bao giờ sủa nữa.

Klaus thức dậy khi trời vừa hừng sáng để vắt sữa bò. Hàng hiên thì ở bên hông nhà, còn chuồng bò lại cách đó một đôi, quay sang hướng khác và Klaus không nghĩ đến chuyện xem qua hai đứa con gái ra sao. Việc Bowser không chạy đến với ông cũng không phải là điều bất bình thường.

Có lẽ con chó cho rằng nó cao giá hơn lũ bò và mấy con gà cho nên khi công việc đã xong, nó thường chui ngay vào túp lều nhỏ dành cho nó ở phía sau chuồng bò, chỉ trừ khi được gọi, nhưng đó phải là tiếng gọi rất cương quyết mới được.

Marjorie xuống nhà sau chồng khoảng mười lăm phút, khi Klaus đi ủng xong và đã ra chuồng bò. Bà ta pha cà phê rồi rán mỡ. Mùi thơm của mỡ và cà phê đã khiến Howie phải treo xuống từ căn phòng áp mái của cậu, nhưng các cô bé ở hàng hiên thì không. Marjorie bảo Howie đi ra ngoài gọi các em vào trong khi bà đập trứng cho vào chảo mỡ. Sau bữa ăn sáng, Klaus sẽ bảo hai cô con gái đi lượm trứng trong chuồng gà.

Nhưng vào buổi sáng hôm ấy, trong nhà Detterick không có bữa ăn sáng. Khi Howie từ hàng hiên chạy vào nhà, mặt cậu bé tái nhợt và đôi mắt còn ngái ngủ trước đây của cậu mở to kinh hoàng.

– Chúng nó không có ở đó! – Cậu bé nói.

Marjorie bước vội ra hàng hiên. Lúc đầu bà tức giận, sau đó là lo lắng. Sau này bà kể lại rằng bà ta nghĩ – nếu như còn có thể suy nghĩ vào lúc đó – hai cô con gái đi dạo một chút lúc trời hừng sáng để hái hoa, đại loại như thế hoặc một điều ngu ngốc tương tự mà các cô gái nhỏ thường hay làm. Nhưng khi nhìn kỹ hơn, bà chợt hiểu tại sao mặt Howie lại tái nhợt như xác chết.

Bà thét lên gọi Klaus – tiếng thét chói tai – và Klaus chạy vội đến. Đôi ủng của ông ta lấm lốm đốm trắng vì khi nghe tiếng kêu kinh hãi của vợ, ông ta đã đánh đổ nửa xô sữa lên chân. Ông ta nhìn thấy trên hàng hiên những dấu vết khiến cho ngay cả đôi chân của các bậc cha mẹ can đảm nhất cũng phải khụy xuống. Chiếc chần mà hai đứa bé đã đập bị vát ở một góc. Cánh cửa gấn ở hàng rào lưới sắt bao quanh hàng hiên đã bị giật khỏi bản lề bên trên và treo lủng

lẳng xệ xuống sân. Các tấm ván lót sàn và bậc tam cấp bên ngoài cánh cửa hồng đầy vết máu.

Marjorie nài nỉ chồng đừng đi tìm hai cô con gái một mình và đừng đem con trai theo, nhưng vô ích. Ông ta đã lấy xuống một khẩu súng săn. Nó được treo trong phòng để dụng cụ ở độ cao an toàn để trẻ em không với tới được. Klaus đưa cho Howie một khẩu súng cỡ nòng 22 mà nó sẽ được tặng trong ngày sinh nhật vào tháng bảy tới. Sau đó cả hai lập tức đi ngay, không chú ý gì đến người phụ nữ đang kêu khóc và hỏi rằng mình sẽ làm gì nếu như có một bọn du thủ du thực hoặc những tên da đen độc ác chạy trốn khỏi trại cải giáo ở Laduc nhào vào tấn công. Tôi nghĩ, về điểm này, những người đàn ông đã hành động đúng. Những vết máu trên hàng hiên tuy không còn lỏng nữa, nhưng vẫn có màu đỏ tươi chứ chưa ngả sang đỏ nâu như khi khô hẳn. Việc tấn công có thể đã xảy ra không lâu trước đó. Có lẽ Klaus đã tự nhủ rằng vẫn còn một chút cơ hội cho hai cô con gái và ông ta muốn tận dụng nó.

Không có ai trong hai người ấy biết cách truy tìm theo dấu vết. Họ là nông dân chứ không phải là thợ săn, những người thường đến khu vực này vào mùa săn để săn thú trong các cánh rừng. Chung quanh căn nhà thật ra có nhiều dấu vết nhưng đối với họ thì lại không có ý nghĩa gì. Họ đi vòng quanh chuồng bò và hiểu ngay tại sao Bowser, một con chó tuy cắn rất tồi nhưng sủa rất tốt, lại không báo động cho chủ biết có người lạ đột nhập. Nó nằm nửa trong nửa ngoài cái chuồng chó được làm bằng những miếng gỗ vụn (thậm chí trên đó còn có một tấm biển với hàng chữ nắn nót "*Bowser*" – tôi nhìn thấy trong một tấm ảnh đăng trên báo), cái cổ bị bẻ gãy. Điều đó có nghĩa là ai đó phải rất mạnh để có thể làm như thế đối với một con vật to lớn – công tố viên đã nói như thế trong phiên tòa xử John Coffey, sau đó ông ta đưa mắt nhìn rất lâu và đầy ý nghĩa tên bị cáo to lớn đang ngồi

sau chiếc bàn dành cho mình, mặt cúi gằm, trên người là bộ quần áo tù mới tinh trông như một lời nguyện rửa.

Bên cạnh con chó, Klaus và Howie tìm thấy một mẩu xúc xích. Theo lý thuyết – và tôi không nghi ngờ gì vì sự hợp lý của nó – trước tiên Coffey đã nhử con chó bằng mẩu xúc xích và khi nó bắt đầu ăn, đã dùng bàn tay to lớn của mình bẻ gãy cổ nó.

Bên cạnh chuồng bò là cánh đồng cỏ của Detterick. Vào ngày hôm ấy, bò đã không được thả ra ăn cỏ ở đó. Đồng cỏ ướt đẫm sương đêm, trên đó có những dấu vết rõ ràng dẫn về hướng Tây Bắc.

Ngay cả trong lúc hầu như phát điên vì lo lắng, thoát đầu Klaus Detterick có ngăn ngừa đôi chút khi quyết định đi theo các dấu vết này. Đó không phải là sự sợ hãi trước kẻ đã bắt cóc các con mình, mà là nỗi sợ đi sai hướng trong lúc thời gian phải tranh thủ từng giây.

Cha con nhà Detterick chạy nhanh với khẩu súng chĩa về phía trước, giống như các binh sĩ khi xung trận. Nếu như có điều gì đó làm tôi ngạc nhiên trước các sự kiện xảy ra vào buổi sáng hôm ấy, là không hiểu sao chú bé đang tuyệt vọng và sợ hãi, tay cầm súng chạy theo sau cha (và thường không đuổi kịp), lại không vấp ngã và bắn một viên đạn vào lưng cha mình vì bất cẩn.

Nông trại có điện thoại nối với mạng điện thoại của thị trấn – một dấu hiệu khác nữa mà lảng giềng cho rằng gia đình Detterick khá giả, ít nhất ở một mức độ nào đó trong thời kỳ suy thoái nặng này – và Marjorie đã gọi báo tin cho những gia đình hàng xóm cũng có điện thoại. Đây là điều duy nhất bà ta có thể làm. Bà kể về tai họa đã giáng xuống gia đình mình như sét đánh. Bà biết rằng mỗi một cuộc gọi sẽ được tiếp tục truyền đi rộng rãi như khi ta ném một hòn sỏi

xuống mặt hồ lặng lẽ. Lần cuối cùng bà ta nhắc ống nghe lên, nói một câu như đóng dấu ấn kết thúc sự kiện kinh hoàng: “A-lô, tổng đài! Có phải đó là tổng đài không?”

Người đàn bà trực tổng đài có ở đó, nhưng trong một lúc bà ta không thể thốt nên lời:

– Vâng, tôi ... tôi đây! Bà ... bà Detterick! Chúa ... chúa ... ời! Tôi ... tôi ... cầu nguyện cho ... cho ... con ... gái ... của ... bà ... bình ... yên.

– Vâng, cảm ơn bà! – Marjorie nói. – Nhưng xin bà nói Chúa hãy chờ đợi để bà nối dây cho tôi gặp ngài cảnh sát trưởng ở Tefton. Được chứ?

Cảnh sát trưởng hạt Trapingus là một người đàn ông đã già, có cái mũi đỏ ửng, bụng to như một cái thùng giắt và mái tóc bạc lưa thưa. Tôi đã gặp ông ta nhiều lần. Ông ta thường đến Cold Mountain để chứng kiến cảnh “người của ông ta” đi sang thế giới bên kia.

Các nhân chứng của cuộc thi hành án tử hình ngồi trên những chiếc ghế gấp – có thể là quý vị cũng đã từng ngồi lên những chiếc ghế ấy khi đi lễ ở nhà thờ hoặc tham dự một buổi lễ tang (những năm đó chúng tôi phải thuê chúng ở một cửa hiệu) – và mỗi khi cảnh sát trưởng Homer Cribus ngồi lên một chiếc ghế, tôi hồi hộp chờ đợi cho nó gãy sụm xuống do tiếng kêu răng rắc trước đó. Tôi cứ lo sợ và chờ đợi chiếc ghế bị gãy, nhưng sự kiện đó không bao giờ xảy ra. Ngài cảnh sát trưởng đã chết vì một cơn đau tim đột ngột chỉ ít lâu sau vụ bắt cóc hai cô bé nhà Detterick, khoảng chừng sau mùa hè, trong khi đang làm tình với một cô gái da đen mười bảy tuổi tên Daphne Shurtleff trong phòng làm việc. Có rất nhiều lời bàn tán về chuyện đó, bởi vì trước mỗi kỳ bầu cử, ông ta thường xuất hiện với bà vợ và sáu đứa con trai. Đó là thời kỳ mà người ta phải chứng tỏ mình đang hoàng khi muốn giữ một

chức vụ nào đó. Nhưng, quý vị biết không, người ta thích và ganh tị với người-có-vẻ-đàng-hoàng. Họ nhận ra đó là một người thuộc về bọn họ và vui mừng khi ông ta chứ không phải họ bị bắt quả tang đã cởi quần áo không đúng chỗ.

Đó hình như cũng là một mẫu người kém năng lực. Một mẫu người thích hãnh diện vượt ve một con mèo cho một quý bà chụp hình, trong khi một người khác – ví dụ như phó cảnh sát trưởng Rob McGee – đã phải mạo hiểm leo lên cây để đem con mèo cưng của quý bà bị mắc kẹt trên đó xuống.

McGee lắng nghe những lời nói lộn xộn của Marjorie Detterick khoảng hai phút đồng hồ, sau đó ông ngắt lời bà ta bằng bốn hoặc năm câu hỏi ngắn gọn.

Sau khi Marjorie đã trả lời các câu hỏi, McGee nói: "Tôi sẽ gọi Bobo Marchant. Ông ấy có chó. Bà Detterick, bà dừng rời khỏi nhà. Nếu chồng bà và con trai trở về, họ cũng phải ở yên đấy nhé!"

Trong khi đó, chồng và con trai của bà ta đã lần theo dấu vết của tên bắt cóc khoảng ba dặm về hướng Tây Bắc, nhưng họ lại mất dấu khi rời khỏi khu đất dẫn đến rừng thông. Như tôi đã nói, họ là nông dân chứ không phải thợ săn và họ cũng biết rằng mình đang đuổi theo một con thú dữ. Trên đường đi, họ đã nhặt được một mảnh áo màu vàng của Kathe và sau đó một mảnh nữa từ áo Cora bị xé ra. Cả hai mảnh vải đều ướt đẫm máu và Klaus cũng như Howie càng vội vã hơn. Sự kinh hoàng và dự cảm về nỗi bất hạnh khủng khiếp đã lấn dần niềm hy vọng mong manh của họ, khiến nó từ từ tắt lịm.

Họ nhìn vào rừng, tìm kiếm dấu vết của các cô bé nhưng không thấy gì. Bước sang chỗ khác, họ lại nhìn vào rừng và cũng không có kết quả. Sau đó họ đi men theo bờ rừng một đôi, tiếp tục tìm. Lần này họ thấy dấu máu trên các

chiếc lá hình kim của một cây thông. Họ đi theo hướng này và tiếp tục xem xét.

Lúc ấy đã khoảng chín giờ cha con Detterick nghe tiếng đàn ông ở phía sau chen lẫn tiếng chó sủa.

Rob McGee đã tập hợp được một toán người trong khoảng thời gian mà có lẽ cảnh sát trưởng Cribus cần để uống tách cà phê đầu tiên pha rượu của ông ta. Mười lăm phút sau, họ đã đuổi kịp Klaus và Howie Detterick, đang tuyệt vọng xem xét tìm kiếm ở bìa rừng. Những người đàn ông tiếp tục tiến tới, dẫn đầu là những con chó của Bobo. McGee cho Klaus và Howie cùng đi. Ông ta biết rằng họ sẽ không chịu quay lại nếu có lệnh của ông ta, mặc dù họ kinh hãi khi nghĩ đến kết quả cuối cùng của cuộc tìm kiếm. McGee chỉ ra lệnh tháo hết đạn trong súng của hai người ra. Ông ta không nói cho họ biết (và cũng không có ai khác nói), rằng chỉ hai người nhà Detterick phải tháo đạn đưa cho ông. Hai người đang rối trí và chỉ mòng cơn ác mộng này kết thúc, nên họ ngoan ngoãn làm tất cả những gì được yêu cầu.

Có lẽ khi Rob McGee đã yêu cầu lấy đạn trong súng của hai cha con nhà Detterick ra và giữ luôn mớ đạn này, ông ta đã cứu lấy mạng sống khốn khổ của John Coffey.

Những con chó săn dẫn họ đi hơn hai dặm xuyên qua rừng, vẫn theo hướng Tây Bắc. Sau đó họ đến bờ con sông Trapingus, nơi có lòng sông rộng. Dòng sông chậm rãi chảy về hướng Đông, qua những ngọn đồi thấp mọc đầy cây cối, nơi các gia đình Cray, Robinette và Duplissey vẫn còn tự làm lấy các cây đàn măng-đô-lin của mình và thường khắc nhỏ khi cày cấy trên các cánh đồng. Đó là một vùng sâu xa vắng, nơi những người đàn ông đi bắt rắn vào các buổi sáng chủ nhật và buổi tối ngủ với chính con gái của họ. Tôi có biết những gia đình này. Lúc này lúc khác, một số người trong các

gia đình đó đã làm mới cho “*Già Sparky*”.

Những người đàn ông có thể nhìn thấy đoạn đường sắt ở bên kia bờ sông phản chiếu ánh nắng mặt trời thánht sáu lấp lánh. Xuôi theo dòng sông khoảng một dặm rưỡi về phía bên phải của họ có một cây cầu bằng đá bắc ngang qua sông dẫn đến khu mỏ than West Green.

Ở đó, họ nhìn thấy trên một vạt cỏ bị dẫm nát và giữa các bụi rậm có một vũng máu. Nó trông ghê tởm đến nỗi những người đàn ông lùi lại và nôn ra hết bữa điểm tâm trước đó. Họ tìm thấy phần còn lại chiếc áo ngủ của Cora ở đó khiến cho Howie, từ đầu đến lúc ấy vẫn tỏ ra bình tĩnh đáng khen, phải giật mình lùi lại, tựa vào cha và suýt ngất đi.

Và tại đây, lần đầu tiên lũ chó của Bobo Marchant bộc lộ sự khác nhau về quan điểm trong việc đuổi theo dấu vết. Tổng cộng có sáu con chó: hai con thuộc giống chó săn, hai con là loại chó chăn cừu và hai con còn lại thuộc giống chó lai rất thính. Hai con chó lai muốn đi theo hướng Tây Bắc, ngược với dòng sông. Còn bốn con kia muốn theo hướng Đông Nam. Tất cả lông lên kéo căng sợi dây giữ, và mặc dù phần này không được báo chí tường thuật, tôi vẫn có thể hình dung tiếng chửi rủa của Bobo trong khi dùng tay tháo các dây dắt chó đang quấn vào nhau. Trong cuộc đời mình, tôi quen biết một số người huấn luyện chó và theo kinh nghiệm của tôi, họ đều thuộc về một tuýp người.

Bobo thu ngắn dây giữ đám chó lại và đưa một mảnh chiếc áo ngủ của Cora Detterick trước mũi chúng để nhắc nhở cho chúng biết cần phải tìm gì trong buổi trưa nóng bốn mươi độ với đám muỗi đang vo ve trên đầu này. Những con chó hít hít một lúc, sau đó chúng nhất trí bằng tiếng sủa sẽ phải theo hướng nào và chúng chạy xuôi theo dòng sông.

Mười phút sau, những người đàn ông đột ngột dừng lại.

Họ đã nghe cái gì đó ngoài tiếng sủa của các con chó. Đó gần như là tiếng khóc than hơn là tiếng tru của chó. Một âm thanh mà những người đàn ông chưa từng nghe “*một vật gì đó*” phát ra, nhưng họ lập tức nhận ra rằng đó là từ một con người. Dù sao họ cũng khai như thế, và tôi tin họ. Tôi đã từng nghe tiếng kêu gào của những người trên đường đến chiếc ghế điện. Không nhiều lắm – phần đông đều cố giữ bình tĩnh và, hoặc đi lặng lẽ, hoặc cố nói đùa một vài câu làm như đây là một cuộc đi dạo – nhưng cũng có vài người. Thông thường đó là những người tin rằng địa ngục là một nơi có thực và đang chờ họ ở cuối *Dặm Xanh*.

Bobo lại thu ngắn các dây dắt chó. Lũ chó rất quý và ông ta không muốn thằng điên ngồi bên bờ sông kia làm hại chúng. Những người khác nạp đạn và giữ súng chắc hơn. Tiếng kêu khóc làm họ sồn tóc gáy và mồ hôi chảy dọc theo sống lưng họ lạnh như nước đá.

Khi những người đàn ông hoảng sợ, họ cần một người dẫn đầu để tiếp tục con đường của họ và phó cảnh sát trưởng McGee đảm nhận vai trò ấy. Ông ta tiến lên phía trước và bước đi với vẻ can đảm (tôi đánh cuộc rằng, trong khoảnh khắc ấy, ông ta cảm thấy hoàn toàn khác) tiến đến một nhóm cây trần vươn lên cao phía bên phải. Những người khác hồi hộp bước theo với khoảng cách người trước với người sau là năm bước một. McGee chỉ dừng lại một lần để vẫy tay ra hiệu cho người cao lớn nhất trong nhóm – Sam Hollig – bám theo Klaus Detterick.

Phía bên kia của nhóm cây trần là một khoảng rừng thưa kéo dài đến bìa rừng. Bên trái là bờ sông dài thoải thoải. Tất cả đứng sững lại như bị một tia sét đánh trúng. Tôi cho rằng họ thà đánh đổi nhiều thứ mình có để không phải nhìn cảnh tượng kinh khủng ấy. Đó là một cơn ác mộng. Cơn ác mộng ấy sẽ đuổi theo họ suốt cuộc đời. Không ai trong số họ quên được

nó. Nó đã vượt qua những sự kiện trong cuộc sống thường nhật: lễ chiều ở nhà thờ, những cuộc đi dạo trên cánh đồng, những việc làm trung thực, những nụ hôn của tình yêu.

Ngồi bên bờ sông là một người đàn ông to lớn, to lớn nhất mà họ đã từng thấy – John Coffey. Hắn mặc chiếc quần yếm đã sờn rách, dính đầy máu, hai bàn chân to bè bè để trần, đầu đội một chiếc khăn màu đỏ như phụ nữ nông thôn vẫn đội khi đi lễ vào ngày chủ nhật. Bầy ruồi bay vo ve trông như một đám mây đen quanh người hắn.

Nằm vắt trên mỗi cánh tay của hắn là xác chết trần truồng của một cô bé. Mái tóc vàng của chúng trước đây loăn xoăn từng lọn óng mượt bây giờ dính bết vào cái đầu đầy máu. Gã đàn ông đang giữ chúng trên tay, ngược mặt nhìn lên trời và rống lên như một con bò mắc chứng mộng du. Nước mắt chảy ròng ròng trên đôi gò má màu nâu sậm của hắn, còn gương mặt hắn co rúm lại, biến dạng vì nỗi đau đớn, buồn khổ vô hạn. Hắn hít thở từng hơi dài. Lồng ngực của hắn nâng lên đến nỗi sợi dây giữ chiếc quần yếm căng lên, rồi hắn thở hắt ra một hơi dài để có thể tiếp tục khóc rống lên. Người ta thường đọc trên các tờ báo “*Tên sát nhân không hề tỏ ra ăn năn*”, nhưng trường hợp này không phải thế. Những gì hắn đã làm gần như xé nát người hắn ra, nhưng hắn còn sống. Hai cô bé thì không. Có thể nói chúng đã gần như bị vỡ nát ra rồi.

Sau này không ai có thể kể lại họ đã đứng đó và nhìn trần trối người đàn ông đang khóc than ấy trong bao lâu. Từ chỗ đứng, họ nhìn thấy đoàn xe lửa bên kia bờ sông và có vẻ như tuy họ đã nhìn về hướng đó hàng giờ liền, đoàn tàu vẫn không chuyển động, mặt trời không biến mất sau đám mây và cảnh tượng kinh khủng này mãi mãi ngưng đọng trong trí não của họ.

Nó diễn ra trước mắt họ, thực tế như vết cắn của một

con chó. Gã đàn ông da đen lắc lư người qua lại, còn Cora và Kathy lúng lẳng trên hai cánh tay gã như hai con búp bê nằm rũ trên cánh tay của một tên khổng lồ. Các bắp thịt trên hai cánh tay to lớn vấy đầy máu của gã căng lại, dãn ra, căng lại, dãn ra, căng lại, dãn ra, căng lại, dãn ra...

Đó là Klaus Detterick, người đã khiến mọi người bùng tỉnh. Ông ta thét lớn và nhảy bổ vào tên ác quỷ đã hăm hiếp và sát hại hai cô con gái bé bỏng của ông. Sam Hollis biết rõ nhiệm vụ của mình và cố gắng giữ Klaus lại, nhưng không được. Ông ấy cao hơn Klaus một cái đầu và nặng hơn có lẽ đến ba mươi lăm kí lô, nhưng Klaus không khó khăn gì để hất hai cánh tay của Sam đang định giữ chặt ông.

Klaus nhảy bổ vào Coffey và đập mạnh một cái lên đầu hắn. Chiếc ủng còn dính chỗ sửa đồ buổi sáng, đến lúc đó có lẽ đã trở nên chua, đập trúng thái dương bên trái của Coffey, nhưng có vẻ như Coffey không nhận biết gì cả. Hắn chỉ ngồi đó, cất tiếng khóc thảm thiết, người lắc lư qua lại và mắt thì nhìn chằm chằm dòng sông. Tôi tưởng tượng nếu không có hai xác chết trên tay, trông hắn sẽ giống như một bức tranh vẽ trong Kinh Thánh, một tín đồ trung thành đang nhìn qua rừng thông hướng về miền đất hứa.

Bốn người đàn ông phải kéo người trại chủ đang nổi điên ra khỏi Coffey, và tôi không biết ông ta đã đâm, đã đập vào người hắn bao nhiêu cái cho đến khi họ khống chế được ông ta. Có vẻ như Coffey không nhận biết mình đang bị tấn công. Hắn chỉ nhìn ra xa bên kia sông và khóc thảm thiết.

Sau khi bị kéo tách khỏi Coffey, Detterick nhũn cả người ra, làm như là trước đó có một dòng điện khác thường chạy trong cơ thể của Coffey và khi Detterick không còn tiếp xúc với nguồn năng lượng ấy nữa, ông ta mất hết sức lực. Detterick khuyu xuống bên bờ sông, lấy hai tay che mặt và

khóc nức nở. Howie quỳ xuống bên cạnh cha và họ ôm chầm lấy nhau, lòng tan nát.

Hai người đàn ông trông chừng họ một lúc, trong khi những người còn lại lăm lăm súng ống bao vây gã đàn ông da đen đang vừa lắc lư vừa khóc thảm thiết kia. Hình như hắn vẫn không nhận biết rằng, ngoài hắn ra, còn có những người khác ở đó. McGee bước đến gần hắn, ngăn ngừa một thoáng rồi quả quyết tiến đến.

– Này, tên kia!

McGee nói với giọng điềm tĩnh và Coffey lập tức im lặng. McGee nhìn vào đôi mắt đỏ ngầu vì khóc của Coffey. Đôi mắt ấy ướt đẫm nước mắt và nhìn một cách ngờ ngác, xa xăm. Tôi đã nhận thấy nó lúc Coffey được áp giải đến. Đó là đôi mắt lạ lùng nhất mà tôi đã từng nhìn thấy và đạo đó McGee cũng cảm nhận như thế – *“Giống như đôi mắt ngờ ngác của một con thú chưa bao giờ nhìn thấy con người.”* Ông ta nói như thế trong một cuộc phỏng vấn trước khi đi ra phiên tòa xét xử.

– Này, mày có nghe tao nói không? – McGee hỏi.

Coffey chậm chậm gật đầu. Hắn vẫn còn giữ hai thân hình mềm nhũn đáng thương trên tay. Đầu của hai cô bé gục xuống, cằm chạm vào ngực, vì thế không thể nhìn thấy gương mặt của chúng, có lẽ đó là một trong những điều nhân từ Thượng Đế ban cho trong cái ngày đen tối này.

– Mày có tên không? – McGee hỏi.

– John Coffey! – Hắn trả lời với giọng ghen đi vì nước mắt – Như một loại thức uống, chỉ viết khác.

McGee gật đầu và chỉ vào chỗ phỏng trên túi quần yếm của Coffey. Có vẻ như Coffey để vũ khí trong đó. Không thể loại trừ việc một người đàn ông to lớn như Coffey vẫn cần có vũ khí để gây những tác hại nghiêm trọng, nếu như hắn muốn.

– Cái gì trong đó, John Coffey? Có thể một con dao? Một khẩu súng?

– Không, thưa ngài! – Coffey nói với giọng trầm trầm của hắn và nhìn phó cảnh sát trưởng với đôi mắt ướt đẫm. Sau vẻ bề ngoài đau đớn là sự ngỡ ngàng, lạc lõng lạ thường, làm như gã John Coffey thật sự đang lang thang ở một nơi nào đó, nơi mà hai cô bé bị giết không phải là nguyên nhân gây náo động – Đó chỉ là một bữa ăn trưa nhỏ.

– À! Một bữa ăn trưa nhỏ, phải thế không?

McGee hỏi và Coffey gật đầu nói:

– Vâng, thưa ngài !

Nước mắt lại luôn tràn trên đôi má hắn.

– Và một người như mày thì lấy đâu ra bữa ăn trưa nhỏ đó, John Coffey?

McGee cố giữ vẻ bình tĩnh, mặc dù lúc này ông ta nghe tiếng ruồi vo ve bâu vào các vết máu trên xác hai cô bé. Việc phải nhìn vào mái tóc bết máu của chúng là điều đáng sợ nhất, sau này ông ta nói như thế, và không từ báo nào tường thuật chi tiết này. Người ta cho rằng điều đó quá ghê tởm để có thể viết cận kề trên mặt báo.

Tôi chỉ biết được chi tiết ấy từ người phóng viên đã tường thuật câu chuyện này. Sau này, tôi có tìm đến gặp ông ta, khi John Coffey đã khiến tôi quan tâm đặc biệt. McGee nói với người phóng viên rằng mái tóc vàng óng của hai cô bé đã không còn là màu vàng nữa mà trở thành màu nâu sậm. Máu chảy từ tóc xuống mặt chúng lem luốc như bị một loại thuốc nhuộm tóc tồi vậy bần. Không cần phải là bác sĩ mới có thể nhận thấy sự của chúng đã vỡ vì bị sức mạnh đôi cánh tay lớn ấy đập cộp vào nhau. Có thể là chúng đã kêu lên, do đó hắn đã định làm cho chúng im miệng. Nếu như hai cô bé có chút may mắn thì điều đó đã xảy ra *trước khi* chúng bị hãm hiếp.

Một cảnh tượng như thế khiến một người đàn ông bình thường cũng phải khó khăn lắm mới có thể suy nghĩ mạch lạc, thậm chí đối với một người cương quyết thực hiện chức trách của mình như McGee. Chỉ cần suy nghĩ sai lầm là có thể dẫn đến sơ sót đáng tiếc và sẽ có thêm nhiều máu chảy. McGee hít một hơi dài và trấn tĩnh lại. Dù sao ông ấy cũng cố làm như thế.

John Coffey nói với giọng nghẹn ngào:

– Thưa ngài, tôi không còn nhớ chính xác là đồ ăn này từ đâu có, tôi không nhớ ra được, nhưng đó là một bữa ăn nhỏ, bánh mì và tôi nghĩ có dưa chuột muối.

McGee nói:

– Tao muốn tận mắt nhìn thấy, nếu như mày không có ý kiến gì. Bây giờ thì dừng cử động, John Coffey, đừng làm như thế! Mày có thấy bao nhiêu khẩu súng đang chĩa vào mày chứ? Chúng tao sẽ bắn, nếu như mày động đây, dù chỉ một ngón tay thôi.

Coffey ngồi bất động, đưa mắt nhìn xa xa về hướng dòng sông, để cho McGee thận trọng thò tay vào túi quần yếm của hắn và lấy ra gói giấy báo được cột lại bằng một sợi dây. McGee tháo sợi dây, mở tờ giấy báo ra, mặc dù ông ta đã đoán biết những gì ở trong đó đúng như lời Coffey nói: một bữa ăn trưa ít ỏi. Đó chỉ là một cái bánh mì nhỏ kẹp mỡ lợn muối và vài lát cà chua. Thêm một miếng bánh mì trát mỡ như. Trong đó cũng có một quả dưa chuột muối, được gói bằng một tờ truyện tranh mà nội dung Coffey không bao giờ hiểu được. Không có xúc xích. Có lẽ Bowser đã được ăn mẫu xúc xích trong bữa ăn trưa nhỏ của John Coffey.

McGee đưa gói giấy chứa bữa ăn trưa cho một trong những người đàn ông, mắt vẫn không rời khỏi Coffey. Ông ta đang đứng quá gần với hắn và không được phép mất cảnh

giác, dù chỉ một giây. Bữa ăn trưa ấy lại được gói lại, cột bằng sợi dây.

Cuối cùng, nó đã đáp xuống chỗ Bobo Marchant và ông ta đã quăng nó vào một cái thùng đựng thức ăn cho chó (và đôi khi trong ấy có đựng một ít mỗi câu nữa). Nó không được dùng làm vật chứng cho việc xét xử. Bộ máy tư pháp ở phần đất này của thế giới làm việc nhanh gọn, nhưng không nhanh kịp với tốc độ thiu của bánh mì kẹp thịt và mỡ lợn muối. Tuy nhiên vẫn có những tấm ảnh chụp “bữa ăn trưa nhỏ” ấy.

– Chuyện gì đã xảy ra ở đây, John Coffey? – McGee hỏi với giọng trầm nghiêm nghị. – Mà có muốn nói cho tao biết không?

Và Coffey đã nói với McGee và những người đàn ông khác đúng với câu mà hắn đã nói với tôi. Đó cũng là câu mà luật sư bào chữa cho hắn đã nói trước phiên tòa xét xử Coffey: *“Tôi không thể làm gì được!”* – Coffey nói, trên tay vẫn mang hai cái xác trần truồng đã bị làm ô nhục của hai cô bé, những giọt nước mắt lại chảy dài trên đôi má của hắn: *“Tôi cố giữ lại, nhưng đã quá muộn”*.

– Mà bị bắt vì tình nghi đã giết người! – McGee nói và nhổ vào mặt John Coffey

Bồi thẩm đoàn tạm ngưng bốn mươi lăm phút. Vừa đủ thời gian để dùng bữa trưa. Tôi tự hỏi, họ có cảm thấy ngon miệng không.

5

Tôi nghĩ rằng có lẽ quý vị đã hiểu tôi không thể biết hết những điều đó chỉ trong một buổi chiều tháng mười nóng bức,

từ các tờ báo cũ được lôi ra trong một vài thùng các-tông, nhưng những gì tôi biết cũng đủ khiến tôi mất ngủ đêm đó. Lúc hai giờ sáng, khi vợ tôi thức dậy, nhìn thấy tôi ngồi trong nhà bếp, đang uống ly sữa và hút thuốc tự vấn lấy, cô ấy hỏi tôi chuyện gì đã xảy ra. Tôi nói dối, một điều rất ít khi xảy ra trong suốt cuộc hôn nhân của chúng tôi, rằng tôi lại cãi nhau với Percy Wetmore.

Di nhiên điều đó cũng đúng, nhưng đấy không phải là nguyên nhân khiến tôi còn ngồi trong nhà bếp vào khoảng thời gian ấy. Bình thường, tôi bỏ lại mọi ý nghĩ về Percy ở nơi làm việc.

– Nào, bây giờ thì hãy quên quả táo thối ấy đi và vào giường với em! – Vợ tôi nói. – Em có cái này có thể giúp anh dễ giấc ngủ và anh muốn bao nhiêu cũng được.

– Nghe hấp dẫn đấy, nhưng anh nghĩ là chúng ta phải chịu nhịn thôi. – Tôi nói. – Bộ máy thoát nước của anh không được tốt và anh không muốn lây bệnh cho em.

Cô ấy nhượng mảy:

– Bộ máy thoát nước? Em nghĩ rằng anh đã nhận cái đó từ một con đĩ nào đấy khi anh đến Baton Rouge.

Tôi chưa bao giờ đi đến Baton Rouge và không hề chạm tới cô gái điếm nào ở đấy. Cả hai chúng tôi đều biết điều đó.

– Đó chỉ đơn giản là chứng nhiễm trùng đường tiểu. – Tôi nói. – Mẹ anh bảo là con trai thường mắc phải chứng bệnh đó khi đi tiểu ở ngoài trời lúc gió Bắc thổi.

– Mẹ anh! Mẹ anh thì chắc sẽ không dám bước ra khỏi nhà, nếu như bà làm đổ một ít muối. – Vợ tôi trả lời – Bác sĩ Sadler ...

– Không! – Tôi đưa tay lên ngắt lời cô ấy. – Ông ta sẽ lại cho anh uống sulfat, và cho đến cuối tuần thì mỗi góc trong phòng làm việc của anh sẽ dính đầy thứ đồ nôn mửa.

Anh sẽ để nó tự khỏi, nhưng trong suốt thời gian đó chúng ta phải tạm ngưng việc “giải trí” ấy đi.

Nàng hôn lên trán tôi, ngay trên đuôi chân mày trái. Cử chỉ ấy luôn khiến tôi cảm thấy kích thích, râm ran cả người và Janice biết rất rõ điều đó.

– Chú bé tội nghiệp! Làm như tên khốn Percy Wetmore chưa đủ hay sao. Anh hãy lên giường ngay nhé!

Tôi làm như thế, nhưng trước đó, tôi bước ra hàng hiên sau nhà để đi tiểu (và tôi còn đưa ngón tay đã liếm ướt lên để kiểm tra hướng gió như thời thơ ấu mẹ tôi thường bảo, mặc dù cử chỉ ấy quả thật ngớ ngẩn). Đi tiểu ở ngoài trời là một thú vui của cuộc sống thôn quê, thú vui mà thì ca chưa bao giờ đề cập đến. Nhưng đêm hôm ấy, đó không còn là sự dễ chịu nữa. Thứ nước mà tôi tiểu như một tia dầu cháy bỏng chảy trong người tôi. Tôi tự nhủ rằng hôm nay thật tệ, mặc dù trước đây hai hay ba ngày, tình hình còn tồi tệ hơn. Tôi hy vọng rằng mình đang dần dần khỏi bệnh. Không bao giờ trong tôi tồn tại một niềm hy vọng vô căn cứ. Không có ai nói cho tôi biết rằng, thỉnh thoảng, loại trực khuẩn đã đồn trú ở một nơi ẩm ướt và ấm áp có thể nghỉ ngơi một hai ngày trước khi trở dậy trở lại. Tôi sẽ rất ngạc nhiên nếu biết được điều đó. Có lẽ tôi còn ngạc nhiên hơn, nếu biết được rằng mười lăm hay hai mươi năm sau, người ta đã tìm được một loại thuốc có thể đẩy lùi chứng bệnh này ra khỏi cơ thể trong thời gian kỷ lục. Và dù loại thuốc này có đem lại một chút khó chịu ở dạ dày hoặc gây nên chứng tiêu chảy thì nó cũng không làm cho người ta phải nôn mửa như các viên thuốc sulfat của bác sĩ Sadler. Đạo ấy, vào năm 1932, người ta không thể làm gì hơn là chờ đợi và chịu đựng cảm giác nóng bỏng ở dương vật khi đi tiểu như có ai đổ dầu hôi vào đó rồi châm lửa đốt.

Tôi cài nút quần lại, đi vào phòng ngủ rồi cuối cùng

cùng thiếp đi. Tôi mơ đến các cô bé có nụ cười bên lên và mái tóc vậy máu.

6

Sáng hôm sau, có một mảnh giấy màu vàng đặt trên bàn viết của tôi. Tôi cần phải đến phòng làm việc của giám đốc càng sớm càng tốt! Dĩ nhiên tôi biết là về chuyện gì. Có những qui tắc, tuy rất quan trọng trong cuộc chơi, nhưng không hề được viết ra và hôm qua tôi đã không giữ đúng. Vì thế tôi cố trì hoãn thời gian trước lúc phải đến gặp giám đốc, giống như cố trì hoãn việc đến gặp bác sĩ vì “hệ thống thoát nước” của tôi. Tôi quan niệm rằng, câu thành ngữ “Đừng để đến ngày mai việc gì có thể làm hôm nay” không phải lúc nào cũng đúng.

Dù sao tôi cũng không vội vàng gì để đến gặp giám đốc Moores. Thay vào đó, tôi chậm rãi cởi áo khoác treo lên lưng ghế rồi mở quạt. Hôm nay lại là một ngày nóng bức. Sau đó, tôi ngồi vào bàn viết và bắt đầu đọc bản báo cáo của Brutus Howell về ca trực đêm qua. Không có điều gì đặc biệt xảy ra.

Vào chập tối, Delacroix đã khóc một lúc. Gã vẫn thường như thế. Tôi chắc rằng gã khóc vì chính mình hơn là vì những người đã bị gã thiêu sống. Sau đó gã bắt Mr. Jingles, con chuột yêu của gã đang ngủ ra khỏi thùng đựng thuốc lá. Một lúc sau, Del trấn tĩnh lại và phần còn lại của đêm qua, gã ngủ say như một đứa trẻ. Hình như Mr. Jingles đã ngủ

suốt đêm trên bụng của Delacroix với cái đuôi vắt qua bàn chân. Có lẽ Thượng Đế nhận thấy rằng Delacroix cần một thiên thần hộ mệnh, nhưng với sự sáng suốt, Ngài cho rằng chỉ có một con chuột mới thích hợp với một con chuột cống dám thiêu sống người như Delacroix, gã bạn sát nhân đến từ Louisiana của chúng tôi.

Đĩ nhiên không phải tất cả những cái đó đều được ghi trong báo cáo của Brutal, nhưng tôi cũng đã thực hiện những ca trực đêm như thế, đủ để có thể hình dung được các sự kiện xảy ra phía sau các dòng chữ. Trong đó có một đoạn ghi chép ngắn ngủi về John Coffey: *"Năm yên không ngủ, có khóc một chút. Tôi đã thử nói chuyện, nhưng sau vài từ trả lời nhát gừng của Coffey, tôi đành thôi. Có thể là Paul hoặc Harry gặp may hơn tôi."*

"Thử nói chuyện" là nhiệm vụ quan trọng của chúng tôi, mặc dù lúc ấy, chính tôi cũng chưa ý thức được hết tầm quan trọng của nó. Mãi cho đến khi ở vào lứa tuổi hiếm có này, tôi mới hiểu được tại sao nó lại cần thiết đến thế, giống như hơi thở cần thiết cho cuộc sống. *"Thử nói chuyện"* không quan trọng đối với các quản giáo ở trại khác thỉnh thoảng được tăng cường sang trại tử tù, nhưng lại ảnh hưởng lớn, thậm chí đến tính mạng, của tôi, của Harry, của Brutal và của Dean. Đó cũng chính là nguyên nhân vì sao một người như Percy Wetmore lại là một tai họa.

Các tù nhân ghét hẳn, các quản giáo ghét hẳn, hình như người nào cũng ghét hẳn ngoại trừ mối quan hệ thế lực của hẳn, chính hẳn và có thể (chỉ có thể thôi) là mẹ của hẳn. Hẳn như một lượng chất độc asen trộn vào chiếc bánh cưới và ngay từ đầu, tôi đã nghĩ hẳn là một thứ tai họa. Một tai họa sớm muộn gì cũng sẽ ập đến. Có thể người ta sẽ bật cười khi nghe tôi nói điều này, nhưng là quản giáo trại tử tù, công việc chủ yếu của chúng tôi không phải là gác ngục mà là tư

vấn tâm lý cho những kẻ đã bị kết án tử hình. Chúng tôi biết cách gợi chuyện, bởi vì không có những cuộc nói chuyện thì những người đàn ông đang nhìn thấy cái chết cận kề ấy sẽ dễ dàng phát điên.

Tôi ghi chú dưới bản báo cáo của Brutal rằng tôi sẽ nói chuyện với John Coffey, hay ít ra là sẽ thử làm chuyện ấy. Sau đó tôi đọc tờ giấy của Curtis Anderson, phó giám đốc nhà tù. Anderson đang chờ lệnh thi hành án tử hình Edward Delacroix (Anderson đã viết sai, tên của Del đúng ra phải viết là Eduard Delacroix). Theo ghi chú của Curtis Anderson, dựa theo một nguồn đáng tin cậy, thì chuyến du hành của gã người Pháp sẽ diễn ra trước ngày lễ Halloween, ông ta đoán là sẽ vào ngày 23 tháng mười. Các dự đoán của Curtis Anderson thường dựa trên những nguồn tin khá xác thực. Nhưng trước đó chúng tôi sẽ phải đón một vị khách mới.

Nó là loại người thường được gọi là *“đứa trẻ cá biệt”* – Curtis viết bằng nét chữ thuận tay trái của ông ta – *“điên khùng, hung bạo và lại tự cao về điều đó. Năm rồi, nó đã lang thang khắp tiểu bang, tấn công và sát hại ba người, trong đó có một phụ nữ đang mang thai. Trên đường chạy trốn, nó giết thêm mạng thứ tư, một cảnh sát tiểu bang. Chỉ còn thiếu trong danh sách nạn nhân của nó một nữ tu và một người mù”* – Tôi bật cười vì lời nhận xét này – *“Wharton mười chín tuổi và có xăm hàng chữ ‘Billy the Kid’ trên bắp tay trái. Có lẽ anh sẽ phải cho nó một vài bài học, nhưng chú ý: hãy thận trọng. Đơn giản vì gã thanh niên này không thiết đến bất cứ điều gì”*. Ông ta gạch dưới hàng cuối rất đậm, sau đó bổ sung thêm *“Có thể sẽ kéo dài một thời gian. Đã nộp đơn chống án với lý do là còn ở tuổi vị thành niên khi phạm tội”*.

Một thằng điên khùng, đã đệ đơn chống án và chắc chắn là sẽ lưu lại ở chỗ chúng tôi một thời gian dài ...Ồ, nghe thật là hay ho! Đột nhiên tôi cảm thấy hôm nay thời tiết

nóng bức hơn tất cả mọi ngày và tôi không thể trì hoãn việc đến trình diện giám đốc Moores lâu hơn nữa.

Trong thời gian ở Cold Mountain, tôi đã làm việc dưới quyền ba vị giám đốc. Hal Moores là người cuối cùng và tốt nhất trong số ba người. Ông rất trung thực, thẳng thắn. Mặc dù không có khiếu hài hước như Curtis Anderson, ông ta cũng có đủ khôn khéo để có thể giữ vững chức vụ trong những năm khủng hoảng nặng nề này và cũng có đủ tính liêm khiết để không bị mua chuộc. Ông ta sẽ không thăng tiến được nữa, nhưng hình như ông ta đã chấp nhận điều đó. Đạo ấy, Moores khoảng năm mươi tám hoặc năm mươi chín tuổi nhưng gương mặt đã hằn đầy nếp nhăn. Mái tóc ông ta đã bạc và hai bàn tay hơi run như mắc phải một căn bệnh nào đó, nhưng đó là một người đàn ông mạnh mẽ.

Năm trước, khi bị một tù nhân dùng miếng gỗ tháo từ một cái thùng tấn công, Moores vẫn bình tĩnh và chứng tỏ được mình. Ông ta đã chụp lấy khuỷu tay của cái thằng khốn ấy và vận mạnh đến nỗi tiếng xương gãy nghe rằng rắc giống như tiếng củi khô trong bếp lửa. Tên khốn kiếp ấy không còn hứng đánh nhau nữa mà khụy xuống nền đất bắn thiu gào lên gọi mẹ. *“Tao không phải là mẹ của mày.”* – Moores nói với cái giọng đặc trưng miền Nam của mình – *“Nếu tao là mẹ mày, tao đã vén váy lên và đá vào mặt mày rồi.”*

Khi thấy tôi bước vào, giám đốc Moores định đứng dậy nhưng tôi khoát tay ra hiệu ông cứ ngồi yên. Tôi ngồi xuống chiếc ghế đặt trước bàn viết của ông và hỏi thăm sức khỏe của vợ ông. Ở đây ngôn ngữ của chúng tôi hơi khác so với phần còn lại của thế giới.

– Sức khỏe của cô gái xinh đẹp thế nào? – Tôi hỏi, làm như Melinda chỉ mới được mười bảy tuổi xuân chứ không phải sáu mươi hai hoặc sáu mươi ba tuổi. Sự cảm thông của tôi rất

thành thật. Bà ấy là túp phụ nữ tôi có thể yêu và lấy làm vợ, nếu như số phận đưa đẩy chúng tôi đến với nhau. Cũng không tồi nếu tôi đánh lạc hướng giám đốc Moores khỏi chủ đề chính một lúc.

Ông ta thở dài.

– Không tốt lắm, Paul ạ. Nói chung là không tốt.

– Lại chứng nhức đầu à?

– Trong tuần này. Chỉ một lần thôi, nhưng tôi tệ hơn tất cả mọi lần. Hôm kia bà ấy đã nằm li bì suốt cả ngày. Và bây giờ lại thêm triệu chứng liệt dần ở cánh tay phải.

Moores đưa cánh tay phải lên. Hai chúng tôi nhìn thấy nó run rẩy trước khi ông thả rơi cánh tay xuống. Tôi có thể đoán chắc với quý vị rằng ông có thể đánh đổi tất cả để không phải chứng kiến điều ông vừa nói với tôi. Còn tôi, tôi cũng sẽ chịu đánh đổi nhiều thứ để không phải nghe câu chuyện đau buồn ấy. Những cơn nhức đầu của Melinda xuất hiện từ đầu năm nay và cả mùa hè, các bác sĩ đã nói rằng đó là *“triệu chứng nhức đầu từng cơn vì bị căng thẳng quá mức”* vì quá lo lắng trước thực trạng rằng chồng bà sắp phải về hưu. Nhưng chúng tôi thật sự không yên tâm. Vợ tôi bảo rằng chứng nhức đầu không phải là chứng bệnh của tuổi già. Khi Melinda Moore càng cao tuổi thì thông thường chứng bệnh ấy sẽ giảm dần chứ không phải càng ngày càng tồi tệ hơn. Bây giờ lại thêm triệu chứng cánh tay yếu ớt dần. Điều đó nghe như không phải do sự căng thẳng thần kinh mà là một cơn đột quỵ chết tiệt.

– Bác sĩ Haverstrom định gửi bà ấy đến bệnh viện ở Indianola để khám – Moores nói. Họ muốn chiếu điện cái đầu. Ai biết được có gì trong đó, ông ấy bảo thế. Vợ tôi sợ chết khiếp. Dừng lại một giây, ông nói tiếp: – Thú thật là chính tôi cũng sợ.

– Vâng, nhưng ông phải thu xếp để đưa bà ấy đi khám chứ! Đừng chần chừ nữa. Nếu qua việc chiếu điện họ phát hiện ra điều gì thì có thể sẽ điều trị được.

– Đúng vậy. – Ông đồng tình và ánh mắt chúng tôi gặp nhau, tôi nhớ lại đây là lần đầu tiên kể từ đầu cuộc nói chuyện đến giờ. Đó là sự hiểu ngầm giữa chúng tôi, không cần dùng đến lời nói. Vâng, đó có thể là một cơn đột quỵ. Vâng, đó có thể là chứng bệnh ung thư. Nếu rơi vào trường hợp sau thì cơ hội để các bác sĩ ở Indianola có thể làm gì được gần như bằng không. Đây là năm 1932, qui vị hãy nhớ lại, và lúc đó ngay cả chứng bệnh đơn giản như viêm bàng quang hay nhiễm trùng đường tiết niệu cũng có nghĩa hoặc là uống sulfat rồi nôn mửa khắp nơi hoặc là cứ chịu đau và chờ đợi.

– Cảm ơn anh vì sự quan tâm, Paul ạ. Bây giờ chúng ta hãy nói về Percy Wetmore.

Tôi rên lên, mắt nhắm lại.

– Hôm nay, tôi nhận được một cú điện thoại từ thủ phủ bang. – Giám đốc nói với giọng điềm tĩnh. Anh có thể tưởng tượng là một cú điện thoại không dễ chịu gì. Paul, ngài thống đốc rất bận bịu, anh hiểu là tôi muốn nói gì rồi chứ, và vợ ông ta có một người em trai. Người ấy chỉ có một đứa con. Đứa bé ấy là Percy Wetmore. Tôi qua Percy đã gọi điện thoại cho cha. Cha nó gọi cho chị gái. Tôi có phải kể cho anh nghe phần tiếp theo không?

– Không. – Tôi nói. – Percy đã mách lẻo, giống như một đứa trẻ nính hót trong trường kể cho thầy giáo nghe rằng Jack và Jill đã hôn nhau trong nhà vệ sinh.

– Ờ, – Moores tán đồng, đại loại như thế.

– Ông có biết giữa Percy và Delacroix đã xảy ra chuyện gì khi Delacroix được chuyển đến không? – Tôi hỏi. – Percy với cái dùi cui chết tiệt của nó?

– Có, nhưng

– Và ông có biết thỉnh thoảng nó lại đánh vào các chấn song sắt chỉ để làm cho tù nhân sợ? Nó là thằng vừa tồi vừa ngu ngốc và tôi không biết tôi có thể chịu đựng được nó bao lâu nữa. Đó là sự thật.

Chúng tôi biết nhau đã năm năm. Đó là một khoảng thời gian đủ dài đối với đàn ông để hiểu nhau, đặc biệt khi một phần công việc của chúng tôi là sự xoay chuyển giữa cái sống và cái chết. Tôi muốn nói rằng giám đốc Moores rất hiểu tôi. Ông biết rằng tôi sẽ không vứt bỏ chỗ làm này. Tôi không thể làm điều đó trong thời kỳ suy thoái. Bóng ma khủng hoảng rình rập bên ngoài nhà tù như một tên tội phạm nguy hiểm mà người ta không thể bắt nhốt lại như những người chúng tôi đang canh giữ. Những người đàn ông tài giỏi hơn tôi bị thất nghiệp đứng đầy ngoài đường. Tôi đã gặp may và tôi hiểu điều đó. Các con tôi đã trưởng thành, tảng đá trách nhiệm nặng hàng tấn đè lên ngực tôi nặng trĩu đã được nhắc lên khoảng hai năm về trước, nhưng một người đàn ông cần phải ăn và vợ của ông ta cũng phải ăn. Ngoài ra, chúng tôi còn gởi cho con gái và con rể hai mươi đô la mỗi khi có thể (và thỉnh thoảng gửi thêm, khi thư của Jane viết có vẻ tuyệt vọng). Con rể tôi là một giáo viên trung học bị thất nghiệp và những ai trong giai đoạn này không trải qua tâm trạng tuyệt vọng thì đó mới là điều kỳ lạ. Thế thì, không, người ta không thể vứt bỏ một công việc với khoản tiền lương ổn định hàng tháng như thế – ngay cả khi đó là một người có máu lạnh.

Nhưng trong mùa thu này máu của tôi không lạnh. Nhiệt độ thật khác thường so với mùa này và chứng bệnh viêm nhiễm dồn trú trong người tôi càng làm cho nhiệt kế chỉ ở mức cao hơn. Khi ở vào tình thế này, người ta dễ dàng sử dụng đến nắm đấm, dù có muốn hay không. Và khi một

người dùng nắm đấm với kẻ có nhiều mối quan hệ như Percy Wetmore thì đó là một sự kết thúc, người ta có thể đi ăn mày và không còn có cơ hội quay trở lại với công việc được nữa.

– Anh hãy kiên nhẫn. – Moores điềm đạm nói. – Tôi mời anh đến đây để nói với anh điều này. Tôi biết được từ một nguồn tin đáng tin cậy, nói rõ hơn là từ người đã gọi điện cho tôi sáng nay, rằng Percy đã gửi đơn xin chuyển đến Briar và đơn sẽ được chấp thuận.

– Briar? – Tôi hỏi lại. Đó là Briar Ridge, một trong hai bệnh viện tâm thần của tiểu bang. Nó làm gì ở đó? Một cuộc du ngoạn chăng?

– Đó là công việc quản trị. Tiền nhiều hơn và chỉ ngồi bàn giấy thay vì đi khênh giường bệnh xá dưới cái nóng như lửa này. – Ông ta nhìn tôi cười láu lỉnh. – Này Paul! Anh có biết không, lẽ ra anh đã thoát khỏi nó rồi, nếu khi tiền tù trưởng sang thế giới bên kia anh không phân công nó vào phòng điều khiển.

Lời nói của Moores nghe kỳ lạ đến nỗi một lúc lâu tôi vẫn không hiểu ông muốn ám chỉ điều gì. Hay là tôi *không muốn* hiểu?

– Lay Chúa! Thế thì tôi phải phân công nó làm gì? – Tôi hỏi. Nó không biết làm gì ở cái trại này cả! Để cho nó tham gia vào nhóm trực tiếp thi hành án tử hình...

Tôi không nói hết câu. Không thể nói được. Khả năng Percy gây ra tai họa trong lúc thực hiện việc hành hình là lớn, rất lớn.

– Thế nhưng anh vẫn phải để cho nó tham gia việc đưa tiễn Delacroix, nếu như anh muốn thoát khỏi nó, anh bạn ạ.

Tôi nhìn Moores một lúc rồi quay mặt đi chỗ khác. Cuối cùng, tôi thốt lên nặng nhọc:

– Ông muốn nói gì? Rằng nó muốn đứng sát bên ghế

điện trong lúc hành hình để có thể ngửi được mùi trứng của tội nhân đang bị rán như thế nào à?

Moore nhún vai. Ánh mắt của ông ấy dịu dàng là thế khi nói đến vợ, trở nên cứng rắn.

– Dù Wetmore có đứng ở chỗ đó hay không thì trứng của Delacroix cũng bị rán. – Ông ấy nói. – Đúng không?

– Vâng, nhưng nó có thể làm hỏng cuộc hành hình. Hal, chắc chắn nó sẽ làm thế trước mặt ba mươi nhân chứng và các nhà báo, những người đã đi đoạn đường dài từ Louisiana đến đây.

– Anh và Brutus Howell có nhiệm vụ sắp đặt sao cho nó không làm như thế – Moore nói. – Nếu như thế mà nó vẫn làm thì mọi chuyện sẽ được ghi vào hồ sơ của nó và sẽ ở yên chỗ đó cho đến khi mối quan hệ chính trị của nó chấm dứt. Anh hiểu chứ?

Tôi hiểu. Điều đó khiến tôi buồn nôn và lo ngại, nhưng tôi đã hiểu.

– Có thể nó còn muốn ở lại để “thưởng thức” cuộc hành hình Coffey, nhưng nếu chúng ta có chút may mắn thì có thể nó sẽ cảm thấy thỏa mãn với cuộc hành hình Delacroix. Anh phải sắp đặt để nó được trực tiếp tham gia vào vụ đó!

Tôi đã định sẽ phân công Percy đến phòng điều khiển điện, rồi sau đó xuống đường hầm canh giữ cái xác nằm trên cang cho đến khi nó được đưa ra chiếc xe chở xác chờ bên kia đường đối diện với trại giam, nhưng tôi phải từ bỏ kế hoạch ấy, không một lần xem lại. Tôi gật đầu. Tôi có cảm giác mình đang làm một cuộc mạo hiểm nhưng mặc kệ, nếu như bằng cách đó mà tôi tổng tiến được thằng Percy Wetmore. Thôi được, tôi sẽ cột dây vào mũi con quỷ để nhử nó vậy. Nó có thể chỉ huy cuộc hành hình, ra lệnh cho Van Hay kéo cầu dao rồi đứng ưỡn ngực nhìn qua tấm lưới sắt. Nó có thể đứng xem gã

người Pháp bị điện giật chết như thế nào. Cứ để cho nó có một dòng chữ chết tiệt ghi thành tích đã xử tử một tội nhân trong hồ sơ của nó đi! Sau đó nó sẽ đến Briar Ridge, nơi nó được trang bị một phòng làm việc riêng có quạt máy. Và nếu như ông dưỡng của nó không đắc cử chức thống đốc bang vào kỳ bầu cử tới thì cứ để cho nó tự hiểu lấy công việc trong thế giới rối ren này, nơi không phải tất cả những kẻ ác đều bị nhốt phía sau song sắt và thỉnh thoảng nó sẽ phải nhận những cú đấm là thế nào. Có lẽ như vậy lại tốt hơn.

– Thôi được. – Tôi nói và đứng lên. – Tôi sẽ để cho nó đứng ở vị trí chỉ huy trong cuộc hành hình Delacroix. Từ đây tới đó tôi sẽ không động chạm đến nó.

– Tốt lắm. – Giám đốc Moores nói và cũng đứng lên. – Ngoài ra, tình trạng của anh thế nào rồi? – Ông đưa mắt tế nhị nhìn xuống bụng tôi.

– Có vẻ đã khá hơn đôi chút.

– Thế thì tốt. – Ông cùng với tôi đi ra cửa. – Còn Coffey ra sao? Liệu nó có gây khó dễ gì không?

Tôi trả lời:

– Tôi nghĩ là không. Cho đến giờ nó lặng lẽ như một con gà chết. Nó rất khác, đôi mắt của nó thật kỳ lạ, nhưng nó yên lặng. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn theo dõi nó thường xuyên. Ông đừng bận tâm.

– Chắc là anh biết nó đã làm gì chứ?

– Tất nhiên!

Ông đưa tôi ra đến phòng ngoài, nơi bà cô già Hannah đang gõ lọc cọc trên chiếc máy đánh chữ. Tôi có cảm tưởng bà ta đã làm việc này từ thời đại băng hà đến giờ. Tôi mừng vì được đi ra khỏi chỗ này. Nhưng có lẽ trước hết là vì tôi có cảm giác mình đã thoát một cách bình yên. Thật là tốt khi biết rằng vẫn còn có cơ hội thoát khỏi thằng khốn Percy.

– Xin ông chuyển dùm đến Melinda lời chào của tôi. – Tôi nói. – Và ông cũng đừng chuốc thêm nỗi lo lắng nữa.

Ông mỉm cười.

– Dĩ nhiên rồi. – Moores nói trong khi đôi mắt ánh lên nỗi lo lắng. Trông ông thật đáng ái ngại.

Tôi trở về trại E, trở về một ngày làm việc bình thường. Có một đồng giấy tờ cần phải đọc, phải viết, sàn nhà cần phải được lau chùi, bữa ăn cho tù nhân cần phải được chuẩn bị, một bản kế hoạch công việc cho tuần tới cần phải được soạn thảo... Có hàng trăm công việc lớn nhỏ tôi cần phải thực hiện. Nhưng chủ yếu, đó là sự chờ đợi. Ở nhà tù phải chờ đợi rất nhiều, nhiều đến nỗi tôi cứ nghĩ sẽ chẳng bao giờ đến hồi kết thúc: chờ ngày Eduard Delacroix bước đi trên *Dặm Xanh*, chờ gã William Wharton với cái mồm rộng và bắp tay xăm chữ "*Billy the Kid*", nhưng trên hết là chờ đợi ngày Percy Wetmore biến mất khỏi cuộc đời tôi.

7

Con chuột của Delacroix là một trong những điều bí ẩn của Thượng Đế. Trước mùa hè năm ấy, tôi chưa bao giờ nhìn thấy một con chuột ở khu E và sau mùa thu đó cũng không, khi Delacroix vĩnh biệt chúng tôi trong một đêm tháng mười oi bức, sấm chớp rền vang. Chuyển đi của Delacroix khủng khiếp đến nỗi hầu như tôi không dám hồi tưởng lại từng chi

tiết. Delacroix khẳng định rằng gã đã huấn luyện con chuột – một con vật đã bắt đầu cuộc sống ở chỗ chúng tôi với cái tên Steamboat Willy – nhưng tôi thì nghĩ có lẽ ngược lại. Dean Stanton và Brutal cũng nghĩ như thế. Cả hai đều có mặt vào buổi tối hôm đó, khi con chuột xuất hiện lần đầu tiên. Brutal nhận xét: “Nó đã được thuần hóa một nửa và thông minh gấp đôi cái gã người Pháp tự xưng là đã huấn luyện nó.”

Dean và tôi đang ngồi trong văn phòng và đọc lại hồ sơ từ năm ngoái. Chúng tôi phải tổng hợp báo cáo gửi cho các nhân chứng về năm buổi thi hành án tử hình gần đây. Sau đấy lại là bản tổng hợp về sáu cuộc hành hình trước đó nữa. ngược lại mãi đến năm 1929. Thật ra, trong thâm tâm chúng tôi muốn biết: Họ có hài lòng về sự phục vụ chu đáo này không? Tôi biết, điều đó nghe có vẻ thô lỗ, nhưng đó là vấn đề quan trọng. Là người đóng thuế, họ chính là khách hàng của chúng tôi, loại khách hàng rất đặc biệt. Những người có thể bỏ thời gian và vất vả đến lúc nửa đêm để xem một con người chết như thế nào hẳn phải có một nguyên nhân đặc biệt thôi thúc và khi họ nhận thấy đó là một sự trừng phạt tương xứng thì nhu cầu của họ sẽ được thỏa mãn. Họ đã thấy một cơn ác mộng. Mục tiêu của cuộc hành hình là chỉ cho họ thấy cơn ác mộng ấy đã chấm dứt. Có lẽ tác dụng của nó là như vậy. Đôi khi.

– Ê! – Brutal gọi to. Anh ta ngồi sau bục cạnh bên ngoài văn phòng. – Ê, hai người ra đây! Nhanh lên!

Dean và tôi nhìn nhau lo ngại, bởi vì chúng tôi nghĩ có chuyện gì xảy ra với tù nhân thổ dân từ Oklahoma (tên của hắn là Arlen Bitterbuck, nhưng chúng tôi gọi hắn là “Tù trưởng”, hoặc – theo Harry Terwilliger – là “Tù trưởng-Phô-Mai-Sữa-Dê”, bởi vì Harry cho rằng ông ta bốc mùi đó), hoặc có chuyện gì xảy ra với tù nhân chúng tôi đặt biệt danh là “Chủ tịch”, nhưng sau đó có tiếng Brutal cười lớn và chúng tôi

vội vàng ra xem có chuyện gì, bởi vì tiếng cười ở trại E nghe cũng kỳ quặc như ở trong nhà thờ.

Lão Toot-Toot, một tù nhân được giao nhiệm vụ đẩy xe thức ăn hôm ấy, vừa kéo chiếc xe đẩy các món ngon lành đến và Brutal đã chuẩn bị cho một đêm dài bằng ba chiếc bánh mì kẹp thịt, hai chai nước chanh và hai bịch bánh ngọt. Ngoài ra còn có một phần xà lách khoai tây. Rõ ràng là Toot-Toot đã đánh cắp món đó từ bếp ăn của nhà tù, nơi mà lão không được phép bén mảng đến. Brutal đã mở sổ trực nhật ra đặt trước mặt. Việc anh ta không làm bản cuốn sổ quả là chuyện lạ. Có lẽ là anh ta chỉ mới vừa bắt đầu nhăm nháp.

– Có chuyện gì thế? – Dean hỏi.

Brutal vừa cười vừa trả lời:

– Chính phủ phải mở hấu bao ra để trả lương thêm cho một quân giáo nữa đấy. Các anh nhìn xem!

Brutal hát hàm ra hiệu, và chúng tôi nhìn thấy con chuột. Tôi bật cười, Dean cũng thế. Không thể nín cười được, bởi vì điệu bộ con chuột này trông giống như một quân giáo cứ mỗi mười lăm phút lại đi một vòng để kiểm tra xem mọi việc có ổn không. Một quân giáo tí hon đang xem xét để xác định rằng không một ai định vượt ngục hoặc tự sát. Nó bò một đoạn trên *Dặm Xanh* về hướng chúng tôi rồi quay đầu sang trái, sang phải như đang kiểm tra các xà lim. Sau đó nó lại bò tiếp một đoạn rồi lại quay sang nhìn xà lim bên trái, bên phải. Mặc dù có tiếng cười lớn nhưng chúng tôi vẫn nghe tiếng ngáy của các tù nhân trong các xà lim khiến sự việc trông càng buồn cười hơn.

Đó là một con chuột màu xám trông hoàn toàn bình thường, ngoại trừ việc nó làm ra vẻ như đang kiểm tra các xà lim. Thậm chí nó còn bò nhẹ nhàng vào hai xà lim, khéo léo chui qua các chấn song sắt. Tôi tưởng tượng rằng các tù nhân

hắn sẽ ganh tị với nó nếu nhìn thấy cảnh đó. Con chuột không bò vào các xà lim đang có người, chỉ vào các buồng còn trống. Cuối cùng nó cũng bò gần đến chỗ chúng tôi. Tôi nghĩ rằng nó sẽ quay lại, nhưng nó không làm thế. Nó không có vẻ gì sợ chúng tôi cả.

Dean Stanton nói, vẻ nóng nảy:

– Thật không bình thường khi một con chuột đến gần người như thế. Có thể là con chuột bị bệnh dại.

– Ôi, lạy Chúa! – Brutal nói trong khi vẫn nhai miếng bánh mì cặp thịt bò băm. – Thưa chuyên gia chuột vĩ đại, ngài có thấy bọt mép của nó sùi ra không?

– Tôi không thể thấy cái mỏ của nó. – Dean đáp và chúng tôi lại bật cười. Tôi cũng không thể thấy cái mỏ của nó, nhưng tôi có thể nhìn thấy cặp mắt long lanh như hai cục áo nhỏ xíu trông hoàn toàn không có triệu chứng gì là điên dại cả. Cặp mắt nhìn lanh lợi và thông minh. Tôi đã tiễn nhiều người sang thế giới bên kia – những người đàn ông với linh hồn hình như bất tử – và họ nhìn tôi với đôi mắt còn ngu ngốc hơn con chuột này.

Nó lại bò tiếp trên *Dặm Xanh*, đến sát bụi canh, cái bụi không có gì đặc biệt như quý vị nghĩ đâu, thậm chí trông nó bình thường như cái bàn của giáo viên đặt trên bụi giăng ở trường tiểu học. Nó dừng lại trước chỗ chúng tôi đang đứng và điệu dáng vắt cái đuôi lên chân giống như một quý phu nhân già xếp lại nếp váy.

Đột nhiên tôi không còn cảm thấy buồn cười nữa mà dường như có một luồng hơi lạnh ngất chạy dọc sống lưng. Tôi muốn nói tôi không hiểu tại sao mình lại có cảm giác đó – không ai muốn tiết lộ một điều buồn cười khiến anh ta trở nên kỳ quặc dưới con mắt người khác – nhưng có lẽ là tôi biết, và nếu tôi nói cho quý vị rõ sự thật, có nghĩa là tôi đã

nói lên sự thật của câu chuyện này.

Trong khoảnh khắc, tôi tưởng tượng mình là con chuột ấy. Không phải là cai ngục mà đơn giản chỉ là một tội nhân đã bị kết án tử hình đang đứng ở *Dặm Xanh*, mắt ngược nhìn lên cái bức cao vời vợi (như chúng ta đứng trước Thượng Đế trong ngày phán xét cuối cùng), nơi những người khổng lồ mặc đồng phục màu xanh dương đang ngồi sau đó. Những người khổng lồ ấy sẽ bắn chết nó, sẽ dùng một cái chổi đập chết nó hoặc dùng một cái bẫy để bắt nó. Cái bẫy sẽ sập xuống và bẻ gãy sống lưng nó. Mặc dù vậy, nó vẫn phải thận trọng bò đến miếng bánh phô mai đang nhử trước mặt.

Không có cái chổi nào dựng gần bức canh, nhưng có một cái xô với cây lau nhà và giẻ lau. Tôi đã lau nền hành lang màu xanh lá và sáu buồng giam trước khi cùng Dean giải quyết mớ giấy tờ. Tôi nhìn thấy Dean đưa tay nắm cây lau nhà định đập con chuột. Tôi đặt bàn tay lên cánh tay anh ấy khi các ngón tay của Dean vừa chạm cán.

– Cứ để yên đấy! – Tôi nói.

Dean nhún vai và rút tay lại. Tôi có cảm giác anh ấy cũng không muốn đánh chết con chuột như tôi.

Brutal bẻ một miếng bánh mì cặp thịt, cầm giữa hai ngón tay chìa về phía con chuột. Con chuột nhìn miếng bánh với vẻ lạnh lợi, làm như nó đã biết đấy là thứ gì. Có thể là như thế, bởi vì tôi nhìn thấy những cọng râu của nó rung rung.

– Đứng, Brutal, đứng! – Dean la lên và quay lại nhìn tôi. – Paul, đừng cho phép hắn! Nếu ta cho con vật gớm ghiếc đó ăn, thì chẳng khác nào ta trải thảm đỏ mời tất cả các giống bốn chân đến đây.

– Tôi chỉ muốn xem nó làm thế nào thôi. – Brutal nói. Đại khái là để nghiên cứu. – Cậu ta nhìn tôi bởi vì tôi là sếp, ngay cả trước những vấn đề vụn vặt như thế này. Tôi suy

nghe một chút rồi nhún vai, làm ra vẻ không quan tâm đến. Thực ra thì tôi cũng muốn xem con chuột sẽ làm gì.

Thế đấy, dĩ nhiên là nó ăn mẩu bánh. Đây là thời kỳ khủng hoảng kinh tế mà! Nhưng điều khiến chúng tôi ngạc nhiên thích thú là cái cách mà nó ăn mẩu bánh. Nó vừa tiến dần về phía miếng bánh vừa đánh hơi và đến ngòai trước đó như một con chó. Sau đó nó dùng hai bàn chân trước cặp miếng bánh, xé ra để ăn miếng thịt bên trong trước. Nó làm gọn gàng, thành thạo như một người đang thưởng thức món thịt nướng thơm ngon vào bữa tối ở một nhà hàng quen thuộc. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một con vật ăn như thế, ngay cả những con chó đã được huấn luyện. Trong khi ăn, con chuột không hề rời mắt khỏi chúng tôi.

Một người nào đó thốt lên sau lưng tôi:

– Hoặc là một con chuột rất thông minh, hoặc là nó đang đói khủng khiếp.

Đó là Bitterbuck. Lão đã thức dậy và đang đứng vịn tay vào các chấn song sắt buồng giam, người cõng trần, chỉ vận một chiếc quần đùi. Lão kẹp một miếng thuốc lá tự vấn lấy giữa hai ngón tay, mái tóc bạc màu thép được bím lại thả xuống đến vai. Đôi vai có lẽ trước đây rất vạm vỡ, giờ xệ xuống, da nhăn nhúm.

– Tù trưởng, ông có biết một câu cách ngôn nào của thổ dân về con chuột không? – Brutal hỏi trong lúc chăm chú xem con chuột ăn. Chúng tôi đang ngạc nhiên về cái cách nó giữ miếng bánh mì bằng hai bàn chân, ngắm nghía một lúc như là nó biết đánh giá và đang thưởng thức.

– Không, – Bitterbuck nói. Tôi chỉ nghe một lần có một chiến binh khẳng định rằng đôi găng tay của nó làm bằng da chuột, nhưng tôi không tin.

Lão cười khà, làm như toàn bộ chỉ là một câu chuyện

đùa, và lùi ra khỏi chốn song sắt. Chúng tôi nghe tấm ván kêu rảng rắc khi lão nằm xuống.

Hình như tiếng động ấy đối với con chuột là tín hiệu báo đã đến lúc đi. Nó ăn hết mẩu bánh đang giữ bằng hai bàn chân, liếm láp những mẩu vụn còn lại (chủ yếu là bánh mì với mù tạt), đoạn ngược mắt nhìn chúng tôi như muốn ghi nhớ gương mặt của từng người để có thể nhận ra khi gặp lại. Sau đó, nó quay lại và bò đi theo con đường mà nó đã tới, lần này nó không nhìn vào các buồng giam như lúc trước. Vẻ vội vã của nó khiến tôi nhớ đến con thỏ trắng trong câu chuyện phiêu lưu *"Alice lạc vào xứ thần tiên"* và tôi mỉm cười. Nó không dừng lại trước cửa phòng biệt giam, thường được gọi là buồng cao su, mà là biến ngay dưới ngạch cửa. Buồng cao su có bốn bức tường chung quanh bọc cao su để dành cho những kẻ yếu thần kinh. Khi chúng tôi không cần sử dụng nó cho mục đích ấy, chúng tôi chứa dụng cụ lau chùi và một ít sách (chủ yếu là các truyện phiêu lưu miền Viễn Tây của Clarence Mudford và một cuốn sách chỉ được cho mượn hạn chế, một câu chuyện bằng hình về Popeye, Pluto và Wimpy). Trong đó có cả các vật dụng để dùng cho việc trang trí mỹ thuật như bút chì màu mà sau này Delacroix đã sử dụng rất nhiều. Nhưng đó không phải là vấn đề của chúng tôi bây giờ. Xin quý vị nhớ cho, sự kiện này xảy ra rất lâu trước đó. Trong buồng cao su còn có chiếc áo trấn lực mà không có ai muốn mặc. Chiếc áo ấy được may bằng hai lớp vải bố để làm buồm với các dây buộc, các khóa cài ở phía sau lưng.

Tất cả chúng tôi đều biết cách nhét một tù nhân có vấn đề vào chiếc áo ấy. Thông thường họ không hung hăng đến nỗi phải dùng bạo lực, nhưng nếu có một kẻ nào phản ứng như thế thì chúng tôi không thể khoanh tay đứng nhìn, chờ cho tình hình tự cải thiện và trật tự được văn hồi một cách tự nhiên.

Brutal mở ngăn kéo của bọc canh, lấy ra một cuốn sổ bìa bọc da lớn có in hàng chữ màu vàng “KHÁCH ĐẾN THĂM”. Bình thường thì cuốn sổ ấy nằm yên trong hộc bàn từ tháng này sang tháng khác. Khi một tù nhân có khách đến thăm – có thể là một luật sư hoặc một vị linh mục – hắn sẽ được đưa sang căn phòng cạnh căng-tin được sử dụng cho mục đích ấy. Chúng tôi gọi căn phòng đó là “Arcade”, tôi cũng không hiểu tại sao.

Dean Stanton hỏi và hé mắt nhìn qua khe hở của cặp kính trễ xuống khi thấy Brutal giở cuốn sổ ra và nhìn vào tên các vị khách của những tù nhân đã chết:

– Cái gì, trời đất, cậu định làm gì thế?

– Tôi thực hiện điều qui định thứ mười chín. – Brutal nói và tìm trang cần thiết. Anh ta lấy một cây bút chì, liếm liếm đầu nhọn của nó, một thói quen gớm ghiếc mà anh ta không thể bỏ, và bắt đầu viết.

Điều qui định thứ 19 nói rằng: *“Mỗi một người khách bước vào khu E phải xuất trình một tấm thẻ màu vàng do ban giám đốc ký và phải được ghi nhận trong sổ, không có bất kỳ trường hợp ngoại lệ nào.”*

– Hắn điên rồi! – Dean nói với tôi.

– Nó không trình thẻ với chúng ta, nhưng lần này thì tôi cho qua.

Brutal nói. Anh ta liếm đầu bút chì một lần nữa rồi viết con số 21:49 vào cột “BẮT ĐẦU THỜI GIAN THĂM”.

– Dĩ nhiên, các sếp lớn đôi khi cũng cho chuột được hưởng ngoại lệ. – Tôi nói.

– Tất nhiên là họ sẽ làm thế. – Brutal tỏ ý đồng tình.

Anh ta quay đầu nhìn chiếc đồng hồ treo tường phía sau rồi viết tiếp con số 22:01 vào cột “KẾT THÚC THỜI GIAN THĂM”. Cột chữ rộng hơn nằm giữa hai cột ghi thời gian

được dành để ghi “TÊN KHÁCH ĐẾN THĂM”. Sau khi suy nghĩ căng óc một hồi – hình như để cố nhớ lại xem cách viết như thế nào chữ ý tưởng thì tôi chắc anh ta đã có sẵn rồi – Brutus Howell cẩn thận viết từng chữ “*Steamboat Willy*”, cái tên mà thời ấy người ta thường dùng để gọi chú chuột Mickey. Hình ảnh này xuất hiện trong bộ phim hoạt hình có lồng tiếng đầu tiên, khi chú chuột Mickey đảo tròn tròn mắt, đu đưa trên sợi dây của một chiếc tàu chạy bằng hơi nước.

– Xong! – Brutal nói, gấp quyển sổ lại và bỏ vào hộp bàn. Tất cả đều đúng theo qui định.

Tôi bật cười trong khi Dean, bình thường rất thích đùa, nhăn trán và lau mạnh cặp mắt kính.

– Cậu sẽ bị quở mắng nếu có ai đó nhìn thấy, – Dean ngần ngừ, rồi nói tiếp, một người nào đó không liên quan. Anh ta lại ngần ngừ rồi đưa mắt nhìn quanh, làm như các bức tường vừa mọc tai, rồi nói nhanh – một người nào đó như thằng chó đẻ Percy Wetmore.

– Hừm, – Brutal nói – vào cái ngày mà Percy Wetmore ngồi vào cái bàn này, thì đó sẽ là ngày tôi xin nghỉ việc.

– Cậu không cần phải xin nghỉ việc. – Dean nói. – Họ sẽ tống cổ cậu trước đó bởi vì cậu đã viết bậy bạ vào sổ, nếu như Percy nói điều đó vào đúng cái lỗ tai cần nói. Cậu biết là nó làm được mà.

Mặt Brutal sa sầm, nhưng anh ta không nói gì nữa. Tôi cho rằng sau này anh ta sẽ tẩy hàng chữ đã viết trong đó, còn nếu anh ta không làm thì tôi sẽ làm.

Vào tối hôm sau, khi chúng tôi đã đưa Bitterbuck rồi “Chủ tịch” đi qua trại D để tắm rửa, trước đó các tù nhân ở trại này đã được giam lại, Brutal hỏi tôi có muốn xem chú chuột Mickey ở buồng cao su hay không.

– Tôi cho rằng chúng ta phải làm chuyện đó thôi. – Tôi trả lời.

Mặc dù đêm qua chúng tôi đã cười thích thú với con chuột này, tôi biết rằng nếu tôi và Brutal tìm được nó trong buồng cao su – đặc biệt là khi nó đã găm lớp nhựa bọc tường của chúng tôi – thì chúng tôi sẽ phải giết nó. Tốt nhất là giết vị khách không mời này còn hơn là phải chịu đựng một loạt các vị khách không mời khác kéo đến sau đó và, có lẽ tôi không cần phải nói cho quý vị biết, không ai trong chúng tôi phải áy náy khi giết một con chuột. Dù sao thì chính phủ cũng trả lương cho chúng tôi để chúng tôi giết chuột, các loại chuột.

Nhưng đêm ấy chúng tôi không tìm thấy Steamboat Willy, hay còn được gọi là chuột Mickey, sau này còn được gọi là Mr. Jingles. Nó không ở sau các bức tường mềm mại, cũng không ẩn náu sau mớ đồ hồ lớn mà chúng tôi đã dọn ra hành lang. Đó quả là một đồng đồ lớn, nhiều hơn là tôi tưởng, bởi vì đã lâu rồi chúng tôi không sử dụng đến căn buồng đặc biệt này. Điều ấy sẽ thay đổi khi William Wharton đến trại E, nhưng dĩ nhiên là vào thời điểm đó chúng tôi không thể biết được. Đó là điều may mắn của chúng tôi.

– Nó ở đâu được nhỉ? – Brutal vừa hỏi vừa dùng một cái khăn màu xanh lau mặt. – Không có một cái lỗ nào, cũng không có một khe hở. Dĩ nhiên chỉ còn có chỗ đó, nhưng mà ... – Anh ta chỉ về lỗ thoát nước ở sát góc phòng, nhưng dưới đó có một tấm lưới, mắt lưới nhỏ đến nỗi một con ruồi cũng không lọt qua được. – con chuột vào đây như thế nào? Làm sao nó ra được?

– Không biết! – Tôi trả lời.

– Steamboat Willy đã chạy vào đây, phải không? Tôi muốn nói là cả ba chúng ta đều nhìn thấy.

– Đúng vậy, nó biến mất dưới cánh cửa. Nó phải ép mình nhớ lại, nhưng nó làm được.

– Trời ạ! – Brutal nói. – May mà các tù nhân của chúng ta không thể ép nhỏ đến thế, đúng không?

– Cậu có lý đấy. – Tôi nói và đưa mắt nhìn quanh lần nữa để tìm một cái lỗ, một khe hở hay đại loại như thế trên các bức tường bọc cao su. – Thôi, đi ra!

Ba đêm sau, Steamboat Willy lại xuất hiện khi Harry Terwilliger đang ngồi sau bục canh. Percy cũng có ở đó, và hắn đã dùng cây lau nhà mà Dean đã định sử dụng trước đó để săn đuổi con chuột. Con chuột dễ dàng thoát khỏi Percy. Nó chui xuống khe hở dưới cánh cửa buồng cao su, vừa cách Percy với cây lau nhà của hắn một gang tay.

Percy chửi ầm, mở cửa căn buồng và ném hết mọi thứ trong đó ra. Cảnh tượng trông rất buồn cười, Harry kể lại. Percy thề rằng hắn sẽ tóm được con chuột đáng nguyên rủa và sẽ ngắt đầu nó, nhưng dĩ nhiên là hắn làm không được. Nửa giờ sau hắn đi ra, người đầm mồ hôi, tóc tai bù xù. Vừa đưa tay gạt mớ tóc rũ trên trán vừa nhét lại áo vào trong quần, Percy tuyên bố với Harry (trong suốt cuộc huyền não vẫn điềm nhiên ngồi sau bục canh đọc sách) rằng hắn sẽ dùng băng dán bịt kín khe hở giữa cánh cửa và sàn nhà lại; thế là vấn đề về con vật bẩn thỉu đó sẽ được giải quyết.

– Cứ làm những gì anh cho là tốt nhất, Percy. – Harry vừa nói vừa lật sang trang cuốn sách những câu chuyện tào lao về ngựa mà anh ta đang đọc. Cậu ta nghĩ rằng Percy sẽ sớm quên việc dùng băng keo dán khe hở dưới cánh cửa và cậu ta đã có lý.

8

Vào mùa đông sau đó, rất lâu sau khi các sự kiện xảy ra, một đêm nọ, Brutal đến chỗ tôi khi hai chúng tôi cùng trực ca đêm. Ở trại E vào thời gian này không có tù nhân nào và tất cả các quản giáo được tạm thời điều sang làm công việc khác. Percy đã đến Briar Ridge.

– Anh đến đây! – Brutal nói với giọng nghèn nghẹn khiến tôi phải quay lại chăm chú nhìn. Tôi vừa từ bên ngoài trời lạnh cắt da bước vào, đang phúi bụi tuyết bám trên áo măng tô trước khi máng lên móc.

– Có gì không ổn à? – Tôi hỏi.

– Không, – Cậu ta nói. – Nhưng tôi đã tìm được chỗ mà Mr. Jingles ra vào khi lần đầu tiên nó đến rồi, tôi muốn nói, trước khi Delacroix tiếp nhận nó. Anh có muốn xem không?

Đĩ nhiên là tôi rất muốn xem. Tôi đi theo Brutal qua dãy hành lang màu xanh lá, đến buồng cao su. Tất cả vật dụng chúng tôi cất ở trong đó đang nằm ngoài hành lang. Có lẽ Brutal định tạm dừng thời gian vắng “khách” để dọn dẹp chút đỉnh. Cánh cửa để mở. Tôi nhìn thấy bên trong có một cái xô và cây lau nhà. Nền nhà được trải vài sơn màu xanh như hành lang, đang khô sau khi được lau chùi. Ở giữa căn buồng là một cái thang, bình thường được cất trong nhà kho, dùng làm công cụ cuối cùng của nhà nước phục vụ cho tội nhân chịu án tử khi cần thiết. Một cái gì nhô ra phía sau cái thang, có lẽ để cho thợ sơn đặt xô đựng màu. Trên đó có một

cái đèn pin. Brutal đưa nó cho tôi.

– Anh leo lên đó đi. Anh thấp hơn tôi, có lẽ anh sẽ không nhìn thấy rõ nhưng tôi sẽ giữ chân anh để anh trèo lên bậc trên cùng.

– Tôi bị nhột ở chân đấy nhé! – Tôi nói và trèo lên thang. – Đặc biệt là ở đầu gối!

– Tôi sẽ chú ý.

– Tốt lắm – tôi nói – bởi vì để xác định xem một con chuột từ đâu đến mà phải chịu gãy xương hông thì cái giá đó quá đắt.

– Cái gì?

– Không, được rồi!

Cái đầu của tôi gần chạm tới cái lồng sắt chụp giữ bóng đèn trên trần nhà. Tôi cảm thấy cái thang lắc lư dưới sức nặng của tôi và tôi có thể nghe tiếng gió rít ở bên ngoài.

– Giữ chặt nhé!

– Tôi đang giữ đây, anh đừng sợ. – Brutal giữ chặt lấy chân tôi. Tôi bước lên thêm một bậc. Tôi đã leo đến sát trần và có thể thấy rõ mạng nhện giăng ở góc phòng và cả các thanh xà ngang gác qua. Tôi rọi đèn pin nhưng không nhìn thấy cái gì đáng để phải mạo hiểm trèo lên đến tận đây.

– Không, – Brutal nói – anh nhìn quá xa rồi. Sếp, hãy nhìn bên trái, chỗ các cây kèo giáp nối nhau! Anh thấy chưa? Chỗ có một chút sơn dính vào đấy!

– Tôi thấy rồi.

– Anh hãy rọi đèn vào chỗ mối nối đi!

Tôi làm theo và nhìn thấy ngay vật mà Brutal muốn chỉ cho tôi. Các cây kèo được bắt với nhau bởi các chốt bằng gỗ, khoảng nửa tá, và trong số đó bị thiếu một cái. Ở đó có một cái lỗ bằng một đồng hai mươi lăm xu. Tôi nhìn vào đó rồi nhìn qua vai xuống Brutal:

- Nhỏ như thế à? Không, tôi không tin đâu!
- Nhưng mà nó đã chạy vào đó, – Brutal nói – tôi chắc chắn như vậy.
- Tôi không hiểu tại sao cậu lại tin như thế.
- Anh hãy nghiêng người nhìn sát hơn! Đừng sợ, tôi giữ anh chặt mà, và hãy thổi vào cái lỗ!

Tôi làm theo lời Brutal và đưa tay trái lên giữ chặt một cây dùi. Tôi cảm thấy an tâm hơn vì đã có điểm tựa. Cơn gió đông lạnh buốt găm rít bên ngoài, lọt qua cái lỗ và thổi vào mặt tôi. Tôi có thể ngửi được hơi thở của mùa đông và một cái gì khác ...

Mùi bạc hà!

“Xin đừng để có điều gì xảy ra cho Mr. Jingles” – Tôi ngỡ như mình đang nghe giọng nói run rẩy của Delacroix. Vâng, tôi có thể nghe và cảm nhận hơi ấm của Mr. Jingles khi Delacroix đặt nó vào tay tôi. Chỉ là một con chuột nhắt nhỏ xíu, nhưng vẫn là một con chuột. *“Xin đừng để cho thằng khốn ấy làm gì con chuột của tôi!”* và tôi đã hứa, như tôi luôn luôn hứa với họ trong giây phút cuối cùng của cuộc đời, khi cuộc hành trình của họ trên *Dặm Xanh* không còn là một điều tưởng tượng nữa mà sắp trở thành hiện thực. *“Xin ông gửi bức thư này đến cho em trai tôi. Đã hai mươi năm rồi tôi chưa gặp lại nó?”* – Tôi hứa. *“Ông có thể đọc kinh Ave Maria mười lăm lần để cầu nguyện cho linh hồn tôi?”* – Tôi hứa. Đó là cái cách mà người ta có thể làm để cho họ nhẹ nhõm trong lòng khi phải ngồi lên chiếc ghế đặt ở cuối *Dặm Xanh*. Dĩ nhiên tôi không thể thực hiện được tất cả mọi lời hứa của mình, nhưng tôi đã giữ lời hứa với Delacroix. Bản thân gã người Pháp đó đã trả giá quá đắt cho việc hắn đã làm. Thằng khốn độc ác ấy không thể làm gì con chuột, không thể làm một lần thứ hai thì đúng hơn, nhưng hắn đã trút cơn tức giận

lên đầu Delacroix và hành hạ anh ta. Ôi, tôi biết là hắn sẽ gây chuyện, dĩ nhiên là tôi đã đoán biết, nhưng không có ai đáng để phải chịu đựng nỗi cực hình mà Eduard Delacroix đã phải chịu khi ngồi trong vòng tay của “Già Sparky”.

Mùi bạc hà!

Và còn một vật gì đó. Một vật nho nhỏ nằm sâu trong cái lỗ ở vì kèo!

Tôi lấy tay phải rút cây bút máy giắt ở túi áo, tay trái của tôi vẫn bám chặt cây kèo và không còn quan tâm đến việc Brutal có vô tình chạm vào chỗ đầu gối nhạy cảm của tôi hay không. Vẫn bằng bàn tay phải, tôi vặn nắp viết rồi đưa đầu viết vào cái lỗ, vít nhẹ vật gì đó ra. Đó là một mẫu vụn gỗ nhỏ xíu được sơn màu vàng và lần này tôi nghe giọng nói của Delacroix rõ ràng hơn, làm như linh hồn của anh ta vẫn còn lẩn quất quanh chúng tôi ở trong căn phòng cách ly này – trong căn phòng mà William Wharton phải ở nhiều nhất.

“Này, các ông ơi!” – Giọng nói ấy lại vang lên – giọng vừa nói vừa cười, ngạc nhiên, thú vị của một người đàn ông đã quên, hay tạm quên trong chốc lát, anh ta đang ở đâu và điều gì chờ đợi anh ta. “*Ấy đến đây và xem Mr. Jingles làm được gì đây này!*” – Và anh ta đã chỉ cho chúng tôi xem màn biểu diễn của con chuột với một cái trục rồng bằng gỗ.

– Trời ơi! – Tôi thì thầm, cảm thấy hơi thở nghẹn lại.

– Anh đã tìm thấy một mảnh vụn gỗ, đúng không? – Brutal hỏi. – Tôi đã tìm thấy ba hay bốn mẫu rồi.

Tôi trèo xuống và rọi đèn pin vào bàn tay to lớn của Brutal đang chìa ra. Trên đó là một vài mẫu gỗ nhỏ xíu. Hai mảnh có màu vàng như mảnh tôi nhặt được, một mảnh màu đỏ, một mảnh màu xanh. Chúng không phải được sơn, mà là được tô bằng bút chì màu sáp.

– Ôi, trời ơi! – Tôi thì thầm, giọng run rẩy. – Đó là những

mẫu gỗ từ cái trục rỗng đó, phải không? Nhưng mà tại sao? Tại sao lại ở trên này?

– Khi còn nhỏ, tôi không cao lớn như thế này đâu. – Brutal nói. Tôi chỉ vụt lớn nhanh từ năm mười lăm đến năm mười bảy tuổi. Cho đến lúc đó tôi chỉ là một thằng bé loắt choắt và lùn đầu tiên khi tôi phải đến trường, tôi cảm thấy mình nhỏ bé, nhỏ bé như... như một con chuột, có lẽ anh sẽ nói thế. Tôi cảm thấy sợ và cô đơn khủng khiếp. Anh có biết tôi đã làm gì không?

Tôi lắc đầu. Gió vẫn găm rít ở bên ngoài. Các cây kèo nhà làm rung động mạng nhện ở góc phòng. Tôi chưa bao giờ đến một chỗ kỳ lạ như thế này và ở đó, khi chúng tôi nhìn vào những mẫu gỗ vụn nhỏ xíu lấy từ cái trục gỗ rỗng của Delacroix, cái trục gỗ mà con chuột dùng để biểu diễn nhiều lần cho chúng tôi xem, đầu óc tôi chợt hiểu ra điều mà trái tim của tôi muốn, kể từ khi John Coffey phải bước đi trên *Dặm Xanh*: tôi không thể tiếp tục làm công việc này được nữa. Nơi đây khủng hoảng kinh tế, nơi nọ khủng hoảng kinh tế. Mặc kệ. Tôi không thể nào tiếp tục nhìn những người đàn ông bước qua văn phòng của tôi để đến với cái chết. Một người nữa cũng quá nhiều.

– Tôi xin mẹ tôi một chiếc khăn tay của bà. – Brutal nói tiếp. – Khi tôi muốn khóc và cảm thấy mình quá nhỏ bé, tôi có thể úp mặt vào đó, ngửi mùi nước hoa của mẹ tôi và tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

– Cậu muốn nói... cái gì? Rằng con chuột đã gặm một ít mẫu vụn của cái trục gỗ ấy để nhớ đến Delacroix? Rằng một con chuột...

Tôi ngẩng lên. Trong thoáng chốc, tôi ngỡ như nhìn thấy những giọt lệ trong mắt Brutal, nhưng tôi cho rằng có thể là tôi đã lầm.

– Tôi không định nói gì cả, Paul ạ, nhưng tôi đã tìm thấy chúng ở trên đó, tôi đã ngửi thấy mùi bạc hà cũng giống như anh – chắc hẳn rằng anh đã ngửi thấy mùi ấy. Và tôi không thể tiếp tục, không thể tiếp tục công việc này được. Nếu tôi còn phải đưa một người đàn ông nào lên ghế điện nữa, thì có lẽ tôi phải tự sát mất. Ngày thứ hai tới tôi sẽ đệ đơn xin chuyển sang trại cải tạo thanh thiếu niên. Nếu như tôi được chuyển đi trước khi diễn ra cuộc hành hình tiếp theo thì tốt. Còn nếu không, tôi sẽ vứt bỏ công việc này và trở về làm nông dân.

– Nhưng ở nông trại của cậu có gì ngoài đá và sỏi?

– Mặc kệ.

– Tôi hiểu. – Tôi nói. – Tôi nghĩ rằng tôi sẽ làm theo cậu.

Brutal chăm chú nhìn tôi như để xác định xem tôi có nhạo báng cậu ta không. Sau đó cậu ta gật đầu như thể đó là một việc đã được thỏa thuận.

Tiếng gió lại rít lên, lần này mạnh hơn khiến các cây kèo kêu răng rắc. Cả hai chúng tôi đều có cảm giác nặng nề khi ở trong căn phòng bọc cao su này. Tôi tin là trong khoảng khắc đó, chúng tôi đã nghe tiếng của William Wharton – không phải là *Billy the Kid*, cái tên này đã không còn tồn tại nữa đối với chúng tôi kể từ ngày đầu tiên hắn đặt chân đến đây mà là “Wild Bill” – “Bill-Hung-Bạo”, như hắn vừa gào lên vừa cười vừa nói rằng chúng tôi sẽ vui mừng nếu thoát được hắn và chúng tôi sẽ không bao giờ quên hắn. Về điểm này thì hắn có lý.

Những gì Brutal và tôi đã thống nhất trong đêm đó ở phòng cách ly diễn ra đúng như mong muốn, làm như là chúng tôi đã long trọng tuyên thệ trước những mẫu vụn tí xiu của chiếc trục gỗ. Không ai trong hai chúng tôi tham dự vào một cuộc hành hình nào sau đó. Cuộc hành hình John Coffey là lần cuối cùng...

phần 2

*con chuột
trong
trại tử tù*

1

Nhà dưỡng lão, nơi tôi phải sống những ngày cuối đời tên là Georgia Pines. Nó cách Atlanta khoảng sáu mươi dặm và cách cuộc sống của phần lớn những người bình thường một trăm năm ánh sáng. Chúng tôi nói “phần lớn những người bình thường” là những người dưới tám mươi tuổi. Quý vị, những người đang đọc quyển sách này, xin hãy chú ý để cuối đời không phải đáp xuống một nơi như thế này. Đây không phải là một nơi tồi tệ. Ở đây có truyền hình cáp, có thức ăn ngon (mặc dù người ta chỉ nhai được chút ít thôi), và nếu so với thời kỳ ở trại E trong nhà tù Cold Mountain của tiểu bang thì phải nói là rất dồi dào.

Ở đó cũng có một người khiến tôi liên tưởng đến Percy Wetmore, kẻ đã được nhận vào khu E chỉ vì có họ hàng với ngài Thống đốc tiểu bang. Thật ra, tôi nghi ngờ việc gã đàn ông ở trại dưỡng lão này có họ hàng nhiều thế lực, mặc dù hắn làm ra vẻ như thế. Hắn tên Brad Dolan. Giống như Percy, hắn cũng thường xuyên chải chuốt mái tóc và hắn cũng thường giắt một thứ gì để đọc trong túi quần. Trong khi Percy thích đọc các tạp chí như *Argosy* and *Men's Adventure* thì Brad thích đọc các câu chuyện đùa tục tĩu được đóng thành từng tập. Hắn thường hỏi mọi người những câu hỏi đại loại như tại sao người Pháp lại đi qua đường khi đèn đỏ hay cần phải có bao nhiêu người khiêng quan tài cho một buổi lễ

an táng ở khu Harlem. Cũng như Percy, Brad là một thằng ngốc, ké chỉ tìm thấy niềm vui sướng dựa trên những trò độc ác. Chỉ một lần tôi thấy Brad nói có vẻ thông minh, mặc dù tôi cho rằng đó chỉ là sự tình cờ, như tục ngữ nói “ngay cả một cái đồng hồ hỏng cũng chỉ đúng giờ hai lần trong ngày”: “Lão thật may mắn, Paulie, rằng lão không mắc bệnh Alzheimer”. Tôi ghét việc hắn gọi tôi là Paulie, nhưng hắn không chịu thôi. Tôi cũng đã bỏ cuộc, không phản đối hắn nữa. Có một câu nói nữa không phải là tục ngữ thích hợp với Brad Dolan: “Người ta có thể dắt một con ngựa đến chỗ có nước, nhưng không thể ép nó uống say được”. Vâng, Brad là một thằng ngốc – giống như Percy.

Khi nói câu nhận xét về bệnh Alzheimer, Brad Dolan đang lau sàn phòng tắm nắng nhân tạo rộng lớn, nơi tôi đang ngồi nhìn các trang giấy vừa viết xong. Chúng đã khá nhiều và tôi biết sẽ còn rất nhiều nữa cho đến khi tôi kể xong câu chuyện.

– Alzheimer, lão có biết đó là cái gì không? – Hắn hỏi.

– Không. – Tôi trả lời. – Nhưng chắc chắn là anh sẽ nói cho tôi biết chứ, Brad.

– Đó là AIDS của người già! – Hắn nói đùa rồi phá lên cười khoái trá. Ha ha ha – ha ha ha – ha ha ha – Tiếng cười của hắn vang dội, hắn có vẻ rất thích chí vì những câu nói đùa ngu ngốc của mình.

Tôi không cười, bởi vì câu nói đùa của hắn đã chạm vào một dây thần kinh nào đó của tôi. Không phải vì tôi bị bệnh Alzheimer, mặc dù ở Georgia Pines này tôi đã nhìn thấy nhiều trường hợp bị bệnh đó. Tôi chỉ mắc chứng bệnh hay quên thường gặp ở những người cao tuổi. Vấn đề này chỉ liên quan đến *lúc nào* chứ không phải là *điều gì*. Khi lật lại những trang đã viết, tôi có ấn tượng rằng mình đã *nhớ lại* được hầu như tất cả những gì xảy ra vào năm 1932, chỉ có

thứ tự thời gian đôi khi bị nhầm lẫn, nhưng nếu chú ý hơn, tôi có thể thuật lại theo đúng thứ tự.

John Coffey đến trại E và *Dặm Xanh* vào tháng mười năm 1932, bị kết án tử hình vì đã sát hại hai cô bé sinh đôi mới lên chín của gia đình Detterick. Đó là cái mốc định hướng của tôi và nếu tôi luôn nghĩ tới sự kiện đó, tôi có thể nhớ lại tất cả. William “Wild Bill” Wharton đến sau Coffey, còn Delacroix đã ở đó từ trước. Tương tự như thế là con chuột, được Brutus Howell (“Brutal” đối với bạn bè) gọi là Steamboat Willy và cuối cùng được Delacroix gọi là Mr. Jingles.

Quý vị muốn nghĩ thế nào cũng được, nhưng con chuột xuất hiện trước tiên, thậm chí trước cả Del. Đó là vào mùa hè, lần đầu tiên khi nó xuất hiện và chúng tôi đang có hai tù nhân trong trại: tù trưởng, Arlen Bitterbuck và “chủ tịch”, Arthur Flanders.

Con chuột này! Con chuột chết tiệt này!

Delacroix yêu quý nó, nhưng Percy Wetmore thì không hề thích nó.

Từ ngày đầu tiên Percy đã căm ghét nó!

2

Ba ngày sau đó, kể từ khi lần đầu tiên bị Percy rượt chí chết trên *Dặm Xanh* – đó là đoạn hành lang dẫn đến chiếc ghế điện, nó được gọi như thế bởi vì nền của hành lang có màu xanh lá úa – con chuột trở lại. Dean Stanton và Bill Dodge đang bàn luận về chính trị, trong những ngày này điều

đó có nghĩa là họ đang nói về Roosevelt và Hoover – Herbert, không phải J. Edgar. Họ ăn bánh Ritz được lấy ra từ một cái túi do Dean mua của lão già Toot-Toot khoảng một giờ trước đó. Percy đang đứng trên bậc cửa gỗ gõ cây dùi cui vào lòng bàn tay – một cử chỉ quen thuộc của hắn – trong lúc lắng nghe cuộc tranh luận của hai người. Hắn dứt dùi cui vào cái bao đeo bên hông, rồi lại rút ra, xoay xoay quanh bàn tay (thường thì sau vài vòng xoay, hắn sẽ đánh rơi nó nếu như hắn không ngoắc cái quai vào cánh tay), sau đó lại dứt vào bao. Đêm đó tôi được nghỉ, nhưng tối hôm sau Dean đã thuật lại từng chi tiết cho tôi nghe.

Con chuột bò trên *Dặm Xanh* như thường lệ. Nó chậm rãi bò qua từng xà lim và làm ra vẻ như đang kiểm tra các buồng giam không người. Một lúc sau, nó lại tiếp tục bò tới, nhìn nghiêng ngó, tìm kiếm, làm như là suốt cả thời gian ấy nó đã biết trước rằng đó là một cuộc tìm kiếm dài lâu và nó sẽ phải kiên nhẫn.

Lúc đó “Chủ tịch” vẫn còn thức và đang đứng áp sát vào cửa xà lim. Gã đàn ông này, thậm chí trong bộ quần áo tù, trông vẫn có vẻ lịch sự, tươm tất. Chỉ cần nhìn vẻ bề ngoài của gã chúng tôi cũng có thể đoán biết gã không phải là người thích hợp với chiếc ghế điện – được mệnh danh là “Già Sparky” – và chúng tôi có lý. Không đầy một tuần sau khi Percy rượt đuổi con chuột, bản án tử hình dành cho “Chủ tịch” đã được ân giảm thành án tù chung thân và gã được đưa sang khu trại giam khác.

– Ê! – Gã kêu lên – Một con chuột! Đây quả là chốn bẩn thỉu, tồi tàn!

Gã cười hăng hắc và Dean nghĩ rằng bản án tử hình thôi chưa đủ để trục cái tính xác xược ra khỏi đầu gã. Gã là người lãnh đạo chi nhánh một công ty, hình như là “Mid-South – Realty Associates”, và tự cho rằng đủ thông minh để

đẩy ông bố già qua cửa sổ nhằm hưởng trọn khoản tiền bảo hiểm, sẽ được gấp đôi nếu chết vì tai nạn. Về điểm này có lẽ gã đã tính sai, nhưng không lớn lắm.

– Cẩm môm, đồ chó đẻ! – Percy quát, nhưng có lẽ chỉ vì thói quen. Ánh mắt của hắn đang hướng về phía con chuột. Hắn đã nhét cây dùi cui vào bao và đang cầm một trong các tờ tạp chí của hắn trên tay, nhưng bây giờ hắn ném nó lên bục cạnh, tay lần rút dùi cui ra khỏi bao và làm ra vé thờ ơ, gõ gõ dùi cui vào lòng bàn tay trái.

– Chó chết! – Bill Dodge nói. – Tôi chưa bao giờ thấy một con chuột ở đây.

– Ô, nó rất dễ thương, – Dean trả lời. – Và nó không sợ ai cả.

– Làm sao anh biết?

– Con chuột nhắt đó đã đến đây vài lần vào ban đêm rồi. Percy cũng đã thấy nó. Brutal gọi nó là Steamboat Willy.

Có lẽ Percy tức điên vì lời giải thích của Dean, nhưng tạm thời hắn phải cầm miệng. Hắn gõ dùi cui nhanh hơn vào lòng bàn tay.

– Anh hãy nhìn kỹ con chuột. – Dean nói. – Có lần nó đã bò đến tận đây. Chúng ta chờ xem lần này nó có làm thế không.

Con chuột làm thế thật, nhưng đánh một đường vòng tránh xa gã “Chủ tịch”, làm như nó không thích mùi của kẻ giết cha. Nó bò vào hai xà lim còn để trống, thậm chí leo lên tấm ván không có nệm, đánh hơi trước khi quay trở lại hành lang. Suốt thời gian ấy, Percy đứng đó, gõ dùi cui liên tục, không thốt lên một lời nào để có thể làm con chuột bị kinh động và trở lui. Hắn muốn dạy cho nó một bài học.

– Tốt lắm! May là các anh không phải nướng nó trên ghế điện, – Bill nói mỉa mai – nếu không, làm sao các anh cột nó lại và đội mũ sắt lên đầu nó?

Percy vẫn im lặng, nhưng hắn nắm cán dùi cui chặt hơn và ngưng gõ vào bàn tay, nín thở như một người đang thưởng thức một hơi thuốc lá vừa hít vào.

Con chuột dừng lại ngay trước bụi cạnh như mọi khi và ngược mắt nhìn Dean như một tội nhân nhìn ngài chánh án. Ánh mắt của nó lướt qua Bill, nhưng sau đó nó lại hướng sự chú ý sang Dean. Có vẻ như, đối với nó, Percy chỉ là không khí.

– Nó là một con quỷ nhỏ can đảm, hãy để cho nó yên! – Bill nói. Ông ta lên giọng một chút – Hê, hê! Steamboat Willy!

Con chuột hơi giật mình và động tai lên, nhưng nó không bỏ chạy và không tỏ thái độ gì chứng tỏ nó định đi khỏi chỗ đó.

– Các anh xem này! – Dean nói, nhớ lại cảnh Brutal cho con chuột ăn bánh mì thịt băm. – Tôi không biết lần này nó có làm thế hay không, nhưng ...

Anh ta bẻ một miếng bánh Ritz, ném về phía con chuột.

Nó nhìn mẩu bánh màu vàng cam khoảng một hoặc hai giây bằng cặp mắt tinh anh, bộ ria mép rung rung khi nó đánh hơi mẩu bánh. Sau đó, nó ngồi xuống, cầm mẩu bánh bằng hai chân trước và bắt đầu nhấm nháp.

– Xem kìa! Thật không thể tin được! – Bill kêu lên. – Nó ăn lịch sự như một mục sư dùng bữa vào buổi tối thứ bảy ở nhà xứ!

Con chuột ăn hết mẩu bánh, ngồi trên cái đuôi vắt qua chân, hình như để giữ thăng bằng, ngược mắt nhìn lên những người khổng lồ mặc đồng phục xanh dương.

– Để tôi thử xem. – Bill nói. Ông ta bẻ tiếp một mẩu bánh, chồm qua bụi cạnh và thận trọng thả rơi xuống. Con chuột đánh hơi, nhưng không hề chạm vào.

– Nó no rồi. – Bill nói.

– Tào lao. – Dean cãi lại. – Nó biết anh là người lạ, chỉ thế thôi.

– Người lạ? Tôi à? Này, điều đó làm tôi thích đấy! Tôi làm việc ở đây cũng thường xuyên như Harry Terwilliger, thậm chí còn nhiều hơn.

– Đừng nổi nóng, anh bạn già ạ, đừng nổi nóng! – Dean cười cười, trả lời. – Anh hãy chú ý và nhìn xem tôi nói đúng hay không nhé.

Anh ta ném tiếp một mẩu bánh Ritz xuống nền và quả thật, con chuột lại cầm bánh bằng hai chân rồi tiếp tục ăn. Nó hoàn toàn không chú ý đến món quà của Bill Dodge, nhưng khi nó chỉ còn một chút xíu bánh trong hai bàn chân, Percy đã bất thần phóng cây dùi cui như một mũi lao về phía nó.

Con chuột là một mục tiêu rất nhỏ và người ta phải thần phục cú ném gần chính xác của Percy, cú ném thiếu chút nữa đã đập nát đầu “Willy”, nếu như phản xạ của nó không nhanh như tia chớp. Con chuột rụt đầu lại – vâng, đúng như một con người sẽ phản ứng như thế – và thả rơi mẩu bánh xuống nền.

Percy kêu lên đầy thất vọng, hắn biết là hắn đã ném gần trúng mục tiêu, và rượt theo con chuột. Bill Dodge định giữ cánh tay hắn lại, có thể là do phản xạ, nhưng Percy giật ra và tiếp tục đuổi theo. Mặc dù vậy, theo lời của Dean, hình như sự cản trở ngăn ngại của Bill đã cứu mạng Steamboat Willy. Percy không chỉ muốn giết chết con chuột, mà là *giảm nát* nó, và thế là hắn nhảy từng bước dài kiểu zíc-zắc theo con chuột, trông kỳ cục như một con hươu đang phóng tới và giậm thành thịch đôi giày nặng nề của hắn trên sàn.

Con chuột chỉ còn kịp cứu lấy tính mạng của mình vào phút cuối khi chạy theo đường zíc-zắc và chui vào khe hở dưới cánh cửa của phòng cách ly và – *bye-bye, chào các người* – rồi biến mất.

– Mẹ kiếp! – Percy hét lên và đập rầm rầm vào cánh cửa.

Sau đó, hắn rút chùm chìa khóa ra, lựa chọn một hõ, rõ ràng là hắn định mở cửa buồng cách ly để tiếp tục cuộc săn đuổi.

Dean đứng dậy, đi dọc theo hành lang về phía Percy, cố tình bước chậm lại để kiểm chế cơn giận đang sôi sục. Một mặt anh ta muốn cười nhạo Percy, mặt khác lại muốn tóm lấy thằng khốn ấy, tổng hắn dán vào cánh cửa và đập cho hắn phọt c. ra. Dĩ nhiên có thể hiểu được sự giận dữ của Dean. Công việc của chúng tôi ở khu E chủ yếu là hạn chế tối đa sự ồn ào, gây hấn, náo loạn, trong khi “Gây-hấn” chính là cái tên thứ hai của Percy. Làm việc cùng với hắn giống như một người cố tháo nòng nổ của một quả bom, trong khi đó có một người khác đang đứng sau lưng khua soong nồi ầm ỹ. Nói cách khác, là làm căng thẳng thêm. Dean kể lại rằng anh ta có thể nhìn thấy sự kích động trong đôi mắt của Arlen Bitterbuck, thậm chí trong mắt của “Chủ tịch”, kẻ bình thường cư xử khá hòa nhã và tỏ vẻ thờ ơ với mọi việc.

Và còn một điều nữa! Tận trong thâm tâm, Dean đã chấp nhận con chuột – có thể không phải như một người bạn mà là một phần của cuộc sống trong trại tử tù này. Vì thế, điều Percy đã làm và định tiếp tục làm là vô lý, cho dù đó chỉ là một con chuột. Chỉ riêng sự thực rằng Percy không bao giờ hiểu được tại sao điều hắn làm là vô lý đã là một thí dụ chứng tỏ hắn không thích hợp với công việc mà hắn cho là mình rất thành thạo.

Khi đi đến cuối hành lang, Dean đã trấn tĩnh được và nghĩ ra cách làm chủ tình thế.

Tất cả chúng tôi đều biết Percy không thể chịu đựng được việc bị đem ra làm trò cười trước mặt những người khác.

– Lại để sống rồi! – Dean khẳng định, miệng mỉm cười còn đôi mắt nhấp nháy nhìn Percy khoái chí.

Percy hậm hực nhìn Dean và đưa tay gạt chùm tóc rử

xuống trán.

– Coi chừng đó, lão già bốn mắt! Tao đang bực bội đây! Đừng làm cho tình hình tồi tệ thêm.

– Cậu định dọn hết đồ chất trong đó ra, phải không? – Dean hỏi với đôi mắt cười cợt. Này, nếu lần này cậu dọn tất cả ra thì vui lòng nhín chút thời gian lau sàn nhà luôn nhé!

Percy do dự nhìn cánh cửa, rồi nhìn chòm chìa khóa trên tay. Hắn nghĩ đến một cuộc lục lọi, xáo trộn lung tung vô ích trong căn phòng có tường bọc cao su, trong khi những người khác đứng nhìn... kể cả Tù trưởng và “Chủ tịch”.

– Mẹ kiếp, tôi không hiểu mấy người thích chí cái gì chứ! – Hắn bực bội. – Chúng ta không cần chuột ở đây. Chúng ta đã có đủ những con vật bẩn thỉu rồi, đâu cần phải có thêm chuột.

– Tùy ý cậu, Percy, – Dean khoát tay trả lời với vẻ dàn hòa. Tối hôm sau Dean kể lại cho tôi nghe rằng anh ấy sợ Percy sẽ nhào tới tấn công mình.

Bill Dodge thông thả đi đến và cố làm dịu sự căng thẳng.

– Cậu làm rơi cái này. – Ông ta nói và đưa cho Percy cây dùi cui. Chỉ cần thấp xuống chút xíu thì cậu đã ném gậy cổ con quỷ nhỏ ấy rồi.

Percy phồng mũi lên khi nghe những lời này:

– Ô, đó không phải là cú ném tồi. Khi còn học ở trường trung học, tôi có chân trong đội tuyển bóng rổ. Nhờ những cú ném của tôi mà chúng tôi đã đoạt chức vô địch.

– Thật thế à? – Bill hỏi lại với giọng thán phục (đồng thời nháy mắt với Dean khi Percy vừa quay lưng đi). Thế là ngài nổ đã được tháo.

– Ờ, – Percy nói – thậm chí chúng tôi đã thắng một đội bóng rổ chuyên nghiệp ở Knoxville. Bọn thanh niên thành phố không hiểu chúng đã gặp phải đối thủ cứng cựa như thế nào.

Lẽ ra Dean đã dừng ở đó, nhưng anh ta có thâm niên cao hơn Percy và một trong những nhiệm vụ của người có thâm niên nghề nghiệp cao hơn là cần phải giúp đỡ các đồng nghiệp thiếu kinh nghiệm. Thời điểm ấy – trước Coffey, trước cả Delacroix – anh ấy vẫn nghĩ rằng Percy có thể học hỏi. Thế là Dean nắm lấy cánh tay Percy, ôn tồn nói:

– Cậu cần phải suy nghĩ lại những gì cậu đã làm, Percy ạ!

Sau này, Dean nói với tôi rằng, anh ấy nghĩ như thế thật, nhưng không có ý quở trách. Giọng nói và thái độ của anh ấy không hàm ý quở trách.

Nhưng điều đó vô ích với Percy. Hắn không muốn học... Chỉ sau này, với thời gian, chúng tôi mới hiểu điều đó.

– Ê, lão già bốn mắt, tao tự biết tao đã làm gì. – Tao đã thử giết con chuột! Lão già mù hay sao?

– Mà đã làm cho tao, Bill và những người khác giật mình. – Dean trả lời, đồng thời hất hàm về hướng Bitterbuck và Flanders.

– Thì sao? – Percy uốn ngực hỏi lại. – Bọn chúng không phải ở trong nhà trẻ, nếu như lão già quên điều đó, mặc dù cả bọn màm đối xử với chúng như thế.

– Vậy thì, tôi không thích bị làm giật mình như thế. – Bill tỏ thái độ bực tức – và tôi làm việc ở đây, Wetmore, nếu như cậu quên điều đó, tôi không phải là tù nhân của cậu.

Percy nhìn Bill với vẻ thiếu tự tin.

– Và chúng ta không được làm cho họ hoảng sợ quá mức cần thiết, bởi vì họ đang ở trong tình trạng căng thẳng. – Dean khẽ nói tiếp – Những người đang bị căng thẳng có thể không tự kiểm chế được. Họ có thể gây nguy hiểm cho chính họ, gây nguy hiểm cho người khác. Đôi khi những người như chúng ta cũng có thể rơi vào tình thế khó khăn.

Khóe miệng Percy giật giật. “Rơi vào tình thế khó

khăn” là điều khiến hấn khó chịu. “Gây khó khăn” thì được, nhưng bị rơi vào tình thế đó thì không.

– Công việc của chúng ta là nói chuyện chứ không phải la hét. – Dean nói tiếp – Ai la hét với tù nhân, người đó không tự chủ được nữa.

Percy biết là ai đã đưa ra “điều cấm” này – tôi, trưởng trại. Không hề có tình thương yêu giữa Percy Wetmore và Paul Edgecombe và đây là mùa hè, xin quý vị chớ quên, rất lâu trước khi “lễ hội” thực sự bắt đầu. “Cậu sẽ làm công việc của mình tốt hơn, nếu như cậu xem nơi đây là khoa săn sóc đặc biệt của bệnh viện. Người ta sẽ dễ dàng hơn, nếu giữ bình tĩnh...”

– Tao xem tất cả qui định đó như là một xô nước đá để cho lũ chuột cống uống. – Percy trả lời – Còn bây giờ thì hãy để cho tao yên!

Hấn giật cánh tay khỏi tay Dean, chen qua giữa Dean và Bill rồi loạng choạng đi trên hành lang, đầu cúi xuống. Hấn vô tình đến sát xà lim của “Chủ tịch”, sát đến mức Flanders có thể chộp lấy hấn và dùng chính cây dùi cui của hấn để đánh bẻ đầu hấn nếu tên tù nhân ấy thuộc tuýp người như thế. Đây là sự khinh suất không thể chấp nhận. Dĩ nhiên “Chủ tịch” thì không, nhưng Tù trưởng thì có thể. Nếu tù trưởng có cơ hội, chắc hấn lão đã chộp lấy Percy, đập vỡ đầu hấn chỉ nhằm dạy cho hấn một bài học.

Tôi không thể nào quên được những gì Dean nhận xét về vấn đề này khi kể lại toàn bộ câu chuyện cho tôi nghe vào đêm hôm sau, bởi vì nó gần như một lời tiên tri.

Dean đã nói:

“Wetmore không hiểu rằng nó không có chút quyền lực nào đối với họ. Nó không hiểu rằng dù nó có làm gì đi nữa thì tình trạng của họ cũng không thể tồi tệ hơn, bởi vì họ chỉ bị hành hình một lần mà thôi. Bao giờ nó còn chưa hiểu điều

đó thì nó sẽ trở thành mối nguy hiểm cho chính nó và cho những người khác cùng làm việc ở đây.”

Percy đi vào văn phòng của tôi, đóng sập cửa lại.

Bill Dodge rên lên một tiếng.

– Trời đất ơi, nó quả là một thằng mất dạy!

– Nói như thế là quá nhẹ đấy. – Dean nói.

– Thôi, hãy nhìn nhận sự việc ở khía cạnh tích cực của nó. – Bill nói. Ông ta thường yêu cầu người ta hãy tích cực suy nghĩ và hãy nhìn khía cạnh tích cực. Điều đó có thể khiến một người đang bức bối nổi khùng và có thể đánh ông ta một trận đập mũi. – Con chuột tinh quái của anh lại thoát rồi.

– Ờ, nhưng chúng ta sẽ không gặp lại nó nữa đâu – Dean nói. Tôi tin chắc là lần này thằng Percy khôn kiếp ấy đã đuổi nó đi khỏi đây vĩnh viễn.

3

Điều Dean nói hợp lô-gích, nhưng sai. Tối hôm sau con chuột lại đến, đúng vào buổi tối đầu tiên trong hai buổi tối Percy được nghỉ trực trước khi hấn đổi sang ca đêm.

Steamboat Willy xuất hiện khoảng bảy giờ tối. Tôi đang ở đó và nhìn thấy sự trở lại của nó, Dean cũng có mặt, cả Harry Terwillger. Harry đang ngồi sau bục canh. Thật ra hôm ấy tôi chỉ làm việc ca ngày, nhưng muốn ở lại thêm một vài giờ để nói chuyện với Bitterbuck, bởi vì ngày thi hành án của lão sắp đến.

Bề ngoài Bitterbuck vẫn giữ vẻ kiêu hãnh, can đảm

xứng đáng với truyền thống của bộ lạc của lão, nhưng tôi nhìn thấy nỗi sợ trước ngày kết thúc lớn dần trong đầu lão như một loài hoa độc. Thế là chúng tôi nói chuyện với nhau. Có thể nói chuyện với họ vào ban ngày, nhưng không được thuận tiện, bởi vì tiếng ồn, tiếng gọi nhau (chưa nói đến tiếng huyền não bất thường bởi các trận ấu đả) từ sân vọng qua, tiếng máy của xưởng cơ khí chạy âm ỹ và thỉnh thoảng có tiếng quát tháo của cảnh binh gác ngục, đại loại như “Hãy cầm lấy cuốc!” hoặc “Hãy đặt ở chỗ đó!” hoặc “Hãy nhắc cái móng lưỡi biếng của mày lên, Harwey!” v. v ... Sau bốn giờ chiều thì khá hơn đôi chút và sau sáu giờ thì khá hơn nhiều. Khoảng thời gian từ sáu đến tám giờ tối là thuận tiện nhất. Sau khoảng thời gian đó, những ý nghĩ ảm đạm xâm chiếm lấy đầu óc họ và họ sẽ không còn nghĩ gì đến những lời mình nói. Sau tám giờ tối, họ chỉ nghĩ đến một đêm mất ngủ dài dằng dặc đang dẫn đến. Họ tưởng tượng chiếc mũ sắt sẽ chụp lên đầu họ như thế nào, bóp chặt lấy cái đầu họ ra sao và không khí dưới cái mũ, sau tấm lụa đen trùm lên gương mặt ướt đầm mồ hôi của họ sẽ có mùi gì. Nhưng tôi đã tóm được Tù trưởng đúng lúc. Lão kể cho tôi nghe về người vợ đầu tiên, về việc họ đã cùng nhau dựng một túp lều ở Montana như thế nào. Đó là thời kỳ hạnh phúc nhất trong cuộc đời lão, – lão nói. Nước suối ở đó trong và mát lạnh đến nỗi mỗi khi uống một ngụm người ta cảm thấy như bị cắt lưỡi.

– Này, Mr. Edgecombe, – Lão nói – ông có tin rằng khi một người đàn ông thành tâm hối lỗi về những điều mình đã làm sai thì hắn có thể được phép quay trở về quá khứ, quay về thời kỳ hạnh phúc nhất trong cuộc đời hắn và được sống ở đó mãi mãi hay không? Có phải thiên đường là như vậy không?

– Tôi tin đúng là như thế, – tôi nói và dù biết rằng đó chỉ là một lời nói dối, tôi cũng không hề ân hận. Thuở bé, tôi đã nằm trong lòng mẹ ấm áp và nghe nhiều câu chuyện về

chốn vĩnh hằng. Tôi tin những gì Kinh Thánh viết về kẻ sát nhân – rằng sẽ không có cuộc sống vĩnh cửu dành cho họ. Tôi tin rằng họ sẽ tiến thẳng tới địa ngục, bị thiêu đốt đau đớn ở lò luyện ngục cho đến khi Chúa gạt đầu ra hiệu cho Gabriel... và họ sẽ vui mừng vì thoát khỏi chốn ấy, nhưng không bao giờ tôi để lộ một chút dấu vết nào về niềm tin đó cho Bitterbuck hoặc những người nào khác. Tôi nghĩ rằng, tận trong thâm tâm họ cũng biết như vậy. *“Em của người đầu rồi? Mình người đã vấy máu nó”*, Đức Chúa Trời nói với Cain – và tôi nghĩ ngờ rằng những lời này xa lạ đối với họ. Tôi cuộc rằng, lão nhìn thấy máu của Abel ở dưới đất theo mỗi bước chân của lão.

Tù trưởng mỉm cười khi tôi chia tay lão. Có lẽ lão đang nhớ đến túp lều ở Montana và người vợ trẻ với bộ ngực trần trong ánh lửa bập bùng. Lão sắp phải đến một nơi có lửa nóng hơn nhiều, tôi không nghĩ ngờ gì về điều đó.

Tôi trở ra hành lang và Dean thuật lại cho tôi nghe cuộc xung đột giữa anh ấy với Percy đêm qua. Tôi nghĩ rằng Dean đã chờ để có thể báo cáo cho tôi rõ mọi chuyện và tôi chăm chú lắng nghe anh ta nói. Tôi luôn chăm chú lắng nghe nếu đề tài liên quan đến Percy, và tôi đồng ý với Dean một trăm phần trăm. Percy là tuýp người có thể gây ra vô số vấn đề khó khăn, không chỉ cho người khác mà còn cho chính mình. Sau khi Dean đã kể xong, Toot-toot đẩy chiếc xe với các món ăn vặt của lão đến, chiếc xe lão đã kỳ công dán các câu viết tay trích từ Kinh Thánh.

Toot-Toot bán cho chúng tôi vài chiếc bánh mì cặp thịt và một ít bắp rang. Trong lúc lục túi tìm tiền lẻ, Dean nói rằng chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại Steamboat Willy nữa, bởi vì thằng Percy Wetmore chết tiệt ấy đã đuổi nó đi vĩnh viễn rồi thì Toot-Toot ré lên:

– Thế thì con vật gì kia?

Chúng tôi ngoảnh lại nhìn con chuột đang bò dọc theo hành lang. Nó bò một đôi, dừng lại, đảo cặp mắt đen nhỏ xíu, tinh anh nhìn quanh rồi lại bò tiếp một đoạn.

– Ê, Chuột!

Tù trưởng kêu lên. Con chuột dừng lại, ngược nhìn lão, ria của nó rung rung. Tôi có thể nói với quý vị rằng hình như là con vật láu lỉnh ấy biết rằng người ta đã gọi nó.

– Mà có phải là kẻ canh giữ linh hồn không? – Bitterbuck vừa hỏi vừa ném một mẩu pho mát còn lại từ bữa ăn tối của lão. Mẩu pho mát rơi ngay trước mũi con chuột, nhưng nó không đoái hoài gì đến mà vẫn tiếp tục cuộc tuần tra của nó trên *Dặm Xanh* và xem xét các xà lim.

– Sếp Edgecombe! – “Chủ tịch” gọi. – Ông có tin con vật quái quỷ này biết rằng Wetmore không có ở đây? Tôi cảm thấy như vậy đấy!

Tôi cũng có cảm tưởng như thế ... nhưng tôi không thể nói to lên được.

Harry xuất hiện và đang sửa quần lại cho ngay ngắn. Cậu ta luôn làm thế sau vài phút thư giãn trong nhà vệ sinh. Cậu ta đứng lại, sững sờ nhìn con chuột. Lão già Toot-Toot cũng nhìn sững như thế, nụ cười kinh ngạc không làm cho gương mặt nhăn nhoe với hàm răng rụng gần hết của lão tươi hơn.

Con chuột dừng lại trước bực canh, nơi nó vẫn đứng trước đây, vắt cái đuôi vòng qua các bàn chân, ngược lên nhìn chúng tôi. Lần này, tôi lại nghĩ đến cái nhìn của quan tòa khi kết án những tù nhân vô tội ... Nhưng đã bao giờ có một tù nhân bé nhỏ, can đảm như thế chưa? Tất nhiên, con chuột không phải là một tù nhân thực sự; nó có thể đến và đi tùy theo ý muốn, nhưng ý nghĩ này vẫn bám dai dẳng trong đầu tôi và tôi tưởng tượng đến ngày phán xét cuối cùng, liệu chúng tôi có cảm thấy nhỏ bé như thế trước Thiên Chúa. Có

lẽ chỉ có một số rất ít trong chúng ta có thể nhìn thẳng vào mắt Ngài mà không sợ hãi.

– Lay Chúa! – Lão già Toot-Toot kêu lên. – Nó ngồi đó như một người đang chờ bị răn.

– Lão chưa nhìn thấy màn hay nhất của nó đâu, Toot! – Harry nói. – Xem đây này!

Cậu ta lục túi lấy ra một miếng táo khô tẩm mùi quế và ném xuống đất. Miếng táo khô cứng và tôi nghĩ nó sẽ rơi cách xa con chuột nhưng nó đã chìa một bàn chân ra, chặn miếng táo lại với vẻ thờ ơ như bắt một con ruồi để giết thời gian. Tất cả chúng tôi cười ô lên, kinh ngạc. Lẽ ra trước tiếng ồn vỡ òa ra ấy, một con vật bình thường sẽ giật mình, bỏ chạy thì con chuột này vẫn thản nhiên như không. Nó cầm miếng táo bằng hai bàn chân, liếm láp một chút rồi thả xuống, ngược mắt nhìn chúng tôi như muốn nói: không tôi lắm, nhưng các ông có món gì khác không? Toot-Toot mở một cái hộp, lấy ra một miếng bánh Mortadella, tháo lớp giấy gói và bẻ một miếng.

– Lão đừng phí của vô ích! – Dean nói.

– Thế có nghĩa là gì? – Toot-Toot hỏi vặn. – Không một con chuột nào trên thế giới này lại từ chối một miếng bánh Mortadella nếu như được chìa ra trước mắt. Ông không hiểu gì về loài chuột sao?

Nhưng tôi biết rằng Dean có lý và khi nhìn gương mặt của Harry, tôi biết anh ta cũng nghĩ như thế. Có những quán giáo ở trại khác được phái đến tăng cường và có những người chỉ thuộc trại tử tù này. Bằng cách nào đó, con chuột nhận biết sự khác biệt này. Nghe có vẻ điên rồ, nhưng đúng. Lão già ném miếng bánh Mortadella xuống. Thật vậy, con chuột không thèm ngó ngang gì đến. Nó chỉ đánh hơi rồi lùi lại.

– Không thể tin được. – Toot-Toot nói, có vẻ bị xúc phạm.

Tôi chìa tay về phía lão.

- Đưa đây!
- Cái gì? Cái bánh này à?
- Cái đó! Tôi sẽ trả tiền!

Toot-Toot đưa cho tôi. Tôi lấy miếng bánh, bẻ một mẩu và ném qua bụi canh xuống chỗ con chuột. Con chuột lập tức cầm mẩu bánh bằng hai bàn chân, bắt đầu nhấm nháp. Mẩu bánh Mortadella nhanh chóng biến mất.

Toot-Toot kêu lên:

- Quý thật, quý thật! Đưa cho tôi nào!

Lão giật miếng bánh xăng-uych trên tay tôi, bẻ một mẩu lớn hơn, không phải bé tí như bán tinh keo kiệt của lão, mà lần này hằn một nửa miếng bánh và ném cho con chuột, gần đến mức nó có thể đội làm mũ được. Con chuột lùi lại, đánh hơi (không một con chuột nào có được một bữa ăn thịnh soạn như thế trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế này) rồi ngược cặp mắt long lanh nhìn chúng tôi.

- Nào, ăn đi! - Toot-Toot ra lệnh, giọng của lão nghe còn bị xúc phạm hơn. Có chuyện gì với mày vậy?

Dean cầm miếng bánh xăng-uych, bẻ một mẩu nhỏ ném cho con chuột - hành động ấy khiến tôi liên tưởng tới nghi thức ban thánh thể. Con chuột lập tức cầm miếng bánh lên, ăn tiếp. Sau đó nó quay lại, bò dọc theo hành lang màu xanh lá đến buồng cao su, dọc đường còn dừng lại nhìn vào hai buồng giam còn trống, thậm chí còn bò vào buồng giam thứ ba. Ý nghĩ nó đang tìm kiếm một người nào đó trở lại trong đầu tôi và lần này tôi không thể nào gạt bỏ được.

- Tôi sẽ không kể chuyện này với ai cả. - Harry quyết định, giọng của cậu ta nửa đùa, nửa thật. - Thứ nhất là vì không ai quan tâm đến, thứ hai là sẽ không có ai tin.

- Nó chỉ ăn những gì các ông cho! - Toot-Toot vừa nói vừa lắc đầu với vẻ hoài nghi. Lão cúi xuống nhặt miếng bánh

con chuột ché lên, bỏ vào cái mồm không còn răng của lão. – Tại sao nó làm như vậy?

– Tôi còn có một câu hỏi hay hơn. – Harry nói. – Do đâu nó biết là Percy nghĩ?

– Đơn giản là nó không hề biết. – Tôi trả lời. – Việc con chuột xuất hiện tối nay chỉ là sự tình cờ.

Lời nói của tôi, theo thời gian, càng ngày càng khó tin, bởi vì con chuột chỉ xuất hiện khi Percy không có mặt ở đó, khi hắn được nghỉ hoặc khi hắn đi ca khác, hoặc khi hắn ở khu vực khác của nhà tù. Chúng tôi – Harry, Dean, Brutal và tôi – cho rằng nó nghe được giọng nói hoặc nhận biết mùi của Percy. Chúng tôi hạn chế bàn tán về con chuột – về nó. Chúng tôi tránh nói về những dự cảm của chúng tôi rằng một điều kinh khủng gì đó... và một điều gì đẹp đẽ, gắn liền với sự dịu dàng lạ lùng của nó sẽ đến. Willy đã lựa chọn chúng tôi theo cái cách của nó mà cho đến giờ tôi vẫn chưa hiểu được. Có lẽ Harry đã đúng khi nói rằng không nên kể cho người khác nghe về chuyện này, không chỉ vì họ sẽ không tin mà còn vì họ không quan tâm đến.

4

Rồi ngày hành hình Arlen Bitterbuck – người trong thực tế không phải là tù trưởng thật sự, mà chỉ là người cao tuổi nhất bộ tộc đã đến. Trong cơn say, lão đã giết chết một người

đàn ông, nói đúng hơn là lúc đó cả hai cùng say mềm. Tù trưởng đã đập một tảng bê tông lên đầu gã kia khiến nó vỡ làm đôi. Hình như họ đã cài nhau về một đôi ủng. Vì vậy, vào ngày 17 tháng 7 năm ấy, một ngày mùa hè mưa tầm tã, người cao tuổi nhất bộ lạc *của tôi* sẽ chấm dứt cuộc đời.

Thời gian dành cho việc thăm viếng tù nhân được qui định cứng nhắc như thép xây dựng, nhưng không có hiệu lực đối với *người của tôi* ở trại E. Vì thế, vào ngày mười sáu, cả một căn phòng tiếp khách rộng lớn, cạnh căng-tin, chung quanh được bao bọc bằng lưới sắt kèm thêm một lớp dây kẽm gai, được dành cho Bitterbuck. Ở đó, Tù trưởng sẽ được gặp người vợ thứ hai cùng với các con, những người còn muốn biết ít nhiều về lão. Đó cũng là thời điểm vĩnh biệt.

Lão được Bill Dodge và hai cảnh sát đưa đến phòng thăm viếng. Chúng tôi có việc phải hoàn tất trước khi Bitterbuck trở về. Trong một giờ đồng hồ chúng tôi phải diễn tập ít nhất hai lần, lần thứ ba, nếu như chúng tôi làm kịp.

Percy không phản đối khi bị nhét vào phòng điều khiển với Jack Van Hary trong cuộc hành hình Bitterbuck. Hắn còn quá ít kinh nghiệm để biết được người ta phân công mình ở chỗ tốt hay xấu. Hắn chỉ biết rằng hắn sẽ theo dõi diễn biến từ sau cửa sổ hình chữ nhật có che lưới sắt và nhìn từ phía sau hay phía trước thì cũng chẳng hề gì, dù sao thì hắn cũng đứng đủ gần để thấy tia lửa điện.

Ngay bên ngoài cửa sổ này có treo một cái điện thoại màu đen không có đĩa quay số. Điện thoại này chỉ dùng để nghe mà thôi, và cũng chỉ từ một địa điểm duy nhất: văn phòng của Ngài Thống đốc bang. Trong những năm ấy, tôi đã xem nhiều phim nói về nhà tù, trong đó diễn tả khi người ta chuẩn bị kéo cầu dao thì chuông điện thoại reo để cứu một phạm nhân vô tội trước khi bị rán trên ghế điện; nhưng chiếc

máy điện thoại ở chỗ chúng tôi chưa bao giờ reo trong suốt thời gian tôi làm việc ở trại E – không một lần nào. Trong phim ảnh, việc cứu người thật rẻ tiền. Tương tự như thế là sự vô tội. Người ta chỉ cần trả một phần tư đô la và thế là họ có được điều mình muốn nhìn thấy. Cuộc sống thực sự đắt giá hơn nhiều và phần lớn câu trả lời hoàn toàn khác.

Chúng tôi có một hình nhân bằng vải ở dưới đường hầm dành cho việc vận chuyển của xe chở xác và già Toot-Toot cho cuộc diễn tập. Theo thời gian, Toot-Toot đã trở thành người đóng thế cho các tử tù. Đối với chúng tôi đó là điều bắt buộc, giống như con ngỗng trong đêm Giáng sinh. Người ta ngồi vào bàn ăn với món thịt ngỗng, dù người ta có thích hay không. Phần lớn quần giáo thích Toot-Toot, cười đùa về giọng nói của lão – một chút giọng Pháp, nhưng giọng Canada lẫn át hơn và trở nên mềm mại bởi thời gian dài ở trong nhà tù thuộc miền Nam. Thậm chí Brutal cũng thấy già Toot là người thú vị. Tôi thì không. Tôi thấy lão là một bản sao của Percy, chỉ già hơn, mờ nhạt hơn. Một con người quá hèn nhát để có thể cắt và rán thịt của mình, nhưng lại thích ngửi mùi thịt của kẻ khác bị rán.

Chúng tôi có mặt đầy đủ để thực hiện cuộc diễn tập đúng như những gì chúng tôi phải thực hiện trong thực tế. Brutus Howell chịu trách nhiệm cho “công việc bên trong”, như chúng tôi thường gọi như thế. Anh ta sẽ đặt mũ lên đầu tội nhân, canh chừng cú điện thoại từ văn phòng của Ngài Thống đốc tiểu bang, từ chỗ đứng của mình gọi bác sĩ khi thời điểm cần ông ta đã đến và ra lệnh cho kéo cần điều khiển sang bậc hai khi mọi việc đã sẵn sàng. Nếu như tất cả mọi việc diễn ra suông sẻ, không có ai trong chúng tôi nhận được vòng nguyệt quế. Nhưng nếu có điều gì không tốt thì Brutal sẽ hứng chịu cơn thịnh nộ của các nhân chứng, còn tôi là của ngài giám đốc. Không có ai trong chúng tôi than van về điều đó; làm thế cũng không ích lợi gì. Trái đất vẫn quay,

đó là tất cả. Người ta có thể phản đối và vẫn bị nó cuốn theo.

Để thực hiện cuộc diễn tập đầu tiên, Dean, Harry Terwilliger và tôi đi vào xà lim của tù trưởng Bitterbuck, ngay sau khi Bill và những cảnh binh đưa Bitterbuck ra khỏi trại E để đến phòng tiếp khách. Cửa xà lim để mở và lão già Toot-Toot với mái đầu bạc rồi bù ngồi lên tấm ván của Bitterbuck.

– Tấm khăn trải dính đầy vết bẩn. – Toot-Toot nhận xét. Thằng già đó đã cố cho ra hết trước khi mấy ông rán hòn dái của hắn. – Lão cười khoái trá.

– Câm mồm lại, Toot! – Dean nói. – Chúng ta phải thực tập nghiêm túc.

– Ô-kê!

Toot-Toot làm vẻ mặt nghiêm trang, nhưng mắt của lão lấp lánh. Không bao giờ Toot-Toot có vẻ nhanh nhẹn như khi lão đóng thế vai tử tội trong giờ hành quyết.

Tôi bước tới.

– Arlen Bitterbuck, là một viên chức của tiểu bang ... tôi nhận được lệnh thi hành án tử hình của ... vào lúc mười hai giờ ngày ... Mời ông đứng lên!

Toot đứng lên khỏi tấm ván.

– Tôi đứng lên! Đứng lên! Đứng lên! – Lão nói.

– Mời ông quay lại!

Dean yêu cầu, và khi Toot-Toot vâng lời, Dean kiểm tra lại đỉnh đầu của lão.

Đêm mai, Tù trưởng sẽ bị cạo sạch tóc ở đỉnh đầu và việc kiểm tra của Dean nhằm xác nhận rằng không cần phải cạo lại lần nữa. Chân tóc mọc nham nhở có thể cản trở dòng điện đi qua và sẽ làm sự việc khó khăn hơn. Tất cả những gì chúng tôi thực hiện hôm nay đều nhằm làm cho công việc ngày hôm sau được dễ dàng hơn.

– Được rồi, Arlen, chúng ta đi!

Tôi nói với Toot-Toot, và chúng tôi bước ra.

– Tôi đi trên hành lang! Đi trên hành lang! Đi trên hành lang! – Toot-Toot nói.

Tôi đi phía bên trái Toot-Toot, Dean bên phải còn Harry đi ngay sau lưng. Đến cuối hành lang chúng tôi rẽ phải, rời khỏi cuộc sống ở ngoài sân của nhà tù để đi đến cái chết. Chúng tôi bước vào văn phòng và Toot quỳ xuống, không đợi ai yêu cầu. Hình như lão thuộc kịch bản còn hơn bất cứ ai trong chúng tôi. Có Chúa biết, Toot-Toot đã ở đó lâu hơn tất cả chúng tôi.

– Tôi cầu nguyện! Tôi cầu nguyện! Tôi cầu nguyện! – Toot-Toot nói và đưa hai bàn tay xương xẩu lên cao. – Chúa là người chôn đất tôi và ...

– Ai là cha xưng tội của Bitterbuck? – Harry hỏi. – Chúng ta có cần mời pháp sư của bộ lạc ông ta đến đây cầu hồn hay không?

– Thật ra ...

– Tôi cầu nguyện, tôi cầu nguyện, tôi cầu Đức Chúa Jesus! – Toot-Toot ngắt lời tôi.

– Câm mồm, lão già ngu ngốc! – Dean nói.

– Tôi cầu nguyện!

Dean quát:

– Có im hay không?

– Các anh ở đâu rồi?

Brutal hỏi to từ trong nhà kho. Nó cũng đã được dọn dẹp gọn gàng cho cuộc diễn tập của chúng tôi. Chúng tôi đã đến khu vực của tử thần, ô-kê, người ta hầu như có thể ngửi thấy mùi đó.

– Đừng hối thúc thế! – Harry la to đáp lại. – Mẹ kiếp, phải kiên nhẫn với công việc chết tiệt này chứ!

– Tôi cầu xin! – Toot-Toot rên rỉ và chìa cho chúng tôi xem bộ mặt như hể của lão. – Tôi cầu xin một chút kiên nhẫn chết tiệt!

– Thật ra thì Bitterbuck là một người theo đạo công giáo, ông ta nói thế, – tôi nói với họ – và ông ta hài lòng với một linh mục dòng Baptist, người đã đến đây với Tillman Clark, hình như tên là Schuster. Tôi cũng thích ông ấy. Ông ấy nhanh nhẹn và không làm cho họ quá xúc động. Đứng lên, Toot, hôm nay câu nguyện thế là đủ rồi.

– Tôi đứng lên! Tôi đứng lên! Lại đứng lên! Tôi đi! Tôi đi trên Dặm Xanh! Vâng, thưa ông, tôi đi trên Dặm Xanh!

Mặc dù nhỏ con là thế, Toot-Toot cũng phải rụt đầu khi bước qua cửa phía sau của văn phòng, còn chúng tôi phải cúi thấp hơn nữa. Đây là giây phút nguy hiểm, cần phải đề phòng nếu đó là một tử tù thật sự, nhưng khi tôi nhìn thấy cái bọc với chiếc ghế điện và Brutal bên cạnh, súng lăm lăm trên tay, tôi gật đầu hài lòng. Đúng, chính xác phải như thế!

Toot-Toot đi xuống cầu thang và dừng lại. Các ghế xếp, khoảng bốn mươi cái, đã được đặt ngay hàng thẳng lối. Bitterbuck sẽ phải đi vòng một góc để đến bên cái bọc đặt ghế điện, nhằm bảo đảm khoảng cách an toàn giữa tử tội và các nhân chứng. Hơn nữa tá cảnh binh sẽ bảo vệ cuộc hành hình. Như thường lệ, Bill Dodge sẽ chỉ huy toán cảnh binh này. Mặc dù chúng tôi chưa bao giờ để cho một nhân chứng bị rơi vào tình thế nguy hiểm do tử tội gây ra, nhưng đề phòng trước vẫn tốt hơn.

– Sẵn sàng rồi chứ, các chàng trai?

Toot-Toot hỏi, khi chúng tôi đã bước xuống cầu thang, chuẩn bị cho bước diễn tập tiếp theo.

Tôi gật đầu và chúng tôi tiến đến chiếc ghế điện. Tôi thường nghĩ về cảnh tượng này, hình dung chúng tôi giống như

một toán quân đang diễu hành, chỉ có điều là đã quên cây cờ.

– Tôi phải làm gì bây giờ?

Percy hỏi vọng ra sau khung cửa sổ gần lưới sắt giữa phòng tử hình và phòng điều khiển.

– Nhìn và học!

Tôi trả lời.

– Và nhớ bỏ tay ra khỏi khúc xúc xích của mày! – Harry lâu bầu. Toot-Toot nghe được và cười lục khục.

Chúng tôi đặt lão lên ghế điện. Toot-Toot xoay người né tránh – phản xạ tự nhiên của một con thỏ già.

– Ngồi xuống! Ngồi xuống! Hãy đặt tôi ngồi vào lòng của Già Sparky! – Lão nói liên hồi.

Tôi quỳ trước chân phải của Toot-Toot còn Dean, trước chân trái để cùm chân lão vào ghế. Đây là thời điểm nhạy cảm nhất, nếu như tử tội phát điên. Điều đó đã từng xảy ra rồi. Chúng tôi xoay đầu gối về phía trong để che chắn bộ phận đặc biệt của đàn ông, và cúi đầu xuống để che cổ họng. Dĩ nhiên là chúng tôi phải thao tác thật nhanh nhằm giảm thiểu tối đa mối nguy hiểm. Tù trưởng sẽ được mang loại giày nhẹ không có dây cột trong chuyến đi dạo cuối cùng, nhưng câu an ủi “May mà không tồi tệ hơn” không giúp ích gì cho một người đàn ông có cổ họng dập nát hoặc lẫn lộn trên sàn với tinh hoàn sưng to như quả bóng tennis giữa lúc hơn bốn mươi nhân chứng, trong số đó có nhiều nhà báo, đang ngồi trên ghế và theo dõi toàn bộ diễn biến.

Chúng tôi cùm chặt chân của Toot-Toot. Ngày mai, khi Bitterbuck chuẩn bị ngồi lên ghế, bắp chân của lão sẽ được cạo sạch lông. Nói chung, thổ dân không có quá nhiều lông, nhưng chúng tôi không muốn mạo hiểm.

Trong lúc chúng tôi cùm chân thì Brutal cột tay phải, Harry nhẹ nhàng bước tới và cột tay trái của Toot-Toot vào

ghế. Khi họ đã làm xong, Harry gật đầu ra hiệu cho Brutal. Brutal ra lệnh cho Van Hay:

– Bậc một!

Tôi nghe tiếng Percy hỏi Jack Van Hay điều đó có nghĩa là gì (thật không thể tin được là hắn biết quá ít so với khoảng thời gian có mặt ở khu E), và tiếng Van Hay trả lời. Hôm nay “Bậc một” không có nghĩa gì cả nhưng ngày mai, khi nghe Brutal nói như thế, Van Hay phải kéo cần khởi động máy phát điện đặt ở sau trại B. Các nhân chứng sẽ nghe tiếng máy phát điện nổ, tiếng kêu rì rầm của nó và toàn bộ các bóng đèn trong nhà tù sẽ sáng hơn một chút. Trong các khu trại giam, tù nhân sẽ nhận thấy điều đó và ngỡ là cuộc hành hình đã kết thúc, mặc dù trong thực tế, nó chỉ mới bắt đầu.

Brutal bước đến trước chiếc ghế điện để Toot-Toot có thể nhìn thấy cậu ta.

– Arlen Bitterbuck, ông đã bị kết án tử hình! Bản án được đưa ra bởi một bồi thẩm đoàn và do chánh án tòa án tiểu bang tuyên. Cầu chúa phù hộ cho các công dân của tiểu bang! Ông có muốn nói gì trước khi bản án được thi hành hay không?

– Có! – Toot-Toot trả lời, cặp mắt nhấp nháy. Lão nở nụ cười khoái trá trên cái mồm không răng. – Tao muốn có một con gà quay với nước xốt rưới trên cánh. Tao muốn ị vào cái mũ của mày và tao muốn Mae West đến ngồi trên mặt của tao vì tao là một thằng khoái...

Brutal cố giữ vẻ mặt nghiêm trang, nhưng không được. Cậu ta quay đầu lại và phá lên cười. Dean ôm bụng cười ngặt nghèo đến gập người lại như bị bắn một viên đạn vào bụng. Harry úp mặt vào tường, cười hực hực như mắc nghẹn ở cổ họng. Thậm chí Jack Van Hay, bình thường không phải là người thích đùa, cũng phá lên cười. Tôi cũng buồn cười, nhưng kiềm chế được. Ngày mai, nơi Toot-Toot đang ngồi, sẽ có

người phải chết!

– Câm mồm lại, Brutal! – Tôi nói – Cả anh nữa Dean! Harry! Còn Toot, một câu ngu ngốc nữa thì đó là câu cuối cùng của lão đấy! Lúc đó tôi sẽ cho Van Hay kéo đến bậc hai!

Toot mỉm cười nhìn tôi, làm như lão định nói, đó là một câu nói đùa hay ho, sếp Edgcombe ạ. Mặc dù vậy, ánh mắt của lão nhìn tôi thoáng chút nghi ngại như lo sợ rằng tôi sẽ làm thật.

– Có chuyện gì với ông vậy, sếp? – Lão hỏi.

– Đây không phải là chuyện đùa. – Tôi trả lời – Đây là cuộc diễn tập chuẩn bị cho ngày mai. Nếu lão không hiểu điều đó thì hãy câm mồm!

Nhưng quả thật cảnh tượng trông rất buồn cười và đó là điều khiến tôi tức giận.

Tôi đưa mắt nhìn quanh và thấy Brutal đang nhìn tôi ngạc nhiên, miệng vẫn còn cười mỉm.

– C. thật! – Tôi rủa. – Tôi đã quá già đối với công việc này.

– Vớ vẩn, – Brutal nói – anh đang ở vào những năm đẹp nhất của đời người, Paul ạ.

Nhưng không phải thế, cả tôi, cả cậu ta đều biết như vậy. Điều quan trọng là trận cười đã chấm dứt. Như thế thì hơn, bởi vì tôi không muốn đêm mai, một người nào đó trong chúng tôi nhớ lại trò ngớ ngẩn của Toot-Toot và đột nhiên phá lên cười. Quý vị có thể không tin rằng một cai tù có thể cười khi đưa tử tội lên ghế điện, nhưng khi con người ta bị căng thẳng, điều đó rất có thể xảy ra và người ta sẽ còn bàn tán về sự kiện đó suốt hai mươi năm sau.

Tôi hỏi:

– Lão có chịu câm mồm không, Toot?

Toot-Toot trả lời như một đứa trẻ già nhất và ngoan

ngoãn nhất trần đời:

– Vâng ạ.

Tôi gặt đầu với Brutal để anh ta tiếp tục cuộc diễn tập. Brutal lấy chiếc mũ trùm đang treo trên một cái móc phía sau chiếc ghế điện, đội lên đầu Toot-Toot, kéo xuống quá cằm rồi cột lại. Như thế, cái lỗ tròn phía trên mũ được mở căng ra hết cỡ.

Sau đó, Brutal cúi xuống, cầm miếng bọt biển ở trong cái xô bên cạnh lên, ấn ngón tay vào đó kiểm tra rồi đưa lên miệng liếm, đoạn anh ta bỏ miếng bọt biển vào xô trở lại. Ngày mai anh ta sẽ không làm như thế. Ngày mai anh ta sẽ đặt miếng bọt biển ướt đẫm vào chiếc mũ chụp đang treo phía sau ghế điện. Hôm nay thì không, không cần thiết phải làm ướt cái đầu già nua của Toot-Toot.

Cái mũ được làm bằng thép, hai quai của nó buông tòng teng ở hai bên. Trông nó giống như chiếc nón sắt của lính chiến đấu. Brutal đặt mũ lên đầu Toot-Toot, chỉnh nằm ngay khớp với cái lỗ tròn của cái mũ trùm bằng lụa màu đen.

– Tôi được đội mũ! Được đội mũ! Được đội mũ ...

Toot-Toot lại nói lép bép. Lần này, giọng nói của lão bị nghẹn lại. Quai mũ đã giữ chặt lấy hàm dưới của lão và tôi có cảm tưởng là Brutal siết chặt hơn mức bình thường cho một cuộc tập luyện. Anh ta đứng lùi lại, nhìn vào Toot-Toot, long trọng nói:

– Arlen Bitterbuck, bây giờ dòng điện sẽ chạy qua người ông cho đến khi ông chết, theo đúng luật của tiểu bang. Cầu chúa phù hộ cho linh hồn ông!

Brutal quay lại nhìn vào khuôn cửa sổ che lưới thép và ra lệnh:

– Bậc hai!

Toot-Toot, có lẽ muốn tiếp tục trò đùa lúc nãy, bắt đầu rung giật trên ghế điện, người lắc qua lắc lại như điên, điều

mà những người khách thực sự của Già Sparky không bao giờ làm. Lão gào lên:

– Tôi bị nướng! Bây giờ tôi bị nướng chín! Ha ha ha, tôi là một con gà quay! Một con gà quay ...

Tôi chợt nhận ra là Dean và Harry không hề chú ý đến màn trình diễn của Toot-Toot. Họ đã quay lưng về phía chiếc ghế điện, mắt nhấp nháy nhìn ra cánh cửa dẫn lên phòng làm việc của tôi.

– Không thể tin được! – Harry nói. – Một trong những nhân chứng đã đến sớm hơn một ngày.

Con chuột đang ngồi trên bậc cửa! Nó vắt cái đuôi vòng lên chân và quan sát mọi chuyện với cặp mắt đen lóng lánh.

5

Buổi hành hình đã diễn ra tốt đẹp. Nếu có thể gọi sự kết thúc những công việc như thế là tốt đẹp (điều mà tôi nghi ngờ), thì cuộc hành quyết Arlen Bitterbuck, người già nhất bộ tộc Washita Cherokee, là tốt đẹp. Lão không thể tự bím tóc cho mình được gọn ghê – bàn tay của lão run rẩy đến mức không thể làm được – và con gái đầu của lão, một phụ nữ khoảng ba mươi tuổi, được phép thắt bím cho cha. Cô ấy làm rất đẹp và còn định giắt một vài chiếc lông chim ưng lên đó nhưng tôi không thể cho phép. Chúng có thể bắt lửa và bốc cháy. Dĩ nhiên tôi không thể nói cho cô biết lý do thực sự mà chỉ nói rằng điều

đó trái với các qui định. Cô ấy không phản đối, chỉ lặng lẽ lấy tay ôm đầu để bày tỏ sự thất vọng và bất bình của mình. Người phụ nữ trẻ này cư xử đầy tự trọng, với vẻ quý phái và qua đó, có thể tin rằng người cha cũng sẽ cư xử như thế.

Tù trưởng lặng lẽ rời khỏi buồng giam, không phản đối, không ngăn ngừa như hiểu rằng thời gian đã điểm. Đôi khi chúng tôi phải dùng sức lực để gỡ những ngón tay của các tử tù đang bám chặt vào chấn song sắt – tôi đã làm gãy một vài ngón tay như thế và không bao giờ quên tiếng xương gãy “cắc” trầm đục của họ – nhưng, ơn Chúa, Tù trưởng không phải là loại người như thế. Lão bước từng bước vững vàng trên *Dặm Xanh*, đến văn phòng của tôi, quì xuống để cùng cầu nguyện với linh mục Schuster, người đã từ nhà thờ dòng thánh Baptist lái chiếc xe cà khở đến đây. Khi Schuster lầm rầm đọc cho Bitterbuck nghe vài câu kinh thánh thì lão bật khóc. Điều đó cũng tốt, không có những cơn điên loạn, những tiếng la hét. Tôi có cảm tưởng lão đang nghĩ đến dòng nước êm đềm, trong suốt và lạnh đến cắt lưỡi khi uống vào một ngụm.

Thật ra tôi thích nhìn họ khóc một chút. Tôi không yên tâm, nếu họ có thái độ lầm lì, mất ráo hoảnh.

Rất nhiều người không thể tự đứng lên được nếu chúng tôi không đỡ, nhưng Tù trưởng thì không có vấn đề gì. Thoạt đầu lão loạng choạng một chút như đang choáng váng và Dean định đưa tay đỡ, nhưng lão đã tự lấy lại thăng bằng và chúng tôi đi ra.

Hầu như tất cả các ghế xếp đều có người ngồi. Họ khe khẽ nói chuyện với nhau, làm như đang chờ bắt đầu một buổi lễ tưởng niệm hoặc lễ an táng. Lần đầu tiên, và cũng là lần duy nhất, Bitterbuck ngăn ngừa. Tôi không biết rằng một người nào trong số đó khiến lão bất an hoặc tất cả đám người, nhưng tôi nghe lão khe thở dài và bấp thếp cánh tay

tôi đang nắm trở nên căng cứng. Qua khoe mắt, tôi nhìn thấy Harry Terwilliger tiến đến để có thể ngăn chặn nếu tử tù đột nhiên lùi lại. Tôi siết chặt cánh tay lão và khê gõ ngón tay vào mặt trong bắp tay: “Bình tĩnh, Tù trưởng.” – Tôi nói qua kẻ rằng không mấp máy môi – “Hình ảnh duy nhất những người ở đây lưu giữ về ông là cái cách ông ra đi. Thế thì hãy cho họ thấy một người Washita là như thế nào.”

Ông lão quay sang nhìn tôi, khê gật đầu, đoạn cầm một bím tóc đã được con gái thắt, đưa lên môi hôn. Tôi nhìn Brutal đang đứng nghiêm phía sau ghế điện. Trông anh ta thật ấn tượng với bộ cảnh phục mới nhất, tất cả các cúc áo trên áo choàng được chui bóng loáng, chiếc mũ nằm ngay ngắn trên cái đầu to như quả dưa của anh ta. Tôi khê gật với Brutal, anh ta gật đầu đáp lại và bước đến sẵn sàng giúp Bitterbuck trèo lên bục, nếu cần, nhưng xem ra có vẻ ông lão không cần sự giúp đỡ đó.

Không đầy một phút sau khi Bitterbuck ngồi lên ghế cho đến khi Brutal ra lệnh “Bạc hai!” Các bóng đèn hơi tối đi một chút nhưng nếu không chú ý quan sát, có lẽ sẽ không nhận ra. Điều đó có nghĩa là Van Hay đã kéo cần điều khiển có dòng chữ nhỏ ai đó ghi đùa “*Máy sấy tóc của Mabel*”. Từ chiếc mũ vang lên tiếng kêu rì rì và Bitterbuck giật nảy người, đổ về phía trước, kéo căng sợi dây nịt giữ ngang ngực. Bác sĩ của trại giam đứng sát tường, theo dõi diễn biến với nét mặt bình thản, môi mím chặt. Không có tiếng nói lép bép, những cú giật lắc lư qua lại như lão già Toot-Toot đã làm khi diễn tập mà chỉ có cú ưỡn giật người ra phía trước. Chiếc áo màu xanh của Tù trưởng bị căng ra đến nỗi muốn rách, để lộ một khoảng da.

Sau đó là mùi hôi, không quá kinh khủng, nhưng trong hoàn cảnh này, thật là khó chịu. Tôi không bao giờ bước xuống tầng hầm căn nhà của cháu ngoại tôi khi nó đón tôi về nhà chơi, nơi con trai của nó đang lấp rập một đoàn tàu hỏa

và muốn khoe với ông cố. Đoàn tàu hỏa thì không có vấn đề gì, nhưng đơn giản là tôi không chịu đựng được cái máy biến thế và mùi của nó bốc ra khi nóng lên. Ngay cả sau từng ấy năm, tôi vẫn còn nhớ đến mùi của Cold Mountain.

Van Hay để yên khoảng ba mươi giây, sau đó kéo cần điều khiển về vị trí tắt. Bác sĩ bước đến, đặt ống nghe lên ngực Bitterbuck, lắng nghe. Từ dãy ghế dành cho nhân chứng là sự im lặng, im lặng phăng phắc như trong một viện bảo tàng. Bác sĩ đứng lên và nhìn qua khung cửa sổ bọc lưới sắt. “Tiếp tục!” ông ta ra hiệu bằng ngón tay. Có lẽ ông ta đã tình cờ nghe tiếng tim đập trong lồng ngực của Bitterbuck, có thể chỉ giống như cơn co giật cuối cùng của một con gà đã bị cắt đầu, nhưng tốt hơn là phải chắc chắn. Người ta không muốn thấy tội nhân ngồi bật dậy và rống lên trên chiếc cang đang được khiêng xuống dưới đường hầm.

Van Hay kéo cần sang bậc ba và thân mình Tủ trưởng co giật, lại ngã về phía trước, hơi lắc lư dưới tác dụng của dòng điện. Bác sĩ đặt ống nghe lên ngực tội nhân, kiểm tra một lần nữa rồi gật đầu. Thế là xong! Chúng tôi đã phá hủy thành công cái mà chúng tôi không thể sáng tạo được. Một vài người trong hàng ghế nhân chứng lại khe khẽ nói, nhưng phần đông ngồi đó, đầu cúi xuống nhìn sàn nhà như bị choáng váng – hay là hổ thẹn.

Harry và Dean đem cang đến. Thật ra đây là nhiệm vụ của Percy. Hắn phải khiêng một đầu, nhưng hắn không biết và cũng không ai nhọc công giải thích cho hắn. Trên đầu của Tủ trưởng vẫn còn chiếc mũ trùm bằng lụa đen. Tôi và Brutal đặt thi hài của lão lên cang và chúng tôi phải nhanh chóng khiêng lão qua cánh cửa dẫn xuống đường hầm, nhanh chóng nhưng không được chạy. Khó, quá nhiều là khác, bốc lên nghi ngút từ cái lỗ trên chóp mũ trùm với mùi hôi khủng khiếp.

– Ôi, lạy chúa! – Percy kêu lên, giọng run rẩy. Mùi gì

gớm ghê thế này?

– Tránh ra! – Brutal quát, đẩy hắn sang một bên, chạy đến chỗ góc tường treo bình cứu hỏa.

Đó là loại bình hóa chất, lúc bấy giờ phải bơm bằng tay. Trong lúc đó, Dean gỡ cái mũ trùm ra. Trông không quá tệ, có nhiều trường hợp còn tệ hơn.

Bím tóc bên trái của Bitterbuck bốc khói âm ỉ như một chiếc lá cháy.

Tôi nói với Brutal:

– Cứ để yên đấy!

Tôi không muốn nhìn thấy bột hóa chất trên mặt người chết và phải lau sạch nó trước khi khiêng cáng ra xe chở xác. Tôi vồ vồ lên đỉnh đầu Tủ trưởng (Percy đứng nhìn trần trời cảnh tượng ấy), cho đến khi không còn khói bốc lên nữa. Sau đó, chúng tôi khiêng xác chết đi qua mười hai bậc thang bằng gỗ xuống đường hầm. Ở đó lạnh và ẩm như trong hầm ngục và chúng tôi nghe tiếng nước nhỏ tí tách đơn điệu. Các ngọn đèn nằm trong chụp đèn méo mó – các chụp đèn này được làm từ xương của nhà tù – soi sáng đường hầm có tường lát đá dài khoảng ba mươi bước chân, chạy dưới con đường cao tốc. Trần hầm cong, ẩm ướt. Mỗi lần phải đi trên đường hầm này, tôi lại cảm thấy mình như một nhân vật trong những câu chuyện kinh dị của Edgar Allan Poe.

Trong đường hầm có một chiếc xe đẩy. Chúng tôi đặt xác Bitterbuck lên xe đẩy. Tôi kiểm tra lại một lần nữa để xác định rằng bím tóc không còn cháy. Nó gần như đã biến thành than và tôi tiếc rẻ nhìn cái nơ nhỏ xinh xắn dính trên đó bây giờ chỉ còn lại một nhúm tro tàn.

Percy tát một cái lên mặt người chết. Tiếng tát tai khiến tất cả chúng tôi giật mình. Percy nhìn chúng tôi với nụ cười nhạo báng, xác xược. Ánh mắt hắn lấp lánh. Hắn lại

nhìn Arlen Bitterbuck.

– Vĩnh biệt nhé, lão già! – Hấn nói – Hy vọng là lửa địa ngục đủ nóng đối với lão.

– Để ông ta yên! – Brutal nổi giận, giọng của anh ta trầm, vang vọng dưới đường hầm âm thấp – Ông ta đã dấn tội rồi. Tài khoản của ông ta đã được cân đối. Đừng chạm đến ông ta!

– A ha, đừng tức tối như thế chứ!

Percy trả lời, nhưng lăm lét lùi lại khi Brutal tiến về phía hấn, bóng anh ta trùm lên người hấn đầy đe dọa như bóng của con khỉ trong truyện của Poe, nhưng thay vì chộp lấy Percy, Brutal nắm càng xe đẩy và đẩy Arlen Bitterbuck đi về hướng cuối đường hầm, nơi chuyển xe cuối cùng đang đợi lão. Chiếc xe đang đỗ bên đường cao tốc. Các bánh bằng cao su của xe đẩy nhún nhảy trên nền con đường hầm hắt bóng lên trần chập chờn, chập chờn. Dean và Harry kéo chiếc mũ trùm ra khỏi gương mặt của Tủ trưởng, gương mặt đã trở nên bất động như được làm bằng sáp, như nét mặt của tất cả những người chết, không phân biệt đó là người có tội hay vô tội.

6

Khi tôi mười tám tuổi, ông chú Paul – người mà tên tôi được đặt theo – từ trần vì một cơn đau tim. Cha mẹ tôi đưa tôi về Chicago dự lễ an táng và đồng thời thăm viếng họ hàng bên nội, trong số đó có nhiều người tôi chưa được gặp.

Chúng tôi đi gần một tháng. Chuyến đi ấy vừa thú vị, cần thiết và cực nhọc; vừa khủng khiếp. Quý vị biết không, tôi đã yêu say đắm một thiếu nữ, cô gái đã trở thành vợ tôi hai tuần sau sinh nhật lần thứ mười chín của tôi. Một đêm nọ, khi nỗi nhớ nàng như ngọn lửa không thể kiểm soát được cháy bùng lên trong tim và trong đầu óc tôi (ồ, đúng thế đấy, mặc dù với bản tính của tôi), tôi đã viết cho nàng một bức thư, một bức thư dài vô tận. Tôi đã trút hết tâm tư, tình cảm của mình lên trang giấy mà không hề đọc lại những gì đã viết, bởi vì tôi sợ do hèn nhát, tôi sẽ dừng lại. Tôi không dừng lại, ngay cả khi có một giọng nói lặp đi lặp lại trong đầu tôi, rằng gửi một bức thư như thế đi là điều điên rồ, tôi vẫn cứ làm ngơ, như một đứa trẻ không hề suy nghĩ hành động của nó có hợp lý hay không. Tôi vẫn thường tự hỏi, liệu Janice có còn giữ bức thư đó hay không, nhưng chưa bao giờ có đủ can đảm để hỏi nàng. Tôi chỉ biết chắc rằng tôi không tìm thấy bức thư khi soạn đồ đạc của Janice sau đám tang của nàng. Dĩ nhiên thì bây giờ điều đó không có nghĩa lý gì nữa. Tôi cho rằng tôi không bao giờ hỏi, bởi vì sợ rằng tình yêu nồng cháy tôi đã gửi gắm trong bức thư không có ý nghĩa lớn đối với nàng như đối với tôi.

Bức thư dài bốn trang. Tôi đã nghĩ rằng, tôi sẽ không bao giờ viết thứ gì dài hơn thế trong cuộc đời mình, và bây giờ, quý vị hãy nhìn xem những trang này. Đã rất nhiều rồi, nhưng vẫn chưa nhìn thấy điểm kết thúc. Nếu biết trước rằng câu chuyện dài như thế, có lẽ tôi đã không bắt đầu. Tôi không hề biết, bằng ngòi bút có thể mở ra bao nhiêu cánh cửa – làm như là cây bút của cha tôi không phải là một cây bút đơn thuần, mà là một loại chìa khóa. Có lẽ con chuột là thí dụ tốt nhất để xác định điều tôi muốn giải bày – Steamboat Willy, Mr. Jingles, con chuột ở *Dặm Xanh*.

Cho đến khi tôi bắt đầu viết, tôi vẫn chưa hiểu nó (vâng,

chính nó) quan trọng như thế nào. Ví dụ như cái cách mà Mr. Jingles tìm kiếm Delacroix trước khi gã đến trại tử tù. Tôi ngờ rằng tôi đã nghĩ như thế, nhưng không ý thức rõ điều đó, cho đến khi tôi bắt đầu hồi tưởng và viết lại câu chuyện...

Tôi cho rằng, tôi muốn nói, chính tôi cũng không biết phải nhớ lùi lại đến đâu để có thể kể cho quý vị nghe về John Coffey, hoặc là tôi phải để anh ta yên trong xà lim của mình. Một người đàn ông to lớn đến nỗi hai chân không chỉ dài hơn tám ván nằm mà còn buông thông xuống chạm đất. Tôi muốn quý vị đừng quên anh ta, đúng không? Tôi muốn quý vị nhìn thấy anh ta, thấy cảnh anh ta nhìn trần trời lên nóc buồng giam, lặng lẽ khóc hoặc lấy hai tay che mặt. Tôi muốn quý vị nghe tiếng thở dài của anh ta. Tiếng thở dài gần như tiếng khóc nghẹn ngào, tiếng rên rỉ cố nén. Tất cả những cái đó không giống như tiếng người quằn quại bởi lo sợ và tuyệt vọng mà tôi thường nghe ở trại E, tiếng kêu rú vì kinh hoàng và ân hận. Tôi nhớ đến đôi mắt ướt của John, đôi mắt biểu lộ nỗi đau đớn không thể nào diễn tả được. Làm như, (tôi hiểu điều này nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi đã hiểu mặc dù thật ra không cần phải viết dài dòng như thế này) làm như là anh ta đang đau xót cho cả cái thế giới này, đang chịu đựng nỗi đau cho toàn thể nhân loại, một cảm xúc quá lớn lao để có thể dập tắt. Đôi khi, tôi ngồi xuống bên anh ta, nói chuyện với anh ta như với tất cả tử tù khác đến trại E – nói chuyện là phần lớn nhất và quan trọng trong công việc của chúng tôi, như đã có lần tôi từng nhắc đến – và cố gắng an ủi anh ta. Tôi nghi ngờ rằng công việc tôi làm là có kết quả. Thú thật là một phần trong tim tôi lại vui mừng vì điều đó, vì anh ta bị dày vò, đau khổ – tôi nghĩ rằng anh ta đáng bị như thế. Thậm chí, đôi khi tôi chợt nảy ra ý định gọi điện cho Ngài Thống đốc (hoặc giao nhiệm vụ cho Percy – quý thật, ngài Thống đốc là dương của nó, không phải của tôi) và đề nghị xin

hoàn ngày thi hành án tử hình. *“Chúng ta không nên giết hấn vội.”* – Tôi sẽ nói như thế. – *“Hắn đang bị dày vò đau đớn vô cùng, thưa Ngài Thống Đốc! Hãy để cho hắn tiếp tục chịu nỗi đau đớn ấy, như một cái cây nhọn đâm thẳng bụng hắn, ngoáy sâu trong đó. Thưa Ngài, xin hãy cho hắn thêm chín mươi ngày nữa! Hãy để cho hắn tự hành hạ, điều mà chúng ta không thể làm được, cho xứng với tội lỗi do hắn gây ra.”*

Đó là John Coffey, cái tên tôi muốn quý vị hãy giữ lại trong ký ức, trong khi tôi tiếp tục câu chuyện và đến chỗ kết thúc cho điều mà tôi đã bắt đầu. Tên John Coffey ấy, người đang nằm trên tấm ván, người không hiểu vì sao rất sợ bóng tối, có thể vì trong bóng tối mịt mù có hai bóng người tóc vàng loăn xoăn đang chờ đợi hắn – không còn là hai cô bé xinh xắn nữa, mà là hai bóng ma khao khát trả thù. Tên John Coffey ấy, kẻ mà nước mắt tuôn chảy không ngừng từ đôi mắt, như máu chảy không ngừng từ vết thương không bao giờ lành.

7

Arlen Bitterbuck đã bị hành hình, còn Flander, “Chủ tịch”, thì được đưa sang trại C, nơi dung thân của phần lớn trong số một trăm năm mươi tù nhân bị án chung thân ở Cold Mountain. Cuộc sống của “Chủ tịch” được kéo dài thêm mười hai năm.

Gã bị dìm chết trong phòng giặt của nhà tù vào năm 1944.

Không phải ở Cold Mountain; Cold Mountain đóng cửa năm 1933. Nhưng tôi nghi ngờ rằng các tù nhân sẽ thấy sự khác biệt – tường vẫn là tường, nhà tù vẫn là nhà tù – như các quan giáo thường nói, và “Già Sparky”, trong căn phòng hành quyết mới, vẫn giết người giống như lúc ở Cold Mountain.

Trở lại với “Chủ tịch”, kẻ nào đó đã dìm đầu gã vào bể chứa hóa chất tẩy rửa. Khi các cai tù kéo gã ra thì gương mặt của gã gần như hoàn toàn biến dạng. Họ đã phải nhận dạng gã bằng dấu tay. Biết đâu cái chết với “Già Sparky” lại tốt hơn đối với gã... Nhưng như thế thì gã đâu còn sống thêm được mười hai năm nữa, đúng không? Tôi không tin rằng gã kịp suy gẫm về cuộc đời mình trong những giây phút cuối, khi phổi của gã chứa đầy hóa chất tẩy rửa.

Thủ phạm không bao giờ bị bắt. Dĩ nhiên, trước đó từ rất lâu tôi đã không còn làm việc ở nhà tù, nhưng Harry Terwilliger đã viết cho tôi: *“Bản án của hắn được chuyển thành chung thân, bởi vì hắn là người da trắng – Harry viết, – nhưng cuối cùng thì thân chết cũng tóm được hắn. Tôi nghĩ đó là sự hoãn thi hành án tử hình một thời gian, cho đến khi thời điểm ấy đến”*.

Sau khi “Chủ tịch” chuyển đi, chúng tôi có được một khoảng thời gian yên tĩnh ở trại E. Harry và Dean được tạm thời điều đi nơi khác và trong một thời gian, ở *Dặm Xanh* chỉ còn có tôi, Brutal và Percy. Thật ra điều đó có nghĩa là chỉ có tôi và Brutal, bởi vì Percy thường xuyên vắng mặt. Tôi có thể nói với quý vị, gã thanh niên này là một thiên tài về việc tìm ra một cái cớ nào đó để không phải tham gia một số công việc nhất định. Và rất thường xuyên (nhưng chỉ khi Percy không có mặt ở đó), những người khác lại đến để “nói chuyện vui vẻ”, như Harry thường bảo. Trong nhiều trường hợp, con chuột cũng có mặt. Chúng tôi cho nó thức ăn và nó ngồi đó, ăn nghiêm chỉnh như Salomon và quan sát chúng tôi với cặp

mắt nhỏ đen, lông lánh của nó.

Đó là một vài tuần lễ tốt đẹp, yên tĩnh và thoải mái, mặc dù Percy vẫn sẵn sàng gây sự. Nhưng những gì tốt đẹp nhất cũng có lúc kết thúc và vào một ngày thứ hai mưa gió khoảng cuối tháng bảy – tôi có nói cho quý vị biết là mùa hè năm ấy nhiều mưa và lạnh lẽo bất thường chưa? – Tôi ngồi trên tấm ván trong một buồng giam cửa để mở và chờ Eduard Delacroix.

Gã đến, với một tiếng động âm vang. Cánh cửa dần ra sân bị đập một cái “rầm”, để cho dòng thác ánh sáng tràn vào, tiếng xích sắt khua loảng xoảng và một giọng nói đầy sợ hãi pha trộn giữa tiếng Anh và tiếng Pháp Cajun (những cai tù ở Cold Mountain gọi là *da bayou*) và tiếng Brutal quát lớn:

– Ê! Dừng lại! Mẹ kiếp, dừng lại, Percy!

Tôi đang ngồi trên tấm ván dành cho Delacroix, gần như ngủ gật, chợt bừng tỉnh và tìm tôi bắt đầu đập mạnh. Trước khi Percy đến, sự ồn ào như thế này chưa bao giờ xảy ra ở trại E. Hắn đã đem nó theo như một mùi hôi khó chịu.

– Đi! Đi! Thằng Pháp già chó đẻ! – Percy hét lên và hoàn toàn làm lơ Brutal. Hắn đi và một tay lôi gã đàn ông nhỏ bé như một con ki môn Bowling, tay kia hoa cây dùi cui, hai hàm răng nghiêng chặt lại và gương mặt đỏ bừng. Thế nhưng trông hắn không có vẻ gì là bất hạnh.

Delacroix cố gắng theo kịp bước chân của Percy, nhưng gã đang mang xích sắt dưới chân và dù có lê bước nhanh như thế nào, Percy vẫn lôi gã xềnh xệch theo. Tôi nhảy ra khỏi xà lim và vừa kịp chụp lấy Delacroix khi gã ngã chúi về phía trước. Tôi đã làm quen với Del như thế.

Percy dùng dùi cui quật tới tấp lên người Delacroix còn tôi thì dùng một tay cố gắng giữ hắn lại. Brutal chạy tới và kinh ngạc nhìn cảnh tượng này, có vẻ cũng bị sốc như tôi.

– Xin ông đừng để nó đánh tôi nữa, *M'sieu!* – Delacroix

lắp bắp. – *S'il vous plaît, S'il vous plaît!*⁽¹⁾

– Buông tôi ra! Buông ra! – Percy gào lên và nhào tới. Hắn dùng dùi cui đánh mạnh vào vai Delacroix. Delacroix kêu lên và đưa hai tay lên đỡ. Cây dùi cui vẫn đập tới tấp lên tay áo tù màu xanh của gã. Đêm đó, tôi đã nhìn thấy gã không mặc áo, khắp người đầy vết bầm và những lằn ngang dọc màu xanh đen kéo dài từ Giáng Sinh đến Phục Sinh vẫn chưa hết. Nhìn thấy cảnh ấy, người tôi nôn nao khó chịu. Gã là một tên sát nhân và không ai yêu quý gã, nhưng đó không phải là cách mà tù nhân bị đối xử khi đến trại E, cho đến khi Percy xuất hiện.

– Dừng lại! – Tôi quát lên. – Dừng lại ngay! Có chuyện gì xảy ra thế?

Tôi cố gắng chen vào giữa Delacroix và Percy, nhưng rất khó khăn. Percy chồm qua người tôi, dùng dùi cui đánh tới tấp vào Delacroix lúc bên phải, lúc bên trái. Sớm muộn gì hắn cũng đánh trúng tôi và chắc chắn lúc ấy sẽ có một cuộc ẩu đả ngoài hành lang, bất kể hắn có mối quen biết đầy thế lực ra sao. Có thể tôi sẽ phải can thiệp. Quý vị biết không, đôi khi tôi mong sự việc diễn ra như thế. Biết đâu nhờ đó sẽ làm thay đổi những điều sẽ xảy ra sau này.

– Đồ khốn nạn! Tao sẽ cho mày biết để bàn tay bẩn thỉu của mày chạm vào tao là như thế nào, đồ khốn nạn!

Bốp! Bốp! Bốp! – Delacroix rú lên, máu từ tai chảy ra. Tôi từ bỏ ý định che chắn cho gã mà nắm lấy gã quăng vào góc xà lim khiến gã ngã sấp trên tấm ván. Percy còn tranh thủ luồn qua tôi để nện một nhát nữa trúng vào mông Delacroix – có thể nói là cú đánh vớt vát. Sau đó, Brutal túm lấy vai hắn – tôi muốn nói là Percy – và lôi ra hành lang. Tôi nhanh chóng kéo cửa xà lim sập lại, đoạn quay lại nhìn Percy. Tôi không biết là

(1) *Làm ơn, làm ơn đi!*

cú sốc và sự kinh ngạc hoặc cơn tức giận của tôi sẽ chiến thắng. Đến thời điểm đó, Percy đã làm việc ở chỗ chúng tôi được vài tháng, đủ lâu để tất cả chúng tôi có thể kết luận là chúng tôi không thể chịu đựng được hắn, nhưng đây là lần đầu tiên tôi nhận thấy hắn là kẻ thiếu tự chủ như thế nào.

Percy đứng đó, nhìn tôi trân trân, không phải là không sợ – bản chất của hắn là một thằng hèn, tôi không nghi ngờ gì về điều đó – nhưng vẫn tin rằng các mối quan hệ của hắn đủ để bảo vệ hắn. Về điểm này có lẽ Percy có lý. Tôi cho rằng, mặc cho những lời giải thích, nhiều người vẫn không thể hiểu tại sao lại như thế, những người chỉ biết khái niệm *"khủng hoảng kinh tế thế giới"* từ các quyển sách lịch sử. Nếu quý vị sống vào thời kỳ đó thì khái niệm ấy không chỉ là vài dòng giải thích trong một cuốn sách và nếu như quý vị có một công việc ổn định, quý vị sẽ làm hầu như tất cả để giữ chỗ làm đó. Gương mặt của Percy tái dần, nhưng vẫn còn đỏ và mái tóc của hắn, bình thường được chải hất ra sau và thoa dầu láng bóng, giờ rối bù, rũ xuống trán, xơ xác.

– Cái gì, mẹ kiếp, có chuyện gì thế? – Tôi hỏi. – Trong trại của tôi chưa bao giờ, chưa bao giờ một tù nhân bị đánh!

– Thằng con hoang đó đã định chop lấy hạ bộ của tôi, khi tôi kéo nó xuống xe. – Percy nói – Nó muốn ăn đòn và tôi sẽ còn cho nó tiếp tục ăn đòn.

Tôi nhìn hắn, kinh ngạc đến mức không thể nói được. Tôi không thể tưởng tượng được rằng cho dù đó là một thằng bị mắc chứng đồng tính luyến ái xác xược nhất trên trái đất này lại dám làm điều mà Percy đã khẳng định. Việc bị áp giải đến khám tử tù trong một chiếc xe bọc lưới sắt bít bùng hầu như không thể gọi cho những tù nhân điên rồ nhất sự ham muốn tình dục. Tôi nhìn Delacroix đang ngồi co rúm ở góc xà lim, vẫn còn kinh hoàng, bàn tay run run che mặt. Hai

tay của gã còn mang còng và một sợi xích sắt giữ hai chân. Tôi quay lại nhìn Percy.

– Nói dối! – Tôi nói. – Tao sẽ nói chuyện với mày sau!

– Ông sẽ viết bản báo cáo về chuyện xảy ra chứ? – Hấn hỏi với vẻ bướng bỉnh. – Nếu ông làm thế, tôi sẽ viết bản báo cáo của tôi.

Tôi không định viết bản báo cáo nào cả, tôi chỉ muốn hấn đi cho khuất mắt tôi, tôi nói cho hấn biết như thế.

– Việc coi như đã giải quyết. – Tôi quyết định. Tôi nhìn thấy vẻ bất bình của Brutal, nhưng làm ngơ – Mày hãy biến đi! Đi sang văn phòng và nói mày sẽ phụ giúp ở bộ phận thư tín!

– Rõ! – Percy đã lấy lại bình tĩnh hoặc làm ra vẻ như thế. Hấn vuốt lại mái tóc, bàn tay của hấn mềm mại, nhỏ nhắn, trắng trẻo như tay của con gái, có lẽ quý vị nghĩ như thế – và bước lại gần xà lim. Delacroix đang ngồi trên giường, nhìn thấy Percy liền co rúm người lại, vẻ sợ sệt, miệng lắp bắp một tràng tiếng Anh chen lẫn tiếng Pháp không thể hiểu được.

– Tao chưa xong với mày đâu, Piere!

Percy nói và giật mình quay lại khi cảm nhận bàn tay nặng trịch của Brutal đặt lên vai.

– Có chứ, mày xong rồi! – Brutal trả lời – Còn bây giờ thì mày hãy cút đi! Mày bốc mùi rồi đó!

– Tao không sợ mày đâu! Không phải mày! – Percy khẳng định. – Không sợ một chút nào cả! – Hấn nhìn sang tôi – Cả hai chúng mày!

Nhưng hấn sợ. Chúng tôi đọc được nỗi sợ ánh lên trong đôi mắt hấn. Điều đó khiến hấn trở nên nguy hiểm hơn. Một tuýp người như Percy thì không thể nào biết được hấn sẽ hành động như thế nào vào lúc này hay lúc khác.

Những gì hấn làm trong khoảnh khắc này là một cảnh hạ màn hoàn hảo. Hấn khệnh khạng bước từng bước dài trên

hành lang. Lạy Chúa, hắn đã cho cả thế giới thấy điều gì xảy ra khi một gã người Pháp đầu hói bé nhỏ muốn chạm vào cửa quý của hắn và hắn đã rời chiến trường với tư thế của kẻ chiến thắng.

Tôi nói “bài diễn văn” ngắn của mình như thường lệ, cho tên tử tù mới biết rằng phần lớn buổi tối họ sẽ được nghe ra-di-ô, chương trình “*Make Believe Ballroom*” và “*Our Gal Sunday*” và hứa rằng chúng tôi sẽ đối xử tốt với gã, nếu như gã cũng đối với chúng tôi như thế. “Bài diễn văn” này của tôi không thể được cho là thành công, bởi vì suốt thời gian đó, Delacroix vẫn khóc, người co lại ở góc tấm ván, cố giữ khoảng cách tối đa với tôi, thậm chí dán mình sát vào tường. Mỗi lần tôi cử động là gã lại giật mình, co người lại và tôi ngờ rằng gã chẳng hiểu lấy một từ những gì tôi đã nói. Hình như điều đó cũng không cần thiết. Bản thân những lời giáo huấn đặc biệt ấy cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều. Mười lăm phút sau tôi đã ngồi chỗ bọc cạnh, trước mặt là anh chàng Brutus Howell vẫn còn bị sốc và đang gặm đầu bút chì được dùng để ghi vào sổ thăm viếng.

– Trời đất, cậu có thôi cái việc gặm nhấm đó trước khi bị trúng độc hay không? – Tôi hỏi.

– Thật kinh khủng. – Anh ta trả lời, đặt cây bút chì sang một bên. – Tôi *không bao giờ* muốn nhìn thấy cảnh tượng đó một lần nữa, khi tù nhân mới được áp giải đến trại chúng ta.

– Cha tôi thường nói tất cả những chuyện tốt đẹp đều có ba lần. – Tôi đáp. – Tôi cho rằng trường hợp ngược lại cũng vậy.

– Thế thì tôi hy vọng rằng về điểm này cha của anh đã sai lầm. – Brutal trả lời.

Nhưng dĩ nhiên là cha tôi không sai lầm. Một cơn gió mạnh đã thổi qua khi John Coffey được áp giải đến, và khi Wild Bill đến, là một trận cuồng phong. Thật kỳ lạ, nhưng

hình như chuyện gì cũng có ba lần. Chuyện chúng tôi làm quen với Wild Bill như thế nào, khi nó được đưa đến *Dặm Xanh* và định thực hiện một vụ giết người ra sao, tôi sẽ thuật lại ngắn gọn sau. Tôi hỏi:

– Chuyện gì xảy ra với Delacroix thế ? Có phải hấn chộp lấy của quý của Percy?

Brutal nổi giận:

– Nó bị xiềng ở chân, còn Percy thì lại lôi nó mạnh quá, có thể thôi. Delacroix bị vấp và ngã nhào, theo phản xạ nó đưa tay ra, hành động mà ai ở vào tình thế đó cũng làm như thế và một bàn tay đã chạm vào quần của Percy ở phía trước. Đó chỉ là sự rủi ro.

– Cậu nghĩ rằng Percy biết? – Tôi hỏi. – Có thể là nó chỉ lấy đó làm cái cớ bởi vì muốn đập Delacroix một trận? Bởi vì nó muốn chứng tỏ cho tên tù nhân mới thấy ai là người có quyền ở đây?

Brutal chậm rãi gật đầu:

– Vâng, tôi nghĩ có lẽ là thế.

– Vậy thì chúng ta phải chú ý đến nó, – Tôi nói, đưa tay lên vò đầu. Làm như là công việc này chưa đủ khó khăn! – Trời ơi, tôi ghét nó! Tôi ghét nó quá!

– Tôi cũng vậy, Paul ạ. Còn điều này, anh có muốn biết không? Tôi không hiểu nó. Nó có mối quan hệ thế lực, điều đó thì tôi hiểu, nhưng tại sao nó lại tận dụng cơ hội để kiếm một chỗ làm ở trại tử tù chết tiệt này? Nói chung là ở nhà tù? Tại sao không là một công việc ở văn phòng nào đó tại thị trấn? Chắc chắn là người thân của nó có thể cho nó chỗ làm tốt hơn. Tại sao nó lại đến đây?

Tôi lắc đầu. Tôi không biết. Có nhiều điều vào thời điểm đó tôi không biết. Tôi nghĩ rằng tôi quá ngốc.

8

Sau đó, mọi việc trở lại bình thường ... dù chỉ một thời gian ngắn. Ở thủ phủ tiểu bang, người ta đang chuẩn bị xét xử John Coffey và cảnh sát trưởng Homer Cribus của hạt Trappingus nhân mũi trước lời đề nghị hãy để đám đông phân nộ thực thi công lý cho nhanh. Chúng tôi không quan tâm đến tất cả những chuyện ấy. Ở trại E chúng tôi không chú ý theo dõi tin tức diễn ra bên ngoài. Cuộc sống trong *Dặm Xanh* gần giống như là cuộc sống trong một phòng cách âm. Thỉnh thoảng người ta nghe tiếng ì ầm văng vẳng, trong khi ở thế giới bên ngoài có thể đó là một cơn chấn động dữ dội.

Percy quấy nhiễu Delacroix thêm một vài lần và cuối cùng, tôi phải kéo Percy qua một bên, ra lệnh cho hắn đến văn phòng của tôi. Đó không phải là lần nói chuyện đầu tiên của chúng tôi về thái độ của Percy và có lẽ cũng chưa phải là lần cuối cùng, nhưng qua đó, chưa bao giờ tôi nhận ra bản chất của hắn rõ ràng như thế. Hắn có trái tim của một thằng bé ác độc. Một thằng bé đi đến sở thú không phải để ngắm nhìn các con vật mà để dùng đá ném vào những con thú tội nghiệp đang bị nhốt trong chuồng.

– Mày để cho nó yên, hiểu không? – Tôi nói. – Mày hãy tránh xa nó ra, chỉ trừ khi có lệnh đặc biệt của tao.

Percy lấy lược chải tóc hất về phía sau, đoạn dùng bàn tay nhỏ nhắn vuốt lại. Gã thanh niên này rất thích vuốt mái

tóc của mình.

– Tôi không làm gì nó cả. – Hấn trả lời. – Tôi chỉ hỏi nó cảm thấy như thế nào khi biết rằng mình đã nướng một vài đứa bé, chỉ có vậy thôi. – Hấn nhìn tôi với cặp mắt mở to, làm ra vẻ vô tội.

– Mà phải thôi ngay, hay là tao sẽ phải viết báo cáo? – Tôi dọa.

Hấn cười:

– Ông cứ viết bản báo cáo của ông, còn tôi, tôi sẽ viết bản báo cáo của tôi. Để xem ai viết tốt hơn.

Tôi chồm tới trên bàn viết, hai bàn tay chống lên mặt bàn và nói bằng giọng thân tình như bạn bè tin cậy chia sẻ với nhau.

– Brutus Howell không đặc biệt yêu quý mày đâu. – Tôi bắt đầu. – Và anh ta nổi tiếng về cách làm báo cáo theo kiểu của mình khi anh ta không ưa ai đó. Anh ta không giỏi sử dụng bút và anh ta có thể gặm nhấm cây bút chì, nhưng anh ta viết báo cáo một cách mạnh mẽ bằng nắm đấm của mình. Mà hiểu điều tao muốn nói chứ?

Nụ cười đắc chí của Percy biến mất.

– Ông muốn nói gì?

– Không phải tao muốn nói, mà là tao đã nói. Và nếu như mày kể lại cho... người quen của mày về ... cuộc nói chuyện này, tao sẽ khẳng định là mày bịa đặt. – Tôi nhìn hấn bằng cặp mắt nghiêm nghị. – Ngoài ra tao sẽ cố gắng là một người bạn của mày, Percy ạ. Kể khôn ngoan phải biết nghe những lời khuyên đúng đắn, người ta nói thế. Và tại sao mày cứ muốn chọc giận mọi người vì Delacroix? Nó không đáng để mất đến.

Và thế là trong một thời gian, mọi chuyện diễn ra tốt đẹp. Sự yên tĩnh lại ngự trị khu E. Thậm chí, một đôi lần, tôi còn phân công cho Percy cùng với Dean hoặc Harry áp giải

Delacroix đi tắm khi đến lượt của gã. Tối tối, chúng tôi mở ra-di-ô và Delacroix bắt đầu thư giãn một chút trong khoảng thời gian ngắn ngủi lưu lại ở trại E. Sự yên tĩnh đang ngự trị chốn này.

Và một đêm nọ, tôi nghe tiếng Delacroix cười ...

Harry Terwilliger ngồi sau bụi cạnh và cũng cười thú vị. Tôi đứng lên, bước đến xà lim của Delacroix để xem vì sao gã cười.

– Nhìn đây này, *Capitaine*⁽¹⁾! – Delacroix sáng mắt lên khi nhìn thấy tôi. – Tôi đã *uốn* luyện được một con chuột!

Đó là Steamboat Willy. Nó đang ở trong xà lim của Delacroix. Hơn thế nữa: nó ngồi trên vai của Delacroix và bình thần nhìn chúng tôi qua chấn song sắt bằng cặp mắt nhỏ, đen lóng lánh của nó. Đuôi của nó vắt vòng lên các bàn chân, trông nó hoàn toàn thành thoi. Còn Delacroix? Lạy Chúa, không thể nào tưởng tượng đó chính là người đàn ông ngồi co rúm vì sợ hãi trên tấm ván sắt góc xà lim, khóc nức nở. Lúc này, trông gã rạng rỡ như con gái tôi vừa bước xuống cầu thang vào buổi sáng Giáng sinh và nhìn thấy các gói quà đang chờ mình.

– Ông xem này! – Delacroix gọi. Con chuột đang ngồi trên vai phải của gã. Delacroix đưa cánh tay trái lên. Con chuột leo lên đầu của Delacroix bằng cách đu trên tóc của gã (ít nhất là phía sau cũng đủ cho nó leo) và bò sang bên kia để leo xuống cánh tay trái. Delacroix cười rúc rích khi cái đuôi con chuột ngoái vào cổ gã. Con chuột bò đến khuỷu tay trái, quay đầu lại bò dọc theo cánh tay đến vai trái rồi dừng lại, ngồi yên ở đó, đuôi vắt vòng lên chân.

– Không thể tin được! – Harry nói.

(1) đội trưởng (tiếng Pháp)

– Tôi đã dạy cho nó đấy! – Delacroix khoe, vẻ tự hào ...
Vớ vẩn, tôi thầm nghĩ, nhưng không nói ra. – Nó tên là Mr. Jingles⁽¹⁾.

– Không phải. – Harry vui vẻ nói. – Nó tên là Steamboat Willy, như chú chuột Mickey trong phim hoạt hình. Sếp Howell đã đặt tên đó cho nó.

– Đó là Mr. Jingles! – Delacroix bướng bỉnh nói. Trước mọi đề tài khác, gã sẵn sàng nhượng bộ, nhưng với cái tên của con chuột, gã vẫn khẳng khái theo ý mình – Nó đã thì thầm vào tai tôi như thế. Sếp, tôi có được phép có một cái ộp cho nó không? Một cái ộp *petite*⁽²⁾ cho con chuột của tôi, để cho con chuột ngủ cạnh tôi? Tôi xin ông, thưa sếp! – Giọng gã van nài, nịnh nọt như kiểu tôi đã nghe hàng ngàn lần.

– Tôi sẽ đặt nó dưới giường và nó sẽ không làm phiền ai, không bao giờ làm phiền.

– Tiếng Anh của anh tốt hơn nhiều, mỗi khi anh muốn xin một cái gì đấy! – Tôi nói cố ý kéo dài thời gian.

– Này, – Harry làu bàu và thúc cùi chỏ vào người tôi. – Chuyện phiền phức đến rồi...

Nhưng trông Percy không có vẻ gì muốn gây sự, không phải vào tối hôm nay. Hắn không dùng tay vuốt tóc, cũng không vung vẩy cây dùi cui và cái cốc trên cùng của chiếc áo cảnh binh của hắn không được cài cẩn thận như mọi khi. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy hắn như thế, và có một sự thay đổi nhỏ khiến tôi kinh ngạc: đó là nét mặt của hắn. Nét mặt toát lên vẻ bình thản điềm tĩnh. Không phải là vẻ bình thản sôi nổi mà là sự hài lòng của một người đàn ông đang chờ sự việc diễn ra theo ý mình. Đó là sự thay đổi rất lớn đối với một người đàn ông mà mấy hôm trước tôi còn phải dùng nắm đấm của Brutus Howell để đe dọa. Nhưng Delacroix lại

(1) Ông Jingles, (2) hộp nhỏ

không nhận thấy sự thay đổi này. Gã sợ sệt ngồi nép sát vào bức tường của xà lim, đầu gối co lên đến ngực. Đôi mắt của gã mở to đến nỗi muốn chiếm gần nửa gương mặt. Con chuột leo lên chỗ hói trên đầu Delacroix và yên vị ở đó. Tôi không biết liệu Mr. Jingles có nhớ lại rằng nó cũng có lý do để phải cánh giác trước Percy hay không, nhưng trông đúng như vậy. Có thể chỉ đơn giản là nó đánh hơi được sự sợ hãi của gã người Pháp bé nhỏ và phản ứng như thế.

– À há! – Percy nói. – Có lẽ mày đã tìm được một người bạn rồi, phải không Eddie?

Delacroix bắt đầu nói, tôi đoán là gã định cương quyết giải thích cho Percy rõ điều gì sẽ xảy ra nếu Percy làm hại người bạn mới của gã, nhưng gã không thốt được nên lời. Môi dưới của gã hơi run run, và chỉ vậy thôi. Mr. Jingles đang ngồi trên cái đầu hói của Delacroix và không có vẻ gì sợ hãi. Nó ngồi hoàn toàn bình thản, với hai chân sau bám vào tóc Delacroix còn hai chân trước đặt lên chỗ hói trên đầu gã và đưa mắt nhìn Percy với vẻ khinh thường, giống như nhìn một tên cừu thù già yếu.

Percy đưa mắt nhìn tôi:

– Có phải đó là con chuột mà tôi đã đuổi theo hay không? Con chuột ở trong buồng cao su ấy?

Tôi gật đầu. Tôi sực nhớ lại rằng kể từ khi Percy cố rượt bắt con chuột – bây giờ được gọi là Mr. Jingles – lần cuối, hắn không nhìn thấy nó nữa, và lúc này hắn không có cử chỉ gì định tiếp tục rượt bắt con chuột.

– Ờ, chính là nó. – Tôi nói. – Delacroix cứ khẳng khẳng bảo tên nó là Mr. Jingles chứ không phải Steamboat Willy. Gã nói là con chuột đã thì thầm vào tai gã như thế.

– Thật vậy sao? – Percy trả lời. – Phép màu vẫn còn xảy ra à? – Tôi chờ đợi hắn sẽ rút đuôi cui ra, đập vào các chấn song

sắt thì uy với Delacroix, chỉ nhằm cho gã xem ai là sếp ở đây, nhưng hấn đứng yên, hai tay chống nạnh, nhìn vào xà lim.

Không hiểu sao tôi lại nói tiếp:

– Percy à, Delacroix vừa hỏi xin một cái hộp nhỏ. Gã muốn cho con chuột ngủ trong đó, tôi nghĩ là như vậy. Có lẽ gã xem con chuột là một con vật cưng. – Tôi cố lấy giọng thần nhiên và thấy Harry nhìn tôi ngạc nhiên. – Cậu nghĩ thế nào?

– Tôi nghĩ là con chuột sẽ ị vào mũi hấn lúc hấn ngủ và sau đó thì biến. – Percy thần nhiên nổi. – Nhưng đó là vấn đề của hấn. Hôm qua tôi nhìn thấy một cái hộp xì gà rất đẹp trên xe của Toot-Toot. Tôi không biết là lão già chịu đưa cho chúng ta không. Có thể lão sẽ đòi một *nickel*⁽¹⁾ hoặc thậm chí một *dime*⁽²⁾.

Tôi đánh bạo liếc mắt nhìn sang Harry và thấy cậu ta há hốc mồm kinh ngạc. Đó chưa phải là sự thay đổi kỳ lạ của Scooge từ một tay keo kiệt bủn xỉn đột nhiên biến thành một nhà hảo tâm hào phóng vào buổi sáng Giáng Sinh, sau khi các thần linh đã tác động đến hấn trong đêm tối, nhưng cũng gần giống như thế.

Percy đến gần Delacroix hơn và ghé đầu sát hai chấn song sắt.

Delacroix thậm chí còn lùi xa hơn nữa. Thề có Chúa, giá mà có thể, gã đã chui luôn vào tường.

– Mà y có một *nickel* hoặc thậm chí một *dime* để trả cho một cái hộp đựng xì gà hay không? – Percy hỏi.

– Tôi có bốn *pence*⁽³⁾ – Delacroix nói – Tôi sẽ trả để mua một cái *op* xì gà, nếu nó còn tốt, *s'il est bon*⁽⁴⁾.

(1) Đồng tiền của Mỹ và Canada trị giá 5 cents

(2) Đồng tiền của Mỹ và Canada trị giá 10 cents. (3) xu (cent)

(4) nếu nó còn tốt

– Mày có biết gì không? – Percy hỏi. – Nếu lão già không rảnh chỗ để ấy chịu bán cái hộp xi gà cho mày với giá bốn *pence*, tao sẽ lên lấy một ít bông ở bệnh xá để mày lót cho con chuột. Đó sẽ là một khách sạn Hilton dành cho chuột đấy. – Hắn quay lại nhìn tôi. – Tôi phải viết một bản báo cáo về nhận xét của tôi ở phòng điều khiển trong cuộc hành hình Bitterbuck, – hắn nói. – trong văn phòng của ông có viết không, Paul?

– Dĩ nhiên là có. – Tôi trả lời – Giấy cũng có sẵn. Trong hộp bàn trên bên trái đấy.

– Tốt lắm. – Percy nói và bỏ đi.

Harry và tôi đưa mắt nhìn nhau. Harry hỏi.

– Anh có nghĩ là nó bị bệnh không? Hay là hôm nay nó đã đến bác sĩ và biết rằng chỉ còn sống được ba tháng nữa thôi?

Tôi thú thật rằng tôi cũng không hiểu gì cả. Điều đó đúng vào thời điểm ấy và cả một thời gian dài sau này, nhưng tôi đã tìm ra. Một vài năm sau đó, tôi đã có cuộc nói chuyện thú vị với Hal Moores trong một bữa ăn tối. Lúc đó chúng tôi có thể nói chuyện cởi mở với nhau, bởi vì ngài giám đốc đã nghỉ hưu còn tôi thì đang làm việc ở trại cải tạo thanh thiếu niên. Đó là một trong những bữa ăn mà người ta uống quá nhiều và ăn quá ít, vì thế cái lưỡi trở nên nhẹ nhàng hơn. Hal kể với tôi rằng Percy đã than phiền về tôi và về công việc ở trại E nói chung. Điều đó xảy ra vài ngày sau khi Delacroix đến trại tử tù và tôi cùng Brutal đã can ngăn, không cho Percy đánh gã người Pháp gần chết. Điều làm Percy khó chịu nhất là việc tôi đã ra lệnh cho hắn rút đi cho khuất mắt tôi. Hắn nghĩ rằng không ai được nói với họ hàng của ngài Thống đốc như thế.

Và, Moores kể với tôi, ông ấy đã cố gắng xoa dịu Percy. Khi nhận ra rằng Percy sẽ sử dụng mối quan hệ của mình để

tôi phải nhận một lời cảnh cáo hoặc ít nhất là bị chuyển sang trại khác, ông ấy đã kéo Percy vào văn phòng của mình và hứa rằng nếu Percy không làm điều gì ầm ỹ, ông ấy sẽ thu xếp để hấn được giữ vai trò chỉ huy trong cuộc hành hình Delacroix. Hấn sẽ đứng ngay bên cạnh chiếc ghế điện. Như mọi khi, tôi vẫn là người chịu trách nhiệm chính, nhưng các nhân chứng sẽ không biết điều đó; họ sẽ nhìn thấy Ngài Percy Wetmore chỉ huy cuộc hành hình. Percy đồng ý sẽ không đề nghị chuyển tôi nữa và bầu không khí ở trại E trở nên dễ thở hơn. Thậm chí hấn còn đồng ý cho Delacroix được phép nuôi con vật mà hấn căm ghét. Thật đáng ngạc nhiên khi một vài người có thể biến đổi đến như vậy, nếu họ được khích lệ đúng mức: Trong trường hợp của Percy, giám đốc Moores chỉ cần đưa ra cơ hội cho hấn được tự tay lấy đi mạng sống của một gã người Pháp bé nhỏ.

9

Toot-Toot cho rằng bốn *pence* là quá ít đối với một cái hộp xì gà Corona thượng hạng, và có lẽ lão nói đúng – hộp đựng xì gà rất được ưa chuộng và được trả giá cao nhất. Người ta có thể chứa trong đó vô số món đồ vật vĩnh, mùi của nó dễ chịu, có thể vì nó có cái gì đó gợi cho tù nhân nhớ lại những ngày tháng được tự do của mình. Tôi đoán là như vậy, bởi vì trong tù được phép hút thuốc lá, nhưng xì gà thì

không.

Dean Stanton, lúc này đã được điều động trở lại trại E, góp một *penny* và tôi cũng quỳên góp một *penny* vào số đó. Khi Toot-Toot vẫn chưa hài lòng, Brutal liền “làm việc” với lão. Trước tiên, cậu ta cho rằng lão già nên xấu hổ về tính tham lam quá độ của mình và sau đó cậu ta long trọng hứa rằng chính cậu ta, Brutus Howell, sẽ thân hành đem trả lại cho lão cái hộp xì gà ngay sau khi bản án tử hình Delacroix được thi hành.

– Việc lão bán cái hộp xì gà với giá sáu *pennies* là quá rẻ, chúng ta không tranh cãi nữa. – Brutal lý luận. – Nhưng lão phải công nhận rằng đó là cái giá quá cao khi lão chỉ cho thuê. Trong một tháng nữa, hoặc cao nhất là sáu tuần, hấn sẽ đi trên *Dặm Xanh* sang thế giới bên kia. Và cái hộp xì gà này lại trở về chiếc xe của lão, trước khi lão kịp nhớ tới nó.

– Biết đâu có một lão quan tòa nhân từ nào đó ra lệnh ân xá và thế là nó vẫn ở đây, lại còn có thể cười vào mũi những người quen cũ?

Toot-Toot phản đối, nhưng lão hiểu rất rõ và Brutal cũng thế. Từ lâu rồi, lão già Toot-Toot đã được đẩy chiếc xe dán những dòng chữ trích từ Kinh Thánh và thu nhập được được nhiều nguồn tin ... tốt hơn của chúng tôi, đạo đó tôi nghĩ như thế. Lão biết rằng trong trường hợp của Delacroix, không một vị quan tòa nào có thể tỏ lòng nhân từ được. Hy vọng duy nhất của hấn đặt vào ngài Thống đốc, người không thể thương hại cho kẻ đã nường gấn một tá cử tri của mình.

– Và nếu như nó không được ân xá thì đến tháng mười con chuột cũng ị vào cái hộp ấy, thậm chí đến ngày Lễ Tạ ơn. – Toot-Toot cố cãi, nhưng Brutal nhận thấy sự phản đối của lão đã yếu dần. – Lúc ấy thì còn ai chịu mua một cái hộp đã bị con chuột dùng làm nhà xí kia chứ?

– Trời đất! – Brutal kêu lên. – Đây là điều ngu ngốc nhất mà tôi nghe lão nói đấy, Toot. Tôi nghĩ không cần giải thích cho lão nữa. Thứ nhất là vì tình yêu đối với con chuột, Delacroix sẽ giữ cái thùng sạch đến mức người ta có thể ăn được đấy, thậm chí hẳn có thể liếm sạch cái thùng nếu thấy cần thiết.

Toot-Toot nhăn mũi nói:

– Nay, đừng có phóng đại như thế!

– Thứ hai, – Brutal nói tiếp – phân chuột không phải là vấn đề gì lớn. Đó chỉ là những cục nho nhỏ như viên đạn súng hơi. Lão chỉ cần đổ ra là xong. Nói chung, không có vấn đề gì.

Toot-Toot nhận ra rằng tiếp tục phản đối cũng vô ích; lão có đủ kinh nghiệm để biết rằng thế nào là một cơn gió mạnh, có thể chống chọi lại và thế nào là một trận cuồng phong cần phải né tránh. Đây chưa phải là một trận cuồng phong, nhưng chúng tôi – những cai tù mặc áo xanh dương – thích Delacroix được giữ con chuột, và điều đó cũng đủ làm thành một cơn bão rồi. Thế là Delacroix được cái thùng và Percy đã giữ đúng lời hứa. Hai ngày sau, cái thùng đã được lót một lớp bông trắng tinh mềm mại “thừa” từ bệnh xá. Percy thân chinh đem mớ bông đến và tôi nhìn thấy ánh mắt sợ sệt của Delacroix khi gã thò tay ra ngoài song sắt để tiếp nhận món quà. Gã sợ Percy bất thần chớp lấy và bẻ gãy các ngón tay của gã. Tôi cũng lo ngại điều đó. Nhưng không có gì xảy ra cả. Đó cũng là khoảnh khắc hầu như tôi cảm thấy mến Percy, nếu như không nhận thấy sự vui thích độc ác lóe lên trong đôi mắt hắn. Delacroix đã có một con vật cưng; Percy cũng có một. Delacroix sẽ nuôi con vật đó, vuốt ve nó, yêu mến nó – cho tới khi nào còn có thể. Còn Percy sẽ kiên nhẫn chờ đợi (kiên nhẫn theo mức độ mà tuýp người như hắn còn chịu được) và sẽ thiêu sống nó.

– Khách sạn Hilton dành cho chuột đã mở cửa. – Harry nói. – Câu hỏi duy nhất là, liệu gã chuột nhỏ bé đó có chịu sử dụng hay không?

Câu hỏi được trả lời ngay, khi Delacroix cầm Mr.Jingles trên tay và nhẹ nhàng đặt nó vào hộp đựng xì gà. Con chuột cuộn mình lại trên mớ bông êm ái, có vẻ dễ chịu như đang ở nhà của mình, cho đến khi... Thôi, đến đúng thời điểm, tôi sẽ quay trở lại để nói về phần kết thúc câu chuyện của con chuột.

Nỗi lo ngại của Toot-Toot rằng cái hộp xì gà sẽ chứa đầy phân chuột tỏ ra hoàn toàn vô căn cứ. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một cục phân chuột nào trong đó và Delacroix cũng xác nhận như vậy, thậm chí trong xà lim của gã cũng không. Rất lâu sau này, khoảng thời gian mà Brutal chỉ cho tôi xem cái lỗ trên cây đà và chúng tôi tìm thấy những mẫu gỗ được sơn màu sáp, tôi đã dọn một chiếc ghế đặt ở góc buồng cách ly và thấy một đồng phân chuột. Hình như con chuột đã đến chỉ một chỗ này để giải quyết nhu cầu của nó, càng xa các xà lim càng tốt. Còn có một điều: chưa bao giờ tôi nhìn thấy con chuột tiểu. Bình thường thì loài chuột không thể ngưng xả nước dù chỉ hai phút, đặc biệt khi nó ăn vào. Tôi có thể nói với quý vị, con vật bé nhỏ này là điều bí ẩn của Thượng Đế.

Khoảng một tuần lễ sau khi Mr. Jingles dọn vào ở trong hộp xì gà, Delacroix gọi tôi và Brutal đến buồng giam của gã, bởi vì gã có chuyện muốn chỉ cho chúng tôi xem. Gã làm như thể thường xuyên đến nỗi chúng tôi phát bực, có khi chỉ vì Mr. Jingles có thể nằm ngửa, giơ bốn chân lên trời, đối với gã người Pháp thì đó là cảnh tượng dễ thương nhất trần đời, nhưng lần này thì điều chúng tôi được xem thật sự thú vị.

Sau khi bị tuyên án tử hình, hình như Delacroix hoàn toàn bị thế giới bên ngoài quên lãng, nhưng gã có một bà dì – một bà cụ rất già, tôi tin là như thế –, người mỗi tuần viết thư cho gã một lần. Bà cụ cũng gửi cho gã một túi kẹo bạc hà

lớn, loại kẹo dẻo ấy được bán dưới cái tên “Canada Mints”. Các viên kẹo bạc hà trông giống như những viên thuốc lớn màu hồng. Tất nhiên Delacroix không được phép lĩnh nguyên cả túi kẹo một lần, nó dễ đến hơn năm *pounds* * và gã có thể nuốt nhiều đến nỗi chúng tôi phải đưa đi bệnh xá vì đau bụng. Như hầu hết những tên sát nhân phải đến *Dặm Xanh* nói chung, gã không còn biết đến khái niệm điều độ. Chúng tôi chỉ đưa cho gã mỗi lần nửa *pound*, mà cũng chỉ khi nào gã nhớ đến và ngỏ lời xin.

Khi chúng tôi đến đó, Mr. Jingles đang ngồi trên giường, bên cạnh Delacroix. Nó ôm viên kẹo to màu hồng bằng hai bàn chân trước và nhấm nháp với vẻ hài lòng. Delacroix tỏ vẻ vui sướng tốt độ. Trông gã như một nghệ sĩ dương cầm đang giới thiệu tài năng âm nhạc của đứa con trai mới lên năm của mình trước các khán giả hạng nhất. Nhưng xin quý vị đừng hiểu nhầm tôi; cảnh tượng trông thật sự thú vị, đáng để kêu lên vì kinh ngạc. Viên kẹo bạc hà to gần bằng một nửa Mr. Jingles, và cái bụng dưới lớp lông màu trắng của nó đang căng tròn như một quả bóng.

– Lấy lại đi, Eddie! – Brutal vừa cười vừa nói với vẻ kinh hoàng. – Trời đất, nó sẽ ăn đến khi nổ tung ra đấy! Ở đây tao còn ngửi được mùi bạc hà này. Mà đã cho nó bao nhiêu viên kẹo rồi?

– Đây là viên thứ *ai*. – Delacroix trả lời và lo lắng nhìn cái bụng căng tròn của Mr. Jingles – Ông có nghĩ ... thật sự ... Ông biết rồi đấy ... liệu nó có vỡ bụng?

– Có thể lắm. – Brutal đáp.

Bấy nhiêu đó cũng đủ thuyết phục Delacroix. Gã lấy lại viên kẹo chỉ còn một nửa. Tôi ngờ con chuột sẽ cắn tay gã, nhưng không, Mr. Jingles chỉ nhẹ nhàng buông phần còn lại của viên kẹo ra. Tôi đưa mắt nhìn Brutal và cậu ta lắc đầu

* *pound*: đơn vị đo trọng lượng Anh, Mỹ bằng 0,454kg

như muốn nói, không, không thể nào hiểu được. Sau đó, Mr. Jingles leo vào hộp xì gà và nằm nghiêng một bên, thở ì ạch như một lão già mệt nhọc. Cả ba chúng tôi đều bật cười trước cảnh tượng ấy. Dần dần, chúng tôi cũng quen cảnh con chuột ngồi cạnh Delacroix, hai chân ôm một viên kẹo bạc hà và ăn điệu dàng như một quý phu nhân già đang dùng bữa trà buổi chiều. Quanh Delacroix và con chuột bao bọc một mùi hương mà tôi ngửi được khi leo lên đến trần nhà ở buồng cách ly, mùi hương thơm nửa ngọt, nửa đắng của kẹo bạc hà.

Còn có một chuyện tôi muốn kể về Mr. Jingles trước khi tôi tiếp tục với câu chuyện về sự xuất hiện như một trận cuồng phong của William Wharton ở trại tử tù.

Khoảng một tuần lễ sau câu chuyện về những viên kẹo bạc hà – chính xác là từ thời điểm chúng tôi bảo Delacroix đừng cho con chuột ăn đến chết – gã người Pháp lại gọi chúng tôi đến buồng giam của gã. Tạm thời tôi đang ở đó một mình, Brutal đã bị gọi sang trại khác vì một công việc nào đó và theo qui định, tôi không được phép – vì bất cứ lý do gì – đến gần tù nhân. Nhưng bởi vì trong lúc khỏe mạnh tôi có thể quăng một người bé nhỏ như Delacroix xa đến hai mươi mét, tôi quyết định làm trái với điều qui định để đến xem gã muốn gì.

– Ông xem này, sếp Edgecombe. – Gã nói. – Ông sẽ thấy ngay Mr. Jingles làm được gì!

Gã lấy từ trong cái hộp xì gà ra một trục chỉ bằng gỗ, một trục chỉ không có chỉ.

– Ở đâu mày có thứ này? – Tôi hỏi, mặc dù có thể đoán biết được. Thật ra chỉ một người có thể cung cấp cho gã món đồ này.

Delacroix đáp:

– Toot-Toot! Xem này, sếp!

Tôi nhìn thấy Mr. Jingles trong cái hộp xì gà của nó,

nhìn thấy cảnh nó đang đứng, dùng hai bàn chân chống lên mép thùng, đôi mắt đen long lanh nhìn chăm chăm vào trục chỉ bằng gỗ mà Delacroix đang cầm bằng bàn tay phải, giữa ngón cái và ngón trỏ. Tôi cảm thấy như có một luồng hơi lạnh chạy dọc sống lưng. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một con chuột có vẻ hăng hái và trình diễn trước mắt tôi một màn thông minh như thế, từ đó về sau cũng không bao giờ có. Tôi không thể tin chắc rằng Mr. Jingles là một sinh vật siêu nhiên, và nếu như tôi có gọi cho quý vị ấn tượng ấy thì quả thật tôi rất lấy làm tiếc, nhưng tôi tin rằng nó là một thiên tài trong số đồng loại của mình.

Delacroix cúi xuống, thả cho trục chỉ lăn trên nền xà lim. Nó lăn đều đặn, chậm chậm như hai bánh xe được gắn với nhau bằng một cái trục. Con chuột phóng ra khỏi cái thùng như một tia chớp và chạy theo cái trục giống như một con chó chạy theo cái gậy được ném ra. Tôi kêu lên kinh ngạc, còn Delacroix cười khoái chí.

Trục chỉ lăn đụng vào tường rồi dội lại. Mr. Jingles bò ra sau rồi lăn trục chỉ về hướng tấm ván, nơi Delacroix đang ngồi. Trong quá trình đó, nó đổi từ đầu này sang đầu kia khi trục chỉ có vẻ như đi chệch hướng. Nó lăn trục chỉ đến chỗ Delacroix, đẩy chạm vào chân của gã, đoạn ngược lên nhìn thăm dò như để chắc chắn rằng Delacroix không còn giao nhiệm vụ cấp bách nào cho nó (có thể là giải một bài đại số hoặc phân tích ngữ pháp của một đoạn văn viết bằng tiếng La-tinh). Có vẻ hài lòng với những gì đã làm, con chuột trở lại cái hộp xi gà và nằm xuống thành thoi.

— Mày đã dạy cho nó? — Tôi khẳng định.

— Đúng vậy, sếp Edgecombe! — Delacroix cười ngoác miệng

— Nó đã lăn cái trục luôn luôn. Thông minh quá, đúng không?

— Còn cái trục chỉ? — Tôi hỏi. — Do đâu mày biết rằng

phải tìm cho nó một vật như thế?

– Nó đã thì thầm vào tai tôi, rằng nó muốn vật đó. – Delacroix trả lời với vẻ bình thản. – Giống như lúc nó nói tên của nó.

Delacroix cho tất cả các quân giáo đến khu E xem màn biểu diễn của Mr. Jingles... Tất cả, trừ Percy. Delacroix không màng đến việc Percy đã nảy ra sáng kiến về cái hộp xi gà và đã cung cấp cho gã mở bông lót đáy hộp. Gã như một vài con chó; khi người ta đã đập chúng một lần, chúng sẽ không bao giờ tin người đó nữa, bất kể sau đó chúng được đối xử tốt như thế nào. Đến bây giờ, tôi vẫn còn nghe văng vẳng tiếng Delacroix: *"Ê, các sếp ơi! Đến đây xem Mr. Jingles làm gì đây này!"*. Và thế là những quân giáo mặc đồng phục xanh dương lại chen nhau trước buồng giam của Delacroix – Brutal, Harry, Dean, thậm chí cả Bill Dodge. Và tất cả đều kinh ngạc, thích thú như tôi khi lần đầu trông thấy cảnh ấy.

Ba hoặc bốn ngày sau khi xem màn biểu diễn của Mr. Jingles lần đầu, Harry Terwilliger lục lọi trong mớ đồ dùng để vẽ và cắt dán vẫn được chúng tôi cất ở trong một góc của phòng cách ly. Cậu ta tìm được vài cây bút chì màu sáp và đem đến chỗ Delacroix, vừa cười vừa nói, thoáng chút ngượng ngùng:

– Có thể là anh muốn sơn cái trục chỉ nhiều màu cho đẹp. Như thế thì chú bạn nhỏ của anh sẽ giống một con chuột trong gánh xiếc.

– Một con chuột trong gánh xiếc! – Delacroix có vẻ vô cùng ngạc nhiên và hạnh phúc. Tôi cho rằng lúc ấy gã thực sự hạnh phúc, có thể là lần đầu tiên trong cuộc đời khốn khổ của mình – Chính là nó rồi! Một con chuột trong gánh xiếc! Khi tôi ra khỏi đây, nó sẽ làm cho tôi trở nên giàu có như một ngôi sao trong gánh xiếc. Các ông sẽ thấy!

Nếu là Percy Wetmore, không nghi ngờ gì nữa, hẳn sẽ

cho Delacroix biết rằng khi rời Cold Mountain, gã sẽ nằm trong một chiếc xe cứu thương không cần bật đèn hoặc còi báo hiệu, nhưng Harry là người tế nhị hơn. Cậu ta chỉ bảo Delacroix phải sơn nhanh cái trục chỉ, bởi vì sau bữa ăn tối cậu ta sẽ phải trả các cây bút chì trở về chỗ cũ.

Del sơn trục chỉ rất đẹp. Khi gã đã làm xong, một đầu trục chỉ có màu vàng sáng, đầu kia màu xanh lá cây, còn đoạn giữa màu đỏ tươi.

Chúng tôi đã quen với cảnh Delacroix hò hét. *"Maintenant, mesieurs et mesdames! Le cirque présentement le mous' amusant et amazeant!"*⁽¹⁾ Thật ra gã không nói chính xác như thế, nhưng qua đó, quý vị có thể hình dung thứ tiếng Pháp khác thường của gã. Đoạn, gã kêu lên một tràng dài, hình như thay cho tiếng trống, và thả cái trục lăn dưới đất. Mr. Jingles chạy theo sau, dùng mũi, thậm chí dùng bàn chân, lăn trở lại chỗ cũ. Đó có thể là một màn biểu diễn mà người ta phải bỏ tiền ra xem ở trong một gánh xiếc, tôi nghĩ như vậy. Delacroix và màn trình diễn của con chuột là thú tiêu khiển chính của chúng tôi trong thời gian này, khi John Coffey được áp giải đến và sự việc được giữ nguyên như thế một thời gian. Sau đó, chúng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu của tôi lại trở dậy sau một thời gian dài tạm yên và William Wharton xuất hiện và... cơn ác mộng bắt đầu.

(1) "Bây giờ, thưa quý Ông và quý Bà! Gánh xiếc sẽ trình diễn một màn thú vị và bất ngờ!"

10

Tôi đã quên phần lớn ngày tháng. Tôi cho rằng, tôi có thể nhờ cháu ngoại là Danielle lục tìm một ít trong các sổ báo lưu trữ, nhưng liệu điều đó có ý nghĩa gì không? Những thời điểm quan trọng nhất lại không thể tìm trong các tờ báo, ví dụ như cái ngày mà chúng tôi đến buồng giam Delacroix và nhìn thấy con chuột ngồi trên vai gã, hoặc cái ngày mà William Wharton đến trại E và suýt chút nữa đã giết chết Dean Stanton. Có lẽ tốt hơn hết là cứ tiếp tục như từ trước đến giờ. Cuối cùng thì ngày tháng không quan trọng khi người ta nhớ lại những gì đã chứng kiến và có thể sắp xếp chúng theo đúng trình tự.

Tôi biết là những sự việc đang chen nhau. Khi nhận được thông báo của Curtis Anderson về ngày thi hành án tử hình Delacroix, tôi ngạc nhiên nhận thấy rằng ngày gã tù nhân người Pháp bé nhỏ của chúng tôi phải đến chỗ “Già Sparky” sớm hơn dự định. Sự kiện ấy thật ra cũng không mấy quan trọng trong những ngày mà trời đất không bị khuấy đảo khi ai đó phải lên ghế điện. Chỉ là sự khác biệt hai ngày, tôi tin là như vậy, thay vì ngày hai mươi bảy tháng mười thì lại được dời lên hai mươi lăm tháng mười. Có thể quý vị sẽ chất vấn tôi về ngày tháng được kể chính xác này, nhưng tôi biết rằng tôi nhớ rất rõ. Tôi nhớ tôi đã tự nhủ rằng thế là lão già Toot-Toot sẽ được nhận lại cái thùng đựng xì gà Corona sớm hơn mong đợi.

Ngược lại, Wharton đến chỗ chúng tôi muộn hơn dự tính. Thứ nhất là vì phiên tòa xét xử kéo dài thêm bốn hoặc năm ngày so với dự đoán của nguồn tin cung cấp cho Anderson (sau này chúng tôi rút ra kết luận là không thể đoán trước được điều gì đối với Wild Billy, nhất là trong việc canh giữ tù nhân và bảo vệ tính mạng của chính mình), tiếp theo là sau khi bị tuyên là có tội, theo chỉ định của tòa án, hắn phải được đưa đi khám, làm các xét nghiệm ở bệnh viện trung tâm Indianola. Trong phiên tòa xét xử, hình như hắn đã bị lên cơn động kinh, co giật nhiều lần. Hai trong số đó trầm trọng đến nỗi hắn ngã đùng xuống nền, run rẩy, co giật rất đáng sợ. Luật sư của Wharton khẳng định rằng hắn mắc phải một chứng bệnh về thần kinh và không ý thức được khi phạm tội. Công tố viên lại cho rằng các cơn co giật của hắn chỉ là sự giả vờ, là màn kịch của một thằng hèn đang tuyệt vọng tìm cách cứu lấy mạng sống của mình. Sau khi bồi thẩm đoàn tận mắt chứng kiến “cơn co giật vì động kinh” của Wharton, họ đi đến kết luận rằng đó chỉ là sự giả vờ. Ngài chánh án cũng có cùng quan điểm, tuy vậy, sau khi tuyên án, ông ta vẫn ra lệnh đem bị cáo đi khám bệnh lại một lần nữa trước khi bản án được thi hành, có trời mới biết là tại sao; có thể chỉ vì vị chánh án tò mò.

Điều kỳ lạ là Wharton không chạy trốn trong thời gian ở bệnh viện (và không ai trong chúng tôi không nghĩ đến điều nực cười là bà Melinda, vợ của giám đốc nhà tù Moores, cũng nằm tại bệnh viện này cùng thời gian với Wharton). Hắn đã không làm thế. Tôi cho rằng bởi vì các cảnh binh đã canh gác hắn cẩn mật ngày đêm và hắn vẫn còn nuôi hy vọng vì chứng bệnh động kinh – nếu như nó có thật – thì hắn sẽ được tuyên là không có khả năng chịu trách nhiệm về những gì đã gây ra.

Sự việc không diễn ra như thế. Các bác sĩ kết luận rằng bộ não của hắn hoàn toàn bình thường – tất nhiên là về mặt

sinh lý học – và “Billy the Kid” Wharton bị áp giải đến Cold Mountain. Ngày hôm đó có lẽ là mười tám tháng mười, bởi vì tôi nhớ lại, Wharton đến sau John Coffey hai tuần lễ và trước khi Delacroix bị hành hình một tuần lễ.

Vào cái ngày mà tên tù mới được áp giải đến trại E là một ngày đầy ắp sự kiện đối với tôi. Tôi thức dậy lúc bốn giờ sáng, cảm thấy trong bụng rất đau đớn còn dương vật thì nóng bỏng, sưng căng lên. Trước khi bước xuống giường, tôi nhận thấy chúng bệnh nhiễm trùng đường tiểu của mình không hề thuyên giảm như tôi đã hy vọng. Đó chỉ là một khoảng thời gian tạm lắng và bây giờ, khoảng thời gian ấy đã qua.

Tôi đi đến nhà vệ sinh (dạo ấy chưa có loại toa-lét ngồi giật nước như bây giờ, ít nhất là ba năm sau đó người ta mới sản xuất loại bồn vệ sinh kiểu này), nhưng khi đến đồng gỗ ở ngoài sân, tôi biết rằng không thể nín tiểu được nữa. Tôi chỉ kịp kéo lưng quần py-ja-ma xuống và nước tiểu đã chảy ra, kèm theo cơn đau khủng khiếp nhất trong cuộc đời tôi. Năm 1956 tôi đã bị chứng sỏi mật và tôi nghĩ rằng nếu người ta cho đó là chứng bệnh tồi tệ thì so với những cơn đau rất bỏng do chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu gây ra, sỏi mật chỉ giống như bị rối loạn tiêu hóa nhẹ.

Dầu gối tôi run rẩy, tôi quỵ xuống khiến đường chỉ may ở đáy quần py-ja-ma bị rách bung khi tôi giạng chân ra giữ thăng bằng để không ngã ngổ vào vũng nước tiểu của mình. Điều đó có lẽ đã xảy ra nếu bàn tay trái của tôi không chống vào đồng gỗ. Tôi cảm thấy bụng dưới bỏng rát và dương vật của tôi gần như muốn tan chảy ra, đến nỗi khi nhìn xuống, tôi ngỡ mình sẽ thấy máu chảy ra chứ không phải nước tiểu, nhưng hình như không phải thế.

Một bàn tay tôi nắm chặt miếng gỗ, còn tay kia đưa lên bùm miêng để không đánh thức vợ tôi vì tiếng rên rỉ của mình. Tôi có cảm tưởng mình đã tiểu trong khoảng thời gian

vô tận, nhưng cuối cùng, nước tiểu cũng ngừng chảy. Trong lúc đó, cơn đau lan sang hai tinh hoàn và đến dạ dày, đến nỗi cả phút sau tôi vẫn không thể nào đứng lên được. Cuối cùng thì cơn đau cũng dịu xuống một chút và tôi cố gượng đứng lên. Tôi nhìn xuống bãi nước tiểu và tự hỏi, Thượng đế là người như thế nào mà có thể sáng tạo nên thế giới này, trong khi đó chỉ thải một chút nước tiểu lại có thể gây đau đớn kinh khủng như thế.

Tôi nhủ cần phải xin nghỉ ốm và đến gặp bác sĩ Sadler. Tôi vẫn không thể chịu được cái mùi của các viên thuốc sulfat bác sĩ cho và tác dụng phụ do chúng gây ra, nhưng thà như thế còn hơn là quì bên một đồng gỗ để tiểu và cố nén tiếng kêu thét lên vì đau đớn. Khi ngồi trong nhà bếp uống mấy viên thuốc Aspirin và nghe tiếng ngáy khe khê của Janice trong phòng ngủ, tôi chợt nhớ lại rằng hôm nay William Wharton sẽ được đưa đến trại E, còn Brutal lại không có mặt ở đó. Theo lịch phân công, Brutal phải làm việc ở khu vực khác của nhà tù, giúp chuyển thư viện và các thiết bị còn lại của bệnh xá sang khu nhà mới. Mặc dù rất đau, tôi không muốn để Dean và Harry đối phó với Wharton. Họ là những cai tù giỏi, nhưng trong thông báo của Curtis Anderson ghi rõ là William Wharton cực kỳ nguy hiểm. "GÃ THANH NIÊN NÀY KHÔNG THIẾT ĐẾN BẤT CỨ THỨ GÌ", ông ta đã viết và gạch đậm dưới hàng chữ ấy.

Trong lúc ấy, cơn đau dịu xuống dần và tôi đã có thể suy nghĩ mạch lạc hơn. Tôi cho rằng tốt hơn hết nên đến nhà tù sớm. Tôi có thể có mặt lúc sáu giờ sáng, vào khoảng thời gian mà giám đốc Moores cũng xuất hiện ở đó. Ông ta có thể ra lệnh cho Brutus Howell trở về trại E để chuẩn bị tiếp nhận Wharton. Sau đó tôi có thể đến bác sĩ bao lâu cũng được. Trên đoạn đường hai mươi dặm từ nhà đến Cold Mountain, tôi phải dừng lại hai lần để đi tiểu vì không nín

được (vào giờ này, trên đường hầu như không có xe cộ qua lại). Cả hai lần đều không đến nỗi đau đớn khủng khiếp như lúc sáng sớm và tôi không phải quì sụp xuống, nhưng vẫn phải bám chặt vào tay nắm cửa ô tô. Tôi cảm thấy mồ hôi chảy ròng ròng trên gương mặt nóng bừng. Tôi bị ốm rồi, ốm nặng là đằng khác.

Tôi vẫn cố lái xe đến cổng phía Nam của nhà tù và đỗ xe ở chỗ thường lệ, đoạn đến ngay phòng giám đốc. Đồng hồ chỉ sáu giờ đúng. Phòng làm việc của bà Hannah vắng tanh – bà ấy làm việc theo giờ hành chính, khoảng bảy giờ mới đến – nhưng tôi nhìn thấy qua tấm kính mờ, phòng làm việc của giám đốc Moores có ánh đèn. Tôi khẽ gõ lấy lệ rồi vận tay nắm mở cửa. Moores ngẩng lên, giật mình vì có ai đến tìm trong giờ phút khá bất thường này và tôi nghĩ giá mà mình đừng làm phiền ông ấy trong tình thế này thì hơn. Mái tóc bạc của Moores, bình thường được chải gọn ghẽ, giờ rối bù và ông đang cố gắng lấy lại bình tĩnh khi nhìn thấy tôi. Đôi mắt của ông đỏ ngầu, gương mặt chảy xệ. Chứng run tay của ông càng tồi tệ hơn. Trông ông như một người trở về sau khi đã đi bộ rất xa trong một đêm mưa gió lạnh lẽo.

Tôi lúng túng:

– Hal, xin lỗi ông! Tôi sẽ đến vào lúc khác...

– Không, – Moores ngắt lời tôi, – Vào đây, Paul. Anh cứ vào đây và hãy đóng cửa lại! Tôi đang cần có một người bên cạnh. Nếu như trong cuộc đời tôi có lúc nào đó cần có ai ở bên cạnh, thì là lúc này. Anh vào đây và hãy đóng cửa lại!

Tôi làm theo lời Moores và lần đầu tiên, kể từ lúc thức giấc sáng hôm nay, tôi quên bằng những cơn đau của mình.

– Vợ tôi có một khối u trong não. – Moores nói. – Các bác sĩ đã chiếu điện. Họ có vẻ rất hài lòng khi biết được nguyên nhân. Một người trong bọn họ nói rằng đây là phát

hiện lớn nhất của họ và họ sẽ công bố trong một tạp chí y học ở New England. Khối u lớn như một quả chanh – họ nói thế – và nằm sâu trong não, ở một vị trí không thể nào can thiệp bằng phẫu thuật được nữa. Họ nói rằng vợ tôi chỉ còn sống được đến lễ Giáng Sinh. Tôi chưa nói gì với bà ấy. Tôi không biết phải..., tôi không biết nói sao.

Ông bật khóc. Tiếng khóc nức nở, gương mặt đau đớn của ông khiến tôi cảm thấy thương xót, đồng thời lại kinh hoàng. Thật khổ tâm khi nhìn một người đàn ông lúc nào cũng tỏ vẻ mạnh mẽ, cương quyết như Hal Moores trong tình thế này. Tôi đứng lặng một lúc, đoạn bước đến đặt tay lên vai ông. Ông ấy lấy hai bàn tay bấu chặt vào tay tôi như một người sắp chết đuối rồi khóc như mưa. Một lúc sau, khi đã trấn tĩnh lại, ông ngỏ lời xin lỗi tôi, mắt không nhìn vào mắt tôi. Trông ông như một người đàn ông đang xấu hổ vì sự yếu đuối bất chợt của mình. Một vài người thậm chí còn ghét kẻ nào nhìn thấy họ trong giây phút ấy, nhưng tôi tự nhủ giám đốc Moores không phải là loại người như thế. Dù sao tôi cũng không còn nhớ mục đích của mình khi đến đây và sau khi rời văn phòng giám đốc, tôi đi đến trại E chứ không ra xe.

Aspirin đã làm dịu chút ít cơn đau trong bụng tôi. Tôi nghĩ rằng, bằng cách nào đó, tôi sẽ đứng vững thêm một ngày hôm nay nữa. Tôi sẽ tiếp nhận Wharton, sau bữa trưa sẽ nói chuyện với Hal Moores và xin nghỉ ốm từ ngày mai. Tôi đã vượt qua điều tồi tệ nhất của ngày hôm nay rồi, tôi nghĩ thế, và không ngờ rằng tai họa lớn nhất trong ngày vẫn chưa xuất hiện.

11

“Chúng tôi vẫn nghĩ nó còn bị ảnh hưởng bởi các loại thuốc khi bác sĩ làm xét nghiệm và khám cho nó. ”, Dean thuật lại vào buổi sáng sáng hôm sau. Giọng của anh ấy khàn khàn, nghèn nghẹn và quanh co vẫn còn nhiều vết thâm tím. Tôi nhìn thấy việc cố gắng nói đã làm anh ấy đau đớn và định bảo Dean hãy thôi đi, nhưng đôi khi, sự im lặng có thể còn đau đớn hơn. Có lẽ giây phút này đúng như thế và tôi đành lặng thinh. “Tất cả chúng ta đều nghĩ rằng nó còn nửa mê nửa tỉnh, đúng không?” – Dean lại thì thầm nói.

Harry Terwilliger gật đầu. Thậm chí Percy, đang đứng tách biệt một góc, cũng gật đầu đồng tình. Brutal đưa mắt nhìn tôi và trong thoáng chốc, ánh mắt chúng tôi gặp nhau. Chúng tôi có cùng ý nghĩ về chuyện đã xảy ra. Người ta nghĩ người ta kiểm soát được tất cả, mọi chuyện sẽ diễn ra tốt đẹp và, chỉ cần một sai sót nhỏ trước khi kịp nhận ra, căn nhà được ghép bằng những quân bài đã đổ sụp xuống. Họ đã nghĩ rằng nó còn bị ảnh hưởng bởi thuốc an thần và đó là một ý nghĩ hoàn toàn bình thường, nhưng không ai hỏi lại, nó có còn thực sự chịu tác động của thuốc an thần hay không. Tôi tin rằng còn một điều gì đó có thể đọc được trong mắt Brutal: Harry và Dean sẽ học được bài học kinh nghiệm từ sai lầm này, đặc biệt là Dean, người đã suýt mất mạng, còn Percy thì không. Biết đâu là hẳn không có khả năng đó? Percy chỉ có

thế ngồi một góc và cầu nhàu vì hấn đã làm hỏng một việc gì.

Bảy cảnh binh đi trên một chiếc xe chở tù đến Indianola để tiếp nhận Wild Bill Wharton: Harry, Dean, Percy và hai cai tù nữa (tôi đã quên tên của họ rồi, mặc dù tôi tin chắc có biết một trong hai người) ngồi ở phía sau, thêm hai người ngồi ở phía trước. Họ đi trên một chiếc xe mà chúng tôi thường gọi là xe chở thư – một chiếc xe Ford được bao bọc bằng lưới sắt và hình như có kính chống đạn. Chiếc xe chở tù trông giống như sự lai ghép giữa một xe chở sữa và một chiếc xe tăng.

Harry Terwilliger là người chỉ huy đội áp giải. Anh ta đưa cho cảnh sát trưởng (không phải là Homer Cribus mà là một người khác) giấy tờ và được giao lại Mr. William Wharton – một con chó của địa ngục “*extraordinaire*”, có lẽ Delacroix sẽ nói như thế. Trước đó người ta đã gửi một bộ đồng phục dành cho tù nhân ở Cold Mountain đến, nhưng vị cảnh sát trưởng và người của ông ta không chịu nhọc công nhét hấn vào đó; họ để dành việc ấy cho người của chúng tôi. Khi bước lên tầng lầu thứ hai của bệnh viện, các cảnh binh nhìn thấy một gã thanh niên gầy gò, má hóp, mặt đầy tàn nhang và mái tóc vàng dài. Hấn mặc bộ đồ màu xanh bằng vải dành cho bệnh nhân, chân mang dép vải. Cái móng của hấn cũng đầy tàn nhang. Đây là bộ phận đầu tiên đập vào mắt các cai tù khi nhìn thấy hấn, bởi vì hấn đứng bên cửa sổ, nhìn đăm đăm ra bãi đỗ xe của bệnh viện, quần tụt xuống. Hấn không thềm quay lại khi họ bước vào mà vẫn đứng yên, một tay giữ rèm cửa, cầm lặng như một hình nộm trong khi Harry than phiền với cảnh sát trưởng về việc ông ta và người của ông ta quá lười khi không chịu ra lệnh Wharton thay quần áo tù. Cảnh sát trưởng phản pháo lại bằng một bài giảng rằng mỗi viên chức nhà nước đều tự hiểu việc gì thuộc

về trách nhiệm của họ và việc gì không.

Sau khi nghe chán bài giảng ấy (tôi ngờ rằng có hơi dài), Harry ra lệnh cho Wharton quay lại. Wharton làm theo. Dean kể chúng tôi nghe bằng cái giọng khàn khàn, nghèn nghèn của anh ấy rằng Wharton trông như tất cả những tên giết người bẩm sinh khác mà chúng tôi đã gặp hàng ngàn lần ở Cold Mountain. Cái vẻ bề ngoài với những đường nét gần như dẫn đến cùng một mẫu số, là sự phối hợp giữa một tên đàn độn đồng thời lại mang dòng máu độc ác. Đôi khi người ta nhìn thấy nét hèn nhát của chúng khi chúng đứng dựa lưng vào tường, nhưng đa số bọn chúng không có nét gì khác hơn là sự hung dữ kèm theo là sự ác độc man rợ. Cũng có một vài tên thuộc tuýp người như Wharton, có chút can đảm, nhưng tôi không kể. Một con chuột cống cũng chiến đấu khi bị dồn vào bước đường cùng. Gương mặt của gã thanh niên này hình như cũng vô cảm như cái mông của hắn, Dean nói như thế. Gương mặt thờ ơ, ánh mắt trống rỗng, hai vai xệ và đôi tay buông thõng xuống, đu đưa. Trông hắn như một người đã bị tiêm một lượng lớn moóc-phin hoặc như một tên nghiện ma túy đang say thuốc.

Đến điểm này, Percy lại uể oải gật đầu.

– Mặc đồ vào! – Harry nói và hát hăm về bộ quần áo tù đặt ở đầu giường. Nó đã được mở khỏi lớp giấy gói màu nâu, nhưng chưa hề được động đến, vẫn còn gấp lại như lúc rời khỏi xưởng giặt của nhà tù. Đó là một bộ quần áo kẻ sọc với đôi tất trắng.

Wharton có vẻ sẵn sàng thực hiện các mệnh lệnh, nhưng không đủ sức nếu không có sự giúp đỡ. Hắn mặc được áo nhưng khi xỏ chân vào quần thì lại dút cả hai chân vào một ống. Cuối cùng thì Dean đành phải ra tay. Anh ta nắm từng cái chân của hắn dút vào từng ống quần rồi kéo lên, kéo

khóa và thắt dây nịt lại. Wharton chỉ đứng lặng im, không tỏ vẻ gì muốn giúp đỡ khi Dean đụng tay vào chiếc quần của hắn. Hắn đưa cặp mắt vô hồn nhìn quanh căn phòng, hai tay buông thõng và không ai nghĩ rằng hắn đang giả vờ. Hắn không hi vọng gì trốn thoát được nhưng chỉ chờ có cơ hội tốt nhất để gây khó khăn lớn nhất cho các cảnh binh.

Các loại hồ sơ đã được ký. William Wharton, từ khi bị bắt giữ đến giờ là tù nhân của một thị trấn, bây giờ trở thành tù nhân của tiểu bang. Hắn bị giải đi xuống thang lầu, qua nhà bếp, chung quanh là các cảnh sát mặc đồng phục màu xanh dương. Hắn lê từng bước chậm chạp, đầu cúi gục, hai bàn tay với các ngón tay dài lắc lư. Lần thứ nhất khi cái mũ của hắn bị trượt lệch đi, Dean còn lấy tay đội lại cho hắn. Đến lần thứ hai thì Dean nhét luôn cái mũ vào túi quần sau của mình.

Wharton còn có một cơ hội nữa để gây khó khăn khi các cảnh binh cầm tay và chân hắn lại, nhưng hắn không làm thế. Có thể hắn đã nghĩ (và ngay cả đến bây giờ, tôi cũng không biết hắn có suy nghĩ hay không, và nếu có, thì nhiều hay ít) hắn đã cho rằng trong xe chở tù quá chật chội và số lượng cảnh binh quá lớn để có thể tấn công hiệu quả. Thế là hai chân của hắn bị cầm, nối với nhau bởi một sợi dây xích, còn một sợi dây xích nữa, sau này được xác định là quá dài, nối hai cái còng tay.

Chuyến đi về Cold Mountain kéo dài một giờ đồng hồ. Suốt thời gian đó, Wharton ngồi trên hàng ghế bên trái. Hắn cúi gục đầu, hai bàn tay bị xích dung đưa giữa hai đầu gối. Thỉnh thoảng hắn lại thốt lên những âm thanh vô nghĩa, Harry nói, còn Percy thì nổi giận và than phiền rằng thằng đần độn đó đã làm bẩn nước dãi vì cái môi trề ra, nhều nhão từng giọt, từng giọt thành một vũng nhỏ giữa hai bàn chân. Như một con chó thè lưỡi ra để chảy nước dãi trong một ngày

hè nóng bức.

Họ chạy vào cổng phía Nam của nhà tù, chạy ngang qua chỗ chiếc xe tôi đỗ ở đây. Người gác cổng mở cổng lớn giữa bãi đỗ xe và sân nhà tù, và chiếc xe chạy vào. Trên sân nhà tù không có gì xảy ra. Chỉ có một vài người ở đó còn đa số các tù nhân đang làm việc trong vườn, hình như lúc đó đang là mùa bí. Họ chạy đến trước trại E và dừng xe lại. Người lái xe mở cửa, khuyến nghị sự hợp tác chặt chẽ của các đồng nghiệp và cho biết sẽ lái xe về trạm bảo dưỡng để thay dầu. Các cảnh binh tăng cường đi luôn với ông ta. Họ ngồi phía sau và ăn táo, các cánh cửa xe vẫn để mở.

Dean, Harry và Percy ở lại với tên tử tù đã bị xích. Số quán giáo như thế lẽ ra là đủ để áp giải một tù nhân, nếu như họ không mất cảnh giác và để cho thằng quỷ quyết ấy đánh lừa, kẻ đang lê từng bước, đầu cúi gầm, có dây xích buộc giữa hai chân cũng như hai tay. Họ dẫn hắn đi khoảng chừng mười hai bước thì đến cánh cửa dẫn vào trại E. Harry đi bên trái tên tù, Dean bên phải, còn Percy tay cầm dùi cui đi ngay phía sau. Về phần tôi thì lúc đó tôi đang ngồi trong “căn nhà” mới của Wharton, nơi hắn sẽ cư ngụ đến cuối đời. Đó là xà lim thứ nhất thuộc dãy bên phải nếu đi từ trên hành lang về hướng buồng cách ly. Tôi đang giữ miếng kẹp hồ sơ trên tay và chỉ định nói ngắn gọn những quy định theo đúng thủ tục rồi biến nhanh về phòng làm việc. Bụng dưới của tôi bắt đầu đau râm râm và mỗi lúc cơn đau mỗi tăng dần. Tôi phải sớm trở về phòng làm việc chờ cơn đau qua đi.

Dean bước lên phía trước để mở cánh cửa. Anh ta lấy chùm chìa khóa đeo ở thắt lưng, chọn đúng chiếc chìa khóa và tra vào ổ. Wharton trở nên linh hoạt khi Dean vặn chìa khóa và kéo cánh cửa mở ra. Hắn hét lên một tiếng như tiếng hô khi xung trận khiến Harry sững người còn Percy thì mất cả hồn vía cho đến đi mọi chuyện qua đi. Tôi nghe tiếng

thét vang dội qua cánh cửa vừa được mở ra một ít và thoát đầu không thể liên hệ nó với một con người. Tôi ngỡ rằng một con chó, bằng cách nào đó, lọt được vào sân và bị một cái tù đánh trúng bằng một cái cuốc.

Wharton đưa hai bàn tay mang xích sắt lên, kéo căng sợi dây xích giữa hai cổ tay, trông qua đầu Dean và siết cổ anh ta. Dean kêu lên một tiếng và lão đảo ngả tới trước, vào khu vực chiếu sáng bằng bóng đèn lạnh lẽo của thế giới nhỏ của chúng tôi. Wharton nhào theo Dean, lại còn tống cho anh ta thêm một đập. Hắt la hét, thậm chí còn cười. Hắt giơ hai cánh tay lên cao, hai nắm tay gần chạm vào lỗ tai của Dean, kéo căng sợi dây xích, cửa qua cửa lại. Harry nhảy bổ theo Wharton, một tay túm mái tóc vàng của tên tử tù mới, còn tay kia dùng hết sức đâm thẳng vào mặt hắt. Harry cũng có súng và dùi cui bên người, nhưng trong cơn xúc động cậu ta đã quên bẵng. Dĩ nhiên là trước đây chúng tôi cũng đã từng gặp khó khăn đối với tù nhân, nhưng không ai làm chúng tôi bị bất ngờ như Wharton. Sự dờ dẩn giả vờ của tên tù tinh ranh này đã vượt quá kinh nghiệm của chúng tôi. Trước đây tôi chưa từng gặp một kẻ nào như thế và sau này cũng không.

Và hắt lại rất khỏe! Tất cả vẻ dờ dẩn, vô hồn của hắt đã biến mất. Sau này Harry nói rằng cậu ta có cảm giác như chạm vào một khối lò xo bằng thép không hiểu sao đột nhiên hắt trở nên sống động. Wharton, lúc này đang tiến dần đến bức canh, quay sang bên trái và đập cho Harry một cú. Harry dội lại đụng vào bức canh và ngã xuống.

– Ê, bọn bay! – Wharton cười to. – Đây là một trò vui, đúng không ?

Vẫn vừa la hét vừa cười to, Wharton tiếp tục siết cổ Dean bằng sợi dây xích. Tại sao không? Wharton biết điều mà Dean cũng biết: người ta chỉ có thể tử hình hắt một lần mà thôi!

– Đánh nó, Percy! Đánh nó đi!

Harry hét lên và cố gương đứng dậy. Nhưng Percy lại đứng lạng, cây dùi cui nắm trong tay, hai mắt mở to như cái miệng của hân. Đó là cơ hội có thể nói là duy nhất để hân có thể sử dụng cây dùi cui đúng mục đích, đúng ý nghĩa, nhưng hân chỉ đứng sững hoảng sợ, bối rối đến độ không biết phải làm gì. Đây không phải là một tên tử tù người Pháp nhỏ bé với vẻ sợ sệt, cũng không phải là tên da đen cao lớn nhẵn nhục. Đây là một con quỷ, một con quỷ thật sự!

Tôi thả rơi miếng kẹp hồ sơ xuống sàn, nhảy bổ ra khỏi xà lim dành cho Wharton, tay rút khẩu 38. Lần thứ hai trong ngày tôi quên mất chứng bệnh đang nung đốt bụng dưới của mình.

Tôi không nghi ngờ việc các đồng nghiệp của mình kể về gương mặt đỏ đần và cặp mắt vô hồn của Wharton, nhưng đó không phải là gã Wharton tôi đang nhìn thấy. Kể tôi nhìn thấy có gương mặt biến dạng, méo mó như một con thú. Không phải của một con thú thông minh, mà là một con thú độc ác đang say máu, hào hứng với trò chơi chết chóc.

Vâng, đúng vậy! Hân là loại người như thế. Địa điểm và hoàn cảnh không có ý nghĩa gì. Vật thứ hai đập vào mắt tôi là gương mặt đỏ bừng, sưng phù lên của Dean Stanton. Anh ấy đang chết trước mắt tôi! Wharton nhìn thấy khẩu súng của tôi và xoay Dean về hướng ấy để che chắn. Nếu tôi bắn, chắc chắn Dean là người trúng đạn đầu tiên. Một con mắt màu xanh độc ác nhìn tôi từ phía sau vai của Dean, thách thức: Mày cứ bắn đi!

phần 3

*bàn tay
của Coffey*

1

Khi giở lại những trang đã viết, tôi thấy Georgia Pines, nơi hiện nay tôi đang ở, được gọi là một nhà dưỡng lão. Trong các tờ gấp quảng cáo gửi đến khách hàng nhiều tiềm năng, nó được giới thiệu như là một khu nhà nghỉ rất hiện đại dành cho người cao tuổi. Ở đây thậm chí có cả một trung tâm thư giãn và giải trí – trong tờ gấp quảng cáo ghi như thế – còn đối với những người sống ở đây thì đơn giản đó chỉ là phòng xem ti vi.

Những người sống ở trại dưỡng lão cho rằng tôi là người khó gần, bởi vì tôi không thường ngồi ở phòng xem ti vi. Nhưng đó là những chương trình tôi không thích và những con người tôi không ưa. Oprah, Ricki Lake, Carnie Wilson, Rolanda... thế giới quay cuồng trước mắt chúng ta và mọi người chỉ thích thú xem những gì các ả đàn bà mặc váy ngắn và các gã đàn ông với áo sơ mi phanh trần vui vẻ với nhau. Thế thì, đừng a dua theo những gì mà mình không thích. Elaine Connelly, người bạn già thân thiết nhất của tôi, cũng nghĩ như thế. Elaine đã tám mươi tuổi, cao dong dỏng và rất thông minh. Dáng đi của bà ấy vẫn còn thẳng và đôi mắt vẫn trong trẻo. Elaine đi rất chậm bởi vì hông của bà có vấn đề. Tôi biết bà ấy đang bị chứng thấp khớp hành hạ. Cái cổ của bà tuyệt đẹp, giống như cổ của một con chim thiên nga. Điều đặc biệt là bà ấy không cho rằng tôi là kẻ lập dị và khó gần. Elaine và tôi, chúng tôi dành nhiều thời gian bên nhau. Nếu

tôi không ở vào tuổi già nghiệt ngã như thế này, thì tôi đã gọi bà ấy là người phụ nữ của lòng tôi. Nhưng có một người bạn gái như thế, chỉ đơn giản là bạn thôi, cũng không tồi và đôi khi tôi nghĩ có lẽ tốt hơn. Ở chúng tôi không còn tồn tại những vấn đề đại loại như hờn dỗi, ghen tuông của mối quan hệ yêu đương. Mặc dù tôi nghĩ là những người dưới năm mươi tuổi sẽ không tin điều này, nhưng tôi vẫn cứ nói rằng đôi khi than hồng âm ỉ lại tốt hơn ngọn lửa cháy bùng bùng. Điều đó thật kỳ lạ, nhưng sự thật đúng như thế. Và tôi vẫn không ngồi cả ngày trong phòng xem vô tuyến truyền hình. Khi thì tôi đi dạo, khi thì đọc sách, nhưng trong tháng rồi chủ yếu tôi ngồi ghi chép lại những gì còn lưu trong ký ức trong phòng sưởi ấm, chung quanh là các chậu cây trồng. Tôi thấy ở đây còn có nhiều khí ôxy hơn và tôi có thể nhớ lại nhiều hơn.

Những khi không thể nào ngủ được, tôi thường lén xuống dưới lầu và mở ti vi lên xem. Ở Georgia Pines không có đầu máy video hoặc thiết bị gì như thế. Tôi cho rằng những món đồ ấy quá xa xỉ đối với “Trung tâm giải trí rất hiện đại” của chúng tôi, nhưng ở đây có kênh truyền hình cáp quan trọng nhất, đó là *American Movie Channel*. Đây là kênh truyền hình thường chiếu các bộ phim đen trắng, trong đó đàn bà không cởi quần áo như các bộ phim hiện đại. Đối với một lão già như tôi thì như thế tốt cho thần kinh hơn. Nhiều đêm tôi ngủ thiếp đi ngay trên chiếc ghế sofa màu xanh lá đặt trước máy truyền hình, trong lúc John Wayne đang thu dọn hoặc Jimmy Cagney gọi ai đó là một con chuột cống bẩn thỉu. Một vài bộ phim tôi đã xem trước đây với Janice, vợ tôi. Trang phục của các diễn viên, cái cách, mà họ đi, họ nói, thậm chí cả nhạc phim, tất cả đều khiến thần kinh tôi dịu xuống. Tôi cho rằng chúng gọi cho tôi nhớ lại những ngày tươi đẹp, khi tôi còn là một người đàn ông mạnh khỏe chứ không phải là một lão già rúm ró đang bị loài nhậy đe dọa

trong một nhà dưỡng lão, nơi có nhiều người phải lót tã và mặc quần bằng cao su.

Những gì tôi nhìn thấy vào buổi sáng hôm ấy không làm tôi cảm thấy yên ổn.

Thỉnh thoảng Elaine ngồi với tôi vào sáng sớm, lúc bốn giờ sáng. Bà ấy không nói nhiều, nhưng tôi biết chứng bệnh thấp khớp đang hành hạ bà ấy khủng khiếp và các loại thuốc người ta đưa cũng không giúp ích gì nhiều.

Buổi sáng sớm hôm ấy, khi Elaine bước vào phòng xem truyền hình trong chiếc áo choàng buổi sáng trắng tinh, tôi đang ngồi co rúm trên góc chiếc ghế sofa, hai tay ôm đầu gối và cổ kềm chế cơn run rẩy cả người. Tôi cảm thấy lạnh run, ngoại trừ bụng dưới, phần cơ thể khiến tôi đau đớn như bị bỏng khi bị chứng nhiễm trùng đường tiết niệu. Nó làm cuộc sống của tôi trở nên khốn khổ vào mùa thu năm 1932, mùa thu của John Coffey, Percy Wetmore và của Mr. Jingles, một con chuột đã được huấn luyện. Đó cũng là mùa thu của William Wharton.

— Paul! — Elaine gọi to và bước nhanh đến bên tôi, nhanh đến mức tối đa mà các cây đinh ghim trong xương hông bà ấy cho phép. — Paul, có chuyện gì xảy ra vậy ?

— Không có gì đâu, mọi việc sẽ ổn thôi. — Tôi trả lời, nhưng giọng nói của tôi vang lên không được thuyết phục lắm, giọng nói lọt qua từ kẽ răng đang đánh lập cập. — Hãy để cho tôi có chút ít thời gian, rồi mọi việc sẽ ổn thỏa.

Elaine ngồi xuống bên cạnh tôi và choàng cánh tay qua vai tôi.

— Chắc thế chứ? — Bà ấy nói. — Nhưng đã có chuyện gì xảy ra vậy? Lạy Chúa, Paul, trông như ông vừa thấy một bóng ma vậy.

Đúng là như thế, tôi thâm nghĩ và chỉ chột nhận ra

mình đã nói to ý nghĩ ấy khi Elaine mở tròn mắt nhìn tôi kinh ngạc.

– Không phải là một con ma thật sự đâu. – Tôi nói và nhẹ nhàng vuốt ve bàn tay của Elaine. – Ôi trời ơi, Elaine!

– Có phải nó đến từ thời kỳ ông còn làm quản giáo ở một nhà tù không? – Bà ấy hỏi. – Về thời gian mà ông đang viết lại đấy?

Tôi gật đầu:

– Tôi đã làm việc ở nơi mà người ta gọi là khu vực của tử thần...

– Tôi biết rồi...

– ...Khu vực mà chúng tôi gọi là *Dặm Xanh* bởi vì vài sơn lót sàn có màu xanh lá úa. Vào mùa thu năm 1932, hắn được áp giải đến chỗ chúng tôi. Con người man rợ ấy tên là William Wharton. Hắn tự xưng là “Billy the Kid”, thậm chí còn xăm dòng chữ đó trên cánh tay. Chỉ là một đứa trẻ, nhưng một đứa trẻ nguy hiểm. Tôi còn nhớ lại những gì Curtis Anderson, phó giám đốc nhà tù, viết về hắn: “*Điên khùng, hung dữ và lại tự hào về điều đó. Wharton mười chín tuổi và hãy chú ý: gã thanh niên này không thiết đến bất cứ thứ gì.*” Anderson còn gạch dưới hai lần câu cuối cùng.

Bàn tay đã choàng nhẹ qua vai tôi lúc trước giờ đang vuốt nhẹ lưng tôi. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn và dần dần trấn tĩnh lại. Trong khoảnh khắc ấy, tôi yêu Elaine Connelly, tôi muốn hôn lên khắp gương mặt dịu dàng ấy. Lẽ ra tôi nên làm như thế. Thật khủng khiếp khi người ta sợ hãi và lại chỉ có một mình, dù ở lứa tuổi nào. Điều đó càng khủng khiếp khi người ta đã già. Thế nhưng tôi lại còn một mớ công việc hỗn độn chưa làm xong.

– Bà nói đúng. – Tôi nói. – Tôi đã mô tả cảnh tượng khi Wharton được giải đến trại E và đã suýt giết chết Dean

Stanton, một quản giáo cùng làm việc với tôi ở đó.

Elaine hỏi:

– Làm sao mà điều ấy xảy ra được?

– Do sự độc ác và sự cấu thả, – tôi cúi kính trả lời. – Ở Wharton là sự độc ác, còn ở các cai tù, những người đã áp giải hắn đến, là sự cấu thả. Sai lầm lớn nhất là sợi dây xích nối hai còng tay của Wharton hơi dài một chút. Khi Dean mở cánh cửa dẫn vào trại E thì Wharton đứng ngay sau lưng anh ta. Bên phải và bên trái hắn đều có cai tù đi kèm, nhưng Anderson có lý, Wild Billy không thiết đến bất cứ thứ gì. Hắn choàng sợi dây xích qua đầu Dean và cố siết cổ anh ta.

Elaine rùng mình:

– Tôi đã phải nhớ lại những chuyện đó và không thể ngủ được. Thế là tôi đi xuống đây, mở ti vi lên, ngỡ rằng nhờ đó có thể ngủ được một chút...

Elaine cười và hôn lên trán tôi, ngay trên chân mày. Tôi đã cảm thấy râm ran cả người mỗi khi Janice hôn tôi như thế trước đây và bây giờ cảm giác ấy trong tôi vẫn còn khi được Elaine hôn. Một vài sự việc không bao giờ thay đổi.

– ...Và ở đó người ta đang phát một bộ phim đen trắng được sản xuất vào những năm bốn mươi. Một phim hình sự có cái tên là “Nụ hôn của thần chết”.

Tôi cảm thấy mình bắt đầu run rẩy trở lại và cố gắng kiềm chế. Tôi nói tiếp:

– Richard Widmark đóng vai chính trong phim. Tôi nghĩ rằng đó là vai chính đầu tiên của anh ta. Tôi chưa bao giờ xem phim này cùng với Janice. Chúng tôi không thích xem phim hình sự, nhưng tôi đã đọc ở đâu đó rằng Widmark đóng vai kẻ phản diện rất đạt. Đúng như thế. Mặt hắn nhợt nhạt... hắn không đi mà là lén đến và nụ cười của hắn...

Tôi lại run rẩy mặc dù đã cố gắng kiềm chế. Tôi không

thể tự chủ được nữa.

– ... Mái tóc vàng của hắn, – tôi thăm thì. – Những lọn tóc vàng rũ xuống... Tôi đã xem đến đoạn hắn đẩy bà cụ ngồi trên xe lăn xuống thang lầu, đưa mắt nhìn theo một cách khoái trá và sau đó tôi tắt máy.

– Hắn gọi cho ông nhớ đến Wharton phải không ?

– Hắn là Wharton! – Tôi nói. – Đúng y như thế.

– Paul... – Elaine bắt đầu nói rồi chợt im bặt. Bà ấy đưa mắt nhìn lên màn hình ti vi xám xịt (con số màu đỏ chỉ kênh số 10, kênh AMC vẫn còn nhấp nháy), rồi quay lại nhìn tôi.

– Gì thế? – Tôi hỏi. – Gì thế, Elaine? – Và tôi nghĩ: *Bà ấy sẽ bảo rằng tôi không nên viết tiếp câu chuyện đó, rằng tôi nên xé bỏ những trang đã viết và chấm dứt mọi chuyện.*

Nhưng Elaine chỉ nói:

– Ông dừng vì vậy mà bỏ cuộc.

Tôi sững sờ nhìn Elaine.

– Paul, ông đừng há hốc mồm nhìn tôi như thế. Biết đâu có một con ruồi nào đó sẽ bay vào.

– Xin lỗi, tôi chỉ nghĩ ...

– Ông đã nghĩ rằng tôi sẽ nói điều trái ngược, đúng không ?

– Đúng vậy.

Bà ấy nhẹ nhàng cầm lấy bàn tay tôi bằng những ngón tay dài xương xẩu của mình, cúi người xuống và nhìn thẳng vào đôi mắt tôi. Đôi mắt của Elaine màu nâu hạt dẻ, mắt trái đã chớm bị kéo mây.

– Có thể là tôi đã quá già và quá yếu để sống, nhưng tôi không quá già trong suy nghĩ đâu. Ở lứa tuổi của chúng ta thì một vài đêm mất ngủ nào có ý nghĩa gì? Nhìn thấy một bóng ma trên vô tuyến truyền hình cũng có ý nghĩa gì đâu. Ông

không thể nói đó là bóng ma duy nhất mà ông nhìn thấy chứ ?

Tôi nghĩ đến giám đốc Moores, đến Harry Terwilliger và Brutus Howell. Tôi nghĩ đến mẹ tôi và đến Janice, vợ tôi. Cô ấy đã chết ở Alabama. Tôi đã nhìn thấy nhiều người chết, nhiều bóng ma lắm rồi. Tôi không sợ ma nữa.

– Không, Elaine ạ, đó không phải là con ma duy nhất mà tôi đã nhìn thấy. Đó là một cú sốc. Bởi vì đó chính là *hắn*.

Elaine lại hôn tôi một lần nữa rồi đứng dậy. Bà ấy gấp người lại đau đớn và lấy tay ép chặt vào hông, làm như sợ xương ở chỗ ấy sẽ đâm ra nếu không thận trọng.

– Tôi không muốn xem truyền hình, – Elaine nói. – Tôi đã chuẩn bị vài viên thuốc cho những ngày tồi tệ ... hoặc những đêm tồi tệ. Tôi sẽ uống thuốc và nằm nghỉ một chút. Có lẽ ông cũng nên làm như thế.

Tôi đáp:

– Vâng, có lẽ tôi cũng nên làm như thế. – Trong một thoáng kinh hoàng, tôi muốn đề nghị Elaine cùng lên giường với mình, nhưng khi nhìn thấy nỗi đau đớn trong đôi mắt bà ấy, tôi đành lặng im, bởi vì có thể bà ấy sẽ đồng ý chỉ nhằm làm tôi vui lòng. Điều ấy chẳng tốt chút nào.

Chúng tôi cùng nhau rời phòng xem truyền hình (hay theo các tờ, bướm quảng cáo là trung tâm giải trí và thư giãn). Tôi bước chậm song song với Elaine, đang đi từng bước với vẻ chậm chạp, đau đớn. Ở các dãy phòng lặng im như tờ, ngoại trừ tiếng rên của một người có lẽ đang gặp cơn ác mộng.

– Liệu ông ngủ được không ? – Elaine hỏi.

Tôi trả lời:

– Tôi nghĩ có lẽ được.

Nhưng đó chỉ là một câu trả lời quá lạc quan. Tôi nằm

thao thức trên giường cho tới sáng và nghĩ đến bộ phim “Nụ hôn của thần chết”. Tôi thấy Richard Wilmark, kẻ đã cột chặt một bà già vào chiếc xe lăn và xô xuống cầu thang. “Chúng tao làm như thế với bọn phản bội!” – Hấn khoái trá nói với bà ta. Sau đó gương mặt của hấn biến thành gương mặt của William Wharton vào cái ngày hấn bị giải đến trại E ở *Dặm Xanh*. Wharton cũng nói với về khoái trá như Wilmark. Wharton, kẻ đã la hét: “Đây là một trò vui, đúng không?”.

Tôi không ăn điểm tâm. Sau cơn ác mộng ấy thật khó mà nuốt nổi thứ gì. Tôi xuống phòng tắm năng với cây cối bao quanh và bắt đầu viết tiếp.

Bóng ma à ? Đúng vậy.

Tôi biết tất cả về bóng ma.

2

– Bọn bay, đây là một trò vui, đúng không ?

Wharton cười lớn.

Vẫn vừa cười vừa la hét, Wharton tiếp tục siết cổ Dean bằng sợi dây xích. Tại sao không? Wharton biết điều mà Dean, Harry và ông bạn Brutus Howell của tôi đều biết: người ta chỉ có thể tử hình hấn một lần mà thôi.

– Đánh nó đi!

Harry Terwillger la lớn. Anh ta đã phản ứng lại với Wharton, cố gắng làm chủ tình thế, nhưng Wharton đã đập anh ta văng vào bức tranh. Lúc này Harry đang cố gượng đứng lên.

— Percy, đánh nó!

Nhưng Percy chỉ đứng yên, sững sốt nhìn cảnh tượng đang diễn ra trước mắt, mồm há hốc. Hắn yêu thích cây dù cui lăm mà, và có thể nói, đây là cơ hội duy nhất để hắn có thể sử dụng cây dù cui ấy đúng với mong ước của hắn từ khi hắn đến làm việc ở trại tử tù này. Thế mà giờ đây, hắn sợ hãi gần như tê liệt. Đây không phải là gã tù nhân người Pháp bé nhỏ, luôn có vẻ sợ sệt như Delacroix, hoặc một gã khổng lồ da đen như John Coffey, người lúc nào cũng ngơ ngác như không biết mình đang ở nơi nào. Đây là một con quỷ thật sự!

Tôi thả rơi cái cặp hồ sơ xuống sàn, nhảy ra khỏi xà lim đang chờ để tiếp nhận Wharton, tay rút khẩu 38 ra. Lần thứ hai trong ngày tôi quên bằng cơn đau đang thiêu đốt bụng dưới. Tôi không nghi ngờ những lời các quản giáo kể về gương mặt dờ dẩn, ánh mắt vô hồn của Wharton, nhưng đó không phải là gã Wharton đang la hét trước mặt tôi. Tôi nhìn thấy một gương mặt biến dạng. Tôi nhìn thấy gương mặt bị biến dạng, méo mó của một con thú... Không phải là con thú thông minh mà là một con thú độc ác đang say máu, hào hứng với trò chơi chết chóc. Hắn hành động theo bản năng độc ác của mình. Địa điểm và hoàn cảnh không có ảnh hưởng gì. Gương mặt thứ hai đập vào mắt tôi là gương mặt đỏ sẫm, sưng phồng lên của Dean Stanton. Anh ấy đang chết trước mắt tôi.

Wharton nhìn thấy khẩu súng trên tay tôi và quay Dean lại hướng ấy để che chắn và nếu tôi bắn, chắc hẳn người đầu

tiên trúng đạn là Dean. Một con mắt xanh nhấp nháy nhìn tôi qua vai Dean: “Bắn đi!” Con mắt còn lại của hắn khuất sau mái tóc của Dean. Tôi nhìn thấy Percy đứng chếch sau lưng họ, tay cầm cây dùi cui buông thõng xuống. Đột nhiên xuất hiện một phép mầu bằng xương bằng thịt: Brutus Howell. Họ đã dời trạm xá xong và Brutus trở về trại E chỉ để hỏi xem có ai muốn uống cà phê không.

Brutus hành động ngay không một phút chần chừ. Anh ta xô mạnh Percy qua một bên khiến hắn ngã vào tường, rút cây dùi cui ra khỏi bao và dùng hết sức lực đánh mạnh vào đầu Wharton. Một tiếng động trầm đục gần như tiếng gõ vào một vật rỗng, làm như là trong hộp sọ của Wharton không có chứa bộ óc. Cuối cùng thì sợi dây xích đang xiết cổ Dean lỏng dần. Wharton gục xuống sàn như một bao bột mì, còn Dean thì lồm cồm bò tránh xa hắn. Anh ta ho sặc sụa, một bàn tay đưa lên cổ họng, đôi mắt trợn trừng. Tôi quỳ xuống bên cạnh Dean nhưng anh ta lắc đầu:

– Được rồi, – Dean thều thào nói. – Hãy giải quyết nó!
– Anh ấy hát hàm về phía Wharton. – Nhốt lại! Nhốt ngay vào xà lim!

Tôi không nghĩ rằng cần phải nhốt Wharton vào xà lim ngay sau khi hắn bị Brutus nện một cú trời giáng vào đầu như thế. Tôi nghĩ rằng hắn cần một cái quan tài thì đúng hơn. Nhưng đó chỉ là mơ ước hảo huyền. Quả thật hắn đã bị bất tỉnh, nhưng còn lâu mới chết. Hắn nằm thẳng cẳng, một cánh tay duỗi dài lên đầu, các ngón tay gần chạm vào lớp vãi sơn lót sàn màu xanh lá úa. Đôi mắt hắn nhắm lại và hắn thở nặng nhọc, nhưng đều đặn. Thậm chí nét mặt hắn còn thoáng nét cười như một đứa trẻ đang ngủ bình yên trong chiếc nôi êm ái. Một dòng máu rỉ rả từ tóc xuống thấm vào cổ chiếc áo tù mới của hắn. Chỉ có thể thôi.

– Percy, giúp tôi một tay! – Tôi gọi.

Percy không động dậy gì cả, chỉ đứng dựa lưng vào tường và nhìn trần trời cảnh tượng trước mắt. Tôi nghĩ rằng hẳn không ý thức được mình ở đâu.

– Percy, mẹ kiếp, nắm lấy tay nó!

Cuối cùng thì Percy cũng bừng tỉnh và với Harry phụ một tay, cả ba chúng tôi kéo gã Wharton đang bất tỉnh vào xà lim dành cho hắn, còn Brutal thì đỡ Dean đứng lên. Cậu ta giữ lấy Dean nhẹ nhàng như một bà mẹ, trong lúc Dean co rúm người lại, tiếp tục ho sặc sụa và cố hít lấy không khí.

Tên tử tù mới của chúng tôi ngủ li bì gần ba giờ đồng hồ. Khi hắn thức giấc, nhìn hắn không hề thấy chút dấu vết nào của cú đánh mạnh bạo mà Brutal vừa dành cho. Hắn tỉnh dậy rất nhanh. Vừa mới nằm cứng đờ như chết, vậy mà chỉ trong chớp mắt hắn đã đứng ngay sau song sắt (hắn đi nhẹ nhàng như một con mèo) và nhìn tôi chòng chọc trong lúc tôi đang ngồi sau bục cạnh và viết bản báo cáo về những sự việc vừa xảy ra. Khi cảm thấy có ai đó đang nhìn mình, tôi ngẩng lên và thấy hắn đứng đó. Hắn cười gần để lộ hàm răng vàng ám khói và khuyết một vài cái. Tôi giật mình hoảng sợ khi thấy hắn đứng cười như thế. Dĩ nhiên tôi cố giữ không để lộ nỗi sợ của mình, nhưng tôi nghĩ là hắn biết. Wharton nói:

– Này, đồ chó đẻ! Lần sau thì sẽ đến lượt mày và tao sẽ thành công.

– Chào Wharton! – Tôi trả lời, làm ra vẻ thờ ơ. – Trong hoàn cảnh như thế này thì tao có thể bỏ nghi thức chào đón tù nhân mới đến trại, mày nghĩ thế nào?

Nụ cười của hắn trở nên gượng gạo. Đấy không phải là câu trả lời mà hắn đang chờ đợi và có lẽ cũng không phải điều tôi muốn nói với hắn nếu ở trong tình thế khác. Nhưng có một sự kiện xảy ra trong lúc Wharton còn bất tỉnh. Có lẽ đó là một trong những sự kiện quan trọng nhất mà tôi muốn chia sẻ với quý vị trong cuốn sách này.

3

Khi cơn xúc động đã qua, Percy chỉ quát Delacroix một lần rồi im lặng. Hình như đó là do ảnh hưởng của cú sốc vừa qua chứ không phải vì hắn là một người tế nhị. Có lẽ Percy hiểu biết về phép lịch sự cũng ít ỏi như vốn kiến thức của tôi về các bộ tộc da đen ở Châu Phi xa xăm, nhưng thật sự dễ chịu khi hắn chịu câm miệng. Nếu hắn phàn nàn, rên rỉ vì đã bị Brutal xô mạnh vào tường hoặc hỏi tại sao chúng tôi không nói cho hắn biết trước rằng có những gã đàn ông hung dữ như Billy Wharton bị áp giải đến trại E, thì có lẽ chúng tôi sẽ giết hắn mất. Biết đâu nếu điều đó xảy ra, thì có lẽ chúng tôi sẽ hiểu về *Dặm Xanh* theo một khía cạnh hoàn toàn khác.

Cuối cùng, khi chúng tôi chắc chắn rằng Dean có thể đứng dậy chứ không gục xuống bất tỉnh, Harry và Brutal đỡ anh ấy sang bệnh xá. Trong suốt thời gian xảy ra sự cố, Delacroix ngồi yên phẳng phắc trong xà lim của gã (gã đã ở tù đủ lâu để biết rằng lúc nào thì nên câm mồm và lúc nào thì có thể nói mà không bị nguy hiểm), bây giờ thì gã bắt đầu gào lên khi Harry và Brutal đưa Dean đi. Delacroix muốn biết chuyện gì đã xảy ra, làm như là quyền được thông tin được quy định theo hiến pháp của gã đã bị xâm phạm.

Percy tức giận quát lớn muốn rách cổ họng:

– Mẹ kiếp, hãy câm mồm, đồ chó đẻ!

Tôi đặt tay lên cánh tay của Percy và cảm thấy nó đang run rẩy. Có lẽ vì dư âm của cơn chấn động kinh hoàng lúc

này (tôi vẫn thường nghĩ ngợi về chuyện này và cho rằng vấn đề của Percy là ở chỗ hắn còn quá trẻ, chỉ mới hai mươi một tuổi, không lớn hơn Wharton là bao nhiêu), nhưng tôi cho rằng chủ yếu là vì hắn căm ghét Delacroix. Tôi không hiểu tại sao, nhưng rõ ràng là Percy căm ghét Delacroix vô cùng.

Tôi ra lệnh cho Percy:

– Này, cậu hãy xem giám đốc Moores còn ở đó không. Nếu còn, hãy báo cáo với ông ấy sự việc vừa xảy ra và nói với ông ấy rằng ngày mai ông ấy sẽ nhận được bản báo cáo của tôi!

Percy uốn ngực tự hào với nhiệm vụ quan trọng này, tôi sợ rằng hắn sẽ lên tiếng tung hô tôi.

– Cậu nhớ là hãy bắt đầu phần báo cáo rằng mọi việc ở trại E đã trở lại bình thường. Đừng trình bày một thiên tiểu thuyết hình sự gây căng nhé. Giám đốc sẽ hiểu ngay là cậu đang tô vẽ đấy.

– Tôi sẽ không làm như thế đâu.

– Ô kê, cậu đi đi!

Percy đi ra cửa, đoạn đứng lại và quay người nhìn tôi. Tôi tuyệt vọng thầm mong sao hắn biến đi thật nhanh, bởi vì bụng tôi lại đau dữ dội, như có ai đó đặt than hồng đang nung nóng vào, nhưng hình như Percy vẫn chưa muốn đi.

– Paul, mọi việc ổn chứ? – Hắn hỏi. – Anh bị sốt à? Anh bị cúm phải không? Mặt anh ửng đỏ mồ hôi kia kìa.

– Có lẽ tôi bị ốm, nhưng không sao đâu. – Tôi trả lời. – Đi đi, Percy! Hãy báo cáo cho giám đốc rõ mọi việc vừa xảy ra.

Hắn gật đầu và đi ra. Có lẽ tôi phải tạ ơn Chúa về những việc nho nhỏ như thế này. Khi cánh cửa vừa đóng lại sau lưng hắn, tôi chạy nhanh vào văn phòng. Điều đó trái với quy định rằng không được phép rời bực canh khi không có người thứ hai ở đó, nhưng tôi không quan tâm. Cơn đau áp

đến dữ dội như lúc sáng sớm.

Tôi chỉ kịp phóng vào nhà vệ sinh phía sau văn phòng và mở nút quần trước khi nước tiểu vọt ra. Tôi phải lấy một tay bịt miệng để không kêu thét lên khi nước tiểu bắt đầu chảy, còn bàn tay kia quờ quạng chụp thành bồn rửa mặt làm chỗ tựa. Ở đây không như lúc sáng sớm ở nhà, khi tôi có thể khụy xuống và tiểu xuống đất cạnh đồng hồ. Nếu tôi làm thế thì nước tiểu sẽ chảy lênh láng trên sàn nhà.

Tôi cố gắng để đứng tiểu và không thốt lên tiếng rên rỉ, nhưng tôi đau khủng khiếp. Tôi có cảm giác thứ nước tôi tiểu ra chứa vô số mảnh vụn thủy tinh. Mùi hôi bốc lên thật gớm ghiếc và tôi nhìn thấy vật gì trắng trắng lặn trong nước tiểu.

Tôi rút chiếc khăn treo trên giá xuống lau mặt. Vâng, tôi đang toát mồ hôi. Mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt tôi. Tôi nhìn vào gương và thấy gương mặt đỏ bừng bừng của một người đang sốt cao. Bốn mươi độ C ? Bốn mươi một độ? Có lẽ tốt hơn là không nên biết. Tôi vắt cái khăn trở lại chỗ cũ, kéo cần dội bồn cầu và chậm chạp lê bước qua văn phòng trở về bực canh. Tôi sợ Bill Dodge hoặc ai đó tình cờ tạt ngang qua và trông thấy ba tử tù ở đấy không có người canh giữ, nhưng may mà không có ai đến. Wharton vẫn còn nằm bất tỉnh trên giường, Delacroix đã im lặng. Tôi chợt nhận ra là không hề nghe bất kỳ tiếng động nào từ xà lim của John Coffey. Không có cả tiếng thở nữa. Thật đáng lo ngại.

Tôi đi dọc hành lang màu xanh lá và đưa mắt nhìn vào xà lim của John Coffey, hồi hộp lo sợ sẽ nhìn thấy anh ta đã tự sát bằng một trong hai cách mà tù nhân thường làm ở nhà tù: hoặc là treo cổ bằng cái quần của mình, hoặc là dùng răng cắn đứt động mạch.

Nhưng không có chuyện gì xảy ra, tôi thở nhẹ nhõm.

Coffey chỉ ngồi ở cuối giường, hai tay đặt vào trong lòng. Người đàn ông cao lớn nhất mà tôi đã từng gặp đưa đôi mắt ướt ướt nhìn tôi với vẻ lạ lùng. Anh ta gọi:

– Sếp!

– Gì thế, anh bạn to xác ?

– Tôi phải nhìn thấy ông.

– Chẳng phải là anh nhìn thấy tôi đang đứng lù lù ngay trước mặt sao, John Coffey ?

Anh ta không nói gì cả, chỉ im lặng nhìn tôi bằng cặp mắt ướt ướt kỳ lạ của mình. Tôi thở dài:

– Thôi được, anh bạn ạ.

Tôi nhìn sang Delacroix đang đứng ngay sau các chấn song sắt xà lim. Mr. Jingles, con chuột yêu quý của gã nhảy từ cánh tay này sang cánh tay kia đang vươn ra nắm lấy các chấn song sắt của gã. Delacroix cứ luôn mồm khẳng định rằng chính gã đã huấn luyện cho con chuột các trò biểu diễn, trong khi tất cả chúng tôi, những người làm việc ở trại E, đều cho rằng tự con chuột biết các màn đó. Đôi mắt nó to tròn, linh lợi. Tôi chắc rằng con chuột đã khiến cho thần kinh Delacroix sụp xuống. Trong khi tôi quan sát thì con chuột bò xuống, lăn cái trục chỉ sơn nhiều màu đang nằm lông lốc sát chân tường đến chân Delacroix và hăng hái đưa mắt nhìn gã, nhưng gã tù nhân người Pháp bé nhỏ ấy không mấy may chú ý đến nó.

Delacroix hỏi:

– Sếp, có chuyện gì xảy ra? Ai bị thương? Tôi không thể nhìn thấy gì cả.

– Tất cả đều ổn. – Tôi trả lời. – Vị khách mới của chúng ta đến với thái độ hung hăng như một con sư tử, còn bây giờ thì hần ngủ yên như một con cừu. Kết thúc tốt thì mọi chuyện đều tốt.

– Có phải tất cả đã qua không ? – Delacroix hỏi và đưa

mắt nhìn dọc hành lang về hướng xà lim của Wharton –
L'homme mauvais, c'est vrai!⁽¹⁾

– Đừng lo, Del. – Tôi trấn an. – Không ai buộc mày phải đi dạo hay chơi nhảy dây với nó trong sân đâu.

Phía sau tôi có tiếng kêu răng rắc, có lẽ Coffey vừa đứng lên khỏi tấm ván.

– Sếp Edgcombe! – Anh ta nói, lần này có vẻ khẩn thiết hơn. – Tôi phải nói chuyện với ông.

Tôi quay lại nhìn anh ta. Ô kê, được rồi, không có vấn đề gì, tôi thầm nghĩ, nói chuyện cũng là nhiệm vụ của tôi. Suốt trong thời gian đó, tôi cố kềm chế để không run lấy bầy, bởi vì tôi cảm thấy rất lạnh, dù tôi đang bị sốt. Tôi vẫn còn cảm giác ai đó đã mổ bụng tôi ra đặt than hồng đang cháy rồi may lại.

– Thôi được, nói đi, John Coffey!

Tôi nói, cố gắng vẫn giữ cái giọng thản nhiên, điềm tĩnh. Lần đầu tiên kể từ khi đến trại E, Coffey chứng tỏ sự tồn tại của mình, rằng anh ta thật sự đang ở bên cạnh chúng tôi. Dòng nước mắt tuôn chảy không ngừng của anh ta đã khô, tạm thời là như thế, và tôi biết anh ta đã nhận ra tôi, người đứng trước mặt anh ta, là Paul Edgcombe, trưởng nhóm quân giáo ở trại E, chứ không phải là đang mơ màng đến một nơi nào đó xa xăm, nơi anh ta muốn quay trở lại để không phạm phải tội ác khủng khiếp ấy.

– Không, – Coffey nói. – Ông phải vào trong này.

– Không, mày biết là tao không được làm thế, – Tôi cố gắng trả lời vẫn bằng cái giọng thản nhiên và điềm tĩnh, ít nhất là trong lúc này. – Tạm thời tao chỉ có một mình ở đây, còn mày nặng hơn tao gần nửa tạ. Hôm nay tại tao đã gặp đủ

(1) Đúng là người xấu xa

rắc rối rồi. Thôi, chúng ta hãy nói chuyện với nhau qua song sắt, nếu mày không cảm thấy...

– Làm ơn đi, sếp! – Hai bàn tay anh ta bấu chặt vào song sắt đến nỗi các đốt ngón tay và đầu ngón tay trắng bệch ra. Gương mặt anh ta vô cùng buồn bã còn đôi mắt với cái nhìn kì lạ có vẻ cầu khẩn thiết tha đến nỗi tôi không thể nào cưỡng lại được. Tôi đã nghĩ rằng có thể tôi sẽ hiểu được ước muốn của anh ta, nếu tôi không bị ốm như thế này và tôi có thể giúp đỡ anh ta. Nếu ta biết một người nào đó cần thứ gì thì ta sẽ giúp đỡ người đó một cách tốt nhất. – Làm ơn đi, Sếp Edgcombe! *Ông phải vào đây!*

Đây là yêu cầu điên khùng nhất mà tôi được nghe, và điều điên khùng hơn nữa là tôi biết tôi sẽ làm theo. Tôi rút chùm chìa khóa đeo ở thắt lưng ra, tìm chìa khóa xà lim của John Coffey. Anh ta có thể chộp lấy tôi và bẻ gãy chân tôi như một khúc củi, kể cả khi tôi hoàn toàn khỏe mạnh chứ đừng nói đến tình trạng tôi tệ của tôi lúc bấy giờ. Mặc dù vậy, tôi cũng sẽ làm. Chỉ chưa đầy nửa giờ sau cảnh tượng kinh hoàng gây ra bởi sự độc ác của một tên tử tù và sự cầu tha của các quản giáo, tôi lại một mình mở cửa xà lim của một tù nhân da đen khổng lồ, bước vào và ngồi xuống bên cạnh hắn. Nếu có người nào trông thấy, tôi sẽ bị sa thải ngay lập tức, kể cả khi Coffey không làm điều gì rò rỉ. Thế mà tôi vẫn làm.

“Dừng lại!” – Tôi tự nhủ – *“Hãy dừng lại, Paul!”*. Nhưng tôi vẫn tiếp tục. Tôi dùng một cái chìa khóa mở ổ khóa trên, một chìa khóa khác mở ổ khóa dưới, sau đó tôi đẩy cánh cửa trượt sang một bên.

– Sếp, ông biết không, có thể đấy không phải là một ảnh động sáng suốt. – Delacroix nói với vẻ căng thẳng và lo lắng đến nỗi nếu trong hoàn cảnh khác thì tôi đã bật cười.

– Mày hãy lo chuyện của mày, còn tao lo chuyện của tao!

Tôi cộc cằn nói, không buồn quay lại nhìn gã. Ánh mắt

tôi nhìn trân trân vào đôi mắt của John Coffey và tôi có cảm giác như đã bị thôi miên. Giọng nói của tôi vang vọng vào tai tôi như âm thanh dội lại từ một đường hầm dài. Chúa ơi, có lẽ tôi đã bị thôi miên *thật sự*.

– Hãy lên giường, Del, và hãy nghỉ ngơi một chút! – Tôi bảo, mắt vẫn dán chặt vào John Coffey.

– Ôi, Lay Chúa tôi! Cả cái nhà tù này phát điên rồi. – Delacroix nói với giọng run rẩy. – Mr. Jingles ạ, tao cầu cho ọ giết tao sớm và tao sẽ thoát khỏi cảnh này.

Tôi bước vào xà lim của John Coffey. Khi tôi tiến đến gần hơn thì John lùi dần lại cho đến khi bắp chân chạm vào thành giường thì anh ta ngồi xuống. John Coffey vỗ vỗ lên tấm nệm mỏng bên cạnh, ánh mắt vẫn không rời khỏi tôi. Tôi ngồi xuống cạnh Coffey. Anh ta chống tay qua vai tôi làm như là chúng tôi đang ngồi trong rạp chiếu phim và tôi là bạn gái của anh ta.

– Mà muốn gì, John Coffey ?

Tôi hỏi, ánh mắt vẫn không rời đôi mắt buồn bã lạ lùng của anh ta.

– Tôi chỉ muốn giúp đỡ.

Coffey trả lời. Anh ta thở dài như một người miễn cưỡng phải làm một việc gì, sau đó anh ta đưa tay chạm vào chỗ dầy cục quần tôi, ngay ở khoảng bụng dưới rốn.

– Ê! – Tôi la lớn. – Bỏ tay ra, đồ...

Ngay lúc ấy tôi cảm thấy một luồng điện mạnh phóng vào người nhưng không hề gây đau đớn. Tôi cong người lại và sực nhớ tới cảnh lão già Toot-Toot co rúm người trên chiếc ghế điện trong các buổi diễn tập thi hành án của chúng tôi, nhớ tới tiếng la hét của lão: “Tôi bị nướng! Tôi bị nướng chín! Tôi là một con gà nướng!”. Tôi không cảm thấy nóng, không cảm thấy như bị điện giật, nhưng trong khoảnh khắc tôi

không còn nhìn thấy màu sắc chung quanh nữa, làm như cả thế giới đã biến mất. Tôi chỉ nhìn thấy gương mặt của John Coffey với từng nốt ruồi, từng nốt tàn nhang. Tôi nhìn thấy từng tia máu đỏ vẫn trong đôi mắt thất thần, thậm chí tôi còn thấy rõ một vết cào ở cằm anh ta. Tôi cảm thấy hai bàn tay mình với các ngón tay đang co quắp lại, nền xà lim của Coffey chao đảo nghiêng ngửa dưới chân.

Rồi mọi việc qua đi, các triệu chứng của căn bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu đang hành hạ tôi cũng qua đi. Cái nóng đang nung đốt bụng dưới của tôi, cơn đau thắt không còn nữa, cả cơn sốt cũng không còn. Tôi cảm thấy mồ hôi chảy ra từ cơ thể do bị sốt cao của tôi vẫn còn ươn ướt, thậm chí tôi còn ngửi được mùi mồ hôi, nhưng tôi không còn sốt nữa.

– Chuyện gì vậy?– Delacroix hét lên. Tôi nghe giọng nói của gã như từ một nơi xa xăm vang vọng tới, nhưng khi John Coffey cúi xuống, ánh mắt rời khỏi mắt tôi thì giọng nói của gã người Pháp đột nhiên rõ ràng làm như có ai vừa lấy hai cục bông gòn đang nhét từ lỗ tai tôi ra.

– Nó làm gì ông thế?

Tôi không trả lời. Coffey đang cúi gập người, mặt nhăn nhúm, cổ sưng phồng lên. Hai tròng mắt anh ta như muốn lồi ra. Trông anh ta giống như một người đàn ông đang bị mắc ở cổ một khúc xương lớn.

– John! – Tôi gọi và vỗ vỗ vào lưng anh ta. Đây là tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra. – John! Chuyện gì xảy ra vậy?

John co rúm người lại khi bàn tay tôi chạm vào người anh ta, đoạn kêu lên một tiếng nghèn nghẹn. Miệng anh ta há ra giống như con ngựa há miệng để chống chọi với cái kẹp hàm thiếc, sau đó anh ta thở ra một luồng hơi những con vật màu đen nhỏ li ti như loài muỗi. Chúng bay loạn xạ giữa hai đầu gối của anh ta, dần dần chuyển thành trắng rồi biến mất.

Đột nhiên tất cả sức lực rời khỏi cơ thể tôi, các bắp thịt

như biến thành nước. Tôi quy xuống, dựa vào tường xà lim của Coffey. Tôi nhớ lại lúc đó tôi chỉ nghĩ đến Đấng Cứu Thế – Jesus, Jesus, Jesus và cứ thế. Tôi ngỡ rằng cơn sốt đã khiến tôi bị mê sảng. Chỉ có vậy thôi.

Sau đó, tôi nghe tiếng la cầu cứu của Delacroix. Gã đang gào lên cho cả thế giới biết rằng John Coffey định giết tôi. Nhưng Coffey chỉ cúi xuống nhìn xem tôi có ổn không.

– Câm mồm đi, Del! – Tôi nói và cố đứng lên. Tôi chờ đợi cơn đau ập đến, nhưng không có gì xảy ra cả. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Đúng vậy. Tôi vẫn còn choáng váng, nhưng dần dần cơn choáng váng qua đi. Tôi đã có thể bấu vào lưới sắt của cửa xà lim để đứng lên. – Tôi khỏe rồi.

– Ông hãy đi ra ngoài! – Coffey nói. Giọng của anh ta câu kính như một bà già đang buộc một thằng bé nghịch ngợm hãy trèo xuống cây táo. – Ông không nên ở trong này khi không có ai canh gác.

Tôi chăm chú nhìn John Coffey đang ngồi trên giường với hai bàn tay to lớn vòng qua ôm đầu gối. Coffey cũng đưa mắt nhìn tôi. Anh ta phải ngước mặt lên, nhưng không lâu.

– Anh đã làm gì với tôi, anh bạn to xác? – Tôi khề hỏi.
– Anh đã làm gì thế?

– Giúp đỡ! – Anh ta trả lời. – Tôi đã giúp đỡ, đúng không?

– Vâng, có lẽ là vậy, nhưng *như thế nào*? Anh đã giúp đỡ tôi như thế nào?

Anh ta lắc đầu theo kiểu tôi thường thấy, một lần sang trái, một lần sang phải rồi cái đầu trở về vị trí giữa. Anh ta cũng không biết là đã giúp đỡ tôi (hay là đã *chữa bệnh* cho tôi) như thế nào, và theo vẻ mặt thờ ơ của anh ta, có thể kết luận là anh ta cũng không cần biết. Tôi đã dự định hỏi làm sao anh ta biết rằng tôi đang ốm, nhưng tôi nghĩ có lẽ mình cũng chỉ nhận được một cái lắc đầu điển hình của Coffey nên

dành thôi.

Có một câu tôi đã đọc ở đâu đó và không bao giờ quên, có một câu nói về “điều khó hiểu ẩn sau một bí mật”. Có lẽ trường hợp của John Coffey đúng như thế. Và tôi cho rằng đêm đêm anh ta còn có thể ngủ được bởi vì anh ta thờ ơ, không muốn tìm hiểu những điều kỳ lạ trong con người mình. Percy gọi Coffey là kẻ ngu ngốc, thật là khe khắt, nhưng không xa sự thật là mấy. Người tù da đen to lớn này biết tên mình là Coffey, biết rằng cái tên ấy được viết khác với một loại thức uống và đó là tất cả những gì mà anh ta quan tâm.

Làm như muốn xác nhận với tôi một lần nữa, Coffey lại lắc đầu theo kiểu lạ thường của mình rồi nằm xuống giường, mặt quay vào tường. Chiếc áo tù bị cuốn lên, để lộ cái lưng đầy vết sẹo ngang dọc.

Tôi bước ra khỏi xà lim, khóa hai ổ khóa trên dưới rồi quay lại nhìn Delacroix đang đứng trong xà lim hơi chệch một chút ở dãy đối diện, hai tay nắm chặt song sắt và nhìn tôi với vẻ lo lắng, thậm chí sợ sệt. Mr. Jingles ngồi trên vai gã, hai hàng ria rung rung. Delacroix hỏi:

– Thành da đen đã làm gì ông thế ? Nó làm phép phù thủy phải không? Nó đã thôi miên ông phải không?

– Del, tao không biết mày muốn nói gì.

– Ôi trời ơi! Ông tự nhìn ông xem! Tất cả thay đổi, thậm chí cả cách đi nữa, thưa sếp!

Có lẽ dáng đi của tôi thay đổi thật. Đó là cảm giác dễ chịu ở trong bụng dưới, một cảm giác yên bình. Những ai đã từng chịu đau đớn như tôi sẽ hiểu điều tôi muốn nói.

– Thật sự mọi việc đều ổn, Del ạ. – Tôi khẳng định. – John Coffey bị một cơn ác mộng, chỉ có thế thôi.

– Ắn là một gã phù thủy. – Delacroix hăng hái nói. Những giọt mồ hôi lấm tấm ở môi trên. Gã không trông thấy

gì nhiều, nhưng cũng đủ để sợ chết khiếp.

– Sao mày nghĩ vậy?

Delacroix đưa tay lên vai bắt lấy con chuột, đặt nó vào lòng bàn tay rồi đưa lên ngang mặt. Với bàn tay còn lại, gã lấy từ trong túi ra một vật gì tròn tròn màu hồng, một viên kẹo bạc hà. Gã giơ viên kẹo lên cao, nhưng lúc đầu con chuột làm ngơ mà chỉ hít lấy hơi của Delacroix, như một người đưa mũi ngửi một bó hoa. Đôi mắt tròn nhỏ xíu của nó nhắm lại như đang thưởng thức một mùi thơm. Delacroix hôn lên cái mũi con chuột. Sau đó, con chuột cầm lấy viên kẹo bạc hà và bắt đầu nhắm nháp. Delacroix ngắm con chuột một lúc rồi nhìn tôi. Đột nhiên tôi hiểu ra điều hẩn nghi.

– Mr. Jingles đã nói với mày à? – Tôi hỏi. – Đúng thế không?

– *Oui.*

– Giống như đã nói cái tên của nó.

– *Oui.* Nói vào lỗ tai tôi.

– Hãy lên giường nằm nghỉ đi, Del! – Tôi bảo. – Hãy cố nghỉ ngơi đôi chút. Có lẽ những lời thì thầm ấy khiến cho mày mệt rồi đấy.

Delacroix lâu bầu gì đó, hình như gã tỏ ý trách móc vì tôi đã không tin lời gã, tôi đoán là như thế. Giọng nói của gã lại như từ một nơi xa xôi vọng đến. Khi tôi đi đến bậc thang, tôi có cảm giác như chân mình không chạm đất mà gần như tôi đã bay, nói chung là tôi đã không cử động mà các xà lim cứ trôi qua trước mắt tôi như hậu cảnh của một bộ phim.

Tôi định đến bậc thang và ngồi xuống hàng hoàng nhưng mới được nửa đường thì hai đầu gối của tôi run rẩy và tôi khụy xuống cái ghế có lót cái gối màu xanh do Harry đem từ nhà vào để ngồi cho êm hơn. Nếu không có cái ghế đặt ở đó, chắc tôi đã quy xuống sàn.

Thế là tôi ngồi trên ghế và cảm nhận sự êm dịu trong bụng, chỗ mà cách đây mười phút còn nóng bùng bùng như cánh rừng đang cháy. “*Tôi đã giúp đỡ, đúng không?*” – John Coffey đã nói như thế và đối với thể xác tôi thì đúng vậy. Nhưng đối với sự bình yên trong tâm hồn tôi thì lại là một chuyện khác. Anh ta đã không giúp gì cho tôi về phương diện này.

Ánh mắt của tôi chạm vào tờ giấy tờ được dán dưới cái gạt tàn bằng nhôm. Sở báo cáo của trại nằm ở trên cùng với hàng chữ in đậm: “*Báo cáo về những sự kiện bất thường*”. Lẽ ra tôi có thể viết về sự xuất hiện mạnh mẽ và vô cùng sôi động của Wharton, nhưng giả sử tôi muốn viết về những gì John Coffey đã làm với tôi trong xà lim anh ta, tôi sẽ viết gì đây? Tôi hình dung mình cầm cây bút chì mà Brutal hay liếm lên và đặt bút viết một từ duy nhất bằng chữ in: PHÉP MẪU.

Điều đó thật buồn cười, nhưng thay vì cười, tôi lại muốn òa lên khóc. Tôi đưa hai bàn tay lên che mặt, dùng lòng bàn tay bịt miệng để không thốt lên tiếng nức nở. Tôi không muốn làm cho Del hoảng sợ sau khi gã đã trấn tĩnh lại chút ít. Không có tiếng nức nở, cũng không có những giọt nước mắt. Sau vài phút, tôi thả rơi hai bàn tay xuống mặt bục canh. Tôi không biết mình cảm thấy gì, chỉ có một ý nghĩ rõ ràng, duy nhất là mong sao đừng có ai bước vào trại E vào lúc này, cho đến khi tôi hoàn toàn bình tĩnh lại. Tôi sợ họ có thể nhận thấy điều gì khác lạ trên gương mặt mình.

Tôi kéo xấp giấy tờ đến trước mặt. Tôi sẽ chờ cho đến khi hoàn toàn trấn tĩnh rồi mới bắt đầu viết bản báo cáo về việc tên tử tù mới đến định siết cổ Dean Stanton ra sao, còn các báo cáo hằng ngày thì có thể viết được rồi. Tôi ngỡ rằng chữ viết của mình sẽ khác đi, chẳng hạn như hơi run rẩy, nhưng trông nó cũng như mọi ngày.

Năm phút sau, tôi đặt bút xuống rồi đi vào nhà vệ sinh phía sau văn phòng. Không nhất thiết phải vào đó, nhưng tôi

muốn kiểm chứng lại điều đã xảy ra. Khi đứng trước bồn cầu và chờ nước tiểu chảy ra, tôi hồi hộp nghĩ rằng cơn đau sẽ ập đến như lúc sáng sớm, rằng tôi sẽ có cảm giác đau rất như đang tiểu ra những mảnh thủy tinh vụn, rằng những gì Coffey làm với tôi chỉ đơn thuần là thuật thôi miên và biết đâu nhờ đó tôi đã đỡ đau ít nhiều.

Nhưng không có cơn đau nào ập đến và dòng nước tiểu chảy vào bồn cầu hoàn toàn trong trẻo. Không còn dấu vết của chất viêm tấy màu trắng đục. Tôi gài nút quần lại, ấn cần dội nước bồn cầu rồi trở ra ngồi trước bục canh.

Tôi đã hiểu chuyện gì xảy ra. Tôi cho rằng, tận trong thâm tâm tôi đã hiểu, kể cả trong lúc tự thuyết phục rằng đó chỉ là thuật thôi miên. Tôi đã được chữa lành bệnh một cách kỳ diệu, một phép mầu của Đức Chúa Trời. Thời thơ ấu tôi đã làm quen những bài thuyết giáo, những câu chuyện của các tu sĩ dòng thánh Baptist về Đức Chúa Trời, về những phép mầu của Ngài. Tôi không tin tất cả những chuyện ấy, nhưng có những người tôi tin. Một trong những người đó tên là Roy Delfines, một người đàn ông sống cùng với gia đình cách chỗ chúng tôi khoảng hai dặm. Lúc ấy tôi được mười hai tuổi. Delfines đã lỡ chặt đứt ngón tay út của đứa con trai tám tuổi. Đó là một tai nạn, bởi vì đứa bé, khi đang giữ khúc gỗ cho cha chặt, đột nhiên di chuyển bàn tay. Roy Delfines nói rằng ông đã cầu nguyện đến mòn tấm thảm vì quỳ trên đó từ mùa thu cho đến mùa đông và sang mùa xuân thì ngón tay đứa bé mọc lại. Thậm chí đầy đủ cả móng. Tôi tin Roy Delfines khi ông ta thuật lại câu chuyện trong buổi lễ Tạ ơn vào tối thứ năm. Ông ta đứng đó, hai tay dút sâu vào túi quần, thuật lại câu chuyện bằng những lời giản dị. Không thể nào không tin ông ta được.

– Nó bị ngứa ở chỗ ấy khi ngón tay bắt đầu mọc, – Roy Delfines nói – nhưng nó biết rằng Chúa đang cù vào đó và chấp nhận. Đức Chúa lòng lành.

Câu chuyện của Roy Delfines là một trong rất nhiều câu chuyện. Tôi lớn lên trong những truyền thuyết về phép mầu và những câu chuyện về sự cứu rỗi. Tôi cũng tin ở thuật phù thủy, nhưng tôi không tin John Coffey là phù thủy. Tôi đã nhìn vào mắt anh ta. Sự tiếp xúc của anh ta là một trong những liều thuốc đặc biệt hiệu nghiệm của một bác sĩ lạ thường.

Tôi đã giúp đỡ, đúng không? Câu nói ấy không rời khỏi đầu tôi nữa, nó lặp đi lặp lại như điệp khúc của một bản nhạc hay là một câu thần chú.

Tôi tin như mẹ và dì tôi tin; sự lành bệnh không liên quan gì đến người chữa lẫn bệnh nhân mà chỉ do ý Chúa. Vui mừng khi một người ốm khỏi bệnh là điều bình thường, nhưng người được chữa khỏi phải tự vấn: tại sao Chúa Trời lại để lâu như thế trước khi can thiệp. Trong trường hợp này thì Đức Chúa muốn gì ở tôi? Ngài muốn gì khi đặt năng lực đặc biệt ấy vào bàn tay một kẻ sát nhân đã giết hại trẻ em? Ngài muốn gì khi khiến tôi đến trại E thay vì nằm khốn khổ ở nhà, run rẩy và bốc mùi sulfat? Có lẽ thế. Có lẽ tôi cần phải có mặt ở trại E thay vì ở nhà trong trường hợp thằng Bill Wharton hung bạo gây hậu quả nghiêm trọng hơn, hoặc để ngăn ngừa Percy Wetmore làm chuyện gì ngu ngốc. Có lẽ thế. Tôi sẽ mở to đôi mắt và ngậm miệng lại, đặc biệt khi có ai đề cập đến sự khỏi bệnh kỳ diệu.

Sẽ không ai lấy làm ngạc nhiên khi nhận thấy tôi đã khá hơn. Tôi đã nói với mọi người rằng tôi cảm thấy khỏe hơn và cho đến sáng nay chính tôi cũng ngỡ như thế. Thậm chí tôi còn nói với giám đốc Moores rằng tôi đang bình phục. Delacroix đã nhìn thấy, nhưng tôi sẽ bảo hắn im lặng (có lẽ vì sợ John Coffey sẽ làm bùa phép hại hắn). Còn chính John Coffey thì hình như anh ta đã quên mọi chuyện rồi. Anh ta giống như một con kênh và khi mưa ngừng rơi thì không có một con kênh nào nhớ lại dòng nước đã chảy qua mình. Tôi

quyết định giữ im lặng. Tôi cũng không biết sẽ kể với ai về đề tài này và kể như thế nào, nhưng tôi sẽ tìm hiểu về người tử tù cao lớn lạ lùng này. Sau những gì xảy ra với tôi trong xà lim của anh ta, tôi càng tò mò hơn bao giờ hết.

4

Trước khi rời nhà tù vào cuối ngày hôm ấy, tôi đã căn dặn Brutal rằng anh ta sẽ thay tôi giải quyết công việc nếu như tôi đến muộn. Sáng sớm hôm sau, tôi lên đường đến Tefton ở hạt Trapingus.

– Em không biết việc anh quan tâm đến gã Coffey nhiều như thế có ích gì không. – Vợ tôi vừa nói vừa đưa cho tôi gói thức ăn dành cho bữa trưa. Janice không thích các quán bán thức ăn nhanh ven đường vì cho rằng dễ làm người ta đau bụng. – Điều đó không giống như anh mọi khi chút nào, Paul ạ.

Tôi trả lời:

– Anh không quan tâm đến hấn, anh chỉ tò mò thôi.

– Theo kinh nghiệm của em thì từ việc này sẽ dắt dây sang việc khác đấy. – Janice trả lời và âu yếm hôn lên môi tôi. – Dù sao thì em cũng phải công nhận trông anh đã khá hơn rất nhiều. Một thời gian dài em đã rất lo lắng, Paul ạ. *Bộ máy thoát nước* của anh đã tốt hơn chứ?

– Tốt hơn rõ rệt. – Tôi nói và cho xe chạy. Vừa lái xe tôi vừa hát các bài “Come, Josephine, in My Flying Machine” và “We’re in the Money” để giết thời giờ.

Ở Tefton, trước tiên tôi đến tòa soạn của tờ báo

Intelligencer và ở đó người ta cho tôi biết rằng có lẽ Burt Hammersmith, người phóng viên tôi muốn gặp, đang ở tại tòa án. Tại tòa án người ta lại nói rằng Hammersmith đã đến đó, nhưng đành phải về sớm vì phiên tòa xét xử đã bị hoãn lại. Tình cờ vụ án hôm ấy cũng là một vụ hiếp dâm. Người ta cho rằng có lẽ ông ta đã đi về nhà.

Tôi nhận được một tờ giấy vẽ sơ đồ chỉ đường. Tôi lái xe đến một con đường đất nhỏ hẹp đến nỗi tôi không dám mạo hiểm cho chiếc xe Ford của tôi chạy vào. Ở đó, tôi gặp người đàn ông cần tìm. Hammersmith là người đã viết hầu hết các phóng sự về vụ án Coffey. Nhờ ông ta, tôi biết được chi tiết cuộc săn đuổi và lúc Coffey bị bắt. Tôi muốn nói những chi tiết mà ban biên tập tờ *Intelligencer* cho rằng quá rùng rợn, không nên tường thuật trên mặt báo.

Vợ ông Hammersmith là một phụ nữ còn trẻ với gương mặt xinh đẹp nhưng có vẻ mệt mỏi, bàn tay đỏ ửng vì giặt giũ. Bà ấy không hỏi một câu nào mà chỉ lẳng lặng dắt tôi đi qua căn nhà nhỏ ra hàng hiên phía sau, nơi chồng bà đang ngồi với một chai nước chanh trên tay, còn tờ tạp chí *Liberty* thì đặt trong lòng. Có một khu vườn trơ trụi sau nhà và ở góc vườn, hai đứa trẻ đang nghịch trên chiếc xích đu. Từ hàng hiên nhìn ra khó có thể phân biệt được giới tính của chúng, nhưng tôi có thể đoán đây là một bé trai và một bé gái. Có thể đây là hai đứa trẻ song sinh, một trong những lý do giải thích vì sao bố của chúng quan tâm đến vụ án Coffey như thế. Cách không xa chiếc ghế xích đu là một chuồng chó nhưng không thấy bóng dáng một con chó nào. Ngày hôm nay cũng rất nóng bức, một điều bất bình thường so với mùa này, và có lẽ con chó đang nằm tránh nóng trong chuồng. Bà Hammersmith nói:

– Burt, anh có khách.

– Xin chào ông.

Hammersmith ngẩng lên nhìn tôi, nhìn vợ rồi lại

chuyển sự chú ý sang hai đứa trẻ. Hình như chúng là mối bận tâm duy nhất của ông ta. Ông ta có mái tóc thưa thớt, người rất gầy, gầy một cách bệnh hoạn, làm như ông ta vừa khỏi một căn bệnh trầm trọng. Người phụ nữ đặt đôi bàn tay đỏ ửng vì giặt giũ lên vai chồng. Ông ta không chạm đến chúng, cũng không tỏ vẻ gì chú ý đến cử chỉ âu yếm của vợ và bà ấy ngần ngừ rút tay lại. Tôi có cảm tưởng trông họ không giống như một cặp vợ chồng mà là hai anh em. Người vợ có vẻ đẹp, còn người chồng thì thiên về lý trí, nhưng không thể phủ nhận nét tương đồng ở họ. Sau này, trên đường lái xe trở về, tôi chợt hiểu rằng thực tế họ không hề giống nhau mà ấn tượng ấy xuất phát từ hậu quả của sự căng thẳng và nỗi lo lắng thường nhật. Thật lạ lùng khi nỗi đau khổ làm biến dạng gương mặt của chúng ta và cũng phản ánh trên gương mặt những người thân của ta.

Bà Hammersmith nhẹ nhàng hỏi:

– Ông có muốn dùng chút gì lạnh không, ông ...

– Edgecombe, – tôi nói – Paul Edgecombe. Cảm ơn bà, nếu có được một ly nước mát thì rất tuyệt.

Bà ấy đi trở vào nhà. Tôi chìa bàn tay cho Hammersmith và ông ta cầm lấy, lắc nhẹ. Cái bắt tay của ông ta có vẻ thờ ơ, hồ hững. Ông ta vẫn không rời mắt khỏi hai đứa trẻ đang chơi ở góc vườn.

– Ông Hammersmith, tôi là trưởng trại E ở nhà tù Cold Mountain. Đó là...

– Tôi biết đó là cái gì rồi. – Ông ta nói và nhìn tôi với vẻ chú ý hơn. – Người chỉ huy *Dặm Xanh* nổi tiếng đứng trước mặt tôi bằng xương bằng thịt đây rồi. Điều gì đã khiến cho ông đi hơn năm mươi dặm để đến đây gặp một phóng viên quen của một tờ báo địa phương?

– John Coffey. – Tôi nói.

Tôi ngỡ sẽ gây ra một hiệu ứng mạnh mẽ (có thể vì hai

đứa trẻ hình như là sinh đôi và cái chuồng chó; gia đình Detterick cũng có một con chó), nhưng Hammersmith chỉ nhường mảy và nhấm nháp một ngụm nước chanh trong chai.

– Bây giờ Coffey lại gây khó khăn cho ông à? – Ông ta hỏi.

Tôi đáp:

– Hắn không gây khó khăn gì nhiều. Hắn chỉ sợ bóng tối và thường hay khóc. Cả hai việc đó không làm phiền chúng tôi mấy. Chúng tôi đã quen với những tình huống tồi tệ hơn.

– Hắn khóc nhiều à? – Hammersmith hỏi. – Tôi có thể nói, hắn có đủ lý do để khóc đấy, nếu chúng ta nhớ lại những gì hắn đã gây ra. Ông muốn biết điều gì?

– Tất cả! Tất cả những gì có liên quan đến hắn. Tôi đã đọc các bài báo của ông và bây giờ tôi muốn nghe về những gì không được đưa lên mặt báo.

Ông ta nhìn tôi với vẻ ác cảm.

– Ví dụ như, hai đứa bé gái ấy trông như thế nào à? Chính xác là hắn đã làm gì với chúng à? Ông quan tâm đến những chuyện đại loại như thế sao, ông Edgcombe?

– Không. – Tôi trả lời với giọng điềm tĩnh. – Tôi không quan tâm đến các cô bé nhà Detterick, thưa ông. Hai đứa bé tội nghiệp ấy đã chết. Nhưng Coffey thì chưa và tôi tò mò muốn biết những gì liên quan đến hắn.

– Được thôi, – ông ta nói. – Ông hãy kéo chiếc ghế đến đây và ngồi xuống, ông Edgcombe. Xin lỗi ông vì tôi đã tỏ vẻ bức bối, nhưng với nghề nghiệp của mình, tôi đã phải tiếp chuyện với nhiều con kên kên. Tôi cũng thường bị kết tội là loại người như thế. Tôi chỉ muốn chắc chắn ông không phải thuộc giống hút máu ấy.

– Ông đã chắc chắn chưa?

– Vâng, tôi nghĩ là rồi. – Giọng của Hammersmith có vẻ

thờ ơ.

Câu chuyện ông ta kể cho tôi nghe hoàn toàn đúng như những gì tôi đã viết ở phần I, từ việc bà Detterick phát hiện hàng hiên sau nhà trống rỗng, cửa vào đã bị kéo tuột khỏi bản lề, các tấm chăn thấm máu ở góc tường, các vết máu nhỏ giọt trên bậc thềm như thế nào, việc chồng và con trai của bà ta lần theo dấu máu đuổi theo kẻ bắt cóc, toán người săn đuổi đã phát hiện ra hắn ra sao cho đến lúc Coffey bị bắt. Ông ta cũng kể về cảnh tượng lúc Coffey bị bắt. Ông ta kể về cảnh Coffey khóc than bên bờ sông, trong lúc hai cái xác trẻ thơ vẫn đang đưa trên cánh tay của hắn như hai con búp bê. Người phóng viên gầy gò mặc chiếc áo sơ mi trắng để hở cổ, chiếc quần màu xám ấy kể lại câu chuyện với giọng đều đều, khe khẽ, thiếu sức sống. Suốt thời gian đó, ánh mắt của ông ta vẫn không rời hai đứa bé đang chơi trên ghế xích đu. Một lúc nào đó trong khi tôi chăm chú lắng nghe, bà Hammersmith bước vào, đưa cho tôi một chai nước chanh tự làm, mát lạnh. Bà ta lắng nghe một lúc rồi ngắt lời chồng, yêu cầu ông ta gọi bọn trẻ vào vì món bánh ngọt đã chín trong lò nướng.

– Chúng con đến ngay đây, mẹ ạ. – Giọng một bé gái trả lời và người đàn bà trở vào nhà.

Sau khi Hammersmith đã kết thúc câu chuyện, ông ta hỏi:

– Tại sao ông lại muốn biết tất cả những điều đó? Tôi chưa bao giờ tiếp một người khách là quản giáo ở nhà tù. Ông là người đầu tiên đấy.

– Tôi đã nói rồi, vì...

– Tò mò? Đúng vậy. Bản tính của con người là tò mò, tôi biết thế và tôi nghĩ mình phải tạ ơn Chúa về điều đó, bởi vì nếu không thì tôi đã thất nghiệp rồi và không biết phải kiếm sống cho gia đình mình như thế nào. Nhưng năm mươi dặm là một chặng đường dài, nếu chỉ nhằm thỏa mãn óc tò mò, đặc

biệt là khi phải đi hai mươi dặm cuối cùng rất xấu. Ông Edgcombe, tại sao ông không nói sự thật? Tôi đã giúp ông thỏa mãn óc tò mò, còn bây giờ thì tới phiên ông giúp tôi.

Tôi đã có thể nói: *Như thế này, tôi mắc chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu, John Coffey đã đặt tay lên người tôi và chữa cho tôi lành bệnh. Chính người đàn ông đã cưỡng hiếp và giết chết hai cô bé đã làm việc ấy. Dĩ nhiên là vì lý do đó mà tôi quan tâm đến hắn. Ai cũng sẽ tò mò như thế. Tôi tự hỏi biết đâu cảnh sát trưởng Homer Cribus và phó cảnh sát trưởng Rob McGee đã bắt nhầm người vô tội. Mặc dù các bằng chứng đều chống lại hắn, tôi vẫn cứ tự hỏi điều đó, bởi vì một người có năng lực siêu nhiên như thế không thể nào đồng thời là kẻ cưỡng hiếp và sát hại trẻ con.*

Không, đó không thể là lý do có thể nói ra. Tôi không thể nói ra sự thật.

– Có hai câu hỏi khiến tôi bận tâm. Câu hỏi thứ nhất là: Hắn đã gây tội ác tương tự như thế trước đây bao giờ chưa?

Hammersmith quay lại nhìn tôi và đột nhiên ánh mắt của ông ta lộ rõ vẻ quan tâm. Ông ta là một người thông minh theo kiểu của mình.

– Tại sao? – Ông ta hỏi. – Ông biết điều gì à, ông Edgcombe? Hắn đã nói gì?

– Không có gì cả. Nhưng một người đàn ông hành động như thế thì thường trước đây cũng đã có lần phạm tội tương tự. Cái đó thuộc về bản chất.

– Vâng, – Hammersmith nói. – Đúng vậy. Hoàn toàn có lý.

– Và tôi nghĩ rằng người ta có thể lần tìm ngược lại quá khứ của hắn, biết đâu sẽ phát hiện được điều gì. Đối với một người đàn ông to lớn khác thường như thế, lại là một người da đen, điều đó chắc hẳn không mấy khó khăn.

Hammersmith nói:

– Nếu ông nghĩ như thế thì ông đã lầm. Tôi biết trong trường hợp của Coffey chắc chắn là như thế.

– Ông đã thử rồi à?

– Tôi đã thử, nhưng không tìm thấy gì cả. Có một vài người ở ngành đường sắt cho là họ đã nhìn thấy hắn ở nhà ga Knoxville hai ngày trước vụ sát hại hai cô bé nhà Detterick, chuyện đó không có gì là đáng ngạc nhiên. Hắn bị bắt giữ bên bờ sông cạnh đường tàu. Có lẽ hắn đã đi tàu hỏa từ Tennessee đến đây. Tôi có nhận được một bức thư, trong đó một người đàn ông đã cho biết rằng vào đầu năm ông ta có thuê một người da đen cao lớn, đầu trọc để khuân vác các thùng hàng. Đó là ở Kentucky. Tôi đã gửi cho ông ta một bức ảnh của Coffey và ông ta nhận ra chính hắn. Nhưng ngoài ra thì...

Hammersmith nhún vai và lắc đầu.

– Ông không nhận thấy có một chút gì đó bất thường à?

– Tôi cảm thấy rất bất thường, ông Edgecombe ạ. Làm như là hắn từ trên trời rơi xuống. Bản thân hắn cũng không giúp ích được gì. Hắn không nhớ chút gì cả, hắn quên ngay chuyện xảy ra chỉ sau một tuần.

– Đúng vậy. – Tôi nói. – Và ông giải thích về vấn đề này như thế nào?

– Chúng ta đang ở trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế. – Hammersmith nói. – Đó là lời giải thích của tôi. Người ta lang thang đầy đường. Những người nông dân làm công việc thời vụ muốn đến California hái quả anh đào, những người da trắng nghèo khổ ở vùng mỏ muốn đến Detroit để lắp ráp ô tô, những người da đen ở Mississippi lại muốn đến nước Anh để làm trong xưởng dệt. Mỗi người, da trắng cũng như da đen, đều nghĩ rằng phải lên đường tìm việc. Vì thế không ai chú ý đến ai, dù đó là một gã khổng lồ như Coffey, bởi vì có quá nhiều người lang thang khắp nơi ... cho đến khi, hắn sát

hại hai cô gái nhỏ. Hai cô bé *da trắng*.

– Ông tin thật vậy sao? – Tôi hỏi với vẻ ngờ vực. – Tôi muốn nói, hẳn chỉ bị chú ý bởi vì đã sát hại hai cô bé da trắng?

Hammersmith lạnh lùng nhìn tôi:

– Vâng, đôi khi tôi tin như thế.

Bà Hammersmith nghiêng người qua cửa sổ như một người lái tàu hỏa chồm ra buồng lái:

– Các con, bánh ngọt sẵn sàng rồi! – Đoạn bà ta quay lại nhìn tôi – Ông có muốn dùng một miếng bánh ngọt không, ông Edgcombe?

– Tôi chắc rằng bánh rất ngon, thưa bà, nhưng rất tiếc là tôi sắp phải trở về rồi.

– Thôi được. – Bà ta nói và quay trở vào nhà.

– Ông có nhìn thấy các vết sẹo trên người hẳn không? – Hammersmith đột ngột hỏi. Ông ta vẫn quan sát hai đứa con đang chơi. Chúng không có vẻ gì muốn rời khỏi chiếc ghế xích đu, bất kể sự quyến rũ của món bánh ngọt rắc nho khô.

– Vâng, có. – Tôi ngạc nhiên khi biết ông ta có nhìn thấy những vết sẹo ấy.

Ông ta nhận thấy phản ứng của tôi và bật cười:

– Thành công duy nhất của luật sư bào chữa là Coffey được phép cởi áo để cho bồi thẩm đoàn xem các vết sẹo. Công tố viên, ông George Peterson, đã phản đối quyết liệt, nhưng ngài chánh án thì đồng ý. Lẽ ra George Peterson có thể tiết kiệm sức lực, bởi vì ở vùng này không ai trong bồi thẩm đoàn chấp nhận lý do ngu ngốc rằng những người đã từng bị ngược đãi không phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình. Luật pháp ở đây cho rằng họ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm cho hành động của mình. Tôi đồng ý với quan điểm này nhưng quả thật các vết sẹo đó rất gớm ghiếc. Ông có nhận thấy điều gì ở chúng không, ông Edgcome?

Tôi đã nhìn thấy Coffey cời trần khi đi tắm và có chú ý đến những vết sẹo ấy. Tôi hiểu điều Hammersmith muốn ám chỉ.

– Chúng bị rách lưa tưa và hằn ngang dọc như đan lưới trên người hắn.

– Ông biết cái ấy có nghĩa gì chứ?

Tôi đáp:

– Ai đó đã đánh đập hắn rất tàn nhẫn khi hắn còn là một đứa trẻ, trước khi hắn kịp lớn.

– Nhưng người ta đã không thể trục được con quỷ trong người hắn ra, đúng vậy không, ông Edgcombe? Lẽ ra họ có thể tiết kiệm việc sử dụng đòn roi, thay vào đó là nên đem hắn trần nước đến chết như giết một con mèo. Ông đồng ý chứ?

Tôi cho rằng để giữ phép lịch sự, lẽ ra tôi nên đồng tình với ông ta và đứng dậy cáo từ, nhưng tôi không thể làm như vậy. Tôi đã nhìn thấy Coffey, đã *cảm thấy* anh ta, đã *tiếp xúc* với bàn tay của anh ta.

– Hắn thật là... khác thường. – Tôi nói. – Nhưng hắn không có vẻ là một con người của bạo lực. Tôi biết người ta đã bắt được hắn trong hoàn cảnh như thế nào và điều đó không tương đồng với những gì tôi nhìn thấy ở hắn ngày này sang ngày khác ở trại giam. Tôi đã quen nhìn những con người hung bạo, thưa ông Hammersmith.

Đi nhiên trong đầu tôi hiện lên hình ảnh của Wharton, kẻ đã dùng dây xích vừa siết cổ Dean Stanton đến gần tắt thở, vừa la hét với vẻ khoái trá. *"Đây là một trò vui! Ê, bọn bay, đây là một trò vui!"*.

Hammersmith nhìn tôi kỹ hơn, miệng nở nụ cười ngờ vực khiến tôi cảm thấy không được dễ chịu. Ông ta nói:

– Ông không... đến đây để tìm hiểu xem trước đó Coffey có giết một bé gái nào ở vùng khác hay không. Ông đến đây

để xác định xem tôi có tin rằng hắn có *thực sự* phạm tội không. Ông Edgecombe, ông hãy cho tôi biết sự thật.

Tôi nuốt một ngụm nước chanh mát lạnh, rồi đặt cái chai lên bàn cạnh chai nước của Hammersmith.

– Và thế nào? Ông tin điều đó chứ?

– Các con! – Ông ta nhìn ra ngoài vườn gọi to, người hơi cúi về phía trước. – Hãy vào đây và ăn bánh ngọt đi!

Ông ta dựa lưng vào ghế rồi đưa mắt nhìn tôi. Nụ cười ngờ vực lúc này khiến tôi khó chịu lại thoáng trên môi ông ta.

– Tôi muốn kể cho ông nghe một câu chuyện. – Hammersmith nói. – Xin ông hãy nghe cho rõ, bởi vì nó có thể giúp ông giải thích được câu hỏi khiến ông băn khoăn.

– Tôi nghe đây.

– Chúng tôi có nuôi một con chó, đặt tên nó là Galahad. – Ông ta bắt đầu câu chuyện, tay chỉ túp lều dành cho chó ở góc vườn. – Đó là một con chó ngoan ngoãn, vâng lời, thường liếm tay những người trong nhà và chạy đi nhặt cây gậy được quăng ra. Có nhiều giống chó lai như thế, ông biết rồi đấy.

Tôi nhún vai, gật đầu.

– Về căn bản thì nó cũng giống như tên tù nhân da đen của ông. Người ta tin tưởng nó và thương thì nó được yêu mến. Nó không có ích lợi gì, không quan trọng, nhưng người ta muốn nuôi nó vì nghĩ rằng nó cũng mến người chủ. Ông Edgecombe, nếu như ông gặp may mắn thì chắc hẳn sẽ không có vấn đề gì với nó. Cynthia và tôi không có được cái may mắn đó.

Ông ta thở dài, hắt hàm về phía chuồng chó và tôi chợt nhận ra rằng nó đã bị bỏ hoang, bụi bặm. Phân chó khô lại, trên mặt gần biến thành bụi.

– Tôi thường làm sạch nó, quét dọn, sửa chữa mái để khi trời mưa nước không chảy vào. – Hammersmith nói tiếp. – Về mặt này thì Galahad cũng giống như thằng da đen của

ông. Nó không tự làm được. Bây giờ thì tôi không hề mó tay vào, thậm chí tôi chưa đặt chân đến đó kể từ khi tai nạn xảy ra, nếu như có thể gọi đó là một tai nạn. Tôi đã xách súng chạy đến, bắn nó chết tươi và từ lúc ấy không đặt chân đến đó nữa. Đơn giản là tôi không thể. Có lẽ đến một lúc nào đó tôi sẽ phải làm, dọn dẹp phân chó và dỡ bỏ cái chuồng.

Bọn trẻ vừa vào đến. Một mặt tôi không muốn chúng đến gần, mặt khác lại khao khát muốn nhìn chúng. Đứa bé gái thì ổn, nhưng còn chú bé...

Chúng chạy lên bậc tam cấp hàng hiên, cười khúc khích và định vào nhà.

– Caleb! – Hammersmith gọi. – Đến đây con, chỉ một chút xíu thôi.

Đứa bé gái đi tiếp vào nhà bếp. Có lẽ chúng là hai đứa trẻ sinh đôi, khoảng bốn tuổi. Đứa bé trai rụt rè đến gần cha, mắt nhìn xuống đất. Nó biết rằng nó là đứa trẻ xấu xí. Nó chỉ mới khoảng bốn tuổi, nhưng bốn tuổi cũng đủ lớn để biết rằng mình xấu xí. Người cha đưa hai ngón tay nâng cằm con. Thoạt đầu đứa bé muốn cưỡng lại, nhưng khi nghe cha nói với giọng nhẹ nhàng, âu yếm: “Nào, con trai”, nó ngẩng đầu lên.

Một vết sẹo hình tròn lớn kéo dài từ trên trán, qua con mắt bị hỏng đến tận khóe miệng trông thật khủng khiếp. Tôi cho rằng trước đây là một lỗ hổng sâu hoắm, nhưng bây giờ đã liền thành sẹo.

– Cháu còn một con mắt, – Hammersmith nói và âu yếm vuốt bên má còn lành lặn của con trai. – Tôi nghĩ cháu biết rằng mình vẫn còn may mắn bởi vì đã không bị mù. Chúng tôi đã cùng nhau quý xuống tạ ơn Chúa về điều đó. Đúng không, Caleb?

– Vâng, thưa bố. – Chú bé rụt rè trả lời.

Chú bé ấy sẽ bị bạn bè trêu chọc từ những năm đi học đầu đời. Chú bé ấy sẽ không bao giờ được bạn bè rủ cùng chơi

và có thể đến lúc trưởng thành sẽ không được ngủ với một người đàn bà nếu không trả tiền. Chú bé ấy, đến khi được năm mươi, sáu mươi hoặc bảy mươi tuổi sẽ nhìn mình trong gương và thầm nghĩ: xấu xí, xấu xí, xấu xí...

– Con vào trong nhà lấy bánh của con đi. – Người cha bảo và hôn lên khoe miệng bị vết sẹo kéo làm méo xệch của con trai.

– Vâng, thưa bố. – Caleb nói và lẳng lặng đi vào nhà bếp.

Hammersmith rút chiếc khăn mùi soa trong túi ra và lau mắt. Đôi mắt ấy bây giờ đã khô, nhưng tôi nghĩ ông ta đã quen với việc nó thường đầm lệ rồi.

– Con chó đã có ở đây lúc bọn trẻ ra đời. – Ông ta kể. – Khi Cythia cùng với chúng từ bệnh viện trở về nhà, tôi đã bế chúng ra túp lều dành cho chó để Galahad quen mùi của chúng. Con chó đã liếm tay hai đứa bé, những bàn tay nhỏ xíu. – Ông ta gạt đầu như muốn khẳng định điều vừa nói. – Nó chơi với bọn trẻ, liếm mặt chúng cho đến khi chúng bật cười. Caleb hay kéo lỗ tai nó. Lúc Caleb tập đi, đôi khi thằng bé vịn tay vào con chó và chập chững đi đến tận góc vườn. Con chó chưa bao giờ gặm gừ với nó, với cả hai đứa trẻ.

Bây giờ thì nước mắt của ông ta trào ra. Ông ta thờ thần đưa tay lên gạt nước mắt, một cử chỉ đã thành thói quen. Hammersmith nói tiếp:

– Caleb không làm gì con chó cả, không la nó, không khiêu khích nó. Tôi biết rõ, bởi vì tôi đã có mặt ở đó. Nếu lúc ấy không có tôi thì chắc hẳn thằng bé đã chết rồi. Ông Edgcombe ạ, không có gì xảy ra cả. Thằng bé đứng trước mặt con chó và chột trong đầu con vật ấy nảy ra ý nghĩ – nếu như nó có ý nghĩ – là hãy tấn công thằng bé, cắn xé nó cho đến chết. Thằng bé chỉ đứng đó, còn con chó nhảy xổ vào cắn. Điều đó có lẽ cũng xảy ra với Coffey. Hắn đứng đấy, nhìn thấy hai

cô bé đang ngủ ở hàng hiên, chớp lấy chúng, hăm hiếp rồi giết chết. Ông nói rằng phải có một dấu hiệu gì cho thấy trước đây hắn đã từng hành động như vậy và tôi hiểu ông muốn nói gì, nhưng có thể trước đây hắn chưa bao giờ làm như thế. Trước đó con chó chưa bao giờ cắn ai, chỉ duy nhất một lần này. Có thể Coffey sẽ không bao giờ tái phạm nếu chúng ta trả tự do cho hắn. Có thể con chó cũng sẽ không bao giờ cắn ai nữa. Nhưng, ông biết không, tôi không bao giờ nghĩ đến điều đó. Tôi xách khẩu súng của mình ra và bắn vào đầu nó.

Ông ta thở ra nặng nhọc.

– Ông Edgecombe, tôi là một người không có thành kiến. Tôi đã học lịch sử và báo chí, đã nghiên cứu môn tâm lý học. Tôi tự cho mình là người trí thức và phóng khoáng. Tôi không bao giờ mong muốn chế độ nô lệ quay trở lại trên đất nước chúng ta. Tôi nghĩ chúng ta phải có lòng nhân đạo và rộng lượng hơn trong giải quyết mâu thuẫn về vấn đề chủng tộc. Nhưng chúng ta phải dự phòng rằng tên da đen ấy sẽ tiếp tục phạm tội cũng như con chó lai ấy sẽ tiếp tục cắn ai đó, nếu như nó có cơ hội để làm chuyện ấy. Ông muốn biết cái gà Coffey khóc lóc triển miên ấy có làm chuyện đó hay không?

Tôi gật đầu.

– Ô, có!– Hammersmith nói. – Hắn đã làm chuyện đó. Ông đừng nghi ngờ và đừng mất cảnh giác đối với hắn. Ông có thể gặp may một lần hay một trăm lần... thậm chí một nghìn lần... nhưng cuối cùng thì... – Ông ta bỏ dở câu nói, đưa tay lên với các ngón tay xò ra chụm lại như cái miệng mở ra ngậm lại. – Ông hiểu rồi chứ?

Tôi lại gật đầu.

– Hắn đã hăm hiếp hai đứa bé, đã sát hại chúng rồi sau đó cảm thấy hối hận... nhưng hai cô bé xinh xắn ấy đã bị làm ô nhục, đã bị giết chết. Nhưng chính ông sẽ giải quyết hắn, phải không ông Edgecombe? Trong vài ba tuần lễ nữa, ông sẽ khiến

cho hắn không bao giờ gây tội ác với bất kỳ ai nữa. – Ông ta đứng lên, đi đến sát lan can hàng hiên, nhìn ra cái chuồng chó bẩn thỉu ở góc vườn. – Bởi vì sáng nay không có việc gì phải làm ở tòa án, tôi nghĩ mình có thể dành chút ít thời gian cho gia đình. Trẻ con chỉ nhỏ dại một thời gian mà thôi.

– Vâng, đúng vậy. – Đôi môi tôi khô khốc, cứng đờ. – Rất cảm ơn vì đã tiếp tôi.

– Không có chi. – Hammersmith nói.

Tôi lái xe đi thẳng từ nhà Hammersmith đến trại giam. Lần này thì tôi không thể cất tiếng hát để giết thời gian nữa. Tôi đã quên hết mọi giai điệu rồi, ít ra là vào lúc này. Trong đầu óc tôi chỉ còn đọng lại gương mặt méo mó của đứa bé và bàn tay xòe ra chụm lại như một cái mõm chó.

5

Ngày ngày hôm sau, thằng Wild Bill Wharton đã phải làm chuyến du ngoạn đầu tiên vào buồng cao su. Buổi sáng và buổi trưa, hắn tỏ vẻ ngoan ngoãn, hiền lành như một con cừu non. Thái độ ấy thật khác thường và chúng tôi dự đoán sẽ có chuyện xảy ra. Thật vậy, khoảng mười chín giờ ba mươi, Harry cảm thấy có một thứ nước gì âm ẩm tươi lên chân, lên bộ đồng phục vừa được giặt sạch sẽ của mình. Đó là nước tiểu. William Wharton đứng trong xà lim, nhe hàm răng ám khói ra cười và tiểu mạnh lên chân Harry Terwilliger. “ Chắc là thằng chó đẻ ấy đã nín đái cả ngày, để dành nước tiểu cho đến lúc đó.” – Harry nói với vẻ phẫn nộ và ghê tởm.

Bây giờ thì bắt đầu đây! Đã đến lúc phải cho William

Wharton thấy ai là người có tiếng nói ở trại E. Harry gọi Brutal và tôi. Tôi cho gọi Dean và Percy cũng đang có mặt ở trại. Thời gian này, chúng tôi có đến ba tử tù và phải tăng cường người canh gác. Nhóm của chúng tôi làm việc từ mười chín giờ cho đến ba giờ sáng, khoảng thời gian được đánh giá là nguy hiểm nhất trong ngày, từ ba giờ sáng trở đi là một nhóm khác tăng cường dưới sự chỉ huy của Bill Dodge như thường lệ. Đó là sự sắp xếp không đến nỗi tồi và tôi nghĩ nếu như tôi đẩy được Percy sang ca khác thì có lẽ sẽ dễ thở hơn. Tôi không bao giờ thực hiện được điều đó. Tôi không bao giờ thoát khỏi Percy. Đôi khi tôi tự hỏi liệu mọi chuyện có thay đổi hay không nếu như tôi thực hiện được ý định đó.

Ở nhà kho, bên cạnh chiếc ghế điện có một vòi nước lớn và Dean cùng với Percy kéo đường ống cứu hỏa ra gắn vào đấy. Sau đó, cả hai ngồi chờ để mở nước chảy đúng lúc.

Brutal và tôi đi đến xà lim của Wharton. Hắn đứng tựa vào các chấn song sắt, miệng nở nụ cười khoái trá và cái của quý vẫn còn để lòng thông ngoài quần. Tối hôm trước, tôi đã lấy chiếc áo trấn lực ra khỏi buồng cao su và đặt trên cái kệ ở trong văn phòng, bởi vì tôi nghĩ sẽ có lúc phải dùng đến nó. Tôi nhanh chóng lấy xuống, móc ngón tay trở vào cái khóa giữ sợi dây cột. Harry đi theo chúng tôi, tay kéo ống nước, trong lúc Dean và Percy lăn cái trục quần ống nước theo kịp chúng tôi.

– Này, bọn bay thích vụ đó chứ? – Wharton la lên. Hắn cười nắc nẻ như một đứa trẻ rất thích thú với các trò chơi trong hội chợ hàng năm, cười đến nỗi nước mắt ứa ra, người gập xuống. – Nếu bọn bay đến đây nhanh chóng, bọn bay sẽ còn thích hơn. Tao đã chuẩn bị mấy cục c. làm đạn được rồi. Ngày mai tao sẽ cho bọn bay...

Hắn nhìn thấy tôi mở khóa buồng giam và im bật, mắt nheo lại. Hắn thấy Brutal tay lăm lăm khẩu súng ngắn, tay

kia nắm chặt cây dùi cui ở tư thế sẵn sàng và mắt càng nheo lại nhỏ hơn nữa.

– Bọn bay có thể đi bằng chân vào đây và sẽ phải trở ra bằng môn, Billy The Kid thề với bọn bay như thế. – Hấn nói. Ánh mắt của hấn chuyển sang tôi. – Còn mày, nếu mày nghĩ có thể nhét tao vào cái áo dành cho người điên ấy thì mày hãy suy nghĩ lại đi, đồ chó đẻ.

– Ở đây mày không có quyền nói. – Tôi nói. – Mày phải biết điều đó, nhưng tao nghĩ rằng mày quá ngu để có thể tự hiểu mà không cần có một bài học.

Tôi đẩy cánh cửa xà lim qua một bên. Wharton lùi lại cho đến tận tấm ván nằm, của quý vẫn còn lòng thòng ngoài quần. Hấn xòe bàn tay ra và ngoắc ngoắc mấy ngón tay. – Đến đây, thằng chó đẻ! – Sẽ có một bài học, nhưng là do *tao* dạy! – Hấn quay sang Brutal, chìa hàm răng ám khói cho anh ta. – Đến đây, thằng to xác. Lần này đến phiên mày. Mày đừng hòng đánh lên tao từ phía sau như lần trước. Mày hãy nhét súng vào đi. Mày không được bắn đâu! Lần này hãy đánh tay đôi. Mày sẽ thấy ai mạnh hơn...

Brutal bước vào xà lim, nhưng không đến trước mặt Wharton mà luôn sang bên trái và Wharton nhìn thấy Harry đang cầm đầu ống nước. Hấn kêu lên:

– Không! Mày không dám! Không, bọn mày không...

– Dean! – Tôi hét lên. – Nước! Mở tối đa!

Wharton nhảy tới trước và Brutal dùng dùi cui gõ vào đầu Wharton một cú trời giáng ngay trên trán, cú đánh mà có lẽ Percy mơ ước được thực hiện. Wharton, hình như đến lúc đó vẫn nghĩ chúng tôi không dám, choáng váng quy xuống, mắt mở to nhưng trông như bị mù. Sau đó nước xịt mạnh ra khiến Harry lão đảo nhưng anh ta nhanh chóng giữ chặt đầu ống, chia ra phía trước như một thứ vũ khí. Vòi nước xịt thẳng vào ngực Wild Bill Wharton, quật hấn ngã xuống và

đẩy hẳn xuống dưới tấm ván. Delacroix đứng sát cửa xà lim, gào lên chửi rủa Coffey và bảo anh ta hãy tường thuật những gì xảy ra ở xà lim của Wharton, ai thắng ai và tên tù mới có thích chiến đấu với nước không. John Coffey đứng lặng yên trong cái cái quần ngắn cũn cỡn và đôi dép của nhà tù. Tôi chỉ có thể nhìn thoáng qua, nhưng cũng đủ thấy nét mặt của anh ta: buồn bã, ý nghĩ trôi dạt đầu đầu, làm như là anh ta đã nhìn thấy cảnh tượng này trước đây rồi, không phải một hoặc hai lần mà là hàng nghìn lần.

— Khóa nước lại!— Brutal ngoảnh lại, gọi to và nhào vào xà lim, tận sát bên trong. Anh ta lôi Wharton đang choáng váng gần như bất tỉnh ra khỏi gầm tấm ván nằm. Wharton ho húng hắng, máu chảy rỉ rỉ trên chân mày, nơi Brutal đã đánh bằng dùi cui làm rách một mảnh da. Brutus Howell và tôi đã luyện tập cách mặc áo trấn lực cho tù nhân gần như thành kỹ xảo. Sự luyện tập này quả là không vô ích, ví dụ như vào lúc này. Brutal đỡ Wharton ngồi lên, giữ chặt hai cánh tay hẳn chìa ra cho tôi như đứa trẻ chìa tay con búp bê để mẹ mặc áo cho nó. Wharton đang choáng váng chột định thần lại và hiểu rằng cần phải chống cự ngay trước khi quá muộn, tôi nhìn thấy điều đó trong đôi mắt hắn. Nhưng mối dây liên hệ giữa bộ não và bắp thịt còn chưa được nối lại và trước khi hắn kịp sửa chữa, tôi đã nhanh chóng dứt hai tay hắn vào tay áo, còn Brutal đã xiết chặt khóa cài sau lưng. Trong khi Brutal cài khóa, tôi cột chặt khuỷu tay của hắn ép vào thân mình và còn thêm cho hắn một cái còng vào hai tay phía sau lưng. Trông Wharton giống như là đang tự ôm chặt lấy mình.

— Thằng to đù ngu ngốc kia, — Delacroix la lớn. — *Q* làm gì với nó vậy?— Tôi nghe tiếng Mr. Jingles kêu "*chít chít*", làm như là nó cũng muốn biết.

Tôi nói và lôi Wharton đứng lên:

– Di, Bill Hung Bạo! – Chúng ta sẽ đi dạo một chút.
– Đừng gọi tao như thế! – Wharton nghiêng răng nói.
– Thôi đi! – Brutal nói và đẩy Wharton ra khỏi xà lim.
– Những ai làm việc ở đây không biết là điều gì đang chờ đợi mình, nhưng thật là thú vị đối với những người dễ mến, ví dụ như mày đấy, Wharton ạ. Còn bây giờ chúng ta sẽ đi ra hành lang. Chúng tao đã dọn sẵn cho mày một căn phòng rất đẹp rồi. Có thể nói đó là một căn phòng để làm mát.

Wharton hét lên và quăng người vào Brutal, mặc dù hai tay hắn đang bị cột chặt ở sau lưng trong chiếc áo trấn lực, thêm cái còng nữa. Percy đưa tay lên định rút dùi cui ra, một giải pháp đặc trưng của Percy cho mọi vấn đề, nhưng Dean đã đặt tay lên cánh tay của hắn. Percy đưa mắt nhìn Dean có vẻ vừa tức giận, vừa bối rối như muốn nói sau những gì Wharton gây ra cho Dean thì lẽ ra Dean phải là người cuối cùng cản trở Percy để bảo vệ Wharton.

Brutal đẩy Wharton ngược lại. Tôi chụp lấy hắn rồi đẩy sang Harry. Harry lôi hắn ra khỏi xà lim, kéo xềnh xệch trên hành lang màu xanh lá, ngang qua Delacroix đang trở mặt nhìn và gã Coffey thờ ơ. Wharton phải chạy lúp xúp để không bị ngã dập mặt và suốt đoạn đường đó, hắn phun những lời chửi rửa như những tia lửa hàn bắn ra. Chúng tôi đẩy hắn vào xà lim cuối dãy, trong khi Dean, Harry và Percy (lần này không hề thốt lên một lời than phiền về công việc nặng nhọc ngoài kế hoạch) dọn dẹp mớ đồ đang để trong buồng cao su. Trong lúc ba người dọn dẹp, tôi có cuộc nói chuyện ngắn gọn với Wharton.

– Mày tự cho là người mạnh mẽ. – tôi nói. Và có thể đúng như thế, Sonny ạ, nhưng ở đây mạnh mẽ không có nghĩa gì cả. Những ngày tung hoành của mày đã qua rồi. Nếu mày không gây khó khăn cho tụi tao, tụi tao cũng không gây khó khăn cho mày. Còn nếu như mày thích gây hấn thì đủ

sao mày cũng sẽ phải chết, nhưng trước đó tội tao sẽ vót cho mày nhọn như đầu bút chì.

– Chắc là bọn bay sẽ vô cùng sung sướng khi chứng kiến cái chết của tao, – Wharton trả lời bằng cái giọng khàn khàn. Hắn vung vẩy trong chiếc áo trấn lực, mặc dù hắn cũng biết rằng điều đó là vô ích, gương mặt hắn đỏ bừng như quả cà chua. – Nhưng tao nói cho mà biết, trước khi tao chịu thua, tao sẽ biến cuộc sống của bọn bay thành địa ngục! – Hắn nhe hàm răng ám khói ra như một con chó điên.

– Nếu như mày định biến cuộc sống của tội tao thành địa ngục thì mày có thể dừng được rồi đó, bởi vì mày đã làm rồi. – Brutal nói. – Nhưng thời gian còn lại của mày ở trại tử tù này như thế nào thì không ảnh hưởng gì đến tội tao, vì mày ở trong xà lim như các tù nhân khác hay ở trong phòng cách ly với các bức tường êm ái. Mày cũng có thể mặc chiếc áo trấn lực này cho đến khi hai cánh tay của mày cháy bỏng vì thiếu máu và sẽ rụng ra thì cũng mặc kệ mày. – Anh ta dừng lại một chút. – Ở đây rất ít khi có ai ngó mắt đến, mày hiểu chứ? Còn nếu như mày nghĩ rằng có ai quan tâm đến mày thì hãy thay đổi suy nghĩ đi, thằng cao bồi ạ. Đối với thế giới này thì mày là một thằng đã chết.

Wharton chăm chú nhìn Brutal và vẻ tức tối biến khỏi gương mặt hắn.

– Hãy bỏ cái áo này ra cho tao! – Hắn đề nghị bằng giọng hòa hoãn, vẻ ngoan ngoãn để chúng tôi tin. – Tao sẽ cư xử đúng đắn. Tao hứa.

Harry xuất hiện ngoài cửa xà lim. Ngoài hành lang ngắn ngang đồ đạc như một chỗ bán hàng ở chợ trời, nhưng chúng tôi sẽ nhanh chóng thu dọn. Đây không phải là lần đầu tiên.

– Sẵn sàng! – Harry nói.

Brutal túm lấy chỗ phồng lên ở áo trấn lực, nơi khuỷu

tay trái của Wharton và lôi hắn đứng lên.

– Nào, đi, Billy Hung Bạo! Mày phải nhìn sự việc tích cực một chút. Ít nhất thì mày cũng có hai mươi bốn giờ đồng hồ để ghi nhớ rằng đừng bao giờ quay lưng ra cửa và đừng để ai túm vào khuỷu tay của mày.

– Hãy bỏ tao ra khỏi cái áo chết tiệt này. – Wharton vừa nói vừa đưa mắt nhìn Brutal, rồi Harry, rồi sang tôi. Gương mặt hắn lại đỏ bừng bừng. – Tao sẽ không làm ồn nữa. Tao thề với bọn bay rằng tao đã hiểu rồi. Tao ... tao á á á....

Đột nhiên hắn ngã lăn ra, nằm vắt ngang cửa xà lim, nửa trong nửa ngoài. Hắn duỗi dài chân, người giật giật.

– Lạy Chúa, nó lên cơn động kinh! – Percy thì thào.

– Thế à? – Brutal nói và cúi xuống luồn tay vào dưới nách của Wharton. Tôi xốc nách bên kia. Việc lôi cái cơ thể đang co giật của hắn từ đầu hành lang này sang đầu kia để quăng vào phòng biệt giam là một trong những kỷ niệm khó chịu nhất đời tôi.

Tôi ngẩng lên và thoáng nhìn vào mắt John Coffey. Nó đã đỏ lên và hai má anh ta ướt đầm. Anh ta lại khóc. Tôi nhớ lại bàn tay xò ra cụp vào cửa Hammersmith và cảm thấy rờn rợn. Sau đó, tôi lại hướng sự chú ý sang Wharton.

Chúng tôi ném hắn như một bao bột vào buồng cao su ở gần chỗ thoát nước, nơi chúng tôi đã tìm con chuột được gọi là Steamboat Willy trong khi cơ thể của hắn vẫn còn co giật.

– Tôi sẽ không ngứa một ngón tay nếu nó có nuốt cái lưỡi của nó và chết luôn, – Dean nói với giọng khàn khàn. – Nhưng các cậu hãy nghĩ đến đồng giấy tờ phải viết. Chuyện ấy sẽ kéo dài đến vô tận.

– Đồng giấy tờ chưa phải là điều tồi tệ nhất đâu. Hãy nghĩ đến việc điều tra! – Harry nói tiếp. – Chúng ta sẽ mất công việc làm chết tiệt này và chỉ còn có nước đi Mississippi

hái đầu. Các anh biết từ “Mississippi” mà, đúng không? Đó là từ người thổ dân chỉ cái lỗ đ...

– Nó sẽ không chết và cũng không rụng một cọng lông nào đâu. – Brutal nói. – Ngày mai, khi mở cửa ra, chúng ta sẽ thấy nó hoàn toàn tỉnh táo, tôi cam đoan như thế.

Đúng như vậy. Gã đàn ông do chúng tôi đưa trở vào xà lim lúc chín giờ tối hôm sau có vẻ bình tĩnh, tuy mặt có hơi tái. Hắn bước đi, đầu cúi gằm xuống, cũng không tấn công ai khi chúng tôi tháo cái áo trấn lực ra mà chỉ lẳng lặng đưa mắt nhìn tôi khi tôi thông báo nếu hắn gây chuyện thì lần sau hắn sẽ được “nghỉ ngơi” trong phòng cách ly bốn mươi tám tiếng đồng hồ, thời gian đủ để hắn ị trong quần.

– Tôi sẽ giữ kỷ luật, thưa sếp. Tôi đã học được bài học ấy rồi. – Wharton nói nhỏ với vẻ bị xúc phạm khi chúng tôi nhốt hắn vào xà lim và khóa lại. Brutal nhìn tôi, nháy mắt.

Ngày hôm sau, William Wharton, kẻ tự xưng là Billy The Kid, mua một thanh sô-cô-la của già Toot-Toot. Thật ra Toot-Toot bị cấm ngặt các phi vụ mua bán kiểu này, nhưng như tôi đã nói, nhóm quản giáo trực ca ngày đa số từ các trại khác tăng cường, và thế là vụ mua bán của Toot-Toot được trót lọt. Lão già bán tiện ấy cho rằng một đồng cũng được một xu cũng tốt, thêm được chút nào hay chút ấy.

Đêm hôm đó, khi Brutal thực hiện tua kiểm tra, Wharton đứng ngay sau cửa xà lim. Hắn chờ cho đến khi Brutal nhìn hắn rồi dùng tay đưa lên miệng làm cái phễu và phun một tia sô-cô-la xa đáng ngạc nhiên, trúng vào mặt Brutal. Hắn đã ngậm cho đến khi sô-cô-la tan ra, giữ lại ở trong miệng chờ cơ hội.

Wharton lùi lại nằm lăn trên tấm ván, cầm hắn dính đầy sô-cô-la. Hắn đập chân rầm rầm, cười nắc nẻ, tay chỉ vào Brutal:

– Ha, ha, ha ... xem nó kìa! Trông mày thật đáng tửm. –

Hắn ôm bụng cười. – Tao ước gì đó là c.! Nếu là c. thì hay biết mấy! Nếu tao chuẩn bị được...

– Mà chính là cục c.!-- Brutal gầm lên. – Tao cho rằng mày đã chuẩn bị để vào ngục trong cái cầu tiêu ưa thích của mày rồi.

Thế là chúng tôi lại nhét Wharton vào chiếc áo trấn lực và tống hắn vào buồng cao su. Lần này là hai ngày. Thỉnh thoảng chúng tôi có nghe hắn la hét ở trong đó, tiếp đến là xuống giọng năn nỉ, hứa hẹn lần này sẽ giữ kỷ luật, sau đó là gào lên rằng hắn cần một bác sĩ và sắp chết. Cuối cùng thì hắn im lặng. Hắn cũng im lặng khi chúng tôi lôi hắn ra khỏi buồng cao su. Hắn đi giữa chúng tôi, đầu cúi gằm, ánh mắt thờ ơ, dờ dẩn, không nói gì khi bước vào xà lim và nghe Harry nói: “Mày suy nghĩ đi, mọi chuyện phụ thuộc vào mày đấy!”

Hắn yên lặng một thời gian rồi lại tìm một phương kế nào đó. Chưa có một trò nào mà hắn không thử áp dụng (bổ sung cho màn phun sô-cô-la vào Brutal, thậm chí Brutal cũng công nhận rằng không thể lường được). Sự cứng đầu, ương ngạnh của hắn đúng là vô hạn. Tôi lo sợ rằng đến lúc nào đó, một người trong chúng tôi sẽ khinh suất và phải trả giá đắt, bởi vì tình trạng này có thể còn kéo dài một thời gian. Hắn có ở đâu đó một luật sư, người sử dụng mọi mảnh lời để thuyết phục những người ở tòa án rằng sẽ là một sai lầm lớn nếu đưa lên ghế điện một thanh niên trẻ trung như thế, rằng hắn phạm tội khi còn vị thành niên, rằng hắn là một người da trắng ... Không cần phải tức bực vì điều đó, bởi vì công việc của gã luật sư là cứu Wharton khỏi chiếc ghế điện, còn nhiệm vụ của chúng tôi là phải giam giữ hắn. Dù sao thì “Già Sparky” cũng sẽ được đón tiếp hắn thôi, mặc kệ gã luật sư.

6

Tuần lễ ấy, Melinda Moores, vợ của giám đốc nhà tù, từ Indianola trở về. Các bác sĩ không thể giúp gì được nữa. Họ đã dùng chiếc máy chiếu điện hiện đại và phát hiện ra có một khối u trong đầu Melinda. Họ đã ghi nhận tình trạng liệt dần của bàn tay, những cơn đau dữ dội và đành chịu thua. Các bác sĩ đưa cho chồng bà một mớ thuốc, chủ yếu là morphium và cho phép Melinda về nhà chờ chết. Hal Moores đã tận dụng hết những ngày phép – không nhiều lắm, bởi vì ngày ấy người ta không cho nhiều ngày phép – để ở bên cạnh Melinda, chăm sóc bà.

Vợ tôi và tôi đến thăm Melinda ba hoặc bốn ngày sau khi bà ấy trở về từ Indianola. Trước đó tôi đã gọi điện thoại và Hal Moores trả lời rằng chúng tôi có thể đến thăm. Melinda đã trải qua một ngày yên tĩnh và sẽ rất vui nếu gặp chúng tôi.

Tôi nói với Janice khi chúng tôi chạy vào cổng ngôi nhà nhỏ của Moores:

– Anh ghét những chuyến viếng thăm như thế này.

– Đó là bốn phận, anh yêu ạ, – Janice trả lời và vuốt nhẹ bàn tay tôi. – Chúng ta sẽ phải làm cũng như bà ấy sẽ phải chịu đựng số phận.

– Anh hy vọng thế.

Melinda ngồi ở phòng khách, dưới tia nắng ấm áp khác thường của tháng mười đang chiếu vào và tôi kinh hoàng

nhận thấy có lẽ bà ấy đã mất đi gần chín mươi cân Anh. Dĩ nhiên điều đó không đúng với sự thật, bởi vì nếu thế thì bà ấy đã không còn ngồi ở trong phòng này, nhưng đó là ấn tượng đầu tiên khi mắt tôi nhìn thấy bà. Gương mặt Melinda héo lại, da trắng giống như giấy bao bọc lấy bộ xương, các quảng thâm trông rất rõ dưới đôi mắt. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy bà ngồi trên chiếc ghế xích đu mà không cầm một món đồ may vá, đan lát trên tay. Bà ấy chỉ ngồi đó, như một người ngồi ở nhà ga.

– Melinda!

Vợ tôi gọi với giọng vui vẻ. Tôi nghĩ cô ấy cũng kinh ngạc như tôi, có thể còn hơn, nhưng cô ấy đã khéo léo che giấu ý nghĩ của mình. Nhiều người phụ nữ có khả năng đó. Janice bước đến bên Melinda, ngồi xuống và đưa hai tay cầm lấy bàn tay của bà vợ ông giám đốc. Trong khi vợ tôi làm việc đó, ánh mắt của tôi tình cờ lướt qua tấm thảm màu xanh biển trước lò sưởi. Tôi chợt có cảm tưởng tấm thảm ấy giống như màu xanh lá úa chuyển qua sẫm hơn và căn phòng này là một hình thức khác của *Dặm Xanh*.

– Tôi mang đến biểu ông bà một ít chè. – Janice nói. – Đây là loại chè rất ngon và giúp người ta dễ ngủ. Tôi đã để trong bếp.

– Cảm ơn cô. – Melinda nói. Giọng của bà ấy già nua, yếu ớt.

– Bà cảm thấy thế nào? – Janice hỏi.

– Khá hơn. – Melinda trả lời với giọng yếu ớt, khàn khàn. – Không tốt đến nỗi tôi có thể khiêu vũ, nhưng ít nhất là hôm nay tôi không bị đau. Họ đã cho tôi một ít thuốc trị chứng nhức đầu. Đôi khi chúng cũng có tác dụng.

– Thế thì tốt rồi.

– Nhưng tôi không thể cầm được các món đồ. Có điều gì không ổn với bàn tay của tôi. – Bà đưa bàn tay lên ngắm

nghĩa như chưa bao giờ nhìn thấy nó rồi thả rơi vào lòng. – Có chuyện gì xảy ra ... với toàn bộ cơ thể của tôi.

Melinda lặng lẽ khóc và tôi buộc phải nghĩ đến Coffey. Tôi ngỡ như nghe tiếng anh ta nói: *"Tôi đã giúp đỡ, đúng không? Tôi đã giúp đỡ, đúng không?"*, như một điệp khúc mà người ta không thể nào quên được.

Hal bước vào phòng và kéo tôi ra ngoài khiến tôi cảm thấy nhẹ người. Chúng tôi đi vào nhà bếp. Hal rót cho tôi một ly rượu Whisky. Chúng tôi nâng ly rồi uống cạn. Thứ nước ấy không ngon lành gì, nhưng để làm ấm dạ dày thì rất tốt. Dù sao tôi vẫn phải từ chối khi Moores gõ gõ vào chai rượu, ngụ ý hỏi tôi có muốn uống thêm một ly nữa hay không. Wild Bill Wharton không còn ở trong buồng cao su, ít ra là trong thời gian này, và bên cạnh hẳn người ta sẽ không cảm thấy an toàn khi chệnh choáng hơi men. Thậm chí song sắt xà lim cũng không khiến tôi vững dạ.

– Tôi không biết còn có thể chịu đựng được bao lâu nữa, Paul ạ, – Hal Moores khề nói. – Mỗi sáng có một cô gái đến phụ giúp tôi chăm sóc bà ấy, nhưng các bác sĩ nói rằng có thể bà ấy sẽ không thể kiểm soát được việc tiểu và đại tiện và... và... – Ông nghẹn ngào không nói tiếp được, cổ ghì lại để không òa lên khóc.

Tôi an ủi:

– Ông đã cố gắng làm hết sức mình. – Tôi đưa tay siết chặt đôi bàn tay run rẩy của Hal đang đặt trên bàn. – Chúng ta sẽ cầu nguyện và phần còn lại là do ý Chúa. Ông không thể làm khác được.

– Có lẽ thế, Paul ạ, nhưng thật là kinh khủng. Tôi cầu mong sao anh sẽ không bao giờ hiểu được sự thử thách ấy cay nghiệt như thế nào. – Hal Moores cố tự trấn tĩnh. – Anh hãy cho tôi biết có gì mới không? Anh làm thế nào với thằng William Wharton? Và anh giải quyết công việc với Percy

Wetmore ra sao?

Chúng tôi nói với nhau một lúc về công việc và tôi đã vượt qua cuộc thăm viếng đầy khó khăn này.

Sau đó, trên đường trở về nhà, khi vợ tôi ngồi lặng lẽ, mắt ươn ướt và chìm đắm trong ý nghĩ riêng tư, những lời của Coffey chợt hiện lên trong đầu tôi, nhanh như Mr. Jingles phóng vào xà lim của Delacroix: *Tôi đã giúp đỡ, đúng không?*

– Thật kinh khủng. – Đột nhiên Janice nói to suy nghĩ của mình. – Và không ai có thể giúp gì được.

Tôi gạt đầu đồng tình và nhớ lại: *"Tôi đã giúp đỡ, đúng không?"*. Nhưng ý nghĩ chợt hiện lên trong óc tôi quá điên rồ khiến tôi vội vàng gạt đi. Khi chúng tôi cho xe chạy vào sân, thì lần thứ hai, Janice phá vỡ sự im lặng. Cô ấy không nói về bà bạn già Melinda mà nói về chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu của tôi. Cô ấy muốn biết chắc chắn là tôi đã hết bệnh rồi hay chưa. Đã khỏi hẳn rồi, tôi khẳng định. Đã khỏi!

– Điều đó thật tốt, – Janice nói và hôn lên đuôi chân mày của tôi khiến tôi cảm thấy rạo rực. – Anh biết không, chúng ta đã bỏ lỡ rất nhiều và cần phải bù đắp, nếu như anh có thời gian và hứng thú.

Bởi vì điều thứ nhất thì tôi có đủ và điều thứ hai thì tôi luôn sẵn sàng nên tôi cầm tay Janice và chúng tôi đi vào phòng ngủ. Trong khi cởi bỏ y phục của Janice và cảm nhận bàn tay vuốt ve của nàng trên các bộ phận nhạy cảm của cơ thể, tôi hồi hộp chờ cơn đau trở lại nhưng không có gì xảy ra cả. Trong lúc ân ái với vợ, tôi vẫn nhớ đến câu nói của John Coffey: *"Tôi đã giúp đỡ, đúng không? Tôi đã giúp đỡ, đúng không?"*. Câu nói lặp đi lặp lại như một đoạn bài hát còn dở dang và nhạc sĩ phải tiếp tục sáng tác đến hết bài mới được thanh thản.

Một lúc sau, khi lái xe đến trại giam, tôi mới chợt nhớ

lại rằng chúng tôi phải chuẩn bị cho cuộc hành hình Delacroix. Điều đó nhắc nhở tôi rằng lần này Percy sẽ chỉ huy và tôi cảm thấy ớn lạnh. Chỉ một cuộc hành hình này nữa là chúng tôi sẽ vĩnh viễn thoát khỏi Percy. Nhưng cơn ớn lạnh vẫn còn, làm như chứng bệnh viêm nhiễm tôi đã mắc phải vẫn chưa lành và thay vì nung cháy bụng tôi, lần này nó lại làm sống lưng tôi lạnh buốt.

7

– Nào, đi thôi! – Đêm hôm sau, Brutal nói với Delacroix. – Chúng ta đi dạo chơi một chút. Mà, tao và Mr. Jingles.

Delacroix nhìn Brutal với vẻ ngờ vực và chụp lấy con chuột ở trong hộp xi gà. Hắn nắm con chuột gọn lỏn trong bàn tay và hỏi Brutal với vẻ cảnh giác:

– Ông muốn nói gì, *Monsieur*?

– Hôm nay là một ngày trọng đại của mày và Mr. Jingles, – Dean nói khi anh ta và Harry vừa đi đến. Dấu vết của sợi xích sắt tạo nên các vết thâm tím ở cổ họng của anh ta, nhưng dù sao thì Dean cũng còn nói được rõ ràng chứ không khà khà như một con chó bị cảm lạnh đang sủa một con mèo. Anh ta nhìn Brutal. – Chúng ta có nên còng tay hắn lại không, Brutal?

Brutal làm ra vẻ suy nghĩ, đắn đo. Cuối cùng anh ta đáp:

– Không, tôi nghĩ là không cần thiết. Hắn sẽ ngoan

ngoãn, đúng không Del? Mày và con chuột, cả hai sẽ ngoan ngoãn nhé! Hôm nay cả hai sẽ biểu diễn trước các khán giả quan trọng đấy.

Percy và tôi đứng bên bức tranh và theo dõi diễn biến câu chuyện. Percy đứng khoanh tay trước ngực, miệng nở nụ cười khinh bỉ. Một lúc sau, hắn rút từ trong túi ra một chiếc lược bằng sừng rồi bắt đầu chải tóc. John Coffey cũng chăm chú theo dõi cảnh tượng ấy. Anh ta đứng lặng lẽ sau chấn song sắt xà lim. Wharton nằm trên tấm ván, nhìn trần trần lên trần nhà và làm ra vẻ như không quan tâm đến bất cứ điều gì. Nó vẫn “ngoan ngoãn”, mặc dù điều nó cho là “ngoan ngoãn” cũng đủ làm chúng tôi mệt óc. Còn có sự hiện diện của một người nữa ở đây, ngoài tầm mắt của chúng tôi nhưng cái bóng gầy gò của hắn vẫn lọt qua khe cửa, in trên *Dạ Xanh*.

– Tất cả những cái này có nghĩa là gì? – Del ngừng vực hổi và rút chân lên, ngồi co lại trên tấm ván khi thấy Brutal mở cả hai ống khóa xà lim và đẩy cửa ra. Ánh mắt của Del di chuyển từ Brutal sang Harry và Dean.

– Thôi, bây giờ tao sẽ tiết lộ cho mày biết điều này, – Brutal thì thào. – Ngài Moores vắng mặt một thời gian vì vợ ông ta bị ốm nặng, có thể mày đã nghe nói rồi. Bây giờ thì ngài Anderson đang nắm quyền chỉ huy ở đây, ngài Curtis Anderson.

– Thế à? Và điều ấy có liên quan gì đến tôi?

– Ngài Anderson đã nghe nói về con chuột của mày, Del ạ, và muốn xem nó biểu diễn. Ông ấy và sáu quan chức khác đang ngồi ở văn phòng chờ mày và con chuột đấy. Đó không phải là các cai tù tầm thường mặc đồng phục xanh dương đâu mà là các ông lớn, như Brutal đã nói rồi. Tao nghĩ rằng trong số đó có một quý ông đã vượt đường xa từ thủ phủ bang đến đây.

Ngực Delacroix căng lên, ưỡn ra thấy rõ và tôi không

nhìn thấy vẻ nghi ngờ nào ở hắn. Dĩ nhiên là họ muốn xem Mr. Jingles biểu diễn. Có ai không muốn xem chứ?

Hắn lục lọi một lúc, trước tiên là dưới tấm ván rồi sau đó là dưới gối. Cuối cùng, hắn lấy ra một viên kẹo bạc hà màu hồng và cái trục chỉ tô màu sắc sỡ. Đoạn hắn đưa mắt nhìn Brutal ra ý hỏi. Brutal gật đầu:

– Đúng vậy, Del, họ nóng lòng muốn xem màn biểu diễn với cái trục chỉ, nhưng cảnh tượng con chuột ôm viên kẹo cũng rất dễ thương. Đừng quên cái hộp xì gà. Mày cần nó để bỏ các vật dụng vào đó bê đi chứ, hay là?

Delacroix lôi cái hộp xì gà ra và bỏ các món muốn mang theo vào đó. Con chuột ngồi trên vai hắn. Đoạn, hắn bước ra khỏi xà lim, ngực ưỡn lên vì hãnh diện và quay lại nhìn Dean và Harry:

– Các ông cũng đi chứ?

– Không, – Dean trả lời – Chúng tao còn nhiều việc phải làm, nhưng mày hãy cố gắng cho họ thấy một người ở Louisiana biết cách huấn luyện thú như thế nào nhé!

– Ấy yên tâm! – Nụ cười nở trên môi làm gương mặt hắn bừng lên vẻ hạnh phúc khiến trong phút chốc tôi xúc động và quên đi tội ác hắn đã gây ra. Ôi, cái thế giới này! Cái thế giới đảo điên này!

Delacroix quay sang nhìn John Coffey. Giữa họ đã nảy sinh một tình bạn mong manh và tôi không nhìn thấy có điều gì khác lạ so với mối quan hệ giữa các tử tù khác.

– Hãy chỉ cho họ xem, Del nhé. – Coffey nói với vẻ nghiêm nghị. – Hãy cho họ xem tất cả các màn biểu diễn.

Delacroix gật đầu và đưa tay lên vai. Mr. Jingles leo lên bàn tay như đây là một sân khấu và Delacroix chìa bàn tay sát xà lim của Coffey. John Coffey đưa một ngón tay khổng lồ của anh ta ra và con chuột vươn cổ tới trước, liếm láp ngón tay của Coffey như một con chó. Thật không thể tin được,

nhưng tôi đã tận mắt chứng kiến cảnh tượng ấy.

Brutal giục:

– Đi nào, Del, đừng để mất thời gian nữa! Những ông kẹ ấy đã bỏ bữa ăn tối ngon lành ở nhà để đến đây xem con chuột biểu diễn đấy.

Đĩ nhiên là điều đó không đúng. Dù sao thì Anderson cũng phải có mặt ở nhà tù đến hai mươi giờ, còn những “ông lớn” mà ông ta kéo theo để xem “màn biểu diễn” của Delacroix thì phải có mặt đến hai mươi ba hoặc hai mươi bốn giờ, tùy thuộc vào việc ca trực của họ kết thúc lúc nào. “Quý ông” đến từ thủ phủ bang hình như là một trong những người gác cổng với chiếc cà vạt đi mượn, nhưng Delacroix không thể nào biết được.

– Tôi đã sẵn sàng. – Delacroix nói với vẻ khiêm tốn giả vờ của một diễn viên ngôi sao.

– Chúng ta đi!

Và khi Brutal dắt hần đi trên *Dặm Xanh* với Mr. Jingles ngồi trên vai, Delacroix hào hứng hô vang: “*Messieur et mesdames! Bienvenue au cirque de mousie!*”⁽¹⁾. Mặc dù đang say sưa với thế giới tưởng tượng, Delacroix cũng đánh một vòng tránh xa Percy và nhìn hần với vẻ nghi ngại.

Harry và Dean đóng cửa xà lim trống đối diện với xà lim của Wharton lại (“chàng dũng sĩ” này vẫn nằm im suốt trong khoảng thời gian đó).

Chúng tôi quan sát Brutal mở cánh cửa ra sân và đưa Delacroix đi thực hiện màn trình diễn lớn của hần trước “các quan chức cấp cao” của nhà tù Cold Mountain. Chúng tôi chờ cho đến khi cánh cửa được khóa lại và tôi ngoảnh nhìn về hướng phòng làm việc. Cái bóng gầy gò vẫn in trên *Dặm Xanh* và tôi vui mừng vì Delacroix đã quá hồi hộp để nhìn thấy nó.

(1) *Thưa quý bà và quý ông! Đây là màn biểu diễn của gánh xiếc chuột.*”

– Ra đây!– Tôi gọi to. – Hãy nhanh lên. Tôi muốn diễn tập hai lần và chúng ta không có nhiều thời gian đâu.

Lão già Toot-Toot xuất hiện với đôi mắt long lanh và vẻ hào hứng như mọi khi, lúc lão đóng vai tử tù bị hành quyết. Lão đi đến xà lim của Delacroix, bước qua khung cửa đang để mở. “Tôi ngồi xuống.” – Lão nói: – “Tôi ngồi xuống, ngồi xuống.”

Đây mới đúng là một gánh xiếc, tôi thầm nghĩ và nhắm mắt lại. Đây mới đúng là gánh xiếc và chúng tôi chỉ là một lũ chuột được huấn luyện. Sau đó tôi cố gạt ý nghĩ này ra khỏi đầu và chúng tôi bắt đầu cuộc diễn tập cho cuộc hành hình.

8

Chúng tôi thực hiện cuộc diễn tập lần thứ nhất khá trôi chảy và cuộc diễn tập lần thứ hai cũng thế. Percy làm tốt nhiệm vụ của mình hơn là tôi có thể mong đợi, ngay cả trong những giấc mơ điên khùng nhất. Điều đó không có nghĩa là tất cả sẽ diễn ra tốt đẹp khi Delacroix phải bước đi trên *Dặm Xanh* để đến với “*Già Sparky*”, nhưng dù sao điều đó cũng hứa hẹn cho một cuộc hành hình trôi chảy. Tôi có cảm tưởng rằng mọi việc diễn ra tốt đẹp bởi vì cuối cùng thì Percy cũng được thực hiện điều mà hắn mong muốn. Tôi tự khinh mình vì ý nghĩ này và cố quên đi.

Điều đó thì có ý nghĩa gì? Hắn sẽ đặt cái mũ chụp lên đầu Delacroix và sẽ nướng ông ta. Và rồi cuối cùng thì tất cả chúng tôi cũng thoát khỏi hai người. Nếu đó không phải là

một kết thúc tốt đẹp thì là cái gì? Và, như giám đốc Moores đã nói, dù sao thì trứng của Delacroix cũng bị rán, bất kể ai là người chỉ huy.

Percy đã chứng tỏ năng lực của mình trong vai trò chỉ huy và hẳn biết điều đó. Tất cả chúng tôi cũng biết như thế. Đối với tôi, tôi có thể trấn an nỗi lo lắng trong lòng. Trông có vẻ như mọi việc sẽ diễn ra tốt đẹp.

Một điều nữa khiến tôi yên lòng là Percy đã chịu lắng nghe những lời chỉ dẫn của chúng tôi để cho cuộc trình diễn của hắn thêm ấn tượng và hạn chế khả năng xảy ra sự cố. Nếu như quý vị muốn biết sự thật thì lúc ấy chúng tôi tương đối hài lòng, cả Dean cũng thế, bình thường thì Dean cố giữ khoảng cách với Percy trong chừng mực có thể được.

Tôi cho rằng sự hài lòng của chúng tôi là điều dễ hiểu. Phần lớn những người đàn ông cảm thấy lòng tự ái được thỏa mãn khi một người trẻ hơn mình thật sự chịu lắng nghe lời khuyên của mình, và về phương diện này thì chúng tôi cũng không khác hơn. Lúc ấy, không ai trong chúng tôi nhận thấy rằng Wild Bill Wharton không còn nằm yên và nhìn trần trời lên trần nhà nữa, kể cả tôi. Hắn nhìn chúng tôi khi chúng tôi đứng bên bục canh, bàn tán và đưa ra những lời khuyên cho Percy. Ôi, những lời khuyên! Và hắn đã làm ra vẻ như đang tiếp thu những ý kiến của chúng tôi. Thật có thể gào lên được nếu nghĩ đến những gì xảy ra sau đó!

Tiếng chìa khóa dứt vào ổ của cánh cửa mở ra sân khiến buổi bình luận sau cuộc diễn tập của chúng tôi chấm dứt. Dean nhìn Percy cảnh cáo:

– Đừng nói và tỏ thái độ gì khác nhé. – Anh ta nói. – Chúng ta không muốn hắn đoán biết được chúng ta đã làm gì. Điều đó không tốt cho họ. Họ có thể phát điên lên.

Percy gật đầu và đưa ngón tay trở lên môi, một cử chỉ

vui vẻ ngấm bảo sẽ im lặng. Cánh cửa mở ra và Delacroix bước vào, theo sau là Brutal, tay bưng hộp xi gà đựng cái trục chỉ sơn màu sắc sỡ, giống như người phụ tá của một nhà ảo thuật thu dọn các món đồ của người nghệ sĩ sau buổi biểu diễn. Mr. Jingles ngồi trên vai của Delacroix. Còn chính Delacroix thì thế nào? Tôi có thể nói với quý vị rằng Jenny Lind sau buổi biểu diễn ở Nhà Trắng cũng không thể hạnh phúc hơn. Delacroix kêu lên:

– O rất thích Mr. Jingles! O đã cười và đã vỗ tay *oan ô* âm ỉ!

– Tốt lắm! – Percy nói. Hắn nói bằng giọng nhẹ nhàng, vui vẻ, hoàn toàn không giống như gã Percy chúng tôi nhìn thấy hàng ngày. – Giờ thì hãy xéo vào xà lim đi, lão già!

Delacroix nhìn Percy với vẻ ngỡ vực và đột nhiên gã Percy thường ngày xuất hiện. Hắn nghiêng rặng treo treo, găm gờ như một con chó bị kích động và làm ra vẻ như định nhảy đến chộp lấy Delacroix để cắn. Tất nhiên Percy chỉ định đùa. Hắn đang hài lòng vì đã hoàn thành vai diễn và hoàn toàn không có ý định cắn, nhưng Delacroix không thể biết được điều đó. Gã nhảy lùi lại, vấp phải đôi bàn chân to lớn của Brutal và ngã ngửa ra, đầu đập xuống sàn. Mr. Jingles chỉ kịp nhảy khỏi Delacroix trước khi bị đè bẹp dí và phóng nhanh vào xà lim của Delacroix.

Delacroix gượng đứng lên, đưa mắt nhìn Percy với vẻ căm giận rồi vội vàng vừa đi theo con chuột, vừa xoa xoa phía sau đầu. Brutal (không biết là Percy đang khoái chí vì được làm công việc yêu thích) lặng lẽ nhìn Percy với vẻ khinh bỉ, bước theo Del và tháo chùm chìa khóa đang mang ở thắt lưng.

Tôi tin rằng sự kiện xảy ra ngay sau đó là lỗi của Percy, bởi vì ngày hôm ấy tâm trạng của hắn vui vẻ lạ thường. Nếu

đúng như thế thì tương ứng với câu tục ngữ mà tôi tình cờ đọc được ở đâu đó, đại khái là “Không có một hành động nào không phải trả giá.” Quý vị có nhớ đã có lần tôi kể rằng trước khi Delacroix được đưa đến đây. Percy đã rượt đuổi con chuột và vô tình đến quá gần xà lim của “Chủ tịch”? Điều đó rất nguy hiểm và chính vì vậy mà hành lang màu xanh lá khá rộng. Nếu luôn giữ đúng vị trí khoảng giữa hành lang thì không bao giờ người ta bị tù nhân trong xà lim chộp được. “Chủ tịch” đã không làm gì Percy nhưng tôi nhớ lại lúc đó tôi đã nghĩ Arlen Bitterbuck có thể làm hại nếu như Percy vô tình đến quá gần xà lim của lão, chỉ nhằm dạy cho Percy một bài học.

Giờ đây, “Chủ tịch” và Tù trưởng đã đi rồi, nhưng Wild Bill Wharton lại ở đó. Hắn nguy hiểm hơn cả “Chủ Tịch” và Tù trưởng gộp lại. Hắn đã quan sát mọi diễn biến và rình rập chờ cơ hội tham gia vào. Cơ hội này đã đến ngay trước mắt hắn – nhờ ơn Percy Wetmore!

– Này, Del! – Percy vừa cười vừa đi theo Brutal và Delacroix và trong lúc đó vô tình tiến quá gần đến xà lim của Wharton. – Này, thằng ngu, tao không định làm thế đâu! Tao chỉ ...

Wharton phóng nhanh như tia chớp xuống tấm ván và đến sát các chấn song sắt. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người nhanh nhẹn như thế, ngoại trừ một vài thanh niên có tố chất bẩm sinh là một vận động viên điền kinh mà sau này Brutal và tôi đã gặp ở trại cải tạo thanh thiếu niên. Hắn đưa tay qua song sắt xà lim chộp lấy Percy, trước tiên là vai áo, sau đó là nắm lấy cổ họng anh ta. Wharton lôi Percy đến sát cửa xà lim. Percy kêu lên như một con lợn khi bị chọc tiết và tôi đọc được trong đôi mắt hắn nỗi kinh hoàng. Hắn nghĩ rằng mình sẽ phải chết.

– Ô, em xinh quá! – Wharton thì thầm. Nó bỏ bàn tay đang nắm cổ họng Percy ra và vuốt nhẹ lên mái tóc Percy – Ô, thật mềm mại! – Hắn nói và cười hăng hắc. – Giống như tóc của con gái. Tao tin rằng tao sẽ thích yêu mày hơn là em gái của mày. – Và quả thật, hắn hôn lên tai của Percy.

Tôi nghĩ rằng Percy – kẻ đã đánh Delacroix đã man bằng cây dùi cui chỉ bởi vì Delacroix vô tình chạm nhẹ vào quần, chỗ bụng dưới của hắn – biết rất rõ điều gì xảy ra với mình. Gương mặt của Percy tái nhợt không còn chút máu, đến nỗi thấy rõ từng nốt mụn trên gò má của hắn. Đôi mắt hắn mở to và ướt ướt. Một ít nước dãi chảy ở khóe miệng đang run run của hắn.

Tất cả diễn ra rất nhanh, tôi đoán rằng không quá mười giây.

Harry và tôi chạy tới, tay cầm dùi cui giơ lên cao. Dean đã rút súng, nhưng trước khi sự việc diễn tiến tới tệ hơn, Wharton buông Percy ra và bước lùi lại. Hắn giơ hai tay lên, cười khoái trá:

– Tao thả nó ra rồi. Tao chỉ đùa chút thôi và tao đã buông nó ra rồi – hắn nói. – Tao không làm cong một cọng tóc trên cái đầu xinh đẹp đó đâu. Bọn bay đừng nhét tao vào cái buồng cao su chết tiệt lần nữa.

Percy Wetmore lảo đảo lùi sang phía bên kia hành lang và dựa lưng vào cái xà lim đang để trống. Hắn thở nhanh và mạnh, nghe như tiếng nước nổ. Hắn đã học được bài học rằng phải luôn đứng vào khoảng giữa của hành lang màu xanh lá để không bị tù nhân tóm cổ. Tôi nghĩ rằng bài học ấy lưu lại trong óc hắn lâu hơn là tất cả những lời khuyên của chúng tôi sau buổi diễn tập. Gương mặt của hắn lộ vẻ kinh hoàng và mái tóc luôn được chải chuốt của hắn lần đầu tiên – kể từ khi tôi biết hắn – bị rối bù. Trông hắn giống như một người vừa

thoát khỏi một vụ cưỡng hiếp trong đường tơ kẻ tóc.

Tất cả yên lặng sống sờ một lúc lâu, chỉ nghe hơi thở hỗn hển như tiếng nấc của Percy. Đột nhiên một tràng cười chói tai vang lên xé tan sự im lặng khiến mọi người đều giật mình. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là chính Wharton cười, nhưng không phải. Đó là Delacroix. Gã đang đứng trước cánh cửa xà lim còn đang để mở, tay chỉ Percy, con chuột ngồi trên vai gã và trông gã như một phù thủy bé nhỏ độc ác.

– Nhìn xem, *ấn tè* trong quần kia! – Delacroix khoái trá. – Xem người đàn ông can đảm kia làm gì? *Ấn* đánh người ta bằng đùi cui, nhưng khi có người chạm vào *ấn* thì *ấn* tè ra quần như một đứa trẻ!

Delacroix cười ngặt nghẽo và chỉ vào quần của Percy. Toàn bộ nỗi sợ hãi và căm ghét của gã đối với Percy thể hiện qua tràng cười nhạo báng ấy.

Percy nhìn Delacroix trân trối. Hình như hắn không còn đủ sức để cử động hoặc nói được nữa. Wharton lại bước tới sát song sắt và nhìn vào chỗ ướt trên quần Percy, nhạo báng:

– Phải có ai đi mua tã cho nó. – Hắn lắc đầu, quay trở lại tấm ván nằm của mình, ôm bụng cười ngặt nghẽo.

Tôi đặt tay lên vai Percy:

– Percy ..., – Tôi định nói, nhưng không thể tiếp tục hết câu. Hắn bưng tỉnh và hất tay tôi ra. Hắn nhìn xuống quần, nơi chỗ ướt đang lan rộng và mặt đỏ bừng.

Percy ngược nhìn tôi, rồi Harry và sau đó là Dean. Tôi nhớ lại lúc đó tôi đã lấy làm mừng vì lão già Toot-Toot không có mặt ở đây, nếu không, toàn bộ sự kiện này sẽ lan truyền cả nhà tù chỉ trong vòng một ngày và người ta còn kể đi kể lại với sự khoái trá hàng năm trời, không chỉ vì sự tình cờ trùng lặp với cái tên của Percy⁽¹⁾.

(1) *Wetmore*, họ của Percy, có nghĩa là thấm ướt hơn

– Nếu bạn bay kể lại với bất kỳ ai về chuyện này thì tao thề rằng trong vòng một tuần lễ, tất cả tội bay sẽ thất nghiệp và có thể đi ăn mày! – Percy nghiêng rằng, giận dữ nói. Đó là cách nói mà nếu trong trường hợp khác tôi sẽ không bỏ qua, nhưng bây giờ thì tôi chỉ thấy thương hại bạn. Tôi cho rằng bạn đã nhìn thấy sự thương hại ấy và điều đó đối với bạn càng tồi tệ hơn, làm như bị ai rắc muối lên vết thương.

– Chuyện gì xảy ra ở đây, sẽ ở yên đây! – Dean điềm tĩnh nói. – Cậu không cần phải lo lắng.

Percy nhìn qua vai về hướng xà lim của Delacroix. Brutal vừa mới khóa cửa lại và từ chỗ đứng, chúng tôi còn nghe rõ tiếng cười khúc khích của gã. Gương mặt của Percy tối sầm lại như bầu trời trong cơn giông. Tôi chợt muốn nói với bạn rằng trong cuộc sống, người ta sẽ gạt những gì mình đã gieo, nhưng sau đó, tôi nghĩ đây là thời điểm không thuận tiện và bỏ ý định ấy.

– Còn thằng đó, nó sẽ... – Percy không nói hết câu, thay vào đó, bạn bỏ đi, mặt cúi gằm, hình như để tìm trong nhà kho một cái quần khô.

– Ô, nó xinh thật! Giống như con gái! – Wharton nói với giọng mơ màng.

Harry ra lệnh cho bạn cầm mồm, nếu không chúng tôi sẽ lại tống bạn vào buồng cao su. Wharton khoanh hai tay trước ngực, nhắm mắt lại giả vờ như đã ngủ rồi.

9

Vào buổi tối, một ngày trước khi Delacroix bị tử hình, trời nóng bức, ngột ngạt hơn bao giờ hết. Tôi bước vào ca trực lúc sáu giờ chiều. Chiếc nhiệt kế treo bên ngoài văn phòng chỉ đến 28°C. Quý vị hãy hình dung hai mươi tám độ vào cuối tháng mười và tiếng sấm rền vang như là thời tiết vào tháng bảy. Tôi đã gặp một người quen thường hay đi lễ ở nhà thờ gần chỗ chúng tôi. Ông ấy nói rằng thời tiết bất thường năm nay báo hiệu cho ngày tận thế sắp đến. Tôi đã nói với ông ta là tôi tin không phải vậy, nhưng sau đó, tôi chợt nghĩ rằng có lẽ là ngày tận thế của Declacroix. Ồ, vâng, đúng như thế.

Bild Dodge đang đứng trước cửa ở ngoài sân, uống cà phê và hút một điếu thuốc lá.

– Hôm nay thế nào, Billy?

– Không có gì đặc biệt

– Còn Delacroix?

– Rất tốt. Hình như nó biết rằng ngày mai là đến lượt mình, nhưng tôi có cảm tưởng nó vẫn chưa hiểu. Anh biết rồi đó, phần lớn trở nên ngây ngô khi ngày kết thúc đến gần.

Tôi gật đầu:

– Còn Wharton?

Bill bật cười.

– Thật là khôi hài. Nó kể với Rolfe Wettermark rằng nó đã liếm mút dậu trên ngực vợ nó.

– Rồi Rolfe bảo sao?

– Rằng Wharton chưa có vợ bao giờ. Anh ta nói có lẽ Wharton muốn nói đến mẹ của nó.

Tôi bật cười. Thật khôi hài, nhưng là kiểu khôi hài rẻ tiền. Dù sao còn có thể cười được là tốt thay vì cảm thấy nổi lo lắng trĩu nặng trong lòng. Bill cười theo, trút phần còn lại của ly cà phê xuống cái sân trống rỗng.

Có tiếng sấm chớp rền vang phía chân trời. Bill nóng nảy nhìn lên, nụ cười trên môi chợt tắt.

– Thời tiết khó chịu quá. – Ông ta nói. – Tôi có linh cảm lạ lùng rằng sắp có điều gì đó xảy ra. Một điều gì rất tồi tệ.

Ông ta có lý. Điều tồi tệ xảy ra lúc mười giờ kém mười lăm phút tối hôm ấy, khi Percy giết chết Mr. Jingles.

10

Thoạt đầu có vẻ như mặc dù thời tiết rất oi bức nhưng mọi việc sẽ tốt đẹp. John Coffey vẫn lặng lẽ, trầm ngâm như mọi khi, Bill-Hung-Bao⁽¹⁾ trở thành Bill-Hiền-Lành⁽²⁾ và Delacroix thì rất vui vẻ so với một người chỉ còn hai mươi bốn giờ đồng hồ trước khi phải lên ghế điện.

(1) Wild Bill, (2) Mild Bill

Gã hiểu giờ cuối của mình sắp điểm và đã đặt món thịt hầm bột chiên giòn cho bữa ăn cuối cùng, “Ít nhất là bốn miếng” và đã nói với tôi chỉ dẫn nhà bếp phải làm như thế nào:

– Ông nói với ọ ấy làm nước sốt thật cay nhé, cay đến nổi lửa bốc trong miệng khi nói “allô”. Ọ nên lấy ớt xanh, loại đó rất cay, cay đến nổi tôi không cần phải đi cầu vào ngày hôm sau, nhưng lần này thì không cần thiết, *n'est ce pas?*⁽¹⁾

Phần lớn tử tù rất lo sợ cho linh hồn bất tử của họ, nhưng Delacroix tỏ vẻ không quan tâm lắm khi tôi hỏi gã muốn cầu nguyện với ai trong giờ phút cuối. Nếu “gã Schuster kỳ quặc” đủ tốt với Tù trưởng Bitterbuck thì cũng tốt đối với gã, Del nói như thế. Không, điều gã lo lắng không phải là cho linh hồn bất tử của mình, mà – có lẽ quý vị cũng đoán được rồi – là Mr. Jingles. Nó sẽ ra sao sau khi gã ra đi? Tôi đã quen với việc phải trải qua nhiều giờ với tử tù trước khi họ lên ghế điện, nhưng đây là lần đầu tiên tôi mất nhiều thời gian đến thế để suy nghĩ về số phận của một con chuột.

Del cân nhắc hết phương án này đến phương án khác, kiên nhẫn xem xét từng khả năng. Trong khi gã thốt lên suy nghĩ thành lời và phác thảo kế hoạch tương lai cho con chuột, làm như đấy là đứa con của gã và gã đang cân nhắc xem nên gửi nó vào trường trung học nào, gã ném cái trục gỗ lăn vào tường và mỗi lần như thế, Mr. Jingles phóng theo, lăn cái trục chỉ ấy đến sát bàn chân của Del. Một lúc sau, tôi cảm thấy khó chịu, thứ nhất là vì cái trục lăn tới lăn lui lách cách; thứ hai là tiếng con chuột. Mặc dù đó là một màn rất ngộ nghĩnh, nhưng cứ lặp đi lặp lại như thế trong một tiếng rưỡi đồng hồ thì không còn thú vị gì nữa. Thế nhưng hình như Mr. Jingles không hề cảm thấy mệt mỏi. Thỉnh thoảng

(1) phải không?

nó dừng lại để uống một ngụm nước từ cái đĩa nhỏ xíu để dưới tấm ván và nhấm nháp chút kẹo bạc hà, rồi lại tiếp tục. Đôi khi tôi muốn bảo Delacroix hãy ngưng cái trò ấy đi, nhưng tôi chợt nhớ lại gã chỉ còn có đêm nay và buổi sáng ngày mai để chơi với con chuột và thế là tôi đành câm miệng. Cuối cùng, thật khó mà chịu ý gã được. Quý vị đã biết cứ phải nghe mãi một loại tiếng động lặp đi lặp lại là như thế nào rồi. Chỉ được một lúc đã khiến ta căng thẳng thần kinh. Tôi định bảo với Delacroix, nhưng có cái gì đó khiến tôi phải quay lại nhìn ra cửa xà lim. John Coffey đang đứng sát cửa xà lim của anh ta và lắc đầu: sang trái, sang phải và trở về vị trí cũ. Làm như là anh ta đã đọc được ý nghĩ của tôi và định bảo rằng tôi hãy suy nghĩ trước khi nói.

Tôi nói rằng tôi sẽ đem con chuột đến giao cho bà dì của Delacroix, người đã gửi cho gã từng túi kẹo bạc hà lớn. Cái trục chỉ sơn màu sắc sặc sỡ cũng đi theo đến nhà bà dì, thậm chí cả “cái nhà” của nó. Chúng tôi sẽ quỳn góp để thanh toán cho Toot Toot và vận động lão không đòi cái hộp xi gà lại.

– Không, – Delacroix nói sau một hồi suy nghĩ (trong khoảng thời gian đó gã đã ném cái trục chỉ ít nhất là năm lần và Mr. Jingles, hoặc là dùng mũi, hoặc dùng bàn chân để lăn nó đến sát bàn chân của Delacroix), không, không được. Dì Hermine quá già và không thể nào *lểu* được phong cách sinh động của Mr. Jingles. Trong trường hợp bà ấy chết trước Mr. Jingles thì sao? Điều gì sẽ xảy ra với nó? Không – Không nên nghĩ tới phương án đến nhà bà dì Hermine nữa.

– Và nếu một người trong tụi tao giữ nó thì sao? – Tôi hỏi.
– Một trong các quản giáo ở đây? Chúng tao sẽ giữ nó ở trại E.

– Không, Delacroix nói. Gã rất cảm ơn tôi về đề nghị

đó, *certainement*⁽¹⁾, nhưng Mr. Jingles là một con chuột, nó sẽ buồn nhớ tự do. Eduard Delacroix biết điều đó, bởi vì Mr. Jingles đã thì thầm vào tai gã ý kiến này.

– Thôi được, – tôi nói. – Thế thì một người trong bọn tao sẽ đem nó về nhà, Del ạ. Có thể là Dean. Anh ấy có một đứa con trai nhỏ, nó sẽ thích con chuột.

Mặt Delacroix tái nhợt vì hoảng sợ trước đề nghị này. Một đứa bé sẽ chăm sóc cho con chuột thông minh nhất thế giới này hay sao? Làm sao, lạy Chúa, một đứa bé có thể huấn luyện con chuột bài bản, thường xuyên được, chưa nói đến việc dạy cho nó các trò biểu diễn mới? Rồi đứa bé sẽ quên và bỏ đói nó vài ba ngày thì sao? Delacroix, kẻ đã thiêu sống sáu con người chỉ để phi tang bằng chứng cho hành vi phạm tội của mình, lại kinh hoàng trước viễn cảnh một con chuột có thể bị bỏ đói!

– Thôi được – tôi tuyên bố – tôi sẽ đem con chuột về nhà mình (quý vị có nhớ không, trong bốn mươi tám giờ đồng hồ cuối cùng của cuộc đời họ, tôi hứa với họ tất cả?). Này, như thế đã ổn chưa?

– Không được, sếp Edgecombe! – Del nói với giọng có lỗi. Gã lại ném cái trục chỉ. Nó văng vào tường, dội lại rồi xoay tròn. Mr. Jingles bò nhanh tới, đẩy cái trục trở về chỗ Delacroix. – Cảm ơn sếp, nhưng ông ở bìa rừng và Mr. Jingles không muốn sống ở khu rừng rậm, nó sợ. Tôi biết, bởi vì ...

– Tao nghĩ rằng tao có thể đoán do đâu mày biết điều đó rồi, Del ạ. – Tôi ngắt lời gã.

Delacroix gật đầu, mỉm cười.

– Nhưng chắc chắn chúng ta sẽ giải quyết được vấn đề

(1) dĩ nhiên rồi

này! – Gã lại ném cái trục. Mr. Jingles lại bò nhanh theo nó. Tôi cố gắng để không lộ vẻ bức bối.

Cuối cùng thì Brutal đã cứu vãn tình thế đang đi dần đến chỗ tuyệt vọng. Anh ta đang ngồi sau bụi cạnh xem Dean và Harry chơi cờ. Percy cũng có mặt ở đó. Có lẽ vì không muốn bắt chuyện với Percy nên Brutal đứng dậy đi về chỗ tôi. Tôi đang ngồi trên một cái ghế trước cửa xà lim của Delacroix. Brutal khoanh tay trước ngực và lắng nghe cuộc thảo luận của chúng tôi.

– Thế ở thành-phố-chuột thì sao?

Brutal hỏi sau một lúc suy nghĩ, khi Delacroix từ chối việc con chuột đến ở căn nhà nhỏ bên bờ rừng của tôi. Anh ta làm ra vẻ thờ ơ như muốn nói đó chỉ là một ý nghĩ bất chợt.

– Thành-phố-chuột?– Delacroix hỏi và nhìn Brutal với vẻ vừa ngạc nhiên vừa quan tâm. – Thành-phố-chuột là gì?

– Đó là một khu du lịch ở Florida. – Brutal đáp. – Tallahassee, hình như thế. Paul, có phải ở đấy là Tallahassee?

– Đúng vậy, – tôi trả lời không chút ngần ngại và nghĩ thầm: “Chúa phù hộ cho Brutus Howell.” – Tallahassee. Rẽ phải nơi ngã tư dẫn vào trường đại học dành cho chó.

Miệng của Brutal giật giật khi nghe tôi chỉ đường đi đến đó và tôi nghĩ anh ta sẽ phá lên cười và sẽ làm hỏng việc, nhưng Brutal đã tự kềm chế và gật đầu. Tôi có thể tưởng tượng anh ta sẽ hỏi tôi về trường đại học chó.

Lần này thì Del không ném cái trục chỉ nữa, mặc dù Mr. Jingles đang ngược mắt chờ đợi. Gã người Pháp đưa mắt nhìn Brutal rồi sang tôi, rồi lại nhìn Brutal.

– Thế người ta làm gì ở thành-phố-chuột? – Delacroix hỏi.

– Anh nghĩ họ có chịu tiếp nhận Mr. Jingles không? – Brutal hỏi tôi và làm ra vẻ không quan tâm đến Del. – Anh nghĩ Mr. Jingles có đủ điều kiện không?

Tôi làm bộ như đang suy nghĩ rất căng. Cuối cùng tôi trả lời:

– Cậu biết không, càng suy nghĩ tôi càng thấy có nhiều khả năng.

Qua khoeo mắt, tôi nhìn thấy Percy đang đi đến chỗ chúng tôi (hắn đánh một vòng cung tránh xa xà lim của Wharton; quả thật là hắn chưa quên bài học). Percy đứng tựa vai vào một xà lim không có người và lắng nghe câu chuyện của chúng tôi với nụ cười khinh miệt trên môi.

– Cái thành-phố-chuột đó là gì? – Delacroix sốt ruột hỏi.

– Một khu du lịch, tao đã nói rồi. – Brutal trả lời. – Ở đó phải chứa ít nhất hàng trăm con chuột, tao không nhớ chính xác là bao nhiêu. Paul, anh có thể nói cho tôi biết ở đó có được một trăm con chuột không?

– Cho đến hôm nay đã lên đến một trăm năm mươi rồi. – Tôi đáp. – Và họ thành công lớn. Tôi nghe nói họ định mở một chi nhánh ở L.A. và gọi là thành-phố-chuột phía Tây, bởi vì công việc kinh doanh đang phát đạt. Những con chuột biết làm xiếc được tuyển mộ từ khắp nơi trên thế giới. Thật ra tôi cũng không biết rõ lắm.

Delacroix ngồi với cái trục chỉ trong tay, nín thở lắng nghe chúng tôi nói và trong khoảnh khắc hoàn toàn quên đi tình cảnh của mình.

– Họ chỉ nhận những con chuột giỏi nhất. – Brutal nhắc nhở. – Những con chuột có thể trình diễn các màn phức tạp. Và họ không thích chuột bạch. Chuột bạch chỉ dùng để thí nghiệm thôi.

– Thí nghiệm bằng chuột, mẹ kiếp! – Delacroix chen vào. – Tôi ghét dùng chuột để thí nghiệm.

– Dù sao thì ở đó họ cũng có cái lều. – Brutal nói tiếp, mắt nhìn xa xa trong khi anh ta ra sức tưởng tượng. – Ở trong cái lều đó người ta có một cái gì, đại loại như...

– Đúng rồi, một gánh xiếc! Người ta có phải trả tiền để vào xem không?

– Bộ mày đùa hay sao chứ? Dĩ nhiên người ta phải trả tiền để vào xem! Người lớn một *dime*⁽¹⁾ còn trẻ em là hai *cent*⁽²⁾. Cả thành phố được làm bằng các hộp bằng ba-kê-lit với trục giấy, các cửa sổ bằng... bằng gì nhỉ... À, bằng vật liệu đặc biệt để người ta có thể nhìn thấy những gì diễn ra bên trong.

– Đúng rồi! Đúng rồi! – Delacroix phấn khởi kêu lên. Gã quay sang tôi, hỏi: – Vật liệu đặc biệt là gì?

– À, giống như ở lò nướng, để nhìn thấy bánh đang ở bên trong. – Tôi trả lời.

– À ra thế!

Delacroix hoa tay thúc giục Brutal nói tiếp và đôi mắt nhỏ long lanh của Mr. Jingles đảo theo cái trục sắc sỡ

(1) Đồng mười xu (1/10 đô la Mỹ)

(2) Xu (1/100 đô la Mỹ)

Delacroix cầm trên tay. Cảnh tượng trông rất buồn cười. Percy tiến đến gần, làm như muốn nhìn rõ hơn và tôi thấy John Coffey sa sầm mặt theo dõi Percy, nhưng tôi quá chú ý đến câu chuyện của Brutal nên không quan tâm đến hắn. Brutal đang lập một kỷ lục mới về việc cố gắng trấn an tử tù trước ngày thi hành án, kể cho họ nghe những gì họ muốn nghe. Quả thật đáng khen, tôi thầm nghĩ.

– Thế, – Brutal tiếp tục, – đó là thành-phố-chuột – Mouse City. Nhưng đặc biệt bọn trẻ con thích xem các ngôi sao chuột làm xiếc như nhảy cầu, lăn các trục be bé, nhảy múa trên dây và ...

– Đúng rồi! Đó là chỗ của Mr. Jingles! – Cặp mắt của Delacroix long lanh và đôi má gã đỏ bừng vì niềm hân hoan vô bờ. Tôi chợt nghĩ có lẽ Brutus Howell là một thiên thần được phái xuống. – Mr. Jingles, mày sẽ vào gánh xiếc chuột! Mày sẽ sống trong thành phố chuột ở Florida với cửa sổ bằng vật liệu đặc biệt! *Oan ô!*

Gã hào hứng tung cái trục chỉ đang cầm trong tay. Nó văng vào tường, xoay tròn rồi lăn qua khe hở giữa hai chấn song sắt xà lim ra ngoài hành lang màu xanh lá. Mr. Jingles phóng theo cái trục và Percy nhìn thấy cơ hội của hắn.

– Không, Percy, dừng lại!

Brutal hét lên nhưng Percy không nghe anh ta. Khi Mr. Jingles chạy đến gần cái trục chỉ và quá tập trung chú ý vào đó đến nỗi không hề nhận thấy kẻ thù đang tiến lại gần, Percy dẫm mạnh bàn chân mang giày cảnh binh để cứng lên mình con chuột. Có tiếng “crắc” khi xương sống của Mr.

Jingles bị gãy và máu trào ra miệng nó. Đôi mắt đen nhỏ xíu của con chuột lồi ra và tôi nhìn thấy trong đó sự kinh ngạc, nỗi đau đớn khi cái chết đến gần, giống như đôi mắt của con người. Delacroix thét lên kinh hoàng. Gã quăng mình vào cánh cửa xà lim, chìa hai tay qua khe hở của các chấn song sắt và gào tên con chuột không ngừng.

Percy quay sang nhìn Delacroix – nhìn ba chúng tôi – mỉm cười:

– Thế đấy, – hắn nói, – tao đã biết là tao sẽ giết được nó, sớm hay muộn mà thôi. Đây chỉ là câu hỏi của thời gian.

Hắn quay lưng và thản nhiên bước đi trên hành lang màu xanh lá, bỏ lại con chuột nằm trên vũng máu dưới nền đang mỗi lúc một lan rộng.

phần 4

*cái chết
đau đớn*

1

Từ khi tôi đến Georgia Pines, bên cạnh việc viết lại câu chuyện này, tôi còn viết nhật ký. Không có việc gì lớn, chỉ vài dòng mỗi ngày, chủ yếu là về thời tiết. Đêm qua tôi đã giở ra xem lại thời gian đã bao lâu, kể từ khi hai đứa cháu ngoại của tôi, Christopher và Lisette, đưa tôi đến trại dưỡng lão này. “Ông ngoại ạ, chỉ vì như thế là tốt hơn cho ông”, chúng nói. Dĩ nhiên là chúng cũng nghĩ như thế. Không phải phần lớn đều nói như vậy khi họ tìm ra cách giải quyết một vấn đề gì khó xử hay sao?

Đã hơn một năm rồi. Điều đáng ngại là tôi không biết rằng mình cảm thấy một năm ấy dài hơn hoặc ngắn hơn thực tế. Sự cảm nhận về thời gian của tôi đã tan chảy như ông già tuyết của một đứa trẻ trong cơn giông gió vào tháng giêng. Thời gian không còn được ghi nhận như trước nữa: thời gian của mùa hè, thời gian làm việc, thời gian nghỉ phép... tất cả không còn nữa. Ở đây chỉ có thời gian của Georgia Pines và đó là thời kỳ của-các-ông-lão, thời-kỳ-của-các-bà-lão và thời-kỳ... tiêu-tiểu-trên-giường. Tất cả đã qua.

Đây là một địa điểm rất nguy hiểm. Lúc đầu người ta không nhận thấy điều đó, người ta chỉ thấy buồn chán. Nhưng đây là một nơi nguy hiểm, tôi có thể khẳng định với quý vị điều đó. Từ khi đến đây, tôi đã thấy rất nhiều người trượt vào tình trạng suy nhược. Đôi khi không thể gọi là “trượt”, bởi vì

họ yếu đi với tốc độ của một chiếc tàu ngầm lặn nhanh xuống đáy biển. Phần lớn đều ổn khi mới đến đây, có thể đôi mắt họ hơi mờ hoặc cần một cây gậy để chống khi đi lại, hoặc là hơi yếu ớt, nhưng ngoài ra thì ổn cả. Rồi điều gì đó dần dần đến với họ. Một tháng sau họ chỉ ngồi trong phòng vô tuyến truyền hình, nhìn trần trời lên màn hình có Oprah Winfrey, cầm ly nước chanh trên bàn tay run rẩy mà không nhớ và nghiêng dần cái ly, nước chảy xuống nền. Sau một tháng nữa thì người ta phải nhắc cho họ biết tên con của họ khi chúng đến thăm. Và sau một tháng nữa thì họ không còn nhớ chính cái tên của mình. Như tôi đã nói, có một điều gì đã xảy ra với họ. Thời gian của Georgia Pines đã ăn mòn trí óc của họ. Thời gian ở đây như một loại axit yếu, trước tiên nó sẽ ăn mòn ký ức của họ rồi sau đó là ý chí muốn sống, muốn tồn tại.

Người ta phải chiến đấu chống lại loại axit ấy. Tôi cũng nói điều ấy với Elaine Connelly, bà bạn già của tôi. Việc ghi lại những sự kiện xảy ra năm 1932, năm John Coffey đến trại E, đã khiến tình trạng của tôi tốt hơn. Một vài hồi ức thật khủng khiếp, nhưng tôi cảm thấy chúng làm cho tinh thần và ý thức của tôi thêm sắc sảo, giống như một con dao gọt nhọn đầu bút chì, mặc dù chúng khiến tôi đau đớn. Nhưng việc viết lách và các hồi ức không thôi vẫn chưa đủ. Tôi còn có một cơ thể, dù đã già yếu, và tôi vẫn phải luyện tập theo khả năng của mình. Lúc đầu thật là khó khăn, nhưng bây giờ thì đã dễ dàng hơn, bởi vì việc đi dạo của tôi đã có một mục đích.

Tôi thực hiện cuộc đi bộ thứ nhất trước giờ ăn điểm tâm, khi trời vừa mờ sáng. Sáng nay trời đã đổ mưa và với thời tiết như thế này, khớp xương của tôi nhức nhối, nhưng tôi vẫn lấy cái áo mưa mặc ở phía sau hành lang nhà bếp và đi ra ngoài. Khi người ta có một nhiệm vụ thì phải thực hiện và nếu có bị đau cũng không thể làm gì khác. Quan trọng là ta còn cảm nhận được thời gian thực sự, ngược lại với thời

gian của Georgia Pines. Đặc biệt những buổi sáng sớm như thế này là cơ hội tốt cho một lão già như tôi.

Tôi đi qua nhà bếp, nhón lấy hai miếng bánh mì nướng lúc người đầu bếp đang ngái ngủ và đi ra ngoài. Tôi băng ngang con đường nhỏ và một khoảng sân đầy cỏ dại. Phía bên kia có một khu rừng nhỏ với các túp lều bị bỏ hoang từ lâu. Tôi đi chậm chậm trên con đường mòn dẫn vào rừng, lắng nghe tiếng mưa rơi trên lá và nhấm nháp mẫu bánh mì bằng hai hàm răng rụng gần hết của mình. Hai chân tôi bị đau, nhưng là cơn đau âm ỉ, có thể chịu đựng được. Tôi hít vào một hơi dài, tiếp nhận luồng không khí trong lành buổi sáng.

Khi đến túp lều ấy lần thứ hai, tôi bước vào trong một lúc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Hai mươi phút sau, tôi trở ra con đường mòn. Tôi cảm thấy cơn đói đang cồn cào trong dạ dày và tự nhủ mình sẽ dùng món gì chắc bụng hơn là bánh mì nướng. Có thể là một đĩa xúp và một cái xúc xích nhỏ. Tôi thích ăn xúc xích nhưng bây giờ, khi ăn nhiều hơn một cái, tôi lại bị tiêu chảy. Sau bữa điểm tâm, khi đã no nê và nhờ không khí trong lành tôi đã hít vào khiến đầu óc thêm minh mẫn (tôi hy vọng thế), tôi sẽ vào *solarium* và viết về cuộc hành hình Delacroix. Tôi phải nhanh chóng hoàn tất việc này trước khi tôi không còn đủ can đảm.

Khi băng ngang con đường nhỏ và bước vào nhà bếp, tôi vẫn nghĩ đến cảnh Percy giẫm mạnh lên con chuột và làm gãy xương sống của nó, nhớ đến tiếng thét của Delacroix khi nhìn thấy hành động của kẻ thù và không nhận ra Brad Dolan đang đứng nấp sau thùng rác ở cánh cửa bếp. Tôi chỉ nhận ra hấn khi hấn chộp lấy khuỷu tay tôi.

– Đi dạo buổi sáng à, Paulie?– Brad Dolan hỏi.

Tôi giật mình lùi lại vì hoảng sợ, nhưng không chỉ vì thế. Tôi đang nghĩ đến Percy và Brad luôn gợi cho tôi hình

ảnh của Percy. Một phần vì Brad, cũng như Percy, luôn giắt trong túi một thứ gì đó để đọc (với Percy là các câu chuyện phiêu lưu; còn Brad là tập truyện cười với các câu chuyện chỉ làm người ta cười được khi người ta vừa ngu ngốc, vừa hèn hạ), một phần vì hấn làm ra vẻ mình là một người có nhiều thể lực, nhưng chủ yếu là vì cả hai đều độc ác và rất thích hành hạ người khác.

Brad vừa mới đến và chưa kịp mặc vào chiếc áo choàng trắng dành cho hộ lý. Hấn mặc quần jean và một chiếc áo sơ mi sặc sỡ. Bàn tay hấn vẫn còn cầm miếng bánh ngọt mới nhón ở nhà bếp. Hấn đứng ở chỗ mái che của nhà bếp, vừa tránh mưa, vừa ăn và đồng thời vừa có thể rình rập tôi, tôi chắc chắn như thế. Tôi sẽ phải cẩn thận đối với gã Brad Dolan này. Hấn không ưa tôi. Tôi không biết tại sao, cũng như tôi không bao giờ biết tại sao Percy Wetmore có ác cảm với Delacroix đến thế. “Có ác cảm” là cách diễn đạt nhẹ nhàng, phải nói là Percy căm ghét Delacroix ngay từ khoảnh khắc đầu tiên khi gã người Pháp bé nhỏ ấy bước vào *Dặm Xanh*.

– Paulie, lão mặc cái áo mưa của ai đấy? – Brad Dolan hỏi và đưa tay lên lật cổ áo. – Đó không phải là áo của lão.

– Tôi đã lấy nó ở chỗ hành lang của nhà bếp. – Tôi nói. Tôi rất ghét khi nghe hấn gọi tôi là Paulie và tôi nghĩ hấn biết điều đó. Nhưng tôi không muốn hấn khoái trá khi chọc giận được tôi. – Có một dây áo mưa được treo ở đó. Tôi không làm nó bị hư hao gì, đúng không? Dù sao thì vật ấy cũng được làm ra để đi mưa.

– Nhưng nó không được làm ra cho *lão*, Paulie ạ. – Hấn khăng khăng bám vào cái cớ ấy. – Đó là điểm mấu chốt. Các áo mưa ở đó dành cho nhân viên chứ không phải cho trại viên.

– Tôi vẫn không hiểu có ai bị thiệt thòi gì khi tôi mượn tạm một chiếc áo mưa.

– Cái đó không liên quan gì đến thiệt thòi hay thiệt hại. Cái đó liên quan đến các qui định. Cuộc sống sẽ như thế nào nếu không có những điều qui định? Ôi, Paulie, Paulie, Paulie...

Brad Dolan nhìn tôi cười với vẻ khinh khỉnh. Đúng là hắn không ưa tôi, thậm chí có thể căm ghét nữa. Nhưng tại sao? Tôi không biết. Đôi khi một số sự việc không có nguyên nhân. Đó là điều bí ẩn của cuộc sống.

– Thế thì tôi xin lỗi vì đã vi phạm điều qui định.

Tôi nói với giọng nghẹn ngào sắp khóc và tôi tự giận mình vì điều đó, nhưng tôi đã già, và người già rất dễ khóc. Những người già thường dễ sợ sệt trước mọi việc.

Brad gật đầu:

– Lời xin lỗi được chấp thuận, còn bây giờ thì lão hãy treo cái áo vào chỗ cũ! Lão không có việc gì phải đi lang thang ở ngoài vào lúc sáng sớm, đặc biệt là ở trong rừng. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu lão trượt chân ngã và bị gãy xương hông? Hử? Hử? Ai là người phải vác cái thân già của lão từ rừng vào trại?

– Tôi không biết, – tôi nói. Tôi chỉ muốn thoát khỏi hắn. Càng nghe hắn nói, tôi càng thấy hắn giống Percy. William Wharton, một thằng điên đến trại tử tù vào mùa thu năm 1932 đã có lần tóm được Percy và làm cho hắn sợ đến mức vãi dái trong quần. *“Nếu bọn bây kể cho ai biết chuyện này, thì trong vòng một tuần bọn bây sẽ thất nghiệp và có thể đi ăn mày”*, Percy đã dọa chúng tôi như thế. Còn bây giờ, sau gần ấy năm, tôi cũng nghe từ Brad Dolan những lời gần như thế, với kiểu nói như thế. Làm như là qua việc viết lại câu chuyện ấy, tôi đã mở một cánh cửa bí ẩn nào đó liên kết quá khứ và hiện tại. Từ Percy Wetmore đến Brad Dolan, từ Janice Edgecombe đến Elaine Connelly, từ nhà tù Cold

Mountain đến trại dưỡng lão Georgia Pines. Và nếu như ý nghĩ này không làm cho tôi mất ngủ đêm nay thì không có điều gì khiến tôi có thể mất ngủ được nữa.

Tôi làm ra vẻ như định bước vào cửa nhà bếp và Brad tóm lấy cổ tay tôi. Tôi không nhớ đây có phải là lần đầu tiên hay không, nhưng lần này hấn cố tình làm tôi đau. Hấn bóp mạnh cổ tay tôi, mắt hấn nhìn láo liêng từ bên này sang bên kia để chắc chắn là không có ai nhìn thấy hấn đang ngược đãi một cụ già mà hấn có nhiệm vụ chăm sóc.

– Lão làm gì ở ngoài con đường mòn ấy. – Brad hỏi. – Tôi biết lão không đến đó để thủ dâm, lão đã qua giai đoạn đó lâu rồi. Thế thì lão làm gì ở đó?

– Không làm gì cả. – Tôi nói và cố giữ bình tĩnh không để lộ ra rằng hấn đang làm tôi đau. Vâng, tôi phải giữ bình tĩnh và tự nhủ rằng hấn chỉ nói đến con đường mòn. Hấn không biết gì về túp lều. – Tôi chỉ đi dạo một chút để cho đầu óc tỉnh táo.

Hấn lại bóp mạnh cổ tay tôi khiến tôi ngỡ xương sắp gãy, trong lúc đó, hấn vẫn láo liêng nhìn xem có ai xuất hiện hay không. Brad không ngại vi phạm những điều qui định. Hấn chỉ sợ mỗi một việc bị ai đó bắt gặp. Về điểm này hấn cũng giống như Percy Wetmore, kẻ luôn nhắc nhở rằng mình là cháu của ngài thống đốc.

– Quá muộn, Paulie ạ, quá muộn. Cái đầu của lão sẽ không bao giờ tỉnh táo lại đâu. Già như lão đã là chuyện lạ rồi và chắc hấn lão cũng không biết mình là ai. Lão đã quá già, thậm chí đối với một viện bảo tàng như cái trại này. Chỉ cần nhìn thấy lão là đủ để nổi da gà, Paulie ạ.

– Thả tao ra!

Tôi nói và cố giữ cho giọng không ghen ngào. Không phải vì tự ái. Tôi nghĩ rằng giọng nói ghen ngào của tôi sẽ

kích động hần, giống như mùi mồ hôi có thể kích động con chó chồm lên cắn mặc dù lúc đầu nó chỉ gầm gừ thôi. Điều này gọi tôi nhớ đến người phóng viên đã viết bài tường thuật vụ án John Coffey. Đó là một người đáng sợ tên là Hammersmith và điều đáng sợ hơn nữa là ông ta không hề biết điều đó.

Thay vì buông tôi ra, Brad Dolan lại bóp mạnh cổ tay tôi. Tôi rên lên. Tôi không định làm thế, nhưng không thể kìm lại được. Con đau lan đến tận xương bàn chân của tôi.

– Lão làm gì ngoài đó, Paulie? – Hãy nói đi!

– Không có gì cả! – Tôi nói. Tôi chưa khóc, nhưng tôi sợ rằng mình sẽ khóc nếu như hần tiếp tục hành hạ tôi như thế này. – Không có gì cả, tao chỉ đi dạo thôi, tao thích đi dạo, thả tao ra!

Hần làm thế, nhưng chỉ để chộp lấy bàn tay kia của tôi đang nắm chặt.

– Xòe tay ra! – Hần ra lệnh. – Xòe tay ra tao xem có gì trong đó!

Tôi xòe tay ra và hần lộ vẻ ghê tởm khi nhìn thấy nó. Đó chỉ là phần còn lại của miếng bánh mì thứ hai. Tôi đã nắm chặt bàn tay phải khi hần chộp cổ tay trái của tôi và ngón tay của tôi dính đầy bơ, không, chỉ là margarine, ở đây không có bơ.

– Hãy đi vào và rửa bàn tay bẩn thỉu của lão đi! – Hần nói và bước lùi lại, miệng cắn một miếng bánh. – Lạy Chúa!

Tôi đi lên bậc thêm. Hai chân tôi run rẩy còn trái tim tôi đập thình thịch như tiếng máy nổ. Khi tôi đặt tay lên cái tay nắm của cửa bếp để vào nơi an toàn, Dolan nói:

– Nếu lão kể cho ai nghe chuyện này, rằng tao đã bóp mạnh bàn tay già nua chết tiệt của lão, tao sẽ bảo rằng lão nói dối, hình như lão đã bước vào thời kỳ mất trí. Lão biết là người ta sẽ tin tao. Nếu tay lão có vết bầm, họ sẽ nghĩ rằng

lão tự làm.

Vâng, đúng vậy. Và Percy Wetmore cũng có thể nói như thế, một gã Percy không hiểu sao vẫn mãi trẻ trung và dễ tiện, trong lúc tôi già và yếu ớt dần. Tôi lầm bầm:

– Tao sẽ không nói với ai. Không có gì để nói cả.

– Đúng vậy, lão già ạ. – Giọng nói của hắn có vẻ nhẹ nhõm lẫn nhạo báng. – Và tao sẽ tìm ra lão làm gì ở ngoài đấy. Lão nghe rõ rồi chứ?

Vâng, tôi đã nghe rõ, nhưng tôi không muốn hắn thích chí khi nghe tôi xác nhận điều đó.

Tôi đi ngang qua bếp. Tôi ngửi thấy mùi trứng trắng và xúc xích, nhưng cơn đói của tôi đã tan biến rồi. Tôi treo chiếc áo mưa lên mắc, đoạn đi lên phòng của tôi. Tôi phải dừng lại sau mỗi bậc thang để thở. Tôi thu dọn mớ giấy tờ của mình rồi xuống *solarium*.

Khi tôi vừa ngồi xuống trước cái bàn nhỏ đặt bên cửa sổ thì Elaine mở cửa lối đầu vào. Trông bà ấy có vẻ mệt mỏi, yếu ớt. Bà ấy đã chải tóc nhưng vẫn còn mặc chiếc áo choàng buổi sáng. Những người già của chúng tôi không chú ý nhiều đến nghi thức nữa. Bà ấy nói:

– Tôi không định làm phiền ông. Tôi biết là ông đang viết...

– Dừng ngớ ngẩn thế, tôi có rất nhiều thời gian. Hãy vào đây, Elaine. – Tôi nói.

Elaine bước vào, nhưng vẫn còn đứng ở cửa:

– Đơn giản là tôi không thể ngủ được và tình cờ nhìn ra cửa sổ... và...

–...Và bà nhìn thấy Mr. Dolan và tôi đang tán gẫu với nhau chứ gì?

Tôi hy vọng bà ấy chỉ nhìn chứ không nghe thấy giọng nói yếu ớt, ghen ngào của tôi lúc đó.

Elaine nói:

– Trông không có vẻ thân thiện lắm. Paul, gã Mr. Dolan này đã hỏi dò về ông. Hắn đã hỏi tôi về ông. Chuyện đó xảy ra vào tuần trước. Lúc đầu tôi không nghĩ gì nhiều, tôi chỉ nghĩ hắn là kẻ thích chõ mũi vào chuyện của người khác. Nhưng bây giờ thì tôi cảm thấy lo lắng.

– Hắn đã hỏi bà về tôi à? – Tôi hy vọng giọng nói của tôi không có vẻ lo lắng như tâm trạng của mình. – Hắn muốn biết gì?

– Ví dụ như ông hay đi dạo ở đâu và *tại sao* ông hay đi dạo.

Tôi cười gượng:

– Đó là một gã đàn ông không hiểu gì về chuyện giữ gìn sức khỏe, chỉ có vậy thôi.

Elaine nhìn tôi chăm chú:

– Hắn nghĩ rằng ông có một bí mật, và tôi cũng nghĩ thế.

Tôi há miệng, tôi cũng chưa biết mình định nói gì, nhưng Elaine đã đưa bàn tay trắng xanh, gầy gò lên ngăn lại trước khi tôi kịp thốt ra một từ.

– Nếu ông có một bí mật, thì tôi cũng không muốn biết, Paul ạ. Việc của ông không liên quan gì đến tôi. Tôi đã được giáo dục phải cư xử và suy nghĩ như thế, nhưng không phải ai cũng được dạy rằng không nên nhúng mũi vào việc của người khác. Hãy thận trọng. Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với ông. Còn bây giờ tôi sẽ để ông yên và tiếp tục công việc của mình.

Elaine quay lưng lại và đi ra, nhưng trước khi bà ấy bước qua cánh cửa, tôi bật gọi tên bà. Bà ấy quay lại, nhìn tôi với vẻ dò hỏi.

– Khi tôi viết xong những gì định viết... – Tôi ngập ngừng nói và khẽ lắc đầu. Tôi đã diễn đạt sai rồi. – Nếu như

tôi có thể viết xong, bà có muốn đọc nó chứ?

Elaine suy nghĩ một thoáng rồi nhìn tôi mỉm cười, nụ cười có thể làm một người đàn ông say đắm, ngay cả khi đã già như tôi.

– Đối với tôi đó là một vinh dự.

– Bạn yêu quý, hãy chờ cho đến khi đọc xong trước khi nói đến niềm vinh dự. – Tôi nói và nghĩ đến cái chết của Delacroix.

– Tôi sẽ đọc. – Elaine nói. – Từng chữ! Tôi hứa như thế. Nhưng trước đó ông phải viết cho xong nhé.

Bà ấy để tôi ngồi lại một mình, nhưng phải rất lâu sau đó tôi mới viết được. Tôi ngồi yên gần một giờ đồng hồ, mắt nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ, gõ gõ cây bút vào cạnh bàn và quan sát bầu trời đang sáng dần, bắt đầu một ngày mới. Tôi nghĩ đến Brad Dolan, kẻ gọi tôi là Paulie và thường hay cười cợt về những người mất một mí, về người da đen, về những thằng điên và tôi nhớ lại lời Elaine Connelly: *“Hắn nghĩ rằng ông có một bí mật, và tôi cũng nghĩ như thế.”*

Nếu như tôi có một điều bí mật, thì sao nào? Vâng, có lẽ đúng như thế. Dĩ nhiên là Brad Dolan muốn biết. Không phải bởi vì hắn cho điều đó là quan trọng (nó chỉ quan trọng với tôi thôi, tôi cho là như thế), mà bởi vì hắn quan niệm rằng những ông già như tôi không được quyền có một bí mật nào cả. Họ không được quyền lấy áo mưa treo ở mắc áo trong hành lang nhà bếp xuống và cũng không được quyền có bí mật riêng tư. Những người già ở trại dưỡng lão này không được nghĩ rằng họ là những con người. Và tại sao người ta lại không cho phép chúng tôi có ý nghĩ ấy? Brad Dolan không biết. Và điều này hắn cũng giống Percy.

Ý nghĩ của tôi quay trở lại thời điểm đó, như một dòng sông sau khi chảy quanh trở về chỗ cũ, khi Brad Dolan chộp

lấy cổ tay tôi, trở về Percy, đến cái cách mà hắn trả thù người tử tù đã cười nhạo hắn. Delacroix đã ném cái trục chỉ sơn màu sắc sỡ – Mr. Jingles sẽ đẩy nó trở lại – và nó dội vào tường, lăn qua khe hở của hai chấn song sắt, đến hành lang.

Thế là Percy nhìn thấy cơ hội đã đến!

2

“Không, Percy! Dừng lại!” – Brutal hét lên nhưng Percy không nghe lời anh ta. Khi Mr. Jingles vừa chạm vào cái trục chỉ và quá tập trung chú ý vào đó đến nỗi không hề nhận thấy kẻ thù đang tiến lại gần. Percy giẫm mạnh bàn chân mang giày cảnh binh để cứng lên mình con chuột. Có tiếng “crắc” khi xương sống của Mr. Jingles bị gãy và máu trào ra miệng nó. Đôi mắt đen nhỏ xíu của con chuột lồi ra và tôi nhìn thấy trong đó sự kinh ngạc, nỗi đau đớn khi cái chết đến gần, giống như đôi mắt của con người.

Delacroix thét lên kinh hoàng. Gã quăng mình vào cánh cửa xà lim, chìa hai tay qua khe hở của các chấn song sắt và gào tên con chuột không ngừng.

Percy quay lại nhìn Delacroix, cười khoái trá. Hắn cũng quay lại nhìn tôi và Brutal.

– Tao đã biết là tao sẽ giết được nó, sớm hay muộn mà thôi. Đây chỉ là câu hỏi của thời gian.

Hắn quay lưng lại và bước đi trên hành lang màu xanh lá, trong lúc Mr. Jingles nằm trên vũng máu dưới nền. Dean

đang ngồi sau bục canh bông đứng phất dậy, đầu gối chạm vào và làm rơi bàn cờ khiến các quân cờ văng tung tóe. Nhưng cả Dean và Harry đều không chú ý đến:

– Lần này mày đã làm gì vậy? – Dean quát Percy – Mày đã làm gì, thằng khốn?

Percy không trả lời. Hắn lảng lạng đi ngang bục canh và đưa tay lên vuốt tóc. Hắn đi qua văn phòng của tôi để đi xuống nhà kho. William Wharton trả lời thay cho hắn:

– Sếp Dean ạ, tôi cho rằng hắn đã cho cái củ khoai tây ấy thấy rằng thật là không khôn ngoan khi cười nhạo hắn. – Gã nói và bật cười. Đó là một nụ cười vui thích. Trong cuộc đời tôi, tôi đã gặp nhiều người (phần đông là hung dữ) và họ chỉ có vẻ bình thường khi cười. Wild Bill Wharton là một trong những người như thế.

Tôi thần thờ nhìn con chuột. Mr. Jingles vẫn còn thoi thóp, nhưng máu đã thấm ướt râu của nó. Đôi mắt linh lợi trước đây mờ dần. Brutal cúi xuống nhặt cái trục chỉ sơn màu sắc sặc sỡ lên, nhìn nó một lúc rồi đưa mắt nhìn tôi. Trông anh ta cũng có vẻ thần thờ như tôi. Delacroix đang kêu khóc thảm thiết sau lưng chúng tôi. Dĩ nhiên không chỉ vì con chuột, Percy đã khoan thủng một lỗ trong hệ thống tự vệ tinh thần của Delacroix và tất cả nỗi kinh hoàng của gã tuôn ra từ đó, nhưng Mr. Jingles là tâm điểm của cảm giác ấy và thật kinh khủng khi nghe Del kêu khóc:

– Ôi, *non!* Ôi, *non, non*⁽¹⁾! Mr. Jingles tội nghiệp ơi! Mr. Jingles tội nghiệp của tôi ơi!

– Hãy đưa nó cho tôi!

Tôi ngạc nhiên nhìn lên và lúc đầu không biết ai đã nói với tôi bằng cái giọng trầm trầm như thế. Sau đó tôi nhìn

(1) Không, không

thấy John Coffey. Cũng như Delacroix, anh ta đang chìa tay qua các chấn song sắt của xà lim và cánh tay anh ta bị mắc kẹt lại nơi bắp tay vì quá to, và ngược lại với Delacroix đang vung vẩy cánh tay một cách tuyệt vọng, Coffey chỉ chìa tay ra, lòng bàn tay hướng lên trên. Đó là một cử chỉ có ý nghĩa kêu gọi, thúc giục và giọng của anh ta vang lên khác lạ đến nỗi lúc đầu tôi không nhận ra đó là giọng của John Coffey. Bây giờ anh ta khác hẳn với gã tù nhân ngơ ngác, không nhận thức được hiện thực mà chúng tôi thường nhìn thấy trong vài tuần qua.

– Ông Edgcombe, hãy đưa nó cho tôi! Hãy đưa nó cho tôi trước khi quá muộn!

Tôi nhớ lại những gì anh ta đã làm cho tôi và tôi hiểu câu nói đó. Tôi tự nhủ điều đó chẳng hại gì, nhưng tôi không tin là Coffey có thể thay đổi được tình thế. Tôi nhặt con chuột lên và rùng mình khi cảm nhận những cái xương nhỏ gãy vụn của Mr. Jingles đâm vào da của nó, giống như một cái gổ nhỏ để ghim những cây kim. Lần này không phải là chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu nữa, nhưng biết đâu được...

– Anh làm gì đấy? – Brutal hỏi khi nhìn thấy tôi đặt Mr. Jingles lên bàn tay to lớn của Coffey. – Lạy Chúa, điều đó có nghĩa là gì?

Coffey rút bàn tay khỏi chấn song sắt. Mr. Jingles nằm bất động trong lòng bàn tay của Coffey, cái đuôi buông thõng giữa ngón trở và ngón cái của anh ta. Coffey đặt bàn tay trái lên bàn tay phải tạo nên một khoảng trống có con chuột nằm trong đó. Chúng tôi chỉ còn nhìn thấy cái đuôi của Mr. Jingles buông thõng xuống như quả lắc của một cái đồng hồ treo tường bị chết máy. Coffey nâng hai bàn tay lên ngang mặt, lúc này cái đuôi của con chuột quay về hướng của chúng tôi. Brutal tiến đến đứng sát bên tôi, tay vẫn còn cầm cái

trục chỉ.

– Hấn làm gì thế?

– Suyt! – Tôi nói.

Delacroix đã ngừng kêu khóc.

– Ôi, John! – Hấn cầu khẩn. – Ôi, Johnny, xin hãy cứu nó! Làm ơn cứu nó, *s'il vous plaît**.

Dean và Harry cũng đến chỗ chúng tôi. Trên tay Harry vẫn còn cầm một quân cờ.

– Có chuyện gì xảy ra thế?

Dean hỏi nhưng tôi chỉ lắc đầu. Tôi cảm thấy như bị thôi miên.

Coffey đưa miệng đến sát hai bàn tay đang úp vào nhau và hít vào một hơi dài. Thời gian như ngừng trôi. Sau đó, anh ta ngẩng đầu lên và tôi thấy gương mặt anh ta nhăn nhúm lại như đang chịu đựng một cơn đau khủng khiếp. Đôi mắt của anh ta sáng rực. Hàm răng trên của Coffey cắn chặt vào môi dưới, gương mặt sạm nâu giờ ngả sang màu xám tro. Một tiếng kêu thốt lên từ cổ họng của anh ta nghe như bị mắc nghẹn.

– Lay Chúa! – Brutal thốt lên. Đôi tròng mắt của anh ta như lọt ra ngoài.

– Cái gì? – Harry gần như thét lên – Cái gì vậy?

– Cái đuôi! Cậu không nhìn thấy nó à? Cái đuôi!

Cái đuôi của Mr. Jingles không còn buông thõng xuống như quả lắc của một cái đồng hồ treo tường bị chết máy nữa. Nó ngoắc qua ngoắc lại một cách sống động, giống như cái đuôi của một con mèo đang chuẩn bị nhảy tới chụp một con chim, và từ lòng bàn tay của Coffey vang lên tiếng kêu “chít. chít” quen thuộc. Coffey lại kêu lên một tiếng như bị mắc nghẹn, quay đầu sang một bên như một người đang muốn nhổ

* Xin vui lòng

một cục đàm vương trong cổ họng. Sau đó, anh ta thở ra từ mũi và miệng những con côn trùng bé tí ti màu đen – tôi nghĩ là côn trùng, những người khác cũng nói như thế nhưng đến bây giờ thì tôi không dám khẳng định đó là thứ gì. Chúng vo ve quanh anh ta như một đám mây màu đen làm che phủ cả gương mặt của anh ta.

– Lạy Chúa! Cái gì thế? – Dean hỏi bằng giọng kinh hoàng.

– Sẽ ổn thôi. – Tôi nghe tiếng của mình nói. – Đừng sợ, mọi việc sẽ ổn thôi. Một vài giây nữa chúng sẽ biến mất.

Sự việc xảy ra như lúc Coffey chữa lành chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu của tôi. “Những con côn trùng” chuyển thành màu trắng rồi biến mất.

– Không thể tin được. – Harry thì thào.

– Paul? – Brutal gọi với giọng run rẩy. – Paul?

Gương mặt Coffey bình thường trở lại, giống như một người đã khắc ra được cục thịt mắc nghẹn ở cổ họng. Anh ta cúi xuống đặt hai bàn tay đang úp vào nhau sát nền xà lim và từ từ mở ra. Mr. Jingles, hoàn toàn khỏe mạnh, với xương sống không chệch vào đâu được và không một mấu xương nào chìa ra ngoài lớp lông, con chuột bò nhanh ra ngoài. Nó chỉ dừng lại một chút trước cửa xà lim của Coffey rồi chạy trên *Dặm Xanh* về xà lim của Delacroix. Tôi nhìn thấy một giọt máu còn dính trên râu của nó.

Delacroix nhắc Mr. Jingles lên, vừa cười vừa khóc và hôn con chuột tới tấp. Dean, Harry và Brutal sững sờ nhìn cảnh ấy, đoạn Brutal bước đến, đưa cái trục chỉ qua song sắt xà lim. Lúc đầu Delacroix không nhìn thấy. Gã đang dồn hết chú ý vào con chuột. Gã giống như một người cha có đứa con trai vừa được người ta cứu khỏi chết đuối. Brutal gõ gõ cái trục chỉ lên vai Delacroix. Delacroix ngẩng lên nhìn, cầm lấy

cái trục rồi lại hướng sự chú ý vào Mr. Jingles. Gã vuốt ve lớp lông mềm mại và xem xét tỉ mỉ để chắc chắn rằng nó không bị tổn thương chút nào. Vâng, con chuột đã khỏe mạnh trở lại, đã lành lặn và tất cả đều ổn. Brutal nói:

– Ném cái trục đi, Delacroix! Tao muốn xem Mr. Jingles chạy theo nó ra sao.

– Nó ổn rồi, sếp Howell. Nó khỏe rồi, đội ơn Chúa...

– Ném đi! Ném cái trục đi!– Brutal giục. – Làm đi nào, Del!

Delacroix miễn cưỡng cúi xuống, bởi vì gã không muốn thả cho con chuột rời khỏi bàn tay mình, nhất là lúc này. Cái trục chỉ được sơn màu sắc sỡ lẫn dọc theo xà lim, ngang qua cái hộp xi gà và chạm vào tường. Mr. Jingles chạy theo sau, nhưng không nhanh nhẹn như lúc trước. Chân sau bên trái của nó hơi bị khập khiễng và điều đó gây ấn tượng mạnh nhất đối với tôi. Tôi cho rằng sự khập khiễng ấy khẳng định rằng việc ấy thật sự đã xảy ra.

Mr. Jingles chạy đến cái trục chỉ và dùng mũi lần nó về chỗ Delacroix, sự thích thú, phấn khởi lúc trước vẫn còn. Tôi quay lại nhìn John Coffey lúc này đang đứng sát cửa xà lim, mỉm cười. Đó là nụ cười mệt mỏi và không thể nói là hạnh phúc, nhưng dù sao vẻ buồn bã, tuyệt vọng trên gương mặt của anh ta lúc chia tay cho tôi yêu cầu đặt Mr. Jingles lên đó đã biến mất. Vẻ đau đớn, nghẹn thở như bị mắc một vật gì ở cổ họng cũng không còn. Anh ta trở lại là một gã John Coffey như cũ với nét mặt lơ đãng và ánh mắt nhìn xa xăm, kỳ lạ. Tôi khẽ nói:

– Anh đã giúp đỡ, đúng không, anh bạn to lớn?

– Đúng vậy,– Coffey nói. Nụ cười nở rộng hơn một chút và trong khoảnh khắc, anh ta có vẻ hạnh phúc. – Tôi đã giúp đỡ con chuột của Del. Tôi đã giúp đỡ... – Anh ta im bật,

không thể nhớ lại được cái tên con chuột.

– Mr. Jingles! – Dean tiếp lời. Anh ấy nhìn John với vẻ ngạc nhiên và chờ đợi, làm như John có thể biến thành ngọn lửa hoặc làm phép thuật để nước dâng lên ào ạt ngập đầy các xà lim.

– Đúng vậy, – Coffey nói. – Mr. Jingles. Nó là con chuột của gánh xiếc. Nó sẽ sống ở thành-phố-chuột.

– Có thể tin chắc điều đó. – Harry nói và cũng như Dean, nhìn Coffey trân trời. Phía sau lưng chúng tôi, Delacroix đã nằm lên tấm ván và đặt Mr. Jingles trên ngực. Del khe khẽ hát một bài bằng tiếng Pháp, hình như một bài hát ru. Coffey đưa mắt nhìn dọc theo hành lang màu xanh lá về hướng bậc thang, sau đó là văn phòng của tôi và nhà kho.

– Sếp Percy là người độc ác. – Anh ta nói. – Sếp Percy là người hèn hạ. Ông ta đã đập lên Mr. Jingles.

Trước khi chúng tôi kịp nói điều gì, John Coffey trở lại tấm ván của mình, nằm lên đó, mặt quay vào tường.

3

Hai mươi phút sau, khi Brutal và tôi bước vào nhà kho, Percy đang đứng quay lưng về phía chúng tôi. Hắn đã tìm thấy chai dầu dùng đánh bóng đồ gỗ trên cái kệ chúng tôi hay để đồng phục bẩn (đôi khi cả thường phục của chúng tôi; xưởng giặt của nhà tù không quan tâm đến việc họ giặt thứ gì) và đang đánh bóng hai tay ghế làm bằng gỗ sồi của “Già

Sparky”, chiếc ghế điện. Có thể điều đó khiến quý vị lấy làm lạ, nhưng Brutal và tôi cho rằng việc Percy làm đêm hôm ấy là chuyện bình thường nhất trần đời. Đêm mai, “Già Sparky” sẽ đứng ở tâm điểm của sự chú ý của một số lớn nhân chứng, phóng viên, còn Percy thì sẽ chỉ huy cuộc hành hình.

Tôi điềm tỉnh gọi:

– Percy!

Hắn quay phắt lại nhìn chúng tôi, bài hát hắn đang ngân nga nghẹn lại trong cổ họng. Tôi không nhìn thấy ở hắn nỗi sợ hãi như tôi đã chờ đợi. Tôi cảm thấy Percy đã già dặn hơn và tôi nghĩ John Coffey đã nói đúng. Trông Percy thật độc ác. Sự độc ác là một trong những loại chất gây nghiện tàn phá tâm hồn và sau một thời gian thử nghiệm, Percy đã bị nó thống trị. Hắn khoái trá trước những gì đã làm với con chuột của Delacroix và càng khoái trá hơn khi nghe tiếng thét kinh hoàng của Delacroix.

– Đừng gây sự với tôi. – Percy nói với giọng vui vẻ, hòa hoãn. – Tôi nghĩ đó chỉ là một con chuột mà thôi. Các anh biết rồi, ngay từ đầu nó không được phép ở chỗ này.

– Con chuột vô sự. – Tôi nói. Mặc dù trái tim tôi đập mạnh trong lồng ngực, nhưng tôi nói với giọng bình thản, thậm chí thờ ơ. – Nó rất khỏe. Nó đang chạy tới chạy lui và lăn cái trục chỉ như mọi khi. Thậm chí đến việc giết con chuột mày cũng không làm được, như hầu hết công việc ở trại này.

Percy mở to mắt nhìn tôi ngờ vực.

– Anh đừng mong tôi tin lời anh nhé! Tôi đã *giảm nát* con chuột ấy rồi. Chính tai tôi nghe. Anh đừng hòng đánh lừa tôi.

– Câm mồm!

Hắn nhìn tôi trân trối, mắt mở to.

– Gì? Anh nói gì?

Tôi bước một bước đến gần Percy. Tôi cảm thấy động

mạch ở trán tôi đang đập mạnh. Tôi không nhớ lại đã có khi nào tôi tức giận đến thế chưa.

– Mà không mừng khi nghe nói Mr. Jingles còn sống khỏe mạnh hay sao? Sau tất cả những lời nhắc nhở của bọn tao rằng nhiệm vụ của chúng ta là phải giữ tinh thần cho các tử tù, đặc biệt là khi ngày họ bị hành hình sắp đến, lẽ ra mày phải vui mừng vì điều đó. Dù sao thì ngày mai Del đã phải đi rồi.

Percy đưa mắt nhìn tôi, rồi Brutal, vẻ bình tĩnh giả vờ của hắn biến mất.

– Các anh muốn chơi trò gì thế? – Hắn hỏi.

– Đây không phải là một trò đùa, anh bạn ạ. – Brutal nói – Anh bạn ngờ rằng... Mà thôi, đó là một trong những lý do khiến không thể tin cậy anh bạn được. Anh bạn muốn biết sự thật chứ gì? Tôi cho rằng anh bạn là một ca tuyệt vọng.

– Hãy nhớ những lời anh nói! – Percy gằn giọng nói, tuy vậy tôi vẫn nhận ra chút sợ sệt trong giọng nói của hắn. Hắn sợ những gì chúng tôi có thể làm với hắn. Tôi mừng vì nhận thấy nỗi sợ của hắn. Như thế chúng tôi sẽ dễ dàng xử lý hắn hơn. – Tôi quen biết rất nhiều người. Những người có thể lực.

– Lúc nào mày cũng nói như vậy, nhưng mày chỉ là một kẻ ảo tưởng mà thôi. – Brutal nói với giọng như sắp phá lên cười.

Percy đặt chiếc khăn lau lên ghế điện:

– Tôi đã giết con chuột. Tôi không nghe những lời bịa đặt của các anh đâu. – Hắn nói với vẻ không chắc chắn lắm.

– Mày hãy đi đến đó và tự nhìn xem. – Tôi nói. – Đây là một đất nước tự do mà.

– Tôi sẽ làm ngay. – Percy nói.

Hắn đi ngang qua chúng tôi, môi mím chặt và đôi bàn tay nhỏ nhắn (Wharton nói đúng, đó là bàn tay của con gái) rút chiếc lược, đưa lên chải tóc. Hắn đi lên bậc thang và hơi cúi người xuống để bước qua khung cửa dẫn vào văn phòng

của tôi. Brutal và tôi đứng yên bên “Già Sparky” và chờ Percy quay lại. Tôi không hiểu Brutal nghĩ như thế nào nhưng riêng tôi, tôi vẫn chưa biết mình sẽ nói gì. Ba phút trôi qua. Brutal cầm cái khăn trên ghế điện và bắt đầu lau lưng ghế. Cậu ta vừa lau được một lúc thì Percy quay trở lại. Percy vấp chỗ bậc thang từ phòng làm việc của tôi bước xuống và suýt ngã. Hắn ngập ngừng tiến đến gần chúng tôi, gương mặt của hắn lộ vẻ kinh hoàng và ngờ vực.

– Bọn bay đã tráo con chuột!– Hắn nói với giọng the thé. – Đồ khốn nạn, bọn bay đã tráo các con chuột với nhau. Bọn bay đem tao làm trò đùa và bọn bay sẽ phải hối hận nếu như không dừng lại. Tao sẽ làm cho bọn bay thất nghiệp cả lũ và sẽ phải xếp hàng để xin bánh mì, nếu như bọn bay không dừng lại. Bọn bay cho rằng mình là ai?

Hắn thở hổn hển và hai bàn tay nắm chặt lại.

– Tao sẽ nói cho mày biết chúng tao là ai. – Tôi nói. – Chúng tao là những người cùng làm việc với mày, Percy ạ... Nhưng không lâu nữa đâu. – Tôi đặt bàn tay của mình lên vai hắn và bóp mạnh.

Percy định hất tay tôi ra.

– Hãy bỏ...

Brutal nắm lấy bàn tay phải của Percy. Nó lọt thỏm trong lòng bàn tay to lớn, rậm nắng của Brutal.

– Câm mồm, Sonny! Nếu mày muốn điều tốt cho mày thì hãy lấy cục sáp đang bịt kín tai của mày ra.

Tôi xoay hắn lại, nhấc hắn lên bực và ấn hắn ngồi xuống ghế điện. Sự bình tĩnh của hắn biến mất; cả cái vẻ độc ác và giả vờ. Khi hồi tưởng lại, quý vị có thể thấy rằng có lẽ vì Percy còn rất trẻ. Ở lứa tuổi này, sự độc ác và giả dối chỉ là một lớp men mỏng tạp chất bám lên bề mặt đồ sứ. Người ta có thể xuyên thủng nó được. Tôi cho rằng lúc này Percy đã

sẵn sàng để nghe những gì tôi muốn nói.

– Tao muốn mày hứa một câu! – Tôi nói.

– Hứa à? Tại sao? – Percy cố lấy giọng pha trò, nhưng ánh mắt lộ vẻ sợ sệt. Dòng điện đã được ngắt từ phòng điều khiển, nhưng “Già Sparky” có uy lực riêng của nó và tôi cho rằng Percy đã cảm nhận uy lực đó.

– Hứa rằng sẽ chuyển đến Briar Ridge và để cho chúng tao được yên sau khi được phép chỉ huy cuộc hành hình vào đêm mai. – Brutal nóng nảy nói. Tôi chưa bao giờ nghe thấy cậu ta nói với kiểu ấy. – Rằng ngay ngày hôm sau cuộc hành hình, mày sẽ nộp đơn xin chuyển.

– Còn nếu như tao không hứa thì sao? Nếu như tao gọi điện thoại cho ai đó và báo rằng bọn bay đã quấy rầy và đe dọa tao? Rằng bọn bay ngược đãi tao?

– Có thể chúng tao sẽ khốn khổ khốn nạn, nếu như mối quan hệ của mày tốt như mày thường khoe khoang, – tôi nói. – Nhưng trước đó, chúng tao cũng sẽ làm cho mày khốn khổ khốn nạn, Percy ạ.

– Vì con chuột này à? Thế nào, tụi bay nghĩ rằng có ai đó sẽ ngửa ngáy khi biết tao đã giẫm chết một con chuột? Ai mà quan tâm đến chuyện đó, ngoài cái trại tâm thần này?

– Không có ai cả. Nhưng có ba người đã nhìn thấy mày đứng yên không làm gì khi thằng Billy Wharton định siết cổ Dean bằng sợi xích sắt. Sẽ có người quan tâm đến khi nghe thuật lại những điều họ đã chứng kiến, Percy ạ, tao thề với mày như thế. Ngay cả ngài thống đốc cũng sẽ quan tâm.

Gương mặt của Percy đỏ bừng:

– Bọn bay nghĩ rằng người ta sẽ tin bọn bay sao? – Hắn hỏi, nhưng giọng của hắn không còn giận dữ như trước. Rõ ràng là hắn nghĩ sẽ có người tin chúng tôi và Percy không muốn bị rắc rối. Đối với hắn, làm trái với những điều qui

định thì được, nhưng nếu bị bắt gặp lại là chuyện khác.

– Tao đã chụp vài bức ảnh cái cổ của Dean trước khi các vết thâm tím ấy tan đi. – Brutal nói. Tôi không biết cậu ta có làm thế thật không, nhưng nghe có vẻ chắc nịch. – Mà có biết những bức ảnh ấy chứng minh điều gì không? Rằng Wharton đã thực hiện hành động đó một lúc lâu trước khi có người lôi được nó ra, mặc dù mày đang đứng bên cạnh nó ở vị trí thuận lợi. Mày sẽ phải trả lời một vài câu hỏi không vui về gì, đúng không? Và sự việc này có thể kéo dài rất lâu, thậm chí cho đến khi ông bác đáng kính của mày đã về hưu và ngồi uống trà bạc hà ở hàng hiên nhà ông ấy. Hồ sơ cá nhân của mày sẽ phong phú thêm đấy. Nó sẽ đi theo mày suốt cuộc đời.

Ánh mắt Percy nhìn Brutal, rồi nhìn sang tôi với vẻ lo ngại, bàn tay trái của hắn đưa lên vuốt tóc. Hắn không nói gì, nhưng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã thắng.

– Nào, nói đi! Chúng tao muốn kết thúc cho rồi. – Tôi nói. – Mày chỉ còn ở đây một thời gian ngắn theo mong muốn của chúng tao chứ?

– Tao ghét chỗ này. – Hắn thốt lên. – Tao ghét cái kiểu bọn mày đối xử với tao. Tao căm ghét vì bọn mày không bao giờ cho tao một cơ hội!

Điều hắn nói khá xa sự thật, nhưng tôi tự nhủ đây không phải là lúc để tranh cãi.

– Nhưng tao cũng không muốn bị làm áp lực. Bố tao đã dạy rằng kẻ nào chịu nhượng bộ một lần sẽ bị chèn ép suốt đời. – Đôi mắt của hắn, không đẹp như đôi bàn tay, lóe lên tia nhìn căm hận. – Và đặc biệt là tao không thích bị những con đười ươi to lớn như thằng này dồn ép. – Hắn nhìn ông bạn quý đang đứng cạnh tôi. – Brutal, mày có biệt danh thật xứng với mày.

– Percy, mày phải hiểu điều này: – Tôi nói. – Chúng tao lại cho rằng chính mày dồn ép bọn tao. Chúng tao đã nhắc đi

nhắc lại cách làm việc của chúng tao ở đây như thế nào và mày đã nhỏ toẹt vào đó rồi chạy đi nấp sau mối quan hệ của mày, nếu như có điều gì xảy ra. Việc mày giẫm chết con chuột của Delacroix, – Tôi nhìn thấy ánh mắt nhắc nhở của Brutal và vội vã sửa lại – Việc mày *định* giẫm chết con chuột của Delacroix là một trong nhiều ví dụ. Mày làm áp lực với chúng tao, rồi lại làm áp lực, cứ thế... Cuối cùng thì chúng tao buộc lòng phải chống lại, chỉ có vậy thôi. Nhưng hãy nghe đây, nếu mày làm đúng như chúng tao đề nghị, mày sẽ rời khỏi nơi này thơm ngát như một cành hồng và sẽ thẳng tiến trong sự nghiệp như một chàng thanh niên có năng lực. Không ai biết được cuộc trò chuyện “thân mật” này. Thế nào? Hãy hành động như một người đã trưởng thành và rời khỏi chốn này sau cuộc hành hình Delacroix! Mày đồng ý chứ?

Hắn suy nghĩ và một lúc sau, ánh mắt hắn lóe lên như người vừa nảy ra một ý định mới. Tôi không thích điều này, bởi vì điều gì Percy xem là tốt có thể sẽ không tốt đối với chúng tôi.

– Hãy nghĩ xem sẽ tốt đẹp như thế nào nếu thoát khỏi con quỷ Wharton. – Brutal nói thêm.

Percy gật đầu và tôi đặt hắn đứng xuống. Hắn vuốt chiếc áo cảnh binh cho thẳng thơm, nhét vào lưng quần và rút cây lược ra chải lại mái tóc, đoạn hắn nhìn chúng tôi.

– O.K.! Tôi đồng ý. Ngày mai tôi sẽ chỉ huy cuộc hành hình Del và hôm sau tôi sẽ đệ đơn xin chuyển đến Brian Ridge. Chúng ta hết nợ nần. Đồng ý?

– Đồng ý! – Tôi nói. Ấn tượng về một ý định mới nảy sinh vẫn còn trong ánh mắt của hắn, nhưng trong lúc đó tôi cảm thấy nhẹ nhõm đến nỗi không chú ý đến nữa.

Hắn chìa tay cho tôi:

– Chúng ta thỏa thuận nhé!

Tôi đập bàn tay vào tay hấn thay cho lời giao kết.
Brutal cũng làm thế.

Chúng tôi là những thằng đàn!

4

Ngày hôm sau là ngày oi bức nhất tháng mười năm ấy. Khi tôi đến nơi làm việc thì sấm chớp rền vang và những đám mây đen đang kéo đến từ hướng Tây. Đến mười giờ đêm thì một cơn lốc xoáy nổi lên dữ dội ở hạt Trapingus làm thiệt mạng bốn người. Giông bão dữ dội bao trùm Cold Mountain. Sau này tôi nghĩ có lẽ là Thượng Đế đã kịch liệt phản đối cái chết thảm khốc của Eduard Delacroix.

Lúc đầu thì mọi việc diễn ra khá tốt đẹp. Del đã trải qua một ngày yên tĩnh trong xà lim và thỉnh thoảng chơi với Mr. Jingles, nhưng phần lớn thời gian gã chỉ nằm trên tấm ván và vuốt ve con chuột. Wharton thì có một vài lần định gây rối, thậm chí có lần hấn còn gào lên với Del rằng gã người Pháp già sắp sửa được khiêu vũ dưới địa ngục nhưng Del không thèm trả lời. Cuối cùng, hình như Wharton nhận thấy chẳng ai chú ý đến mình nên đành thôi.

Linh mục Schuster đến trại E lúc mười giờ mười lăm phút và thông báo với chúng tôi một tin tốt lành rằng ông ta sẽ cầu nguyện với Del bằng tiếng Pháp. Có vẻ như đây là một dấu hiệu khởi đầu tốt đẹp. Nhưng về điểm này chúng tôi đã lầm.

Các nhân chứng đến lúc mười một giờ đêm. Họ nói chuyện khe khẽ với nhau về thời tiết và bàn luận rằng có thể buổi hành hình sẽ bị hoãn lại vì sự cố mất điện. Không một ai biết rằng có một máy phát điện riêng dành cho “Già Sparky” và mọi việc vẫn sẽ tiến hành, chỉ trừ khi chính cái máy phát điện ấy bị sét đánh.

Vào đêm đó, Harry sẽ đến phòng điều khiển điện và vì thế nên anh ta, Bill Dodge và Percy Wetmore sẽ đưa các nhân chứng đến chỗ ngồi và hỏi từng người xem họ có cần một cốc nước lạnh hay không. Trong số các nhân chứng có hai phụ nữ, một người là chị của cô gái đã bị Del cưỡng hiếp và giết chết, còn người kia là mẹ của một trong những nạn nhân bị chết cháy. Người thứ hai rất cao lớn có gương mặt tái nhợt nhưng có vẻ cương quyết. Bà ta nói với Harry Terwilliger rằng bà ta hy vọng gã đàn ông độc ác ấy đang run sợ và biết rằng ngọn lửa dưới địa ngục và quỷ Sa tăng đang chờ hấn, đoạn bà ta bật khóc và úp mặt vào chiếc khăn tay viền ren lớn gần bằng cái áo gối.

Sấm chớp rền vang và các nhân chứng lo lắng nhìn lên mái nhà. Những người đàn ông cảm thấy khó chịu vì phải mang cà vạt vào lúc nửa đêm trong nhà kho được dùng làm phòng thi hành án tử hình. Dĩ nhiên là họ nhìn chăm chăm vào “Già Sparky”. Có thể là vào tuần trước họ còn đùa cợt về nhiệm vụ này, nhưng bây giờ thì không ai nói đùa được nữa. Ngay từ đầu tôi đã nói với quý vị rằng đối với những người phải ngồi trên chiếc ghế đó thì ý nghĩ đùa cợt sẽ nhanh chóng qua đi. Nhưng không chỉ các tử tù không thể cười nổi khi nhìn thấy nó. Chiếc ghế điện đặt trên bục trông lạnh lùng, rờn rợn. Các nhân chứng không nói với nhau nhiều và khi sấm chớp rền vang, sét đánh trúng một cái cây đổ xuống thì người chị của nạn nhân Delacroix rú lên. Người cuối cùng đến ngồi vào dãy ghế dành cho nhân chứng là Curtis

Anderson, phó giám đốc nhà tù.

Vào lúc mười một giờ ba mươi phút, tôi đi đến xà lim của Delacroix. Brutal và Dean theo sau. Del đang ngồi trên tấm ván và Mr. Jingles ngồi trong lòng gã. Con chuột đang ngẩng đầu nhìn chằm chằm vào gương mặt Del bằng đôi mắt nhỏ xíu, tinh anh. Del cạ cạ cầm lên đầu Mr. Jingles, những giọt nước mắt to ràn rụa trên đôi má Del, rơi xuống người con chuột. Khi nghe tiếng bước chân của chúng tôi, Del ngẩng đầu lên nhìn, gương mặt của gã tái nhợt.

Tôi cảm thấy ánh mắt John Coffey đang đứng sau lưng, sát cửa xà lim và theo dõi chúng tôi.

Del giật mình khi nghe tiếng chìa khóa khua loảng xoảng, nhưng gã vẫn tiếp tục vuốt ve con chuột, trong lúc tôi mở khóa và đẩy cửa ra.

– Chào sếp Edgecombe! – Gã nói. – Chào các ông! Ấy chào đi, Mr. Jingles! – Nhưng Mr. Jingles vẫn nhìn đăm đăm gương mặt của người đàn ông bé nhỏ, hói đầu ấy, như muốn tìm hiểu nguyên nhân của những giọt nước mắt.

Cái trục chỉ nằm gọn gàng trong cái hộp xì gà Corona, lần cuối cùng còn ở chỗ đó, tôi buồn rầu thầm nghĩ như thế.

– Eduard Delacroix, là một viên chức của tiểu bang...

– Sếp Edgecombe?

Tôi đã định nói tiếp những câu cần phải nói, nhưng rồi suy nghĩ lại:

– Gì thế, Del?

Delacroix đưa con chuột cho tôi:

– Đây! Xin ông đừng để có điều gì xảy đến với...

– Del, tôi không tin là nó chịu đến chỗ tôi. Nó không...

– *Mais oui**, nó nói là nó đồng ý. Nó nói nó biết tất cả về

* Nhưng đúng vậy

ông, sếp Edgcombe ạ. Và ông sẽ đưa nó đến Florida, nơi các con chuột biểu diễn. Nó nói nó tin ở ông. – Delacroix chia tay ra và quả thật, con chuột trèo từ tay gã lên vai tôi. Nó nhẹ đến nỗi tôi không cảm nhận được gì qua lớp áo cảnh binh, nhưng tôi cảm thấy nó như một ngọn lửa nhỏ. – Và này, sếp, xin ông đừng để thằng độc ác ấy làm gì con chuột của tôi.

– Okay, Del, tôi sẽ không cho phép điều đó xảy ra. – Câu hỏi lúc đó là tôi phải làm gì với con chuột bây giờ? Tôi không thể áp giải Delacroix đi qua trước mặt các nhân chứng với con chuột trên vai.

– Tôi sẽ giữ nó, sếp Edgcombe. – Một giọng nói trầm trầm vang lên sau lưng tôi. Đó là giọng của John Coffey. Điều kỳ lạ là nó vang lên đúng lúc này, làm như là anh ta đọc được ý nghĩ của tôi. – Chỉ giữ tạm một lúc thôi, nếu Del không phản đối.

Del gật đầu nhẹ nhõm:

– Vâng, ấy giữ nó, John ạ, cho đến khi sự việc ngu ngốc này qua đi, rồi...*bien*⁽¹⁾! – Gã đưa mắt nhìn tôi và Brutal. – Các ông ấy đưa nó đến Florida. Đến thành phố có tên là Thành-phố-chuột.

– Vâng, chắc chắn là Paul và tôi sẽ cùng nhau làm việc đó. – Brutal nói và lo lắng nhìn Mr. Jingles đang bò từ vai tôi sang bàn tay to lớn đang chìa ra của Coffey. Mr. Jingles ngoan ngoãn vâng lời và không tìm cách chạy trốn. Nó nhanh nhẹn bò lên cánh tay của John Coffey, đến vai và ngồi yên trên ấy như đã ngồi yên trên vai tôi. – Chúng ta sẽ lấy vài ngày phép, phải không Paul?

Tôi gật đầu, Del cũng gật đầu, đôi mắt của gã lấp lánh và trên môi thoáng một nụ cười:

(1) Tốt

– Người ta sẽ trả một *dime* để xem Mr. Jingles biểu diễn và trẻ em sẽ trả hai *cent*. Có phải thế không, sếp Howell?

– Đúng vậy, Del ạ.

– Sếp *Owell*, ông là người tốt, – Del nói. – Sếp *Edgcombe*, ông cũng thế. Thỉnh thoảng các ông cũng có quát nạt tôi đôi chút, *oui*⁽¹⁾, nhưng mà chỉ khi nào phải như thế. Tất cả các ông đều là người tốt, chỉ trừ thằng *Percy* ấy. Tôi cầu mong sẽ có lúc nào đó tôi gặp lại các ông. *Mauvais temps, mauvais chance*⁽²⁾.

– Tôi phải nói với anh một vài câu, Del ạ. – Tôi giải thích với *Delacroix*. – Đây là những lời tôi bắt buộc phải nói trước khi chúng ta đi ra. Không có việc gì lớn nhưng đó là nhiệm vụ của tôi. Okay?

– *Oui, monsieur*⁽³⁾. – *Delacroix* nói và quay lại nhìn Mr. Jingles đang ngồi trên cái vai to lớn của *John Coffey* lần cuối. – *Au revoir, mon ami*⁽⁴⁾. – Gã nói và bật khóc. – *Je t'aime, mon petit*⁽⁵⁾.

Gã gửi cho con chuột một cái hôn gió. *Dean* nhìn trân trối dọc theo hành lang và cười rất kỳ quặc. Tôi tin rằng anh ấy đang cố kìm nước mắt. Tôi nói nhanh những gì mình phải nói và khi tôi đã xong, *Delacroix* bước ra khỏi xà lim lần cuối.

– Sếp, hãy chờ một chút. – *Brutal* nói và kiểm tra chỗ đã được cạo sạch trên đầu *Del*, nơi cái mũ sẽ chụp vào. Anh ta gật đầu với tôi. – Tốt rồi, chúng ta đi.

Thế là *Eduard Delacroix* bước đi những bước cuối cùng trên *Dặm Xanh*, nước mắt chảy ràn rụa trên má và sấm chớp

(1): Vâng

(2): Thời điểm xấu, cơ may xấu

(3): Vâng, thưa ông.

(4): Tạm biệt bạn thân của tôi

(5): Ta yêu mày lắm, cậu bé của ta.

rền vang trên bầu trời. Brutal đi bên phải người tử tù, tôi đi bên trái và Dean đi sau lưng.

Linh mục Schuster đang chờ trong văn phòng của tôi và hai cảnh binh Ringgold và Battle đứng canh ở góc phòng.

Schuster ngẩng lên nhìn khi Del bước vào. Ông ta mỉm cười và nói với Del một câu bằng tiếng Pháp, tôi không hiểu gì cả nhưng có vẻ như có tác dụng.

Del đáp lại nụ cười, bước đến gần Schuster và ôm ông ta. Ringgold và Battle thẳng người lên nhưng tôi đã đưa tay ra hiệu cho họ. Schuster lắng nghe những lời nói của Del bằng tiếng Pháp lẫn tiếng nức nở của gã, gật đầu cảm thông và vỗ vỗ vào lưng của Del. Ông ta nhìn tôi qua vai của người đàn ông nhỏ bé và mấp máy môi nói:

– Cha hiểu chưa được một phần tư những gì anh ta nói.

– Con nghĩ rằng điều đó cũng chẳng hề chi. – Brutal thì thầm.

– Cha cũng nghĩ thế, con ạ, – Linh mục Schuster nói và mỉm cười.

Ông ấy là một linh mục rất tốt. Tôi hy vọng ông ấy vẫn giữ vững đức tin của mình và đi theo con đường đã chọn. Vị linh mục yêu cầu Delacroix quỳ xuống và dang tay ra. Delacroix vâng lời.

– *Not' Père, qui êtes aux cieux*⁽¹⁾. – Schuster bắt đầu nói và Delacroix nói theo. Họ cầu nguyện bằng tiếng Pháp cho đến câu "*mais délivrez-nous du mal, ainsi soit-il*"⁽²⁾, trong lúc đó, Delacroix đã nín khóc và trông gã có vẻ bình tĩnh. Tiếp theo là một đoạn kinh thánh bằng tiếng Anh và Schuster không quên nghi thức xúc dầu thánh. Khi mọi việc đã xong và Schuster định đứng lên thì Delacroix kéo tay áo của vị

(1): (Câu kinh Lạy Cha) Lạy Cha chúng con ở trên trời.

(2): Nhưng cứu chúng con khỏi sự dữ, Amen.

linh mục và nói một vài câu bằng tiếng Pháp. Schuster chăm chú lắng nghe, nhíu mày. Ông ấy trả lời và Del nói thêm một câu nữa rồi ngược nhìn vị linh mục với vẻ hy vọng.

Schuster quay sang nhìn tôi:

– Ông Edgcombe, ông ta còn một ước muốn. Một câu kinh thôi, nhưng tôi không thể giúp được. Có thể cho phép ông ấy chứ?

Tôi nhìn lên đồng hồ treo tường lúc ấy đã chỉ mười hai giờ kém mười bảy phút:

– Vâng, được rồi, – tôi nói. – Nhưng chúng ta phải nhanh. Cha biết đấy, chúng con phải theo đúng thời gian qui định.

– Cha biết! – Ông ấy quay sang Delacroix và gật đầu.

Del nhắm mắt lại như cầu nguyện, nhưng gã im lặng một lúc lâu. Gã nhăn trán và tôi có cảm tưởng gã đang cố lục tìm trong ký ức như một người lục tìm một món đồ và định lên tiếng nhắc nhở, nhưng Brutal đã giật giật tay áo tôi và lắc đầu ra hiệu.

Sau đó, Del nói nhỏ nhưng nhanh bằng tiếng Pháp, nghe dịu dàng, mềm mại như bộ ngực của người phụ nữ trẻ: *“Marie! Je vous salue, Marie, oui, pleine de grâce, le Seigneur est avec nous; vous êtes bénie entre toutes les femmes et mon cher Jésus, le fruit de vos entrailles, est béni”*⁽¹⁾. Gã lại khóc, nhưng tôi nghĩ có lẽ gã không ý thức được. – *“Sainte Marie, oh ma mère. Mère de Dieu, priez pour moi, preiez pour nous, pauv’ pécheurs, maint’ant et à l’heure... l’heure de notre mort. L’heure de mon mort.”*⁽²⁾ – Gã hít vào một hơi dài và run rẩy. – *“Ainsi soit-il.”*⁽³⁾.

(1): (Câu kinh) Mẹ Maria! Kính mừng Maria, phải, đầy ơn phúc, Đức Chúa trời ở cùng chúng ta; Bà có phúc lạ hơn mọi người Nữ và Giêsu thân ái của con, gồm phúc lạ.

(2): Thánh Maria, ôi mẹ của con, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho con, cầu cho chúng con, là kẻ có tội, bây giờ và trong giờ lâm tử của chúng con, giờ lâm tử của con.

(3): Amen.

Khi Delacroix đứng lên, chúng tôi nhìn thấy một tia chớp màu xanh lóe lên bầu trời đen thẫm thẫm và tiếng sấm rền vang. Mọi người giật nảy mình, chỉ trừ Del, hình như gã vẫn còn chìm đắm trong câu kinh cầu nguyện. Gã đưa cánh tay ra mà không nhìn.

Brutal nắm bàn tay của Del, bóp nhẹ.

Delacroix nhìn Brutal mỉm cười.

– *Nous voyons...** – Gã nói rồi chợt im. Sau đó, gã nói tiếp bằng tiếng Anh:

– Sếp *Owell*, sếp *Edgecombe*, bây giờ chúng ta có thể đi. Tôi đã dọn mình sẵn sàng.

– Thế thì tốt. – Tôi nói và tự hỏi không biết Delacroix cảm thấy như thế nào sau hai mươi phút dọn mình. Tôi hy vọng lời cầu nguyện cuối của gã đã được lắng nghe và Đức Mẹ Maria sẽ cầu nguyện cho gã, bởi vì *Eduard Delacroix*, kẻ hiệp dân và giết người, rất cần được cầu nguyện. Tiếng sấm chớp rền vang. – Đi thôi, Del. Bây giờ thì không còn xa nữa.

– Ổn rồi, sếp, tôi cảm thấy ổn rồi, bởi vì tôi không còn sợ nữa. – Delacroix nói như thế, nhưng khi nhìn vào đôi mắt của gã, dù có Chúa trong đó hay không, có Đức Mẹ Maria trong đó hay không, tôi biết là gã nói dối. Tất cả tử tù đều sợ hãi khi bước đi trên *Dặm Xanh*, khi phải cúi xuống để bước qua cánh cửa văn phòng của tôi và đi đến với chiếc ghế điện.

– Del, hãy dừng lại ở cuối bậc thang cuối!

Tôi nói khẽ khi Delacroix đi qua cánh cửa, nhưng lẽ ra tôi không cần phải nói. Delacroix đứng phắt lại ở chân cầu thang khi nhìn thấy *Percy Wetmore* đứng trên bậc, cạnh đó là cái xô chứa dung dịch và miếng bọt biển, chiếc máy điện thoại liên lạc với văn phòng ngài thống đốc tiểu bang đặt vừa tầm tay.

* Chúng ta biết.

– *Non*, – Delacroix kêu lên kinh hoàng. – *Non, non*, không phải là *đến*!

Brutal trấn an:

– Tiếp tục đi, Del ạ. – Anh hãy nhìn tôi và Paul. Hãy quên sự có mặt của hắn!

– Nhưng mà...

Các nhân chứng quay đầu nhìn về phía chúng tôi, nhưng tôi nhích qua bên cạnh Delacroix để che hắn trước ánh mắt của các nhân chứng đang hướng tới, tay nắm khuỷu tay trái của gã.

– Bình tĩnh, – tôi nói nhỏ, chỉ đủ để Del có thể là Brutal nghe. – Điều duy nhất còn đọng lại trong tâm trí của những người này là cách mà anh ra đi như thế nào. Hãy chứng tỏ cho họ thấy mặt tốt của mình.

Trong khoảnh khắc ấy, tiếng sấm ầm vang dội qua mái sắt, Percy giật mình, co rúm người lại. Del cười khinh bỉ:

– Nếu tiếng sấm lớn hơn, *đến* là nó đã vãi trong quần rồi. – Gã nói và ưỡn ngực. – Nào, chúng ta đi và *ây* để cho mọi chuyện kết thúc!

Chúng tôi đi đến cái bục đặt ghế điện. Delacroix đưa mắt nhìn lướt qua các nhân chứng, lần này khoảng hai mươi lăm người, với vẻ căng thẳng, nhưng Brutal, Dean và tôi chỉ nhìn chăm chú chiếc ghế điện. Trông có vẻ như tất cả đều ổn. Tôi đưa ngón cái ra và nhướn mày với Percy ra ý hỏi và hắn nhếch mép như muốn nói: “Ông muốn hỏi là mọi chuyện ổn cả không chứ gì? Dĩ nhiên là ổn.”

Tôi hy vọng rằng hắn nói đúng.

Brutal và tôi định xóc nách Delacroix đỡ gã lên bục đặt ghế điện. Nó không cao lắm, chỉ một vài xăng-ti-mét thôi nhưng có lẽ quý vị sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu như biết rằng có rất nhiều người, ngay cả các tay súng sỏ, cũng cần phải

được giúp đỡ để bước chân lên bậc cuối của cuộc đời.

Nhưng Del thì ngược lại, gã không cần sự giúp đỡ. Gã đứng trước chiếc ghế (mắt vẫn không nhìn Percy), khẽ nói như tự giới thiệu: "*C'est moi*"* Percy định nắm tay gã, nhưng Delacroix quay lại và tự động ngồi lên chiếc ghế điện. Tôi quỳ bên trái còn Brutal bên phải của Delacroix. Tôi giữ tư thế che hạ bộ và cổ họng như đã tả ở phần trước và cùm bấp chân của Delacroix vào chân ghế. Tiếng sấm rền vang khiến tôi giật mình. Mồ hôi chảy ròng ròng trên trán tôi, chảy vào mắt tôi nóng bỏng. Không hiểu tại sao tôi chợt nghĩ đến thành-phố-chuột. Thành phố chuột và giá vé vào cửa là một *dime*, còn hai *cents* cho những em bé nào muốn vào xem Mr. Jingles biểu diễn.

Không hiểu sao cái cùm bị kẹt và không thể đóng lại được. Tôi có thể nghe tiếng Del hít không khí vào lồng ngực. Bộ ngực ấy sẽ bị đốt cháy thành than trong vài phút nữa và sẽ không còn cung cấp dưỡng khí cho trái tim đang đập mạnh vì sợ hãi của gã nữa. Trong khoảnh khắc này, việc Del đã làm chết hơn nửa tá con người trở nên vô nghĩa.

Dean quỳ xuống bên cạnh tôi và thì thầm:

– Paul, không ổn à?

– Tôi không thể... – Tôi nói, nhưng sau đó, cái cùm đóng lại được. Hình như hai hàm của nó cặp vào da của Delacroix và tôi thấy gã giật mình, khẽ rên một tiếng. – Xin lỗi Del. – Tôi nói.

– Được rồi, sắp! – Del nói. – Chỉ *oi* đau một chút.

Cái cùm bên Brutal có mang điện cực, vì thế phải mất thời gian nhiều hơn một chút để cặp nó lại và thế là cả ba chúng tôi đứng lên gần như cùng một lúc. Dean cùm cổ tay

* *Chính tôi*

bên trái và Percy bước đến để cùm cổ tay bên phải. Tôi đã định giúp đỡ Percy nếu như hần lúng túng nhưng hần làm còn tốt hơn tôi khi cùm chân của Del. Tôi nhìn thấy cơ thể Del co giật như đang có một dòng điện nhỏ chạy qua. Tôi nghe mùi mồ hôi của gã, cái mùi hơi chua và nặng khiến tôi nhớ lại món xốt pha giấm.

Dean gạt đầu ra hiệu cho Percy. Percy quay lại nhìn qua vai và tôi nhìn thấy vết xước trên má hần bị cắt lúc cạo râu vào buổi sáng.

– *Bạc một!*

Tiếng kêu rì rầm vang lên, giống như khi ta cắm điện cho cái tủ lạnh đã cũ khởi động và các ngọn đèn trong phòng sáng hơn. Một vài người há miệng hớp không khí và tiếng thì thào của ai đó. Del giật nảy người, hai bàn tay nắm chặt tay ghế đến nỗi các khớp xương trở nên trắng bệch. Đôi tròng mắt gã đảo qua lại và hơi thở dồn dập hơn.

– Bình tĩnh, Del, hãy bình tĩnh! – Brutal nói. – Anh đã có thái độ rất tốt. Cứ như thế, Del nhé.

“*Này, các ông!*” – Tôi nhớ lại. – “*Ấy đến đây xem Mr. Jingles làm gì đây này!*” – Và ngoài trời, sấm chớp lại rền vang.

Percy trình trọng tiến đến trước ghế điện. Đây là thời điểm trọng đại và hần đang là tâm điểm của mọi sự chú ý. Tất cả, ngoại trừ một đôi mắt. Delacroix ngẩng lên và khi biết đó là ai, liền cúi xuống. Tôi có thể đánh cuộc một đô la rằng Percy sẽ nói sai hoặc vấp vấp trước số đông người như thế, nhưng hần nói trôi chảy đến không ngờ:

– Eduard Delacroix, ông bị tuyên án tử hình trên ghế điện. Bản án được quyết định bởi một bồi thẩm đoàn và được tuyên bởi một chánh án của tiểu bang. Cầu Chúa phù hộ cho các công dân của tiểu bang. Ông có muốn nói gì trước khi bản

án được thi hành hay không?

Del định nói gì đó, nhưng nỗi kinh hoàng khiến những gì gã thốt lên chỉ là tiếng ú ớ. Trên môi của Percy thoáng một nụ cười với vẻ khinh bỉ và tôi chỉ muốn bắn chết hắn vì nụ cười ấy. Del liếm môi và cố gắng thốt lên:

– Tôi rất ân ận vì những gì tôi đã gây ra. – Gã nói. – Nếu có thể xoay ngược đồng hồ để thời gian quay trở lại... nhưng không một con người nào có thể làm được. Thế thì... – Tiếng sấm nổ trên đầu chúng tôi như một quả lựu đạn. Del cố rướn người lên nhưng các dây nịt và cùm giữ chặt gã lại. Trông mắt Del lỗi ra. – Tôi phải đền tội cho những gì tôi đã gây ra. Cầu Chúa phù ộ cho con! – Gã liếm môi và nhìn Brutal. – Xin các ông đừng quên những gì đã ứa với tôi về Mr. Jingles. – Del nói khẽ.

– Chúng tôi sẽ không quên đâu, anh đừng lo. – Tôi nói và vuốt nhẹ bàn tay lạnh ngắt của Delacroix. – Nó sẽ đến thành-phố-chuột ...

– Vớ vẩn, – Percy nói qua khóe miệng, không mấp máy đôi môi, tay xiết chặt sợi dây nịt ngang ngực Delacroix. – Không có thành phố chuột nào cả. Nó chỉ có ở trong truyện cổ tích do họ bịa đặt ra để trấn an mày thôi. Mày cần phải biết điều đó, đồ ngốc ạ.

Ánh mắt tuyệt vọng của Del nói với tôi rằng một phần gã đã đoán biết điều đó... nhưng vẫn hy vọng... Tôi sững sờ nhìn Percy, tức giận, và hấn lạnh lùng nhìn tôi như muốn hỏi tôi có thể làm được gì nào. Hắn có lý. Tôi không thể làm gì hắn trước mặt các nhân chứng, trước Delacroix đang ngồi chờ chết. Tôi không thể làm gì được nữa, chỉ có thể tiếp tục để cho mọi việc đi đến chỗ kết thúc.

Percy lấy chiếc mũ trùm bằng lụa đen trên móc xuống, trùm lên đầu Delacroix rồi kéo xuống dưới cằm của người đàn

ông nhỏ bé, cột lại làm căng cái lỗ khoét ở chóp mũ. Sau đó hắn lấy miếng bọt biển đặt bên cạnh cái xô và đến đây thì Percy đã làm sai với qui định: thay vì cúi xuống lấy miếng bọt biển thì hắn lại lấy cái mũ chụp được treo trên lưng ghế và cúi xuống với cái mũ trên tay. Nói cách khác, thay vì đem miếng bọt biển đến chỗ cái mũ – theo cách vẫn được làm từ trước đến nay – thì hắn lại đem cái mũ đến chỗ miếng bọt biển. Lẽ ra tôi phải nhận thấy điều này, nhưng vì lúc ấy tôi quá xúc động. Đây là cuộc hành hình duy nhất mà tôi tham dự nhưng không thể kiểm soát được, còn Brutal thì cậu ta thậm chí không thèm nhìn Percy, không thèm nhìn khi hắn cúi xuống chỗ đặt cái xô (và cố ý quay đi sao cho che tầm mắt của chúng tôi), không thèm nhìn khi Percy chụp cái mũ có miếng bọt biển tròn màu nâu ở trong đó lên đầu Delacroix. Brutal chỉ nhìn đường nét gương mặt của Del dưới lớp lụa đen với đường viền cái miệng đang há to. Những giọt mồ hôi chảy ròng ròng từ trán xuống thái dương của Brutal. Tôi chưa bao giờ thấy Brutal toát mồ hôi trước một cuộc hành hình. Dean đứng sau lưng Brutal, trông rất mệt mỏi và căng thẳng như bị ốm và cố gắng để không nôn mọi thứ đã dùng trong bữa ăn tối. Tất cả chúng tôi đều ý thức rằng có một điều gì đó không đúng, nhưng không thể nói chính xác đó là cái gì. Đạo đó, không ai biết những câu Percy đã hỏi Jack Van Hay. Hắn đã hỏi rất nhiều, nhưng tôi ngờ rằng phần lớn chỉ nhằm đánh lạc hướng. Điều duy nhất hắn thực sự muốn biết là về miếng bọt biển. Công dụng của miếng bọt biển. Tại sao phải nhúng nó vào nước muối... và điều gì sẽ xảy ra nếu không nhúng nó vào đó.

Điều gì sẽ xảy ra, nếu miếng bọt biển vẫn khô ráo?

Percy ấn cái mũ chụp lên đầu Delacroix. Người đàn ông nhỏ bé rướn người chồm lên và rên một tiếng, lần này lớn hơn. Một vài nhân chứng ngồi không yên trên ghế. Dean

bước lên một bước, định giúp cài khóa mũ dưới cằm Del nhưng Percy khoác tay ra hiệu cho anh ta đừng chạm vào. Dean làm theo và giật mình khi tiếng sấm vang lên chói tai như đã đánh trúng nóc của phòng thi hành án tử hình. Lần này, sau tiếng sét là mưa đông đổ xuống ầm ầm trên mái nhà.

Có lẽ quý vị đã từng nghe ai đó nói “cảm thấy như máu ngừng chảy trong huyết quản”, đúng không? Tất cả chúng tôi đều đã nghe câu nói ấy, nhưng lần đầu tiên trong cuộc đời tôi, tôi thực sự cảm thấy như thế trong một đêm mưa gió bão bùng vào tháng mười năm 1932, khoảng mười giây sau mười hai giờ đêm. Đó không phải vì vẻ mặt đặc trưng độc ác của Percy Wetmore khi bước lùi lại và nhìn thân hình bé nhỏ bị cột chặt vào ghế điện, mặt bị trùm bởi mảnh vải lụa đen và đầu đội mũ chụp khiến tôi kinh hoàng. Có một cái gì đó lẽ ra tôi phải nhìn thấy nhưng tôi đã bỏ sót. Không có giọt nước nào chảy từ chiếc mũ chụp đầu Delacroix xuống mặt gã. Chỉ đến giây cuối cùng tôi mới chợt nhận ra.

– Eduard Delacroix! – Percy nói. – Bây giờ dòng điện sẽ chạy qua người ông cho đến khi ông chết, theo đúng luật của tiểu bang.

Tôi đau đớn nhìn Brutal, nổi đau đớn vì chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu so với giây phút này chỉ như một vết thương nhỏ ở ngón tay. Miếng bọt biển đã không được thấm ướt! Tôi mấp má môi nhưng Brutal chỉ lắc đầu, không hiểu. Anh ta chỉ nhìn cái đầu Delacroix bị chụp lại kín mít, miếng vải lụa đen trùm gương mặt phập phồng theo hơi thở hỗn hển của Del.

Tôi định chụp khuỷu tay của Percy, nhưng hấn bước lùi lại và lạnh lùng nhìn tôi. Điều đó chỉ diễn ra trong khoảnh khắc, nhưng đã nói lên tất cả. Sau này hẳn có thể nói đối với chúng tôi, những lời khiến phần lớn người nghe tin, nhưng

tôi thì hiểu rất rõ. Percy là một học trò giỏi, nếu như hắn quan tâm thích thú với điều cần học, và hắn đã chứng tỏ năng lực qua buổi diễn tập trước ngày thi hành án. Hắn đã chăm chú lắng nghe Jack Van Hay giải thích miếng bọt biển thấm nước muối sẽ dẫn điện như thế nào và dẫn hướng dòng điện giống như một quả cầu tích điện đánh thẳng vào bộ óc của người tử tù ra sao.Ồ, vâng, Percy biết rõ điều hắn làm! Sau này, tôi tin rằng hắn đã nói thật khi thú nhận rằng không ngờ hậu quả khủng khiếp như thế. Nhưng điều đó không làm giảm tội của hắn được. Tôi không thể làm gì nữa! Tôi chỉ có thể hét lên ra lệnh cho Jack Van Hay trước mặt phó giám đốc nhà tù và số đông nhân chứng không được kéo cần đóng mạch điện. Nếu tôi có được năm giây, chỉ năm giây đồng hồ thôi, thì tôi đã kịp làm như thế. Nhưng Percy không để cho tôi có được năm giây...

– Cầu Chúa phù hộ cho linh hồn ông! – Hắn nói với con người đang bị cột chặt trên ghế điện, mặt bị trùm kín, kinh hoàng, rồi quay về hướng phòng điều khiển có cửa sổ bọc lưới sắt, nơi Harry và Jack đang đứng. Jack đã đặt tay lên cần điều khiển, sẵn sàng đóng điện. Bác sĩ đứng bên phải khung cửa sổ, nhìn chăm chăm vào chiếc túi đựng y cụ màu đen đặt giữa hai bàn chân, lặng lẽ, rụt rè như mọi khi.

– *Bạc hai!*

Lúc đầu thì sự việc diễn ra như mọi khi. Tiếng máy phát điện kêu rì rì to hơn khi ở bậc một, nhưng không nhiều lắm, và cơ thể Del giật nảy lên.

Sau đó thì diễn biến bắt đầu chệch hướng.

Tiếng kêu rì rì của máy phát điện bị ngắt quãng, rồi có tiếng nổ lộp bộp. Tôi ngửi một mùi lạ thường và chỉ nhận biết đó là mùi trộn lẫn giữa tóc và miếng bọt biển bị cháy khi nhìn thấy khói bốc lên nghi ngút từ trên chóp mũ chụp, khói tuôn ra cuộn cuộn từ chỗ khoét rỗng đặt miếng bọt biển.

Delacroix bắt đầu run rẩy và cơ thể giật cục. Cái đầu bị trùm kín lắc lư từ bên này ngã sang bên kia làm như đang kịch liệt phản đối. Hai chân gã run giật dữ dội nhưng bị các cùm cặp chặt. Tiếng sấm sét rền vang và mưa bão dội ầm ầm lên mái nhà.

Tôi nhìn sang Dean Stanton và anh ấy bối rối nhìn lại. Có tiếng nổ lụp bụp dưới cái mũ chụp và tôi nhìn thấy khói vẫn bốc lên cuộn cuộn trên chóp mũ.

Tôi nháy lại khung cửa sổ ngăn cách chúng tôi với phòng điều khiển, nhưng trước khi tôi kịp nói, Brutus Howell đã giữ chặt cánh tay tôi. Gương mặt Brutal trắng bệch như sáp, nhưng anh ta vẫn còn giữ được bình tĩnh.

– Đừng, đừng nói với Jack! – Brutal nghiêng răng nói. – Anh không thể làm như thế. Đã quá muộn để dừng lại.

Lúc đầu các nhân chứng không nghe tiếng thét của Del bởi vì tiếng mưa gõ trên mái sắt dội lại nghe ù tai, và tiếng sấm chớp vẫn không ngừng, nhưng chúng tôi đứng trên bục có thể nghe rất rõ. Tiếng thét trở thành tiếng rên rỉ đau đớn vang lên dưới miếng vải lụa đen, tiếng kêu như một con thú bị rơi vào một máy nghiền và thân thể đang bị cắt nhỏ từng phần.

Tiếng kêu rì rì đứt quãng chen lẫn với tiếng nổ lộp bộp. Delacroix run giật, lắc lư trên ghế như một đứa trẻ đang trong cơn giận dữ điên cuồng. Cái bục rung lên và cơ thể Delacroix ngã mạnh về phía trước đến nỗi sợi dây buộc ngang ngực bằng da căng như muốn đứt tung ra. Thân mình gã giật nảy từng chập và tôi nghe có tiếng “crắc” ... khi xương bả vai trái của gã bị gãy hoặc trật khớp. Hai chân của Delacroix dần dần đen sạm lại và tiếng gã thét lên đau đớn át cả tiếng giông gió đang gầm rít ngoài trời. Một người nào đó kêu lên:

– Lạy Chúa, có chuyện gì xảy ra thế?

– Liệu các cùm và dây nịt có giữ được ông ta không?

– Ôi! Lạy Chúa, mùi hôi thối khủng khiếp quá!

Sau đó có tiếng một trong hai người phụ nữ run rẩy hỏi:

– Thế này có phải là bình thường không?

Delacroix gật về phía trước rồi lại ngả về phía sau và cứ như thế... Percy kinh hoàng nhìn thân người đang rung giật trên ghế điện. Hắn đã chờ đợi một điều gì đó xảy ra, nhưng không phải là cảnh tượng khủng khiếp này. Miếng vải lụa đen trùm trên đầu Delacroix đã bắt đầu bốc cháy. Hòa vào mùi tóc và miếng bọt biển cháy là mùi thịt cháy. Brutal chụp lấy cái xô trước đây đựng miếng bọt biển (dĩ nhiên là lúc này nó trống rỗng) và chạy đến bên cái giếng ngầm dành riêng cho người quản lý ở sát góc.

– Paul, tôi có cần phải ngắt điện không? – Van Hay gọi tôi qua khung cửa sổ. Giọng của ông ta vô cùng bối rối. – Tôi có phải ...

– Không? – Tôi trả lời. Brutal là người đã nhận ra trước tiên, nhưng ngay sau đó tôi cũng nhanh chóng hiểu rằng chúng tôi phải thực hiện cuộc hành hình cho đến lúc kết thúc. Những gì chúng tôi sẽ làm trong cuộc đời chỉ là thứ yếu so với việc này: Chúng tôi phải làm sao để Delacroix được chết ngay. – Hãy tiếp tục cho điện vào, lạy Chúa tôi! Điện, điện, điện!

Tôi quay lại nhìn Brutal và không nhận biết rằng các nhân chứng phía sau chúng tôi đang ồn ào bàn tán. Một vài người còn la hét. Tôi quát Brutal:

– Không được đổ nước, để yên đó! Cậu điên rồi sao?

Brutal quay lại nhìn tôi và trên gương mặt của anh ta lộ rõ vẻ bối rối, nhưng anh ta đã hiểu. Đổ nước vào một người đàn ông đang cần dòng điện à? Ôi, điều đó thật là ngu xuẩn. Anh ta nhìn qua vai, thấy cái bình cứu hỏa treo trên tường và

chụp ngay lấy nó. Quả là một chàng trai tốt.

Đến lúc này miếng lụa màu đen đã cháy hết và có thể nhìn thấy rõ gương mặt của Delacroix bây giờ đen hơn màu da của John Coffey. Hai tròng mắt của gã đã bắn ra khỏi hốc mắt và nằm trên má. Khi tôi nhìn Delacroix thì lông mi của gã bắt đầu bốc cháy. Khói bốc lên từ khoảng ngực trông hình chữ V của chiếc áo và ngay cả cái áo cũng bắt đầu bốc cháy. Tiếng máy phát điện vẫn kêu o ... o ... xuyên qua đầu tôi và lặp đi lặp lại không ngừng. Tôi nghĩ đó là âm thanh mà những người điên nghe được trong cơn điên của họ.

Dean nhào tới trước và trong lúc bối rối, anh ấy định dùng hai bàn tay đập lửa trên áo của Del. Tôi kéo anh ấy mạnh đến nỗi anh ấy suýt ngã xuống. Nếu lúc này Dean chạm vào Delacroix thì sẽ giống như anh ấy chạm vào một thùng nhựa đường đang nấu sôi sùng sục.

Tôi không nhìn ra phía sau và không biết điều gì xảy ra, nhưng tôi nghe những âm thanh hỗn loạn. Tiếng các ghế ngồi bị xô ngã, tiếng người hét lên, một giọng phụ nữ nghẹn ngào: “Dừng lại! Dừng lại ngay! Chẳng lẽ các người không thấy như thế là đủ hay sao?”

Curtis Anderson chụp lấy vai tôi và hỏi chuyện gì xảy ra, tại sao tôi không ra lệnh cho Jack ngắt điện.

– Bởi vì tôi không thể làm thế. – Tôi trả lời. – Chúng ta đã đi quá xa và không thể dừng lại được. Chẳng lẽ ông không nhận thấy điều đó hay sao? Chỉ cần vài giây nữa mọi việc sẽ kết thúc.

Nhưng phải mất đến hai phút cuộc hành hình mới kết thúc. Đó là những phút dài nhất trong cuộc đời tôi và tôi nghĩ Delacroix vẫn còn ý thức trong phần lớn khoảng thời gian đó. Gã thét lên, đổ người về phía trước, rồi lại ngã ra phía sau và lắc lư qua lại. Khói bây giờ có màu mận chín, bốc

lên từ mũi và miệng của Del. Khói bốc lên từ lưới của gã như từ một cái khay để nướng. Tất cả các cúc của chiếc áo sơ mi hoặc là đã bị bung ra, hoặc là đã bị chảy. Chiếc áo lót không bốc lửa, nhưng dần dần biến thành than và khói bốc lên lẫn với mùi lông ở ngực Del bị cháy. Sau lưng chúng tôi, người ta chạy hỗn loạn như những con bò bị rượt ở bãi chăn. Tất nhiên là họ không thể nào thoát ra được – chúng tôi đang ở trong một nhà tù bị nguyên rửa – và thế là họ dồn về một góc trong lúc Delacroix bị nướng (*Tôi bị nướng*, lão già Toot-Toot đã nói như thế khi chúng tôi thực hiện cuộc diễn tập cho buổi hành hình Arlen Bitterbuck, *tôi là một con gà quay*). Tiếng sấm chớp lại vang rền và mưa đổ xuống như trút nước.

Một lúc sau, tôi sực nhớ đến bác sĩ và đưa mắt nhìn quanh tìm kiếm ông ta. Ông ta còn ở đấy, nhưng đang nằm bất tỉnh bên cạnh chiếc túi màu đen của mình. Brutal chạy đến chỗ tôi với chiếc bình cứu hỏa trên tay.

– Chưa được! – Tôi nói.

– Tôi biết.

Chúng tôi đưa mắt tìm Percy. Hắn đang đứng chếch sau lưng chiếc ghế điện, nét mặt kinh hoàng, đôi mắt mở to và một nắm tay đưa lên che miệng. Cuối cùng thì Delacroix cũng ngã vào trong chiếc ghế. Gương mặt cháy loang lổ gục xuống vai. Cơ thể của gã vẫn còn co giật, nhưng chúng tôi đã từng nhìn thấy cảnh ấy. Đó là do tác dụng của dòng điện. Cái mũ chụp nằm lệch một bên đầu của Delacroix và khi chúng tôi gỡ nó ra, một lớp da và tóc dính chặt vào kim loại như một loại keo.

– Ngắt điện! – Tôi gọi Jack khi nửa phút đồng hồ đã trôi qua và nhìn thấy cái xác cháy đen chỉ còn run giật dưới tác dụng của dòng điện. Tiếng kêu rì rì im bật và tôi gạt đầu ra hiệu cho Brutal.

Brutal quay lại và ấn mạnh bình cứu hỏa vào tay Percy

đến nỗi Percy loạng choạng suýt ngã.

– Mày làm đi! Mày là người chỉ huy buổi biểu diễn này kia mà. – Brutal nghiêng răng nói.

Percy nhìn Brutal với vẻ vừa giận dữ, vừa căm ghét, đoạn hất xít một luồng bột trắng lên người đàn ông đang gục trên ghế điện. Tôi nhìn thấy chân Del giật giật khi bị bột cứu hỏa xít vào mặt và thầm nghĩ: *Ôi, không, biết đâu là chưa kết thúc*, nhưng may mà không phải thế.

Anderson đã quay lại và hét lên với các nhân chứng đang kinh hoàng tột độ rằng mọi việc đều ổn và trong tầm kiểm soát, chỉ có dòng điện bị ngắt quãng chút ít bởi ảnh hưởng của cơn giông và không có lý do gì để lo sợ cả. Chỉ còn thiếu điều ông ta gọi cái mùi hôi kinh khủng pha trộn giữa tóc, thịt cháy và phân của Delacroix vừa phọt ra là loại nước hoa Chanel Nr.5 hảo hạng.

– Lấy ống nghe của bác sĩ! – Tôi ra lệnh cho Dean khi nhận thấy bình cứu hỏa đã trống rỗng. Giờ đây, Delacroix đã bị phủ một lớp bột trắng và mùi hôi nồng nặc lúc này đã bị mùi hóa chất lấn át.

– Tôi có phải gọi bác sĩ...

– Quên bác sĩ đi, chỉ lấy ống nghe thôi, – tôi nói. – Chúng ta phải làm cho xong, phải kết thúc chuyện này và đưa ông ấy ra khỏi đây.

Dean gật đầu. *Kết thúc chuyện này và đưa ông ấy ra khỏi đây* là hai ý kiến mà anh ấy thích. Cả hai chúng tôi đều thích. Anh ấy đi đến chỗ bác sĩ đặt cái túi và lục lọi trong đó một lúc. Bác sĩ đã bắt đầu nhúc nhích và như thế chứng tỏ ông ta không bị lên cơn đau tim, điều đó rất tốt, nhưng cái cách Brutal nhìn Percy thì không tốt chút nào. Tôi ra lệnh cho Percy:

– Đi xuống hầm và chờ ở chỗ xe đẩy!

Percy nước nở:

– Paul, tôi không biết...

– Câm mồm! Đi xuống hầm và chờ ở chỗ xe đẩy! Đi ngay!

Hắn lại khóc, gương mặt nhăn nhúm như đang bị đau và đi đến cái cửa dẫn xuống đường hầm. Hai tay hắn khư khư ôm cái bình cứu hỏa như ôm một em bé. Dean va vào hắn khi anh ta cầm ống nghe của bác sĩ chạy vội đến. Tôi chộp ống nghe và gắn vào tai. Trước đây tôi đã làm việc này khi còn ở trong quân đội và cũng giống như khi anh đã biết chạy xe đạp – người ta không bao giờ quên.

Tôi gạt lớp bột trên ngực Delacroix và phải cố kềm chế cơn buồn nôn khi thấy một miếng da lớn, nóng bỏng rơi ra khỏi thịt như... Quý vị biết rồi đấy... như của một con gà quay.

– Lay Chúa, – Một giọng ghen ngào vang lên phía sau, giọng nói tôi không quen. – Chẳng lẽ mọi khi cũng như thế này? Tại sao không ai nói cho tôi biết trước? Nếu biết thì tôi đã không đến đây!

Quá muộn, thưa ông, – tôi nghĩ và ra lệnh:

– Hãy đưa ông ta đi! – Tôi nói với Dean hoặc Brutal hoặc ai đó có thể nghe, tôi nói chỉ để xác định rằng mình vẫn còn thoát được nên lời mà không nôn mửa vào thi thể của Delacroix. – Hãy mở cửa cho họ ra!

Tôi thu hết can đảm, đặt ống nghe lên khoảng ngực Delacroix, chỗ tôi vừa gạt lớp bột và miếng da bị rớt ra. Tôi lắng nghe và thậm chí cầu nguyện đừng có tiếng động nào vang lên từ đó, và đúng vậy: tôi không nghe gì cả.

– Ông ấy chết rồi. – Tôi nói với Brutal.

– Tạ ơn Chúa!

– Vâng, tạ ơn Chúa. Anh và Dean hãy đi lấy cái cáng. Chúng ta phải nhanh chóng đưa ông ấy ra khỏi đây.

5

Chúng tôi khiêng xác chết xuống mười hai bậc thang, đến đường hầm và đặt cái xác của Delacroix lên xe đẩy. Điều khiến tôi lo ngại nhất là những mảnh thịt bị cháy sẽ rời ra khỏi bộ xương khi chúng tôi vận chuyển thi hài, nhưng may mà điều đó không xảy ra.

Curtis Anderson ở lại bên trên, tìm cách trấn an các nhân chứng và điều đó tốt cho Brutal, vì Anderson không nhìn thấy cảnh Brutal từ đầu xe đẩy chở xác tước tước xông vào Percy đang đứng như mất hồn. Tôi giữ tay Brutal lại và cử chỉ đó tốt cả hai, tốt cho Percy vì Brutal, với cú đâm của anh ta, có thể làm vỡ đầu Percy, và tốt cho Brutal bởi vì nếu anh ta đánh Percy thì anh ta sẽ bị mất việc và có thể phải vào nhà tù, không phải với tư cách là quản giáo mà là một tù nhân. Tôi nói:

– Dừng!

– Anh nói “dừng” nghĩa là thế nào? – Brutal giận dữ quát tôi. – Tại sao anh có thể nói như thế được chứ? Anh đã chứng kiến những gì nó gây ra! Anh giải thích với tôi như thế nào? Anh luôn luôn bao che cho nó chỉ vì những mối quan hệ của nó! Bây giờ anh vẫn bao che cho nó sao?

– Đúng vậy!

Brutal há hốc mồm nhìn tôi. Anh ta tức giận đến nỗi

nước mắt muốn trào ra.

– Hãy nghe tôi, Brutus ạ. Nếu cậu đánh nó thì tất cả chúng ta sẽ bị sa thải: cậu, tôi, Dean, Harry và thậm chí cả Jack Van Hay. Sẽ có một người nào đó được thăng một hoặc hai cấp bậc, bắt đầu là Bill Dodge, và ban giám đốc nhà tù sẽ tuyển ba hoặc bốn người đang thất nghiệp làm cai tù thay vào các vị trí còn thiếu. Có thể là cậu sẽ sống được, nhưng... - Tôi hướng ngón tay cái về phía Dean đang đứng nhìn trần trời lên nóc đường hầm ẩm thấp và có vẻ trong tình trạng mất hồn như Percy. – Nhưng còn Dean thì sao? Anh ấy có hai đứa con, một đang học ở trường trung học, còn một sắp sửa vào trường.

– Thế thì sao? – Brutal hỏi tôi. – Chẳng lẽ nó không bị trừng phạt à? Lần này nó lại thoát tội à?

– Tôi không biết rằng phải nhúng ướm miếng bọt biển. – Percy nói với giọng yếu ớt. Dĩ nhiên là hắn đã chuẩn bị cho câu biện hộ này khi định trả thù Delacroix lần cuối cùng. Hắn không ngờ hành động của mình gây ra tai họa khủng khiếp như thế, nhưng điều đó không thể biện hộ cho tội lỗi của hắn. – Khi chúng ta diễn tập, chưa bao giờ miếng bọt biển bị thấm ướm.

– A! Đồ chó đẻ... – Brutal nói và nhào vào Percy. Tôi nắm cánh tay cậu ta và kéo ngược lại. Có tiếng bước chân đi xuống bậc thang. Tôi ngẩng lên và sợ rằng đó là Curtis Anderson, nhưng không phải. Harry Terwilliger đang đi xuống, gò má anh ta trắng bệch như tờ giấy và đôi môi tím lại như vừa ăn quả việt quất.

Tôi lại hướng sự chú ý của mình vào Brutal:

– Lay Chúa, Brutal ạ, dù sao thì Delacroix cũng đã chết rồi. Không có điều gì thay đổi được sự thực ấy, còn thằng Percy thì không đáng để chúng ta phải bận tâm.

Có phải đó là chiến thuật của tôi hay là trong đầu tôi đã có ý nghĩ ấy từ trước? Đã bao nhiêu năm trôi qua rồi, nhưng tôi vẫn không tự trả lời được cho mình câu hỏi ấy. Dù sao điều đó cũng không còn ảnh hưởng gì.

– Các anh nói về tôi làm như tôi là đồ vứt đi. – Percy nói. Hắn thù thảo như vừa bị ai đó đấm một cú thật mạnh vào bụng, nhưng hắn đã kịp trấn tĩnh lại.

Tôi nói:

– Percy, mày chính là đồ vứt đi.

– Ê, anh không được...

Tôi cố kềm chế cơn tức giận điên người và ý muốn đấm thẳng vào mặt hắn. Cái bóng của chúng tôi hắt lên bức tường bằng đá của đường hầm trông kinh dị như trong câu chuyện của Poe. Sấm chớp rền vang, nhưng ở dưới này không còn nghe rõ nữa.

– Percy, tao chỉ muốn nghe mày nói một câu và đó là nhắc lại lời hứa của mày rằng ngày mai, mày phải nộp đơn xin chuyển đến Briar Ridge.

Hắn cau có:

– Anh đừng bận tâm về điều đó.

Hắn lồm lét nhìn cái xác đã được phủ bằng một tấm vải đang nằm trên xe đẩy rồi nhìn đi chỗ khác. Sau đó hắn nhìn vào mặt tôi rồi quay đi.

– Đó là điều tốt nhất mày có thể làm. – Harry nói. – Ngược lại, mày sẽ có cơ hội tiếp xúc với Wild Bill Wharton nhiều hơn là mày muốn. – Anh ta dừng lại một chút rồi nói tiếp. – Chúng tao sẽ lo liệu việc đó.

Percy sợ chúng tôi và sợ hơn cả những gì chúng tôi có thể làm nếu như hắn vẫn còn ở đây và chúng tôi biết được những gì hắn đã hỏi Jack Van Hay về miếng bọt biển, tại sao nó luôn luôn được nhúng trong dung dịch nước muối. Nhưng

lời đe dọa của Harry về Wharton mới khiến hắn thật sự hoảng sợ. Tôi nhìn thấy nỗi kinh hoàng trong đôi mắt hắn. Tôi nghĩ hắn đang nhớ lại Wharton đã tóm lấy hắn như thế nào, đã vuốt ve và thì thầm vào tai hắn những lời nói tục tĩu ra sao. Percy thì thào:

– Bọn bay sẽ không làm như thế.

– Có, tao sẽ làm, – Harry điềm tĩnh nói – và mày biết điều gì không? Tao sẽ thoát bởi vì đã có lần mày chứng tỏ mày sơ suất như thế nào khi canh giữ các tù nhân.

Percy nắm hai bàn tay lại thành nắm đấm và gương mặt hắn đỏ bừng:

– Tao không ...

– Dĩ nhiên mày là một thằng rất vô ý và mày là kẻ thiếu năng lực, – Dean nói và bước đến cạnh chúng tôi. Chúng tôi đứng quanh Percy thành một nửa vòng tròn dưới chân cầu thang, ngăn cản đường tiến, còn sau lưng Percy là cái xác người bị thiêu cháy nằm dưới tấm vải phủ. – Mày đã thiêu sống Delacroix. Nếu đó không gọi là thiếu năng lực thì là cái gì?

Ánh mắt của Percy bối rối. Hắn đã vạch kế hoạch và định dùng cái cớ là không biết để bào chữa. Bây giờ thì hắn nhận ra rằng đã bị sa vào cái bẫy của chính mình. Tôi không biết hắn định trả lời như thế nào, bởi vì lúc ấy có tiếng chân người đi xuống bậc thang và Curtis Anderson xuất hiện. Chúng tôi chỉ kịp lùi ra xa Percy một chút để trông không có vẻ là chúng tôi đe dọa hắn.

– Quý quá! Thật! Tất cả những cái này có nghĩa là gì? – Anderson gầm lên. – Lạy Chúa, người ta nôn mửa đầy trên sàn nhà kia! Còn mùi hôi! Tôi đã ra lệnh cho Magnusson và Toot-Toot mở rộng cả hai cánh cửa nhưng để chừng phải đến năm năm thì mùi hôi thối khủng khiếp đó mới bay đi hết.

Còn thằng khốn kiếp Wharton thì đang nghe ngao về câu chuyện vừa xảy ra đấy. Tôi còn nghe rõ tiếng của nó.

– Thế giọng của nó nghe có hay không, Curtis? – Brutal hỏi. Quý vị biết người ta có thể dùng một tia lửa để đốt cháy khí trước khi nó kịp tích tụ lại và gây hậu quả lớn? Tình thế lúc này cũng tương tự. Chúng tôi ngạc nhiên nhìn Brutus và phá lên cười. Tiếng cười của chúng tôi khiến những con dơi đậu trên nóc đường hầm bay đi loạn xạ. Những cái bóng của chúng tôi hất lên tường của đường hầm đập chồn, đập chồn. Cuối cùng ngay cả Percy cũng cười theo. Sau đó chúng tôi cảm thấy dễ chịu hơn một chút, thần kinh đỡ căng thẳng hơn.

– OK, các chàng trai. Hãy nói cho tôi biết chuyện gì đã xảy ra. – Anderson vừa rút khăn tay lau nước mắt ứa ra từ trận cười lúc nãy, vừa hỏi.

– Một buổi hành hình. – Brutal nói. Tôi nghĩ giọng nói vô cùng điềm tĩnh của Brutal khiến Anderson ngạc nhiên, nhưng tôi thì không. Brutal là người phản ứng rất nhanh trong mọi tình huống. – Một bản án đã được thi hành thành công.

– Cái gì? Lạy Chúa, cậu có thể gọi đó là thành công à? Phải mất cả tháng các nhân chứng mới có thể ngủ được! Cảnh tượng y như trong địa ngục.

Brutal hướng về phía xe đầy xác chết và tấm khăn phủ lên.

– Ông ấy chết rồi, phải không? Còn về các nhân chứng của ngài thì phần đông sẽ kể cho bạn bè và người thân rằng đó là sự công bằng. – Del đã thiêu sống một mớ người và bây giờ ông ấy lại bị thiêu sống. Những nhân chứng sẽ không nói chúng ta làm việc đó. Họ sẽ nói đó là do ý Chúa mượn bàn tay của chúng ta. Và phần đông những người nghe kể sẽ

mong có mặt ở đây để chứng kiến cảnh tượng này. – Khi nói đến đó, Brutal nhìn Percy với vẻ ghê tởm.

– Và nếu họ không chộp mất được vài ngày thì đã sao?
– Harry hỏi. – Chính họ muốn đến đây chứ không ai bắt buộc.

– Tôi không biết là phải thấm ướt miếng bọt biển. – Percy nói với giọng vô cảm như của một người máy. – Trong các buổi diễn tập nó không bao giờ bị thấm ướt.

Dean nhìn hấn với vẻ ghê tởm:

– Vậy thì mày đã ị bao nhiêu năm trên nắp bồn cầu trước khi có người bảo rằng mày phải lật nó lên? – Dean diễn tiết.

Percy mở miệng định trả lời nhưng tôi bảo hấn hãy câm mồm. Điều đáng ngạc nhiên là hấn đã vâng lời. Tôi quay lại nhìn Anderson.

– Đơn giản là Percy đã làm hỏng việc, Curtis ạ.

Tôi quay lại nhìn Percy với vẻ cảnh cáo rằng đừng cãi lại lời tôi. Hấn vâng lời vì có thể hấn đọc được trong mắt tôi: thà là để Anderson nghĩ rằng đó là một sai sót còn hơn là sự cố ý. Không ai biết những gì đã diễn ra ở trong đường hầm và những điều chúng tôi đã nói. Người ta chỉ nghe những gì Percy Wetmores kể lại mà thôi, bởi vì hấn biết cách thì thấm vào lỗ tai của những người đó.

Anderson nhìn cả năm chúng tôi với vẻ ngờ vực, thậm chí ông ấy còn quay lại nhìn Delacroix nhưng dĩ nhiên là Delacroix không thể nói gì được nữa.

– Tôi đã ngờ rằng sự thể còn tồi tệ hơn. – Anderson nói.

– Đúng vậy, – Tôi đồng tình với ông ấy. – Biết đâu đến giờ ông ta vẫn còn sống..

Curtis nhấp nháy mắt. Hình như ông ấy chưa nghĩ đến tình huống này.

– Ngay ngày mai tôi muốn có một bản báo cáo đầy đủ về sự việc vừa xảy ra trên bàn làm việc của tôi. – Ông ấy nói. – Và không ai trong các anh được phép nói gì với giám đốc Moores cho đến khi tôi có cơ hội để trình bày với ông ấy. Hiểu không?

Chúng tôi hằng hái gặt đầu. Nếu Curtis Anderson muốn trực tiếp báo cáo với giám đốc thì chỉ tốt cho chúng tôi mà thôi.

– Hy vọng rằng không có một thằng phóng viên nào muốn đưa sự kiện vừa xảy ra lên mặt báo...

– Họ sẽ không làm thế đâu. – Tôi nói. – Và nếu họ định làm thế thật thì tổng biên tập của họ sẽ bóp cổ họ. Quá khủng khiếp và tàn bạo đối với các tờ tạp chí dành cho gia đình. Thậm chí họ sẽ không thử làm đâu. Tất cả đều kinh hoàng và bị sốc. Đôi khi có nhiều sự việc xảy ra không như mong muốn. Họ cũng biết điều đó như tất cả chúng ta.

Anderson nghĩ ngợi một lúc rồi gặt đầu. Ông ta quay lại nhìn Percy và vẻ kinh tởm hiện lên trên gương mặt thường ngày luôn vui vẻ của ông.

– Anh là một thằng khốn kiếp. – Ông ấy nói, – và tôi không ưa anh chút nào cả. Ông ấy gặt đầu hài lòng khi nhìn thấy vẻ mặt ngơ ngác của Percy. – Và nếu anh kể cho những người ngồi ở trên cao nghe những gì tôi đã nói thì tôi sẽ phủ nhận và chắc chắn là họ sẽ tin tôi. Bản thân của anh có vấn đề, anh bạn ạ.

Ông ấy quay lưng lại và đi lên bậc thang. Tôi chờ cho ông ấy đi được bốn bậc rồi gọi:

– Curtis!

Ông ấy dừng lại và nhìn tôi, nhướn mày ra ý hỏi.

– Ông không cần phải bận tâm về Percy. – Tôi nói. – Anh ta sẽ xin chuyển đến Briar Ridge. Ở đó anh ta có

những nhiệm vụ quan trọng hơn. Đúng thế không, Percy?

– Ngay sau khi đơn xin chuyển công tác của hắn được chấp thuận. – Brutal nói tiếp. – Và cho đến lúc đó thì đêm nào hắn cũng xin nghỉ ốm. – Dean nói chen vào.

Câu nói của Dean khiến Percy nổi điên, bởi vì hắn làm việc chưa đủ lâu để có thể được nghỉ ốm mà không khấu trừ vào lương. Hắn cau có nhìn Dean:

– Điều đó anh chỉ mơ thôi.

6

Chúng tôi trở lại khu trại giam lúc một giờ mười lăm phút (ngoại trừ Percy phải lau sạch phòng thi hành án và đang cau có thực hiện nhiệm vụ). Tôi phải viết bản báo cáo. Tôi quyết định ngồi sau bục cạnh để viết, bởi vì nếu ngồi trên chiếc ghế êm ái trong văn phòng, tôi sẽ ngủ thiếp đi mất. Có thể quý vị sẽ lấy làm lạ về điều đó khi liên hệ đến những gì vừa xảy ra trước đó một giờ đồng hồ, nhưng tôi có cảm giác từ mười một giờ đêm qua đến bây giờ, tôi đã trải qua ba cuộc đời mà không có giấc ngủ nào.

John Coffey đứng sau cánh cửa xà lim, nước mắt ràn rụa, đôi mắt đỏ ngầu nhìn về nơi xa xôi biểu lộ nỗi đau đớn vô hạn. Wharton ngồi trên tấm ván trong xà lim, người lắc lư qua lại, miệng nghe ngao một bài hát do hắn tự nghĩ ra và không phải là không có ý nghĩa. Tôi có thể nhớ lại đại khái là:

“Bữa tiệc thịt nướng, la la la la!
Mùi hôi nồng nặc, la la la la!
Đó không phải là Billy hoặc Philadelphia Philly!
Đó không phải là Jackie hoặc Rourke!
Đó là một con chuột nhỏ tên Delacroix, la la la la.”
Tôi bức bối:

– Hãy cầm mồi, thằng ngốc ạ!

Wharton phá lên cười, đưa hàm răng vàng ệch. Hắn chưa chết và hắn vui mừng về điều đó.

– Nếu mày muốn thưởng thức một cú đấm thì hãy đến đây! Hay là mày không dám?

Sau đó hắn lại bắt đầu một đoạn mới do hắn tự nghĩ ra của bài hát về “bữa tiệc thịt nướng”. Phải nói là những gì hắn đặt ra không hoàn toàn vô nghĩa. Một kiểu thông minh chưa chín tới và đã phát triển theo chiều hướng xấu trong một cái đầu không bình thường.

Tôi đến chỗ John Coffey. Anh ta đang dùng bàn tay gạt nước mắt. Đôi mắt của anh ta đỏ ngầu trông như bị viêm tấy lên và anh ta có vẻ kiệt sức. Tôi không hiểu tại sao anh ta lại như thế trong khi cả ngày chỉ đi dạo hai tiếng đồng hồ trên sân và toàn bộ thời gian còn lại trong ngày chỉ ngồi hoặc nằm trong xà lim, nhưng tôi không nghi ngờ điều tôi nhìn thấy. Nó quá rõ ràng.

– Tội nghiệp Del! – Coffey khẽ nói, giọng khàn khàn. – Ôi, Del tội nghiệp!

– Vâng, – Tôi nói. – Khốn khổ thân Del, John, anh ổn chứ?

– Dù sao ông ấy cũng đã đi rồi. – Coffey nói. – Del đã thoát khỏi cảnh khổ rồi. Đúng thế không, sắp?

– Vâng, hãy trả lời tôi! John, anh có ổn không?

– Del đã bỏ lại tất cả ở phía sau rồi. Ông ấy là người hạnh phúc. Bất kể sự việc xảy ra như thế nào, ông ấy cũng là người hạnh phúc.

Tôi nghĩ nếu có thể thì Delacroix sẽ phản đối John, nhưng tôi không nói ra. Thay vào đó tôi ghé mắt nhìn vào xà lim.

– Mr. Jingles đâu rồi?

– Nó chạy qua đó. – John chỉ qua chân song sắt về hướng căn phòng cách ly.

Tôi gật đầu:

– Được rồi, nó sẽ trở lại.

Nhưng không đúng như thế. Những ngày Mr. Jingles ở trên *Dặm Xanh* đã kết thúc. Dấu vết duy nhất còn lại của nó mà chúng tôi tìm thấy vào mùa đông năm ấy là một vài mảnh gỗ vụn được sơn màu sắc sỡ, thơm mùi bạc hà nằm trong cái lỗ khoét trong cây kèo.

Tôi định bỏ đi nhưng lại chần chừ một chút. Tôi nhìn John Coffey và anh ta cũng nhìn tôi, tựa hồ như anh ta hiểu những gì tôi đang nghĩ. Một giọng nói bên trong thúc giục tôi hãy đi ngay, trở về bụi tranh và viết bản báo cáo của mình, nhưng tôi lại gọi tên John Coffey.

– John Coffey!

– Vâng, thưa sếp. – Anh ta trả lời ngay lập tức.

Đôi khi người ta thật điên rồ khi cứ khẳng khẳng muốn biết một điều gì đó. Trong giây phút này đối với tôi đúng như thế. Tôi quỳ xuống và tháo một chiếc giày ra.

7

Khi tôi về đến nhà, mưa đã ngừng rơi và sau đó một lúc, mặt trăng hiện lên trên đỉnh ngọn đồi ở phía Bắc. Hình như cơn buồn ngủ của tôi đã tan theo những đám mây mù. Tôi rất tỉnh táo và có thể ngửi mùi của Delacroix. Tôi nghĩ tôi có thể ngửi thấy mùi của anh ta trên da thịt mình. “Bữa tiệc thịt nướng” và cái mùi của nó sẽ còn vương vất rất lâu.

Janice vẫn còn thức và đang đợi tôi như sau những đêm tôi phải tham gia những cuộc hành hình. Tôi đã định không kể lại cho cô ấy nghe những gì đã xảy ra, không cần làm cho cô ấy khổ tâm thêm nữa, nhưng cô ấy đã đọc được trên gương mặt tôi khi tôi bước vào nhà bếp và muốn biết mọi chuyện. Thế là tôi ngồi xuống, cầm đôi bàn tay ấm áp của nàng trong đôi bàn tay lạnh giá của tôi (lò sưởi trong chiếc xe Ford cũ kỹ của tôi hầu như không hoạt động và từ khi cơn giông kéo đến, nhiệt độ đã hạ thấp đột ngột). Tôi kể cho Janice nghe tất cả những gì cô ấy muốn nghe. Giữa chừng câu chuyện, tôi bật khóc, điều mà chính tôi cũng không ngờ. Tôi cảm thấy xấu hổ, nhưng chỉ một chút thôi. Quý vị hiểu không, đó là Janice, và cô ấy không bao giờ đánh giá tôi ngay cả khi tôi không thể hiện bản lĩnh đàn ông của mình. Một người đàn ông có một người vợ tốt là điều hạnh phúc nhất mà Chúa ban cho. Tôi khóc và Janice kéo đầu tôi áp vào ngực nàng. Khi cơn giông trong lòng tôi dịu xuống, tôi cảm thấy dễ chịu hơn... dù chỉ được chút ít. Và tôi tin rằng, lần đầu tiên, tôi ý thức được suy nghĩ của mình. Không phải là về chiếc giày; tôi

không nghĩ đến nó. Chiếc giày có liên quan đến một việc khác. Ý nghĩ *thực sự* của tôi lúc đó là John Coffey và Melinda Moores, mặc dù họ rất khác nhau về vóc dáng, về màu da, về giới tính, nhưng họ có cùng một ánh mắt: buồn bã, lo lắng, băn khoăn ... Ánh mắt nhìn về nơi xa xăm. Ánh mắt của người đã chết.

Cuối cùng vợ tôi nói:

– Vào giường đi, Paul, hãy vào giường với em!

Tôi làm theo và chúng tôi ân ái với nhau. Sau khi mọi chuyện đã qua, vợ tôi ngủ thiếp đi. Khi nằm trên giường và nhìn ánh trăng lọt qua lớp cửa kính, tôi nhớ lại những lời John Coffey đã nói: *“Tôi đã giúp đỡ con chuột của Del. Nó là một con chuột của gánh xiếc”*. Đúng thế, tôi nghĩ, và có thể cả chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng là những con chuột trong gánh xiếc. Những con chuột lảng xảng chạy tới chạy lui mà không hiểu rằng Chúa và các thiên thần của Ngài đang quan sát chúng ta từ trên bầu trời cao vợi vợi. Tôi ngủ được chút ít, khoảng hai giờ đồng hồ, có thể là ba giờ – như lúc này ở Georgia Pines – với những giấc mơ đan xen nhau. Tôi ngủ với ý nghĩ về những ngôi nhà thờ tôi vẫn thường đi lễ khi còn thơ ấu. Tên của các nhà thờ thay đổi tùy theo tính khí của mẹ và của dì tôi, nhưng trong thực tế chúng đều giống nhau. Lồng trong hình ảnh của các nhà thờ là tiếng chuông thánh thót thúc giục những con chiên đi lễ. Chỉ có Chúa mới có thể tha thứ cho các tội lỗi và dùng máu của con trai Người để rửa sạch chúng, nhưng điều đó không làm thay đổi bốn phận của các con của Người là phải sám hối tội lỗi của mình (thậm chí đó chỉ là những sai lầm nho nhỏ). Sự sám hối rất mạnh mẽ. Nó có thể là cái khóa để đóng quá khứ lại. Tôi thiếp đi và nghĩ đến sự sám hối, đến Eduard Delacroix trong ngọn lửa, đến Melinda và người tù to lớn với đôi mắt lúc nào cũng đắm lệt của mình. Những ý nghĩ này đi theo vào giấc ngủ, quyen

chặt với các giấc mơ của tôi, trong đó John Coffey ngồi bên bờ sông và khóc lóc thảm thiết vào một buổi sáng mùa hè, trong khi trên bờ sông bên kia có một đoàn tàu hỏa hình như chạy mãi không ngừng trên cây cầu bắc qua con sông Trappingus. Trên mỗi cánh tay da đen to lớn của anh ta là xác chết trần truồng của một bé gái có mái tóc vàng. Hai bàn tay ngoại cỡ của anh ta nắm chặt lại. Những con côn trùng bay vo ve chung quanh họ. Trời rất nóng. Trong giấc mơ tôi thấy mình đi đến trước người tù da đen, quì xuống trước mặt anh ta, hai bàn tay nắm lấy tay anh ta. Hai bàn tay ấy từ từ mở ra cho tôi thấy các bí mật chứa đựng trong đó. Trong một bàn tay là cái trục chỉ sơn màu xanh, vàng, đỏ còn trong bàn tay kia là chiếc giày của một cai tù.

– Tôi không thể làm gì được. – John Coffey nói. – Tôi cố gắng để cho điều ấy không xảy ra, nhưng đã quá muộn.

Và lần này, trong giấc mơ, tôi đã hiểu anh ta.

8

Khoảng chín giờ sáng hôm sau, trong lúc tôi ngồi ở hàng hiên và uống tách cà phê thứ ba (vợ tôi không nói gì, nhưng tôi nhìn thấy vẻ không hài lòng của cô ấy khi đem ra cho tôi tách cà phê thứ ba) thì chuông điện thoại reo. Tôi đi vào và nhắc ống nghe lên. Người phụ nữ trực tổng đài cho biết có người muốn nói chuyện với tôi và bảo tôi hãy chờ. Bà

ấy còn chúc tôi một ngày tốt lành rồi chuyển máy.

Giọng nói của Hal Moores khiến tôi kinh ngạc. Đó là giọng nói run rẩy, khà khà của một ông già tám mươi tuổi. Tôi chợt nghĩ rằng rất may mắn mà Curtis Anderson có cùng ý nghĩ như chúng tôi về Percy, bởi vì rất có khả năng người đàn ông đang nói chuyện với tôi qua điện thoại sẽ không còn làm việc dù chỉ một ngày ở Cold Mountain.

– Paul, tôi nghe nói đêm hôm qua có sự cố phải không? Tôi cũng nghe nói ông bạn Percy Wetmore của chúng ta là kẻ đã gây rắc rối.

– Chỉ là những chuyện vặt vãnh thôi, – tôi thú nhận, tôi ấn ống nghe sát vào tai hơn và nói khẽ, – điều quan trọng là hắn sẽ chuyển đi.

– Dĩ nhiên rồi.

– Tôi có thể hỏi ai đã kể lại cho ông biết được không? – *Để tôi có thể nện vào đầu hắn một cái*, tôi thầm nghĩ nhưng không nói ra.

– Paul, anh có thể hỏi, nhưng vì nó không liên quan đến anh nên tôi sẽ không trả lời. Khi tôi gọi điện thoại đến văn phòng để xem có thư từ hoặc chuyện gì cấp bách cần giải quyết hay không thì người ta cho tôi biết một tin khá thú vị.

– Tin gì?

– Hình như trong thùng thư của tôi có một lá đơn xin chuyển công tác. Percy Wetmore muốn nhanh chóng chuyển đến Briar Ridge. Có lẽ nó đã viết lá đơn này ngay trong đêm hôm qua. Anh cũng nghĩ như vậy chứ?

– Có thể lắm. – Tôi đồng tình.

– Bình thường thì tôi để Curtis giải quyết những việc như thế này nhưng vì... bầu không khí ở trại E trong thời gian gần đây nên tôi đã đề nghị Hannah vui lòng đem lá đơn đó đến cho tôi trong giờ nghỉ trưa. Bà ấy sẽ làm theo lời đề

nghe của tôi. Tôi sẽ duyệt lá đơn đó và gửi đến thủ phủ của bang ngay trong chiều nay. Tôi nghĩ rằng chỉ trong vòng một tháng nữa là anh sẽ thoát khỏi thằng Percy, thậm chí có thể sớm hơn.

Ngài giám đốc chờ đợi tiếng reo mừng rỡ của tôi khi nghe tin này và ông ấy có lý. Ông ấy đã dùng khoảng thời gian được nghỉ chăm sóc vợ để giải quyết việc này, nếu không nó có thể kéo dài đến nửa năm, bất chấp các mối quan hệ của Percy.

Thế nhưng trái tim của tôi như muốn lột ra khỏi lồng ngực. Một tháng! Nhưng có lẽ điều ấy cũng không quan hệ gì. Có lẽ không nên kéo dài thời gian để thực hiện những gì tôi dự định, mặc dù điều đó rất nguy hiểm. Đôi khi ta nên nhảy ngay xuống nước trước khi ta mất hết can đảm. Nếu như chúng tôi giải quyết được Percy (với điều kiện là tôi có thể thuyết phục được những người kia cùng thực hiện kế hoạch điên rồ của tôi – nói cách khác, với điều kiện là có *chúng tôi*), thì ngay đêm nay có thể tiến hành được.

– Paul, anh còn ở đầu dây không? – Moores hạ thấp giọng, thì thầm như nói với chính mình. – Tôi nghĩ đường dây đã bị ngắt.

– Không, tôi còn ở đây, Hal. Đây quả là một tin tốt lành.

– Vâng, – ông ta đồng tình và tôi thầm nghĩ sao giọng của ông ấy nghe già nua đến thế, già nua và yếu ớt. – Ồ, tôi biết là anh đang nghĩ gì.

Không, thưa Ngài Giám đốc, ông không thể biết được đâu, tôi thầm nghĩ. Trong hàng triệu năm nữa ông cũng không thể biết được tôi nghĩ gì.

– Anh nghĩ rằng ông bạn nhỏ của chúng ta sẽ có mặt trong buổi hành hình John Coffey chứ gì? Có thể là như thế.

– Coffey sẽ bị tử hình vào khoảng chừng ngày lễ Tạ ơn, tôi nghĩ như thế. – Nhưng anh có thể nhét Wetmore vào trong phòng điều khiển. Không ai phản đối điều đó, kể cả hắn.

– Tôi sẽ làm thế, – tôi nói. – Hal, sức khỏe Melinda thế nào?

Ông ấy im lặng rất lâu, lâu đến nỗi tôi ngỡ rằng ông ấy đã cúp điện thoại nếu như không nghe thấy tiếng ông ấy thở qua đường dây. Khi ông ấy nói tiếp, giọng ông ấy càng nhỏ hơn.

– Bà ấy càng ngày càng yếu. Những cơn nhức đầu đã dịu đi chút ít..., nhưng bà ấy không thể đi nếu không có người dìu, không thể cầm nắm bất cứ vật gì được nữa và cũng không tự chủ tiểu tiện trong khi ngủ. – Sau đó ông ấy lại im lặng một lúc rồi nói tiếp với giọng càng nhỏ hơn đến nỗi tôi không hiểu ông ấy nói gì.

– Hal, bà ấy tìm gì? – Tôi hỏi và nhăn trán suy nghĩ. Vợ tôi xuất hiện trên bậc cửa. Cô ấy lau hai bàn tay vào tạp dề và nhìn tôi.

– Không, – Hal nói với giọng ghen ngào pha lẫn chút tức giận. – Bà ấy chải rửa.

– Ô! – Tôi không biết phải nói như thế nào và cũng không hiểu ý ông ấy nhưng ông ấy đã tự động giải thích: – Bà ấy đang ở trạng thái bình thường, hoàn toàn bình thường, đang nói về vườn hoa hoặc một mẫu áo nhìn thấy trong catalog, hoặc kể rằng đã nghe giọng của Roosevelt trong ra-đi-ô rồi đột nhiên, lạ Chúa, bà ấy nói những điều khủng khiếp, những từ gớm ghiếc. Bà ấy không lên giọng, và tôi nghĩ giá mà bà ấy làm thế thì tốt hơn bởi vì... anh hiểu không...

– Bởi vì nếu như thế thì nghe như không phải chính bà ấy nói.

– Chính xác là vậy, – ông ấy nói với giọng biết ơn. Nhưng khi nghe bà ấy nói những từ gồm ghiếc, tục tĩu bằng cái giọng dịu dàng, mềm mại của bà ấy... xin lỗi anh, Paul. – Ông ấy im bật và tôi nghe giọng ông ấy đặng hăng. Sau đó, ông ấy nói tiếp với giọng rất buồn. – Bà ấy muốn linh mục Donalson đến đây và tôi nghĩ có lẽ ông ấy sẽ an ủi được ít nhiều, nhưng làm sao tôi có thể mời ông ấy đến được? Cứ tưởng tượng cảnh ông ấy ngồi bên Melinda, đọc một đoạn trong Kinh Thánh và bà ấy chửi ông ta bằng những từ gồm ghiếc? Điều đó rất có thể xảy ra. Tối hôm qua, bà ấy đã làm như thế với tôi. Bà ấy nói: “Hãy đưa cho tao tờ tạp chí “Liberty”, đ. m. mày!”. Paul, bà ấy đã nghe những từ này ở đâu? Làm sao bà ấy biết những từ như thế?

– Tôi không biết. Hal, tối nay ông có ở nhà không?

Hal Moores là người rất hay đùa. Nếu ông ấy khỏe và tự chủ được, không bận tâm về bệnh tình của vợ thì những lời đùa cợt của ông ấy đôi khi sắc như dao cạo, nhưng lần này câu trả lời của ông ấy nhẹ nhàng hơn.

– Không, tôi sẽ không ở nhà, – ông ấy nói. – Tôi sẽ đưa Melinda đi khiêu vũ, chúng tôi sẽ nhảy suốt đêm rồi sau đó tôi sẽ nói với người nhạc công chơi đàn rằng hấn là một thằng liếm đ..

Tôi đưa tay bịt miệng để không phá lên cười.

– Xin lỗi, – Hal nói. – Thời gian gần đây, tôi không được ngủ nhiều. Điều đó làm tôi đôi khi không còn tỉnh táo. Dĩ nhiên là chúng tôi có ở nhà. Tại sao anh hỏi như thế?

Tôi nói:

– Không, không có gì quan trọng.

– Anh không định ghé ngang qua nhà tôi chứ? Bởi vì đêm qua anh đã trực, và đêm nay anh cũng sẽ phải trực. Hay là anh đổi ca với ai?

– Không, tôi không đối với ai cả, - tôi nói. – Tối nay tôi phải trực.

– Trong tình trạng của Melinda như thế này thì việc anh định đến đây không tốt lắm đâu.

– Có lẽ thế. Cảm ơn vì ông đã gọi điện thoại. – Không có gì. Paul, hãy cầu nguyện cho Melinda.

Tôi hứa là sẽ làm thế và thậm nghĩ có thể là tôi sẽ làm được điều gì đó nhiều hơn là cầu nguyện. Chúa sẽ giúp đỡ cho người nào biết tự giúp mình, như trong Nhà Thờ vẫn thường đọc “Vinh danh Thiên Chúa, Ngài là Đấng Toàn Năng”. Tôi gác ống nghe và quay lại nhìn Janice.

– Melly thế nào? – Vợ tôi hỏi.

– Không tốt lắm.

Tôi kể cho cô ấy nghe những điều Hal đã nói với tôi, kể cả những câu chữ của bà ấy. Tôi kết thúc bằng từ “rất yếu” và Janice buồn bã gật đầu. Đoạn cô ấy nhìn tôi chăm chú hơn:

– Anh nghĩ gì về điều đó? Anh đang nghĩ đến *một điều* gì, một điều gì không ổn. Em đã đọc được trên gương mặt anh.

Tôi không thể nói dối và thế là tôi đành phải tránh né đề tài này. Tôi chỉ nói với cô ấy tốt nhất là cô ấy không nên biết.

– Liệu nó có gây... rắc rối cho anh không? – Giọng nói của cô ấy không có vẻ buồn bực mà chỉ thể hiện sự quan tâm, điều đó làm tôi hài lòng.

– Có thể, - tôi nói.

– Đó có phải là một việc tốt không?

– Có thể, - tôi nhắc lại. Bàn tay tôi vẫn còn đặt trên ống nghe của điện thoại.

– Anh có muốn em để anh ở đây một mình trong lúc anh gọi điện thoại không? – Janice hỏi – bởi vì em là một người vợ tốt và em nên đi giặt đồ hay rửa bát không?

Tôi gật đầu:

– Anh không định nói vậy, nhưng

– Chúng ta sẽ có khách đến cùng ăn trưa, phải không?

– Anh hy vọng thế. – Tôi nói.

9

Tôi gặp Brutal và Dean ngay bởi vì cả hai đều có điện thoại. Harry không có điện thoại nhưng tôi biết số điện thoại của người hàng xóm. Hai mươi phút sau Harry gọi lại, có vẻ rất ngượng ngùng bởi vì đó là một cái điện thoại được mắc song song, và cậu ấy đã hứa với người hàng xóm rằng cậu ấy sẽ trả tiền điện thoại khi họ nhận được hóa đơn thanh toán. Tôi hỏi cậu ấy rằng cậu ấy có thể đến ăn trưa với chúng tôi được không, Brutal và Dean cũng sẽ có mặt ở đây. Janice đã hứa sẽ làm món xà lách rau trộn lừng danh của cô ấy và còn có cả món bánh táo tuyệt vời nữa.

– Chỉ đơn giản là một bữa ăn trưa thôi à? – Giọng của Harry có vẻ ngờ vực.

Tôi thú thật là tôi có chuyện muốn bàn bạc với họ và không tiện nói qua điện thoại. Harry đồng tình. Tôi gác điện thoại, đi đến bên cửa sổ và nhìn ra ngoài, nghĩ ngợi. Mặc dù

chúng tôi đã làm việc cả đêm, nhưng Brutal lẫn Dean đều không có vẻ gì như bị đánh thức đột ngột và giọng của Harry cũng không như của người vừa thức dậy sau giấc ngủ say. Hình như sau sự kiện vừa xảy ra trong đêm, không phải chỉ có mình tôi mất ngủ và kế hoạch điên rồ của tôi có khi lại tốt.

Brutal, ở gần nhà tôi nhất, đến nơi lúc mười một giờ mười lăm. Mười lăm phút sau Dean xuất hiện, còn Harry, với bộ đồng phục sẵn sàng đi làm việc, đến sau Dean khoảng mười lăm phút. Janice đã dọn ở trong nhà bếp cho chúng tôi món bánh mì nướng kẹp thịt, xà lách rau trộn và trà đá. Trước đây một ngày có lẽ chúng tôi sẽ ngồi ở hàng hiên và vui mừng vì một cơn gió thoáng qua, nhưng sau cơn giông sấm sét, nhiệt độ đã hạ xuống 15°C và cơn gió lạnh cắt da đang thổi qua những ngọn đồi.

– Em có thể cùng ngồi đây và ăn trưa luôn. – Tôi nói với vợ tôi.

Cô ấy lắc đầu:

– Em không biết là các anh đang sắp đặt những gì và em cũng không muốn biết. Như thế em sẽ đỡ lo lắng hơn. Em sẽ ăn trong phòng khách và trò chuyện với Miss Jane Austen, bà ấy là một người vui nhộn.

– Jane Austen là ai thế? – Harry hỏi khi Janice đã đi ra. – Em họ phải không? Của anh hay của Janice? Cô ấy có xinh đẹp không?

– Bà ta là một nhà văn, cậu ngốc ạ. – Brutal nói. – Bà ta đã chết, hình như từ thời Betsy Ross gắn ngôi sao lên lá cờ đầu tiên.

– Ô, – Harry nói có vẻ ngượng ngùng. – Tôi không thường đọc sách. Tôi chỉ đọc chủ yếu là chương trình ra-di-ô.

– Paul, anh có dự định gì vậy? – Dean hỏi.

– Chúng ta bắt đầu với John Coffey và Mr. Jingles. – Họ nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi đã biết trước điều này. Họ chờ đợi tôi nói về Delacroix hay về Percy, có thể là về cả hai người. Tôi nhìn Dean và Harry. – Về sự việc xảy ra với Mr. Jingles, những điều John Coffey đã làm diễn ra rất nhanh. Tôi không biết lúc ấy các anh có nhìn thấy con chuột bị thương nặng như thế nào không?

Dean lắc đầu:

– Nhưng tôi đã nhìn thấy máu trên nền hành lang.

Tôi quay sang nhìn Brutal.

– Thằng con hoang Percy đã giẫm nát nó. - Brutal nói.
– Lẽ ra nó đã chết rồi nhưng nó không chết. John Coffey đã làm gì với nó, tôi không biết, đại khái là hắn đã chữa lành cho nó. Nghe thì có vẻ kỳ quặc, nhưng chính mắt tôi đã nhìn thấy.

Tôi nói:

– Anh ta cũng chữa lành cho tôi. Tôi không chỉ nhìn thấy mà là cảm thấy.

Tôi kể cho họ nghe về chứng bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu của mình, nó đã xuất hiện trở lại như thế nào và đã hành hạ tôi ra sao (tôi chỉ về phía đồng gỗ nơi tôi đã quy xuống vì quá đau đớn khi đi tiểu vào buổi sáng hôm nào) và nó đã hoàn toàn biến mất sau khi Coffey chạm vào người tôi.

Khi tôi đã kể xong, cả ba người ngồi im lặng, vừa ăn bánh mì vừa nghĩ ngợi một lúc.

Dean lên tiếng:

– Những con vật bé li ti như côn trùng bay ra khỏi miệng hắn.

– Đúng vậy. – Harry nói tiếp. – Lúc đầu chúng có màu đen. Sau đó chúng biến thành màu trắng và cuối cùng biến mất. – Cậu ấy trầm ngâm nhìn chăm chăm ra phía trước. – Tôi

đã gần quên sự kiện này cho đến khi anh nhắc lại, Paul ạ. Điều ấy có kì quặc không?

– Không có gì kì quặc cả. – Brutal nói. – Tôi nghĩ người ta thường quên ngay những điều người ta không thể hiểu. Thật không tốt cho con người nếu cứ luôn nhớ những điều vô nghĩa đối với mình. Paul, trường hợp của anh thì sao? Khi hấn chữa bệnh cho anh có xuất hiện những con côn trùng ấy không?

– Có. Tôi nghĩ chúng là bệnh tật... nổi đau khổ... sự đau đớn... Anh ta đã thu nhận hết vào người và thả nó ra không khí.

– Và chúng sẽ chết đi? – Harry nói.

Tôi nhún vai. Tôi không biết chúng có chết hay không và điều đó có lẽ cũng không quan trọng.

– Hấn có hút chứng bệnh ra khỏi người anh không? – Brutal hỏi. – Giống như con chuột, có vẻ như là hấn đã hút khỏi người nó. Vết thương, sự đau đớn... Anh biết tôi nghĩ gì mà... Cái chết...

– Không, – tôi nói. – Anh ta chỉ chạm vào người tôi. Và tôi đã cảm nhận được điều đó. Một dạng như dòng điện truyền sang, chỉ không gây đau đớn. Nhưng lúc đó không phải tôi sắp chết mà chỉ bị ồm thôi.

Brutal gật đầu nói:

– Chỉ là sự tiếp xúc và hơi thở...như trong những bài hát... Tôi không biết Chúa có can dự vào đây hay không. – Brutal nói. – Nhưng tôi cảm thấy John Coffey có một năng lượng siêu nhiên.

– Thôi được, – Dean nói. – Theo những gì các anh đã nói thì tôi tin. Chúa đã tác động đến mọi việc theo phương cách riêng của Người. Nhưng tất cả những điều đó có liên quan gì đến chúng ta?

Đây là câu hỏi then chốt, đúng không nào? Tôi hít vào một hơi dài và nói cho họ nghe những điều tôi dự định. Họ lắng nghe với vẻ kinh ngạc, ngay cả Brutal, thường rất thích đọc những câu chuyện về các phép mầu, cũng bị bất ngờ. Lần này, khi tôi đã nói xong, sự im lặng kéo dài lâu hơn và không ai nhai bánh mì nữa.

Cuối cùng, Brutus Howell nói với giọng bình tĩnh, cân nhắc:

– Nếu bị phát hiện, tất cả chúng ta sẽ bị mất việc, Paul ạ, và không chỉ có thế, chắc chắn chúng ta sẽ hạ cánh xuống làm khách ở trại A, ngồi may túi đựng thư và sắp hàng từng đôi một đi tắm.

– Vâng, – tôi nói. – Điều đó rất có thể xảy ra.

– Tôi có thể hiểu tình cảm của anh. – Brutal nói tiếp. – Anh quen biết Moores nhiều hơn chúng tôi, ông ấy không chỉ là sếp, mà là bạn của anh, và tôi biết anh nghĩ nhiều về bà vợ của ông ấy...

– Melinda không chỉ là người phụ nữ đáng mến nhất mà cậu có thể tưởng tượng. – Tôi nói. – Bà ấy là cả thế giới đối với ông ấy.

– Nhưng chúng tôi không quen biết bà ấy nhiều như anh và Janice. – Brutal nói. – Paul, anh phải công nhận điều đó.

– Cậu cũng sẽ mến bà ấy nếu cậu được quen biết với bà ấy, – tôi nói. – nếu cậu quen biết với bà ấy trước khi bà ấy bị ốm. Bà ấy đóng góp nhiều cho cộng đồng. Đó là một phụ nữ nhân hậu và ngoan đạo. Ngoài ra, bà ấy rất vui tính. Bà ấy có thể kể những câu chuyện khiến người ta cười thú vị. Nhưng tất cả những điều đó không phải là lý do khiến tôi muốn giúp bà ấy. Điều khiến tôi suy nghĩ là *sự xúc phạm*. Sự xúc phạm đến đôi mắt, đôi tai và trái tim.

– Anh có cách nói thông thái, nhưng tôi hoài nghi vì lý do đó mà anh vạch ra kế hoạch liêu lĩnh này. – Brutal nói. – Tôi cho rằng, anh làm thế vì những gì xảy ra với Del. Anh muốn tìm cách nào đó... cân bằng lại.

Và lần này Brutal lại nói đúng. Dĩ nhiên là anh ta có lý. Tôi quen biết Melinda nhiều hơn họ và họ không thể mạo hiểm hy sinh chỗ làm, thậm chí có thể cả tự do vì bà ấy. Còn đối với tôi, tôi cũng sẽ phải đặt cược chỗ làm và tự do của mình. Tôi có hai đứa con đã trưởng thành và dĩ nhiên tôi không muốn Janice viết thư báo tin cho các con của tôi biết rằng cha của chúng đã bị bắt giam và bị kết án vì tội... vì tội gì nhỉ? Tôi không biết chắc lắm, có thể vì tội đã đồng lõa và trợ giúp cho một cuộc vượt ngục.

Nhưng cái chết của Delacroix là sự đáng tởm, sự độc ác, sự bất nhân nhất mà tôi đã từng chứng kiến – không chỉ trong nghề nghiệp mà trong cả cuộc đời mình – và tôi đã tham dự vào đó. *Tất cả* chúng tôi đã nhúng tay vào đó, bởi vì chúng tôi đã để cho Percy ở lại, mặc dù chúng tôi biết rằng hắn hoàn toàn không thích hợp với công việc ở trại E. Tất cả chúng tôi đều có lỗi, cả giám đốc Moores: “Trứng của nó dù sao cũng bị rạn, bất kể Wetmore có mặt ở đó hay là không”, đại khái ông ấy đã nói như thế. Và để biện hộ, người ta có thể nghĩ đến những tội lỗi mà gã người Pháp đó gây ra, nhưng Percy đã làm hơn việc rạn trứng của Delacroix: Hắn đã thổi con mắt của Del ra khỏi hốc mắt và thiêu cháy cả gương mặt của ông ta. Và tại sao? Bởi vì Del đã sát hại nhiều người à? Không! Bởi vì Percy đã tè trong quần và gã người Pháp đã lảo xược đến mức dám cười nhạo hắn. Chúng tôi đã tham dự vào một cuộc trả thù man rợ và Percy sẽ không bị trừng phạt. Hắn sẽ được chuyển đến Briar Ridge và sung sướng như con cá bơi lội tung tăng dưới nước. Ở đó hắn sẽ có cả một bệnh viện đầy những người điên để hắn được

thỏa mãn sự độc ác của mình. Chúng tôi không thể thay đổi được gì nhưng biết đâu lại không quá muộn để sửa chữa một phần lỗi lầm.

– Ở nhà thờ của tôi người ta không gọi đó là một sự cân bằng, – tôi nói, – mà là sự sám hối, nhưng tôi cho rằng nó có cùng một nghĩa như thế.

– Anh thực sự nghĩ rằng Coffey có thể cứu được bà ấy à? – Dean hỏi, – đơn giản chỉ... hút khối u... từ trong não bà ấy ra?... Làm như đó là một cái hột đào?

– Tôi nghĩ rằng anh ta có thể làm được. Dĩ nhiên là không thể nói chắc chắn, nhưng sau những gì anh ta đã làm với tôi và... Mr. Jingles.

– Con chuột nay gần như đã bị giẫm bẹp. – Brutal nói.

Harry hỏi với vẻ nghi ngại:

– Nhưng liệu hắn có chịu làm không?

– Nếu như anh ta có thể làm được, anh ta sẽ làm. – Tôi nói quả quyết.

– Tại sao? – Coffey thậm chí chưa bao giờ nhìn thấy bà ấy!

– Bởi vì đó là bản chất của anh ta. Bởi vì Chúa đã tạo ra anh ta như thế.

Brutal đưa mắt nhìn từng người chúng tôi và nhắc nhở chúng tôi nhớ đến sự hiện diện của một người:

– Còn Percy thì sao? Anh nghĩ đơn giản là nó để yên cho chúng ta à?

Anh ta hỏi và tôi kể cho tất cả nghe dự định của tôi về Percy. Khi tôi đã nói xong, Harry nhìn tôi kinh ngạc. Một nụ cười thần phục nở trên môi Brutal.

– Cực kỳ, Paul ạ. – Anh ta kêu lên. – Tôi thích cái màn đó!

– Đó quả là một cảnh tượng thú vị! – Dean nói rồi cười to, vỗ tay như một đứa trẻ. Chắc hẳn quý vị còn nhớ cảnh Percy đứng yên nhìn Dean bị siết cổ sắp chết như thế nào và sẽ hiểu sự hào hứng của Dean khi nghe kế hoạch của tôi, những chi tiết liên quan đến Percy.

– Vâng, nhưng sau đó thì sao? – Harry hỏi, giọng của cậu ta nghe có vẻ thần nhiên nhưng đôi mắt long lanh của cậu ta đã phản ánh ngược lại. Đó là đôi mắt của một người sẽ bị thuyết phục. – Sau đó thì sao?

– Có nghĩa là người chết thì không biết nói. – Brutal nói và tôi đưa mắt nhìn nhanh anh ta để xác định rằng đó chỉ là một lời nói đùa.

Tôi nói:

– Tôi nghĩ rằng nó sẽ câm miệng.

– Thật không? – Dean nhìn tôi, vẻ ngờ vực. Anh ta lấy cặp kính xuống và bắt đầu lau. – Về vấn đề này thì anh chưa thuyết phục được tôi.

– Thứ nhất là vì nó không biết điều gì thực sự xảy ra, nó chỉ tin vào nhận định của chính mình và ngỡ rằng đó chỉ là một trò đùa, một màn chơi khăm. Lý do thứ hai, quan trọng hơn, là *nó sẽ sợ và không dám nói*. Tôi đặt cược vào đây. Chúng ta sẽ nói với nó rằng nếu nó viết hoặc gọi điện thoại cho ai đó, thì *chúng ta* cũng sẽ viết và gọi điện thoại.

– Về cuộc hành hình? – Harry hỏi.

– Và về việc nó đã đứng yên nhìn Dean bị Wharton tấn công. – Brutal nói. – Tôi nghĩ Percy thực sự sợ những người khác biết được chuyện ấy. – Anh ta chậm chậm gật đầu, nghĩ ngợi. – Có thể sẽ thành công. Nhưng này, Paul... sẽ tốt hơn không, nếu chúng ta đưa bà Moores đến chỗ Coffey thay vì đưa Coffey đến chỗ bà ấy? Chúng ta cũng sẽ xử lý Percy theo kế hoạch của anh rồi dẫn bà ấy đi qua đường hầm, thay vì

theo đường này đưa Coffey ra ngoài?

Tôi lắc đầu:

– Điều đó không được. Chắc chắn là không thể được.

– Tại sao? Vì giám đốc Moores?

– Chính xác. Ông ta là người theo nguyên tắc một cách cứng nhắc. Nếu chúng ta đưa Coffey đến nhà ông ấy, có thể vì bị bất ngờ, ông ấy sẽ để Coffey thử một lần, còn ngược lại...

– Thế chúng ta định dùng xe gì? – Brutal hỏi.

– Lúc đầu tôi định dùng xe chở tù, – tôi nói. – Nhưng tôi ngại rằng chúng ta sẽ không đưa được nó ra khỏi cổng nhà tù và bất cứ ai trong vòng bán kính hai mươi dặm cũng biết nó. Có thể là chúng ta dùng chiếc xe Ford của tôi.

– Lại “có thể”, – Dean nói và mang kính vào. – Anh không thể nào nhét Coffey vào xe của anh được, ngay cả khi anh mang nó đi xay nhuyễn và dùng thìa để múc. Chắc là anh đã trông thấy nó thường xuyên đến nỗi anh quên rằng nó to lớn như thế nào?

Tôi không thể trả lời câu hỏi này. Buổi sáng hôm nay, tôi đã quá chú ý đến Percy và một nhân tố khác, nhưng không kém phần rắc rối, là Wild Bill Wharton. Bây giờ thì tôi nhận ra ngay cả việc vận chuyển cũng không dễ dàng như tôi tưởng hy vọng.

Harry Terwilliger cầm mẫu bánh mì xăng ụch còn lại của mình lên, ngắm nghía nó một chút rồi lại đặt xuống:

– Nếu chúng ta thực sự muốn thực hiện kế hoạch điên rồ này, – anh ta nói, – thì chúng ta có thể dùng chiếc xe có thùng xe của tôi. Coffey sẽ ngồi ở phía sau. Vào khoảng thời gian này sẽ không có nhiều người ở trên đường đâu, tôi muốn nói là sau nửa đêm, phải không?

– Đúng vậy. – Tôi đáp.

– Các cậu đã quên một điều, – Dean nói. – Tôi biết

Coffey tương đối trầm lặng kể từ khi nó đến trại E và phần lớn thời gian nó chỉ nằm trên tấm ván, khóc lóc, nhưng nó là một *kẻ sát nhân*. Và nó *rất to lớn*. Nếu nó quyết định phóng ra khỏi xe của Harry thì chúng ta chỉ có thể chặn nó lại bằng cách bắn nó mà thôi. Đối với một tên khổng lồ như thế thì điều đó sẽ không dễ dàng. Giả sử rằng chúng ta không ngăn cản được việc nó chạy trốn thì sao? Giả sử rằng nó giết thêm một người nào đó thì sao? Tôi không thích bị mất việc và phải vào tù, tôi muốn nói – là tù nhân. Tôi còn phải nuôi vợ con, và tôi không muốn lương tâm bị đè nặng vì cái chết của một cô bé khác.

Tôi nói:

– Điều đó sẽ không xảy ra.

– Vì sao anh dám khẳng định như thế?

Tôi không trả lời. Đơn giản là tôi không biết phải bắt đầu như thế nào. Tôi đã đoán trước sẽ có người đặt câu hỏi ấy với tôi, nhưng tôi vẫn chưa biết mình sẽ nói với họ những gì mình đã biết như thế nào. Brutal giúp tôi:

– Anh không tin rằng nó đã làm điều đó, phải không Paul? – Anh ta nhìn tôi, ngờ vực. – Anh cho rằng gã khổng lồ ấy vô tội?

– Tôi tin chắc rằng hắn vô tội. – Tôi nói.

– Do đâu anh dám khẳng định như thế?

– Vì hai nguyên nhân, – tôi nói. – Một trong hai nguyên nhân đó là chiếc giày của tôi.

Tôi chồm ra phía trước và bắt đầu kể.

phần 5

*chuyến đi
trong đêm*

1

Mr. H. G. Wells đã viết một câu chuyện về một người đàn ông đã tìm ra cỗ máy thời gian, còn tôi, trong khi viết lại câu chuyện này, tôi đã tìm được cỗ máy thời gian của riêng mình. Ngược lại với Wells, cỗ máy của tôi chỉ quay ngược trở về quá khứ – nói chính xác hơn là trở về năm 1932, khi tôi còn là trưởng trại E ở nhà tù Cold Mountain của tiểu bang. Cỗ máy thời gian nhắc tôi nhớ đến chiếc xe Ford cũ kỹ mà tôi sử dụng mỗi ngày. Người ta biết rằng chiếc xe ấy chắc chắn sẽ nổ máy, nhưng không biết là chỉ cần rút chìa khóa vào để khởi động hay phải trèo xuống dùng ma-ni-ven quay cho đến khi cánh tay mới muốn rút ra.

Tôi đã khởi động rất tốt khi bắt đầu viết về câu chuyện của John Coffey, nhưng ngày hôm qua, tôi đã phải khó khăn lắm mới có thể tiếp tục, giống như cái cảnh phải quay ma-ni-ven ngày nào. Tôi cho rằng nguyên nhân là vì cái chết thảm khốc của Delacroix, *một cái chết khủng khiếp* do Percy Wetmore gây ra. Percy, một thanh niên thường hay chải tóc, kẻ không thích bị ai cười nhạo báng, nhất là khi kẻ đó lại là một tử tù người Pháp bé nhỏ, thậm chí không được sống đến ngày lễ Giáng Sinh.

Như phần lớn những nhiệm vụ khó khăn, phần khó khăn nhất là lúc bắt đầu. Đối với một động cơ máy nổ, không cần biết là khởi động bằng công tắc hay bằng tay quay, khi nó đã nổ thì nó sẽ chạy trơn tru. Ngày hôm qua đối với tôi

cũng giống như thế. Lúc đầu tôi chỉ có thể viết được từng từ, sau đó cả câu, rồi sau đó là một đoạn dài. Tôi đã nhận ra việc viết lách là một dạng hồi ức khủng khiếp.

Dù sao thì ngày hôm qua tôi cũng viết được khá nhiều. Những dòng chữ tuôn trào ra khỏi ngòi bút và phòng sưởi ấm của nhà dưỡng lão trở thành một dạng *Dặm Xanh*, nơi những tù nhân của tôi đã kết thúc cuộc đời trên ghế điện và có các bậc thang dẫn xuống một đường hầm ra đường cao tốc. Ở nơi đó, Dean, Harry, Brutal và tôi đã buộc Percy Wetmore phải nhắc lại lời hứa của hắn trước cái xác còn bốc khói của Delacroix rằng: sẽ xin chuyển đến bệnh viện tâm thần Briar Ridge của tiểu bang.

Trong phòng sưởi ấm có trồng nhiều hoa, nhưng ngày hôm qua tôi không ngửi thấy hương thơm của chúng, thay vào đó là mùi thịt cháy của người chết. Tiếng máy cắt cỏ chạy ở ngoài đã được thay bằng tiếng nước chảy tí tách trong đường hầm. Cả đầu óc, linh hồn tôi quay trở về năm 1932.

Tôi bỏ bữa ăn trưa và viết đến khoảng bốn giờ chiều và khi tôi đặt bút xuống, những ngón tay của tôi đau nhức. Tôi chậm chạp đi xuống hành lang tầng một. Ở cuối hành lang có một cửa sổ nhìn ra ngoài bãi đỗ xe dành cho nhân viên làm việc ở nhà dưỡng lão. Brad Dolan, người hộ lý gọi tôi nhớ đến Percy Wetmore – kẻ thường tò mò theo dõi xem tôi đi đâu và tôi làm những gì trong khi đi dạo – có chiếc Chevrolet cũ dán hàng chữ: “TÔI ĐÃ NHÌN THẤY THƯỢNG ĐẾ, VÀ TÊN CỦA NGÀI LÀ NEWT”. Chiếc xe không có ở đó. Ca trực của Brad đã kết thúc. Hắn đã lái xe trở về Kaff, nơi hắn cư ngụ. Tôi có thể tưởng tượng đây là một chiếc xe có rờ-mooc có dán giấy trang trí trên thùng xe dùng để ở và các vỏ lon bia Dixie lăn lóc ở một góc.

Tôi đi băng ngang qua nhà bếp, nơi bữa ăn tối đang được chuẩn bị.

– Mr. Edgecombe, ông đứng gì trong cái túi ấy? –

Norton hỏi.

– Một cái chai rỗng, – tôi nói. – Tôi đã tìm được một nơi có nguồn nước làm trẻ lại ở dưới đáy, chỗ khu rừng. Mỗi buổi chiều, tôi đi đến đó và lấy một ít nước đầu nguồn. Tôi uống nước đó trước khi đi ngủ. Một loại thức uống rất tốt.

– Cầu cho nó giúp ông trẻ mãi, – George, một người đầu bếp, nói. – Nhưng dù sao nó cũng không làm ông đẹp hơn đâu.

Chúng tôi cười đùa một lúc rồi tôi đi ra ngoài. Tôi nhận thấy mình lại lén nhìn xem chiếc xe của Brad Dolan có còn đó hay không. Tôi nghĩ mình đúng là một tên ngốc khi sợ hãi như sợ một bóng ma. Tôi băng qua bãi đất trống, đi vào con đường mòn trong khu rừng. Một vài túp lều nằm dọc theo đường mòn. Tôi đi vào túp lều thứ hai sát bức tường phân ranh giữa Georgia Pines và đường cao tốc Georgia 47, ở lại đó một lúc rồi trở ra.

Tối hôm đó, tôi ăn rất ngon miệng. Sau khi xem ti vi một lúc, tôi trở vào phòng và đi ngủ. Có nhiều đêm, tôi chợt thức giấc và lên xuống phòng xem ti vi để ngồi ngủ gà ngủ gật trong khi kênh *American Movie Channel* chiếu lại những bộ phim cũ, nhưng đêm qua thì không. Đêm qua tôi ngủ rất say và không gặp những cơn ác mộng theo đuổi kể từ khi tôi bắt đầu viết lại câu chuyện này. Việc viết lách đã làm tôi kiệt sức. Quý vị biết rồi đấy, tôi không còn trẻ trung gì nữa.

Khi thức giấc và nhìn thấy tia nắng mặt trời rọi đến chân giường, đánh dấu tám sáu giờ sáng, tôi hoảng hốt ngồi bật dậy, nhanh đến nỗi tôi không cảm nhận sự đau nhức trong các khớp xương hông và đầu gối. Tôi nhanh chóng thay quần áo và vội vã đi xuống tầng dưới, chỗ có cửa sổ nhìn ra bãi đỗ xe của nhân viên. Tôi hy vọng nhìn thấy khoảng sân, nơi Brad Dolan thường hay đỗ chiếc xe Chevrolet cũ kỹ của hắn, còn trống, bình thường thì hắn đi muộn đến hơn nửa giờ đồng hồ...

Thật không may. Chiếc xe đang đỗ ở đây và trông-bóng loáng dưới ánh nắng mặt trời. Thời gian sau này, Brad Dolan có lý do để đi làm việc đúng giờ, phải thế không? Vâng, lão già Paulie thường đi đâu đó vào mỗi buổi sáng. Lão già Paulie Edgcombe có một điều gì đó muốn che dấu và ngài Brad Dolan muốn biết đó là cái gì. *Paulie, lão làm gì ở ngoài đó? Hãy nói thật đi!* Hình như hắn đang theo dõi tôi và tốt hơn hết là tôi hãy ngồi ở đây yên đấy..., nhưng tôi không thể.

– Paul?

Tôi hoảng sợ đến nỗi suýt ngã xuống. Đó là bà bạn Elaine Conelly của tôi. Đôi mắt của bà ấy mở to và hai tay đưa ra như định đỡ tôi. May mắn là tôi đã gượng được, nếu không thì với chứng bệnh viêm khớp xương của Elaine, có thể tôi sẽ làm bà gãy đôi như một cây khô mất. Sự lãng mạn không mất đi khi người ta đã vượt quá tuổi tám mươi, nhưng mạnh mẽ như kiểu “*Cuốn theo chiều gió*” không còn phù hợp với chúng tôi nữa.

– Xin lỗi, – Elaine nói. – Tôi không định làm cho ông giật mình.

Tôi mỉm một nụ cười yếu ớt:

– Được rồi, Elaine. Bà đã đánh thức tôi theo phương cách tốt hơn là dùng một gáo nước lạnh. Có lẽ mỗi buổi sáng bà nên làm thế với tôi.

– Ông đang tìm chiếc xe của Brad Dolan phải không?

Thật vô ích khi nói dối bà ấy và tôi gật đầu:

– Tôi hy vọng hắn đang ở đây phía Tây. Tôi định đi ra ngoài một lúc, nhưng tôi không muốn hắn nhìn thấy tôi.

Bà ấy mỉm cười, dù có thể chỉ còn là cái bóng của nụ cười thiếu nữ tuyệt vời trước đây, nhưng cũng đủ khiến tôi xúc động.

– Đó là một con quỷ tò mò, đúng không?

– Đúng vậy.

– Hấn không ở đây nhà phía Tây đâu. Tôi vừa xuống ăn sáng và tôi có thể nói rõ cho ông biết là hấn đang ở đâu, bởi vì tôi vừa nhìn thấy hấn. Hấn đang ở nhà bếp.

Tôi nhìn Elaine, kinh ngạc. Tôi đã biết trước là Brad Dolan rất tò mò, nhưng không ngờ tò mò đến thế.

Elaine hỏi:

– Ông có thể bỏ cuộc đi dạo sáng nay không?

Tôi nghĩ ngợi:

– Tôi có thể, tôi cho là thế, nhưng mà...

– Ông không nên?

– Đúng vậy, tôi không nên.

Tôi nghĩ: *Bây giờ bà ấy sẽ hỏi tôi định đi đâu, tôi làm gì trong rừng, việc gì quan trọng đến thế.*

Nhưng bà ấy không hỏi, thay vào đó, bà ấy lại mỉm cười với tôi, nụ cười tuyệt vời.

– Ông có biết Mr. Howland? – Elaine hỏi.

– Dĩ nhiên là biết, – tôi nói, mặc dù hấn hữu lắm tôi mới gặp ông ta, bởi vì ông ta ở đây nhà phía Tây, và ở Georgia Pines thì giống như là ở một nước láng giềng. – Tại sao?

– Ông có biết ông ta có điều gì đặc biệt không?

Tôi lắc đầu.

Elaine nói và cười vui vẻ:

– Mr. Howland là một trong năm người còn lại ở Georgia Pines được phép hút thuốc lá, bởi vì ông ta đã ở đây trước khi những qui định được thay đổi.

Một cụ già khốn khổ, tôi thăm nghĩ, và còn đâu thích hợp với ông ấy hơn là một nhà dưỡng lão?

Elaine lấy từ trong túi chiếc áo choàng sọc xanh trắng của mình ra một điếu thuốc lá, một vỉ diêm quẹt và nói với giọng ngân nga như hát:

– Cáo, mày đã bắt trộm một con ngỗng...

– Elaine, cái gì...

– Hãy đưa bà lão này xuống dưới nhà. – Elaine nói, bỏ thuốc lá và vĩ diêm quẹt vào túi rồi vịn vào cánh tay tôi. Chúng tôi chậm chạp đi xuống dưới lầu. Tôi quyết định không cưỡng lại và sẽ đặt mình dưới sự che chở của Elaine. Tuy bà ấy đã già và yếu ớt, nhưng không ngu ngốc chút nào. Khi chúng tôi xuống đến tầng dưới, Elaine nói:

– Ông hãy chờ ở bậc thềm. Tôi đi sang dãy nhà phía Tây, đến nhà vệ sinh ở đấy. Ông biết chỗ đó chứ?

– Vâng, cạnh nhà tắm. Nhưng để làm gì?

Elaine nói:

– Từ mười lăm năm nay tôi không hút thuốc, nhưng hôm nay tôi lại muốn hút. Tôi không biết phải nhả ra bao nhiêu khói để chuông báo cháy reo, nhưng tôi sẽ tìm hiểu.

Tôi nhìn Elaine thán phục và thầm nghĩ bà ấy gợi cho tôi nhớ đến Janice như thế nào – có lẽ vợ tôi cũng sẽ làm như thế trong tình huống này. Elaine lại nhìn tôi và mỉm một nụ cười tuyệt vời. Tôi ôm cái cổ dài rất đẹp của bà ấy, kéo gương mặt bà ấy đến sát mặt tôi rồi hôn nhẹ lên đôi môi của bà.

– Bà thật tuyệt, Ellie, – tôi nói.

– Ô, đừng nói những lời vĩ đại. – Bà ấy nói, nhưng tôi nhìn thấy niềm vui lấp lánh trong đôi mắt bà.

– Thế còn Chuck Howland? Liệu ông ấy có gặp rắc rối gì không? – Tôi hỏi.

– Không, bởi vì ông ấy đang ngồi ở phòng ti vi và xem *Good Morning America* với hơn hai tá người. Tôi sẽ lên đi ngay khi chuông báo cháy reo.

– Nếu không có gì nguy hiểm, Elaine ạ. Bà đừng cố gắng quá mức, tôi không thể tha thứ cho mình, nếu như...

– Thôi, hãy dừng cái màn não ruột của ông... – Elaine nói và lần này, bà ấy hôn tôi. Có thể quý vị sẽ thấy kỳ quặc, nhưng thà là một chút tình yêu muộn màng còn hơn là không có gì...

Tôi nhìn theo Elaine. Bà ấy đi rất chậm, người thẳng đơ (bà ấy chỉ dùng gậy vào những ngày ướt át và cũng chỉ khi rất đau, đơn giản chỉ vì lòng kiêu hãnh). Tôi chờ đợi. Năm phút trôi qua, rồi mười phút và vừa lúc tôi tự nhủ hoặc là bà ấy đã mất can đảm, hoặc là bà ấy phát hiện rằng trong máy báo cháy không có pin, thì tiếng còi ré lên.

Tôi lập tức đi đến nhà bếp (tôi không cần vội vã trước khi chắc chắn rằng Brad Dolan đã chạy đi). Một đám những ông già, bà già từ phòng vô tuyến truyền hình (còn được quảng cáo là trung tâm thư giãn và giải trí, một sự phóng đại quá đáng) túa ra, phần lớn còn mặc áo choàng ngủ. Tôi vui mừng khi nhìn thấy Chuck Howland có trong số đó.

– Edgecombe, – Kent Avery kêu lên bằng giọng khàn khàn, một tay chống gậy, còn tay kia gãi móng. – Báo động thực sự hay báo động giả? Ông nghĩ sao?

Tôi trả lời:

– Điều đó thì không ai biết.

Vừa lúc ấy, ba hộ lý phóng qua trước mặt chúng tôi, vừa chạy về hướng dãy nhà phía Tây, vừa hét gọi những ông bà cụ đang đứng bàn tán xôn xao trước cửa phòng vô tuyến truyền hình rằng họ hãy đi ra ngoài cho đến khi được thông báo rõ ràng. Người hộ lý thứ ba là Brad Dolan. Hắn không thèm nhìn tôi khi vọt qua trước mặt tôi và tôi vô cùng vui mừng vì điều đó. Khi tiếp tục đi xuống nhà bếp để ra ngoài, tôi thầm nghĩ hình như nhóm hai người Elaine Connelly và Paul Edgecombe vượt trội hơn một tá Brad Dolan cộng thêm nửa tá Percy Wetmore.

Nhà bếp vẫn đang thu dọn bữa điểm tâm, không tỏ vẻ chú ý đến tiếng còi báo cháy. George nói:

– Mr. Edgecombe, tôi nghĩ Brad Dolan mới định tìm ông. Ông đã để vượt hắn rồi.

Rất may mắn, tôi thầm nghĩ trong khi nói to rằng có lẽ

tôi sẽ gặp Brad Dolan sau, đoạn tôi hỏi có còn bánh mì hay không.

Norton đáp.

– Tất nhiên là còn, nhưng chúng đã nguội rồi. Hôm nay ông đi ăn muộn quá.

– Đúng vậy, – tôi tán thành. – Nhưng bây giờ thì tôi cảm thấy đói rồi.

– Xin ông chờ một phút thôi, tôi nướng lại bánh mì ngay. – George nói và cầm miếng bánh mì lên

– Không cần, bánh mì nguội cũng tốt, – tôi nói và khi anh ta đưa tôi hai miếng bánh mì, tôi cầm lấy ngay và nhanh nhẹn đi ra cửa. Cả hai nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi cảm thấy trẻ lại như khi tôi còn là một chú bé và đã trốn học, với miếng bánh mì cặp nút giấu trong áo và lên đi câu.

Khi rời khỏi nhà bếp, theo phản xạ, tôi nhìn quanh tìm Brad Dolan và nhận thấy không có điều gì đáng ngại. Tôi vội vã băng qua bãi đất trống dùng làm sân bóng, miệng nhai bánh mì. Khi đi đến con đường mòn trong rừng, tôi bước chậm lại, vừa đi tôi vừa hồi tưởng đến cuộc hành hình khủng khiếp của Eduard Delacroix.

Buổi sáng hôm ấy, tôi đã nói chuyện với Hal Moores và ông ấy cho tôi biết rằng khối u trong não của Melinda đã khiến bà ấy rơi vào tình trạng hầu như mất trí và thốt lên những câu chữ rửa tội tục. Khi nghe giọng nói run rẩy của ông ấy, tôi nhớ đến việc John Coffey đã chữa lành chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu cho tôi như thế nào rồi, việc anh ta đã cứu sống con chuột của Delacroix ra sao. Từ ý nghĩ dẫn đến hành động không xa là mấy.

Còn một điều nữa. Một điều có có liên quan đến hai bàn tay của Coffey và chiếc giày của tôi.

Thế là tôi gọi điện cho các đồng sự của mình, những người tôi đã đặt trọn lòng tin sau bao nhiêu năm – Dean

Stanton, Harry Terwilliger, Brutus Howell. Họ đã đến cùng ăn trưa với tôi sau ngày Delacroix bị hành hình và ít ra là họ đã lắng nghe tôi giải thích kế hoạch điên rồ của mình. Dĩ nhiên là tất cả đều biết việc Coffey đã cứu sống con chuột, thậm chí còn tận mắt chứng kiến, và ít ra thì họ đã không cười nhạo tôi khi nghe tôi nói rằng một điều kỳ diệu khác có thể xảy ra khi chúng tôi đưa John Coffey đến chỗ Melinda Moores. Dean Stanton đã đặt ra câu hỏi: Chuyện gì sẽ xảy ra khi John Coffey bỏ trốn trên đường đi?

– Giả sử rằng chúng ta không ngăn cản được việc nó chạy trốn thì sao? – Dean hỏi. – Giả sử rằng nó giết thêm một người nào đó thì sao? Tôi không thích bị mất việc và phải vào tù, tôi muốn nói – là tù nhân. Tôi còn phải nuôi vợ con, và tôi không muốn lương tâm bị đè nặng vì cái chết của một cô bé khác.

Im lặng. Tất cả nhìn tôi và chờ đợi câu trả lời. Tôi biết tất cả sẽ thay đổi khi tôi nói ra những gì tôi biết, nhưng tôi đã đến một khúc ngoặt và không thể trở lui được nữa. Tôi trầm ngâm một lúc, rồi nói...

2

– Điều đó sẽ không xảy ra!

– Cái gì? Lạy Chúa tôi, làm sao anh dám khẳng định như thế? – Dean hỏi.

Tôi không trả lời. Đơn giản là tôi không biết phải bắt đầu như thế nào. Tôi đã đoán trước câu hỏi ấy sẽ đến, nhưng

tôi vẫn chưa biết mình sẽ nói với họ những gì mình đã biết như thế nào. Brutal giúp tôi:

– Anh không tin rằng nó đã làm điều đó, phải không Paul? – Anh ta nhìn tôi, ngờ vực. – Anh cho rằng gã khổng lồ ấy vô tội?

Tôi nói:

– Tôi tin chắc rằng hắn vô tội.

– Do đâu anh dám khẳng định như thế?

– Vì hai nguyên nhân, – tôi nói. – Một trong hai nguyên nhân đó là chiếc giày của tôi.

Brutal kêu lên:

– Chiếc giày của anh? Lạy Chúa, chiếc giày của anh thì có liên quan gì đến việc John Coffey có giết chết hai cô bé đó hay không?

– Đêm hôm qua, tôi đã tháo một chiếc giày đang đi và đưa cho Coffey. – Tôi nói: – Đó là lúc mọi việc đã ổn định sau cuộc hành hình Delacroix. Tôi đút chiếc giày qua khe hở các chấn song sắt và anh ta cầm nó trong đôi bàn tay to lớn của mình. Tôi đã yêu cầu anh ta cột lại dây giày. Các anh hiểu không? Tôi muốn xác định lại điều tôi ngờ vực, bởi vì tất cả các tù nhân của chúng ta đều mang dép vải, nếu không thì khi ai đó muốn tự sát, hắn có thể dùng dây giày ...

Họ gật đầu.

– Anh ta đặt chiếc giày trên đùi rồi bắt chéo hai đầu dây lại với nhau, sau đó thì không biết làm gì nữa. Anh ta nói rằng hình như lúc anh ta còn bé có ai đó đã dạy anh ta cột dây, có thể là cha hoặc một người bạn nào của mẹ, nhưng bây giờ anh ta không còn nhớ phải làm như thế nào.

Dean ngắt lời tôi:

– Tôi cũng như Brutal, tôi không hiểu chuyện chiếc giày của anh có liên quan gì đến việc John Coffey có sát hại hai đứa trẻ song sinh nhà Detterick hay không.

Thế là tôi thuật lại chuyện hai đứa trẻ đã bị bắt cóc và sát hại như thế nào. Những điều này tôi biết được từ các bài báo còn lưu trong thư viện của nhà tù mà tôi đã đọc trong một buổi chiều nóng bức trong khi cơn đau hành hạ tôi và Gibbons nằm ngáy ở một góc phòng. Tôi cũng kể với họ những gì Hammersmith, người phóng viên, đã kể cho tôi nghe. Tôi nói:

– Con chó của gia đình Detterick không phải là loại chó hay cắn, nhưng nó sủa rất dữ. Người đàn ông bắt cóc hai cô bé đã làm cho con chó im miệng bằng cách cho nó ăn một khúc xúc xích. Trong lúc con chó ăn thì hắn từ từ bò lại gần và vừa khi con chó ăn tới miếng cuối cùng thì hắn chop lấy nó và bẻ gãy cổ. Khi người ta tìm thấy Coffey thì người cảnh sát dẫn đầu đoàn người săn đuổi, ông ta tên là Rob McGee, đã nhìn thấy cái túi của Coffey phồng lên. Lúc đầu McGee ngỡ đó là vũ khí nhưng Coffey nói rằng đó chỉ là một bữa ăn trưa nhỏ và đúng như thế. Trong đó chỉ có vài chiếc bánh mì nhỏ và một quả dưa chuột muối. Chúng được gói trong một tờ báo và cột lại bằng một sợi dây. Coffey không thể nhớ rằng ai đã cho mình cái gói đó. Chỉ biết rằng đây là một người đàn bà có đeo tạp dề trước ngực.

– Bánh mì và dưa chuột, nhưng không có xúc xích. – Brutal nói.

– Đúng, không có xúc xích. – Tôi xác nhận.

– Dĩ nhiên là không. – Dean nói – Bởi vì nó đã cho con chó ăn rồi.

– Vâng, trong phiên tòa xét xử Coffey, công tố viên cũng nói như thế. Nhưng nếu Coffey đã mở bữa ăn trưa đó ra để lấy khúc xúc xích làm mồi nhử con chó thì làm thế nào hắn dùng tờ báo gói tất cả lại rồi cột lại bằng một sợi dây được? Chưa nói đến việc thời gian đâu để hắn làm như thế? Người đàn ông da đen này không biết cột một mối dây đơn giản nhất.

Tất cả im lặng sững sờ một lúc lâu. Cuối cùng Brutal lên tiếng:

– C. thật – Anh ta khê nói. – Tại sao trong quá trình điều tra không ai đề cập đến điều đó?

– Bởi vì không ai nghĩ đến vấn đề đó. – Tôi nói và nhớ đến người phóng viên Hammersmith. Hammersmith đã nói với tôi rằng những con chó lai cũng giống như người da đen có thể vô cớ tấn công vào bất kỳ ai. Ông ta gọi là “những người da đen của các anh”, làm như họ vẫn còn là vật sở hữu như trong thời kỳ nô lệ, nhưng không phải là sở hữu của ông ta. Thời gian này ở miền Nam đầy đầy những người như Hammersmith. – Bởi vì không ai tốn công để suy nghĩ nhằm gỡ tội cho John Coffey, ngay cả luật sư của hắn cũng không.

Harry nói:

– Thế nhưng anh lại phát hiện ra.Ồ, chúng ta đang ngồi cùng với một ngài Sherlock Holmes khác mà không biết.
– Giọng của anh ta vừa có vẻ chế nhạo, vừa thán phục.

Tôi nói:

– Thôi, đừng phóng đại nữa. Lẽ ra tôi cũng không nghĩ đến điều đó nếu như tôi không liên kết lại những gì anh ta đã nói với phó cảnh sát trưởng McGee vào ngày hôm ấy khi anh ta bị bắt, với những gì anh ta đã nói với tôi khi anh ta chữa lành chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu của tôi và lời anh ta nói khi cứu sống con chuột.

– Nói thế nào? – Dean hỏi.

– Khi tôi bước vào xà lim của anh ta, tôi cảm thấy như bị thôi miên. Tôi có cảm giác rằng mình sẽ phải thực hiện những gì anh ta nói, dù có muốn cưỡng lại cũng không thể được.

– Tôi không thích điều đó tí nào. – Harry nói và cựa quậy trên ghế.

– Tôi hỏi rằng anh ta muốn gì và Coffey nói: “Giúp đỡ,

tôi chỉ muốn giúp đỡ”. Tôi nhớ rất rõ câu nói đó. Khi tôi cảm thấy dễ chịu hơn, anh ta cũng biết điều đó và hỏi lại: “Tôi đã giúp đỡ, đúng không?”

Brutal gật đầu:

– Giống như với con chuột. Anh nói: “Anh đã giúp đỡ!” và Coffey lặp lại câu nói như một con vẹt: “Tôi đã giúp đỡ con chuột của Del”. Paul, có phải lúc ấy anh đã biết rồi? Đó là thời điểm anh nhận ra sự thật, đúng không?

– Vâng, tôi cho là như thế. Tôi nhớ lại những gì Coffey đã nói với McGee khi McGee hỏi anh ta điều gì đã xảy ra. Câu nói đó chúng ta thường đọc trong các câu chuyện viết về vụ án giết người: “Tôi không thể làm gì được. Tôi đã cố tìm lại, nhưng đã quá muộn”. Một người đàn ông nói câu nói như thế khi trên tay mang hai xác chết của hai cô bé da trắng tóc vàng, một người da đen khổng lồ như anh ta... Trong tình huống đó rất dễ bị hiểu lầm. Người ta nghe những gì Coffey nói phù hợp với cảnh tượng mà họ thấy trước mắt, thêm vào đó là một người da đen, thì người ta sẽ tin rằng hắn đang thú tội, rằng hắn không kềm chế được ham muốn là bắt cóc, cưỡng hiếp và giết chết hai cô bé. Sau đó hắn sợ tỉnh lại nhưng đã quá muộn...

Brutal lắc đầu:

– Đã quá muộn...

– Vâng, nhưng trong thực tế Coffey cố gắng giải thích cho người ta hiểu rằng anh ta đã tìm thấy hai cô bé gái và cố gắng cứu sống chúng nhưng không thành công. Chúng đã chết quá lâu rồi.

– Paul, anh tin như thế à? – Dean hỏi. – Lạy Chúa, anh thật sự tin như thế sao?

Tôi kiểm lại những gì con tim mình mách bảo một lần nữa rồi quả quyết gật đầu. Không chỉ vì tôi đã tìm hiểu được sự thật mà vì ngay từ khi Percy lôi Coffey vào trại E, trong

thâm tâm tôi đã nghĩ có điều gì đó không ổn với Coffey khi nghe Percy gọi anh ta là “Xác chết biết đi”. Tôi đã bắt tay Coffey, đúng không? Trước đó tôi chưa bao giờ bắt tay một tù nhân được giải đến *Dặm Xanh*. Tôi đã chìa tay ra cho Coffey và anh ta đã nắm lấy nó.

Dean thốt lên:

– Lay Chúa tôi, thật kỳ lạ!

Harry hỏi:

– Nguyên do thứ nhất là chiếc giày của anh, thế còn điều thứ hai là gì?

– Trước khi những người săn đuổi theo thủ phạm tìm thấy Coffey và hai cô bé, họ đã đến bìa rừng bên bờ Nam của con sông Trappingus. Họ tìm thấy một bãi cỏ bị giẫm nát thẫm đầy máu và những mảnh áo của Cora Detterick bị xé. Những con chó bối rối một lúc. Phần lớn muốn đi theo hướng Đông Nam xuôi theo dòng sông, nhưng có hai con trong đó, hai con chó thông minh, lại muốn chạy theo hướng ngược lại. Bobo Marchant đang giữ các sợi dây cột chó và khi ông ta đưa mảnh áo rách của Cora đến sát mũi của hai con chó thông minh thì chúng đổi hướng chạy theo những con chó kia.

– Những con chó thông minh đã bối rối, đúng không? – Brutal hỏi, một nụ cười kỳ lạ hiện lên knoe môi của anh ta. – Chúng không phải là chó săn, và chúng không biết phải làm gì.

– Đúng vậy.

– Tôi vẫn chưa hiểu. – Dean nói.

– Những con chó thông minh quên mất mệnh lệnh của Bobo vào đầu cuộc săn đuổi. – Brutal nói. – Khi chúng chạy đến bờ sông thì chúng đang đuổi theo tên sát nhân chứ không phải hai cô bé. Sẽ không có vấn đề gì nếu dấu vết của tên sát nhân và hai cô bé trùng nhau, nhưng đến khi...

Dean dần dần hiểu ra, còn Harry thì qua ánh mắt của cậu ta, tôi nhận thấy cậu ta đã chấp nhận rồi. Tôi nói:

– Khi người ta nghĩ đến vấn đề ấy thì người ta phải tự hỏi làm sao có thể tin được một người da đen ngớ ngẩn như John Coffey lại có thể là thủ phạm được, dù đó là một bồi thẩm đoàn. Chỉ riêng việc dùng mỗi nhử con chó để cho nó im lặng rồi bất thần chộp lấy nó và bẻ gãy cổ đã vượt ra ngoài trí thông minh của Coffey. Tôi cho rằng anh ta cũng chưa đến gần nông trại của gia đình Detterick mà chỉ quanh quẩn bên bờ Nam con sông Trapingus. Anh ta đi loay quanh, có lẽ định đến nhà ga hoặc chờ một con tàu hàng nào chạy qua cầu. Lúc đó tàu sẽ giảm tốc độ và có thể nhảy lên được, nhưng anh ta chợt nghe tiếng động ở phía Bắc.

– Tên sát nhân? – Brutal hỏi.

– Đúng vậy, tên sát nhân. Có thể là nó đã cưỡng hiếp hai cô bé, hoặc là đang làm việc ấy thì Coffey nghe thấy. Những vết máu trên cỏ cho thấy tên sát nhân đã đập đầu hai cô bé vào nhau rồi bỏ chạy.

– Về hướng Tây Bắc, – Brutal nói. – Hướng mà hai con chó thông minh muốn đuổi theo.

– Đúng vậy. John Coffey lần đến khi nghe tiếng động, có lẽ là do tò mò. Ở đó, anh ta tìm thấy hai cái xác. Có thể là một trong hai cô bé còn thoi thóp hoặc cả hai vẫn còn thở, nhưng không lâu. Coffey không biết là chúng đã chết hay chưa nhưng anh ta biết là anh ta có đôi bàn tay chữa lành được vết thương và cố gắng cứu sống Cora và Kathe Detterick. Khi biết rằng không thể làm được, anh ta quì xuống và khóc lóc thảm thiết. Những người săn lùng thủ phạm đã tìm thấy anh ta trong tình trạng đó.

Brutal hỏi:

– Tại sao hắn không ở lại chỗ mà hắn nhìn thấy hai cô bé? Tại sao hắn lại đem hai cái xác xuống đến sát bờ sông? – Anh có thể giải thích cho tôi được không?

– Tôi cực rằng anh ta vẫn ở lại chỗ đó. – Tôi nói. – Trong phiên tòa xét xử, người ta đề cập đến một bãi cỏ rộng

bị đâm nát và John Coffey là một người to lớn.

– John Coffey là một tên khổng lồ. – Harry nói khe như sợ Janice tình cờ nghe được.

– Có thể là anh ta đã hoảng sợ khi nhận thấy không thể cứu sống hai cô bé được nữa. Cũng có thể anh ta chợt nhớ rằng tên sát nhân vẫn còn lẩn quẩn gần đó, về hướng thượng lưu con sông và đang theo dõi hắn. Coffey rất to lớn nhưng lại nhút nhát. Harry, cậu có nhớ rằng anh ta đã xin chúng ta để đèn sáng khi ngủ ở trại E hay không?

– Vâng. Tôi còn nhớ lúc đó tôi còn cảm thấy buồn cười khi so sánh với tấm vóc của hắn. – Harry, trông có vẻ choáng váng, trầm ngâm nói.

– Thế, nếu hắn không giết hai đứa bé, thì là ai? – Dean hỏi.

Tôi gật đầu:

– Một kẻ nào đó, *một người da trắng*, tôi đoán là như thế. Công tố viên đã lặp đi lặp lại rằng thủ phạm phải mạnh như thế nào mới có thể bẻ gãy cổ con chó to khỏe của gia đình Detterick, nhưng mà...

– Vô lý! – Brutal nổi giận. – Ngay cả một bé gái mười hai tuổi cũng có thể bẻ gãy cổ một con chó nếu nó bị bất ngờ và đứa bé biết phải nắm vào chỗ nào. Nếu Coffey không làm chuyện đó thì có thể là... bất cứ ai. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được sự thật.

Tôi nói:

– Chỉ trừ phi hắn lại phạm tội một lần nữa.

– Ngay cả khi điều đó xảy ra, chúng ta cũng không thể nào biết được nếu hắn gây án ở Texas hoặc tận California. – Harry cãi lại.

Brutal ngả người tựa vào lưng ghế, tay chà chà lên mắt như một đứa trẻ mệt mỏi rồi thả xuống. Anh ta nói:

– Đây quả là một cơn ác mộng. Chúng ta đang giam giữ

một người đàn ông có lẽ là vô tội và chắc chắn hắn sẽ bị hành hình trên ghế điện, chắc chắn như Chúa đã tạo ra những cái cây to cao và các con cá bé nhỏ. Chúng ta có thể làm gì được? Nếu chúng ta nói về bàn tay kỳ diệu thì tất cả sẽ cười nhạo chúng ta, còn Coffey vẫn phải lên ghế điện.

– Chúng ta sẽ nói về vấn đề đó sau, – tôi nói, bởi vì tôi không biết phải trả lời Brutal như thế nào. – Câu hỏi bây giờ là: chúng ta có định thử giúp Melly hay không. Tôi đề nghị chúng ta hãy suy nghĩ một vài ngày nữa, nhưng tôi tin rằng mỗi giây phút qua đi thì cơ hội cứu sống bà ấy sẽ giảm dần, cho đến lúc nào đó thì Coffey không thể làm gì được nữa.

– Anh có nhớ lúc hắn chìa bàn tay cho anh, bảo đưa con chuột hay không? – Brutal hỏi. – Hãy đưa nó cho tôi, trước khi quá muộn, hắn đã nói: *“Trước khi quá muộn”*.

– Tôi nhớ.

Brutal nghĩ ngợi một lúc rồi gật đầu:

– Tôi đồng ý. Tôi cảm thấy áy náy vì Del, nhưng chủ yếu tôi muốn xem điều gì sẽ xảy ra khi hắn chạm vào người bà ấy. Có thể sẽ không xảy ra điều gì cả, nhưng biết đâu...

– Tôi nghi ngờ rằng chúng ta có thể đưa gã khổng lồ ấy ra khỏi trại, – Harry nói. Đoạn anh ta thở dài rồi gật đầu. – Nhưng biết làm sao được? Tôi đồng ý.

– Tôi cũng vậy, – Dean nói. – Ai sẽ ở lại trại đây, Paul? Chúng ta rút thăm à?

Tôi đáp:

– Không, anh sẽ ở lại!

– Đơn giản thế à? Tôi không đồng ý. – Dean giận dữ nói với vẻ bị xúc phạm. Anh ấy gỡ cặp kính ra và lau mạnh vào áo. – Quy định bất công này từ đâu ra?

– Quy định này đã tính đến việc anh còn đủ trẻ để lo cho bọn nhỏ đến trường, – Brutal nói. – Harry và tôi còn độc thân. Paul đã có vợ nhưng các con của anh ấy đã lớn và có

thê sống tự lập. Chúng ta đang vạch ra một kế hoạch điên rồ và tôi cho rằng khả năng chúng ta bị tóm là rất lớn. – Anh ta e dè nhìn tôi. – Paul, có một điều anh chưa đề cập đến. Nếu chúng ta đem được Coffey ra khỏi nhà tù và bàn tay của hắn không có tác dụng, thì có lẽ Hal Moores sẽ trực tiếp tặng cho mỗi người một viên đạn.

Anh ta dừng lại một chút cho tôi cơ hội để trả lời hoặc phản bác, nhưng tôi không biết phải nói gì nên đành im lặng. Brutal quay sang nhìn Dean rồi nói tiếp:

– Anh đừng hiểu nhầm tôi. Có thể là anh cũng sẽ bị mất việc, nhưng anh còn có cơ hội thoát khỏi trại giam nếu như có chuyện bất trắc xảy ra. Percy sẽ nghĩ đây là một trò đùa và anh có thể nói rằng anh đã phản đối nhưng chúng tôi không cho anh có cơ hội.

– Mặc dù vậy, tôi vẫn không thích, – Dean nói, nhưng anh ấy đã hiểu và đồng ý. Ý nghĩ về hai đứa con đã thuyết phục anh ấy. – Và sẽ là đêm nay chứ? Anh chắc chắn chưa?

– Sẽ *phải* làm việc ấy đêm nay thôi! – Harry nói. – Bởi vì nếu để cho tôi có thời gian suy nghĩ lại, chắc chắn tôi sẽ không còn đủ can đảm.

– Vậy thì hãy để tôi lo việc đến trạm xá. – Dean nói. – Ít ra tôi cũng có thể giúp việc ấy chứ?

– Anh có thể làm được bất cứ việc gì mà không sợ bị tóm. – Brutal nói.

Dean có vẻ bị xúc phạm. Tôi vỗ vai anh ấy:

– Anh hãy làm ngay khi vừa bước vào ca trực nhé, được không?

– Chắc chắn rồi.

Vợ tôi thò đầu vào cửa đúng lúc, làm như đã nhận được tín hiệu của tôi. Cô ấy vui vẻ hỏi:

– Có ai muốn dùng thêm trà nữa không? Brutus, anh dùng thêm trà nhé?

Brutus đáp:

– Không, cảm ơn. Cái mà tôi cần bây giờ là một ngụm Whisky, nhưng với hoàn cảnh như thế này thì chắc chắn là không được rồi.

Janice nhìn tôi, miệng mỉm cười nhưng ánh mắt có vẻ lo lắng:

– Paul, anh lôi kéo các chàng trai này vào âm mưu gì thế? – Nhưng trước khi tôi kịp nghĩ ra một câu trả lời, cô ấy đã đưa tay lên ngăn lại và nói: – Thôi được rồi, em không muốn biết đâu.

3

Sau đó, khi các đồng sự đã đi rồi và tôi đang thay quần áo chuẩn bị đi làm việc, vợ tôi nắm cánh tay tôi, nhìn với vẻ dò hỏi:

– Melinda? – Janice hỏi và tôi gật đầu. – Paul, anh có thể giúp được bà ấy à? Hay đó chỉ là ước muốn của anh sau những gì anh đã chứng kiến đêm hôm qua?

Tôi nhớ đến đôi mắt của John Coffey, đến đôi bàn tay của anh ta, nhớ lại lúc tôi bị thôi miên khi anh ta thúc giục tôi bước vào xà lim. Tôi nhớ lại cảnh anh ta chìa hai bàn tay về hướng thân hình bất động, dập nát của Mr. Jingles. *“Trước khi quá muộn”*, anh ta đã nói như thế. Và tôi nhớ lại cảnh những con vật bé nhỏ li ti bay loạn xạ quanh gương mặt anh ta, chúng dần dần biến thành màu trắng rồi mất dạng.

Cuối cùng, tôi nói:

– Có thể đây là cơ hội duy nhất của bà ấy.

– Vậy thì hãy tận dụng nó, – vợ tôi nói, tay gài cúc chiếc áo khoác của tôi. Đây là lần thứ ba hoặc lần thứ tư tôi mặc nó kể từ khi tôi được tặng vào dịp sinh nhật. Vợ tôi đẩy nhẹ vào lưng tôi: – Anh đi nhé!

4

Vào lúc sáu giờ hai mươi, tôi đến trại giam để chuẩn bị bước vào ca trực đêm nay, đêm đặc biệt nhất trong cuộc đời tôi. Tôi vẫn ngửi thấy mùi thịt cháy quanh quần đùi đây. Có thể đó chỉ là ảo giác, bởi vì các cánh cửa mở ra ngoài, cửa dẫn vào trại giam cũng như cửa phòng thi hành án tử hình đều được mở rộng và trong hai ca trực trước đó, người ta đã lau dọn nhiều lần. Dù sao, điều đó cũng không làm thay đổi thính giác của tôi và tôi cho rằng mình không thể ăn được chút gì nếu không nghĩ đến một đêm căng thẳng đang chờ đợi tôi.

Brutal đến lúc sáu giờ bốn mươi lăm, Dean đến muộn hơn Brutal mười phút. Tôi hỏi Dean liệu anh ấy có thể đến trạm xá để lấy cho tôi một túi chườm nóng được không, bởi vì tôi cảm thấy đau lưng khủng khiếp khi cố gắng đưa cái xác của Delacroix xuống đường hầm đêm qua. Dean nói rằng anh ấy sẽ làm ngay. Tôi nghĩ rằng anh ấy đã định vẫy tay chào tôi, nhưng cố gắng kìm lại.

Harry đến trại lúc bảy giờ kém ba phút để chuẩn bước vào phiên trực.

– Chiếc xe? – Tôi hỏi.

– Có rồi, như đã thống nhất.

Càng chu đáo càng tốt. Chúng tôi đứng quanh bục canh, uống cà phê, cố cười đùa và tránh không nói đến những gì chúng tôi đang nghĩ ở trong đầu, thậm hy vọng Percy sẽ đến muộn hoặc thậm chí không đến. Sau tai họa mà hắn đã gây ra đêm qua, điều đó rất có thể.

Nhưng Percy đúng là một gã có nguyên tắc, theo như một câu tục ngữ đã nói, đại khái là phải trèo ngay lên lưng con ngựa vừa quăng ta xuống chứ không được bỏ cuộc, bởi vì lúc bảy giờ sáu phút, Percy xuất hiện, trông bóng mượt trong bộ cảnh phục màu xanh dương với khẩu súng ngắn kề kề một bên hông, còn bên kia là cây dùi cui có cái cán được trang trí hoa mỹ. Hắn nhét thẻ bấm giờ vào và ngờ vực nhìn chúng tôi (ngoại trừ Dean đến trạm xá chưa quay lại), hắn nói:

– Bộ khởi động của tôi bị hỏng, tôi phải quay tay.

– Tội nghiệp anh bạn. – Harry nói.

– Lẽ ra cậu nên ở nhà và bỏ cái xe chết tiệt của cậu vào xưởng sửa chữa. – Brutal lạnh lùng nói. – Chúng tôi không muốn cậu phải gắng sức như thế. Đúng không, các anh?

– Vâng, chắc là anh thích như thế. – Percy mĩa mai, nhưng tôi tin rằng hắn cảm thấy yên tâm trước thái độ hòa hoãn của Brutal. Như thế tốt hơn. Chúng tôi còn phải chịu đựng hắn trong vài giờ nữa, vì thế không nên tỏ vẻ quá căng thẳng, nhưng cũng không được quá vui vẻ. Sau sự việc đêm qua, bất cứ thái độ lịch thiệp nào cũng sẽ khiến hắn nghi ngờ. Chúng tôi không được quên sự cảnh giác của hắn. Dù sao, tôi cũng hy vọng có thể đánh lạc hướng hắn một chút trước khi chúng tôi thực hiện kế hoạch. Điều quan trọng là chúng tôi phải làm thật nhanh, nhưng điều quan trọng hơn, nhất là đối với tôi, rằng không ai bị nguy hiểm, ngay cả

Percy Wetmore. Dean đã quay lại và thoáng gật đầu với tôi. Tôi nói:

– Percy, tôi muốn cậu đi xuống nhà kho và lau thật sạch sàn nhà, cả cầu thang xuống đường hầm. Sau đó cậu hãy viết bản báo cáo về đêm qua.

– Cậu phải tận dụng óc tưởng tượng phong phú của mình đấy.

– Các anh thích thú lắm phải không? – Percy nói, nhưng không phản đối. Hắn cũng không nhắc rằng nền nhà đã được lau hai lần. Tôi cho rằng hắn vui mừng vì không phải đối mặt với chúng tôi.

Tôi đọc lại bản báo cáo về cuộc hành hình đêm qua và không nhận thấy có điều gì bất thường như tâm trạng của tôi khi viết. Tôi thông thả bước đến xà lim của Wharton. Hắn đang ngồi bó gối trên tấm ván và nhìn tôi với nụ cười thù nghịch:

– Đây là ngài sếp lớn phải không? Trông mày hơn hờ như vừa được làm tình vậy, Edgecombe?

– Sức khỏe thế nào, Kid? – Tôi bình thản hỏi và điều đó khiến hắn phấn khởi. Hắn đứng lên, vặn mình, nụ cười nở rộng trên môi và trong một thoáng, vẻ thù địch biến mất. Hắn kêu lên:

– Ô, thật không tin được! Lần đầu tiên mày nói đúng tên tao! Có chuyện gì xảy ra thế, Edgecombe? Mày ốm à?

Không, tôi không ốm. Tôi đã ốm và John Coffey đã chữa tôi khỏi. Bàn tay của anh ta không biết cách buộc dây giày, nhưng lại có thể làm được nhiều điều kỳ diệu. Vâng, đúng như vậy.

– Anh bạn thân mến, – tôi nói. – đối với tôi thì Billy the Kid hoặc Wid Bill cũng như nhau mà thôi.

Trong đời tôi, tôi đã gặp nhiều gã đàn ông nguy hiểm tại *Dặm Xanh*, nhưng Wharton là một trong số ít người đáng tửm. Hắn tự hào về những gì đã làm, kể cả việc đái và nhổ

qua song sắt xà lim. Cho đến lúc này chúng tôi vẫn chưa khuất phục được hắn, nhưng đêm nay tôi không muốn hắn làm ồn ào. Wharton nói:

– Với cái tên Billy the Kid, tao đã làm nhiều chuyện lớn. Tao không đến đây chỉ vì đã đánh cắp một vài viên kẹo trong cửa hiệu đậu.

Hắn có vẻ tự hào như một người lính trong đội quân viễn chinh của nước Pháp chứ không phải là một tù nhân đang ở trong xà lim chỉ còn cách chiếc ghế điện có năm bước chân.

– Bữa ăn tối của tao đâu rồi?

– Kid, đã có rồi. Trong báo cáo ghi rõ mày đã được cung cấp bữa ăn tối lúc năm giờ năm mươi phút: thịt băm sốt cà, khoai tây nghiền và đậu. Mày không lừa được tao đâu.

Wharton ngoác miệng cười và ngồi xuống tấm ván:

– Thế thì hãy mở ra-di-ô. – Hắn nói ngọng kéo dài từ “ra-di-ô” nghe như “Daddy-O”. Thật kỳ lạ là trong lúc căng thẳng thần kinh, người ta có thể nhớ rõ những tiểu tiết đến thế.

– Có thể một lúc nữa, anh bạn ạ. – Tôi nói.

Tôi lùi lại và nhìn dọc theo hành lang. Brutal đang thả bộ với vẻ nhàn tản, mắt thoáng nhìn buồn cao su để chắc chắn là nó chỉ khép hờ chứ không khóa hai lượt như mọi khi. Tôi biết là nó đã sẵn sàng, bởi vì chính tôi đã kiểm tra trước đó. Chúng tôi muốn, khi cần thiết, nó phải được mở càng nhanh càng tốt. Không có thời gian để vắt mớ đồ hỗn tạp mà chúng tôi chất đống trong đó ra ngoài như lúc Percy săn đuổi con chuột, nhưng ít ngày sau khi Wharton gia nhập tập thể vui nhộn này, chúng tôi đã phân loại và dời chúng sang chỗ khác. Chúng tôi đã bảo nhau rằng chắc chắn căn phòng với các bức tường mềm mại này có thể sẽ được sử dụng thường xuyên cho đến khi “Billy the Kid” vĩnh biệt chúng tôi.

John Coffey, vào giờ này thường nằm quay mặt vào

tường, thỉnh thoảng cựa quậy hai chân dài vượt quá tấm ván, đang ngồi khoanh hai tay trước ngực và chăm chú theo dõi Brutal. Một điều khác thường nữa: anh ta không khóc.

Brutal kiểm tra lại cánh cửa của buồng cao su rồi quay trở lại hành lang màu xanh lá úa. Khi đi ngang qua xà lim của Coffey, anh ta đưa mắt nhìn nhanh người tù da đen và bất ngờ Coffey lên tiếng nói một câu lạ lùng:

– Dĩ nhiên là tôi rất thích một chuyến đi dạo.

Ánh mắt của Brutal bắt gặp ánh mắt của tôi.

Hắn biết, gần như tôi có thể nghe lời Brutal muốn nói. Không hiểu do đâu, nhưng hắn đã biết.

Tôi nhún vai và dang hai tay ra như muốn nói: *Dĩ nhiên là hắn biết.*

5

Toot-Toot, người tù già lâu năm, vừa đẩy chiếc xe bán hàng lật vệt của lão đi tua cuối cùng trong đêm nay đến trại E lúc tám giờ bốn mươi lăm phút. Chúng tôi mua nhiều đến nỗi lòng tham của lão tạm thỏa mãn.

– Đây, các ông, các ông có nhìn thấy con chuột đó không? – Toot-Toot hỏi.

Chúng tôi lắc đầu.

– Có thể là chàng trai trẻ ấy đã nhìn thấy nó. – Lão già đưa mắt nhìn về hướng nhà kho, nơi Percy đang lau sàn nhà, hoặc viết bản báo cáo, hoặc đang gãi móng.

– Chuyện đó có liên quan gì đến lão? – Brutal nói. –

Lão đang bốc mùi đấy, Toot!

Toot-Toot nở nụ cười khó ưa của lão và vươn cổ dài ra, hít hít:

- Đó là mùi của Del để lại làm kỷ niệm đấy.

Lão vừa cười vừa đẩy chiếc xe đi ra cửa. Sau khi tôi thuyền chuyển đi nơi khác, lão vẫn còn đẩy chiếc xe ấy mười năm nữa, bán bắp rang cho các cai tù và những tù nhân được phép mua những món quà vặt. Cho đến bây giờ, đôi khi tôi vẫn còn nghe tiếng lão kêu la: "Tôi bị nướng! Tôi bị nướng! Tôi là một con gà quay!".

Thời gian như dài hơn. Sau khi Toot-Toot đi ra, kim đồng hồ nhích có vẻ chậm chạp. Chúng tôi mở ra-đi-ô hàng giờ liền. Wharton nghe Fred Allan với *Allen's Alley* và cười khoái trá, nhưng tôi ngờ rằng hắn không hiểu hết những gì người ta nói. John Coffey ngồi bó gối trên tấm ván, mắt nhìn từng người đang đứng quanh bức tranh. Tôi nhớ những người đứng chờ xe buýt cũng có kiểu nhìn như thế.

Khoảng mười giờ ba mươi, Percy đến và đưa cho tôi đọc bản báo cáo được viết bằng bút chì của hắn. Vụn cao su của cục tẩy vẫn còn bám trên mặt giấy. Khi nhìn thấy tôi đưa tay chà chà chỗ bị tẩy xóa, hắn vội vàng nói:

- Đây chỉ là bản nháp. Tôi sẽ viết lại sạch sẽ. Anh thấy sao?

Tôi nghĩ đây là sự tô vẽ trắng trợn quá mức, nhưng tôi chỉ nói rằng rất tốt và hắn quay đi với vẻ hài lòng.

Dean và Harry chơi bài, nói chuyện với nhau rất to, tranh cãi về từng điểm một và cứ năm giây lại đưa mắt nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường. Bầu không khí rất căng thẳng, căng thẳng đến nỗi tôi nghĩ rằng có thể dùng rìu để chặt nó ra được. Chỉ có hai người không cảm nhận được gì cả. Đó là Percy và Wild Bill.

Mười phút trước mười hai giờ đêm, tôi không thể chịu được nữa và gặt đầu ra hiệu cho Dean. Anh ấy cầm chai

R.C.Cola đã mua của Toot-Toot đi vào văn phòng của tôi rồi trở ra sau hai phút. Lúc này, Cola đã được đựng trong một cái cốc bằng thiếc để khi uống, tù nhân không thể đập vỡ rồi dùng nó cắt động mạch của mình. Tôi cầm cái cốc và đưa mắt nhìn quanh. Harry, Dean và Brutal nhìn tôi. John Coffey cũng thế. Percy đã quay trở về nhà kho, có lẽ hẳn cảm thấy ở đây dễ chịu hơn. Tôi lắc lắc cái cốc và không nhận thấy có mùi gì khác lạ, ngoài mùi thơm đặc trưng của Coca Cola.

Tôi cầm cốc Cola đi đến xà lim của Wharton. Hắn nằm trên tấm ván và không thủ dâm như mọi khi mà đang gãi như điên. Tôi gọi:

– Kid!

Hắn cầu nhàu:

– Đừng quấy rầy tao.

– Okay, – tôi nói. – Tao đã mua cho mày một chai Cola bởi vì đêm nay mày đã cư xử như một con người, đó quả là một kỷ lục của mày. Nhưng vì mày không thích bị quấy rầy nên tao đành phải uống vậy.

Tôi làm như muốn uống thật và đưa cái cốc lên miệng (cái cốc bị móp méo vì đã nhiều lần bị ném vào song sắt xà lim). Wharton phóng xuống nhanh như chớp và điều đó không làm tôi ngạc nhiên. Đây là cảnh mà tôi đã dự định trước, bởi vì tôi biết phần lớn những tử tù sắp phải lên ghế điện thường thích món ngọt và Wharton không phải là trường hợp ngoại lệ.

– Mẹ kiếp, đưa đây! – Wharton nói với giọng như một vị chỉ huy nói với lính quèn. – Hãy đưa nó cho tao!

Tôi đưa cái cốc đến gần song sắt để hắn phải đưa tay ra lấy. Nếu làm ngược lại và đút cái cốc vào bên trong song sắt thì đó sẽ là một tai họa thật sự. Bất cứ một quản giáo có kinh nghiệm nào cũng biết điều đó. Trong thời gian làm việc, chúng tôi đã học được nhiều điều, ví dụ như chúng tôi không được phép để cho tù nhân gọi mình bằng tên. Chúng tôi biết rằng tiếng chìa khóa khua loảng xoảng cũng có thể gây bất

ồn và tiếng bước chân của người quản giáo khi chạy vội và cũng không tốt. Do đó các quản giáo không bao giờ chạy, chỉ ngoại trừ trong trường hợp khẩn cấp. Đó là những gì Percy Wetmore không bao giờ học được.

Nhưng hôm nay Wharton không có hứng tóm lấy tôi hoặc bóp cổ tôi. Hắn chộp cái cốc bằng thiếc và uống một hơi Coca Cola.

– Ngon tuyệt! – Hắn nói.

Tôi chìa tay ra:

– Cái cốc!

Hắn giữ cái cốc một lúc và nhìn tôi cười xấc xược:

– Còn nếu tao không trả thì sao?

Tôi nhún vai:

– Thì chúng tao sẽ tự vào xà lim để lấy, còn mày thì xin mời vào căn phòng có các bức tường bọc cao su êm ái. Cốc Coca Cola đó sẽ là cốc Cola cuối cùng trong cuộc đời mày, trừ phi dưới địa ngục có bán Cola.

Nụ cười biến mất trên môi Wharton:

– Mẹ kiếp, tao ghét nghe nói đến địa ngục. – Hắn chìa cái cốc qua khe hở song sắt. – Này, cầm lấy!

Tôi cầm cái cốc. Percy xuất hiện sau lưng tôi và kêu lên:

– Trời đất! Tại sao anh lại cho cái cục c. đó uống Cola.

Bởi vì nó chứa đầy thuốc ngủ lấy từ trạm xá, đủ để cho nó ngủ bốn mươi tám giờ đồng hồ và hắn sẽ không nhận biết gì cả. Dĩ nhiên là tôi không nói ra nhưng tôi nghĩ như thế.

– Bởi vì đôi khi lòng nhân từ của Paul vô tận, – Brutal nói. – Nó rơi xuống như mưa từ bầu trời.

– Cái gì? – Percy nhăn trán hỏi lại.

– Điều đó có nghĩa là lâu lâu anh ấy lại mềm lòng. Cậu có muốn chơi bài không, Percy?

Percy nổi giận:

– Tôi thấy trò chơi đó là trò chơi ngu xuẩn nhất đời. –

Percy nói rồi rút lui về văn phòng của tôi. Tôi không thích con chuột cống đó đặt móng lên chiếc ghế ngồi sau bàn viết của tôi, nhưng hôm nay tôi đành im lặng.

Những cây kim đồng hồ chậm chạp nhích tới. Không giờ hai mươi, không giờ ba mươi. Lúc một giờ kém hai mươi, John Coffey rời tấm ván, đến đứng sát cửa, tay vòng qua ôm các song sắt xà lim. Brutal và tôi đi đến xà lim của Wharton, nhìn vào. Hắn nằm trên tấm ván, nhìn lên trần nhà, cười băng quơ. Cặp mắt của hắn mở to nhưng vô hồn như đôi mắt thủy tinh. Một cánh tay của hắn đặt trên ngực, còn tay kia buông thõng dong đưa bên lề tấm ván.

– Ôi trời, – Brutal nói. – Chỉ chưa đầy một giờ mà Billy-Hung-Bạo trở thành Billy-Mơ Màng. Không biết là Dean đã quẳng vào cốc Cola bao nhiêu viên thuốc ngủ nhỉ?

– Đủ để yên tâm! – Tôi đáp, giọng của tôi run run. Tôi không biết Brutal có nhận thấy không, nhưng tôi thì có. – Nào, chúng ta đi!

– Anh không định chờ cho đến khi Wild Bill bất tỉnh à?

– Brutal, hắn đã bất tỉnh rồi. Hắn chỉ quá mê mết đến nỗi không nhắm mắt lại được.

– Tùy anh, anh là chỉ huy.

Brutal đưa mắt tìm Harry, nhưng anh ta đã đứng cạnh đấy, sẵn sàng. Dean ngồi ngay ngắn sau bức cạnh, tay xóc các quân bài nhanh đến nỗi chúng có thể bốc cháy vì ma sát, thỉnh thoảng lại liếc nhìn sang trái, về hướng văn phòng của tôi. Anh ấy canh chừng Percy.

– Đến lúc chưa? – Harry hỏi, gương mặt dài như mặt ngựa của anh ta tái nhợt, nổi bật trên chiếc áo đồng phục xanh thẫm, nhưng có vẻ cương quyết.

– Rồi, chúng ta đi.

Harry làm dấu thánh giá và hôn lên ngón tay cái. Sau đó, anh ta đi đến phòng cách ly, lấy chiếc áo trấn lức ra và đưa cho Brutal. Cả ba chúng tôi đi trên hành lang màu xanh

lá. Coffey đang đứng sát cửa xà lim, nhìn theo chúng tôi, không nói một lời. Khi chúng tôi đến bụi cạnh, Brutal giấu chiếc áo sau lưng.

– Chúc may mắn. – Dean nói.

Gương mặt anh ấy tái nhợt như gương mặt của Harry và cũng có vẻ cương quyết như thế.

Percy đang ngồi sau bàn viết của tôi. Hắn nhìn trán, chăm chú đọc một cuốn sách, không phải là *Argosy* hay *Stag* mà là *“Cách chăm sóc những người bệnh tâm thần ở các trại”*. Ánh mắt lăm lét của hắn nhìn chúng tôi bước vào khiến tôi liên tưởng hắn đang đọc một tài liệu gì cấm kỵ.

Percy hỏi và gấp nhanh cuốn sách lại:

– Gì thế? Các anh muốn gì?

Tôi nói:

– Nói chuyện với mày, Percy ạ. Chỉ vậy thôi.

Nhưng hắn đọc được trên gương mặt chúng tôi nhiều ý nghĩa hơn là một cuộc nói chuyện. Hắn đứng phắt dậy và định bỏ chạy về hướng cửa. Có lẽ hắn nghĩ rằng chúng tôi đến để đập hắn một trận.

Harry luồn nhanh ra phía sau chặn đường hắn, đứng chắn ngay trước cửa, hai tay khoanh trước ngực.

– Hê! – Percy quay sang nhìn tôi. Hắn đang sợ nhưng cố che dấu sự sợ hãi của mình. – Thế này có nghĩa là gì?

– Đừng hỏi, Percy. – Tôi nói. Tôi ngỡ rằng mình đã sẵn sàng, ít ra là đã trở lại bình thường, khi chúng tôi quyết định thực hiện kế hoạch điên rồ này. Nhưng không phải thế. Tôi không tin những gì tôi đang làm. Nó giống như một cơn ác mộng và tôi chờ đợi ai đó sẽ lay mạnh đánh thức tôi dậy và cho biết tôi đã rên rỉ trong khi ngủ. – Mọi việc sẽ dễ dàng nếu như mày ngoan ngoãn...

– Howell giấu vật gì ở sau lưng thế? – Percy hỏi bằng giọng khàn khàn và quay lại nhìn Brutal.

– Không có gì cả, – Brutal nói. – Chỉ... cái này thôi.

Anh ta đưa chiếc áo trấn lực lên vẩy vẩy như đầu sĩ vẩy miếng vải đỏ trước mũi con bò.

Percy mở to mắt nhìn Brutal và phóng tới trước định bỏ chạy, nhưng Harry đã nắm chặt cánh tay hắn.

– Thả tao ra!

Percy hét lên và định rút tay ra khỏi bàn tay của Harry nhưng không làm được bởi vì Harry nặng hơn hắn nhiều và có bắp thịt rắn chắc của một người đàn ông thường cày cuốc sau giờ làm việc. Thế nhưng Percy cũng lôi được Harry đi một đoạn, kéo theo cả tấm thảm lót sàn màu xanh lá đáng ghét mà tôi định cho thay nhưng chưa bao giờ làm được. Trong phút chốc, tôi nghĩ rằng hắn có thể thoát. Sự sợ hãi đôi khi làm tăng sức mạnh rất nhiều.

– Hãy bình tĩnh, Percy. – tôi nói. – Mọi việc sẽ dễ dàng hơn, nếu như...

– Thăng khôn, mày định làm gì thế? – Percy gào lên và co vai lại để thoát khỏi bàn tay của Harry. – Hãy để cho tao yên! Tất cả bọn bay! Tao quen biết những người có thể lực! Nếu bọn bay không dừng lại thì tao sẽ làm cho bọn bay phải đến tận Nam Carolina để ăn mày!

Hắn nhảy tới trước và bập dùi của hắn tông vào bàn viết của tôi. Cuốn sách hắn đang đọc *“Cách chăm sóc những người bệnh tâm thần ở các trại”* rơi xuống đất và theo sau đó là một tập sách mỏng mà hắn giấu trong đó cũng rơi theo. Không có gì đáng ngạc nhiên khi Percy nhìn chúng tôi với vẻ lấm lét như thế lúc chúng tôi vừa bước vào. Đó là một tập sách mỏng mà đôi khi chúng tôi đưa cho một tù nhân khi hắn cảm thấy quá bức xúc về tình dục và đã cư xử tốt. Tôi nghĩ rằng trong đó là một câu chuyện được minh họa về Olive Oyl giao hợp với tất cả những người đàn ông, ngoại trừ Sweet Pea.

Tôi cảm thấy buồn lòng rằng Percy đã ngồi trong văn phòng của tôi để xem những hình ảnh khiêu dâm như thế và

Harry, đang nhìn qua vai Percy, có vẻ ghê tởm, nhưng Brutal thì phá lên cười. Tiếng cười khiến tinh thần chiến đấu của Percy giảm đi nhiều.

– Ô, Percy-Boy! – Brutal nói. – Không hiểu mẹ của mày sẽ nói gì? Hoặc là, tốt hơn nữa, Ngài Thống đốc bang, ông dưỡng của mày, sẽ nói gì?

Gương mặt của Percy đỏ bừng:

– Câm mồm lại và không được phép nói động đến mẹ tao!

Brutal ném chiếc áo trấn lực cho tôi và cúi xuống nhìn tận mặt Percy:

– Được rồi, Percy-Boy, hãy chia tay ra đây như một đứa trẻ ngoan ngoan.

Đôi môi của Percy run run và đôi mắt của hắn long lanh. Tôi biết rằng hắn sắp khóc.

– Tao không làm thế đâu, – hắn nói bằng giọng run rẩy. – Bọn bay không thể ép buộc tao được.

Hắn cất cao giọng và đột ngột thét lên kêu cứu. Harry giật mình, tôi cũng thế. Đây là giây phút quyết định chúng tôi muốn tiếp tục kế hoạch hoặc là bỏ cuộc, nhưng Brutal không hề do dự. Anh ta bước đến sau lưng Percy, đến cạnh Harry vẫn còn đang giữ chặt hai bàn tay của Percy. Brutal vừa xách, vừa vặn hai tai của Percy.

– Mày hãy câm mồm! – Brutal nói. – Nếu không, mày sẽ có hai lỗ tai thỏ đặc biệt nhất thế giới.

Percy im bật, đứng run rẩy, mắt nhìn xuống bìa tập sách ảnh khiêu dâm với những phương thức sáng tạo mà chính tôi chưa bao giờ áp dụng.

– Hãy đưa tay đây! – Brutal nói.

– Tao không làm đâu. Tao không làm và mày không thể bắt buộc tao được.

– Thế thì mày nhầm to rồi, Percy.

Brutal nói, rồi vịn mạnh hai tai của Percy giống như người ta vịn núm điều chỉnh lò nung. Percy kêu to lên vừa đau đớn vừa kinh ngạc và tôi có thể mất bất kỳ thứ gì để không phải nghe tiếng hét của hắn. Đó không *chỉ* là sự đau đớn và kinh ngạc mà còn bởi vì hắn đã vỡ lẽ. Lần đầu tiên trong cuộc đời mình, Percy hiểu rằng những sự việc kinh khủng cũng có thể xảy đến với mình chứ không phải chỉ xảy ra với những con người bất hạnh không có họ hàng với Ngài Thống đốc. Tôi định cản Brutal lại nhưng không thể được. Sự việc đã đi quá xa rồi. Tôi chỉ tự nhủ rằng Percy đáng bị như vậy vì hắn đã hành hạ Delacroix như thế nào, chỉ vì gã người Pháp nhỏ bé ấy dám cười nhạo hắn.

Ý nghĩ ấy không làm cho tôi cảm thấy dễ chịu hơn. Có thể tôi sẽ được như thế nếu bản chất của tôi giống Percy.

– Hãy chia tay ra đây, em bé ạ. – Brutal nói. – Hay là tao sẽ kéo lỗ tai mày lần nữa?

Harry đã buông tay Wetmore ra. Percy khóc như một đứa trẻ, nước mắt chảy dài trên má. Hắn chia hai cánh tay ra như một người mộng du. Tôi nhanh nhẹn dứt tay hắn vào tay áo. Tôi chưa kịp kéo chiếc áo trùm qua vai hắn thì Brutal thả tay hắn ra và nhanh nhẹn siết lấy sợi dây nịt của chiếc áo trấn lục. Anh ta siết chặt đến nỗi hai cánh tay của Percy ôm sát vào ngực. Trong lúc đó, Harry siết sợi dây nịt sau lưng. Sau khi Percy đã đầu hàng thì mọi việc diễn ra chỉ trong vòng mười giây đồng hồ.

– Okay, Percy-Boy. – Brutal nói. – Nào tiến lên!

Percy đứng yên không nhúc nhích. Hắn nhìn Brutal, sau đó đưa cặp mắt kinh hoàng, ướt đẫm nước mắt nhìn tôi. Lúc này hắn không nói về những mối quan hệ đầy thế lực của hắn hoặc là chúng tôi phải đi đến Nam Carolina để xin ăn.

– Paul, tôi xin anh! – Hắn nói bằng giọng khàn khàn, nghẹn ngào. – Đừng nhốt tôi chung với nó!

Giờ đây tôi mới hiểu tại sao hắn lại kinh hoàng và

chống cự kịch liệt như thế. Hắn ngỡ rằng chúng tôi sẽ nhốt hắn vào xà lim của Wild Bill Wharton để trừng phạt cho tội hắn đã không thấm ướt miếng bọt biển trong cuộc hành hình Delacroix và sẽ để cho Wharton, thằng tâm thần ấy, cưỡng hiếp hắn. Với ý nghĩ này, tôi không còn cảm thấy thương hại cho Percy nữa mà chỉ là sự kinh tởm và tôi càng cương quyết thực hiện ý định của mình. Hắn dám nghĩ về chúng tôi tệ hại đến thế. Tôi nói:

– Mà không đến chỗ Wharton đâu mà là đến buồng cao su. Mà sẽ ở trong đó, hoàn toàn trong bóng tối, ba hoặc bốn giờ đồng hồ để suy nghĩ lại những gì mà đã làm với Del. Hình như đã quá muộn đối với mà để học những bài học như thế, những bài học về cách đối xử với con người, Brutal cho là như thế, nhưng tao là người lạc quan. Nào, đi!

Hắn bước đi, miệng lầm bầm rằng chúng tôi sẽ phải hối hận, rất hối hận, nhưng nói chung hắn có vẻ nhẹ nhõm hơn.

Khi chúng tôi áp giải hắn đi qua hành lang, Dean mở to mắt nhìn chúng tôi, vẻ ngây thơ vô tội giả vờ khiến tôi suýt phá lên cười nếu sự việc không nghiêm trọng như thế này. Tôi thấy những diễn viên nghiệp dư ở miền quê xa xôi đóng kịch còn hay hơn anh ấy.

– Nay các cậu không thấy là trò đùa này đã đi quá xa rồi sao? – Dean hỏi.

Brutal gầm lên:

– Anh hãy cầm mồm nếu như anh biết như thế nào là tốt cho mình!

Đó là kịch bản mà chúng tôi đã bàn với nhau trong bữa ăn trưa để đề phòng Percy, dù đang kinh hoàng và rối trí, cũng có thể nhớ lại những lời của Dean và điều này sẽ cứu lấy chỗ làm của anh ấy. Tôi không tin là sự cố có thể xảy ra, nhưng đề phòng trước vẫn hơn. Mỗi khi trong lòng tôi dấy lên sự ngờ vực, đạo ấy cũng như bây giờ, tôi lại nhớ đến những gì John Coffey đã làm với con chuột sắp chết của

Delacroix.

Chúng tôi giải Percy đi trên hành lang. Hắn bị vấp và kêu lên rằng nếu chúng tôi không đi chậm lại thì hắn sẽ ngã đập mặt. Wharton đang nằm trên tấm ván và bởi vì chúng tôi đi rất nhanh nên tôi không thể nhìn thấy hắn thức hay ngủ. John Coffey đang đứng ở sát cửa xà lim, theo dõi chúng tôi. Anh ta nói với Percy, nhưng tôi không tin Percy nghe được những lời này:

– Mày là người độc ác và mày đáng để bị nhốt vào buồng cao su.

Chúng tôi đi đến phòng cách ly. Gương mặt của Percy đỏ bừng, ướt đầm nước mắt, hai mắt của hắn trợn trừng còn mái tóc quăn thường ngày được chải liên tục bây giờ rũ rượi trên trán. Harry, một tay tước khẩu súng của Percy, tay kia cầm cây dùi cui của hắn.

– Mày sẽ được nhận lại nó, đừng lo. – Harry nói, giọng có vẻ ngượng ngùng.

– Tao mong là tao cũng có thể nói như thế về chỗ làm của mày. – Percy đáp lại. – Về chỗ làm của tất cả bọn bay. Bọn bay không thể đối xử với tao như thế! Bọn bay không được phép!

Có vẻ như hắn sẵn sàng tiếp tục một lúc, nhưng chúng tôi không có thời gian để nghe. Trong túi của tôi có một cuộn băng dính. Percy nhìn thấy tôi lấy cuộn băng dính ra khỏi túi và lùi lại. Brutal giữ lấy hắn trong khi tôi dán băng dính lên miệng hắn và vòng qua đầu vài vòng. Hắn sẽ bị mất một ít tóc và đôi môi bị cháy bỏng khi chúng tôi gỡ ra nhưng tôi không quan tâm. Tôi ghét Percy Wetmore.

Chúng tôi bước lùi lại. Percy đứng ngay giữa phòng cách ly, dưới bóng đèn được chụp trong lồng sắt, bị trói trong chiếc áo trấn lực. Hắn kêu lên “*mmmph, mmmph*” sau lớp băng dính. Trông hắn giống y như những tên tù lên cơn tâm thần mà chúng tôi nhét vào buồng cách ly. Tôi nói:

– Mày càng giữ yên lặng thì mày sẽ càng được ra sớm.
Hãy nghĩ như thế.

– Còn nếu như mày cảm thấy cô đơn, hãy nghĩ đến Olive Oyl. – Harry chế nhạo.

Sau đó, chúng tôi đi ra ngoài. Tôi đóng cửa, còn Brutal khóa lại. Dean đang đứng trên hành lang, ngay trước xà lim của John Coffey. Anh ấy đã dứt chiếc chìa khóa vào ổ khóa trên. Cả bốn người chúng tôi đưa mắt nhìn nhau và không ai nói lời nào. Điều đó không cần thiết. Chúng tôi đã khởi động cỗ máy và bây giờ chỉ còn hy vọng đoàn tàu hỏa sẽ đi đúng trên đường ray chúng tôi đã vạch ra và không bị trật bánh xe ở bất kỳ chỗ nào.

Brutal hỏi:

– John, anh vẫn còn muốn đi dạo với chúng tôi chứ?

– Vâng, thưa ông, tôi muốn đi. – Coffey đáp.

– Tốt lắm, – Dean nói. Anh ấy mở ổ khóa trên rồi rút chìa khóa ra, bắt đầu mở ổ khóa dưới.

– Chúng tôi có cần phải xích anh lại không, John? – Tôi hỏi.

Coffey nghĩ ngợi một chút, cuối cùng anh ta nói:

– Tùy ông, nhưng tôi nghĩ là không cần thiết.

Tôi gạt đầu với Brutal. Anh ta đẩy cánh cửa xà lim ra. Tôi quay lại nhìn Harry đang hướng mũi súng 45 vào Coffey khi người tù to lớn ấy bước ra khỏi xà lim.

– Hãy đưa súng cho Dean. – Tôi nói.

Harry nhấp nháy mắt làm như ai đó vừa đánh thức cậu ta dậy. Anh ta nhìn khẩu súng 45 của Percy và cây dùi cui đang cầm trên tay rồi đưa cả hai món cho Dean. Trong lúc đó, Coffey đã ra đến hành lang, cái đầu trọc của anh ta gần chạm đến bóng đèn được chụp lại bằng lồng sắt. Khi nhìn John đứng đó, hai tay nắm lại phía trước, vai co lại, ý nghĩ của tôi giống như lần đầu trông thấy anh ta khi anh ta được

áp giải đến, rằng trông anh ta như con gấu khổng lồ vừa bị bắt.

– Hãy bỏ các món đồ chơi của Percy vào ngăn kéo bọc cạnh và khóa lại cho đến khi chúng tôi quay về. – Tôi nói.

– *Nếu như* chúng tôi còn quay về. – Harry nói thêm vào.

– Tôi sẽ làm thế. – Dean nói với tôi và làm ngơ Harry.

– Và nếu như có ai đến đây, có lẽ là không ai đến đâu, nhưng nếu có thì anh sẽ nói sao?

– Rằng Coffey đỡ chứng sinh sự vào lúc nửa đêm, – Dean nói, có vẻ tập trung như một sinh viên đang trả lời bài thi vấn đáp. – Chúng ta đã nhét hấn vào chiếc áo trấn lực và đưa vào buồng cao su. Nếu có tiếng động từ đó vọng ra, họ sẽ nghĩ là do Coffey. – Anh ấy chỉ vào Coffey.

Brutal hỏi:

– Và anh sẽ nói sao về chúng tôi?

– Paul đang ở trên văn phòng, nghiên cứu hồ sơ về Del và xem lại danh sách các nhân chứng. – Dean nói. – Điều đó đặc biệt quan trọng bởi vì cuộc hành hình vừa qua là một tai họa. Anh ấy nói rằng sẽ ở đó suốt đêm. Còn cậu, Harry và Percy thì đang ở xưởng giặt và giặt quần áo.

Thật ra, “giặt quần áo” là một cách nói của các quản giáo. Trong nhiều đêm, họ tụ tập lại đó để chơi đồ xúc xắc, một số khác thì chơi bài Poker. thỉnh thoảng họ nhấm nháp chút ít rượu được nấu lậu và đôi khi còn hút vài hơi cần sa. Hầu như ở nhà tù cũng có chuyện đó, tôi cho là như thế. Khi cả cuộc đời người ta phải canh giữ những con người bất hảo thì dần dần người ta cũng phải nhiễm ít nhiều. Dù sao thì tôi hy vọng không bị kiểm tra, bởi vì “*giặt quần áo*” ở Cold Mountain bị kỷ luật rất nặng.

– Không thể tốt hơn nữa. – Tôi nói và đẩy nhẹ vào lưng Coffey. – Và nếu có chuyện gì xảy ra, Dean, anh không biết gì cả nhé!

– Nói thì rất dễ, nhưng...

Trong khoảnh khắc ấy, đột nhiên có một cánh tay gầy gò thọt ra khỏi song sắt xà lim của Wharton và nắm bắt tay to lớn của Coffey. Tất cả chúng tôi như bị đứng tim. Giờ này lẽ ra Wharton phải nằm trên tấm ván, hầu như bất tỉnh, nhưng hắn lại đang đứng đó, lảo đảo như một võ sĩ quyền Anh vừa bị trúng đòn, miệng cười ngu ngốc.

Phản ứng của Coffey thật kỳ lạ. Anh ta không gỡ tay ra mà hít vào một hơi dài qua kẽ răng như một người vừa chạm vào vật gì vừa lạnh ngắt, vừa khó chịu. Đôi mắt của anh ta mở to và trong khoảnh khắc ấy, trông anh ta như vừa mới nhìn thấy tên tù hung dữ trong xà lim lần đầu chứ không phải họ cùng thức giấc một lúc, cùng đi ngủ vào một khoảng thời gian, chỉ cách nhau vài bước chân. Trông Coffey sinh động hẳn lên chứ không còn vẻ mơ mơ màng màng như trước. Đó là *sự hiện diện*, như khi anh ta muốn tôi bước vào xà lim để anh ta có thể chạm tay vào người tôi, có thể giúp đỡ tôi. Trông anh ta tỉnh táo như lúc chia tay về hướng tôi, yêu cầu đặt con chuột lên đó. Lần thứ ba tôi thấy gương mặt của anh ta sáng bừng lên, làm như trong não của anh ta có một bóng đèn vừa được bật sáng, nhưng lần này là loại ánh sáng khác. Đây là thứ ánh sáng lạnh lẽo. Lần đầu tiên tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu như Coffey bỏ chạy. Chúng tôi có vũ khí. Chúng tôi có thể bắn vào anh ta, nhưng làm cho John mất khả năng chiến đấu là điều không dễ dàng.

Tôi nhìn Brutal và nhận thấy anh ta cũng có cùng suy nghĩ như tôi, nhưng Wharton vẫn cười ngu xuẩn.

– Mà y định đi đâu? – Wharton hỏi, giọng nói lú lạo lại nghe như “*inh-i-âu*”.

Coffey đứng yên, trước hết nhìn Wharton, sau đó là bàn tay của hắn, rồi lại nhìn vào gương mặt. Tôi không thể diễn tả nét mặt của Coffey lúc đó. Tôi nghĩ rằng tôi nhìn thấy *sự thông minh*, nhưng không hẳn, có lẽ là vẻ mặt của một người

chợt phát hiện ra được điều gì. Tôi không biết tình thế sẽ thay đổi ra sao nếu tôi đọc được về mặt của người khác. Có lẽ là không. Tôi không quan tâm đến Wharton. Sau này hẳn sẽ không nhớ được gì đâu. Trông hắn như một gã say rượu và hành động vô ý thức.

– Mày là một thằng độc ác. – Coffey khẽ nói và tôi không thể diễn đạt được những gì ẩn chứa trong giọng nói ấy: sự đau đớn, tức giận hoặc hoảng sợ. Có lẽ là tất cả hòa trộn lại. Coffey lại nhìn vào bàn tay đang nắm cánh tay của mình như người ta nhìn một con côn trùng đang đậu trên da và có thể bị nó cắn.

– Đúng vậy, thằng mọi đen ngu ngốc ạ. – Wharton nói và nở nụ cười nhếch nhếch. – Độc ác như mày có thể tưởng tượng được.

Đột nhiên tôi linh cảm rằng sẽ có một điều gì đó kinh khủng xảy ra và làm thay đổi kế hoạch của chúng tôi, giống như một trận động đất làm thay đổi dòng chảy của một con sông. Nó sẽ xảy ra và không ai trong chúng tôi có thể ngăn cản được. Sau đó, Brutal can thiệp vào. Anh ta hất bàn tay Wharton đang nắm cánh tay John Coffey và ấn tượng hiện trên gương mặt Coffey biến mất, giống như khi người ta ngắt điện đột ngột. Đã có lần tôi kể cho quý vị nghe rằng điện thoại nối với văn phòng Ngài Thống đốc chưa bao giờ reo. Đúng như vậy và tôi tin rằng tôi sẽ cảm thấy rất nhẹ nhõm nếu như nó reo. Cảm giác đó cũng giống như lúc này, khi Brutal hất tay Wharton ra khỏi người Coffey. Ánh mắt của Coffey trở nên mơ màng, làm như là ánh sáng đang rọi vào não của anh ta đột nhiên bị tắt.

– Billy, hãy nằm xuống đi! Bây giờ là giờ đi ngủ rồi. – Brutal nói. Bình thường đó là kiểu nói quen thuộc của tôi nhưng trong hoàn cảnh này tôi không phản đối nếu như Brutal đảm nhiệm thay.

– Tao làm ngay đây. – Wharton đồng tình. Hắn bước lùi

lại, lảo đảo như sắp ngã, nhưng cuối cùng cũng giữ được thăng bằng. – Ôi trời ơi, tất cả quay tròn giống như tao bị say rượu.

Hắn ngồi xuống tấm ván và hướng cặp mắt dờ dãi về phía Coffey.

– Bọn da đen cần phải có một chiếc ghế điện riêng dành cho chúng. – Hắn cười khoái trá rồi nằm lăn ra và cất tiếng ngáy ầm ĩ khi đầu chưa kịp chạm gối. Tôi nhìn thấy những quầng đen dưới đôi mắt hắn, còn lưỡi thì thè ra.

– Lạy Chúa, làm sao mà nó còn đứng dậy nổi sau khi nuốt một lượng thuốc ngủ chừng ấy? – Dean thì thầm.

– Không hề gì, hắn đã mê rồi. – Tôi nói. – Nếu hắn thức dậy thì anh bỏ một viên thuốc hòa vào nước cho hắn uống nhé. Nhưng hãy nhớ là chỉ một viên thôi. Chúng ta không định giết hắn đâu.

– Anh đừng lo. – Brutal nói và nhìn Wharton với vẻ khinh bỉ. – Người ta không thể giết một con khỉ như hắn chỉ bằng thuốc ngủ đâu.

– Hắn là một người độc ác. – Coffey nói, lần này nói nhỏ nhỏ, ngập ngừng làm như là anh ta không chắc chắn điều mình nói.

– Đúng vậy, – Brutal nói. – Độc ác và hèn hạ, nhưng bây giờ thì không phải là lúc chúng ta quan tâm đến hắn. Chúng ta không định nhẩy tango với hắn đâu.

Chúng tôi tiếp tục đi; cả bốn chúng tôi bao quanh Coffey như bốn người hâm mộ vây quanh thần tượng của mình.

– John, anh có thể nói cho tôi biết rằng chúng tôi định đưa anh đi đâu không?

– Để... giúp đỡ. – Anh ta nói. – Tôi nghĩ rằng... đến chỗ một quý phu nhân? – Anh ta nhìn Brutal đầy hy vọng.

Brutal gật đầu:

– Đúng vậy, nhưng do đâu mà anh biết? Làm sao anh biết được.

John Coffey suy nghĩ một lúc lâu, sau đó anh ta lắc đầu:
– Tôi không biết. – Anh ta nói. – Thật tình mà nói, thưa
sếp, tôi không được biết nhiều. Tôi chưa bao giờ biết được nhiều.
Và chúng tôi phải tạm bằng lòng với câu trả lời đó.

6

Tôi đã biết trước rằng cánh cửa nhỏ giữa căn phòng của
tôi và các bậc thang dẫn xuống nhà kho không được thiết kế
cho những người to lớn như Coffey, nhưng tôi không ngờ sự
chênh lệch về kích thước lại lớn như thế cho đến khi anh ta
đứng trước cánh cửa và nhìn nó với vẻ phân vân.

Harry bật cười nhưng trông John không có vẻ gì là vui
thích khi đứng trước cánh cửa nhỏ xíu. Dĩ nhiên anh ta
không hiểu sự khôi hài chứa đựng trong đó, ngay cả khi anh
ta thông minh hơn chút xíu. Anh ta là người to lớn nhất phải
bước qua cánh cửa này để đến chiếc ghế điện.

Coffey ngồi phệt xuống, đẩy cái móng trượt một đoạn
qua khỏi khung cửa rồi đứng dậy đi xuống bậc thang, nơi
Brutal đang đứng đợi. Khi xuống đến đó Coffey đứng yên, đưa
mắt nhìn quanh căn phòng vắng lặng rồi nhìn vào chiếc ghế
điện đang đặt trên bục. Trông nó đầy vẻ đe dọa, bí ẩn như
chiếc ngai vàng của một ông vua đã chết. Cái mũ chụp treo
phía sau ghế trông không giống như cái vương miện mà giống
như cái mũ của một ông tướng ngu ngốc. Cái bóng của chiếc
ghế điện hắt lên tường như một sự đe dọa và tôi ngỡ mình
vẫn còn ngửi thấy mùi thịt cháy vương vấn đâu đây.

Harry khom người bước qua cửa, tôi bước theo sau. Tôi không thích ánh mắt John Coffey đang nhìn trần trời chiếc ghế điện và tôi lại càng không thích khi nhìn xuống cánh tay của anh ta: nó đang sờn gai ốc.

– Nào đi thôi, anh bạn to lớn! – Tôi nói. Tôi nắm khuỷu tay của anh ta và định kéo ra hướng cửa dẫn xuống đường hầm. Lúc đầu anh ta không chịu đi và trông tôi giống như đang cố đẩy một tảng đá to lớn bằng tay.

– John, đi thôi! Chúng ta phải đi, chỉ trừ khi anh không muốn cùng đi dạo với chúng tôi và đến thăm một quý bà nữa.

Harry nói và bật cười với vẻ căng thẳng. Anh ta nắm cánh tay kia của John và định kéo đi nhưng John vẫn không nhúc nhích. Sau đó anh ta nói một câu với giọng mơ mơ màng màng. Anh ta không nói với tôi hoặc với bất kỳ ai trong chúng tôi, nhưng tôi không bao giờ quên:

– Họ còn ở đó. Có một cái gì của họ còn ở đó. Tôi nghe tiếng họ kêu rên.

Tiếng cười căng thẳng của Harry im bật và nụ cười ngưng đọng trên môi anh ta. Brutal nhìn tôi kinh hoàng rồi bước lui lại tránh xa John Coffey. Lần thứ hai trong vòng năm phút tôi có cảm tưởng rằng kế hoạch này đã thất bại. Lần này chính tôi đã nhận ra điều đó. Sau này còn có lần thứ ba xảy ra có thể dẫn đến tai họa nhưng Harry đã kịp hành động. Quý vị hãy tin tôi, tất cả chúng tôi đã gặp may trong đêm hôm đó.

Tôi đứng chen vào và che ánh mắt của John đang hướng về chiếc ghế điện. Tôi phải nhón chân để chắc chắn rằng anh ta không nhìn thấy nó nữa. Tôi đưa bàn tay lên hai lần trước gương mặt của anh ta.

– Nào đi thôi! Anh đã nói rằng chúng tôi không cần phải xích chân anh lại. Hãy chứng minh đi Coffey! Bước qua cửa nhanh lên!

Ánh mắt của anh ta trở nên trong trẻo.

– Vàng, thưa sếp.

Tạ ơn Chúa, hẳn chịu đi rồi.

– Hãy nhìn cái cửa, John Coffey! Chỉ nhìn cái cửa chứ đừng nhìn thứ gì khác.

– Vàng, thưa sếp. – John Coffey ngoan ngoãn nhìn chăm chú cánh cửa.

– Brutal! – Tôi gọi và hất hàm ra hiệu.

Brutal vội vã đi vượt lên, tìm chiếc chìa khóa đút vào ổ khóa. John Coffey vẫn dăm dăm nhìn cánh cửa dẫn xuống đường hầm. Tôi nhìn John, nhưng qua khóe mắt tôi thấy ánh mắt Harry hoảng sợ nhìn chiếc ghế điện, làm như anh ta chưa nhìn thấy nó bao giờ.

Có một cái gì của họ còn ở đó. Tôi nghe tiếng họ kêu rên.

Nếu như điều đó là đúng thì chắc hẳn Eduard Delacroix phải là người rên rỉ lâu nhất và to nhất và tôi cảm thấy mừng rằng mình không thể nghe những gì John Coffey nghe được.

Brutal mở cánh cửa. Chúng tôi đi xuống những bậc thang, Coffey dẫn đầu. Khi xuống đến bậc thang cuối cùng, anh ta âu sầu nhìn đường hầm với trần thấp lè tè. Nếu phải cúi khom người đi suốt đường hầm thì khi ra đến đầu bên kia có lẽ cái cổ của anh ta sẽ bị cứng đờ, chỉ trừ khi ...

Tôi kéo chiếc xe đẩy xác chết đến gần. Tấm vải chúng tôi dùng để phủ lên xác chết của Delacroix đã được đem đi (và hình như đã bị đốt bỏ) và bây giờ chỉ còn lớp vải da màu đen trải trên đó.

– Hãy nằm lên, John Coffey! – Tôi ra lệnh cho John. Anh ta nhìn tôi ngờ vực nhưng tôi đã gạt đầu xác nhận. – Điều đó sẽ dễ hơn cho anh và cho cả chúng tôi.

– Vàng, sếp Edgcombe.

John Coffey ngồi lên chiếc xe đẩy, nằm xuống và lo lắng

nhìn chúng tôi bằng cặp mắt màu nâu của mình. Hai bàn chân của anh ta mang đôi dép vải rẻ tiền của nhà tù buồng thông xuống gần chạm đất. Brutal chen lên đẩy chiếc xe đi trong đường hầm như anh ta đã từng đẩy nhiều người. Điều khác biệt duy nhất là hành khách đang nằm trên đó vẫn còn thở. Đến khoảng giữa đường hầm, bên trên của chúng tôi là đường cao tốc và chúng tôi nghe được tiếng xe chạy thì John bật cười. Anh ta nói:

– Thật thú vị.

Tôi chợt nghĩ rằng chuyến xe tiếp theo của anh ta trong đường hầm này sẽ không còn thú vị. Lần sau, khi anh ta nằm trên đó chắc chắn là anh ta sẽ không cảm nhận được gì. Hay là có? – *Họ còn ở đó. Có một cái gì của họ còn ở đó. Tôi nghe tiếng họ kêu rên.* Anh ta đã nói như thế.

Tôi sờn gai ốc nhưng vì tôi đi sau cùng nên những người khác không nhìn thấy.

– Sếp, tôi hy vọng anh không quên chìa khóa chính. – Brutal nói, khi chúng tôi đi đến cuối đường hầm.

Tôi đáp:

– Đừng lo. Tôi nhớ mà.

Chìa khóa chính không khác biệt so với các chìa khóa khác mà tôi phải mang theo bên người. Tôi có một mớ chìa khóa, chúng phải nặng đến gần hai kí lô, nhưng đó là chiếc chìa khóa rất quan trọng vì nó mở được tất cả các cánh cửa. Đạo ấy, cứ mỗi năm dấy xà lim lại có một chiếc chìa khóa chính và do trưởng trại giữ. Những quản giáo khác có thể mượn chiếc chìa khóa ấy nhưng phải ký nhận, chỉ có trưởng trại là không.

Cuối đường hầm có một cánh cửa sắt. Nó gọi tôi nhớ đến những bức tranh vẽ các lâu đài thời phong kiến. Sau cánh cửa là các bậc thang dẫn lên một tấm chắn bằng sắt, trên đó là tấm biển “CẤM VÀO, KHU VỰC THUỘC SỞ HỮU TIỂU BANG” và “ĐIỆN CAO THẾ” gắn ở bên ngoài.

Tôi mở cánh cửa sắt và Harry kéo cửa rộng ra. Chúng tôi bước lên, đi đầu vẫn là Coffey, vai xệ xuống, mắt nhìn đăm đăm xuống đất. Khi lên đến bậc trên cùng, Harry chen qua Coffey (và không dễ dàng, mặc dù anh ta là người gầy nhất trong chúng tôi) và định nhấc tấm chắn đặt sang một bên. Nó rất nặng, Harry chỉ có thể đẩy nó nhúc nhích, nhưng không dịch chuyển được.

– Tôi sẽ làm, sếp ạ, – John nói. Anh ta chen qua và ép Harry sát vào tường rồi nhấc tấm chắn lên bằng một bàn tay, làm như nó bằng các tông chứ không phải thép.

Cơn gió từ hướng những ngọn núi thổi tới phả một làn hơi mát lạnh lên gương mặt chúng tôi. Lá rụng lá tả và John Coffey đưa tay đón một chiếc lá. Tôi không bao giờ quên được cảnh anh ta ngắm nghía chiếc lá, cảnh anh ta vò nát nó rồi đưa lên mũi ngửi.

– Nào, chúng ta đi! Tiến lên! – Brutal nói.

Chúng tôi bước qua. John kéo tấm chắn trở về vị trí cũ và Brutal khóa lại. Đối với tấm chắn không cần dùng chìa khóa chính để khóa lại. Chìa khóa chính chỉ dùng cho cánh cửa sắt và tủ điện bên cạnh.

– Coffey, hãy ép sát hai tay vào hông khi đi ngang qua đó. – Harry thì thào. – Đừng chạm vào sợi dây. Nó có điện đấy. Anh không muốn bị điện giật chứ?

Thế là chúng tôi đã ra ngoài trời, đứng tụ lại thành một nhóm trên đường (tôi hình dung chúng tôi như ba ngọn đồi bao quanh một ngọn núi) và nhìn tháp canh của nhà tù Cold Mountain cao vượt lên, lấp lánh ánh đèn. Thậm chí tôi còn nhìn thấy bóng dáng một người lính canh đang thổi vào bàn tay của mình, nhưng chỉ trong chốc lát vì các cửa sổ của tháp canh rất nhỏ. Dù sao chúng tôi cũng phải rất, rất thận trọng. Nếu bây giờ có một chiếc xe chạy ngang qua, chúng tôi có thể gặp rắc rối to.

– Nào, đi đi, Harry! – Tôi thầm thì.

Chúng tôi rón rén đi hàng một về hướng Bắc, dọc theo đường cao tốc, dẫn đầu là Harry, sau đó là John Coffey, Brutal và tôi. Chúng tôi băng qua khoảng vạch sơn đầu tiên, sang bên kia đường. Giờ đây, chúng tôi chỉ còn nhìn thấy ánh đèn nhấp nháy của tháp canh trên những ngọn cây. Harry tiếp tục dẫn chúng tôi đi.

– Cậu để xe ở đâu, Harry? – Brutal thì thảo hỏi và thở ra một luồng hơi trắng mỏng. -- Ở Baltimore?

– Ngay phía trước. – Harry đáp, giọng của anh ta sốt ruột và căng thẳng. – Đừng vãi đá trong quần nhé, Brutus.

Nhưng có vẻ như Coffey sẽ rất hạnh phúc nếu được tiếp tục đi dạo như thế cho đến khi mặt trời lên, thậm chí đến tận hoàng hôn. Khi nghe tiếng một con cú kêu, anh ta đưa mắt nhìn quanh, không phải vì hoảng sợ, mà có vẻ vui sướng, tôi tin chắc như thế. Tôi chợt nghĩ là anh ta chỉ sợ bóng tối trong xà lim. Còn ở đây, ngoài trời, dù đang là nửa đêm, anh ta cũng không có vẻ sợ sệt. Anh ta đang môn man bóng đêm, ve vuốt nó với vẻ dịu dàng, hạnh phúc như một người đàn ông đang áp mặt vào chỗ lõm trên bộ ngực của người đàn bà yêu quý.

– Chúng ta rẽ chỗ này. – Harry nói.

Có một con đường mòn từ đường cao tốc rẽ phải dẫn vào rừng, rau dại mọc đầy. Chúng tôi bám theo Harry và đi tiếp khoảng một phần tư dặm. Brutal lại cầu nhàu khi Harry dừng lại, rẽ vào khoảng đất phía bên trái đường mòn và bắt đầu dỡ các nhánh cây ngụy trang chiếc xe. John và Brutal giúp đỡ anh ta và trước khi tôi bắt đầu tham gia cùng với họ, họ đã dỡ các cành cây phủ đầu xe ra và tôi nhìn thấy hai đèn pha đang trở mắt nhìn chúng tôi như cặp mắt của một con côn trùng.

– Tôi nghĩ phải thật thận trọng, – Harry nói. – Có thể anh sẽ thấy kỳ quặc, Brutus Howell, nhưng tôi xuất thân từ một gia đình ngoan đạo và nếu như tôi bị bắt vì những chuyện như thế này, thì...

– Được rồi, – Brutal nói. – Chỉ đơn giản là bởi vì tôi cảm thấy quá căng thẳng thôi.

– Tôi cũng vậy, – Harry khẽ nói. – Chỉ cần cái thùng cũ kỹ chết tiệt này chịu nổ máy... – Anh ta đi vòng qua đầu xe, lầu bầu gì đó và Brutal nháy mắt với tôi. Lúc này hình như đối với Coffey, chúng tôi không còn tồn tại nữa. Anh ta đặt hai bàn tay sau gáy, ngửa mặt nhìn những ngôi sao đang lấp lánh trên bầu trời đêm.

– Nếu anh muốn, tôi sẽ ngồi phía sau với hấn, – Brutal đề nghị.

Sau lưng chúng tôi, Harry đang nổ máy xe. Tiếng máy xe đề dứt quãng, hậm hực như một con chó già đang cố gượng đứng lên trong một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo. Cuối cùng thì máy xe cũng nổ, Harry nhún ga và xe từ từ lăn bánh.

– Không cần thiết, – tôi nói. – Cậu hãy ngồi phía trước với Harry. Lướt về cậu sẽ ngồi sau, nếu như chúng ta không bị áp giải trên xe chở tù.

– Lạy Chúa, Paul, đừng nói như thế!

Brutal có vẻ hoảng sợ thật sự, làm như đây là lần đầu tiên anh ta nhận thức được mối nguy hiểm chúng tôi đang dẫn thân vào.

Tôi nói:

– Hãy ra trước và trèo lên xe!

Brutal làm theo lời tôi. Tôi kéo nhẹ tay Coffey để lôi anh ta trở về với thực tại rồi dắt anh ta ra phía sau thùng xe. Harry đã ném vào đó một tấm vải bạt lớn. Nó rất cần thiết trong trường hợp tình cờ có một chiếc xe chạy cùng chiều và vượt qua chúng tôi, riêng thùng xe thì không thể nào che được.

– Nào, anh bạn to lớn, chúng ta lên đường!

– Có phải bây giờ chúng ta đi dạo không?

– Đúng vậy.

– Hay lắm.

Coffey mỉm cười, nụ cười vui sướng, đại khờ như trẻ thơ, không vướng bận chút suy nghĩ, khổ đau. Anh ta trèo lên thùng xe. Tội trèo theo sau rồi đến sát ca bin phía trước, vồ vài cái vào nóc. Harry sang số và chiếc xe từ từ rời khỏi khoảng đất mà Harry đã giấu chiếc xe.

John Coffey đứng dặng chân trên thùng xe, ngược mắt nhìn bầu trời đêm với những ngôi sao lấp lánh, nụ cười nở trên môi và không nhận thấy những cành lá đang quất vào người khi Harry lái xe trên con đường dẫn ra đường cao tốc

– Nhìn kia, sắp! Đó là Cassie, người đang ngồi trên chiếc xích đu!

Anh ta có lý. Tôi có thể nhìn thấy chòm sao ấy qua những kẽ lá và ngọn cây, nhưng tôi không nghĩ chúng là Cassie, như hình ảnh người phụ nữ đang ngồi trên chiếc xích đu mà Coffey đã nói, tôi chỉ nghĩ đến Melinda Moores

– John, tôi nhìn thấy rồi. – Tôi nói và kéo tay Coffey. – Nhưng bây giờ thì anh phải ngồi xuống, được chứ?

Anh ta ngồi xuống, tựa lưng vào thành buồng lái, mắt vẫn không rời bầu trời đêm. Gương mặt anh ta phản ánh niềm hạnh phúc vô tư. *Đêm Xanh* lùi xa dần theo mỗi vòng bánh xe quay và lần đầu tiên, hình như dòng nước mắt tuôn chảy không ngừng trên má Coffey đã cạn.

7

Đến nhà Hal Moores theo ngã Chimney Ridge khoảng chừng hai mươi lăm dặm và với chiếc xe tải nhỏ cà tàng của

Harry phải mất hơn một giờ đồng hồ. Đó là một chuyến đi kỳ lạ, và cho đến giờ tôi vẫn nhớ đến từng khúc quanh, từng chỗ lồi lõm trên đường, từng thời điểm nguy hiểm (có hai khoảng khắc như thế) khi hai chiếc xe chạy ngược chiều với chúng tôi vụt qua. Tôi không thể diễn tả chính xác cảm giác của mình lúc ấy, khi tôi ngồi trên thùng xe với John Coffey, như hai người da đỏ nấp dưới tấm vải bạt trong “chuyến đi dạo” vào lúc quá nửa đêm.

Chủ yếu cảm giác lúc ấy là *sự mất mát*, nỗi đau đớn, lạc lõng của một đứa trẻ khi biết mình đã bị lạc đường, chung quanh mình tất cả đều xa lạ và không còn tìm được đường về. Tôi đang ở ngoài nhà tù với một tù nhân, không phải là một *tù nhân nào đó* mà là một tù nhân đã bị kết án tử hình vì tội sát hại hai cô bé. Việc tôi cho rằng anh ta vô tội sẽ không được đếm xỉa đến nếu như chúng tôi bị phát hiện. Chúng tôi sẽ phải vào tù, dĩ nhiên là tù nhân, có thể cả Dean Stanton cũng thế. Có thể tôi sẽ phải mất cả quãng đời còn lại để suy gẫm về hành động của mình chỉ vì lương tâm tôi bị đè nặng bởi cái chết thảm khốc của một tử tù trên ghế điện và lòng tin rằng anh chàng da đen khổng lồ đang ngồi cạnh tôi có thể cứu được một phụ nữ đang nằm chờ chết vì bị một khối u não mà các bác sĩ đành bó tay. Nhưng khi thấy John đang ngắm bầu trời đêm, tôi kinh hoàng nhận ra rằng tôi không còn tin những gì mình đã thực sự tin. Chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu của tôi đã khỏi từ lâu và đã trở nên vô nghĩa, như những việc khiến chúng ta đau đớn, khổ sở thường sớm phai mờ trong ký ức khi chúng đã trở thành quá khứ (đã có lần mẹ tôi nói rằng nếu người phụ nữ còn nhớ mãi mình đã chịu đau đớn như thế nào khi sinh đứa con đầu lòng thì không bao giờ bà ấy dám sinh đứa con thứ hai). Còn những gì xảy ra với Mr. Jingles thì sao? Có lẽ Percy đã không làm cho con chuột bị thương nặng như chúng tôi đã nghĩ? Hay là John, người có năng lực thôi miên, ít ra thì tôi không nghi ngờ điều này, đã bằng cách nào đó đánh lừa

chúng tôi thì sao? Còn về giám đốc Moores? Vào cái ngày tôi nhìn thấy Hal Moores trong văn phòng và làm ông ấy giật mình. Đó là một người đàn ông già nua, yếu ớt, tuyệt vọng cùng cực. Giờ đây tôi lại hoài nghi liệu tôi có thực sự nhìn thấy ông ấy trong tình trạng đó hay không bởi vì đó không phải là hình ảnh thực sự của ông ấy. Tôi nghĩ ngài giám đốc nhà tù thực sự là một người đàn ông mạnh mẽ, người đã bẻ gãy tay một tù nhân khi hắn định tấn công ông ta, người đã lạnh lùng sắp xếp cho Percy chỉ huy cuộc hành hình Delacroix bởi vì dù sao trứng của Delacroix cũng bị rán, bất kể ai chỉ huy cuộc hành hình. Tôi nghĩ đến cái cảnh Hal Moores tức giận nhìn chúng tôi đưa một tù nhân đã bị kết án tử hình vì tội sát hại trẻ em vào nhà mình và cho phép hắn đặt bàn tay lên người vợ mình.

Sự nghi ngờ của tôi lớn dần theo thời gian của chuyến đi. Tôi không hiểu tại sao tôi lại làm như thế và còn thuyết phục các cộng sự thực hiện chuyến đi nửa đêm điên rồ này và tôi không tin rằng chúng tôi sẽ có cơ hội thoát tội. Nhưng tôi cũng không tìm cách dừng lại. Mọi việc đã đi quá xa rồi và tôi đành phó mặc cho số phận khi chúng tôi xuất hiện trước hiên nhà Hal Moores. Có một cái gì đó ngăn tôi lại khiến tôi không vỗ trên nóc cabin để ra lệnh cho Harry dừng xe và quay trở lại nhà tù trong lúc còn kịp. Đó là tâm trạng của tôi khi chúng tôi từ đường cao tốc rẽ vào đường số 5. Mười lăm phút sau, tôi nhìn thấy mái nhà phía xa xa và tôi biết rằng chúng tôi đã đến nơi.

Harry sang số (tôi tin rằng trong suốt chuyến đi anh ta chỉ sang số có một lần). Chiếc xe rung giật làm như là nó kinh sợ trước điều gì đang chờ đợi chúng tôi.

Harry lái xe trên con đường trải sỏi dẫn vào nhà ngài giám đốc và đỗ xe ngay sau chiếc xe Buick màu đen của ông ấy. Trước mặt chúng tôi là căn nhà nhỏ xinh xắn. Mặt trăng đã lên và căn nhà trông có vẻ lớn hơn là ban ngày. Dưới ánh trăng tôi còn có thể nhìn thấy vườn hoa phía trước. Trước đây

nó rất đẹp, nhưng hôm nay trông hoang vắng, bỏ phế, phủ đầy lá vàng, không người chăm sóc. Bình thường đó là nhiệm vụ của Melly nhưng mùa thu năm nay Melly không còn nhắc được bàn tay lên để ngắt lá chứ không nói chi đến việc chăm lấy cuộc chăm sóc khu vườn. Bà ấy cũng sẽ không bao giờ nhìn thấy lá rơi nữa. Đó là sự thật và tôi đúng là điên rồ khi nghĩ rằng gã da đen dần dần với cặp mắt trống rỗng này có thể thay đổi được tình thế. Biết đâu lúc này không phải đã quá muộn để có thể tự cứu? Tôi định đứng dậy, tám vài bạt rơi xuống khỏi vai tôi. Tôi muốn chồm lên phía trước, nghiêng người nhìn vào cánh cửa cabin nơi Harry đang ngồi và bảo anh ta rằng hãy nhanh chóng lái xe quay trở lại, trước khi...

John Coffey nắm lấy bắp tay tôi bằng bàn tay to lớn của anh ta và nhẹ nhàng kéo tôi đứng lên, làm như tôi là một đứa trẻ.

– Sếp, nhìn xem. – Anh ta nói và chỉ về phía trước. – Có ai đó còn thức.

Tôi nhìn về hướng anh ta vừa chỉ và cảm thấy như trái tim đang lọt ra khỏi lồng ngực. Khung cửa sổ phía sau có ánh đèn. Hình như đó là căn phòng Melinda đang nằm hết đêm lại đến ngày. Bà ấy không còn đủ sức lực để bước xuống bậc thềm, gom lá rơi sau cơn gió lớn. Hình như họ đã nghe tiếng xe. Cái xe cà tàng của Harry gầm lên như tiếng chó tru và không hề có bộ giảm âm. Quái quỷ, hình như đêm nay vợ chồng Moores không ngủ hay sao?

Một bóng đèn nữa được bật lên, hình như trong nhà bếp, sau đó ở phòng khách, rồi đèn bật sáng ở hành lang và hàng hiên. Tôi nhìn thấy đèn được mở từ sau ra trước và có cảm tưởng có một người đàn ông đang đứng trước bức tường bê tông, hút điếu thuốc lá cuối cùng và nhìn thấy đội hành quyết đang tiến đến. Nhưng tôi không muốn nhìn nhận rằng đã quá muộn, cho đến khi tiếng động cơ của xe ngưng nổ.

Tiếng cửa xe mở ra đóng lại khi Brutal và Harry bước xuống xe. John đứng lên và kéo tôi theo. Trong ánh sáng yếu ớt, tôi nhìn thấy gương mặt anh ta trở nên sinh động, hăng hái. Tại sao lại không? Tôi nhớ lại những gì mình đã nghĩ. Tại sao hẳn lại không hăng hái? Dù sao thì hẳn cũng là một thằng đàn độn mà. Brutal và Harry đang đứng kề vai nhau phía sau thùng xe như hai cậu bé đứng tựa vào nhau trong cơn giông bão. Tôi nhìn thấy cả hai đều có vẻ sợ hãi, bối rối và căng thẳng cũng như tôi. Điều đó làm tôi cảm thấy tệ hơn.

John Coffey trèo xuống xe. Tôi theo sau anh ta, chân cảm thấy cứng đờ và lòng lo lắng. Lẽ ra tôi đã ngã xuống lớp sỏi lạnh lẽo nếu như Coffey không đỡ tôi.

– Đây là một sai lầm. – Brutal nói. Đôi mắt của anh ta mở to, phản ánh nỗi sợ hãi. – Lạy Chúa, Paul, chúng ta đã nghĩ ra điều gì thế này?

– Quá muộn rồi, – tôi nói. Tôi đẩy nhẹ vào hông Coffey và anh ta ngoan ngoãn bước đến đứng cạnh Harry. Tôi nắm khuỷu tay của Brutal như đã bàn bạc trước đó và chúng tôi bước dần đến hàng hiên, nơi ngọn đèn đã bật sáng.

– Hãy để tôi nói. Đồng ý?

– Vâng, – Brutal đáp.

Đây là điều duy nhất tôi hiểu được trong lúc này. Tôi ngoảnh lại nhìn về hướng Harry:

– Harry, hãy ở lại bên hẳn cho đến khi tôi gọi cậu. Tôi không muốn Moores nhìn thấy hẳn trước khi tôi giải thích xong.

Tôi sẽ không bao giờ xong, ngay lúc này tôi đã biết điều đó.

Brutal và tôi vừa đến trước bậc thềm thì cánh cửa vụt mở mạnh đến nỗi tay nắm của nó đập vào tường. Hal Moores đang đứng trước cửa. Ông ta mặc quần py-ja-ma màu xanh và áo thun trắng, mái tóc rối bù. Ông là một người trong suốt quá trình công tác đã có hàng nghìn kẻ thù và ông ta biết

điều đó. Bàn tay phải của ông ta cầm khẩu súng, nòng súng chĩa về phía trước. Tôi cảm thấy như tim nhảy khỏi lồng ngực.

– Ai, ai đến nhà tôi vào lúc nửa đêm thế này? – Ông ta hỏi. Tôi không nhận ra vẻ lo sợ trong giọng của ông ấy. Bàn tay cầm súng hoàn toàn vững vàng. – Trả lời, nếu không ... – Ông ta đưa súng lên.

– Giám đốc, dừng lại! – Brutal kêu lên vào đưa hai tay ra phía trước, lòng bàn tay ngửa lên về hướng Hal Moores. Chưa bao giờ tôi nghe giọng của Brutal run rẩy như lúc này. – Chúng tôi đây! Paul và tôi và ... chúng tôi đây!

Brutal bước lên bậc thêm thứ nhất để ánh đèn hắt rõ vào gương mặt của mình. Tôi bước theo Brutal. Hal Moores đưa mắt nhìn qua lại giữa hai chúng tôi, vẻ tức giận không còn mà chuyển sang bối rối. Ông ta hỏi:

– Các anh làm gì ở đây? Giờ này không chỉ là nửa đêm mà là các anh đang phải trực. Tôi biết chắc chắn điều đó, bởi vì tôi có treo lịch trực trong phòng làm việc. Thế thì, lạy Chúa, có chuyện gì xảy ra? Một cuộc nổi loạn à? – Ông ta lại nhìn Brutal rồi nhìn tôi, ánh mắt sắc bén hơn. – Còn ai ở ngoài xe đấy?

Hãy để cho tôi nói, tôi đã báo Brutal như thế, nhưng đây là thời điểm phải nói và tôi không thốt được một lời nào. Chiều nay trên con đường đi đến chỗ làm tôi đã nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần mình phải nói gì. Không phải là làm cho có vẻ bình thường. Không có việc gì trong câu chuyện này là bình thường cả, nhưng ít ra làm sao để ông ta cho phép chúng tôi bước vào nhà và cho chúng tôi một cơ hội, nói đúng hơn là cho John Coffey một cơ hội. Thế mà giờ đây, những lời tôi chuẩn bị đến thuộc lòng đã bay mất đi trong cơn bối rối, những ý nghĩ, hình ảnh xáo trộn lộn xộn trong đầu tôi – hình ảnh Del bị đốt cháy trên ghế điện, con chuột đang hấp hối, Toot-Toot ngồi lắc lư như điên trên ghế và la hét rằng mình

là một con gà quay... Tôi tin rằng những điều tốt lành trên thế giới này đã được Thượng Đế đưa đến nhưng tôi cũng tin rằng có một thế lực mạnh như Thượng Đế có thể hủy hoại cuộc đời chúng tôi. Không phải là quỷ Satan, tôi không nghĩ đến Satan (mặc dầu tôi vẫn tin rằng ông ta có tồn tại), mà là một hung thần nào đó vui thích vì những tai họa do hắn gây ra. Nhiều năm sau này tôi vẫn còn nghĩ ngợi đến giây phút ấy, trên con đường từ Cold Mountain đến Georgia Pines và tôi tin rằng thế lực ấy là có thực. Nó đang cố ngăn cản John Coffey đến gần Melinda Moores.

– Giám đốc... Hal... tôi... – Không chút gì tôi dự định nói còn lưu lại trong đầu tôi. Những gì tôi thốt ra hoàn toàn vô nghĩa. Hal Moores lại nâng súng lên và chĩa vào Brutal và tôi mà không thèm lắng nghe. Cặp mắt quắc tháo của ông ta mở to.

Trong lúc đó, Harry Terwilliger bước lên, kéo theo anh chàng da đen to lớn. Miệng Coffey nở một nụ cười hiền lành, chất phác.

– Coffey! – Moores kêu lên. – John Coffey! – Ông ta cao giọng nói. – Dừng lại, nếu không tao bắn!

Có một giọng phụ nữ yếu ớt, run rẩy vang lên từ đâu đó phía sau Hal Moores:

– Hal? Mà làm gì ngoài đây? Mà đang nói chuyện với ai, đồ chó đẻ?

Ông ta nhìn nhanh ra phía sau, trên gương mặt biểu lộ nỗi tuyệt vọng vô bờ. Ông ta chỉ bị phân tâm trong phút chốc nhưng cũng đủ thời gian để tôi tước lấy khẩu súng trên tay ông ta. Thế nhưng tôi lại không nhắc nổi bàn tay, làm như có một khối sắt nặng đeo ở cánh tay tôi. Trong đầu tôi rối loạn như âm thanh một chiếc ra-di-ô phát ra khi trời giông bão. Cảm xúc duy nhất của tôi lúc ấy là sự hoảng sợ và thương hại cho Hal vì vẻ ngượng ngùng của ông ấy khi nghe lời chửi rủa của vợ.

Harry và John Coffey bước đến sát bậc thềm. Moores, sau khi quay đầu lại vì nghe tiếng chửi của vợ đã ngoảnh lại nhìn chúng tôi, tay nâng khẩu súng lên. Sau này ông ta nói rằng ông ta đã định bắn chết Coffey. Ông ấy nghi ngờ rằng tất cả chúng tôi là con tin và còn có những tù nhân khác ẩn náu sau chiếc xe tải nhỏ của Harry. Ông ta không hiểu tại sao họ lại áp giải chúng tôi đến nhà ông, có lẽ để trả thù. Đó là nguyên nhân dễ hiểu nhất. Trước khi Hal Moores kịp bắn thì Harry Terwilliger đã bước đến trước mặt Coffey và che chắn cho anh ta. Coffey không hề yêu cầu điều đó. Chính Harry đã tự ý làm theo sự thôi thúc của riêng mình.

– Không, giám đốc Moores! – Harry hét lên. – Tất cả đều ổn! Không có ai mang theo vũ khí, không có chuyện gì xảy ra với ai cả. Chúng tôi đến đây chỉ nhằm giúp đỡ!

– Giúp đỡ? – Hai hàng lông mày rậm của Moores nhú lại, ánh mắt của ông ta bùng bùng giận dữ. – Giúp đỡ gì? Giúp đỡ ai?

Một giọng phụ nữ run rẩy yếu ớt vang lên như để trả lời cho Hal Moores. Giọng nói xác xược, trơ tráo, không có vẻ gì là xấu hổ:

– Đồ chó đẻ, hãy đến đây và đ. l. đ. tao này! Hãy dắt theo lũ bạn chết tiệt của mày! Bọn mày có thể thay phiên nhau.

Tôi kinh hoàng nhìn Brutal. Tôi đã biết rằng bà ấy chửi rửa, có lẽ là do khối u trong não của bà ấy đã gây ra tình trạng ấy, nhưng như thế này còn tệ hơn cả chửi rửa. Tệ hơn rất nhiều.

– Các anh làm gì ở đây? – Moores lại hỏi lần nữa. Sự cương quyết của ông ta đã biến mất. Có lẽ tiếng kêu run rẩy của vợ đã tác động mạnh đến ông. – Tôi không thể hiểu được. Có phải đây là một vụ nổi loạn hay là ...

John đặt Harry sang một bên (đơn giản là anh ta chỉ cần nhắc Harry lên và đặt cậu ấy xuống chỗ khác nhẹ nhàng

như với một đứa trẻ) và bước lên bậc thềm. Anh ta đứng giữa Brutal và tôi, cao đến nỗi đầu gần chạm mái hiên. Ánh mắt của Moores ngược lên nhìn anh ta như nhìn lên một ngọn cây. Đột nhiên tôi hiểu...

Một thế lực kỳ lạ nào đó đã khiến cho đầu óc tôi hỗn loạn như khi người ta dùng bàn tay để tung cát hoặc hạt bắp đi về nhiều hướng. Tôi tin rằng mình đã hiểu tại sao Harry có thể phản ứng được, trong khi Brutal và tôi đứng bất động, không biết phải nói hoặc hành động như thế nào trước mặt ngài giám đốc: Harry đã đứng cạnh John... và sức mạnh kỳ lạ đó chính là John. Khi John bước đến đối diện với giám đốc Moores, tôi chợt hiểu rằng tình thế đã được kiểm soát. Tôi không còn thấy bối rối nữa.

– Tôi muốn giúp đỡ. – John Coffey nói. Moores kinh ngạc há hốc mồm nhìn anh ta. Tôi không tin rằng Hal ý thức được khi Coffey gỡ khẩu súng trong tay ông ấy và đưa cho tôi. Tôi thận trọng chúc mũi súng xuống đất. Sau này tôi đã kiểm tra lại và xác định rằng súng không có đạn. Đôi khi tôi tự hỏi không hiểu Hal Moores có biết điều đó hay không. John tiếp tục nói. – Tôi đến đây để giúp đỡ. Chỉ giúp đỡ mà thôi. Đó là tất cả những gì chúng tôi muốn.

– Hal! – Melinda lại kêu lên từ phòng ngủ. Lúc này giọng của bà ấy run rẩy, sợ sệt làm như sức mạnh bí ẩn khiến chúng tôi kinh hoàng và bối rối đã tác động đến bà ấy. – Hãy đuổi họ đi, bất kể họ là ai! Chúng ta không cần khách đến lúc nửa đêm! Không Elektroluk! Không cần Hoover! Không cần một gã người Pháp nào cả! Tất cả hãy biến đi. Hãy nói với họ rằng họ phải cút đi...

Có tiếng thủy tinh vỡ, hình như đó là một cái cốc rơi sau đó có tiếng bà ấy bật khóc.

– Tôi chỉ muốn giúp đỡ. – John Coffey khẽ nói, nghe như tiếng thì thầm. Anh ta làm lơ tiếng khóc của người phụ nữ và tiếng chửi rủa tục tằn. – Chỉ giúp đỡ, ông chủ, tất cả

chỉ có thể.

Moores nói:

– Mày không làm được đâu. Không ai có thể làm được chuyện đó.

Giọng nói của Moores vang lên như tôi đã có lần nghe và sau đó một lúc tôi mới nhớ ra rằng đó cũng là giọng của tôi khi tôi bước vào xà lim của Coffey đêm hôm nào và anh ta đã chữa lành bệnh cho tôi.

Bị thôi miên. *Mày hãy lo việc của mày, còn tao lo việc của tao*, tôi đã nói với Delacroix như thế... nhưng đó là Coffey, người đã lo việc của tôi, cũng như bây giờ anh ta lo việc của Hal Moores.

– Chúng tôi nghĩ rằng anh ta có thể giúp được. – Brutal nói. – Chúng tôi đã phải mạo hiểm chỗ làm của mình, có thể cộng thêm một khoảng thời gian phải ngồi tù chỉ để đến đây và chúng tôi không muốn trở về trước khi chúng ta thử cố gắng một lần.

Câu nói ấy tôi đã chuẩn bị ba phút trước đây, giờ đây Brutal phải nói.

John Coffey đã gỡ rối cho chúng tôi. Anh ta bước chen qua Hal Moores đang yếu ớt đưa bàn tay lên định cản Coffey (bàn tay chỉ khẽ chạm vào hông Coffey rồi rơi xuống và tôi nghĩ rằng Coffey cũng không nhận thấy điều ấy). Coffey bước vào nhà, băng ngang qua phòng khách, qua nhà bếp rồi đến phòng ngủ, nơi vang lên giọng nói the thé không thể nhận biết là của ai.

– Dừng lại! Bất kể mày là ai cũng không được vào! Tao không mặc quần áo, tao đang trần truồng đây này!

John Coffey làm ngơ và vẫn tiếp tục bước tới, đầu của anh ta cúi thấp để không va vào bóng đèn. Cái đầu trọc của anh ta bóng lờng, hai tay xuôi theo người. Chúng tôi đi theo anh ta, trước hết là tôi rồi Brutal và Hal đi sóng đôi, Harry đi sau cuối. Chỉ có một điều tôi hiểu rõ: mọi việc không còn

nằm trong tay chúng tôi nữa mà là phụ thuộc hoàn toàn vào John.

8

Người đàn bà ở trong phòng ngủ phía sau đang ngồi tựa lưng vào đồng gối và đưa cặp mắt mờ đục nhìn người đàn ông da đen khổng lồ đang bước vào phòng mình trông không giống như Melly Moores, bà vợ lịch thiệp, xinh đẹp của vị giám đốc nhà tù mà tôi đã quen biết từ hai mươi năm nay. Đó cũng không phải là Melly Moores mà Janice và tôi đã đến thăm trước ngày Delacroix bị hành hình. Người đàn bà đang ngồi trên giường trông giống như một đứa trẻ ốm đã hóa trang thành một bà phù thủy cho lễ hội Halloween. Làn da tái nhợt như xác chết của bà ấy nhăn nhúm. Đuôi mắt bên phải trễ xuống cũng như khóe miệng bên phải để lộ ra một cái răng nanh đang cắn chặt vào môi dưới. Mái tóc bạc lưa thưa rối bù. Cả căn phòng bốc mùi nước tiểu. Bộ đồ ăn đặt trên bàn cạnh giường vẫn chưa được thu dọn. Tôi kinh hoàng thầm nghĩ rằng chúng tôi đã đến quá muộn. Chỉ mới một vài ngày mà trông bà ấy đã suy sụp như thế. Có lẽ khối u trong não bà ấy đã phát triển với tốc độ khủng khiếp. Tôi không tin rằng John Coffey còn có thể giúp ích được gì.

Khi Coffey bước vào, gương mặt của bà ấy lộ rõ vẻ kinh ngạc và sợ hãi, làm như là tận trong thâm sâu bà ấy nhận ra rằng có một bác sĩ đang đến, hoặc là cứu chữa cho bà ấy hoặc là tuyên án tử hình. Quý vị hãy nghe tôi cho rõ: tôi không nói rằng Melly Moores bị thôi miên; tôi biết rằng mọi cảm

giác của tôi trong đêm đó đều đáng ngờ bởi vì chính tôi cũng xúc động và rất bối rối. Nhưng tôi cũng không loại trừ khả năng một sức mạnh kỳ lạ nào đang chế ngự bà ấy. Có một điều gì đó trong đôi mắt của bà ấy phản ánh nỗi kinh sợ. Về điểm này quý vị có thể tin lời tôi. Đó là một trạng thái tinh thần mà tôi đã thường xuyên nhìn thấy đến nỗi không thể nào nhầm lẫn được.

Dù đó là cái gì thì nó cũng nhanh chóng biến mất và thay vào đó là vẻ linh hoạt, sống động đến mức khó tin. Đôi môi tái nhợt của bà ta run rẩy và nhếch lên như muốn nở một nụ cười.

– Ô, to lớn đến thế à? – Bà ta kêu lên. Giọng của bà ta như của một cô bé vừa bị mắc phải một chứng bệnh viêm họng rất nặng. Bà ta rút hai bàn tay trắng nhợt đang đặt dưới tấm mền ra và vỗ vào nhau. – Hãy kéo quần xuống để tôi xem của người da đen có lớn như thế không. Tôi đã nghe nói rất nhiều nhưng chưa bao giờ nhìn thấy.

Tôi nghe tiếng Hal Moores rên lên đầy tuyệt vọng.

John Coffey không hề chú ý gì đến những lời thô bỉ của Melly. Sau khi đứng chần chừ một lúc để quan sát nét mặt của Melly, anh ta đến sát bên cái giường đang được chiếu sáng bằng một ngọn đèn ngủ. Ngọn đèn chỉ tỏa sáng lên tấm chăn đang đắp đến tận cổ của Melly. Một tấm thảm do Melly tự làm trong những ngày còn hạnh phúc được trải dưới đất cạnh giường. Hình như Hal đã ngủ trên đó, hoặc ít ra là đang mơ mơ màng màng khi chúng tôi đến. Khi John tiến đến gần Melly hơn thì lần thứ ba nét mặt của bà ấy thay đổi. Đột nhiên tôi nhìn thấy trước mặt mình lại là một Melly vui vẻ, quen thuộc với chúng tôi trong nhiều năm qua, một Melly rất quan trọng với chúng tôi, nhất là với Janice, lúc cô ấy cảm thấy cô đơn và bất lực khi bọn trẻ đã ra đi. Bây giờ hình như bà ấy đã ý thức được những gì mình đang nói.

– Anh là ai? – Bà ấy hỏi bằng giọng trong trẻo. – Và tại

sao trên cánh tay và bàn tay của ông có nhiều vết sẹo như thế? Ai đã làm ông bị thương nặng nề như thế?

– Tôi không còn nhớ những vết sẹo ấy từ đâu ra, thưa bà. – John Coffey nói với giọng như bị xúc phạm và ngồi xuống bên cạnh Melly.

Melinda mỉm cười, khoe môi bên phải xệ xuống, run run. Bà ấy sờ một vết sẹo lớn chạy dài trên mu bàn tay trái của Coffey.

– Thật là khủng khiếp! Anh không còn nhớ tại sao lại như thế à?

– Tôi cho rằng chỉ khi người ta không còn nhớ ai đã làm mình bị thương hoặc đã săn đuổi mình thì mình mới có thể ngủ được. – John Coffey nói bằng giọng-gần-như-của-người-miền-Nam.

Melly bật cười, tiếng cười trong trẻo vang lên trong căn phòng hơi hám của người bệnh. Hal tiến đến đứng bên cạnh tôi. Ông ấy thở hổn hển nhưng không tìm cách ngăn cản. Khi nghe tiếng cười của Melly ông ấy nín thở, bàn tay to lớn bóp mạnh vai tôi, mạnh đến nỗi để lại vết thâm tím trên đó nhưng mãi đến hôm sau tôi mới nhận ra, còn trong giây phút này tôi không cảm thấy gì cả.

– Anh tên gì? – Melinda hỏi.

– Thưa bà, John Coffey.

– Như một loại thức uống à?

– Vâng, thưa bà, nhưng viết khác.

Bà ấy ngã người ngồi tựa vào đồng gối, chăm chú nhìn John Coffey. Anh tựa ngồi bên cạnh Melly và cũng chăm chú nhìn bà ta. Cả hai trông giống như những diễn viên dưới ánh đèn sân khấu, một người tù da đen to lớn và một người phụ nữ da trắng bé nhỏ đang chờ chết. Bà ấy nhìn thẳng vào đôi mắt của John Coffey.

– Thưa bà!

– Gì thế, Coffey?

Những lời ấy vang lên như gió thoảng. Tôi cảm thấy các bắp thịt của mình căng cứng. Ở nơi nào đó xa xôi, giám đốc nhà tù đang nắm chặt cánh tay tôi, qua khoe mắt tôi nhìn thấy Harry và Brutal đang nắm tay nhau như hai đứa bé đang đi lạc trong bóng đêm. Có một điều gì đó sẽ xảy ra. Một điều gì đó phi thường. Chúng tôi đã cảm nhận được như thế rồi.

John Coffey nghiêng người đến gần Melly hơn. Các lò xo giường kêu rảng rặc, ánh trăng chiếu rọi qua ô cửa sổ trên cùng của phòng ngủ. Đôi mắt lồi của Coffey nhìn đắm đắm gương mặt nhợt nhạt của Melinda.

– Tôi đã nhìn thấy, – anh ta nói, không phải nói với Melinda, cũng không phải với chúng tôi mà hình như nói với chính mình. – Tôi đã nhìn thấy và tôi có thể giúp đỡ. Hãy ngồi yên... thật yên lặng...

Anh ta cúi xuống mỗi lúc một gần Melly hơn. Trong phút chốc, gương mặt to lớn của anh ta gần chạm gương mặt của Melly. Bàn tay của anh ta xò ra như muốn nói với ai đó rằng hãy chờ... hãy chờ đợi... rồi gương mặt của anh ta cúi xuống, đôi môi dày áp vào đôi môi của Melly và buộc nó hé mở ra. Trong một thoáng tôi còn nhìn thấy một con mắt của Melly đang nhìn trần trời. Con mắt phản ánh sự ngạc nhiên cùng cực. Sau đó thì cái đầu trọc của Coffey đã che luôn con mắt ấy.

Có một tiếng động rít lên làm như Coffey đang hút cạn không khí trong phổi Melly. Tất cả kéo dài khoảng một hoặc hai giây đồng hồ. Sau đó nền nhà và cả căn nhà như đang trong cơn chấn động. Không phải là tôi tưởng tượng ra đâu. Sau này tất cả đều nói rằng đã cảm thấy như thế. Nó xảy ra như một trận động đất. Có một cái gì ngã xuống đất. Hình như đó là cái đồng hồ lớn. Sau này Hal Moores cố sửa chữa nhưng nó chỉ chạy được mười lăm phút rồi lại đứng.

Bên cạnh chúng tôi có một vật gì đó bị rơi vỡ. Đó là

một bức tranh đang treo trên tường vẽ cảnh một tàu buồm giữa đại dương rơi xuống đất làm tấm kính vỡ tan.

Tôi ngửi mùi khét và nhìn thấy khói bốc lên trên tấm drap trải giường. Vải trải giường dưới bàn chân phải run rẩy của bà ấy biến thành màu đen. Tôi cảm thấy như mình đang mơ. Tôi rút tay ra khỏi bàn tay của Moores và bước đến cái bàn nhỏ đặt cạnh giường. Trên đó có một cốc nước và vài chai thuốc đã bị rơi xuống đất trong cơn rung động. Tôi cầm lấy cốc và đổ nước chứa trong đó lên tấm drap giường đang bốc khói. Có tiếng kêu “xèo xèo”.

John Coffey vẫn tiếp tục hôn Melly, nụ hôn kéo dài như vô tận. Anh ta tiếp tục hít vào một hơi dài, một bàn tay vẫn còn đưa lơ lửng, các ngón tay xò ra, còn bàn tay kia chống xuống giường để chịu cho sức nặng rất lớn của anh ta. Tôi nhìn bàn tay giống như một con sao biển màu nâu.

Đột nhiên, Melinda cong người lại. Một bàn tay của bà ấy quờ quạng, các ngón tay co lại rồi xò ra như trong cơn co giật. Hai bàn chân của bà ấy đập xuống giường. Sau đó là một tiếng thét. Đây không phải là do tôi tưởng tượng ra, những người dân ông khác cũng nghe thấy. Sau này Brutal nói rằng giống như tiếng tru của con chó sói khi bị mắc một chân vào bẫy, còn tôi thì nghĩ đó là tiếng kêu của một chim đại bàng. Tiếng kêu vang lên vào lúc sáng sớm khi nó đang đôi cánh rộng bay xuống thung lũng mờ hơi sương.

Lần thứ hai, căn nhà bị rung động dữ dội. Điều đó rất lạ lùng, bởi vì thời gian ấy không có bão, một cơn gió nhẹ cũng không.

John Coffey rời khỏi Melly, lùi lại và tôi nhìn thấy nét mặt bà ấy dần ra. Khóe môi bên phải của bà ấy không còn trễ xuống. Đôi mắt không còn mờ đục mà trong trẻo và trông trẻ lại đến mười tuổi. Coffey ngắm Melly một lúc lâu rồi bật ho. Anh ta quay đầu sang một bên để không ho vào mặt Melly và mất thăng bằng, ngã rơi xuống đất (một điều dễ

hiếu, bởi vì với chiều cao và trọng lượng như thế nhưng anh ta chỉ ngồi ghé một bên cạnh giường). Chỉ như thế cũng đủ làm cho ngôi nhà rung động lần thứ ba. Coffey ngã quỵ xuống, đầu cúi gục, ho từng tràng dài như một người mắc bệnh lao trong giai đoạn cuối.

Tôi thầm nghĩ: *Bây giờ là những cơn cơn trùng. Anh ta sẽ khạc chúng ra và chắc hẳn lần này phải rất nhiều.*

Nhưng Coffey không làm thế. Anh ta tiếp tục ho, tiếng ho nghẹn lại như không còn hơi. Giữa hai cơn ho hầu như anh ta không còn đủ thời gian để hít không khí. Làn da màu nâu của Coffey giờ trở nên xám xịt.

Brutal hốt hoảng quỳ xuống cạnh Coffey và đặt bàn tay lên cái lưng to bè đang run rẩy của anh ta. Hình như qua cử chỉ của mình, Brutal đã phá vỡ sự thôi miên. Hal Moores bước đến bên giường và ngồi xuống cạnh vợ, vào chỗ mà trước đây Coffey đã ngồi. Ông ta không nhận thấy sự có mặt của người đàn ông to lớn đang ho từng tràng dài và gần như sắp nghẹt thở, mặc dù Coffey đang quỳ cạnh ông ta. Moores chỉ đăm đăm nhìn vợ. Melly đang nhìn chồng bằng cặp mắt trong trẻo, giống như tấm gương bị mờ vừa mới được lau sạch.

– John! – Brutal kêu lên. – Hãy khạc nó ra! Hãy khạc nó ra như anh đã làm!

John Coffey tiếp tục ho sặc sụa. Đôi mắt của anh ta ươn ướt, nhưng không phải vì nước mắt mà vì quá gắng sức. Nước dãi bắn tung tóe từ miệng anh ta nhưng không có gì khác.

Brutal tiếp tục vỗ vỗ vào lưng Coffey rồi ngoảnh lại nhìn tôi, thì thào:

– Anh ta đang mắc nghẹn, anh ta không thở được. Chẳng biết anh ta đã hút ra từ bà ấy thứ gì nhưng anh ta đang nghẹn thở vì nó.

Tôi vội vã bước đến. Trước khi tôi bước được hai bước, John Coffey ngã sấp xuống trên nền nhà và anh ta tiếp tục ho, miệng hóp hóp không khí. Anh ta đặt trán lên tấm thảm,

nơi có thêu những bông hồng đại màu đỏ và thốt lên một tiếng rên to như muốn rách cổ. Tôi nhớ lại lúc đó tôi đã nghĩ rằng những con côn trùng sẽ bay ra, nhưng vẫn không có gì cả. Dù sao cơn ho của anh ta cũng dịu được một chút.

– Ổn rồi, sếp. – John Coffey nói, đầu vẫn cúi xuống, trán đặt lên tấm thảm có thêu những bông hồng đại, mắt nhắm lại. Tôi không hiểu vì sao anh ta biết tôi đang đến gần, nhưng rõ ràng là anh ta biết. – Thật mà, sếp, tôi ổn rồi. Ông hãy quan tâm đến quý bà.

Tôi ngờ vực nhìn anh ta rồi quay sang cái giường. Hal đang vuốt nhẹ tóc của Melly và tôi nhìn thấy một điều kỳ lạ: một phần tóc của bà đã đen trở lại.

– Có điều gì xảy ra thế? – Melinda hỏi chồng. Trong khi tôi nhìn bà ấy thì hai má của bà dần dần ửng hồng làm như là bà đã ngất trộm một vài bông hồng trên tấm thảm. – Tại sao em lại ở đây? Chúng ta đã định đến bệnh viện ở Indianola, đúng không? Các bác sĩ định chiếu điện cái đầu em và chụp hình não của em phải không?

– Suyt, – Hal nói. – Suyt, em yêu, tất cả những điều đó không còn quan trọng nữa.

– Nhưng em không hiểu! – Giọng của bà vang lên như muốn khóc. – Chúng ta đã dừng xe trước một quầy bán hoa bên đường và anh đã mua cho em một bó hoa cúc trắng rồi... rồi... em lại ở đây. Sao lại tối đen thế này? Hal, anh đã ăn bữa tối chưa? Tại sao em lại nằm ở phòng ngủ dành cho khách? Họ đã chiếu điện cho em chưa? – Ánh mắt của Melly lướt qua Harry nhưng hình như không nhận ra anh ta và điều đó khiến tôi kinh ngạc. Ánh mắt nhìn thấy tôi và dừng lại. – Paul, họ đã chiếu điện cho tôi chưa?

– Vâng, họ đã chiếu điện rồi. – Tôi nói. – Tất cả đều ổn.

– Họ không tìm thấy khối u à?

– Không, họ không tìm thấy gì cả. – Tôi đáp. – Họ nói rằng những cơn nhức đầu sẽ dần dần biến mất.

Đang ngồi bên cạnh vợ, Hal Moores bật khóc.

Melinda chồm tới và hôn lên trán chồng, sau đó ánh mắt của bà nhìn vào góc phòng.

– Người đàn ông da đen này là ai? Tại sao anh ta quỳ ở góc phòng thế?

Tôi quay lại nhìn và thấy John Coffey đang cố gượng đứng dậy. Brutal đỡ anh ta và cuối cùng John cũng đứng lên được. Anh ta đứng, mặt úp vào tường như một đứa trẻ đang giận dỗi. Anh ta vẫn còn ho từng cơn, nhưng tiếng ho đã yếu ớt dần.

– John, – tôi nói. – Anh bạn, hãy quay lại và nhìn quý phu nhân này.

John chậm chạp quay lại. Gương mặt của anh ta vẫn có màu xám như tro, trông anh ta già đi đến mười tuổi, giống như một người đàn ông mạnh khỏe sau cuộc chống chọi với căn bệnh lao phổi giờ đã đầu hàng. Ánh mắt của John nhìn xuống đôi dép bằng vải của nhà tù. Trông anh ta ngượng ngập và có lẽ anh ta đang mong có một chiếc mũ trong tay để có thể xoay xoay nó.

– Anh là ai? – Melinda hỏi. – Anh tên gì?

– Thưa bà, John Coffey. – Anh ta trả lời và Melinda lập tức nói tiếp:

– Nhưng viết khác với một loại thức uống, phải không.

Hal Moores ngồi không yên trên giường bên cạnh Melly. Bà ấy cảm thấy điều đó và vuốt nhẹ tay chồng như để trấn an, ánh mắt vẫn không rời người đàn ông da đen.

– Tôi đã mơ thấy anh. – Melinda nói khe khẽ, giọng trong trẻo đáng ngạc nhiên. – Tôi mơ thấy anh đi trong bóng đêm. Tôi cũng thế và chúng ta đã gặp nhau.

John Coffey lặng thinh.

– Chúng ta đã gặp nhau trong bóng đêm. – Melinda nói tiếp. – Đứng dậy đi, Hal! Anh đang đè bẹp em đây này.

Hal đứng lên và ngờ vực nhìn vợ đang lật tấm chăn đắp sang một bên.

– Melly, em không thể ...

– Đừng ngớ ngẩn thế, – bà ấy nói và nhảy xuống giường. – Dĩ nhiên là em có thể.

Bà ấy vuốt thẳng chiếc áo ngủ.

– Lạy Chúa! – Hal kêu lên kinh ngạc. – Lạy Chúa nhân từ, anh hãy nhìn xem.

Bà ấy đang đi đến gần John Coffey. Brutal đứng sang một bên, nét mặt kinh ngạc tốt độ. Bước đầu tiên chân bà ấy còn khập khiễng, bước thứ hai thì bà ấy còn kéo lê chân phải một chút và sau đó là những bước chân bình thường. Tôi nhớ lại cảnh Brutal đưa cho Delacroix cái trục chỉ sơn màu sắc sỡ và nói: “Ném nó đi! Tôi muốn xem con chuột có thể chạy theo nó được không.” Đến thời điểm đó con chuột vẫn còn khập khiễng, nhưng đến đêm hôm sau, vào đêm mà Delacroix phải lên ghế điện, thì con chuột đã chạy hoàn toàn bình thường.

Melly đưa tay ôm John Coffey. Coffey đứng im một lúc, để yên cho Melly ôm rồi sau đó đưa tay lên vuốt nhẹ tóc bà ấy. Anh ta làm điều ấy với vẻ triu mến vô bờ. Gương mặt của anh ta vẫn còn xám đen. Trông anh ta có vẻ ốm rất nặng.

Melly bước lùi lại, ngược mắt nhìn John Coffey, khẽ nói:

– Cảm ơn.

– Không có chi, thưa bà.

Bà ấy quay lại nhìn Hal rồi đi đến đứng bên ông ấy. Hal choàng tay qua vai bà.

– Paul...

Đó là Harry. Anh ta đang gõ gõ ngón tay lên mặt đồng hồ đeo tay. Đã ba giờ sáng. Đến bốn giờ rưỡi, trời sẽ sáng. Nếu chúng tôi muốn đem Coffey trở về Cold Mountain, chúng tôi phải lập tức lên đường. Tôi muốn đem anh ta trở về. Dĩ nhiên một phần là vì chúng tôi sẽ có cơ hội thoát tội, càng ở

lại lâu càng nguy hiểm, nhưng một mặt khác tôi muốn đưa John trở về nơi tôi có thể gọi bác sĩ cho anh ta một cách hợp pháp nếu như điều ấy là cần thiết. Chỉ cần nhìn John, tôi đã biết rất cần thiết.

Đôi vợ chồng Moores đang ngồi ở mép giường, chân buông thõng xuống, tay trong tay. Tôi đã định bảo Moores sang phòng ngoài để nói chuyện riêng với ông ấy, nhưng sau đó tôi hiểu rằng dù có súng nổ bên tai, ông ấy cũng sẽ không đứng lên. Ông ta không thể rời mắt khỏi vợ. Ông ta có thể quan tâm đến vấn đề khác, nhưng chỉ đến khi mặt trời đã mọc chứ không phải lúc này.

– Hal. – Tôi nói. – Chúng tôi phải đi bây giờ.

Ông ấy gật đầu nhưng không nhìn tôi. Ông ấy đang ngắm màu hồng vừa trở lại trên gương mặt của vợ, đôi môi đã tươi tắn, mái tóc đen như trước.

Tôi vỗ vai Hal Moores, mạnh đến nỗi có thể khiến cho ông ấy chú ý đến mình.

– Hal, chúng tôi chưa bao giờ đến đây.

– Hử? Cái gì...

– Chúng tôi chưa bao giờ đến đây, – tôi nhắc lại. – Sau này chúng ta sẽ nói chuyện với nhau nhưng bây giờ đó là tất cả những gì ông phải ghi nhớ. Chúng tôi chưa bao giờ đến đây.

– Được rồi... – Ông ấy cố gắng quay lại nhìn tôi rồi ánh mắt của ông lại dán chặt vào gương mặt của vợ. – Các anh đã đưa hấn đến đây. Liệu các anh có thể đưa hấn trở vào được không?

– Tôi tin rằng có thể được. Nhưng bây giờ chúng tôi phải đi.

– Do đâu anh biết rằng hấn có thể làm được điều đó, Paul?
– Đoạn ông ấy lắc đầu khi chợt hiểu rằng đây không phải là thời điểm thích hợp để nói chuyện. – Paul, Paul ... cảm ơn.

– Ông đừng cảm ơn tôi. – Tôi nói. – Ông hãy cảm ơn John!

Hal Moores quay sang nhìn John Coffey rồi chìa bàn tay ra – giống như tôi đã làm vào ngày Harry và Percy áp giải anh ta đến trại E.

– Cảm ơn, cảm ơn rất nhiều!

John ngần ngừ nhìn bàn tay đang chìa ra cho mình. Brutal khẽ huých nhẹ vào hông John. John giật mình, nắm lấy bàn tay và lắc nó.

– Không có chi. – Anh ta nói với giọng khàn khàn. Giọng nói của anh ta lúc này giống như giọng của Melly khi bà ấy vỗ tay bảo John kéo quần xuống. – Không có chi. – John nói và lại lắc bàn tay, bàn tay mà lúc bình thường sẽ đặt bút ký lệnh thi hành án tử hình kết liễu đời anh ta.

Harry lại sốt ruột gõ gõ vào mặt đồng hồ, lần này thúc giục mạnh mẽ hơn.

– Brutus? – Tôi nói. – Sẵn sàng chưa?

– Hello, Brutus! – Melinda vui vẻ kêu lên, làm như lần đầu tiên bà ấy nhìn thấy Brutal. – Rất mừng vì gặp anh ở đây. Các anh có muốn uống trà không? Hal, anh muốn uống trà không? Em có thể pha trà. – Bà ấy đứng lên. – Tôi đã bị ốm, nhưng giờ đây tôi cảm thấy rất dễ chịu.

Brutal nói:

– Cảm ơn, thưa bà Moores, nhưng bây giờ chúng tôi phải đi. John phải nằm nghỉ. – Anh ta mỉm cười như muốn nói đó là một lời nói đùa, nhưng đôi mắt lại lo lắng nhìn John.

– Thôi được, nếu như các anh phải đi..

– Vâng, thưa bà. Nào John Coffey! – Brutal kéo nhẹ tay áo của John Coffey và anh ta bắt đầu bước.

– Xin chờ một chút! – Melinda rút tay ra khỏi bàn tay của Hal và chạy với bước chân nhẹ nhàng như của một cô gái đến trước John. Bà ấy ôm John một lần nữa rồi đưa tay ra sau gáy tháo sợi dây chuyền mảnh đang đeo trên cổ xuống.

Sợi dây chuyền có treo một cái mặt bằng bạc. Bà ấy đưa sợi dây cho John đang ngơ ngác nhìn:

– Đây là Thánh Christophorus, – bà ấy nói. – Mr. Coffey, tôi muốn ông hãy giữ sợi dây chuyền này. Nó sẽ che chở cho ông. Xin ông hãy đeo nó vì tôi.

John ngần ngại nhìn tôi và tôi nhìn Hal. Ông ấy đang hai tay ra và gật đầu.

– Cảm lấy đi, John. – Tôi nói. – Đó là một món quà.

John cầm lấy sợi dây chuyền, đeo vào cái cổ to như bò mộng của anh ta, mặt dây chuyền hình Thánh Christophorus lủng lẳng trước ngực. Anh ta không còn ho nữa nhưng tôi thấy gương mặt anh ta còn xám hơn và bệnh hoạn hơn lúc trước.

– Cảm ơn bà, – John nói.

– Không, Melinda đáp. *Tôi cảm ơn ông, John Coffey.*

9

Lượt về tôi ngồi trong cabin với Harry và tôi rất vui về điều đó. Bộ phận sưởi bị hỏng, nhưng ít ra chúng tôi cũng không phải chịu những luồng gió lạnh khi ngồi ở phía sau. Sau khi đi được khoảng mười dặm, Harry phát hiện có một khoảng đất trống và lái xe vào đó.

– Có chuyện gì thế? – Tôi lo lắng hỏi. – Có gì hỏng à? – Trong đầu tôi thì chỉ có một vấn đề là chiếc xe bị hỏng bởi vì tiếng máy kêu nghe như là lúc nào nó cũng sẵn sàng dừng

lại.

– Không, – Harry nói với vẻ có lỗi. – Tôi phải đi tiểu, chỉ có vậy thôi.

Và đến lúc ấy thì tất cả chúng tôi đều nhận thấy mình cũng có nhu cầu đó, ngoại trừ John. Khi Brutal hỏi anh ta có muốn giúp đỡ chúng tôi tưới cây không, anh ta chỉ lắc đầu mà không ngẩng lên nhìn. Anh ta đang dựa lưng vào thành cabin và trên vai phủ một tấm bạt như chiếc áo choàng. Tôi không thể nhìn thấy gương mặt của John, nhưng tôi nghe thấy tiếng thở hổn hển, rít từng cơn của anh ta. Tôi không thích điều đó.

Tôi còn nhớ không lâu trước đó, chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu đã hành hạ tôi khiến mỗi lần đi tiểu của tôi là một cực hình và tôi cảm thấy vui mừng vì mình đã có thể tiểu được dễ dàng mà không phải kêu thét lên. Tôi đứng đó, xả nước, mắt ngược nhìn lên bầu trời. Tôi không nhận thấy Brutal đứng bên cạnh cho đến khi anh ta lên tiếng khe nói:

– Hắn sẽ không bao giờ phải lên ghế điện.

Tôi quay sang nhìn anh ta, kinh ngạc vì sự khẳng định trong giọng nói của Brutal.

– Cậu định nói gì thế?

– Tôi nghĩ rằng hắn đã nuốt thứ ấy thay vì khạc ra như lúc trước. Hình như hắn chủ định làm chuyện đó. Có thể sẽ kéo dài một tuần lễ, hắn to lớn và khỏe mạnh, nhưng tôi dám cược rằng sự việc sẽ diễn tiến rất nhanh. Một người nào đó trong chúng ta khi đi tuần tra sẽ nhìn thấy John nằm chết trên tấm ván như một hòn đá.

Tôi nghĩ rằng tôi đã tiểu xong nhưng khi nghe những lời này, tôi sớn gai ốc. Khi cài cúc quần lại tôi tự nhủ rằng những lời của Brutal cũng có ý nghĩa. Tôi nghĩ thật là bất công khi John Coffey phải chịu tử hình và nếu như anh ta phải chết, tôi mong rằng không chết dưới tay tôi. Tôi không biết mình đủ sức nâng bàn tay lên để ra lệnh khi thời điểm

đó đến hay không.

– Đi thôi! – Harry nói. – Đã muộn rồi. Chúng ta phải làm cho xong.

Khi quay trở lại chiếc xe, tôi nhận thấy chúng tôi đã để John hoàn toàn một mình, một sự khinh suất kiểu Percy Wetmore. Tôi nghĩ anh ta không còn ở đó. Anh ta đã khạc đăm côn trùng ấy ra khi thấy chúng tôi đã quay lưng đi và bỏ trốn rồi. Tôi cho rằng chúng tôi chỉ còn nhìn thấy tấm bạt mà anh ta khoác trên vai lúc trước.

Nhưng Coffey vẫn còn đó. Anh ta vẫn ngồi tựa lưng vào thành cabin, tay bó gối. Khi nghe tiếng chúng tôi trở lại, anh ta ngẩng lên nhìn và mỉm nụ cười yếu ớt.

– Big John, anh cảm thấy thế nào? – Brutal vừa hỏi vừa trèo lên thùng xe và cầm tấm bạt dành cho mình.

– Thưa sếp, tốt lắm. – John yếu ớt trả lời. – Rất tốt.

Brutal vuốt nhẹ đầu gối của John.

– Chúng ta sắp về đến nơi rồi. Và anh biết gì không? Tôi sẽ pha cho anh một cốc cà phê to, có cả đường và sữa.

Tôi hy vọng Brutal thực hiện được lời hứa khi bước lên xe ngồi cạnh Harry. Nếu như chúng tôi không bị tóm và bị nhét vào xà lim... Nhưng đầu óc tôi đã bị ám ảnh bởi ý nghĩ này kể từ khi chúng tôi nhét Percy vào buồng cách ly. Tôi thiếp đi và mơ thấy Calvary Hill. Sấm chớp rền vang ở phía Tây và có một mùi hương như của phước bồn tử. Brutal, Dean, Harry và tôi mặc áo giáp, đội mũ sắt như trong một bộ phim của Cecil B. DeMille. Tôi nhìn thấy ba cây thập giá. Percy Wetmore, Eduard Delaroix đang giữ chặt John Coffey. Tôi nhìn xuống bàn tay mình và thấy nó vấy máu.

Chúng ta phải đem hắn xuống, Paul! – Brutal hét lên.
– *Chúng ta phải đem hắn xuống.*

Nhưng chúng tôi không thể làm việc đó bởi vì cái thang ở quá xa. Tôi định nói điều gì đó với Brutal nhưng chiếc xe giật cục, lắc mạnh khiến tôi tỉnh giấc. Chúng tôi đang chạy

lùi lại nơi mà Harry đã giấu chiếc xe lúc trước.

Chúng tôi trèo xuống và bước ra phía sau. Brutal nhảy xuống khỏi thùng xe nhưng John Coffey thì ngã nhào và cả ba chúng tôi cùng chụp lấy anh ta. Chưa đứng được vững thì Coffey bật ho, cơn ho khủng khiếp nhất. Anh ta co rúm người lại và tiếng ho khàn đục vang lên sau khi anh ta đưa bàn tay lên bịt miệng như cố ý giữ lại một vật gì đó trong cổ họng. Tôi nghĩ Brutal đã có lý.

Giờ đây sau nhiều năm trôi qua, tôi hồi tưởng lại đêm hôm ấy và ngạc nhiên tự hỏi sao chúng tôi lại có thể vừa đúng vừa sai như thế.

Khi cơn ho của Coffey dịu dần, chúng tôi lại kéo càn lá để ngụy trang chiếc xe và quay trở lại con đường chúng tôi đã đi. Đoạn đường khó khăn nhất của chuyến đi dạo này là hai trăm mét cuối cùng, khi chúng tôi đi thành hàng một bên lề đường cao tốc về hướng Nam. Tôi có thể nhìn thấy ánh sáng yếu ớt ở trên nền trời phía Đông. Tôi tin rằng một ông chủ nông trại nào đó đã muốn thu hoạch sớm những trái bí của mình và lão sẽ bắt gặp chúng tôi. Nếu điều đó không xảy ra thì cũng sẽ có một người nào đó quát lớn: *"Đứng yên, giơ tay lên!"* (trong tưởng tượng của tôi giọng nói đó giống như của Curtis Anderson) khi chúng tôi tiến gần tấm chắn chặn ngang cửa xuống đường hầm. Sau đó sẽ có hơn hai tá cai tù, tay cầm súng cạcbin đã lên đạn, chia thẳng vào chúng tôi và thế là cuộc phiêu lưu của chúng tôi sẽ kết thúc.

Khi chúng tôi thực sự đứng trước tấm chắn bằng sắt, tim tôi đập nhanh đến nỗi mỗi một nhịp đập tôi nhìn thấy một ngôi sao nổ trước mắt. Hai bàn tay tôi lạnh, cứng đờ và tôi phải tìm chìa khóa rất lâu rồi sau đó lại không tài nào tra được chìa khóa vào ổ.

- Lạy Chúa, có ánh đèn! - Harry rên lên.

Tôi ngẩng lên nhìn và thấy ánh đèn xe đang hướng về phía chúng tôi. Chùm chìa khóa suýt rơi khỏi tay tôi. Tôi chỉ

kịp chụp nó lại trong giây phút cuối.

– Đưa nó cho tôi! – Brutal nói. – Tôi mở cho.

– Không, tôi mở được rồi.

Cuối cùng thì chìa khóa cũng tra được vào ổ và tôi xoay nó. Chúng tôi nhanh chóng lên vào. Chúng tôi cúi xuống nắp sau cánh cổng sắt và nhìn thấy một chiếc xe vận tải của hãng Sunshine Bread đang chạy ngang qua nhà tù. Tôi nghe tiếng thở nặng nhọc của Coffey bên cạnh. Nó kêu rít lên như tiếng động cơ không có dầu bôi trơn. Lúc đi ra anh ta đã đẩy cổng nhẹ nhàng nhưng giờ đây chúng tôi không thể nhờ cậy anh ta được nữa. Brutal và tôi mở cánh cửa ra và Harry đỡ John bước xuống bậc thang. Người đàn ông da đen to lớn ấy loạng choạng những bước tiếp. Brutal và tôi nhanh chóng bước theo anh ta và đẩy cánh cổng đóng, khóa lại.

– Ôi, tạ ơn Chúa! Tôi tin rằng chúng ta đã... – Brutal vui mừng thốt lên, nhưng tôi đã cản anh ta lại bằng cách dùng cùi chỏ thúc mạnh và hông anh ta.

– Đừng nói gì, – tôi nhắc nhở. – Thậm chí cũng đừng nghĩ đến, trước khi anh ta đã an toàn ở trong xà lim.

– Và chúng ta còn phải nghĩ đến Percy. – Harry nói. Chúng tôi nói rất khẽ, nhưng giọng của chúng tôi vẫn vang dội từ những bức tường bằng đá trong đường hầm dài hun hút. – Đêm nay vẫn chưa qua cho đến khi chúng ta giải quyết xong vấn đề Percy.

Thực tế đã chứng minh rằng đêm trực ấy của chúng tôi còn lâu mới kết thúc..., còn về vấn đề của Percy cũng không khó khăn hoặc dễ dàng hơn sự chờ đợi của chúng tôi.

phần 6

*quyền lực
của Coffey*

1

Tôi ngồi trong phòng sưởi ấm của Georgia Pines, tay cầm cây bút máy cha tôi để lại và quên mất thời gian trong khi hồi tưởng đêm mà chúng tôi: Harry, Brutal và tôi đưa Coffey đến chỗ Melinda Moores và cứu mạng bà ấy. Chúng tôi đã cho William Wharton, kẻ thường tự xưng là Billy the Kid, uống thuốc ngủ. Tôi đã kể lại rằng chúng tôi đã trói Percy Wetmore trong chiếc áo trấn lực và nhét hẳn vào buồng cao su ở cuối *Dặm Xanh*. Tôi đã kể về chuyến đi kỳ lạ – vừa đáng sợ, vừa thú vị – của chúng tôi và về điều kỳ diệu mà chúng tôi đã chứng kiến. Chúng tôi nhìn thấy John Coffey đã kéo người đàn bà đang hấp hối trở về với cuộc sống như thế nào.

Tôi viết miệt mài và quên những gì đang diễn ra chung quanh mình ở Georgia Pines. Những ông lão, bà lão đi xuống phòng ăn để dùng bữa tối rồi kéo sang trung tâm giải trí (quí vị có thể bật cười). Tôi chỉ nhớ bà bạn già Elaine của tôi đã đem đến cho tôi một phần bánh xăng uých. Tôi cảm ơn bà ấy và đã ăn, nhưng tôi không thể nói được lúc ấy là mấy giờ và nhân bánh là gì. Tâm trí tôi đang ở năm 1932, khi chúng tôi phải mua bánh mì cặp thịt từ chiếc xe đẩy của già Toot-Toot, thịt lợn rán đã nguội lạnh với giá một *nickel*.

Tôi nhớ lại khi chung quanh trở nên yên tĩnh, lúc những người sống ở đây chuẩn bị cho một đêm với giấc ngủ nhẹ nhàng hoặc đầy mộng mị. Tôi nghe tiếng của Mickey, có thể chưa phải là người hộ lý tốt nhất nhưng là người vui vẻ

nhất hát bài “Red River Valley” bằng giọng trầm trầm của mình trong lúc đi phân phát thuốc uống trước khi ngủ: *“From this valley they say you are going... We will miss your bright eyes and sweet smile...”*

Khi nghe bài hát này tôi nhớ đến Melinda, đến những gì bà ấy nói với John sau khi phép màu đã xảy ra: *“Tôi đã mơ thấy anh. Tôi mơ thấy anh đi trong bóng đêm và tôi cũng thế. Chúng ta đã gặp nhau.”*

Sự yên lặng bao trùm lên Georgia Pines. Đêm dần qua và tôi vẫn ngồi viết. Tôi viết đến đoạn Harry nhắc nhở chúng tôi rằng mặc dù chúng tôi đã đưa được John trở về nhà tù mà không bị phát hiện nhưng vẫn còn Percy đang chờ chúng tôi: *“Đêm nay vẫn chưa qua đi cho đến khi chúng ta giải quyết xong vấn đề Percy”*, Harry đã nói như thế.

Sau một ngày dài đó là thời điểm cây bút của cha tôi hết mực và cần phải bơm mực cho nó. Tôi đặt cây bút sang một bên, chỉ vài giây thôi – tôi trầm nghĩ – để cho những ngón tay cứng đờ của tôi có thể cử động trở lại. Tôi cúi đầu gối lên cánh tay và nhắm mắt lại. Khi tôi mở mắt ra và nhấc đầu lên thì mặt trời đang rọi vào cửa sổ. Nhìn đồng hồ tôi thấy đã tám giờ sáng. Tôi đã ngủ trên cánh tay như một người say suốt sáu giờ đồng hồ. Tôi đứng lên, nhấp nháy mắt, cố gắng ưỡn lưng cho bớt đau. Tôi định đi xuống nhà bếp lấy một ít bánh mì rồi thực hiện cuộc đi dạo thường lệ vào mỗi buổi sáng của mình, nhưng tôi chợt nhìn thấy những trang giấy dày đặc chữ đang nằm trên bàn. Đột nhiên tôi quyết định rằng sẽ dời buổi đi dạo lại. Tôi có một nhiệm vụ và tôi phải làm cho xong. Nó có thể chờ và sáng nay tôi không có hứng chơi trò trốn tìm với Brad Dolan. Thay vì đi dạo, tôi muốn kết thúc câu chuyện của mình. Đôi khi tốt hơn là người ta nên tự ép buộc mình phải thực hiện một chuyện gì, bất kể sự phản kháng của thể xác và tinh thần. Có thể đó là khả

năng duy nhất để hoàn thành một việc gì và tôi nhớ lại tôi đã tuyệt vọng cầu mong sức mạnh bí ẩn của Coffey rời khỏi người tôi như thế nào.

Tôi đi xuống nhà vệ sinh ở cuối hành lang tầng một. Khi nhấn nước dội bồn cầu, tình cờ tôi nhìn thấy bộ báo cháy gắn trên trần nhà. Nó khiến tôi nhớ đến Elaine, nhớ đến hôm qua bà ấy đã đánh lạc hướng Dolan như thế nào để tôi có thể đi dạo và thực hiện nhiệm vụ nhỏ nhoi của mình. Tôi khẽ mỉm cười.

Sau đó tôi quay trở về phòng sưởi ấm và cảm thấy dễ chịu hơn. Có ai đó, hình như là Elaine, đã đặt một bình trà cạnh những trang giấy tôi đã viết. Tôi uống liền hai tách trà trước khi ngồi xuống, cầm cây bút lên và tiếp tục viết.

Tôi quá chìm đắm trong câu chuyện và không nhận biết những gì diễn ra chung quanh cho đến khi có một cái bóng phủ lên người tôi. Tôi ngẩng lên nhìn và cảm thấy dạ dày như bị bóp lại. Brad Dolan đang đứng giữa tôi và các cửa sổ. Hắn nhếch mép:

– Paulie, lão đã bỏ lỡ cuộc đi dạo vào lúc sáng sớm rồi và tôi nghĩ mình hãy đi tìm xem lão ra sao, liệu lão có ốm hay không.

– Anh đúng là người có trái tim nhân hậu, – tôi nói. Giọng của tôi bình tĩnh nhưng tim tôi đập nhanh. Không chỉ đến lúc này tôi mới thấy sợ hắn. Hắn khiến tôi nhớ đến Percy Wetmore, dù trước đây tôi chưa bao giờ sợ Percy... Nhưng lúc biết Percy, tôi còn trẻ.

Nụ cười của Brad nở rộng hơn nhưng trông có vẻ khó chịu hơn:

– Người ta nói với tôi rằng ông đã viết cả đêm, Paulie. Điều đó không tốt đâu. Những bộ xương già như của lão cần phải được ngủ đầy đủ.

– Percy... – Tôi nói và nhìn thấy trán hắn nhăn lại và

tôi biết là mình đã nhầm. Tôi hít vào một hơi dài rồi nói tiếp. – Brad, tại sao anh lại ghét tôi thế?

Hắn nhìn tôi kinh ngạc một lúc lâu rồi sau đó có vẻ bối rối, đoạn hắn mỉm cười:

– Lão già, có thể chỉ bởi vì tôi không thích vẻ mặt của lão. Lão viết gì liên miên thế? Di chúc của lão để thi hành sau khi trứng của lão đã bị thối à?

Brad tò mò tiến đến gần hơn, vươn cổ nhìn lên bàn. Tôi lấy một bàn tay che những trang giấy tôi đã viết, còn với bàn tay kia tôi vội vàng gom những trang còn lại khiến chúng bị nhăn nhúm.

– Thế nào? – Brad nói như nói với một đứa trẻ. – Không ích lợi gì đâu, lão già ạ. Nếu Brad đã muốn nhìn, thì Brad sẽ nhìn. Lão không ngăn cản được đâu.

Bàn tay của hắn, trẻ trung và mạnh mẽ, nắm chặt cổ tay của tôi bóp mạnh. Một cơn đau nhói chạy dọc cả người tôi và tôi rên lên:

– Thả tao ra! – Tôi kêu lên.

– Nếu như lão chỉ cho tôi xem..., – Brad trả lời nhưng hắn không còn cười nữa. Nét mặt của hắn linh hoạt hẳn lên, một sự linh hoạt mà ta thường thấy khi một con người hèn hạ sắp được thỏa mãn trò đùa độc ác của hắn. – Paulie, hãy để cho tôi xem. Tôi muốn biết lão đang viết gì.

– Hãy để ông ấy yên!

Giọng nói vang lên sắc gọn như một ngọn roi quất vào luồng không khí khô nóng... và Brad giật mình, làm như là ngọn roi đó đã quất trúng mõng hắn. Hắn buông tay tôi ra và cả hai chúng tôi quay lại nhìn ra cửa.

Elaine Connelly đang đứng đó, trông khỏe mạnh hơn bao giờ hết. Bà ấy mặc quần jean, rất hợp với cái hông hẹp và đôi chân dài, một sợi ruy băng màu xanh dính trên mái

tóc. Bà ấy bung một cái khay có một ly nước cam, một quả trứng trắng, bánh mì và trà. Đôi mắt của bà lóe lên giận dữ.

– Thế này là thế nào? – Brad hỏi. Ông ấy không được phép ăn ở đây.

– Ông ấy được phép và ông ấy sẽ ăn ở đây. – Elaine nói với giọng khô khan. Tôi chưa bao giờ nghe giọng nói đó. Tôi tìm kiếm vẻ sợ hãi trong đôi mắt của bà ấy nhưng không thấy mà chỉ là sự tức giận. – Còn anh thì hãy biến khỏi nơi đây trước khi có một cơn bão đổ xuống đầu anh!

Brad Dolan bước đến gần Elaine, vẻ ngập ngừng và đồng thời tức tối. Tôi cho đó là một dấu hiệu nguy hiểm nhưng Elaine không hề chớp mắt khi hắn đến gần hơn.

– Tôi cược rằng tôi đã biết kẻ nào đã làm chuông báo cháy reo. – Dolan nói. – Đó chỉ có thể là một mụ phù thủy già với bàn tay đầy móng vuốt. Còn bây giờ thì bà hãy cút đi. Tôi và Paulie chưa xong câu chuyện phiếm của chúng tôi.

– Tên của ông ấy là *Mr. Edgecombe*. – Elaine nói. – Và nếu như tôi còn nghe anh gọi ông ấy là Paulie một lần nữa thì tôi thề là công việc của anh ở Georgia Pines sẽ chấm dứt, Mr. Dolan ạ.

– Bà tự cho mình là ai thế? – Brad hỏi. Hắn đứng cao vượt hơn so với Elaine, cổ mím miệng cười nhưng không làm được.

– Tôi là bà của người đàn ông đang lãnh đạo nghị viện ở Georgia. – Elaine điềm đạm nói. – Người đàn ông ấy rất yêu mến họ hàng của mình, Mr. Dolan ạ. Đặc biệt là những người già cả.

Nụ cười gượng gạo trên gương mặt của Dolan biến mất giống như người ta dùng miếng bọt biển để lau sạch tấm bảng đen. Tôi nhìn thấy sự ngần ngừ lúng túng của Brad Dolan. Hắn không biết là câu nói của Elaine đúng hay sai và sau đó có lẽ hắn đã đi đến một kết luận hợp logic: hắn sẽ

kiểm tra lại và Elaine nên biết điều đó. Đột nhiên tôi phá lên cười, một nụ cười không hẳn là vui vẻ nhưng nhẹ nhõm.

Tôi nhớ lại những lời Percy Wetmore thường đe dọa chúng tôi trong thời kỳ suy thoái, thường nhắc nhở chúng tôi về mối quan hệ đầy thế lực của hắn. Giờ đây, lần đầu tiên kiểu đe dọa ấy lại đến với tôi, nhưng lần này là vì lợi ích của tôi.

Brad Dolan ném cho tôi một cái nhìn giận dữ và quay lại nhìn Elaine.

– Tôi nói sự thật đấy. – Elaine nói. – Lúc đầu tôi đã định nhắc nhở cho anh biết rằng tôi đã già và anh đã làm ngơ. Đối với tôi điều đó cũng không quan trọng, nhưng khi anh đe dọa bạn bè của tôi và ngược đãi họ thì tôi sẽ không ngồi yên. Còn bây giờ thì anh hãy rút đi!

Đôi môi của Brad Dolan run run. Hắn đã định nói một từ gì đó nhưng rồi thôi. Hắn nhìn tôi một lần nữa, sau đó bỏ đi ra.

Tôi thở ra một hơi dài:

– Có thực là cháu của bà là chủ tịch nghị viện không? – Tôi hỏi.

– Điều đó đúng đấy.

– Vậy thì bà làm gì ở đây?

– Là chủ tịch nghị viện nó có thể giải quyết một con gián như Brad Dolan dễ dàng, nhưng điều đó không làm cho nó giàu thêm. – Elaine nói rồi phá lên cười. – Ngoài ra tôi thích chỗ này. Tôi thích bạn bè ở đây.

– Tôi xem đó như là một lời ngợi khen, – tôi nói và nghĩ như thế thật.

– Paul, mọi việc có ổn không? Trông ông có vẻ mệt mỏi lắm. – Elaine nghiêng người trên bàn và vuốt tóc tôi đang xõa trên trán. Những ngón tay của bà xương xẩu, nhưng sự va chạm đó thật tuyệt diệu. Tôi nhắm mắt lại một lúc. Khi tôi mở mắt ra, tôi đã đi đến một quyết định.

– Ổn mà, – tôi nói. – Và tôi sắp xong rồi. Elaine, bà sẽ đọc nó chứ? – Tôi đưa cho Elaine xấp giấy tôi đã viết. Chúng nằm lộn xộn, không theo thứ tự. Dolan đã làm tôi sợ chết khiếp và phải vợ vội những tờ giấy ấy giấu đi, nhưng chúng đã được đánh số và Elaine có thể sắp xếp lại dễ dàng. Bà ấy trầm ngâm nhìn tôi mà không cầm xấp giấy:

– Thực sự ông xong rồi chứ?

– Bà sẽ phải mất một thời gian, có thể là đến chiều để đọc hết chừng ấy. Điều đó có nghĩa là nếu như bà có thể phân loại chúng được.

Đến bây giờ Elaine mới chịu cầm xấp giấy và đưa mắt nhìn nó:

– Ông có nét chữ rất đẹp mặc dù có vẻ như bàn tay ông đã rất mỏi mệt. Tôi sẽ không gặp khó khăn gì khi đọc đâu.

– Có lẽ sau khi bà đã đọc xong phần này thì tôi đã viết đến đoạn cuối rồi. – Tôi nói. – Bà có thể đọc phần sau trong một tiếng rưỡi đồng hồ nữa. Rồi sau đó... nếu như bà vẫn còn thích... tôi sẽ chỉ cho bà xem...

– Nó có liên quan gì đến việc ông đi dạo vào mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều không?

Tôi gật đầu.

Elaine suy nghĩ một lúc lâu rồi gật đầu và đứng lên.

– Tôi sẽ đi ra ngoài trời một lúc, – bà ấy nói. – Sáng nay trời nắng ấm.

– Và con rồng đã bị chế ngự, – tôi nói. – Lần này nhờ một nữ anh hùng.

Elaine mỉm cười và cúi xuống hôn lên đuôi chân mày của tôi vào chỗ thường khiến tôi cảm thấy rạo rực.

– Hy vọng là thế, nhưng theo kinh nghiệm của tôi thì đối với một con rồng như Brad Dolan ta rất khó thoát khỏi nó. – Bà ấy ngẩn ngừ. – Paul, chúc may mắn. Tôi hy vọng

rằng ông sẽ làm được đến kết thúc những gì ông dự định.

– Tôi cũng hy vọng như thế, – tôi nói và nhớ đến John Coffey. *Tôi không thể làm gì được, John đã nói. Tôi đã cố gắng nhưng muộn mất rồi.*

Tôi ăn trứng trắng, uống nước cam và đặt miếng bánh mì sang một bên. Sau đó tôi cầm bút lên và bắt đầu viết, tôi hy vọng là lần cuối cùng.

Một dặm cuối!

2

Vào đêm nọ, khi chúng tôi đưa John Coffey trở về trại E, chúng tôi phải dùng chiếc xe đẩy xác chết. Tôi không tin rằng anh ta có thể tự đi được suốt đường hầm. Việc đi ở tư thế lom khom khó khăn và cần nhiều năng lượng hơn đi thẳng lưng, còn trần đường hầm thì quá thấp so với một gã khổng lồ như Coffey. Tôi không muốn nghĩ đến cảnh anh ta ngã quy ở chỗ đó. Chúng tôi phải giải thích như thế nào khi John thì nằm dưới đường hầm còn Percy thì bị trôi vào chiếc áo trấn lực (Brutal gọi đó là áo dành cho người điên) và bị nhét vào buồng cách ly?

Nhưng chúng tôi còn có cái cáng, tạ ơn Chúa, và John Coffey nằm lên đó như một con cá voi bị mắc cạn trên bờ biển và chúng tôi khiêng anh ta lên từng bậc thang dẫn đến nhà kho. Anh ta bước xuống đầu bậc thang, loạng choạng và đứng đó

với cái đầu cúi gục xuống, thở khó nhọc. Gương mặt anh ta xám xịt. Tôi nghĩ rằng muộn nhất là đến trưa anh ta phải vào nằm ở trạm xá, với điều kiện là anh ta còn sống cho đến lúc đó.

Brutal nhìn tôi bối rối. Tôi đáp lại ánh mắt của anh ta.

– Chúng ta không thể tiếp tục khiêng anh ta, nhưng chúng ta có thể đỡ. – Tôi nói. – Cậu giữ tay phải của anh ta, còn tôi giữ tay trái.

– Còn tôi? – Harry hỏi.

– Cậu đi sau lưng chúng tôi. Nếu hấn ngã ra phía sau thì cậu phải đỡ và đẩy hấn tới trước.

– Còn nếu như cậu không làm được thì cậu hãy xem hấn sẽ ngã xuống chỗ nào và ngồi chờ để cho cú ngã của hấn được nhẹ nhàng hơn. – Brutal nói tiếp.

– Ồ, – Harry nói. – Anh có thể làm hề ở gánh xiếc đấy.

– Đúng vậy, tôi rất thích đùa. – Brutal đồng tình.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng đưa được John lên hết bậc thang. Nỗi lo lớn nhất của tôi rằng anh ta có thể ngã xuống bất tỉnh, nhưng may mắn là điều đó không xảy ra.

– Cậu đi vòng qua tôi và xem trong nhà kho có người hay không. – Tôi quay lại nói với Harry.

– Thế tôi sẽ nói gì nếu như có ai ở đó? Rằng tôi vừa đi dạo chơi ngoài đồng và quay trở về à?

– Cậu không phải là thầy bói. – Brutal gầm gừ.

Harry khẽ đẩy cánh cửa và thò đầu vào. Tôi cảm thấy thời gian dài như vô tận. Cuối cùng anh ta rút đầu lại và vui mừng nhìn chúng tôi:

– Bầu không khí trong lành và yên tĩnh.

– Hy vọng rằng nó sẽ tiếp tục như thế. – Brutal nói. – Nào, John Coffey, đến nơi rồi!

John thu hết sức lực để đi băng ngang qua nhà kho,

nhưng chúng tôi phải đỡ anh ta bước lên ba bậc thang dẫn đến văn phòng của tôi và đẩy anh ta qua khung cửa nhỏ hẹp. Khi anh ta đứng lên, chúng tôi nghe anh ta thở khó nhọc và đôi mắt mờ đục. Tôi kinh hoàng nhận thấy khóe miệng bên phải của anh ta trề xuống giống như miệng của Melinda khi chúng tôi bước vào phòng và bà ấy đang ngồi trên giường, lưng tựa vào đồng gối. Dean nghe tiếng của chúng tôi và rời bực canh, bước đến.

– Tạ ơn Chúa! Tôi đã nghĩ các cậu sẽ không bao giờ trở lại. Tôi nghĩ các cậu bị tóm rồi hoặc là ngài giám đốc đã cho các cậu một viên đạn vào... – Anh ấy chợt im lặng khi nhìn thấy John. – Cái gì xảy ra với hấn thế? Trông hấn như một người đã chết!

– Anh ta không chết... ồ, John? – Brutal hỏi và đưa mắt ra hiệu cho Dean.

Dean thốt lên một tiếng cười ngắn:

– Nhưng mà...

– Thôi, hãy để đấy, – tôi nói. – Hãy giúp chúng tôi đưa anh ta vào xà lim.

Một lần nữa trông chúng tôi lại giống như những ngọn đồi bao quanh một quả núi là John Coffey, nhưng lần này là một quả núi đã bị xâm thực hàng triệu năm, tiêu điều, xơ xác. John Coffey chậm chạp bước, thở khò khè như một ông già đã hút thuốc quá nhiều, nhưng anh ta vẫn bước.

– Còn Percy thế nào? – Tôi hỏi. – Hấn có làm âm i không?

Dean đáp:

– Lúc đầu thì có. Hấn cố gào lên qua miếng băng dính dán ở miệng. Hình như là hấn chửi rửa gì đó.

– Thật may mắn là những cái tai nhạy cảm của chúng tôi đang ở chỗ khác. – Brutal nói.

– Từ lúc đó chỉ thỉnh thoảng có vài cú đập vào cửa.

Dean có vẻ nhẹ nhõm khi thấy chúng tôi quay trở lại và anh ấy nói lép bép một hồi. Cặp kính của anh ấy xệ xuống chóp mũi ướt đẫm mồ hôi. Dean kéo kính lên. Chúng tôi đi ngang qua xà lim của Wharton. Gã thanh niên vô dụng ấy nằm ngửa trên tấm ván và ngáy vang trời. Bây giờ đôi mắt của hắn đã nhắm lại. Dean nhìn thấy ánh mắt của tôi và bật cười:

– Không có vấn đề gì với gã này. Từ khi đặt lưng lên giường, hắn không cựa quậy gì nữa. Mê man. Còn những cú đập của Percy vào cửa thì không làm phiền gì tôi. Thành thật mà nói, tôi còn vui mừng vì điều đó. Nếu hắn không gây ra tiếng động, có lẽ tôi sẽ sợ hãi vì nghĩ hắn bị chết ngạt rồi. – Anh ấy vui mừng như một đứa trẻ. – Chúng ta không bị tóm! Chúng ta đã thoát rồi!

Nói đến đó, Dean sực nhớ lại mục đích của chúng tôi và anh ấy hỏi thăm về Melinda.

– Bà ấy khỏe rồi. – Tôi nói. Chúng tôi đi đến xà lim của John Coffey. Những gì Dean vừa nói cũng là những điều chúng tôi đang nghĩ *“Chúng ta không bị tóm! Chúng ta đã thoát rồi”*.

– Thế... chuyện xảy ra như thế nào... có giống như với con chuột hay không? – Dean hỏi. Anh ấy nhìn nhanh về xà lim trống rỗng của Delacroix và Mr. Jingles, sau đó nhìn phòng cách ly, nơi lần đầu tiên con chuột bò ra. Anh ấy hạ giọng, khe khẽ nói như khi người ta bước vào nhà thờ. – Có phải đó là... – Anh ấy nuốt nước bọt. – Anh nói đi... có phải đó là một phép mầu?

Cả ba chúng tôi đưa mắt nhìn nhau và khẳng định những điều chúng tôi đã chứng kiến.

– Vâng, anh ta đã kéo bà ấy ra khỏi mộ. – Harry nói. – Đó là một phép mầu. Đúng như vậy đấy.

Brutal mở hai ổ khóa của xà lim, đẩy cửa rộng ra và nhẹ nhàng đỡ John vào:

– Anh bạn to lớn, anh hãy nằm nghỉ một lúc. Anh đáng phải được nghỉ ngơi. Chúng tôi đi giải quyết Percy rồi...

– Đó là một con người độc ác. – John Coffey nói với giọng khàn khàn, yếu ớt.

– Đúng như thế, độc ác như một mụ phù thủy. – Brutal đồng tình. – Nhưng anh không phải lo lắng. Chúng tôi sẽ không để hấn đến gần anh. Anh hãy nằm nghỉ và tôi sẽ đi lấy cho anh một tách cà phê, thật nóng và thật đặc. Anh sẽ cảm thấy dễ chịu như vừa mới được sinh ra.

John nặng nề ngồi xuống tấm ván. Tôi ngỡ rằng anh ta sẽ nằm xuống, mặt quay vào tường như mọi khi, nhưng anh ta vẫn ngồi, tay bó gối, thở nặng nhọc. Chiếc mặt dây chuyền hình Thánh Christophorus mà Melinda đã tặng lủng lẳng, đong đưa trước ngực anh ta. “Ngài sẽ bảo vệ cho anh”, Melinda đã nói với John như thế, nhưng trông John không có vẻ gì được bảo vệ. Nhìn anh ta, chúng tôi có cảm tưởng như anh ta vừa bước vào mộ thay thế cho Melinda.

Nhưng trong giây phút này, tôi không có thời gian để nghĩ ngợi về John Coffey.

Tôi quay lại nhìn các cộng sự:

– Dean, hãy lấy súng và dùi cui của Percy ra!

– Okay.

Dean đi đến bọc canh, mở ngăn kéo, lấy khẩu súng ngắn và cây dùi cui ra, rồi quay trở lại.

– Sẵn sàng? – Tôi hỏi. Những chàng trai của tôi, những chàng trai tốt và tôi chưa bao giờ tự hào về họ như vào đêm hôm ấy, gật đầu. Harry và Dean có vẻ căng thẳng; Brutal vẫn vững vàng như mọi khi. – Okay, tôi sẽ nói, còn các cậu thì càng nói ít càng tốt... và chúng ta sẽ kết thúc mọi chuyện...

tốt hoặc xấu thì chưa biết. Đồng ý?

Họ lại gật đầu. Tôi hít vào một hơi dài rồi bắt đầu bước đi trên hành lang màu xanh lá đến buồng cao su.

Percy nhấp nháy mắt nhìn lên khi ánh sáng chiếu vào. Hắn ngồi xổm trên nền nhà và liếm mảnh băng dính mà tôi đã dùng để dán miệng hắn lại. Phần băng dính dán vòng qua sau đầu của Percy đã bung ra (có lẽ do mồ hôi và pomade hắn thường dùng để vuốt tóc), và chẳng bao lâu nữa thì hắn đã tự giải thoát khỏi lớp băng dính. Chỉ một giờ nữa thôi, hắn sẽ gào lên để kêu cứu.

Hắn đẩy hai chân để lùi lại khi chúng tôi bước vào. Sau đó thì hắn dừng lại khi nhận ra rằng mình đã đến gần sát góc phòng. Hắn là một kẻ độc ác, nhưng không hoàn toàn ngu ngốc.

Tôi cầm khẩu súng và cây dùi cui Dean vừa đưa, chìa ra trước mặt Percy.

– Mày muốn lấy lại không, Percy?

Hắn nhìn tôi ngờ vực, đoạn gật đầu.

– Brutal, Harry, – tôi nói. – Đỡ hắn đứng lên!

Họ cúi xuống, túm lấy hai tay áo trấn lực và kéo hắn lên. Tôi bước đến gần cho đến khi mũi của chúng tôi gần chạm vào nhau. Tôi ngửi thấy mùi mồ hôi chua chua của hắn. Hình như hắn đã đổ khá nhiều mồ hôi để tự giải thoát khỏi lớp băng dính và để đạp chân vào cửa, nhưng tôi tin rằng phần lớn mồ hôi của hắn đã tuôn ra vì sợ hãi: nỗi sợ hãi trước những gì chúng tôi có thể làm với hắn khi chúng tôi quay trở lại.

Họ sẽ không làm gì mình, họ không phải là những kẻ giết người, có lẽ Percy đã tự nhủ như thế... nhưng rồi hắn chợt nhớ đến “Già Sparky” và hắn chợt nghĩ về một phương diện nào đó, chúng tôi cũng là những kẻ giết người. Bản thân tôi đã

thì hành án tử hình bảy mươi bảy người. Số người chết dưới tay tôi nhiều hơn là nạn nhân của từng tên tội phạm, nhiều hơn là hạ sĩ York đã giết trong cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ I và nhờ đó ông ta đã được thưởng huân chương. Việc giết Percy là không logic, nhưng chúng tôi đã hành động không logic trước đó rồi. Chính vì vậy hấn cố tìm cách giải thoát khỏi lớp băng dính đang bịt miệng. Ngoài ra, hình như người đang bị quán trong chiếc áo trấn lực, ngồi xổm trong buồng cao su giống như một con ruồi đang mắc trong mạng nhện không thể nào suy nghĩ hợp logic được. Nếu bây giờ tôi không chế ngự được hấn thì sẽ không bao giờ tôi làm được việc đó.

– Tao sẽ gỡ miếng băng dính ra khỏi miệng mày nếu như mày hứa sẽ không la hét. Tao muốn nói chuyện với mày chứ không phải là la hét. Thế nào? Mày sẽ lặng yên chứ?

Tôi nhìn thấy vẻ nhẹ nhõm trong đôi mắt hấn. Có lẽ hấn nghĩ hấn sẽ có cơ hội thoát khỏi chốn này khi tôi chỉ định nói chuyện với hấn. Hấn gật đầu.

– Nếu mày làm âm ỹ, tao sẽ dán băng dính vào miệng mày một lần nữa, – tôi nói. – Mày hiểu chưa?

Lại gật đầu, nhưng lần này có vẻ sốt ruột.

Tôi nắm chỗ băng dính hấn đã làm bung ra, kéo mạnh. Có tiếng kêu “soạt”. Brutal co người lại. Percy thét lên vì đau và đưa tay lên chà chà môi. Hấn đã định nói, nhưng chợt nhận thấy không thể làm việc ấy với bàn tay đang bịt miệng nên bỏ tay ra.

– Hãy bỏ chiếc áo điên khùng này ra, đồ khốn!– Percy nghiêng răng nói.

– Một phút nữa, – tôi đáp.

– *Ngay lập tức! Làm ngay! Đồ...*

Tôi tát vào mặt hấn. Điều đó xảy ra trước khi tôi kịp nhận thức được hành động của mình... Nhưng hình như tôi đã

biết trước rằng điều đó *có thể* xảy ra. Thậm chí ngay từ lúc nói chuyện với giám đốc Moores khi ông ấy khuyên tôi nên để cho Percy chỉ huy cuộc hành hình Delacroix, tôi đã biết điều đó *có thể* xảy ra. Bàn tay của con người cũng như của một con thú, chỉ có thể kềm chế một nửa, phần lớn nó khá hiền hòa, nhưng đôi khi nó sẽ cắn vào bất cứ thứ gì đập vào mắt nó trước tiên.

Tiếng động ấy vang lên như cành cây gãy. Dean há miệng hớp không khí. Percy kinh ngạc nhìn tôi và đôi mắt của hắn trợn trừng như muốn lọt ra ngoài. Miệng hắn há ra, rồi ngậm lại, rồi lại há ra, ngậm lại như một con cá trong bể chứa.

– Hãy cầm mồm và nghe tao nói đây! – Tôi nói. – Mày đáng bị trừng phạt vì những gì mày đã làm với Del và chúng tao đã cho mày những gì mày đáng được hưởng. Đây là khả năng duy nhất để trừng phạt mày, tất cả chúng tao đều nghĩ như thế, ngoại trừ Dean. Hắn cũng phải đồng ý, bởi vì chúng tao sẽ làm cho hắn phải hối hận nếu chống lại chúng tao. Có phải thế không, Dean?

– Vâng, – Dean thì thào, gương mặt của anh ấy tái nhợt. – Đúng như vậy.

– Và bọn tao sẽ khiến cho mày hối hận vì đã trót được sinh ra, – tôi nói tiếp. – Bọn tao sẽ làm sao cho mọi người biết mày đã phá hoại cuộc hành hình của Delacroix như thế nào...

– *Phá hoại...!*

– ... Và vì lỗi của mày mà Dean suýt chết. Bọn tao sẽ tung tin sao cho mày đến chỗ nào cũng bị tẩy chay, bất cứ chỗ nào mà ông dưỡng của mày đã sắp đặt cho mày.

Percy lắc đầu quầy quậy. Hắn không tin, không thể tin được. Năm ngón tay của tôi in dấu rõ ràng trên gương mặt của hắn.

– Ngoài ra bọn tao sẽ làm sao để mày bị đập gấn chết. Bọn tao không cần tự tay làm đâu. Bọn tao cũng có những mối quan hệ. Percy, mày quá ngu đến nỗi không biết được điều ấy hay sao? Họ không ngồi ở thủ phủ bang, nhưng họ biết cách thu xếp mọi việc. Đó là những người có cha, anh em, bạn bè ở chốn này. Họ sẽ rất vui lòng thiến hoặc theo dõi một thằng chó chết như mày. Họ sẽ làm điều đó để cho người mà họ yêu quý được đi dạo thêm trong sân ba giờ đồng hồ mỗi tuần.

Percy đã ngưng lắc đầu. Giờ đây hắn chỉ nhìn tôi trân trối. Mắt hắn long lanh, nhưng hắn không khóc. Tôi nghĩ rằng đó là những giọt nước mắt tức tối hoặc sợ hãi. Hay là tôi chỉ quá hy vọng mà thôi?

– Okay... bây giờ thì hãy nhìn vào mặt tích cực, Percy. Tao cho rằng môi của mày có bị rách chút đỉnh sau khi tao tháo băng dính ra, nhưng ngoài ra thì... không có thiệt hại gì, ngoại trừ... một chút tự ái của mày..., nhưng không có ai trong nhà tù này biết chuyện xảy ra giữa chúng ta, ngoại trừ những người có mặt ở đây. Chúng ta sẽ không nói cho ai nghe cả, đúng không, các anh?

Họ gật đầu mạnh mẽ. Brutal nói:

– Tất nhiên là không. Chuyện gì xảy ra ở *Dặm Xanh* sẽ ở lại *Dặm Xanh*. Luôn luôn như thế.

– Mày sẽ đến Briar Ridge, và cho đến lúc đó bọn tao sẽ để mày yên, – tôi nói. – Mày có đồng ý không, hay là mày muốn thưởng thức một cuộc thử thách?

Tiếp tục theo sau là sự im lặng nặng nề trong khi hắn suy nghĩ. Tôi có thể nhìn thấy những bánh răng nhỏ xíu quay trong đầu của hắn trong khi hắn cân nhắc nhiều khả năng và tôi cho rằng có một yếu tố đã ảnh hưởng đến quyết định của hắn: miếng băng dính đã được tháo nhưng hắn vẫn còn bị

trời trong áo trấn lực và có lẽ hẳn phải đi tiểu gấp.

– Thôi được, – Percy nói. – Chúng ta xem như việc này đã giải quyết xong. Hãy bỏ chiếc áo diên khùng này ra cho tao. Hai vai của tao gần tê liệt rồi.

Brutal bước tới, đẩy tôi sang một bên và dùng bàn tay to lớn của anh ta bóp mặt của Percy, những ngón tay ấn mạnh với má bên phải trong khi ngón tay cái bấm vào má bên trái.

– Vài giây nữa thôi, – Brutal nói. – Mà hãy nghe tao đây. Paul là sếp lớn ở đây và vì thế ông ấy phải ăn nói lịch thiệp.

Tôi cố nhớ lại những lời tôi vừa nói với Percy có vẻ lịch thiệp không nhưng không thấy. Dù vậy tôi nghĩ tốt hơn hết là nên im miệng. Percy đã có vẻ bị khuất phục và tôi không muốn phá hỏng việc.

– Những người ở đây không hiểu rằng lịch thiệp đôi khi không đồng nghĩa với nhân nhượng, vì thế tao phải nhúng tay vào. Tao không phải là người lịch thiệp. Tao nói thẳng mọi chuyện và bây giờ tao muốn nói thẳng: nếu như mày không giữ lời hứa thì mày sẽ bị trừng phạt. Chúng tao sẽ đi. Mày ở bất cứ chỗ nào có thể được. Mày không thể trốn thoát khỏi bọn tao. Chúng tao sẽ tìm ra mày. Dù có phải tìm mày ở tận nước Nga chúng tao cũng sẽ tìm ra và lúc đó thì mày sẽ phải hối hận vì đã được sinh ra. Mày hiểu ý tao không?

Percy gật đầu. Với bàn tay của Brutal bóp vào hai má, trông Percy rất giống lão già Toot-Toot. Brutal buông hẳn ra và bước lui lại. Tôi gật đầu với Harry. Harry bước tới và tháo sợi dây cột sau lưng.

– Mày hãy nhớ đấy, Percy. – Harry nói. – Và hãy để cho mọi chuyện đi vào quá khứ.

Tất cả theo đúng kế hoạch. Ba người dàn ông trong bộ

đồng phục màu xanh dương... nhưng không hiểu sao tôi vẫn cảm thấy âu lo, tuyệt vọng. Có thể hán sẽ giữ mồm giữ miệng một ngày hoặc một tuần lễ và suy nghĩ nhiều khả năng xảy ra, nhưng cuối cùng có hai vấn đề sẽ liên kết lại với nhau: lòng tin vào các mối quan hệ đầy thế lực và sự cao ngạo, không chấp nhận mình là kẻ thua cuộc. Nếu như điều đó xảy ra thì hán sẽ phun nọc độc. Có thể chúng tôi đã giúp đỡ và cứu sống Melly Moores bằng việc đưa John đến gặp bà ấy, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng thua cuộc. Ngoài việc giết chết Percy, chúng tôi không còn khả năng nào khác để buộc hán im lặng khi hán ra đi và sẽ quay trở lại.

Tôi nhìn Brutal đang đứng cạnh bên và đọc thấy trong mắt anh ta những suy nghĩ cũng như tôi. Điều đó không có gì lạ. Anh ta nhún vai như muốn nói: *Thì sao nào, Paul? Chúng ta đã làm hết mức những gì chúng ta phải làm rồi.*

Vâng, thôi thì hãy để mọi việc diễn ra theo ý Chúa. Harry tháo sợi dây nịt cuối cùng của chiếc áo trấn lực. Percy nhăn mặt, vừa ghê tởm vừa giận dữ và hất chiếc áo xuống đất. Hán không thèm nhìn ai trong chúng tôi, không nhìn thẳng vào mặt thì đúng hơn. Hán nói:

– Hãy trả lại súng và dùi cui cho tao!

Tôi đưa cho hán súng và dùi cui.

– Percy, nếu mày suy nghĩ lại...

–Ồ, tao sẽ làm, – hán nói và đi ngang qua tôi. – Tao sẽ suy nghĩ rất cẩn kẽ. Tao đã bắt đầu suy nghĩ rồi đây. Bây giờ tao đi về. Đến cuối ca bọn mày nhớ bấm thẻ cho tao. – Hán đi đến cửa buồng cao su rồi quay lại nhìn chúng tôi. Hán nhìn chúng tôi với vẻ giận dữ pha lẫn chút khinh miệt, một sự pha trộn chết người cho kế hoạch giữ bí mật mà những thằng đàn như chúng tôi hy vọng vào. – Dĩ nhiên chỉ trừ khi chúng mày muốn giải thích vì sao tao ra về sớm hơn.

Hắn rời khỏi buồng giam và chậm chạp bước đi trên hành lang màu xanh lá, trong cơn tức giận quên mất vì sao *Dặm Xanh* lại được thiết kế rộng như thế. Hắn đã phạm sai lầm này một lần và đã thoát. Hắn sẽ không thoát được một lần nữa. Tôi đi theo hắn ra đến cửa và suy nghĩ nên nói như thế nào để hắn dịu xuống. Tôi không muốn hắn rời trại E trong tình trạng người muốt mồ hôi, đầu tóc rối bù với dấu tay của tôi còn hằn đỏ trên má như thế. Ba người kia đi sau tôi.

Những gì sau đó diễn ra rất nhanh – chỉ khoảng một phút hoặc thậm chí ít hơn – nhưng cho đến tận bây giờ tôi vẫn nhớ rõ từng chi tiết, có lẽ bởi vì sau đó, khi về đến nhà, tôi đã kể lại cho Janice nghe tất cả. Những gì xảy ra sau đó: Curtis Anderson đến trại E lúc mờ sáng, cuộc điều tra của tòa án, cuộc họp báo do Hal Moores tổ chức (dĩ nhiên là lúc đó ông ấy đã quay lại làm việc), và cuối cùng là ủy ban điều tra từ thủ đô đến, tất cả những cái đó đã phai nhạt dần trong trí nhớ của tôi theo năm tháng. Thế nhưng tôi lại nhớ rất rõ những gì xảy ra trên hành lang màu xanh của trại tử tù. Percy, đầu cúi xuống, chậm chạp bước trên hành lang, hơi chệch sang bên phải và tôi có thể khẳng định một điều: không một tù nhân bình thường nào có thể chạm được vào người hắn. Nhưng John Coffey không phải là một người bình thường và cánh tay của anh ta dài như sải cánh của một con chim đại bàng. Tôi nhìn thấy hai cánh tay màu nâu chột chột ra ngoài song sắt và chỉ kịp hét lên:

– Percy, cẩn thận!

Percy ngoảnh đầu lại, tay trái đặt lên cán dùi cui. Sau đó, hắn bị chụp lấy và lôi đến sát xà lim của John Coffey, một bên mặt của hắn đập mạnh vào song sắt xà lim. Hắn kêu thét lên và cố vùng vẫy, nhưng Coffey giữ chắc hắn, gương mặt anh ta ép vào khe hở giữa hai song sắt mạnh đến nỗi như muốn đứt, lọt cái đầu ra ngoài. Dĩ nhiên là không thể được, nhưng trông

có vẻ như thế. Bàn tay phải của anh ta cặp cổ Percy và kéo đầu hắn cúi về phía trước. Percy đánh mạnh dùi cui vào giữa song sắt và trúng thái dương của Coffey. Máu chảy ra, nhưng Coffey không hề chú ý đến. Anh ta áp môi vào đôi môi của Percy. Tôi nghe có tiếng rít tựa như người đang thở hắt ra một hơi dài. Percy vùng vẫy như một con cá bị mắc vào lưới câu, cố tìm cách thoát nhưng hắn không làm được. Bàn tay phải của Coffey giữ chặt gáy của Percy, gương mặt của họ áp vào nhau như của hai người yêu nhau đang hôn nhau say đắm qua khe hở của chấn song sắt xà lim.

Percy kêu lên, tiếng kêu nghen lại như bị cản bởi lớp băng dính, và định vùng ra. Đôi môi của họ rời nhau một chút và tôi nhìn thấy một luồng khí chứa những con vật bé li ti màu đen từ miệng của Coffey tuôn vào miệng của Percy Wetmore. Những gì không bay vào miệng với đôi môi đang run rẩy của Percy thì bay vào hai lỗ mũi. Sau đó bàn tay đang giữ chặt gáy của Percy nới ra rồi lại kéo đầu Percy để áp miệng hắn vào miệng của John. Bàn tay trái của Percy xò ra, thả rơi cây dùi cui yêu thích của hắn xuống lớp vải sơn trải sàn màu xanh lá. Percy không bao giờ nhặt nó lên nữa.

Tôi cố gắng nhảy tới, hoặc có thể là tôi đã nhảy tới, nhưng hình như tôi đã bị tê liệt. Tôi định rút súng ra, nhưng nó bị giữ chặt trong bao bởi một sợi dây da. Hình như nền đất dưới chân tôi rung rinh như đã xảy ra trong căn nhà nhỏ của giám đốc Moores. Tôi không chắc chắn lắm, nhưng một bóng đèn được chụp trong một lồng sắt đã nổ khiến mảnh vụn thủy tinh bay lá tả. Harry thét lên kinh hoàng.

Cuối cùng thì tôi cũng mở được dây khóa khẩu súng nhưng trước khi tôi rút được khẩu súng ngắn ra khỏi bao thì John Coffey đã đẩy Percy ra và bước trở vào xà lim. Anh ta nhả mặt như vừa ném phải một món gì rất khó nuốt.

– Hắn đã làm gì thế, Paul, hắn đã làm gì thế? –

Brutal kêu lên.

– Không biết anh ta đã hút ra từ Melly thứ gì, nhưng bây giờ thì Percy đã phải nhận lấy. – Tôi đáp.

Percy đứng tựa lưng vào xà lim trước đây của Delacroix. Đôi mắt của hắn mở to, vô hồn như hai con số không. Tôi thận trọng nhích đến gần Percy và đoán rằng hắn sẽ ho và bị nghẹt thở như John Coffey lúc trước, nhưng không phải thế. Hắn chỉ đứng yên. Tôi đưa bàn tay lên ngang mắt Percy:

– Percy! Đây, Percy!

Không có phản ứng gì cả. Brutal bước đến bên tôi và đưa hai bàn tay lên trước gương mặt vô hồn của Percy.

– Không ích gì đâu. – Tôi nói.

Nhưng Brutal làm ngơ và vỗ tay hai lần ngay trước mũi Percy và điều đó đã có tác dụng, hay trông có vẻ là như thế. Percy chớp chớp mắt rồi nhìn quanh, đờ đẫn như người vừa trúng một cú đấm vào đầu và đang cố định thần. Hắn nhìn Brutal rồi nhìn sang tôi. Sau bao nhiêu năm, tôi tin chắc rằng lúc đó hắn đã không nhận ra ai cả, còn bây giờ, tôi cứ ngỡ rằng hắn đã tỉnh lại. Hắn lùi ra khỏi các chấn song sắt xà lim và hơi loạng choạng. Brutal đưa tay định đỡ:

– Chậm thôi, Percy! Ổn rồi chứ?

Percy không trả lời. Hắn bước đi ngang qua Brutal về hướng bức canh. Hắn không còn loạng choạng, nhưng bước hơi chệch sang bên trái.

Brutal định nắm tay Percy nhưng tôi ngăn lại:

– Cứ để hắn yên. – Tôi nói.

Không hiểu liệu tôi có nói như thế nếu tôi biết điều gì sắp xảy ra? Tôi đã tự hỏi hàng ngàn lần câu ấy từ mùa thu năm 1932 và không bao giờ có thể tự trả lời được. Percy bước đi khoảng mười hai hoặc mười bốn bước. Sau đó hắn dừng lại, đầu cúi xuống. Percy đang đứng trước xà lim của Wild Bill

Wharton. Wharton vẫn đang ngáy âm ỉ. Y đã ngủ say trong suốt thời gian xảy ra sự việc. Y ngủ say và đi thẳng vào cái chết. Bây giờ, khi nhớ lại những ngày ấy, tôi nhận thấy Wharton may mắn hơn phần lớn những người đàn ông đã kết thúc cuộc đời mình ở trại E. Hiển nhiên là y may mắn hơn họ rất nhiều. Trước khi chúng tôi biết được điều gì xảy ra, Percy rút súng ra, bước đến sát song sắt xà lim và bắn hết băng đạn vào người đàn ông đang nằm ngủ. Tất cả là sáu viên đạn. Peng-peng-peng, peng-peng-peng, nhanh với tốc độ tối đa theo khả năng của hắn. Tiếng súng nổ vang dội trong dãy xà lim kín mít chói tai. Sáng hôm sau, khi thuật lại câu chuyện cho Janice nghe, hầu như tôi không thể nghe được giọng nói của mình, làm như tiếng súng vẫn còn vang trong tai tôi.

Chúng tôi chạy tới, cả bốn chúng tôi. Dean đến cạnh Percy trước tiên. Tôi không biết làm sao anh ấy chạy nhanh được như thế bởi vì anh ấy đang đứng sau lưng tôi và Brutal. Dean nắm chặt khuỷu tay của Percy và định tước khẩu súng, nhưng điều đó không cần thiết. Percy đã thả rơi khẩu súng xuống nền. Ánh mắt của hắn nhìn lướt qua chúng tôi như đôi giày trượt tuyết lướt trên mặt băng. Có một tiếng kêu rit lên và mùi nước tiểu nồng nặc khi Percy xả hết nước trong bọng đái ra và sau đó là một mùi hôi thối nồng nặc hơn khi hắn ị trong quần. Ánh mắt của hắn nhìn dọc theo hành lang. Đó là đôi mắt không bao giờ còn nhận ra thế giới chung quanh mình nữa. Vào đầu câu chuyện tôi đã viết rằng Percy ở Briar Ridge lúc Brutal chỉ cho tôi xem những mảnh vụn của cái trục gỗ của Mr. Jingles trên cây đà và không phải là tôi đã nói dối. Hắn không bao giờ có được văn phòng với cái quạt máy đặt ở một góc, hắn cũng không bao giờ có những bệnh nhân tâm thần để hắn hành hạ thỏa thích, nhưng tôi có thể tưởng tượng rằng ít nhất hắn cũng có một căn phòng riêng. Dù sao hắn cũng có các mối quan hệ. Wharton nằm quay lưng vào

tường. Tôi không nhìn thấy gì ngoài máu, rất nhiều máu. Máu chảy ướt tẩm ván và nhỏ giọt trên nền xi măng. Những người khám nghiệm tử thi cho tôi biết rằng Percy đã bắn như một tay thiện xạ. Khi tôi nhớ lại câu chuyện của Dean kể việc Percy đã dùng cây dùi cui ném suýt trúng đầu con chuột thì tôi không ngạc nhiên về điều này. Lần này khoảng cách ngắn hơn và mục tiêu lại không di động. Một viên đạn bắn trúng bụng dưới, một viên trúng ngay bụng, một vào ngực và ba viên vào đầu. Brutal ho sặc sụa và quơ tay qua lại để xoa khói súng. Tôi cũng ho nhưng không nhận thấy điều đó.

– Thế là xong! – Brutal nói. Giọng nói của anh ta nghe bình thản nhưng ánh mắt lộ vẻ kinh hoàng.

Tôi quay lại nhìn dọc theo hành lang và thấy John Coffey đang ngồi cuối tẩm ván. Hai bàn tay của anh ta vòng qua ôm đầu gối nhưng đầu ngẩng lên và trông anh ta không có gì là bệnh hoạn cả. Anh ta khẽ gật đầu với tôi và tôi kinh ngạc, giống như vào ngày anh ta bị giải đến trại E và tôi đã chìa tay cho anh ta bắt. Tôi kinh ngạc nhận thấy mình cũng gật đầu đáp lại.

– Chúng ta làm thế nào bây giờ? – Harry lấp bắp. – Ôi lạy Chúa, Paul, chúng ta làm gì, chúng ta làm gì đây?

– Chúng ta không thể làm gì cả. – Brutal điềm đạm nói. – Đến lượt chúng ta rồi. Đúng không, Paul?

Bộ óc của tôi làm việc rất nhanh. Tôi nhìn Harry rồi nhìn Dean. Cả hai nhìn tôi như hai đứa trẻ đang sợ hãi. Tôi nhìn Percy đang đứng cúi đầu, hai tay buông thõng xuống. Sau đó tôi nhìn sang anh bạn Brutus Howell vô cùng thân thiết.

– Không có chuyện gì xảy ra cho chúng ta cả. – Tôi nói.

Percy bắt đầu ho. Hắn cúi người xuống, hai tay chống lên đầu gối đang run run. Gương mặt của hắn đỏ bừng. Tôi há miệng định bảo những người khác lùi lại nhưng không thốt

nên lời. Percy hét lên một tiếng, miệng há ra và khạc ra một đám mây những con vật bé nhỏ li ti. Chúng nhiều đến nỗi trong một lúc chúng tôi không nhìn thấy đầu của Percy. Harry thốt lên yếu ớt:

– Lay Chúa che chở chúng con!

Đám mây màu đen dần dần biến thành trắng như màu của tuyết dưới ánh nắng mặt trời tháng giêng, sau đó biến mất. Percy chậm chạp đứng thẳng người lên và đưa cặp mắt vô hồn nhìn dọc theo hành lang.

– Chúng ta không nhìn thấy gì cả, – Brutal nói. – Đúng không, Paul?

– Đúng vậy. Tôi không thấy gì và cậu cũng không thấy gì. Cậu có nhìn thấy gì không. Harry?

– Không, – Harry nói.

– Còn Dean?

– Thấy gì cơ? – Dean gỡ cặp kính đang đeo xuống và bắt đầu lau. Tôi ngỡ rằng với bàn tay run rẩy như thế anh ấy sẽ đánh rơi nó xuống nhưng anh ấy vẫn còn giữ được.

“Thấy gì cơ?”, điều đó rất tốt. Đó là con bài của chúng tôi. Nào bây giờ hãy lắng nghe tôi đây, các bạn thân mến, và hãy ghi nhớ những gì tôi nói bởi vì chúng ta không còn thời gian nữa. Đó là một câu chuyện đơn giản và chúng ta không nên để nó trở thành phức tạp...

3

Tôi đã thuật lại cho Janice tất cả những gì đã xảy ra vào khoảng mười một giờ ngày hôm ấy – tôi đã suýt viết *ngày hôm sau*, nhưng dĩ nhiên là vẫn trong một ngày. Không nghi ngờ gì nữa, đó là ngày dài nhất trong cuộc đời tôi. Tôi thuật lại cặn kẽ, đúng như những gì tôi đã viết ra đây và kết thúc với cảnh tượng William Wharton nằm trên tấm ván với sáu vết đạn.

Không, điều đó không đúng. Tôi kết thúc câu chuyện với cảnh tượng Percy khắc ra những con vật bé nhỏ li ti như côn trùng hoặc thứ gì đó tương tự. Thật khó tả lại cảnh tượng đó, ngay cả với vợ của mình, nhưng dù sao tôi cũng kể. Trong khi tôi thuật lại câu chuyện, Janice đưa cho tôi tách cà phê chỉ rót được đến một nửa. Hai bàn tay tôi run lẩy bẩy đến nỗi tôi không thể cầm tách cà phê đầy mà không làm sánh ra ít nhiều. Sau khi kể xong câu chuyện, tôi đã bớt run rẩy và cảm thấy có thể ăn được một chút gì đấy, một quả trứng hoặc một đĩa xúp chẳng hạn.

– Điều may mắn là bọn anh không phải nói dối. Không ai phải nói dối cả.

– Chỉ đơn giản là bỏ bớt đi một số tình tiết, – Janice nói và gật đầu. – Chủ yếu là những chi tiết nhỏ nhặt, thí dụ như các anh đã đưa một tên tù can tội sát nhân và đã bị kết án tử hình ra khỏi nhà tù và hẳn đã chữa lành cho một người phụ nữ đang nằm chờ chết, cũng như việc hẳn đã làm cho

Percy Wetmore phát điên?

– Anh không biết, Jan ạ, – tôi nói. – Anh chỉ biết một điều rằng nếu em cứ tiếp tục nói với kiểu ấy thì hoặc là em sẽ ăn xúp một mình hoặc là phải cho chó ăn.

– Em xin lỗi, nhưng em đã nói đúng, phải không?

Tôi nói:

– Đúng vậy. Ngoài ra bọn anh đã không bị phát hiện khi đưa... – biết nói như thế nào nhỉ? Người ta không thể gọi rằng giải thoát cho tù nhân, còn đi dạo bên ngoài khi đang ở tù cũng không được. – ... khi đưa hấn đi dạo về miền quê. Ngay cả Percy cũng không thể kể lại nếu như hấn hồi phục.

– Nếu như hấn hồi phục..., điều đó nghe thật mơ hồ. – Janice nói.

Tôi lắc đầu ra ý bảo tôi không hiểu, tôi không thể đoán biết được điều gì. Tôi không thể biết được bao giờ hấn hồi tỉnh: vào năm 1932, hay năm 42 hoặc năm 52. Về điểm này thì tôi có lý. Percy Wetmore ở bệnh viện tâm thần Briar Ridge cho đến năm 1944, khi bệnh viện phát cháy. Mười bảy bệnh nhân đã chết trong trận cháy ấy nhưng không có Percy. Hấn được một trong những người bảo vệ dắt ra ngoài trong trạng thái ngơ ngác vô hồn trước khi ngọn lửa cháy tới khu trại hấn nằm. Sau đó hấn được đưa đến một bệnh viện khác, tôi không còn nhớ được tên của bệnh viện ấy, nhưng điều đó cũng không có nghĩa lý gì. Percy qua đời năm 1965. Theo như tôi biết thì câu nói cuối cùng của hấn cho đến lúc chết là hấn bảo chúng tôi bấm thẻ cho hấn sau khi hết ca chỉ trừ khi chúng tôi muốn giải thích tại sao hấn về sớm.

Điều trở trêu là chúng tôi không phải nói gì nhiều. Percy đột ngột mất trí và đã bắn chết William Wharton. Tất cả chúng tôi đều nói như thế và điều đó đúng từng chữ. Khi Anderson, phó giám đốc nhà tù, hỏi Brutal rằng Percy đã có

thái độ như thế nào trước khi hành động và Brutal trả lời bằng một từ “im lặng”, và tôi suýt bật cười bởi vì điều đó hoàn toàn đúng. Percy đã im lặng vì phần lớn thời gian trong ca trực đêm đó miệng hắn đã bị dán băng dính và không thốt được lời nào ngoài những âm thanh vô nghĩa.

Anderson giữ Percy ở lại đó đến tám giờ sáng và Percy vẫn lặng lẽ như một pho tượng. Sau đó Hal Moores đến, cúi kính nhưng ở tư thế sẵn sàng như một kỵ sĩ sẵn sàng lên yên ngựa. Curtis Anderson để cho ông ấy giải quyết công việc kèm theo tiếng thở phào nhẹ nhõm, rõ đến mức chúng tôi còn nghe được. Người đàn ông già cả tuyệt vọng lúc trước không còn nữa. Hal Moores đã trở lại là một vị giám đốc nhà tù cương quyết, cứng rắn. Ông ấy bước đến trước mặt Percy, đặt hai bàn tay lên vai hắn và lắc mạnh:

– Con trai! – Ông ấy hét vào gương mặt vô hồn, dờ dẫm của Percy. – Hãy nói cho ta biết chuyện gì đã xảy ra?

Dĩ nhiên Percy không nói gì cả. Anderson định kéo ngài giám đốc qua một bên để bàn bạc với ông ấy nên giải quyết sự việc như thế nào. Đây quả là một tai họa thật sự, nhưng Moores đã hất tay Anderson ra và kéo tôi đi dọc theo hành lang. John Coffey đang nằm quỵ mặt vào tường, hai chân thò ra khỏi tấm ván như mọi khi. Hình như anh ta đang ngủ nhưng với Coffey vẻ ngoài không phải lúc nào cũng đúng như chúng tôi nghĩ.

Hal Moores khe khẽ hỏi:

– Những chuyện này có liên quan gì đến việc đã xảy ra ở nhà tôi không? Tôi muốn nói sau khi các anh đã quay trở về? Paul, tôi sẽ che chở cho anh ngay cả khi tôi bị mất chức đi chẳng nữa, nhưng tôi phải được biết sự thật.

Tôi lắc đầu. Tôi cũng nói khe khẽ bởi vì có đến hàng tá cảnh binh đứng ở cuối hành lang. Một người nào đó đang

chụp ảnh Wharton nằm trong xà lim. Curtis Anderson đã quay lại và đang theo dõi cảnh ấy và trong khoảng khắc chỉ có Brutal nhìn chúng tôi.

– Không, thưa ông. Chúng tôi đưa John quay trở về xà lim và từ đó đến giờ hắn vẫn nằm yên như ông đã thấy. Sau đó chúng tôi thả Percy ra khỏi buồng cao su. Tôi đã ngỡ hắn sẽ làm ầm vì tức giận nhưng không có gì xảy ra. Hắn chỉ hỏi về khẩu súng và cây dùi cui. Sau đó hắn lặng lẽ đi trên hành lang và khi đến trước xà lim của Wharton, bất ngờ hắn rút súng ra và nã hết băng đạn.

– Anh có nghĩ rằng việc bị giam trong buồng cao su đã... ảnh hưởng đến thần kinh của hắn?

– Không, thưa ông.

– Các anh có nhét hắn trong chiếc áo trấn lực không?

– Không, thưa ông. Điều đó không cần thiết.

– Hắn đã yên lặng à? Hắn đã không chống cự lại các anh sao?

– Không, thưa ông.

– Ngay cả khi hắn biết rằng các anh định nhốt hắn vào buồng cao su, hắn cũng vẫn yên lặng và không chống lại sao?

– Không, thưa ông. – Tôi đã định nói rằng Percy có chửi rủa đôi chút nhưng rồi lại im, càng ít lời càng tốt và tôi biết điều đó. – Không có gì cả thưa ông. Hắn chỉ đi đến góc phòng và ngồi xuống đó.

– Hắn không nói gì về Wharton à?

– Không, thưa ông.

– Cũng không nói gì về Coffey?

– Vâng, cũng không nói gì về Coffey.

– Có điều gì khiến Percy ghét Wharton không? Nó có ghét Wharton không?

– Có thể, thưa ông. – tôi nói và hạ giọng thấp hơn nữa.
– Đã có một lần Percy không chú ý, Hal ạ. Wharton đã tóm được Percy, lôi hắn đến sát song sắt và trêu ghẹo hắn.

– Không có gì nghiêm trọng hơn à? Chỉ “trêu ghẹo” thôi sao?

– Vâng, nhưng đối với Percy cũng đủ tệ hại lắm rồi. Wharton nói rằng nó thích ngủ với Percy hơn là em gái của hắn.

– Hừm. – Moores nói và quay lại nhìn John Coffey –, làm như muốn xác định rằng anh ta có tồn tại thực sự. – Điều đó không thể giải thích nguyên nhân sự việc đã xảy ra với Percy, nhưng có thể giải thích vì sao hắn bắn chết Wharton chứ không phải là Coffey hoặc một người trong số các anh. Và nhân tiện chúng ta vừa nhắc đến người của anh. Paul, liệu họ sẽ cùng thuật lại câu chuyện như nhau chứ?

– Vâng, thưa ông.

– Và họ sẽ làm thế, – tôi nói với Janice và bắt đầu ăn món xúp cô ấy vừa đặt trên bàn. – Anh sẽ thu xếp điều đó.

– Anh đã nói dối, dù chỉ chút ít thôi, – Janice nói. – Anh đã nói dối với Hal.

Không hiểu cô ấy là loại phụ nữ như thế nào? Cô ấy luôn tìm chỗ bị mói nhăm trên bộ quần áo đẹp nhất của tôi và thường là phát hiện ra.

– Tùy em, nhưng anh không thể nói tất cả với Hal được. Hal là người đứng ngoài cuộc. Khi sự việc xảy ra, ông ấy đang ở nhà và chăm sóc vợ cho đến khi Curtis gọi điện thoại đến.

– Ông ấy có nói tình trạng Melinda như thế nào hay không?

– Không nói trong lúc đang hỏi anh. Thật ra cũng không có thời gian, nhưng khi anh và Brutal ra về thì ông ấy có nói rằng Melly không nhớ được gì nhiều, nhưng bà ấy đã

khỏe. Bà ấy đã dậy và làm việc nhà, ngoài ra còn bàn bạc về việc trồng hoa vào mùa tới.

Vợ tôi chăm chú nhìn tôi, sau đó cô ấy hỏi:

– Paul, Hal có biết là một điều kỳ diệu đã xảy ra không? Ông ấy có hiểu điều đó không?

– Có. Tất cả những người có mặt ở đây đều hiểu.

– Một phần thì em rất muốn có mặt ở đó để tận mắt chứng kiến những gì diễn ra, nhưng em tin rằng thật may mà em không nhìn thấy, bởi vì nếu không, có lẽ em đã chết vì lên cơn đau tim.

Tôi nghiêng đĩa để vét sạch chỗ xúp còn lại:

– Không, em không chết đâu, mà em sẽ nấu cho anh ta một món xúp ngon như thế này, em yêu ạ.

– Tốt lắm.

Nhưng Janice không nghĩ đến món xúp, cũng không nghĩ gì đến việc nấu nướng. Cô ấy chống tay dưới cằm, mắt nhìn những ngọn đồi xa xa ngoài cửa sổ. Đôi mắt cô ấy lấp lánh nhìn đắm đắm đỉnh đồi như vào những ngày hè tràn ngập ánh nắng. Như vào ngày hè, khi hai cái xác của hai cô bé nhà Detterick được tìm thấy. Tôi tự hỏi tại sao chúng lại không kêu cứu. Tên sát nhân đã đánh chúng ngay trên hàng hiên, đã khiến chúng bị thương. Máu nhỏ giọt trên hàng hiên, trên bậc thềm. Tại sao chúng không kêu cứu?

– Anh cho rằng, trong thực tế chính John Coffey đã giết gã Wharton này, đúng không? – Janice hỏi và quay lại, không nhìn đắm đắm ra ngoài khung cửa sổ nữa. – Anh nghĩ rằng đó không phải là sự tình cờ hoặc điều gì đó đại loại như thế. Anh tin rằng hắn dùng Percy Wetmore như một thứ vũ khí để giết chết Wharton?

– Đúng vậy.

– Tại sao?

– Anh không biết.

– Hãy thuật lại cho em nghe một lần nữa, điều gì đã xảy ra khi các anh dẫn hấn đi trên hành lang, được chứ? Chỉ đoạn này thôi, khi các anh đưa hấn ra để chuẩn bị đi đến nhà Moores.

Và tôi làm theo lời yêu cầu của Janice. Tôi kể lại, khi nhìn thấy cánh tay gầy gò chột thọt ra ngoài chấn song sắt nắm lấy cánh tay to lớn của John Coffey, tôi đã liên tưởng đến một con rắn, loại rắn độc mà lúc còn bé, khi đi bơi ở dòng sông gần nhà, đám trẻ con chúng tôi rất sợ, và Coffey đã gọi Wharton là một người độc ác. Anh ta nói điều này bằng giọng rất nhỏ, gần như thì thầm.

– Và Wharton đáp...?

– Wharton nói rằng: “Đúng vậy, thằng mọi đen ngu ngốc ạ. Độc ác như mày có thể tưởng tượng được.”

– Chỉ thế thôi à?

– Chỉ thế thôi. Lúc ấy anh linh cảm sẽ xảy ra một chuyện gì đó, nhưng không có gì cả. Brutal đã hất bàn tay Wharton ra khỏi người Coffey và ra lệnh cho hấn đi nằm. Wharton làm theo. Hấn nói rằng cần phải có một chiếc ghế điện riêng cho người da đen. Đó là tất cả. Sau đó thì mọi người đi tiếp.

– John Coffey nói Wharton là một người độc ác?

– Đúng vậy. Anh ta cũng nói như thế về Percy. Anh không còn nhớ là vào lúc nào, nhưng anh ta đã nói như thế.

– Nhưng Wharton chưa bao giờ va chạm với Coffey, phải không? Em muốn nói hấn chưa bao giờ tấn công Coffey như đã làm với Percy?

– Đúng. Xà lim của họ nằm cách xa nhau, – xà lim của Wharton ở gần bức canh, còn của John lại nằm cách một đoạn ở dãy đối diện – thậm chí họ không thể nhìn thấy nhau.

– Kể cho em nghe lần nữa, trông Coffey như thế nào khi Wharton nắm cánh tay anh ta?

– Janice, cứ như thế này chúng ta không đi đến đâu cả.

– Có thể có, có thể không. Hãy nói cho em nghe, trông anh ta thế nào?

Tôi thở dài:

– Có thể nói rằng bị sốc. Anh ta choáng váng và há miệng hớp không khí. Giống như em sẽ làm khi đang nằm sưởi nắng trên bãi cát ở bờ biển và anh lên đến nhò nước đá lạnh ngắt lên lưng em. Làm như anh ta bị trúng một cú đấm bất ngờ.

– Vâng, đúng vậy, – Janice nói. – Anh ta hoảng sợ như khi bị tấn công đột ngột.

– Đúng vậy, – tôi nói, rồi sau đó chữa lại. – Không đúng.

– Thế nào? Đúng hay là không?

– Không. Đó không phải là sự sợ hãi. Giống như lúc Coffey bảo anh bước vào xà lim để anh ta chữa lành bệnh cho anh. Hay giống như lúc Coffey bảo anh đưa con chuột. Đó là sự kinh ngạc, nhưng không phải vì anh ta bị chạm vào... không thể nói *chính xác* được... Ô, Jan, anh không biết.

– Thôi được, chúng ta hãy đặt chuyện này sang một bên. – Janice nói. – Em chỉ không thể hiểu tại sao John Coffey lại làm như thế. Anh ta không phải là tuýp người ưa thích bạo lực. Từ đây lại nảy sinh ra một câu hỏi: Paul, làm sao mà anh có thể tử hình hắn được khi anh tin rằng hắn vô tội? Làm sao mà anh có thể đặt hắn lên ghế điện trong khi một kẻ khác...

Tôi đứng bật dậy. Khuỷu tay của tôi chạm vào đĩa xúp trên bàn và làm nó rơi xuống đất vỡ tan tành. Một ý nghĩ chợt hiện trong đầu tôi. Ở thời điểm này, đó là linh cảm hơn

là một suy nghĩ hợp lô gích, nhưng ý nghĩ đó không phải là không có lý.

– Paul? – Janice ngạc nhiên hỏi. – Có chuyện gì thế?

– Anh không biết, – tôi nói. – Anh không biết chắc, nhưng anh sẽ tìm hiểu nếu như anh có cơ hội.

4

Hậu quả của việc nổ súng bắn chết một tù nhân giống như một gánh xiếc có ba màn trình diễn: thứ nhất là của Ngài Thống đốc tiểu bang, thứ hai là trong nhà tù và thứ ba là của anh chàng Percy Wetmores khốn khổ. Còn Ngài Giám đốc gánh xiếc? Một số quý ông trong giới báo chí đã phải bỏ nghề bởi vì khai thác quá mức câu chuyện này.

Nhưng ngay cả những gánh xiếc hay ho nhất cũng phải đến lúc hạ màn, những anh hề vui nhộn và những con vật hoang dã lạ kỳ cũng phải rời thành phố. Gánh xiếc của chúng tôi cũng hạ màn sau kết luận tương đối phiến diện của một ủy ban điều tra. Trong những trường hợp khác, có lẽ Ngài Thống đốc sẽ ra lệnh xử tội ai đó, nhưng lần này thì không. Đứa cháu vợ của ông ta đã phát điên và bắn chết một tù nhân. Mặc dù tên tù nhân ấy can tội sát nhân và đang chờ bị thi hành án tử hình nhưng sự thật vẫn là Percy đã bắn chết hắn khi hắn đang nằm ngủ trong xà lim và điều đó không lịch sự chút nào. Nếu nghĩ lại rằng Percy Wetmores đã nổi điên thì người ta có thể hiểu được tại sao Ngài Thống đốc lại

muốn gánh xiếc sớm hạ màn và nhanh chóng rời khỏi thành phố.

Chuyến đi dạo vào lúc nửa đêm của chúng tôi trên chiếc xe tải nhỏ của Harry Terwilliger đến nhà giám đốc Mores không bao giờ bị phát hiện. Cũng không ai biết được rằng chúng tôi đã nhét Percy Wetmores trong chiếc áo trấn lực và nhốt vào buồng cao su. Việc trong người William Wharton chứa một lượng thuốc ngủ lớn khi bị Percy bắn chết cũng không bị phát hiện. Người ta còn cần gì nữa? Ủy ban điều tra không có lý do gì để nghi ngờ trong người hắn có chứa vật gì khác lạ ngoài nửa tá đạn. Bác sĩ lấy những viên đạn ra, người mai táng đặt hắn vào một chiếc quan tài và thế thế là chấm dứt cuộc đời của một gã đàn ông tự xưng là "*Billy the Kid*". Một kết thúc tốt đẹp cho một thứ rác rưởi như thế.

Dù sao thì sự náo động cũng kéo dài khoảng hai tuần lễ. Trong thời gian này, tôi không dám làm gì, chưa nói đến việc xin nghỉ một ngày để tìm hiểu về những điều tôi nghi ngờ nảy sinh ra bên bàn ăn sau hành động bộc phát của Percy. Tôi biết chắc chắn rằng gánh xiếc đã rời khỏi thành phố vào một ngày tháng mười một. Đó là ngày mười hai tháng mười một. Quý vị đừng ngạc nhiên khi tôi nhớ rất rõ ngày này. Đó là ngày tôi nhận được một tờ giấy mà tôi rất sợ: lệnh thi hành tử hình John Coffey. Curtis Anderson đã ký thay cho Hal Moore nhưng dĩ nhiên là nó vẫn hợp pháp và chắc hẳn là Hal Moore đã đọc nó rồi. Tôi có thể tưởng tượng cảnh Hal ngồi sau bàn giấy trong văn phòng của ông ấy, tay cầm lệnh thi hành án tử hình và nghĩ đến vợ, người vợ đau ốm mà các bác sĩ ở Indianola cho rằng đã được chữa khỏi nhờ một phép mầu. Có thể nói các bác sĩ đã ký lệnh thi hành án tử hình bà ấy, nhưng John đã xé bỏ nó. Bây giờ đến lượt John, vậy ai trong chúng tôi có thể ngăn cản được? Ai trong chúng tôi sẽ ngăn cản?

Ngày thi hành án tử hình được quyết định là ngày hai mươi tháng mười một. Ba ngày sau khi nhận được tờ giấy ấy, vào ngày mười lăm, tôi cho Janice gọi điện báo ốm. Sau khi uống một tách cà phê, tôi lên đường với chiếc xe Ford tuy khởi động hơi khó khăn nhưng còn chạy rất tốt. Tôi lái xe về hướng Bắc. Janice đã hôn tôi tạm biệt và chúc tôi gặp nhiều may mắn. Tôi không biết nếu tôi tìm ra sự thật thì đó có thể gọi là may mắn hay không? Tôi chỉ biết chắc chắn có một điều rằng tôi không hát khe khẽ trên đường đi nữa. Vào ngày hôm ấy thì không.

Khoảng ba giờ chiều tôi đến nơi. Tôi đến tòa án hạt Purdom trước giờ đóng cửa và kịp xem một vài hồ sơ. Tôi đến thăm ngài cảnh sát trưởng và ông ấy muốn biết tôi làm gì ở chốn này. Cảnh sát trưởng Catlett đã kể cho tôi nghe một vài điều thú vị. Ông ta nói rằng ông ta sẽ phủ nhận nếu như tôi công khai những gì ông ta đã kể, nhưng dù sao tôi cũng nghe được điều mình muốn biết. Tôi nghỉ ngơi suốt trên đường về, nghỉ ngơi suốt đêm hôm ấy và hầu như không thể ngủ được.

Sáng hôm sau, tôi dậy sớm và lên đường đi đến hạt Trapingus. Tôi tránh gặp mặt cảnh sát trưởng Homer Cribus, một gã béo phì chỉ toàn chứa bia và nước, thay vào đó tôi tìm đến phó cảnh sát trưởng Rob McGee. Thoạt đầu, McGee không muốn nghe những gì tôi nói. Ông ta từ chối thẳng thừng, nhưng cuối cùng ông ta buộc lòng phải cùng tôi đi tìm Klaus Detterick. Có lẽ vì ông ta không muốn chính tôi là người đặt câu hỏi. “Ông ta mới ba mươi chín tuổi nhưng trông đã như một ông già.” – McGee nói. – “Ông ta không cần một gã cai tù thông minh tự cho rằng mình có tài của một thám tử để khơi dậy nỗi đau khổ của ông ta. Thời gian này họ đang ở trong thành phố. Tôi không muốn ông đến gần nông trại của gia đình Detterick nhưng tôi sẽ thuật lại cho ông nghe những câu trả lời sau khi tôi gặp Klaus. Nếu ông cảm thấy

buồn chán thì hãy ngồi chờ ở quán cà phê và ăn một miếng bánh ngọt. Có lẽ như thế tốt cho ông hơn.” Tôi ăn hai miếng bánh ngọt và cảm thấy bị đầy bụng.

Khi McGee quay lại quán cà phê và ngồi xuống cạnh tôi, tôi tìm cách đọc những ý nghĩ trên nét mặt ông ta nhưng không thành công. Tôi hỏi:

– Thế nào?

– Ông hãy đi về nhà tôi. Chúng ta sẽ nói chuyện ở đó. Ở đây đối với tôi quá ồn ào.

Chúng tôi tiếp tục câu chuyện trên hàng hiên nhà McGee. Cả hai chúng tôi đều mặc rất ấm nhưng vẫn cảm thấy rét run. Bà McGee không muốn có ai hút thuốc trong nhà. McGee nói một vài điều và trông ông ấy không có vẻ gì là hạnh phúc với những gì mình nói.

– Điều đó không chứng minh được gì cả, ông biết rồi chứ?

McGee hỏi sau khi đã nói xong. Giọng của ông ta như muốn sẵn sàng gây sự khi chìa điều thuốc tự quán vào mặt tôi, nhưng nét mặt của ông ta trông như của một người bệnh hoạn. Cả hai chúng tôi đều biết những gì chúng tôi nghe được không thể đưa ra làm chứng trước tòa. Tôi nghĩ đây là lần đầu tiên trong cuộc đời, McGee mong muốn được ngu ngốc như cấp trên của mình.

– Vâng, tôi biết.

– Và nếu như ông nghĩ trên cơ sở này ông sẽ lật lại vụ án để đòi hỏi một phiên tòa xét xử mới cho hấn thì tốt nhất là ông hãy suy nghĩ cho kỹ. John Coffey là một thằng da đen và ở hạt Trappingus, chúng tôi không mẫn mà gì với việc lật lại một vụ án vì người da đen.

– Tôi cũng biết điều đó.

– Thế thì ông định làm gì?

Tôi gạt tàn thuốc lá ra ngoài hàng hiên. Chuyến trở về của tôi sẽ rất nặng nề, dài dằng dặc và tôi nghĩ càng lên đường sớm càng tốt. Tôi nói:

– Giá mà tôi biết được mình phải làm gì, ông McGee ạ. Thật tình là tôi không biết. Tôi chỉ biết có một điều rằng hai miếng bánh ngọt là quá nhiều đối với tôi.

– Tôi muốn nói cho ông biết, thưa ông Thông Minh! – McGee nói vẫn với giọng như muốn gây sự. – ông không nên mở cái hộp đó ra.

– Tôi không phải là người đã mở cái hộp. – Tôi đáp và lên đường trở về nhà.

Tôi về đến nhà rất muộn, khoảng sau nửa đêm nhưng vợ tôi vẫn còn chờ tôi. Tôi đã biết trước điều đó nhưng dù sao tôi cũng cảm thấy ấm áp khi nhìn thấy cô ấy, siết cô ấy trong vòng tay.

– Xin chào, anh chàng lang bạt! – Janice nói và chạm nhẹ vào bụng dưới của tôi. – Sức khỏe của anh thế nào? Anh chàng của anh đã hoàn toàn bình phục chứ?

– Vâng, thưa bà. – Tôi nói và bế cô ấy trên tay, bước vào phòng ngủ và chúng tôi ân ái với nhau. Khi đang ở trong tình trạng cực khoái, tôi chợt nhớ đến đôi mắt luôn ướt đầm của John Coffey và những lời của Melinda Moores: *Tôi đã mơ thấy anh đi trong bóng đêm và tôi cũng thế.*

Tôi vẫn còn nằm trên mình vợ, hai tay cô ấy vòng qua ôm gáy tôi, đùi của chúng tôi ép chặt vào nhau, và tôi bật khóc.

– Paul, – Janice lo lắng. Tôi nghĩ rằng trong suốt cuộc hôn nhân của chúng tôi, cô ấy chỉ nhìn thấy tôi khóc hai hoặc ba lần. Tôi không bao giờ khóc trước những sự việc xảy ra thường nhật. – Paul, có chuyện gì thế?

– Anh đã biết tất cả những gì muốn biết. – Tôi nghẹn

ngào nói. – Anh đã biết quá nhiều và nếu như em muốn nghe... tất cả: chỉ còn không đầy một tuần lễ nữa anh phải đưa John Coffey lên ghế điện, nhưng chính William Wharton mới là kẻ đã giết chết hai cô bé nhà Detterick. Thủ phạm là Wild Bill.

5

Vào ngày hôm sau, cả nhóm chúng tôi lại họp mặt, giống như đã gặp nhau sau cuộc hành hình kinh hoàng của Delacroix, và cùng ăn trưa trong căn bếp nhà tôi. Lần này có một người thứ năm tham dự cuộc họp mặt của chúng tôi: Janice. Chính Jan đã thuyết phục tôi kể lại mọi chuyện cho các đồng sự nghe. Thoạt đầu, tôi không đồng ý. Chẳng phải đối với vợ chồng chúng tôi đã là quá nặng nề khi biết được sự thực hay sao?

– Anh không suy nghĩ được cặn kẽ đâu. – Vợ tôi nói. – Có lẽ bởi vì anh quá xúc động. Dù sao họ cũng đã biết điều tồi tệ nhất là John sẽ bị tử hình vì một tội ác không phải do anh ta gây ra. Ít nhất thì việc này cũng không làm cho họ cảm thấy khó khăn hơn.

Tôi không biết là cô ấy có lý hay không nhưng tôi đã làm theo lời khuyên của cô ấy. Tôi đã lường trước sẽ có những phản ứng mạnh mẽ khi tôi thuật lại cho Brutal, Dean và Harry nghe những gì tôi biết (tôi không thể chứng minh những điều đó, nhưng tôi biết) nhưng lúc đầu chỉ có sự im

lặng trầm ngâm. Sau đó, Dean cầm một miếng bánh bít quy nhỏ trét quá nhiều bơ lên đó và nói:

– Anh cho rằng John đã nhìn thấy nó? Liệu John nhìn thấy nó lúc nó đang giết hay là lúc nó đang cưỡng hiếp hai cô bé?

– Tôi tin rằng nếu John nhìn thấy cảnh đó thì anh ta sẽ tìm mọi cách để ngăn chặn. Có thể là John đã nhìn thấy lúc Wharton bỏ chạy, sau đó thì anh ta lại quên.

– Hẳn nhiên rồi, – Dean nói. – Anh ta là một người đặc biệt, nhưng điều đó không khiến cho anh ta thông minh hơn. Anh ta chỉ sực nhớ lại kẻ ấy là Wharton khi Wharton chìa tay qua khỏi song sắt tóm lấy cánh tay của anh ta.

Brutal gật đầu:

– Vì thế mà John đã có phản ứng thật lạ lùng, kinh ngạc... choáng váng, phản ứng như khi bị sốc. Các anh có nhớ lại lúc ấy đôi mắt của anh ta mở to như thế nào không?

Tôi gật đầu:

– Anh ta đã dùng Percy như một thứ vũ khí để giết chết Wharton, Janice đã nói như thế và tôi cũng nghĩ vậy. Tại sao John Coffey lại muốn giết Wild Bill? Percy thì còn có lý, Percy đã giẫm chết con chuột của Delacroix ngay trước xà lim của Coffey, Percy đã thiêu sống Delacroix và John Coffey biết điều đó, nhưng còn Wharton? Wharton gây sự với tất cả chúng ta bằng cách này hay cách khác nhưng theo như tôi còn nhớ thì hẳn không động chạm gì đến John và những gì hẳn nói với John chỉ không quá vài chục từ trong suốt thời gian họ ở cùng một trại tử tù và phần lớn là nói vào đêm cuối cùng xảy ra sự cố. Tại sao John Coffey lại muốn Wharton chết? Anh ta đã đến Purdom County, nơi mà ngoài những người da trắng người ta chỉ thấy một người da đen khi tình cờ chạm mặt hắn. Thế thì, tại sao Coffey lại làm như thế?

Anh ta đã nhìn thấy hoặc cảm thấy điều gì khi Wharton chạm vào người anh ta, điều gì tồi tệ đến mức anh ta phải giữ lại chất độc đã hút được từ người Melly?

– Dù cho anh ta suýt bỏ mạng vì chuyện đó. – Brutal chen vào.

– Đúng vậy, chính xác là như thế. Và tôi chỉ có thể liên tưởng đến cái chết của hai cô bé sinh đôi nhà Detterick. Chỉ có sự việc đó là đủ tồi tệ để giải thích cho hành động của Coffey. Tôi đã tự nhủ ý nghĩ này thật là điên rồ, một sự tình cờ lạ lùng nếu như đúng sự thật. Sau đó tôi chợt nhớ những dòng Curtis Anderson đã viết cho tôi trước khi chúng ta tiếp nhận Wharton rằng Wharton rất điên rồ và hung dữ và trong các vụ tấn công của hắn, hắn thường giết chết nạn nhân. Ngoài ra, hắn còn đi lang thang khắp nơi trong tiểu bang. *Hắn đi lang thang khắp nơi trong tiểu bang.* Chính điều đó khiến tôi suy nghĩ. Sau đó là cái cách mà hắn định giết Dean khi vừa được áp giải đến trại E. Điều đó gợi cho tôi nhớ đến...

– Con chó, – Dean nói. Anh ấy đưa bàn tay lên cổ, nơi Wharton dùng sợi dây xích để siết và vẫn còn để lại dấu vết mờ mờ. Tôi nghĩ anh ấy hành động như thế trong vô thức. – Giống như cách mà hắn bẻ gãy cổ con chó.

– Dù sao tôi cũng đi đến hạt Purdom để xem lại hồ sơ của Wharton. Ở đây chúng ta chỉ có hồ sơ về những vụ sát nhân mà hắn bị kết án tử hình, tạm gọi là đoạn cuối “sự nghiệp” của hắn. Tôi muốn biết đoạn đầu.

Brutal hỏi:

– Nhiều lắm à?

– Vâng. Phá hoại, trộm cắp, mồi lửa đốt những đồng rơm, thậm chí trộm chất nổ. Hắn và một người bạn trộm một khối thuốc nổ và đem ném xuống suối để phát nổ. Hắn đã phạm tội từ khi còn rất nhỏ, lúc mười tuổi. Nhưng trong hồ

sơ không có cái mà tôi muốn tìm. Sau đó, ngài cảnh sát trưởng xuất hiện để xem tôi là ai và tôi muốn gì. Đây là một điều may mắn. Tôi đã nói dối ông ta. Tôi kể cho ông ta nghe về cuộc điều tra và chúng ta đã tìm thấy ảnh của những cô bé trần truồng giấu dưới nệm của hắn. Tôi nói tôi muốn biết rằng Wharton đã có tiền án về việc phạm tội với trẻ em hay không, bởi vì tôi có nghe nói đến nhiều trường hợp ở Tennessee đến nay vẫn chưa được đưa ra ánh sáng. Tôi cố tránh không nói đến hai đứa bé sinh đôi nhà Detterick. Ông ta cũng không nghĩ đến chúng.

– Dĩ nhiên rồi, – Harry nói. – Tại sao ông ta lại phải nghĩ đến vụ án đó cơ chứ? Vụ đó xem như đã giải quyết.

– Tôi nói rằng thật ra thì việc tiếp tục tìm hiểu không có ý nghĩa gì bởi vì trong hồ sơ của Wharton không có ghi nhận gì cả. Tôi cho rằng trong hồ sơ chứa đựng rất nhiều nhưng không phải là những vụ việc như thế. Thế là ngài cảnh sát trưởng, ông ta tên là Catlett, cười và nói rằng không phải tất cả những gì mà một quả táo thối như Bill Wharton gây ra đều được ghi nhận trong hồ sơ của tòa án và giờ đây điều đó còn có ý nghĩa gì? Hắn đã chết rồi, đúng không? Tôi nói rằng tôi chỉ muốn thỏa mãn trí tò mò chứ không có mục đích gì khác và thế là ông ta thoải mái hơn. Ông ta dẫn tôi đến phòng làm việc, mời tôi ngồi, đưa cho tôi một tách cà phê và kể rằng trước đây mười sáu tháng, lúc Wharton chưa đầy mười tám tuổi, có một người đàn ông ở vùng phía Tây của Purdom đã đến tố cáo với ông ấy rằng ông ta đã bắt gặp Wharton quấy rối đứa con gái của ông ta trong một đụn rơm. Đó không phải là một vụ cưỡng hiếp. Người đàn ông nói với Catlett rằng “Quấy rối bằng những ngón tay thối tha của hắn”. Xin lỗi em.

– Được rồi, – Janice nói. Gương mặt của cô ấy tái nhợt.

– Đứa con gái ấy bao nhiêu tuổi? – Brutal hỏi.

– Chín tuổi, – tôi đáp. Brutal giật mình, co người lại. – Lẽ ra người đàn ông ấy có thể trừng phạt Wharton nếu như ông ấy có anh em hoặc con trai giúp đỡ nhưng không được như thế. Và ông ta đã đến gặp cảnh sát trưởng Catlett để trình báo, hy vọng rằng ngài cảnh sát trưởng sẽ cảnh cáo Wharton. Không ai muốn làm ồn ào một sự việc đáng xấu hổ như thế. Cảnh sát trưởng đã từng xử lý Wharton nhiều lần. Lúc Wharton mười lăm tuổi ông ta đã nhét nó vào trại cải tạo thanh thiếu niên trong tám tháng và bây giờ thế là đủ. Ông ta đem theo ba cảnh binh và họ đến nhà Wharton. Họ xô bà Wharton sang một bên khi bà ấy khóc lóc rên rỉ và cảnh cáo ngài Mr. William “Billy the Kid” Wharton về việc hãy bỏ bàn tay thối tha của hắn không được chạm vào những cô bé gái chưa đủ lớn để nghe nói về kinh nguyệt. Ông ta nói: “Chúng tôi đã cảnh cáo thằng chó ấy đến nỗi đầu nó chảy máu, cánh tay muốn rớt ra và chân gần gãy lìa”

Brutal bật cười:

– Nghe đúng như kiểu của Purdom.

– Sau đó khoảng ba tháng thì Wharton bỏ nhà ra đi và bắt đầu hàng loạt những vụ phạm tội. Cuối cùng là vụ tấn công, cướp của giết người. Vì thế mà hắn đã phải đến chỗ chúng ta.

– Thế là đã có lần hắn quấy rối một cô bé, - Harry nói. Anh ta gỡ cặp kính đang đeo ra và lau chùi nó. – Những bé gái rất nhỏ. Nhưng một lần thì không có nghĩa rằng người ta luôn luôn phạm tội ấy nhiều lần nữa, đúng không?

– Những ai hành động như thế thì chắc chắn không chỉ một lần. – Vợ tôi nói, đôi môi cô ấy mím lại.

Sau đó tôi thuật lại chuyện đi đến hạt Trapingus. Tôi đã phải nói chuyện thẳng thắn với Rob McGee. Tôi không còn có

sự lựa chọn nào khác. Cho đến ngày hôm đó tôi vẫn không hiểu ông ta đã nói gì với ông Detterick, nhưng một McGee ngồi cạnh tôi trong quán cà phê dường như đã già đi bảy tuổi.

Khoảng giữa tháng năm, chừng một tháng trước vụ tấn công và giết người khiến Wharton bị kết án tử hình, Klaus Detterick đã cho đánh lại đồng rơm (và tình cờ là đồng rơm ở cạnh chuồng của con chó Bowser). Ông ta không muốn đứa con trai nhỏ của mình phải trèo lên cao, ngoài ra đứa bé còn phải đi học. Vì thế ông ta đã thuê một thanh niên làm việc trong vài ngày. Một thanh niên dễ mến, rất yên lặng. Đó là một công việc kéo dài trong ba ngày. Không, người thanh niên đó không ngủ ở trong nhà. Detterick không ngu ngốc đến nỗi tin tưởng những người trông có vẻ dễ mến và yên lặng luôn luôn là người tốt, đặc biệt là trong thời kỳ suy thoái này, thời kỳ mà người ta đi lang thang đầy đường. Một người đàn ông có gia đình cần phải thận trọng. Dù sao thì anh thanh niên đó cũng không cần chỗ ngủ. Hắn nói với Detterick rằng hắn có thuê một căn phòng của bà Eva Price ở trong thị trấn. Trong thị trấn quả thật có một phụ nữ tên là Eva Price và bà ấy có cho thuê phòng, nhưng vào tháng năm bà ấy không cho người nào có nhận dạng như kẻ đã giúp việc cho Detterick thuê phòng. Chỉ có một vài người đàn ông thường mặc com lê kẻ sọc, tay xách cặp táp, nói cách khác đó là những người tiếp thị. McGee có thể cho tôi biết điều đó bởi vì trên đường từ nhà Detterick trở về ông ta đã ghé ngang nhà Eva Price để thẩm tra lại. Điều đó chứng tỏ ông ấy thiếu tự tin như thế nào.

“Nhưng thưa ông Edgcombe, không có một đạo luật nào cấm người ta ngủ trong rừng cả.” – McGee nói thêm, – “ngay cả tôi cũng đã từng làm như thế.”

Người thanh niên giúp việc đánh rơm không ngủ trong nhà Detterick, nhưng hắn đã ăn tối cùng với họ hai lần. Hắn

đã làm quen với Howie. Hấn đã làm quen với hai cô bé, Cora và Kathe. Hấn đã nghe chúng kháo chuyện với nhau và có lẽ là chúng đã nói nếu như chúng ngoan ngoãn và thời tiết tốt bà mẹ sẽ cho phép chúng ngủ ngoài hàng hiên để chơi trò như trong các câu chuyện cổ tích.

Tôi có thể hình dung cảnh hấn ngồi bên bàn ăn, ăn bánh mì với thịt gà rán do bà Detterick làm, lắng nghe câu chuyện của họ và đôi mắt như mắt cáo của hấn ra vẻ hiền lành. Hấn mỉm cười nhẹ nhàng nhưng ghi nhớ tất cả.

– Nghe không giống như gã đàn ông hung dữ ở trong trại của anh, Paul ạ. – Janice ngờ vực nói. – Không giống chút nào cả.

– Chị không nhìn thấy cảnh hấn đứng trong phòng bệnh ở bệnh viện Indianola đâu. – Harry nói. – Cảnh hấn đứng đó, mồm há hốc, nước dãi chảy lòng thòng, quần không kéo lên để phơi mông ra ngoài. Hấn để cho chúng tôi thay quần áo cho hấn. Chúng tôi đã ngỡ rằng hấn bị say thuốc hoặc là một tên điên điên. Đúng không, Dean?

Dean gật đầu.

– Vào cái ngày hấn đã làm xong việc ở nhà Detterick và ra đi, có một người đàn ông bị mất tấn công vào một văn phòng của một hãng vận tải ở Jarvis. – Tôi kể tiếp. – Hấn cướp bảy mươi đô la đồng thời lấy luôn đồng đô la bằng bạc được sản xuất vào năm 1892 mà người đàn ông làm việc ở văn phòng thường mang theo để cầu may. Người ta đã tìm thấy đồng đô la bằng bạc này trong người Wharton khi hấn bị bắt giữ và Jarvis chỉ cách Tefton ba mươi dặm.

– Anh muốn nói rằng tên cướp ấy... chỉ nghỉ yên ba ngày khi giúp Klaus Detterick đánh lại đụn rơm? – Janice nói. – Rằng hấn đã cùng họ ăn tối và như một người đàn ông lịch sự chuyển cho họ cái liễn đựng đậu?

– Điều đáng ngại nhất đối với những gã đàn ông như hần là ta không biết trước được điều gì, – Brutal nói. – Có thể hần đã lên kế hoạch giết chết nhà Detterick và để cướp những món đồ quý giá, nhưng sau đó hần lại thay đổi ý định. Có thể chỉ vì một đám mây tình cờ che lấp mặt trời hoặc vì thời điểm không thích hợp. Có thể hần định lui lại vài ngày để chờ cơ hội, nhưng khả năng lớn hơn là hần đã để mắt đến hai cô bé và vạch ra kế hoạch quay trở lại. Paul, anh đã nghĩ như thế, phải không?

Tôi gật đầu. Dĩ nhiên là tôi đã nghĩ như thế.

– Và còn nữa, đó là một cái tên mà Detterick cho biết.

– Tên gì? – Janice hỏi.

– Will Bonney.

– Bonney? Tôi không hiểu...

– Đó là tên thật của Billy the Kid.

– Ô! – Đôi mắt của vợ tôi mở to. – Ô! Thế thì anh có thể cứu được John Coffey rồi! Tạ ơn Chúa. Anh chỉ cần đưa cho Detterick xem một tấm ảnh của William Wharton... một tấm ảnh trong hồ sơ cũng đủ...

Brutal và tôi bối rối nhìn nhau. Dean có vẻ hy vọng chút ít, nhưng Harry chỉ nhìn đăm đăm vào hai bàn tay, làm như là anh ta vô cùng quan tâm đến những móng tay của mình.

– Có chuyện gì thế? – Janice hỏi. – Tại sao trông các anh lại có vẻ bối rối thế? Dĩ nhiên là ông McGee...

– Anh cho rằng Rob McGee là một người trung thực và anh tin rằng ông ấy là người thực thi pháp luật đúng đắn. – Tôi ngắt lời Janice. – Nhưng ông ấy không có vai trò gì ở hạt Trapingus. Cảnh sát trưởng Cribus mới là người có quyền. Và nếu như chúng ta khai lại vụ án Detterick và tiết lộ những điều chúng ta đã biết thì đó là một cơn chấn động có thể hất

ông ta văng ra khỏi chiếc ghế đang ngồi. Chắc chắn là ông ta sẽ không cho phép xảy ra điều đó.

– Nhưng... nếu Wharton đã đến đó... nếu Detterick có thể nhận diện được hấn qua ảnh và họ biết rằng hấn đã đến đó.

– Việc hấn đã ở đó vài ba ngày vào tháng năm không có nghĩa là hấn sẽ quay trở lại vào tháng sáu và giết chết các cô bé. – Brutal nói. Anh ta nói bằng giọng trầm tĩnh, điềm đạm, thận trọng như đang báo tin buồn cho ai đó rằng một người thân trong gia đình vừa qua đời. – Mặt khác, gã thanh niên đã giúp gia đình Detterick đánh lại đụn rơm và sau đó đã ra đi. Người ta xác định rằng hấn đã gây án khắp nơi, nhưng trong ba ngày vào tháng năm, những ngày hấn lảng vảng gần Tefton, không có ai tố cáo hoặc ghi nhận điều gì về hấn. Ngoài ra, còn có một gã đàn ông da đen to lớn, kẻ bị bắt gặp khi đang giữ hai cái xác trần truồng của hai cô bé trên tay.

Brutal lắc đầu:

– Paul có lý, Jan ạ. Có thể McGee hoài nghi, ngờ vực, nhưng điều đó không có ý nghĩa gì. Người duy nhất có thể lật lại vụ án này là Cribus và Cribus không muốn làm hỏng “happy-end”. – một kết thúc tốt đẹp – ông ta nghĩ. “Đó chỉ là một thằng da đen chứ không phải là một người trong chúng ta. Tốt lắm. Minh sẽ đến Cold Mountain, ăn một miếng thịt nướng, uống một lon bia và nhìn Coffey chết trên ghế điện. Thế là sự việc đã được giải quyết.”

Janice lắng nghe với vẻ kinh hoàng mỗi lúc một tăng rồi sau đó đã quay sang tôi:

– Nhưng McGee tin rằng đã có sự nhầm lẫn, phải không Paul? Em có thể đọc được điều đó trên mặt anh. Phó cảnh sát trưởng McGee biết rằng mình đã bắt nhầm người.

Ông ta không thể phản đối cảnh sát trưởng à?

Tôi đáp:

– Thế thì ông ta sẽ bị mất việc. Vâng, tôi cho rằng tận trong thâm tâm ông ta biết rằng mình đã bắt nhầm người vô tội và chính Wharton mới là kẻ sát nhân. Nhưng có thể ông ta đã tự nhủ, mình sẽ im lặng cho đến khi Cribus về hưu hoặc chết vì ăn nhậu quá nhiều thì ông ta sẽ thay chỗ Cribus. Tôi có thể tưởng tượng ông ta sẽ tự nhủ như thế để có thể ngủ yên và về mặt ấy ông ta không khác mấy so với Homer Cribus. Ông ta sẽ nghĩ: “Dù sao đó cũng chỉ là một thằng da đen. Dù sao họ cũng không tử hình nhầm một người da trắng.”

– Thế thì anh phải đến gặp họ. – Janice nói và tôi rợn người trước giọng nói cương quyết, không cho phép chối từ của cô ấy. – Anh hãy đến gặp họ và nói cho họ biết những gì anh tìm ra.

– Và chúng ta sẽ nói với họ rằng chúng ta đã tìm ra sự thật như thế nào à, Jan? – Brutal vẫn nói với giọng nhẹ nhàng. – Chúng ta sẽ nói với họ rằng Wharton đã tóm lấy John khi chúng ta đưa hắn ra khỏi nhà tù để đến nhà chữa bệnh cho bà vợ giám đốc và một phép màu đã xảy ra?

– Không... dĩ nhiên là không..., nhưng mà... – Janice lúng túng. Cô ấy đã nhận thấy mình đang đứng trên mặt băng mỏng như thế nào, mặc dù vậy, vẫn cố gắng tiếp tục. – Thế thì hãy nói dối. – Janice bưng bình nhìn Brutal rồi nhìn sang tôi. Ánh mắt của cô ấy nóng rực đến nỗi có thể đốt thủng tờ báo.

Tôi hỏi lại:

– Nói dối? Bọn anh phải nói dối sao đây?

– Nói rằng anh đã tìm được chứng cứ ở hạt Purdom rồi sau đó là Trapingus. Hãy nói với lão già béo phệ Cribus rằng

Wharton đã thú nhận với anh rằng hắn đã cưỡng hiếp và giết chết hai cô bé nhà Detterick, rằng hắn đã thú tội.

Cô ấy lại hướng cặp mắt sáng rực sang Brutal:

– Brutus, anh có thể giúp đỡ anh ấy mà. Hãy nói rằng anh có mặt ở đó khi Wharton thú tội. Anh cũng đã nghe như vậy. Hình như Percy cũng nghe và chính vì thế đã nổi điên và bắn chết Wharton. Anh ta bắn chết Wharton vì không thể chịu đựng được những gì Wharton gây ra cho hai đứa bé. Thế là anh ta mất trí. Đơn giản là.... Có chuyện gì thế? Lạy Chúa, có chuyện gì thế?

Không chỉ Brutal và tôi, cả Harry và Dean nhìn cô ấy với vẻ kinh hoàng.

– Chúng tôi đã không báo cáo những chuyện như thế. – Harry nói theo kiểu như nói với một đứa trẻ. – Thứ nhất họ sẽ hỏi chúng tôi tại sao lại không báo cáo ngay. Chúng tôi phải lập tức báo cáo về những gì các tù nhân trong trại đã nói về các vụ phạm tội do họ hoặc người khác gây ra.

Brutal nói chen vào:

– Ngoài ra, chúng ta không thể tin hắn, Janice ạ. Một gã đàn ông như Wild Bill Wharton có thể nói dối mọi lúc mọi nơi. Nói dối về những vụ phạm tội do hắn gây ra, nói dối về những người mà hắn quen biết, nói dối về những người phụ nữ mà hắn ngủ chung, nói dối về những kỷ lục trong thể thao ở trường đại học và thậm chí nói dối về thời tiết.

– Nhưng mà.... nhưng mà.... – Về mặt Janice lộ vẻ tuyệt vọng. Tôi định đặt tay lên vai cô ấy, nhưng cô ấy đã hất mạnh. – Nhưng hắn đã ở đó! Hắn đã đánh rơm cho họ! Hắn đã cùng họ ăn tối!

– Càng thêm lý do cho hắn nói dối. – Brutal nói. – Tại sao hắn không nói dối để bổ sung cho “thành tích” của mình? Liệu có điều gì tồi tệ sẽ xảy ra với hắn? Người ta không thể

nướng hán hai lần.

– Thế thì hãy xem tôi có hiểu đúng hay không. – Janice nói. – Chúng ta ngồi đây, biết rằng John Coffey không phải là thủ phạm đã sát hại hai đứa bé mà là cố tìm cách cứu sống chúng. Phó cảnh sát trưởng McGee không biết chắc lắm, nhưng ông ấy đã nghi ngờ rằng người đàn ông bị kết án tử hình vì một tội ác không phải do hán gây ra và mặc dù... mặc dù vậy... các anh vẫn không thu xếp để hán được đưa ra xét xử lại.

– Đúng. – Dean nói. Anh ấy lau cặp kính mạnh đến nỗi tôi sợ nó vỡ. – Chính xác là như thế.

Janice cúi đầu, suy nghĩ. Brutal định nói gì đó nhưng tôi đã đưa tay ra hiệu cho anh ta. Tôi không tin rằng Janice có thể tìm ra phương án cứu sống được John Coffey, nhưng cũng không hoàn toàn loại trừ một khả năng. Cô ấy là một phụ nữ rất thông minh và cũng rất cương quyết. Đó là sự phối hợp đôi khi có hiệu quả phi thường.

– Thôi được. – Cuối cùng Janice nói. – Các anh phải giải thoát cho hán.

– Thừa bà... – Harry nhìn vợ tôi, kinh hoàng.

– Các anh có thể làm được. Đã một lần các anh làm việc đó rồi, đúng không? Các anh có thể làm việc đó một lần nữa. Nhưng lần này các anh không đưa anh ta trở lại.

Dean hỏi:

– Thế chị là người sẽ giải thích cho các con tôi vì sao bố của chúng lại phải ngồi tù chứ? Ông ấy bị kết án vì đã giúp một tù nhân bị kết án tử hình vượt ngục?

– Sẽ không có ai bị kết án, Dean ạ. Chúng ta sẽ nghĩ ra một kế hoạch trông như một cuộc vượt ngục hoàn hảo.

– Thế thì bà hãy chú ý rằng kế hoạch ấy phải thích hợp với bộ não của một gã đàn ông thậm chí không nhớ được

cách cột dây giày. – Harry nói. – Phải làm sao để người ta tin là của hần.

Janice bối rối nhìn Harry.

– Sẽ không có gì tốt đẹp đâu. – Brutal nói. – Ngay cả khi chúng ta tìm được đường đưa hần ra ngoài cũng sẽ không dẫn đến điều gì tốt đẹp đâu.

– Tại sao không? – Giọng của Janice nghe như sắp bật khóc. – Tại sao lại không?

Tôi đáp:

– Bởi vì hần cao đến hai mét, bởi vì hần là một người da đen đầu trọc và khờ khạo đến mức không thể tự kiếm sống được. Em tin là hần sẽ lang thang được bao lâu trước khi bị bắt lại? Hai giờ đồng hồ? Hay là sáu giờ?

– Trước đây anh ta cũng đã sống được mà không hề gây sự chú ý. – Janice nói, giọt nước mắt lăn trên má cô ấy và cô ấy lấy bàn tay gạt đi.

– Đúng vậy.

Tôi đã gửi một vài bức thư đến một số bạn bè và người thân ở miền Nam hỏi xem họ có bao giờ đọc được trên báo tin gì về một người đàn ông da đen có nhân dạng như Coffey. Hầu như là không. Janice cũng tìm hiểu như tôi. Cho đến bây giờ, chúng tôi chỉ nhận được một thông tin, nơi có thể người ta đã nhìn thấy John Coffey. Đó là ở thị trấn Muscle Shoals, Alabama. Vào năm 1929, một cơn bão đã giạt sập một nhà thờ, nơi dàn đồng ca đang luyện tập. Một người da đen to lớn đã cứu hai người trong dàn đồng ca khỏi đồng đồ nát. Những người có mặt ở đó ngỡ rằng hai người ấy đã chết nhưng sau cùng thì họ xác định rằng không có ai trong hai người bị thương nghiêm trọng. Những người chứng kiến cho rằng một phép mầu đã xảy ra. Người đàn ông da đen ấy, người đã được ông mục sư thuê trong một ngày để làm việc lật vật, đã đi

mất sau cơn bão.

– Janice, chị nói đúng. Hấn đã đi khắp nơi và không ai chú ý. – Brutal nói. – Nhưng chị hãy nhớ rằng đó là lúc hấn chưa bị kết án tử hình vì tội đã cưỡng hiếp và sát hại hai đứa bé.

Janice không trả lời. Cô ấy ngồi lặng im chừng một phút rồi sau đó cô ấy đã làm một việc khiến tôi hoảng sợ, giống như tôi đã làm cô ấy hoảng sợ vì những giọt nước mắt của mình: cô ấy đưa tay gạt tất cả mọi thứ trên bàn xuống đất: đĩa, ly, cốc, bộ dao ăn, thớt đựng khoai tây nghiền, đĩa thịt lợn muối, sữa, bình đựng sữa, bình đựng trà, tất cả rơi xuống đất loảng xoảng.

– Trời đất! – Dean kêu lên và ngồi lui lại nhanh đến nỗi chiếc ghế suýt lật nhào.

Janice làm ngơ. Cô ấy đưa mắt nhìn Brutal và tôi, chủ yếu là nhìn tôi:

– Các người định giết anh ta phải không? – Cô ấy hỏi, giọng nức nở. – Các người định giết anh ta phải không, đồ hèn nhát? Các người định giết người đàn ông đã cứu sống Melinda Moores chứ gì? Người đàn ông đã cố cứu sống hai đứa bé ấy? Ít nhất thì cũng bớt được một thằng da đen trên quả đất này phải không? Các người có thể tự an ủi như thế chứ gì? *Bớt được một thằng da đen!*

Cô ấy đứng lên, hất chiếc ghế văng vào tường. Nó dội lại và ngã vào chỗ khoai tây nghiền văng tung tóe. Tôi nắm cổ tay Janice nhưng cô ấy đã giật tay ra.

– Đừng chạm vào người tôi! – Jancie nói. – Giờ này tuần sau anh sẽ trở thành một tên sát nhân. Anh cũng không tốt hơn thằng Wharton đó. Đừng chạm vào người tôi!

Cô ấy bỏ ra ngoài hàng hiên, kéo tạp dề lên và úp mặt vào đó khóc nức nở. Cả bốn chúng tôi lặng lẽ nhìn nhau. Sau

một lúc, tôi đứng lên và bắt đầu thu dọn. Brutal giúp tôi, rồi Dean và Harry cũng tham gia. Sau khi nhà bếp trông đã tạm ổn, họ ra về. Trong suốt thời gian đó không ai nói một lời. Không có gì để nói cả.

6

Đêm hôm ấy tôi không phải trực. Tôi ngồi trong phòng khách của ngôi nhà nhỏ bé của chúng tôi, hút một điếu thuốc, nghe ra-đi-ô và nhìn cảnh bóng đêm đang xâm chiếm dần dần bầu trời. Xem truyền hình cũng tốt, tôi không phàn nàn nhưng cũng không thích cảnh một người gạt cả phần còn lại của thế giới để chỉ còn lại Cái Tôi trên mặt kính. Dù sao thì về phương diện này nghe radio tốt hơn.

Janice bước vào, quì xuống bên cạnh tay vịn chiếc ghế tôi đang ngồi và nắm lấy bàn tay tôi. Chúng tôi im lặng một hồi lâu, chỉ ngồi im, lắng nghe Kay Kaisers và quan sát những vì sao đang lấp lánh. Đối với tôi thì mọi chuyện đều ổn.

– Em rất tiếc đã nói anh là một thằng hèn, – Janice nói. – Em cảm thấy rất khổ tâm vì điều đó, khổ tâm hơn so với tất cả những gì em đã mắng mỏ anh trong suốt cuộc hôn nhân của chúng ta.

– Hơn cả khi chúng ta đi cắm trại và em đã gọi anh là một chú Sam già thối tha à?

Tôi hỏi và cả hai cùng bật cười. Chúng tôi hôn nhau và giữa hai chúng tôi mọi chuyện lại tốt đẹp. Cô ấy là người vợ

tuyệt vời, Janice của tôi, và cho đến bây giờ tôi vẫn còn mơ thấy cô ấy. Tôi mơ thấy cô ấy cũng già đi, yếu ớt và cô ấy bước vào căn phòng vắng lặng ở nơi ẩm đạm này của tôi. Tôi mơ thấy cô ấy khi còn trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt xanh lấp lánh, bộ ngực nhỏ nhắn, căng tròn khiến tôi không thể để yên bàn tay trên tấm drap trải giường. Cô ấy sẽ nói: “Anh yêu, em đã không bị tai nạn. Anh đã nhầm rồi. Chỉ có thể thôi.” Đến bây giờ tôi vẫn còn mơ và thỉnh thoảng, khi thức dậy, hiểu rằng đó chỉ là một giấc mơ, tôi đã khóc. Tôi, người mà thời trai trẻ hầu như chưa bao giờ khóc.

Cuối cùng, Janice lên tiếng hỏi:

- Hal có biết sự thật hay không?
- Rằng Coffey vô tội à? Làm sao ông ấy biết được?
- Liệu ông ấy có thể giúp ích gì không? Ông ấy có thể gây ảnh hưởng với Cribus không?
- Hoàn toàn không, em yêu.

Cô ấy gật đầu, làm như đã chờ đợi câu trả lời ấy:

- Thế thì đừng nói gì với ông ấy. Nếu ông ấy không thể giúp ích được gì thì lạy Chúa, đừng nói gì với ông ấy!
- Anh sẽ không nói đâu.

Janice lặng lẽ nhìn tôi:

- Và đêm ấy anh sẽ không báo ốm. Không ai trong số các anh làm điều đó. Các anh không thể làm như vậy.
- Đúng vậy, bọn anh không thể. Nếu bọn anh là người thi hành án, thì ít ra bọn anh có thể giúp anh ta nhanh chóng “ra đi”. Bọn anh chỉ có thể làm thế thôi. Sẽ không có chuyện xảy ra như với Delacroix.

Trong phút chốc, tôi như nhìn thấy chiếc mũ chụp bằng lụa đen bốc cháy trên gương mặt của Del, tròng mắt ông ta rớt ra, cháy đen.

- Đối với anh không còn con đường nào khác à? -

Janice cầm bàn tay của tôi đặt lên gò má mịn màng của cô ấy. – Tội nghiệp Paul, tội nghiệp cho Paul của tôi!

Tôi im lặng. Chưa bao giờ trong cuộc đời mình tôi muốn bỏ trốn như thế này. Chỉ đơn giản cùng Jan ra đi. Cả hai chúng tôi, chỉ với một chiếc túi duy nhất, đi bất cứ nơi đâu xa khỏi chốn này.

– Ôi, tội nghiệp cho Paul của tôi! – Janice lặp lại một lần nữa, sau đó cô ấy nói tiếp: – Hãy nói chuyện với anh ta.

– Với ai? Với John à?

– Vâng, với John Coffey. Hãy tìm hiểu xem anh ấy muốn gì.

Tôi nghĩ ngợi một lúc rồi gật đầu. Cô ấy lại có lý, thường là như thế.

7

Hai ngày sau, vào ngày mười tám, Bill Dodge, Hank Bitterman và một người nữa, tôi không còn nhớ là ai nhưng là một quản giáo được tăng cường, đưa John Coffey sang trại D để thẩm. Trong khi anh ta vắng mặt, chúng tôi thực hiện cuộc diễn tập cho buổi thi hành án tử hình. Chúng tôi không để cho Toot-Toot đóng thay vai của John. Không cần phải bàn bạc với nhau, tất cả chúng tôi đều biết rằng đó sẽ là một sự xúc phạm.

Tôi là người đóng thế.

– John Coffey, – Brutal nói với giọng không được tự tin

lắm sau khi tôi đã bị cột chặt trên ghế điện. – Ông bị kết án tử hình trên ghế điện và bắn án được tuyên bởi một bồi thẩm đoàn...

John Coffey, bản án tử hình... Thật là một sự nhạo báng. Theo như tôi biết thì sẽ không có một người nào giống như anh ta trên hành tinh này. Sau đó tôi nhớ lại lời John đã nói khi anh ta dừng lại ở cuối bậc thang từ văn phòng của tôi dẫn xuống và nhìn trần trối chiếc ghế điện: *Họ vẫn còn ở đó, tôi nghe tiếng họ kêu rên.*

– Hãy thả tôi ra, – tôi thì thào nói. – Hãy mở dây trói cho tôi!

Những người khác vâng lời, nhưng trong khoảng khắc tôi cảm thấy mình bị dính chặt trên chiếc ghế điện, làm như là già Sparky không muốn buông tôi ra.

Khi chúng tôi quay trở về trại, Brutal nói khê với tôi, nói rất khê đến nỗi Dean và Harry đang xếp những chiếc ghế cuối cùng trên hàng ghế dành cho nhân chứng không thể nghe được:

– Trong đời tôi, tôi đã làm nhiều việc không thể lấy làm tự hào, nhưng đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy như mình sắp xuống đến địa ngục.

Tôi nhìn anh ta để xác định rằng anh ta không nói đùa:

– Cậu nghĩ gì vậy?

– Tôi nghĩ rằng chúng ta sắp giết chết một tặng vật của Chúa. Chúng ta sắp giết chết một người chưa bao giờ làm hại ai và cũng sẽ không bao giờ làm hại ai. Tôi muốn nói rằng tôi biết trả lời sao với Chúa trong ngày phán xét và Ngài yêu cầu tôi có một lời giải thích cho hành động của mình? Có phải đó là công việc của tôi không? *Công việc à?*

8

Sau khi John đi tắm xong được đưa trở lại xà lim và các quản giáo ở trại khác đã ra về, tôi mở cửa xà lim của John ra rồi bước vào ngồi trên tấm ván cạnh anh ta. Brutal đang ngồi ở bục cạnh. Anh ta ngẩng lên và nhìn thấy tôi đang ngồi một mình với Coffey nhưng không nói gì. Anh ta tiếp tục viết và liếm đầu nhọn bút chì liên tục.

John nhìn tôi với cặp mắt lạ lùng của anh ta, buồn bã, rơm rớm nước mắt nhưng có vẻ bình tĩnh như là thật ra không có gì tồi tệ khi phải luôn đau khổ như thế. Thậm chí anh ta còn mỉm miệng cười. Anh ta thơm mùi xà phòng Ivory khiến tôi liên tưởng đến một đứa bé sạch sẽ, tỉnh táo sau khi tắm buổi tối.

– Chào sếp! – Coffey nói và cầm tay tôi bằng cả hai bàn tay. Anh ta làm điều đó với thái độ rất tự nhiên.

– Chào John, – tôi chỉ nói được thế rồi có một vật gì chen ngang cổ họng của tôi. Tôi cố gắng nuốt nó xuống. – Tôi cho rằng anh đã đoán biết sắp đến lúc rồi. Chỉ còn hai ngày nữa.

Coffey không nói gì cả, chỉ ngồi yên và cầm bàn tay tôi. Trong thâm tâm tôi nghĩ có chuyện gì đang xảy ra với tôi, nhưng tôi đang quá tập trung vào nhiệm vụ của mình nên không thể nhận ra.

– John, anh có muốn ăn một món gì đặc biệt vào tối

hôm đó không? Chúng tôi có thể thu xếp tất cả. Thậm chí chúng tôi có thể đem đến cho anh một chai bia nếu như anh muốn. Anh chỉ phải uống nó trong một cái cốc bằng nhôm thôi.

Coffey nói:

– Tôi không bao giờ thích bia. Tôi không thấy ngon.

– Anh có muốn ăn món gì đặc biệt không?

Anh ta nhú mồm rồi sau đó nở một nụ cười:

– Thịt băm viên rất ngon.

– Thế thì thịt băm viên kèm với nước sốt.

Tôi cảm thấy bị tê tê, giống như là khi ta đang nằm ngủ và gối đầu lên một cánh tay khiến cánh tay bị tê dại, nhưng cảm giác này lan cả cơ thể. *Trong cơ thể của tôi.*

– Anh còn muốn ăn món gì nữa không?

– Tôi không biết, thưa sếp. Ông cho tôi ăn thứ gì cũng được, tôi không kén chọn đâu.

– Thôi được, – tôi nói và nghĩ rằng anh ta sẽ có một miếng bánh ngọt với quả anh đào do bà Janice Edgecombe làm để tráng miệng. – Còn với vị linh mục thì sao? Anh muốn cầu nguyện với ai trong đêm cuối cùng? Tôi thấy điều đó an ủi rất nhiều người. Tôi có thể liên lạc với Reverend Schuster, đó là người đã cùng cầu nguyện với Del...

– Tôi không cần linh mục, – John nói. – Ông đã đối xử với tôi rất tốt, sếp ạ. Ông có thể đọc lời cầu nguyện cho tôi, nếu ông muốn. Như thế cũng đủ rồi. Tôi có thể quỳ bên cạnh ông một lúc.

– *Tôi à? John, tôi không thể...*

Anh ta siết chặt hai bàn tay tôi và cảm giác lấn tấn trong người tôi mỗi lúc một tăng. – Ông có thể. Đúng không sếp?

– Tôi nghĩ rằng thế, – tôi nghe giọng của mình vang lên như từ một nơi xa xăm nào vọng tới. – Tôi cho rằng tôi có thể làm, nếu như cần thiết.

Cảm giác ấy càng mạnh hơn giống như là khi anh ta chữa lành chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu cho tôi nhưng có khác. Không phải chỉ vì lần này tôi không bệnh. Điều khác biệt là *lần này anh ta không ý thức được điều anh ta đang làm*. Đột nhiên tôi cảm thấy sợ khủng khiếp, sợ đến nỗi tôi muốn chạy trốn, đi ra khỏi xà lim. Hàng ngàn tia sáng đang chiếu vào bộ não của tôi, không, vào cả cơ thể tôi.

John Coffey nói:

– Ông và ông Howell và các sếp khác đã đối xử rất tốt với tôi. Tôi hiểu rằng ông đang lo lắng. Nhưng xin ông đừng bận tâm nữa, bởi vì tôi *muốn* ra đi, thưa sếp.

Tôi định nói điều gì đó nhưng không thể thốt nên lời. John Coffey nói tiếp và đây là lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng anh ta nói dài nhất:

– Tôi đau đớn vì những gì tôi nghe và cảm thấy chung quanh mình, thưa sếp. Tôi không muốn tiếp tục lang thang ngoài đường, cô đơn, một mình trong đêm tối. Tôi chưa bao giờ có một người bạn, một người cùng đi với tôi hoặc một người nói với tôi rằng chúng tôi nên đi đến đâu và tại sao. Tôi không muốn nhìn thấy con người đối xử độc ác với nhau. Khi chứng kiến cảnh ấy, đầu óc tôi như muốn nổ tung, tim tôi nhỏ máu. Tôi không muốn nhìn thấy cảnh tượng những người đau đớn, khổ sở mà tôi không thể cứu giúp. Tôi không muốn tiếp tục sống trong bóng tối, nhưng điều chủ yếu là sự đau đớn, khổ sở trong lòng. Nỗi đau ấy rất mạnh mẽ. Nếu như tôi có thể tự kết thúc được thì tôi đã làm, nhưng tôi không thể...

“Dừng lại!” – Tôi định nói như thế. – “Dừng lại và hãy buông tôi ra nếu không tôi sẽ bị chết ngạt. Chết ngạt hoặc là

nổ tung”.

– Ông sẽ không nổ tung đâu, – Coffey nói và hơi mỉm cười với ý nghĩ ấy... nhưng anh ta bỏ tay tôi ra.

Tôi cúi gập người và há miệng dớp không khí. Tôi có thể nhìn thấy giữa hai đầu gối của tôi từng vết nứt dưới sàn nhà, từng đốm lấp lánh của cát lẫn xi măng. Tôi nhìn lên tường và thấy những cái tên đã được viết lên trên đó năm 1924, 1926, 1931. Những cái tên này đã bị xóa đi. Những người đàn ông mang những cái tên đó có thể nói là cũng đã bị xóa đi khỏi thế giới này, nhưng tôi cho rằng không bao giờ có thể xóa sạch một thứ gì đã từng tồn tại và bây giờ, tôi nhìn thấy những cái tên chồng từng lớp lên và nghe tiếng kêu than của họ.

Tôi cảm thấy mắt của mình trợn trừng lên, tim tôi đập mạnh, máu chảy rần rần trong cơ thể. Tôi nghe tiếng tàu hỏa chạy xa xa, chuyến tàu đến Priceford lúc ba giờ năm mươi phút, tôi tin là như thế nhưng không chắc chắn lắm bởi vì tôi chưa bao giờ nghe được tiếng của nó. Từ Cold Mountain đến đường tàu phải mất nhiều dặm về hướng Đông. Có thể quý vị sẽ nói rằng từ nhà tù tôi không thể nghe được ở khoảng cách như thế và tôi cũng đã tin điều đó cho đến tháng mười một năm 1932, nhưng hôm nay tôi đã nghe được.

Một bóng đèn nào đó đã nổ giống như một quả bom.

Tôi thì thào:

– Anh đã làm gì với tôi thế? Ồ, John, anh đã làm gì thế?

– Tôi rất lấy làm tiếc, thưa sếp. – John Coffey khe khẽ trả lời. – Tôi không nghĩ gì cả. Sẽ không có điều gì nghiêm trọng xảy ra đâu. Ông sẽ cảm thấy dễ chịu ngay.

Tôi đứng dậy và đi ra cửa xà lim. Tôi cảm thấy như mình đang đi trong mơ. Khi tôi đi ra đến cửa, Coffey nói:

– Ông đã tự hỏi tại sao chúng không kêu cứu, phải không? Đây là điều duy nhất khiến ông băn khoăn, phải không? Tại sao hai đứa bé gái ấy lại không kêu cứu khi chúng còn ở hàng hiên?

Tôi quay lại và nhìn John chăm chú. Tôi có thể thấy từng mạch máu đỏ li ti trong đôi mắt anh ta, từng vết mụn trên gương mặt anh ta... và tôi cảm nhận nỗi đau đớn của anh ta, nỗi đau đớn của người khác mà anh ta hút lấy vào người như một miếng bọt biển hút nước. Tôi có thể nhìn thấy bóng đêm mà anh ta đã nói. Nó có ở khắp mọi nơi trên thế giới và trong giây phút này tôi hiểu và thông cảm với anh ta hơn bao giờ hết.

Vâng, thật là khủng khiếp, những điều chúng ta làm, thế nhưng sẽ không bao giờ thay đổi... và cũng không ai muốn thay đổi...

– Tôi đã nhận ra nó khi gã đàn ông độc ác đó nắm lấy tay tôi. – John nói. – Lúc đó tôi nhận ra rằng chính hắn đã làm việc đó. Vào ngày hôm ấy tôi đã nhìn thấy hắn. Tôi nấp sau thân cây và nhìn thấy hắn thả hai cô bé xuống rồi bỏ chạy, nhưng...

– Nhưng anh đã quên. – Tôi nói.

– Đúng vậy, thưa sếp. Tôi chỉ chợt nhớ ra khi hắn chạm vào người tôi.

– John, tại sao hai đứa bé lại không kêu cứu? Hắn đã làm chúng bị thương, làm chúng chảy máu và cha mẹ chúng đang ngủ ngay trong nhà. Tại sao chúng không kêu cứu?

John nhìn tôi, vẻ đau đớn:

– Hắn nói với một đứa bé rằng: “Nếu mày không im lặng tao sẽ giết chết em mày chứ không phải mày.” Hắn cũng nói như thế với đứa bé kia. Ông hiểu không?

– Vâng, tôi đã hiểu. – Tôi thì thào. Hàng hiên của nhà

Detterick chìm trong bóng tối. Wharton nghiêng người xuống hai đứa trẻ như một bóng ma. Một trong hai đứa trẻ hét lên và Wharton đã đánh nó chảy máu mũi. Đó là những giọt máu được nhìn thấy trên hàng hiên.

John nói tiếp:

– Hắn đã giết chúng bằng tình yêu thương, tình yêu thương của hai đứa bé đối với nhau. Ông có hiểu điều đó là như thế nào không?

Tôi gật đầu, không thể nói được nên lời.

Anh ta mỉm cười.

Những giọt nước mắt chảy tràn trên má anh ta, nhưng anh ta mỉm cười:

– Như thế đấy. – Anh ta nói. – Mỗi ngày đều xảy ra những chuyện như thế, xảy ra khắp nơi trên thế giới này.

Sau đó anh ta nằm xuống tấm ván, quay mặt vào tường.

Tôi bước ra ngoài hành lang, khóa cửa xà lim lại rồi đi đến bụi cảnh. Tôi vẫn cảm thấy như mình đi trong mơ. Tôi nhận ra mình có thể đọc được suy nghĩ của Brutal, anh ta không biết tách vắn của từ “welcome” như thế nào. Sau đó anh ta ngẩng đầu nhìn lên và mỉm cười rồi nhìn tôi chăm chú hơn. Brutal hỏi:

– Paul? Mọi việc ổn chứ?

– Vâng, ổn cả.

Sau đó tôi kể cho Brutal nghe những gì John Coffey đã nói, dĩ nhiên không phải là tất cả và những gì anh ta đã tác động tới tôi (tôi chưa bao giờ kể cho ai nghe về việc này, kể cả Janice, Elaine Connelly sẽ là người đầu tiên nếu như bà ấy đọc hết những trang cuối của câu chuyện này), nhưng tôi nói rằng John Coffey muốn chết. Hình như điều đó khiến Brutal cảm thấy nhẹ lòng hơn bởi vì tôi nhìn thấy suy nghĩ của anh ta. Anh ta đang tự hỏi không biết tôi có bịa đặt ra để trấn an

anh ta hay không. Sau đó tôi nhận thấy anh ta quyết định rằng nên tin tôi, bởi vì điều đó khiến anh ta bớt ray rứt. Brutal hỏi:

– Paul, căn bệnh đó trở lại à? Gương mặt anh đỏ bừng kìa.

– Không, tôi vẫn khỏe. – Tôi nói, vào thời điểm đó tôi biết rằng John có lý khi nói tôi sẽ nhanh chóng trở lại bình thường.

– Mặc dù vậy anh cũng nên vào văn phòng và nằm nghỉ một chút.

Ý nghĩ đi nằm nghỉ một chút khiến tôi suýt bật cười. Tôi đang ở trong tình trạng có thể xây cả một căn nhà, cày xới một cánh đồng và trồng trọt trên đó.

Như thế đấy. – Tôi nhớ lại. – Mỗi ngày đều xảy ra những chuyện như thế, xảy ra khắp nơi trên thế giới này.

– Tôi sẽ sang văn phòng và kiểm tra lại một vài hồ sơ.

– Tùy anh.

Tôi đi ra cửa. Trước khi mở cánh cửa ra tôi quay lại nói:

– Cậu đã tách vần đúng rồi: *wel-come*, tách sau chữ l và trước chữ c. Theo tôi biết thì đúng như thế nhưng cũng có thể có ngoại lệ.

Tôi bước ra ngoài và không cần quay lại nhìn cũng biết rằng Brutal đang há hốc mồm nhìn tôi. Phần còn lại của ca trực hôm ấy tôi không thể ngồi yên được năm phút. Trong người tôi mang một xung lượng buộc phải vận động liên tục. Tôi đi đến bộ phận quản lý, sau đó tôi đi tới đi lui ở trên sân liên tục đến nỗi những người gác ngục ngồi trên tháp canh ngỡ rằng tôi phát điên. Khi ca trực của tôi kết thúc, tôi cảm thấy dần dần bình tĩnh trở lại. Thế nhưng trên đường trở về nhà, cảm giác phấn khích lại quay trở lại khiến tôi phải dừng xe bên lề đường và đi bộ một đoạn khoảng nửa dặm rồi quay

trở lại xe. Khi tôi về đến nhà và thuật lại cho Janice nghe rằng John Coffey đã nói anh ta đã hiểu và sẵn sàng chết. Cô ấy gật đầu và có vẻ nhẹ nhõm. Thật sự cô ấy có cảm thấy như thế không? Tôi không biết. Trước đây sáu giờ đồng hồ hoặc thậm chí là ba giờ tôi còn có thể đọc được ý nghĩ của người khác nhưng bây giờ thì không. Như thế tốt hơn. John đã nói rằng anh ta đau khổ vì điều đó và bây giờ tôi đã hiểu tại sao. Những gì anh ta đọc được khiến anh ta kiệt sức. Người nào ở vào tình trạng đó cũng mong muốn được vĩnh viễn nghĩ ngơi trong yên tĩnh đời đời.

Khi Janice hỏi tại sao mặt tôi đỏ bừng và người ướt đầm mồ hôi như thế. Tôi nói rằng tôi đã dừng xe bên vệ đường và chạy bộ một đoạn. Tôi chỉ nói như thế. Nhưng tôi không kể cho cô ấy biết tại sao tôi đã chạy bộ. Và cô ấy cũng không hỏi.

9

Vào đêm John Coffey phải ngồi trên ghế điện, trời không giông gió. Vào khoảng thời gian này trong năm, thời tiết rất lạnh và ánh sao lấp lánh tỏa xuống trên những cánh đồng đã được gặt và đang phủ một lớp băng mỏng trông như những hạt kim cương.

Brutus Howell sẽ chỉ huy cuộc hành hình. Anh ta sẽ đội mũ cho tội nhân và ra lệnh cho Van Hay ở phòng điều khiển điện khi đến thời điểm đó. Bill Dodge ở trong phòng điều khiển cùng với Van Hay. Khoảng mười một giờ hai mươi đêm

hai mươi tháng 11, Dean, Harry và tôi đi đến xà lim duy nhất còn có một tù nhân của trại E. John Coffey đang ngồi trên tấm ván, hai tay vòng qua ôm đầu gối. Một giọt xúp còn dính trên cổ chiếc áo màu xanh của anh ta. Coffey nhìn qua song sắt và thấy chúng tôi đang đến. Anh ta có vẻ bình tĩnh hơn chúng tôi rất nhiều. Hai bàn tay của tôi lạnh ngắt và các mạch máu ở hai thái dương tôi đập mạnh. Dù biết rằng anh ta đã sẵn sàng nhưng chúng tôi cảm thấy thật khó khăn khi phải thi hành lệnh tử hình anh ta cho một tội ác mà anh ta không hề phạm phải.

Tôi đã nhìn thấy Hal Moores lần cuối cùng trong đêm hôm đó vào lúc bảy giờ tối. Ông ta đang ở trong phòng làm việc và cài cúc chiếc áo măng-tô. Gương mặt của ông ta tái nhợt và hai bàn tay run rẩy đến nỗi rất khó khăn lắm mới cài nổi cúc áo. Suýt nữa tôi muốn gạt tay ông ta qua một bên để cài cúc áo cho ông ta như người ta làm với những đứa bé.

Điều trở trêu là tuần vừa rồi Melinda vừa đến thăm Jan và trông bà ta còn khỏe mạnh hơn là Hal vào đêm hôm nay.

– Tôi không tham dự cuộc hành hình đêm nay, – Hal Moores nói. – Curtis sẽ có mặt ở đó và tôi biết rằng anh và Brutus sẽ thu xếp cho Coffey ổn thỏa.

Tôi đáp:

– Vâng, thưa ông. Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức mình. Có tin gì về Percy không? – Dĩ nhiên là tôi muốn hỏi Percy đã tỉnh trí lại chưa. Biết đâu hắn đang ngồi ở trong một căn phòng nào đó và kể cho ai đó, có thể là một bác sĩ, nghe về việc chúng tôi đã nhét hắn vào chiếc áo trấn lực và nhốt hắn vào trong buồng cao su như thế nào? Và nếu như thế liệu người ta có tin hắn hay không? Nhưng theo lời Hal thì tình trạng của Percy không có gì thay đổi. Hắn không mở miệng và hình như không còn hiện diện trên thế gian này, một

người nào đó đã nhận xét như thế. Hấn vẫn còn ở Indianola, “đang được chẩn đoán”, Hal đã nói như thế và có vẻ lúng túng vì cách diễn đạt của mình. Nếu tình trạng của hấn không khá hơn thì người ta sẽ chuyển hấn sang bệnh viện khác.

– Coffey cư xử như thế nào? – Hal hỏi. Cuối cùng thì ông ta cũng cài được chiếc cúc áo còn lại.

Tôi gật đầu:

– Thái độ của anh ta rất tốt, Hal ạ.

Ông ta cũng gật đầu và đi ra cửa. Trông ông ta già nua và yếu ớt làm sao!

– Tại sao trong một con người lại chứa điều tốt lẫn điều xấu cùng cực như thế? Làm sao mà người đàn ông chữa lành bệnh cho vợ tôi lại có thể sát hại trẻ thơ? Anh có hiểu điều đó không?

Tôi nói với ông rằng tôi cũng không hiểu, rằng những con đường của Chúa thật bí ẩn và mỗi con người đều chứa cái tốt lẫn cái xấu và không thể trả lời câu hỏi “tại sao” được. Hal gật đầu và có vẻ tin lời tôi. Ông ta có thể tự cho phép mình gật đầu, đúng không? Vâng, và tự cho phép mình yên lòng. Gương mặt của ông ta lộ rõ vẻ buồn bã, tôi không nghi ngờ về điều đó – nhưng lần này không có những giọt nước mắt, bởi vì ông ta còn có một người vợ đang chờ ông ta quay trở về và bà ấy rất khỏe mạnh. Nhờ Coffey bà ấy đã khỏe trở lại và người chồng của bà ấy đã ký bản án tử hình của Coffey. Ông ta không cần chứng kiến cảnh thi hành án, cảnh sắp xảy ra. Đêm hôm nay ông ta có thể ngủ yên trong hơi ấm của vợ trong khi cái xác của John Coffey nằm trong nhà để xác ở dưới tầng hầm của một bệnh viện lạnh giá. Trong giây phút này tôi cảm thấy ghét Hal Moores. Chỉ chút ít thôi nhưng tôi có thể nói rằng tôi vẫn ghét ông ấy vì điều đó.

Tôi bước vào xà lim, Dean và Harry theo sau. Cả hai đều tái nhợt và có vẻ tuyệt vọng. Tôi hỏi:

– John, anh cảm thấy thế nào?

John Coffey gật đầu:

– Thưa sếp, ổn cả. Tôi đã sẵn sàng.

– Thôi được. Tôi phải nói một vài câu trước khi chúng ta đi ra.

– Ông cứ nói những gì cần phải nói, thưa sếp.

– John Coffey, là viên chức của nhà tù...

Tôi nói cho đến kết thúc những điều cần phải nói theo qui định. Sau khi tôi nói xong, Harry Terwilliger bước đến bên cạnh tôi và chìa bàn tay cho John Coffey. John ngạc nhiên nhìn, đoạn anh ta mỉm cười và nắm lấy tay Harry. Dean, với vẻ mặt nhợt nhạt cũng bước tới chìa tay cho John:

– John, anh xứng đáng được đối xử tốt hơn. – Dean nói với giọng ghen ngào. – Tôi rất lấy làm tiếc.

– Với tôi thì ổn rồi, – John nói. – Đây là đoạn khó khăn nhất. Chỉ chút nữa thôi là tôi đã vượt qua.

Anh ta đứng lên và mặt dây chuyền có hình Thánh Christophorus lung lảng trước ngực.

– John, tạm thời tôi phải giữ cái ấy. – Tôi nói. – Tôi có thể đeo vào cho anh... sau đó, nếu anh muốn. Nhưng bây giờ tôi phải giữ nó.

Mặt dây chuyền ấy làm bằng bạc và nếu John Coffey vẫn mang nó thì khi Jack Van Hay ấn cần điều khiển, nó có thể chảy ra trên da của Coffey. Tôi đã từng nhìn thấy cảnh đó rồi. Trong những năm tôi làm việc ở trại tử tù, tôi đã nhìn thấy rất nhiều, nhiều hơn là cần thiết.

John Coffey lấy sợi dây chuyền ra khỏi cổ và đưa cho tôi. Tôi bỏ nó vào túi và bảo anh ta bước ra khỏi xà lim. Việc kiểm tra xem tóc có cạo sạch hay chưa đối với John không

cần thiết. Đầu của anh ta nhăn thín.

– Ông biết không, sếp, trưa hôm nay tôi đã ngủ và đã nằm mơ, – John nói. – Tôi mơ thấy con chuột của Del.

– Thật thế à, John?

Tôi đi bên phải Coffey, Harry đi bên trái, Dean theo sau và chúng tôi cùng bước trên *Dặm Xanh*. Đối với tôi đây là lần cuối cùng tôi đưa một tù nhân lên ghế điện.

– Vâng, – Coffey nói. – Tôi mơ thấy mình đến nơi mà sếp Howell đã nói, đến thành-phố-chuột. Tôi mơ thấy rất nhiều trẻ em và chúng đang cười vì những màn biểu diễn của con chuột. – Anh ta bật cười rồi trở lại vẻ nghiêm nghị. – Tôi mơ đã nhìn thấy hai cô bé tóc vàng đỏ. Chúng cũng đang cười. Tôi bế chúng trên tay nhưng lần này tóc của chúng không dính máu và chúng rất khỏe mạnh. Cả ba chúng tôi nhìn Mr. Jingles biểu diễn với cái trục chỉ và chúng tôi cùng cười.

– Thế à? – Tôi nghĩ rằng tôi có thể vượt qua, nhưng thật là khó khăn. Tôi cảm thấy mình phải thét lên hay là tìm tôi sẽ nhảy ra khỏi lồng ngực vì đau buồn.

Chúng tôi đi vào văn phòng của tôi. John nhìn quanh rồi quỳ xuống mà không đợi nhắc nhở. Sau lưng anh ta, Harry đang nhìn chúng tôi với ánh mắt đau đớn. Gương mặt của Dean trắng nhợt như tờ giấy.

Tôi quỳ xuống bên cạnh John và nghĩ thầm thật kỳ lạ khi có sự thay đổi 180° như thế này. Bây giờ người tử tù lại phải trấn an tôi. Quả thật tôi cần được giúp đỡ.

John Coffey hỏi:

– Chúng ta phải cầu nguyện về điều gì, thưa sếp?

– Sức mạnh! – Tôi trả lời mà không suy nghĩ. Tôi nhắm mắt lại rồi nói. – Lạy Chúa xin hãy giúp chúng con có đủ sức mạnh để kết thúc những gì chúng con đã bắt đầu và xin Chúa

hãy đón nhận người đàn ông này, John Coffey, tên gọi như một loại thức uống nhưng viết khác, vào nước Chúa. Xin Chúa giúp cho anh ấy được yên nghỉ đời đời. Lạy Chúa xin hãy giúp đỡ chúng con để chúng con có thể chia tay anh ấy êm đẹp như những gì anh ấy xứng đáng được hưởng và đừng có chuyện gì bất trắc xảy ra. Amen.

Tôi mở mắt rồi nhìn Dean và Harry. Lúc này trông cả hai đã có vẻ khá hơn. Hình như họ có thời gian để hít không khí chứ không phải vì lời cầu nguyện của tôi.

Tôi định đứng lên nhưng John Coffey đã giữ tay tôi lại. Ánh mắt của anh ta có vẻ ngại ngùng nhưng đầy hy vọng:

– Tôi nhớ lại một lời cầu nguyện mà ai đó đã dạy tôi khi tôi còn nhỏ. – Coffey nói. – Tôi có được phép đọc nó không?

Dean nói:

– John, hãy đọc đi. Chúng ta còn nhiều thời gian.

John nhắm mắt lại và tập trung tư tưởng. Tôi nghĩ đến lời cầu nguyện “tôi đã mệt mỏi và muốn nghỉ ngơi”. John Coffey chấp tay lại và thì thầm:

– Lạy đức Chúa nhân từ, xin hãy cầu nguyện cho con, một đứa trẻ mồ côi. Xin cho con có đủ sức mạnh để đi đến đoạn cuối cùng. Amen.

Anh ta mở mắt ra và định đứng lên rồi quay lại nhìn tôi.

Tôi đưa tay gạt nước mắt khi nghe những lời của John. Ý nghĩ của tôi quay trở về Del. Đến phút cuối, ông ta cũng muốn đọc một đoạn kinh cầu nguyện: *Thánh Maria, ôi mẹ của con, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu nguyện cho con, cầu nguyện cho chúng con, là kẻ có tội, bây giờ và trong giờ lâm tử của chúng con, giờ lâm tử của con. Amen.*

– Tôi rất lấy làm tiếc, John ạ.

– Không cần phải thế, thưa sếp.

Anh ta bóp nhẹ cánh tay tôi và mỉm cười. Rồi sau đó, như tôi đã đoán trước, anh ta đỡ tôi đứng dậy.

10

Không có nhiều nhân chứng tham dự, có lẽ chỉ khoảng mười bốn người, bằng một nửa số nhân chứng trong cuộc thi hành án tử hình Delacroix. Homer Cribus đã đến và vẫn đang hành hạ chiếc ghế với khối lượng của mình nhưng tôi không nhìn thấy phó cảnh sát trưởng McGee. Có lẽ ông ta đã quyết định giống như giám đốc Moores, không tham dự cuộc hành hình này. Có một đôi vợ chồng trung niên ngồi ở hàng ghế đầu, thoát đầu tôi không nhận ra mặc dù tôi đã nhìn ảnh của người chồng trên nhiều tờ báo. Khi chúng tôi đang tiến dần đến bục đặt ghế điện, người đàn bà nghiêng rằng nói: “Cầu cho mày chết trong đau đớn, đồ khốn” – và tôi nhận ra đó là vợ chồng Detterick, Klaus và Marjorie. Tôi không nhận ra được họ bởi vì trông họ già hơn tuổi ba mươi rất nhiều.

John co rúm người lại khi nghe những lời này. Hank Bittermank, một cảnh binh, không rời mắt khỏi Klaus Detterick. Đó là lệnh của tôi nhưng trong đêm ấy Detterick không có một cử chỉ gì về hướng John. Trông ông ta như đang ở một hành tinh khác.

Brutal, đang đứng cạnh già Sparky, khẽ gật đầu với tôi

khi chúng tôi tiến dần tới bụi. Anh ta đút khẩu súng vào bao, nhẹ nhàng nắm lấy cổ tay John Coffey và dắt John đến chiếc ghế điện với cử chỉ dịu dàng như một chàng trai đang đưa cô gái mình yêu tiến đến sàn nhảy.

– John, anh ổn chứ? – Brutal khê hỏi.

– Vâng, thưa sếp, nhưng... – ánh mắt của John nhìn lướt qua phòng và lần đầu tiên anh ta có vẻ sợ hãi. – Nhưng ở đây có rất nhiều người căm ghét tôi. *Rất nhiều*. Tôi có thể cảm thấy điều đó. Nó làm tôi đau đớn giống như những vết đốt của các con ong. Tôi đau.

– Thế thì anh hãy nhìn chúng tôi và hãy *cảm thấy* những điều chúng tôi nghĩ. – Brutal nói khê. – Chúng tôi không ghét anh. Anh không cảm thấy điều đó sao?

– Vâng, thưa sếp. – Nhưng giọng nói của John Coffey càng run rẩy hơn và đôi mắt của anh ta đắm lệ.

– Hãy giết hắn hai lần! – Giọng của Marjorie Detterick vang lên đột ngột như một ngọn roi quất vào không khí. John Coffey co rúm người lại và rên rỉ. – Các ông, hãy giết kẻ đã hiếp và sát hại trẻ con hai lần!

Klaus, người từ nãy đến giờ trông như một người đàn ông đang chìm trong giấc mơ với cặp mắt mở to kéo vờ về phía mình. Bà ấy òa lên khóc.

Tôi lúng túng khi thấy Harry Terwilliger cũng khóc. Các nhân chứng không thể nhìn thấy những giọt nước mắt của anh ta, anh ta đứng quay lưng về hướng họ, nước mắt chảy tràn trên má. Nhưng chúng tôi có thể làm gì được ngoài việc tiếp tục mọi việc cho đến kết thúc? Chúng tôi không còn cách nào khác.

Tôi và Brutal xoay John Coffey lại và John ngồi lên ghế điện. Anh ta đặt hai tay lên tay vịn của “Già Sparky”, ánh mắt đảo từ bên này sang bên kia rồi đưa lưỡi liếm đôi môi

đang khô khốc.

Harry và tôi quỳ xuống. Ngày hôm trước chúng tôi đã đặt xương cơ khí làm chiếc cùm lớn hơn bởi vì kích thước của xương Coffey lớn hơn những tử tội khác rất nhiều. Mặc dù đã chuẩn bị như thế nhưng tôi vẫn sợ khoảng khắc kinh khủng khi những chiếc cùm vẫn còn quá nhỏ và chúng tôi phải đưa John trở về xà lim và Sam Broderick, người chỉ huy xưởng cơ khí, phải nhanh chóng cho làm những chiếc lớn hơn. Tôi bật mạnh chiếc cùm rồi đóng lại. John giật mình và há miệng đớp không khí. Tôi đã kẹp vào thịt anh ta.

– Xin lỗi John! – Tôi thì thảo và nhìn Harry. Anh ta đóng chiếc cùm lại dễ dàng (hoặc là chiếc cùm của anh ta lớn hơn hoặc là xương chân của John Coffey bên ấy nhỏ hơn), nhưng Harry vẫn nhìn nó một cách hoài nghi.

– Rồi sẽ ổn thôi, – tôi nói và hy vọng giọng nói của mình đủ thuyết phục hoặc điều tôi nói là đúng sự thật. – Hãy lau nước mắt đi, Harry.

Harry lấy tay áo lau nước mắt đang chảy trên má và mồ hôi trên trán. Chúng tôi quay lại. Homer Cribus đang nói chuyện rất to với người bên cạnh, hình như là công tố viên, chợt im lặng. Đã đến lúc rồi.

Brutal đã buộc chặt một cổ tay của John, còn Dean buộc cổ tay bên kia. Sau lưng Dean, tôi nhìn thấy bác sĩ. Ông ấy đứng lặng lẽ như mọi khi, lưng tựa vào tường, chiếc túi màu đen đặt giữa hai chân. Thời bây giờ các bác sĩ thường chạy nhanh đến nơi xảy ra những sự kiện như thế này nhưng dạo ấy hầu như phải lôi họ đến. Có thể là vì các bác sĩ thời ấy vẫn ghi nhớ lời thề rằng họ sẽ không gây đau đớn, làm hại ai cả.

Dean gạt đầu ra hiệu cho Brutal. Brutal quay đầu lại nhìn chiếc điện thoại có lẽ không bao giờ reo vì một người

như John Coffey rồi ra lệnh cho Jack Van Hay:

– Bậc một!

Đó là tiếng kêu u u giống như chiếc tủ lạnh cũ kỹ vừa được khởi động và những ngọn đèn sáng lên một chút. Những cái bóng của chúng tôi sắc nét hơn, những cái bóng màu đen hắt lên tường giống như những con chim diều hâu đang dang đôi cánh trườn lên chiếc ghế điện. John hít vào một hơi dài. Cổ tay của anh ta trắng nhợt.

– Mày đã đau đớn chưa? – Bà Detterick kêu lên, đầu vẫn tựa vào vai của chồng. – Tao mong rằng mày sẽ chịu đau đớn khủng khiếp! – Ông Detterick siết chặt vợ hơn. Tôi nhìn thấy một dòng máu ri rỉ chảy từ một bên mũi của ông ta. Vào tháng ba năm sau tôi đọc trên báo và đã thấy ông ta đã từ trần vì một cơn đột quỵ.

Brutal bước đến đứng trước mặt John. Anh ta đặt tay lên vai John trong khi nói. Điều đó không đúng với qui định. Trong số các nhân chứng chỉ có Curtis Anderson là biết nhưng hình như ông ta không nhận ra. Trông ông ta giống như một người đang cố gắng hoàn thành công việc của mình. Sau này ông ta chết vì một tai nạn giao thông ở Fort Bragg.

John Coffey có vẻ bất căng thẳng. Tôi không tin rằng anh ta hiểu những gì Brutal nói với anh ta, nhưng anh ta cảm thấy được an ủi khi bàn tay của Brutal đặt lên vai mình. Brutal đã chết hai mươi lăm năm sau vì một cơn đau tim (anh ta đang ăn bánh mì với cá và xem trận đấu quyền Anh ở trên truyền hình thì lên cơn đau và chết, vợ của anh ta đã thuật lại như thế). Đó là một người tốt. Người bạn thân thiết của tôi, có thể là người tốt nhất trong số chúng tôi. Anh ta không cần phải cố gắng để hiểu rằng người đàn ông ấy đang hoảng sợ trước chuyến đi cuối cùng:

– John Coffey, ông đã bị kết án tử hình! Bản án được

đưa ra bởi một bồi thẩm đoàn và do chánh án tòa án tiểu bang tuyên. Cầu Chúa phù hộ cho các công dân của tiểu bang! Ông có muốn nói gì trước khi bản án được thi hành hay không?

John lại liếm môi rồi nói rất rõ ràng:

– Tôi rất tiếc là một người như thế này.

Chỉ mấy từ đó thôi.

– Mày hãy lấy làm tiếc đi! Đồ ác quỷ, mày hãy tiếc là một kẻ như thế đi! – Người mẹ của hai đứa bé gái đã chết thét lên.

John nhìn tôi. Tôi không nhìn thấy sự cam chịu trong đôi mắt anh ta, không có hy vọng vào thế giới bên kia, không có sự yên tĩnh. Tôi ước mong sao tôi có thể nói ngược lại. Tôi ước mong sao mình có thể tự nhủ như thế. Những gì tôi nhìn thấy trong đôi mắt John là sự sợ hãi, nỗi đau khổ, sự đau đớn, không hiểu nổi những gì đang diễn ra. Đó là đôi mắt của một con thú đã bị sập bẫy và đang sợ hãi. Tôi nhớ lại những lời anh ta đã nói vì sao Wharton có thể bắt Cora và Kathe Detterick đi mà không làm ai kinh động. *Hắn đã giết chúng bằng tình yêu thương. Mỗi ngày đều như thế. Khắp nơi trên thế giới này đều như thế.*

Brutal cầm chiếc mũ trùm bằng lụa đen treo phía sau chiếc ghế điện. Khi John Coffey nhìn thấy nó và hiểu nó dùng để làm gì, anh ta mở to mắt kinh hoàng. Coffey nhìn tôi và bây giờ, tôi thấy những giọt mồ hôi tuôn trên cái đầu trọc của anh ta.

– Thưa сэp, xin ông đừng chụp vật đó lên mặt tôi! – Anh ta nói khề, giọng van nài, khàn khàn. – Xin ông đừng để tôi chết trong bóng tối! Tôi sợ bóng tối lắm.

Brutal đưa mắt nhìn tôi. Anh ta nhướn mày và gương mặt của anh ta như bị đông cứng lại, tay vẫn cầm chiếc mũ

chụp. Ánh mắt của anh ta cho tôi biết rằng dù tôi quyết định như thế nào anh ta cũng sẽ vâng theo. Tôi suy nghĩ rất nhanh, nhanh tới đa theo khả năng của mình. Điều này rất khó khăn bởi vì những mạch máu ở thái dương của tôi đang đập mạnh. Việc trùm đầu tử tội khi thi hành án là thói quen chứ không phải là điều được qui định bằng các văn bản. Mục đích của nó là để cho các nhân chứng bớt kinh sợ và đột nhiên tôi quyết định lần này chúng tôi không cần quan tâm chăm sóc cho họ, cứ để mặc họ. Trong suốt cuộc đời John Coffey, anh ta chưa làm điều gì để phải có mặt ở chốn này. Họ không biết điều đó nhưng chúng tôi biết và tôi quyết định đáp ứng yêu cầu cuối cùng của anh ta. Có thể nhờ đó mà Marjorie Detterick sẽ gửi cho tôi một bức thư cảm ơn.

– Thôi được, John! – Tôi nói khẽ.

Brutal treo chiếc mũ trở lại chỗ cũ. Homer Cribus tức tối gọi chúng tôi:

– Ê, hãy chụp cái mũ lên đầu nó chứ! Anh muốn chúng tôi phải nhìn thấy đôi mắt của hắn nổ tung à?

– Ông hãy im đi! – Tôi nói mà không quay đầu lại nhìn.
– Đây là một cuộc thi hành án và ông không có quyền gì ở đây.

– Và mày là kẻ vô trách nhiệm khi bắt giữ một tù nhân như thế, đồ bị thối. – Harry nói khẽ. Harry qua đời năm 1982, lúc gần tám mươi tuổi. Anh ta không đạt được tuổi thọ như tôi nhưng như thế cũng hiếm hoi rồi. Anh ta chết vì chứng bệnh ung thư ruột.

Brutal cúi xuống lấy miếng bọt biển nhúng vào xô nước. Anh ta cầm miếng bọt biển rồi ấn một ngón tay vào đó rồi đưa lên miệng liếm. Điều ấy thật ra không cần thiết vì tôi đã nhìn thấy những giọt nước màu nâu nhều xuống. Brutal đặt miếng bọt biển vào chiếc mũ chụp rồi đội mũ lên đầu John.

Bây giờ tôi mới nhận thấy gương mặt của Brutal cũng tái nhợt, gần như sắp ngất xỉu. Tôi nhớ lại những lời Brutal đã nói rằng lần đầu tiên trong cuộc đời, anh ta nghĩ rằng mình sẽ xuống địa ngục bởi vì chúng tôi đang chuẩn bị giết chết một tặng vật của Chúa. Đột nhiên tôi cảm thấy rất khó chịu và cố gắng kềm chế lại. Những giọt nước rỉ từ miếng bọt biển chảy dài trên gương mặt John.

Dean Stanton thắt sợi dây nịt ngang ngực Coffey. Trong đêm hôm nọ chúng tôi đã cố gắng bảo vệ Dean vì anh ấy còn phải nuôi những đứa con còn nhỏ, nhưng chúng tôi không thể nào ngờ rằng anh ấy chỉ còn sống không đầy bốn tháng nữa. Sau khi thi hành án tử hình John Coffey, Dean đã làm đơn xin chuyển sang trại C và tại đó, một tù nhân đã dùng một cái đục đâm thủng cổ họng của anh và để anh nằm chết trong vũng máu trên nền nhà bẩn thỉu. Tôi không biết lý do và tôi nghĩ rằng không ai có thể nói được lý do. *Già Sparky* là một thứ gì đó thật bí ẩn và chúng tôi, khi đã tiếp xúc với lão, trở nên yếu ớt như những vật làm bằng thủy tinh. Có lẽ nào giết người bằng hơi ngạt và dòng điện là một nghề nghiệp à?

Brutal kiểm tra lại sợi dây nịt rồi bước lùi lại. Tôi chờ anh ta ra lệnh nhưng anh ta không làm. Khi nhìn thấy Brutal chấp hai tay sau lưng thì tôi biết rằng anh ta sẽ không ra lệnh. Có thể vì anh ta không đủ sức làm việc đó. Tôi không biết mình có thể làm được không nhưng khi nhìn thấy đôi mắt kinh hoàng đầm lệ của John Coffey, tôi biết rằng tôi phải làm. Dù cho điều đó có đưa tôi xuống địa ngục, tôi cũng phải làm.

– Bạc hai! – Tôi ra lệnh bằng giọng khàn khàn, xa lạ như không phải là giọng của tôi.

Tiếng máy kêu rì rì, những ngón tay đang đặt trên tay vịn của ghế điện giật lên, bàn tay xò ra chia các ngón tay về

nhiều hướng khác nhau. Hai đầu gối to lớn của Coffey giật mạnh, nhưng những chiếc cùm đã giữ chúng lại. Ba bóng đèn trên đầu của chúng tôi nổ tung. Marjorie Detterick hét lên rồi gục xuống bất tỉnh trong tay chồng. Bà ấy qua đời mười tám năm sau ở Memphis. Harry đã gửi cho tôi một mẫu báo tin, hình như đó là một tai nạn giao thông.

Người John Coffey đổ gục về phía trước. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, ánh mắt của chúng tôi gặp nhau. John Coffey vẫn còn nhận ra tôi: tôi là sinh vật duy nhất trên thế giới này anh ta nhìn thấy trước khi ra đi. Sau đó người anh ta ngã ra phía sau, tựa vào lưng ghế, chiếc mũ chụp nằm lệch trên đầu và khói bốc lên từ đó. Nhưng nói chung mọi việc diễn ra rất nhanh. Tôi không tin rằng nó không gây đau đớn như người sản xuất chiếc ghế đã khẳng định (bởi vì đó là lý thuyết và họ không thể nào thử nghiệm bằng chính bản thân mình), nhưng mọi việc diễn ra rất nhanh. Hai bàn tay rơi xuống, những móng tay tím lại và khói bốc lên từ gương mặt trước đó đã ướt vì nước từ miếng bọt biển chảy xuống và vì... những giọt nước mắt.

Những giọt nước mắt cuối cùng của John Coffey.

11

Với tôi mọi việc đều ổn cho đến khi tôi về tới nhà. Lúc đó, bình minh đang lên, những con chim hót ríu rít. Tôi đồ

chiếc xe cũ kỹ của mình ngoài sân rồi bước lên bậc thềm. Tôi thở ra một hơi dài như vừa hoàn thành một công việc vô cùng khó khăn. Tôi nhớ lại John Coffey đã sợ bóng tối như thế nào và vào ngày anh ta được đưa đến trại tử tù, anh ta đã van xin chúng tôi hãy để đèn sáng trong khi ngủ. Hai chân tôi run rẩy. Tôi ngồi xuống bậc thềm, úp mặt vào đầu gối và bật khóc. Tôi tin rằng tôi không chỉ khóc cho John mà là khóc cho tất cả chúng ta.

Janice bước ra cửa và ngồi xuống cạnh tôi. Cô ấy choàng tay qua vai tôi.

– Anh không làm anh ta đau đớn hơn sự cần thiết, đúng không?

Tôi gật đầu.

– Và anh ta muốn chết?

Tôi lại gật đầu.

– Hãy vào nhà, – Janice nói và đỡ tôi đứng dậy. Tôi nhớ lại John Coffey cũng đã đỡ tôi đứng lên sau khi chúng tôi đã cầu nguyện xong. – Chúng ta vào nhà uống cà phê nhé.

Tôi làm theo lời cô ấy. Buổi sáng đầu tiên trôi qua, buổi trưa đầu tiên cũng trôi qua rồi đến ca trực đêm đầu tiên. Thời gian trôi qua và bóng tối lại đến. Đôi khi chúng tôi tìm thấy người khác trong bóng đêm và đôi khi chúng ta lại đánh mất họ. Đó là tất cả những gì tôi biết, những gì xảy ra trong năm 1932 ở nhà tù Cold Mountain của tiểu bang. Dĩ nhiên là chiếc ghế điện cũng ở đó.

12

Khoảng hai giờ kém mười lăm trưa hôm ấy, bà bạn Elaine Connelly của tôi bước vào phòng sưởi ấm, nơi tôi đang ngồi và viết những trang cuối cùng câu chuyện của tôi. Gương mặt của bà ấy nhợt nhạt, đôi mắt long lanh, tôi nghĩ rằng bà ấy đã khóc.

Tôi nhìn ra cửa sổ, nhìn những ngọn đồi ở hướng Đông và lắng nghe tiếng mạch đập nhẹ nhàng ở cổ tay phải. Tôi cảm thấy mình như một cái vỏ trống rỗng. Một cảm giác vừa kinh khủng, vừa tuyệt diệu.

Thật khó khăn khi nhìn vào mắt Elaine. Tôi sợ nhìn thấy trong đó sự căm ghét và khinh bỉ nhưng không có. Đôi mắt buồn bã pha lẫn chút ngạc nhiên. Không có sự căm ghét, không có sự khinh bỉ, không có sự nghi ngờ.

Tôi hỏi:

– Bà có muốn đọc phần cuối của câu chuyện không? – Tôi vỗ bàn tay đang đau nhức lên những trang giấy đã viết xong. – Tôi đã viết xong rồi nhưng tôi có thể hiểu nếu như bà không muốn đọc tiếp...

– Vấn đề không phải là tôi muốn hay là không. – Elaine nói. – Tôi phải biết kết thúc như thế nào mặc dù tôi đoán rằng ông đã tử hình ông ta. Nhưng trước khi tôi đọc những trang này... tôi muốn biết...

Bà ấy im bật như không biết nói như thế nào. Tôi chờ đợi. Đôi khi ta không biết phải giúp đỡ người khác như thế nào. Tốt hơn là đừng thử làm việc đó.

– Paul, ông đã viết năm 1932 ông có hai đứa con đã trưởng thành. Nếu ông không cưới bà Janice lúc ông mười hai tuổi và bà ấy mười một tuổi thì điều đó không thể được...

Tôi khẽ cười:

– Chúng tôi kết hôn khi còn rất trẻ, ở miền quê thường là như thế. Ngay cả mẹ tôi, cũng có chồng khi còn rất trẻ, nhưng không trẻ đến nỗi như bà nghĩ.

– Thế thì bây giờ ông bao nhiêu tuổi? Tôi đã ngỡ rằng ông khoảng chừng tám mươi tuổi, bằng tuổi tôi hoặc trẻ hơn chút ít, nhưng theo những gì tôi đọc trong này...

– Khi John Coffey đến *Dặm xanh*, tôi được bốn mươi tuổi. – Tôi nói. – Tôi sinh năm 1892. Và bây giờ, nếu tôi không nhầm thì tôi được một trăm lẻ bốn tuổi.

Elaine kinh ngạc nhìn tôi.

Tôi cầm những trang giấy đưa cho bà ấy và nhớ lại lúc John Coffey chạm vào người tôi khi tôi ngồi trong xà lim của anh ta. Ông sẽ không nổ tung, anh ta đã nói và thậm chí hơi mỉm cười vì ý nghĩ ấy, nhưng tôi thì không. Mặc dù vậy vẫn có một điều gì đó đã xảy ra với tôi. Một điều gì đó bền vững.

– Bà hãy đọc phần còn lại, – tôi nói. – Câu trả lời nằm ở trong ấy.

– Thôi được, – Elaine nói gần như thầm thì. – Tôi hơi sợ một chút, tôi không phủ nhận điều đó, nhưng... sẽ ổn thôi. Ông định đi đâu không?

Tôi đứng dậy, vươn vai và nghe xương sống kêu răng rắc. Tôi chỉ biết chắc chắn một điều là tôi không thể chịu đựng được phòng sưởi ấm này nữa.

– Tôi sẽ đi đến sân bóng bên kia đường. Tôi muốn chỉ

cho bà xem một vật và nó ở hướng đó.

– Nó có... đẹp không? – Trong đôi mắt sợ hãi của bà ấy, tôi nhìn thấy một cô gái nhỏ rụt rè.

Tôi mỉm cười:

– Không, không đẹp lắm đâu.

– Thôi được. – Bà ấy nói và vẩy vẩy những trang giấy.
– Tôi sẽ đọc trong phòng của tôi rồi sau đó chúng ta sẽ gặp nhau ở sân bóng. – Bà ấy lật lật những trang giấy để ước lượng số trang. – Vào lúc bốn giờ nhé?

– Được, – tôi nói và nghĩ đến gã Brad Dolan tò mò. Đến lúc đó có lẽ hắn đã về rồi. Elaine bóp nhẹ cánh tay tôi rồi ra khỏi phòng. Tôi đứng yên một lúc, nhìn mặt bàn và ngạc nhiên nhận thấy không còn gì trên đó ngoại trừ cái khay Elaine dùng để mang bữa ăn sáng đến cho tôi. Những trang giấy tôi viết đã biến mất. Tôi không thể nào tin được rằng tôi đã viết xong câu chuyện và Elaine đã cầm những trang cuối. Tuy vậy, trong thâm tâm tôi biết tôi vẫn chưa xong.

Alabama.

Tôi cầm những miếng bánh mì đã nguội còn nằm trên khay, đi xuống dưới lầu rồi băng qua đường. Ở đó, tôi ngồi dưới ánh nắng, quan sát đám thanh niên đang chơi đùa và sưởi ấm bộ xương già nua của mình. Khoảng hai giờ bốn mươi lăm phút là bắt đầu ca làm việc mới kéo dài từ ba giờ chiều cho đến mười một giờ đêm và những chiếc xe hơi lần lượt chạy vào. Lúc ba giờ chiều, những người làm việc từ bảy giờ sáng đến ba giờ chiều sẽ ra về. Phần đông đi thành từng nhóm xuống bãi đỗ xe, nhưng Brad Dolan đi một mình. Tôi nhận thấy thế giới này không đến nỗi quá tồi tệ. Một cuốn truyện cười thò ra khỏi túi quần sau của hắn. Con đường dẫn đến bãi đỗ xe chạy dọc theo sân bóng và hắn đã nhìn thấy tôi ngồi đó, nhưng hắn không vẫy tay với tôi và cũng không

sa sầm mặt nhìn tôi. Điều đó khiến tôi cảm thấy hài lòng. Hấn bước vào chiếc xe Chevrolet cũ kỹ và phóng đi, để lại một luồng khói mỏng.

Khoảng bốn giờ chiều, như đã hẹn, Elaine đến gặp tôi. Tôi nhìn thấy bà ấy đã khóc. Tôi choàng tay qua vai bà. Elaine thì thầm:

– Tôi nghiệp John Coffey! Và tôi nghiệp Paul Edgecombe!

Tôi như nghe tiếng Janice nói: “Tôi nghiệp cho anh!”

Elaine lại khóc. Tôi ôm chặt bà ấy và bóng của chúng tôi đổ dài cạnh nhau. Cuối cùng Elaine cũng trấn tĩnh lại được. Bà ấy tìm thấy một chiếc khăn giấy ở trong túi và lấy nó ra lau mắt.

– Paul, điều gì đã xảy ra với bà vợ ông giám đốc? Điều gì đã xảy ra với Melly?

– Các bác sĩ ở bệnh viện Indianola cho rằng bà ấy là một kỳ quan của thời kỳ ấy.

Tôi nói và nắm cánh tay Elaine. Chúng tôi đi chậm chậm theo con đường mòn dẫn vào trong rừng.

– Bà ấy chết vì một cơn đau tim chứ không phải vì một khối u não mười hoặc mười một năm sau. Hình như năm 1943. Hal chết vì một cơn đột quỵ vào khoảng thời gian xảy ra trận Trân Châu Cảng, có thể là ngay ngày hôm đó. Melly đã sống lâu hơn Hal hai năm. Thật là kỳ quặc, phải không?

– Còn Janice?

– Hôm nay tôi chưa sẵn sàng để nói về cô ấy. – Tôi nói.

– Một lần khác tôi sẽ kể cho bà nghe.

– Ông hứa chứ?

– Vâng, tôi hứa.

Nhưng đó là lời hứa tôi không bao giờ thực hiện được. Ba tuần lễ sau buổi chiều chúng tôi cùng đi dạo trong rừng (lẽ

ra tôi đã nắm tay bà ấy nếu như không sợ làm những ngón tay đang sưng lên vì chứng thấp khớp của bà ấy bị đau), Elaine Connelly chết lặng lẽ trên giường. Giống như Melinda Moores, bà ấy chết vì một cơn đau tim. Người hộ lý phát hiện bà ấy đã qua đời cho biết rằng trông bà ấy bình thường. Hình như cái chết đến đột ngột và không gây nhiều đau đớn. Tôi hy vọng rằng anh ta nói đúng. Tôi rất yêu quý Elaine. Tôi vẫn nhớ đến bà ấy, bà ấy và Janice và Brutal và đơn giản là tất cả...

Chúng tôi đến túp lều thứ hai trên con đường mòn. Nó đứng chờ vợ ở đó. Tôi bước đến mở cửa. Elaine dừng lại một lúc và tôi nhìn thấy là bà ấy đang sợ.

– Không có chuyện gì đâu, mọi việc đều ổn cả. Thật đấy, hãy vào đây!

Cửa không có khóa. Tôi đã dùng một miếng các tông để nhét giữa cánh cửa và khung cửa. Tôi rút miếng các tông và bước vào túp lều. Tôi để cánh cửa mở rộng bởi vì bên trong đã tối.

– Paul, cái gì thế? ... Ồ, ồ! – Elaine kêu lên. Bên trong túp lều có một cái bàn, trên đó là một cái đèn pin và một túi giấy màu nâu. Dưới nền nhà bần thủ có một cái hộp đựng xì gà. Tôi đã xin cái hộp ấy từ người đàn ông cung cấp thức uống và kẹo trong các máy bán hàng tự động của trại dưỡng lão. Tôi hỏi xin một cái hộp đựng xì gà và bởi vì hãng của ông ta cũng sản xuất thuốc lá nên chuyện ấy rất dễ dàng. Tôi đã đề nghị trả tiền cho ông ấy – khi tôi còn làm việc ở Cold Mountain, hộp đựng xì gà rất được ưa chuộng và được đặt hàng rất nhiều, như tôi đã có lần kể cho quý vị nghe – nhưng ông ta chỉ cười.

Một đôi mắt màu đen linh lợi, long lanh đang nhìn qua thành hộp xì gà.

– Mr. Jingles, – tôi nói khẽ. – Đến đây! Đến đây nào, anh bạn, và hãy chào quý bà.

Tôi ngồi xổm, điều này làm tôi đau nhưng tôi vẫn ngồi được và chìa tay ra. Lúc đầu tôi nghĩ là lần này Mr. Jingles sẽ không đủ sức leo ra khỏi chiếc hộp, nhưng nó thực hiện được điều đó với cú nhảy cuối cùng. Nó ngã lăn ra rồi ngồi dậy bò đến gần tôi. Một chân sau của nó hơi khập khiễng. Vết thương do Percy gây ra cho nó đã tái phát khi nó già yếu. Ngoại trừ một đốm đen trên đầu và ở chót đuôi, bộ lông nó đã hoàn toàn biến thành màu xám.

Con chuột bò lên lòng bàn tay của tôi. Tôi đưa tay lên và nó hít hít hơi thở của tôi, đôi mắt màu đen của nó rất lạnh lợi. Tôi đưa bàn tay cho Elaine. Bà ấy há hốc mồm nhìn con chuột, đôi mắt mở to:

– Không thể thế được, – Elaine nói và ngẩng nhìn tôi.
– Ô, Paul, điều đó... không thể có...

Tôi nói:

– Hãy xem đây rồi hãy lặp lại câu nói đó.

Tôi lấy một cái trục gỗ từ trong chiếc túi đặt trên bàn ra. Tự tay tôi đã sơn màu nó bằng những cây bút dạ quang, một phát minh mà năm 1932 người ta chưa mơ thấy. Dù sao trông nó vẫn giống như cũ, giống như Del đã từng sơn một cái trục như thế. *Messieurs et Mesdames. Bienvenu au cirque du mousie!*

Tôi lại ngồi xuống và Mr. Jingles bò khỏi bàn tay tôi. Nó đã già nhưng vẫn háng hái như lúc nào. Từ lúc tôi lấy cái trục ra khỏi túi, ánh mắt nó không rời khỏi vật đó. Tôi lăn cái trục chỉ trên nền đất không bằng phẳng và Mr. Jingles vội vã bò theo. Nó không thể chạy nhanh như lúc trước và cái chân khập khiễng khiến nó đau, nhưng tại sao nó lại phải nhanh nhẹn? Như tôi nói, nó đã già rồi. Đối với một con

chuột như thế là rất già, ít nhất là sáu mươi bốn tuổi.

Mr. Jingles bò đến cái trục chỉ khi cái trục chỉ dội vào tường và lăn trở lại. Nó quay cái trục chỉ và ngã lăn ra. Elaine định tiến đến gần nó nhưng tôi giữ bà ấy lại. Một lúc sau, con chuột đứng dậy được. Nó dùng mũi chạm chạm lần cái trục chỉ về hướng tôi, rất chậm. Khi nó tìm đến tôi, tôi đã nhìn thấy nó ở bậc thềm dẫn đến nhà bếp trong tình trạng thảm hại. Hình như nó đã vượt qua một chặng đường rất dài. Lúc đó nó còn đủ sức dùng bàn chân để lái cái trục chỉ nhưng bây giờ nó không làm được như thế nữa. Thay vào đó, nó dùng mũi. Nó chạy từ đầu này sang đầu kia của cái trục chỉ để lái cái trục chỉ đi theo hướng nó muốn. Khi con chuột đến gần tôi, tôi đặt nó trên một bàn tay và cầm cái trục chỉ ở bàn tay bên kia. Đôi mắt màu đen long lanh của nó vẫn dán chặt vào cái trục chỉ.

– Paul, đừng bắt nó làm lại lần nữa. – Elaine nói với giọng dứt quãng. – Tôi không thể chịu được cảnh đó.

Tôi hiểu những gì bà ấy cảm thấy nhưng tôi cho rằng bà ấy không đúng. Mr. Jingles thích chạy theo cái trục và lăn nó trở về. Sau bao nhiêu năm nó vẫn còn thích trò chơi đó.

– Ở trong túi còn có kẹo bạc hà. – Tôi nói. – Kẹo bạc hà Canada. Tôi nghĩ rằng nó vẫn thích kẹo bởi vì nó luôn đưa mũi ngửi mỗi khi tôi chìa một viên kẹo ra, nhưng vì sự tiêu hóa của nó không còn tốt nên nó không ăn, thay vào đó tôi cho nó ăn bánh mì.

Tôi lại ngồi xuống và bẻ một miếng bánh mì nhỏ đặt xuống đất. Mr. Jingles ngửi miếng bánh rồi dùng hai bàn chân trước cầm miếng bánh đưa lên miệng. Cái đuôi của nó vẫn duyên dáng vắt qua bàn chân. Nó nhắm nháp hết miếng bánh rồi ngẩng đầu lên nhìn với vẻ hy vọng.

– Đôi khi những người già cả cũng có thể cảm thấy

ngon miệng, – tôi nói và đưa cho Elaine một miếng bánh. – Bà hãy thử xem.

Elaine bẻ một miếng bánh nhỏ rồi thả xuống đất. Mr. Jingles chậm chạp bò tới, đưa mũi người, ngẩng lên nhìn Elaine... rồi cầm miếng bánh lên, ăn tiếp.

– Bà biết không, nó biết rằng bà không phải là một người lạ.

– Paul, do đâu nó biết?

– Không thể hiểu được. Một ngày nọ, khi tôi bước ra để đi dạo vào buổi sáng, tôi nhìn thấy nó nằm dưới bậc thềm nhà bếp. Tôi biết ngay nó là ai nhưng để cẩn thận hơn tôi đi lấy một cái trục chỉ, một cái hộp đựng xì gà và lót nó bằng những miếng bông gòn mà tôi tìm được. Trong những ngày đói khát, nó vẫn không quên những người trong trại tử tù. Đã sáu mươi năm qua, tôi giữ kín câu chuyện về John Coffey và bây giờ tôi mới viết ra. Tôi đoán là nó đến để nhắc nhở rằng tôi không còn nhiều thời gian nữa, bởi vì tôi cũng như nó sẽ đến nơi ấy.

– Đến đâu?

– Ồ, điều đó thì bà biết rồi.

Tôi nói và lặng lẽ quan sát Mr. Jingles một lúc lâu và vô tình ném cái trục chỉ ra. Mr. Jingles vội vã bò theo cái trục.

– Thành-phố-chuột. – Elaine thì thảo và nhìn theo con chuột.

– Gánh xiếc ở thành-phố-chuột, – tôi mỉm cười đồng tình, – một *dime* cho người lớn, trẻ em được miễn phí.

– John Coffey đã chạm vào con chuột cũng như đã chạm vào ông. Ông ấy không chỉ khiến ông lạnh bệnh mà còn làm cho ông... tăng sức đề kháng.

– Tôi thấy hình như đó là một nhận định khá đúng.

– Ông ấy đã làm cho ông tăng sức đề kháng chống lại

những tác động có thể quật ngã những người bình thường như chúng tôi, ông và con chuột. Khi ông ấy đặt con chuột nằm trong hai bàn tay úp lại, ông ấy đã truyền sức mạnh cho nó.

– Đúng vậy. Không hiểu John đã truyền năng lượng như thế nào, nhưng dù sao đến thời điểm này nó cũng sắp hết rồi. Nó chỉ có thể kéo dài cuộc sống hơn mức bình thường. Có thể tôi còn một vài năm nữa bởi vì con người thường sống lâu hơn loài chuột. Thời gian của Mr. Jingles đã cạn.

Con chuột bò đến cái trục, lăn nó trở lại rồi ngã rã, thở khó nhọc (chúng tôi có thể nhìn thấy bụng của nó phập phồng dưới lớp lông màu xám), sau đó nó gượng dậy và chậm chạp đẩy cái trục chỉ bằng mũi.

– Ông nghĩ rằng nó muốn ông viết câu chuyện ấy ra à? Đúng thế không, Paul?

– Không phải Mr. Jingles, – tôi đáp. – Không phải nó mà là nguồn sức mạnh...

– Hê, Paulie. Và cả Elaine Connelly! – Một giọng nói xác xược vang lên từ ngoài cửa. – Tôi đã bắt quả tang các người rồi! Các người làm gì ở đây?

Tôi quay người lại, không ngạc nhiên lắm khi nhìn thấy Brad Dolan đang đứng ở bậc cửa. Hắn cười khoái trá như vừa đánh lừa ai đó một cách hoàn hảo. Hắn đã lái xe bao xa sau khi tan ca? Có thể là chỉ đến quán rượu ở ngã tư, nơi hắn dừng lại để uống một hoặc hai chai bia trước khi quay trở lại.

Elaine lạnh lùng nói:

– Cút đi! Mà hãy cút khỏi chỗ này!

– Bà không được quyền ra lệnh cho tôi, mụ phù thủy già kia. – Hắn đáp vẫn với vẻ xác xược. – Có thể trước đây khi bà còn trẻ thì được nhưng bây giờ điều đó đã qua rồi. Bà không được phép đến chỗ này. Một chỗ để hẹn hò, Paulie?

Một túp lều để yêu cho những ông bà già ... – Đôi mắt hần mở to khi nhìn thấy cư dân của túp lều ấy. – Cái gì thế này? Không thể tin được!

Tôi không nhìn xuống. Thứ nhất là vì tôi biết đó là cái gì, thứ hai là đột nhiên quá khứ lại hiện lên, lẩn át hiện tại. Đó không phải là Brad Dolan mà là Percy Wetmore đang đứng ở bậc cửa. Trong phút chốc hần sẽ xông vào và giẫm nát Mr. Jingles (con chuột không còn hy vọng gì chạy thoát bởi vì nó rất yếu). Và lần này không còn John Coffey để cứu nó sống lại cũng như không có John Coffey khi tôi cần đến anh ta trong một ngày mưa gió ở Alabama.

Tôi đứng thẳng người lên và không còn cảm thấy đau nhức ở khớp xương nữa. Tôi xông vào Dolan:

– Hãy để cho nó yên! – Tôi hét lên. – Percy, hãy để cho nó yên! Nếu không, tao sẽ...

– Lão gọi ai là Percy? – Brad hỏi và đẩy tôi mạnh đến nỗi tôi suýt bật ngửa. Elaine đỡ lấy tôi và có lẽ bà ấy cảm thấy rất đau đớn. – Đây không phải là lần đầu lão gọi tao như thế. Tao không định động chạm đến nó đâu. Điều ấy không cần thiết. Đó chỉ là một con chuột chết.

Tôi giật mình quay lại, cho rằng Mr. Jingles chỉ nằm nghiêng để lấy sức, như nó vẫn thường làm. Nó đang nằm nghiêng nhưng lông của nó không còn cử động nữa. Tôi thậm nghĩ có thể rằng nó chỉ thở yếu ớt thôi, nhưng có tiếng Elaine bật khóc. Bà ấy khó nhọc cúi xuống và cầm con chuột lên, con chuột mà tôi đã nhìn thấy lần đầu trên *Dặm Xanh* và có vẻ rất can đảm khi tiến đến gần chúng tôi. Bây giờ Mr. Jingles nằm bất động trên lòng bàn tay của Elaine. Đôi mắt của nó nhắm lại. Nó đã chết.

Dolan cười gằn và nhe hàm răng ra, chế nhạo:

– Ô, xin chia buồn! Chúng ta đã mất một thành viên

trong gia đình rồi, phải không? Chúng ta có cần tổ chức một buổi lễ an táng với những vòng hoa bằng giấy...

– Cảm ơn! – Elaine quát hấn với vẻ mạnh mẽ đến nỗi hấn bước lùi lại và nụ cười trên môi biến mất. – Mà hãy rút khỏi đây! Rút khỏi đây ngay, nếu không tao thề rằng mày sẽ không còn được làm việc ở đây thêm một giờ nào nữa!

– Và mày sẽ không nhận được một miếng bánh mì nào khi xếp hàng đâu. – Tôi nói khể đến nỗi không ai nghe thấy. Tôi không thể nào rời mắt khỏi Mr. Jingles đang nằm bất động trên bàn tay của Elaine.

Brad định phản ứng lại và hấn có lý. Đây là khu vực những trại viên của Georgia Pines không được lui tới, nhưng sau cùng hấn bỏ cuộc. Bản chất của hấn là một kẻ hèn nhất cũng như Percy. Có thể hấn đã kiểm tra lại lời khẳng định của Elaine rằng cháu của bà ấy là một người có thể lực. Dù sao thì sự tò mò của hấn cũng được thỏa mãn. Sau bao nhiêu phỏng đoán, rình mò, điều bí mật được phơi bày không lấy gì làm thú vị. Chỉ có một con chuột nhỏ của một lão già và bây giờ thì nó đã chết rồi.

– Tôi không hiểu các cụ già tìm gì ở chỗ này, – hấn nói.
– Các người làm như đó là một con chó không bằng.

– Rút đi! – Elaine nghiêng răng nói. – Mày bốc mùi rồi đó!

Gương mặt của hấn đỏ bừng:

– Tôi đi đây. Paulie, nếu ngày mai mà ông còn quay trở lại đây ông sẽ nhìn thấy một ổ khóa mới. Những người ở trại dưỡng lão không được phép đến đây. Các tấm ván này đã bị mục và nếu như ông ngã thì xương ông sẽ gãy như một khúc gỗ. Hãy cầm con chuột chết của ông lên và biến đi. Túp lều hện hò đã bị đóng cửa.

Hấn bỏ đi, đầu ngẩng cao như một kẻ thắng trận. Tôi

chờ cho tới khi hấn khuất dạng rồi cầm Mr. Jingles đang nằm trên lòng bàn tay của Elaine. Ánh mắt của tôi tình cờ lướt qua túi giấy đựng kẹo bạc hà và tôi ứa nước mắt. Tôi không biết tại sao nhưng những ngày này tôi rất dễ khóc.

– Bà có muốn giúp đỡ tôi chôn cất một người bạn cũ hay không? – Tôi hỏi Elaine khi tiếng chân của Dolan mỗi lúc một xa dần.

– Vâng, Paul ạ. – Elaine choàng tay qua eo tôi và tựa đầu vào vai tôi. Bà ấy đưa ngón tay già cả khẳng khiu vuốt lông con chuột. – Tôi rất vui lòng làm điều đó.

Chúng tôi mượn một cái xẻng trong túp lều để dụng cụ làm vườn và chôn xác con chuột yêu quý của Delacroix, sau đó chúng tôi quay trở về trại dưỡng lão. Tôi nhớ đến ánh mắt cầu khẩn của Del khi ông ta bảo tôi đừng để cho những kẻ độc ác làm hại con chuột. Nhưng làm sao tôi có thể ngăn mọi sự độc ác trên thế giới này?

– Paul? – Elaine hỏi. Giọng của bà ấy vui vẻ nhưng mệt nhọc. Ngay cả việc chôn một con chuột đối với những người già cả như chúng tôi cũng đã nặng nhọc. – Mọi việc ổn chứ?

Tôi choàng tay ôm vai bà ấy và siết mạnh:

– Tôi khỏe.

– Ông hãy xem. Đây là một buổi chiều rất đẹp. Chúng ta ở lại bên ngoài và ngắm cảnh hoàng hôn chứ?

– Được rồi. – Tôi đáp. Chúng tôi ngồi trên bãi cỏ, tay trong tay và quan sát mặt trời từ từ xuống thấp.

Sainte Marie, Mère de Dieu, priez pour nous, pauvres pécheurs, maintenant et à l'heure de notre mort.⁽¹⁾

Amen.

(1) Thánh Maria! Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng con, là kẻ có tội, lúc này và trong giờ lâm tử. A men. (Trích Kinh Kính Mừng)

13

1956. Alabama trong cơn mưa.

Đứa cháu ngoại thứ ba của chúng tôi, một cô gái xinh đẹp tên là Tessa sắp tốt nghiệp đại học ở Florida và chúng tôi đi xe buýt đến đó. Lúc ấy tôi sáu mươi bốn tuổi và vẫn rất mạnh khỏe còn Jan, tuy đã ở tuổi lục tuần, vẫn xinh đẹp như dạo nào, ít ra là đối với tôi. Chúng tôi ngồi trên hàng ghế phía sau của chiếc xe buýt và Jan cần nhàn tôi suốt cả chuyến đi bởi vì tôi không chịu mua chiếc máy ảnh mới để bà ấy có thể sử dụng trong dịp trọng đại này. Tôi nói rằng khi đến nơi chúng tôi còn cả một ngày để đi mua sắm và bà ấy có thể mua chiếc máy ảnh mới bởi vì chúng tôi có đủ tiền. Tôi nghĩ rằng bà ấy chỉ cầu nhàu như thế vì cảm thấy buồn chán và không thích cuốn sách mà bà đem theo. Rồi sau đó mọi việc xảy đến như trong một đoạn phim nhạt nhòa trong ký ức của tôi.

Quý vị còn nhớ tới tai nạn bi thảm đó không? Tôi nghĩ rằng một vài người sẽ quên đi vì chỉ thoáng đọc qua nhưng nhiều người sẽ còn nhớ. Tin tức về tai nạn chiếm cả trang đầu trên tờ báo. Chúng tôi đi đến Birmingham. Trời mưa như trút nước. Trong khi Janice đang phàn nàn thì một bánh xe bị nổ. Chiếc xe trượt trên mặt đường và quay ngang đâm sầm vào một

chiếc xe tải đang chở phân bón. Chiếc xe tải đẩy chiếc xe buýt đâm vào thành cầu với tốc độ sáu mươi dặm một giờ và xé chiếc xe buýt làm hai mảnh. Hai phần của chiếc xe buýt văng ra hai nơi, phần đầu bốc cháy rồi nổ như quả cầu bằng lửa. Vừa mới nghe Janice phàn nàn về chiếc máy ảnh thì trong phút chốc tôi bị văng qua bên kia cầu, nằm trên mặt đường, mắt nhìn thấy một chiếc quần lót trong va li của ai đó trên cành cây. Trên đó có thêu hàng chữ màu đen “Thứ tư”. Khắp nơi, những va li bật nắp văng tung tóe và la liệt xác chết, những phần cơ thể người đứt rời. Xe đang chở bảy mươi ba người và chỉ có bốn người sống sót. Tôi là người duy nhất không bị thương tích trầm trọng trong số bốn người đó.

Tôi cố gượng dậy, đi lảo đảo giữa những chiếc va li và xác người la liệt, miệng gọi tên vợ không ngớt. Tôi đập lên một cái đồng hồ và nhìn thấy một bé trai khoảng chừng mười ba tuổi mất một bên mắt đang nằm giữa đồng kính vỡ nát. Tôi cảm thấy mưa tuôn trên mặt mình và khi đi xuống mặt cầu, mưa ngừng rơi trên mặt tôi. Tôi đi sang bên kia cầu và mưa lại quất tiếp vào mặt. Tôi nhìn thấy Janice nằm cạnh buồng lái của chiếc xe tải chở phân bón. Tôi nhận ra ngay vì chiếc váy đỏ bà ấy đang mặc. Đó là chiếc váy đẹp thứ nhì của bà ấy. Dĩ nhiên là bà ấy đã để dành chiếc váy đẹp nhất cho buổi lễ tốt nghiệp của cháu. Bà ấy chưa chết. Sau này tôi nghĩ giá như bà ấy chết ngay thì tốt hơn, không phải cho tôi mà là cho bà ấy. Bà ấy run rẩy, một chiếc giày đã văng khỏi bàn chân và tôi nhìn thấy bàn chân đang co giật. Đôi mắt Janice mở to nhưng vô hồn, con mắt trái đầy máu. Khi tôi quỳ xuống bên vợ trong cơn mưa tầm tã, tôi chợt nghĩ rằng bà ấy đã bị điện giật khi đang ngồi trên ghế điện và tôi phải lập tức ngắt dòng điện, nếu không sẽ quá muộn.

– Cứu tôi! – Tôi hét lên. – Hãy cứu tôi!

Không có ai đến cứu chúng tôi. Mưa vẫn rơi và tôi bỗng Janice trên tay. Không có ai đến. Đôi mắt vô hồn của Janice nhìn tôi, máu từ phía sau đầu của bà ấy nhỏ xuống mặt đường.

Bên cạnh một bàn tay bị cắt đứt còn đang co giật là một mảnh thép mạ crôm khắc chữ “GREY” trên đó. Cạnh đó chỉ còn lại một phần tư xác một người đàn ông trông bộ comple màu nâu.

– Cứu tôi!

Tôi lại hét lên và quay mặt nhìn cây cầu. Tôi nhìn thấy John Coffey đang hiện ra, chỉ là một cái bóng, bóng người đàn ông cao lớn với hai cánh tay buông thõng và cái đầu trọc.

– John! – Tôi kêu lên, cầu khẩn – Ôi, John, xin hãy giúp tôi! Hãy cứu Janice!

Mưa rơi trên mặt tôi. Tôi nhìn về nơi bóng John Coffey hiện ra nhưng nó đã biến mất. Đó không chỉ là một cái bóng, tôi tin chắc như thế. Anh ta có ở đó. Có thể đó chỉ là linh hồn và nước mưa trộn lẫn với dòng nước mắt chảy vô tận trên gương mặt của anh ta.

Janice chết trên tay tôi trong cơn mưa, bên cạnh chiếc xe tải chở phân bón và mùi dầu diesel bốc cháy nồng nặc. Bà ấy tỉnh lại trong thoáng chút, ánh mắt trở nên trong trẻo và môi mấp máy nói điều gì đó, hình như là lời yêu thương cuối cùng dành cho tôi. Tôi cảm thấy cơ thể bà ấy căng cứng, rồi bà ấy chết. Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm tôi nghĩ đến Melinda Moores. Melinda đang ngồi trên giường và các bác sĩ ở bệnh viện Indianola tin rằng bà ấy không thể sống được. Melinda Moores đang nhìn John Coffey với đôi mắt long

lạnh, ngạc nhiên. Melinda đã nói: *Tôi mơ thấy anh đi trong bóng đêm và tôi cũng thế. Chúng ta đã gặp nhau.*

Tôi đặt đầu của vợ xuống mặt đường ướt đầm rồi đứng lên, thét gọi tên John Coffey:

– John! John Coffey! Anh đâu rồi, anh bạn to lớn?

Tôi đi về hướng cái bóng và giẫm lên một con gấu nhồi bông đầm máu, rồi một cái kính chỉ còn có một tròng, rồi một bàn tay với những ngón tay sơn màu hồng.

– Anh đã cứu vợ của Hal, tại sao lại không cứu vợ tôi? Tại sao không cứu Janice?

Không có câu trả lời. Chỉ có mùi dầu diesel bốc cháy và những xác chết nằm lẫn lóc. Mưa vẫn rơi tầm tã trên mặt đường trong khi vợ tôi nằm chết sau lưng tôi. Nhưng vào năm 1932, John Coffey không chỉ cứu Melly và con chuột của Del mà hình như chính anh ta đã gửi con chuột đến để an ủi Del trong những ngày cuối đời.

John Coffey đã cứu tôi ngay cả nhiều năm sau, khi tôi đứng ở Alabama trong cơn mưa, chung quanh là xác chết và hành lý văng tung tóe, miệng gọi tên anh ta. Trong giây phút ấy tôi nhận thức được một điều khủng khiếp: đôi khi không có sự khác nhau giữa cứu giúp và hành hạ.

Tôi cảm thấy một nguồn năng lực tuôn chảy vào người tôi khi chúng tôi ngồi trên tấm ván trong xà lim, vào cái ngày mười tám tháng mười một năm 1932. Dù đó là nguồn năng lực như thế nào thì nó cũng được truyền sang người tôi qua việc tiếp xúc của những ngón tay chúng tôi với nhau. Đó giống như điều mà tình yêu thương và niềm hy vọng mà chúng ta mong muốn đem lại cho người thân yêu của mình nhưng đôi khi chúng ta cảm thấy bất lực. Từ ngày hôm đó tôi không bao giờ

bị mắc những căn bệnh như viêm phổi, cúm, thậm chí viêm họng cũng không. Tôi không bao giờ mắc lại chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu nữa. Tôi có bị cảm lạnh nhưng rất hiếm hoi, khoảng sáu hoặc bảy năm một lần, nhưng không trầm trọng và không làm phiền nhiều như đối với người khác. Có một lần vào năm 1956 kinh khủng ấy, tôi bị sạn trong túi mật và người ta đã phải phẫu thuật để lấy nó ra. Tôi nghĩ tôi đã kể cho quý vị biết rồi. Nghe thì có vẻ kỳ lạ nhưng tôi vui mừng khi thấy cơ thể mình cũng mắc bệnh bình thường khi người ta lấy viên sỏi ra. Đây cũng là chứng bệnh nghiêm trọng duy nhất đến với tôi trong chừng ấy năm, kể từ khi tôi mắc chứng bệnh nhiễm trùng đường tiểu cách đó hai mươi bốn năm. Các căn bệnh thường tấn công bạn bè hoặc người quen cùng lứa tuổi với tôi như đột quỵ, ung thư, đau tim, đau gan, các chứng bệnh về máu v.v... đều tránh xa tôi giống như khi người ta lái một chiếc xe và đánh một vòng tránh một con hươu hay một con gấu tình cờ đứng trên đường. Trong tai nạn nghiêm trọng mà Janice đã chết, tôi chỉ bị một vết thương nhỏ ở bàn tay. John Coffey đã truyền cho tôi một nguồn năng lượng giống như người ta nạp điện cho một thiết bị. Dù sao tôi cũng sẽ phải chết, giống như Mr. Jingles cũng đã chết, nhưng cuộc sống của chúng tôi đã kéo dài hơn bình thường.

Thành thật mà nói, tôi đang mong chờ cái chết đến. Kể từ khi Elaine Connelly qua đời, tôi không còn muốn sống nữa. Tôi nhìn lại những trang sách này, lật nó bằng đôi bàn tay run rẩy của mình và tự hỏi liệu trong đó có chứa những điều khiến độc giả quan tâm. Tôi nhớ lại những bài giảng mà tôi nghe được trong nhà thờ khi còn thơ ấu: “Lạy Đức Chúa Trời, cha của chúng con, Ngài là đấng toàn năng”. Tôi nhớ rằng vị linh mục đã nói Chúa ở khắp mọi nơi, Ngài hằng dõi theo mỗi con chiên của mình trong từng hành động. Tôi nghĩ rằng

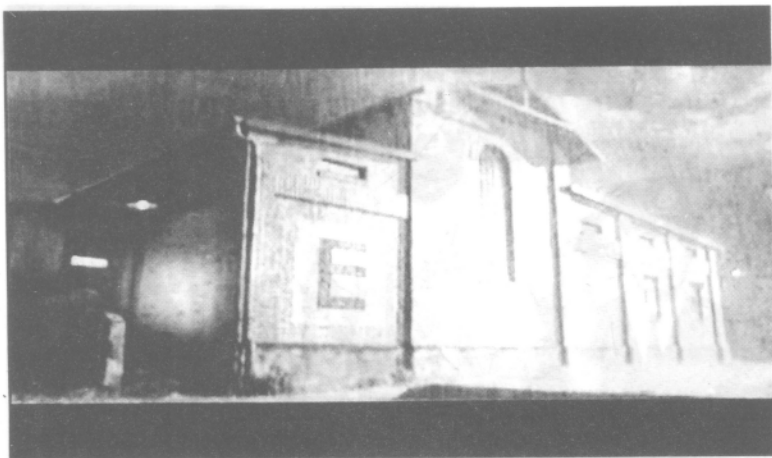
đúng như thế khi nhớ lại Mr. Jingles và những mảnh vụn gỗ mà chúng tôi tìm được trong một cái lỗ trên cây đà. Thế nhưng chính Chúa đã bỏ rơi John Coffey – người đã tìm mọi cách để làm điều tốt cho đồng loại – một cách tàn nhẫn, giống như Abraham đã hiến tế đứa con trai của mình khi Chúa yêu cầu. Tôi nhớ lại những lời John Coffey đã nói, rằng Wharton đã giết-chết hai cô bé sinh đôi nhà Detterick bằng tình yêu thương của chúng dành cho nhau, rằng điều đó xảy ra mỗi ngày, xảy ra khắp nơi trên trái đất này. Nếu quả đúng như thế, thì tôi cũng không hiểu tại sao Chúa lại làm ngơ.

Tôi nghĩ rằng Mr. Jingles đã chết trong lúc tôi quay lại nhìn một gã đàn ông độc ác, tò mò. Tôi nhớ đến Janice trong giây phút cuối cùng co giật trên tay tôi khi tôi quì xuống trong cơn mưa tầm tã. *Dừng lại*, tôi đã nói với John khi chúng tôi ngồi bên nhau trong xà lim, *hãy buông tay tôi ra, nếu không tôi sẽ chết ngạt hoặc nổ tung*.

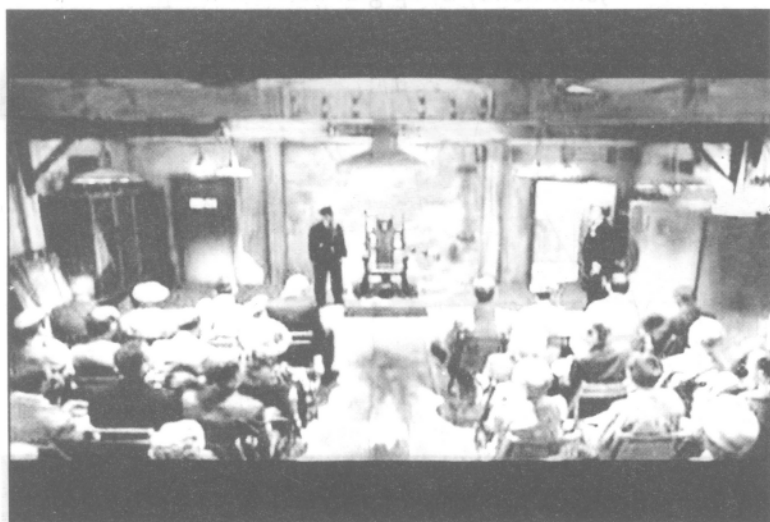
“Ông sẽ không nổ tung đâu”, anh ta đã nói như thế. Có lẽ anh ta đã đọc được ý nghĩ của tôi và thậm chí còn mỉm cười vì ý nghĩ ấy. Và điều kinh khủng là anh ta đã nói đúng. Tôi đã không nổ tung.

Ít ra tôi cũng mắc phải một căn bệnh của người già: chứng mất ngủ. Tôi nằm thao thức trên giường, lắng nghe từng tiếng động nhỏ chung quanh, nghe tiếng thở yếu ớt, tiếng ho sù sụ của những cụ già. Đôi khi có tiếng chuông reo và tiếng chân bước vội vã ngoài hành lang. Tôi nằm đây, nhìn ánh trăng lấp lánh sau khung cửa sổ. Tôi nằm đây và nghĩ đến Brutal, đến Dean và đôi khi, đến William Wharton. *Đúng vậy, thằng mọi đen ngu ngốc ạ. Độc ác như mày có thể tưởng tượng được*. Tôi nhớ đến Delacroix và dường như còn nghe lời gã nói: *“Sếp Edgcombe, tôi vừa dạy Mr. Jingles một trò mới.”* Tôi nhớ

đến Elaine, nhớ đến cảnh bà ấy đứng bên cửa phòng sưởi ấm và bảo Brad Dolan hãy để tôi yên. Đôi khi, tôi nhớ lại lúc tôi đứng bên cầu trong cơn mưa tầm tã, miệng kêu gào John Coffey hãy đến cứu giúp khi tôi nhìn thấy bóng anh ta. Đó không phải là ảo tưởng, anh bạn to lớn của tôi. Anh ta có thật và đứng đó, đôi mắt nhìn. Tôi nằm đây và chờ đợi. Tôi nhớ đến Janice, nhớ đến cảnh bà ấy chết trên tay tôi trong cơn mưa tầm tã và tôi chờ đợi. Tôi biết rằng mỗi người trong chúng ta đều phải chết, không có ngoại lệ, nhưng lạy Chúa, không hiểu sao đôi khi hành lang màu xanh lá -*DẶM XANH*- lại quá dài.



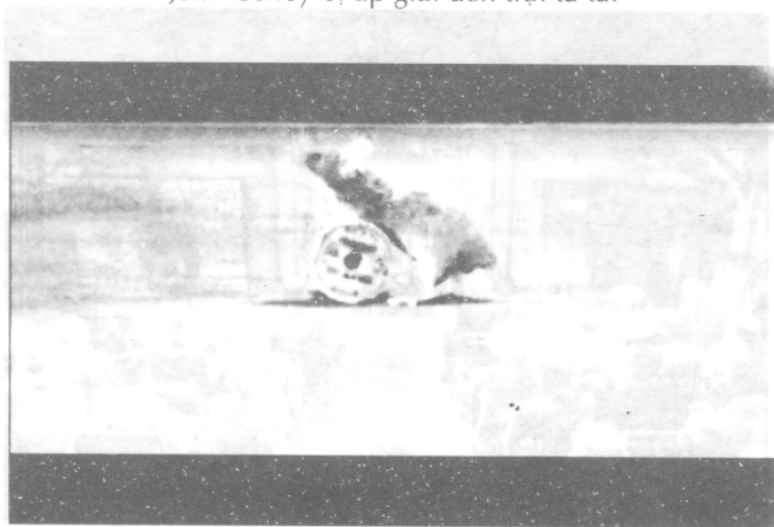
Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Trại E giam các tử tù trong nhà tù Cold Mountain



Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Một buổi thi hành án tử hình



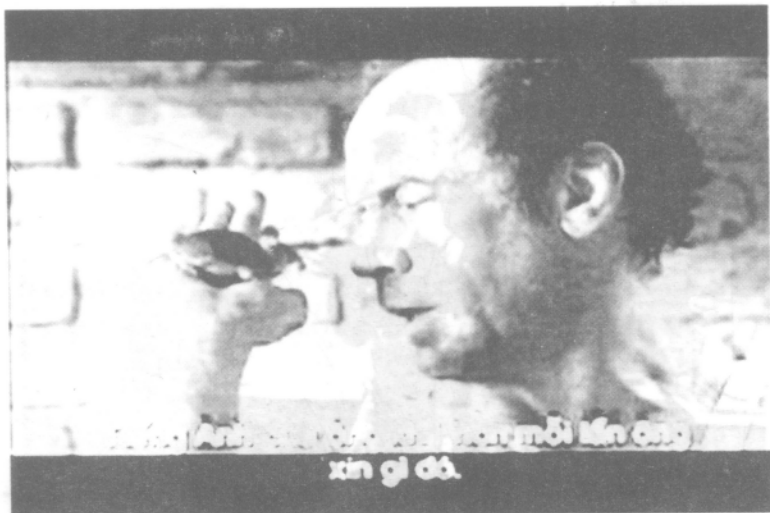
Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
John Coffey bị áp giải đến trại tử tù.



Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Con chuột của Delacroix đang lăn ống chỉ



Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Wharton "Billy the Kid" siết cổ Dean Stanton



Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Delacroix và con chuột, Mr. Jingles



Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Delacroix trong xà lim trước giờ thi hành án tử hình



Eduard Delacroix...

Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Percy Wetmore chỉ huy cuộc hành hình Eduard Delacroix.



**Ngày mai anh ta sẽ nộp đơn thuyền
chuyến đến Briar Ridge.**

Cảnh trong phim **"The Green Mile"**:
Các quản giáo ở dưới đường hầm sau buổi thi hành
án tử hình Delacroix.

DẶM XANH

THE GREEN MILE

Nguyễn Thu Hương dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:	LÊ HOÀNG
Biên tập:	QUỐC ÂN
Sửa bản in:	QUỐC ÂN - THU HƯƠNG
Vẽ bìa:	LÊ TÂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng – Quận 3 – TP. HCM

ĐT: 8444289 – 8446211 – 8465596

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xưởng In Chi Nhánh Nhà Xuất Giao Thông Vận Tải. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 15/115 do Cục Xuất Bản cấp ngày 04 tháng 1 năm 2001; giấy trích ngang kế hoạch xuất bản số 645 của Nhà Xuất Bản Trẻ cấp ngày 23/07/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 08 năm 2001.

DẠM XANH



Cảnh trong phim "The Green Mile": Tom Hanks trong vai Paul Edgecombe, Quản giáo trưởng trại tử tù

- Paul Edgecombe, một quản giáo trại tử tù, không tin vào phép mầu, cho đến khi ông ta gặp một người....
- Đây là một trong những tác phẩm gây tiếng vang lớn của Stephen King, nhà văn được mệnh danh là "Ông vua của truyện kinh dị" (King of horror).

Giá : 45.000đ